

BAN CHỈ HUY QUÂN SỰ HUYỆN PHÚ LƯƠNG

**HUYỆN PHÚ LƯƠNG
LỊCH SỬ KHÁNG CHIẾN CHỐNG XÂM LƯỢC
VÀ XÂY DỰNG – BẢO VỆ TỔ QUỐC
(1945 – 2000)**

NĂM 2007

HÀN CỬ HUY QUẢN SỰ HUYỆN PHÚ LƯƠNG

HUYỆN PHÚ LƯƠNG
LỊCH SỬ KHÁNG CHIẾN CHỐNG XÂM LƯỢC
VÀ XÂY DỰNG - BẢO VỆ TỔ QUỐC
(1945 - 2000)

NĂM 2001

LỊCH SỬ QUÂN SỰ HUYỆN PHÚ LƯƠNG 1945 - 2000

Chỉ đạo nội dung:

Thường trực Tỉnh ủy – Ban Thường vụ Đảng ủy Quân sự tỉnh Thái Nguyên.

Ban chủ nhiệm đề tài:

- Đại tá Dương Văn Thảo (Chỉ huy phó – Tham mưu trưởng Bộ CHQS tỉnh): Chủ nhiệm.
- Đại tá Nguyễn Văn Trình (Chỉ huy trưởng Bộ CHQS tỉnh): Ủy viên.
- Đại tá Trần Xuân Quang (Chính ủy Bộ CHQS tỉnh): Ủy viên.
- Trung tá Nguyễn Sỹ Cảnh (nguyên Trưởng ban) và Trung tá Dương Đình Cường (Trưởng ban KHCN – MT Bộ CHQS tỉnh): Thư ký.
- Trung tá Dương Chí Thanh (Trưởng ban Tài chính Bộ CHQS tỉnh): Kế toán.

và cộng tác viên:

- Trung tá Nguyễn Văn Sáu (Chính trị viên phó Ban CHQS huyện Phú Lương).

Chịu trách nhiệm xuất bản:

- Thượng tá Lê Đức Ân (Ủy viên Ban Thường vụ Huyện ủy,
Chỉ huy trưởng Ban CHQS huyện Phú Lương).

Tổ biên soạn:

- Thượng tá Nguyễn Văn Thắng (Chủ biên – Chương III, chương V, Kết luận).
- Tiến sĩ KHLS Nguyễn Thị Hương Canh (Chương I).
- Trung úy, cử nhân Nguyễn Đức Thọ (Chương II).
- Tiến sĩ KHLS Nguyễn Xuân Minh (Chương IV).
- Trung tá, cử nhân Nguyễn Sỹ Cảnh (Phụ lục 1,2).

- Hoàn chỉnh bản thảo:

Nguyễn Thắng.

- Bìa:

Nguyễn Minh Hải.

- Ảnh:

Ban chỉ huy quân sự huyện Phú Lương.

- Sửa bản in:

Nguyễn Thắng.

ngành ion oxy (O_2)

Thường trực Tỉnh ủy - Ban Thường vụ Đảng ủy Quân sự tỉnh Thái Nguyên

Don't miss this book

- Einmal wurde 7 von 1000 Personen (0,7%) positiv gefunden.

Đại tá Nguyễn Văn Thành (Chỉ huy trưởng Bộ CHQS huyện) (từ trái)

Đại tá Trần Xuân Quang (Chỉ huy bộ CHQS huyện Mỹ Xuyên)

Trang is Nguyễn Thị Thanh (young daughter) of Trang is Duong Binh (young

2.4.1.1. *Effect of TGA on TGA = NEMA and glycerol*

Truong is Duong Chi Thanh (Truong has Tai chin's Bò CHQ2 (mb); K5 join

1994-1995

Truong is Nguyễn Văn Sơn (Chinese in red box) and Nguyen is going.

and may, within 1 year,

-Thường là là Đức Ân (U) của Ban Thường vụ Huyện ủy.

(Chin Ing Ing Ban (HQ2 Ing Ing Ban (Liang).

485027 485028 485029

Theresa M. Nienhuis, Ph.D., is an assistant professor of psychology at the University of North Carolina at Charlotte. She is currently working on a grant to study the effects of social support on the health of African American women.

Thien si Kell, Nguyen Thi Huong (Chung)

Trung tâm nghiên cứu Văn hóa (Chinese II)

Trần Thị Kiều Anh (1994)

Trương Thị Cẩm Nhung (Đà Nẵng 1973)

It is not clear how the authors justify the use of the term "Nigerian" in the title of the paper, given the fact that the study was conducted in a specific region of the country.

[illegible]

1990

John Doe and
Nguyễn Văn Thắng

LỜI GIỚI THIỆU

Thực hiện Nghị quyết (số 87/NQ-ĐUQK) của Thường vụ Đảng uỷ Quân khu 1, Thông báo (số 21/TB-VPTU) của Thường trực Tỉnh uỷ Thái Nguyên, nhân dịp kỉ niệm lần thứ 63 ngày thành lập Quân đội nhân dân Việt Nam (22/12/1944 – 22/12/2007) và lần thứ 18 ngày Hội Quốc phòng toàn dân (22/12/1989 – 22/12/2007), Đảng uỷ và Ban chỉ huy Quân sự huyện Phú Lương xuất bản và phát hành cuốn sách “Huyện Phú Lương: Lịch sử kháng chiến chống xâm lược và xây dựng – bảo vệ Tổ quốc 1945-2000”.

Đây là một công trình khoa học lịch sử quân sự viết về 30 năm kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược của quân và dân huyện Phú Lương (1945-1975) và 25 năm xây dựng và bảo vệ Tổ quốc của cán bộ, chiến sĩ Lực lượng vũ trang nhân dân huyện (1975-2000). Công trình khoa học lịch sử quân sự này thuộc đề tài nghiên cứu, biên soạn “Lịch sử quân sự các huyện, thành phố, thị xã tỉnh Thái Nguyên 1945-2000” do Thường trực Tỉnh uỷ và Đảng uỷ

Quân sự tỉnh chỉ đạo nội dung, Hội đồng Khoa học – Công nghệ tỉnh quản lý và Bộ chỉ huy quân sự tỉnh tổ chức thực hiện.

Được Thường trực Tỉnh uỷ và Đảng uỷ Quân sự tỉnh chỉ đạo chặt chẽ về nội dung, Bộ chỉ huy quân sự tỉnh (trực tiếp là Ban Chủ nhiệm đề tài) tổ chức nghiên cứu, biên soạn công phu, nghiêm túc, với nguồn tư liệu khá phong phú, Chương I của công trình đã giới thiệu một cách khái quát địa lí tự nhiên, địa lí hành chính, đặc điểm dân cư, dân tộc và truyền thống đấu tranh chống giặc ngoại xâm anh hùng, bất khuất của nhân dân các dân tộc huyện Phú Lương từ khi xuất hiện địa danh Phú Lương (thời Nhà Lý) đến Cách mạng Tháng Tám 1945 thành công. Chương II và Chương III đã dựng lại một cách khách quan, trung thực và tương đối đầy đủ 30 năm kháng chiến chống thực dân Pháp, đế quốc Mỹ xâm lược (1945-1975) của quân dân huyện Phú Lương dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp của cấp bộ Đảng, chính quyền và cơ quan quân sự các cấp trong huyện. Trong đó, Chương II đã nêu bật vị trí, vai trò An toàn khu của huyện Phú Lương trong Căn cứ địa kháng chiến Việt Bắc; những thành tích đặc biệt xuất sắc của Nhân dân và Lực lượng vũ trang nhân dân huyện Phú Lương trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp 9 năm gian khổ, trường kì và dũng cảm của dân tộc.

Chương IV và Chương V đã ghi lại những thành tựu của cán bộ, chiến sĩ Lực lượng vũ trang nhân dân huyện trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc thời kì cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội và thực hiện đường lối của Đảng về đổi mới, công nghiệp hoá - hiện đại hoá đất nước.

Các phần kết luận, phụ lục đã khái quát lại thành tựu 30 năm kháng chiến chống Pháp, chống Mĩ xâm lược và 25 năm xây dựng và bảo vệ Tổ quốc của nhân dân và cán bộ, chiến sĩ Lực lượng vũ trang nhân dân huyện; những thành tích đặc biệt xuất sắc của các tập thể và cá nhân Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Bà mẹ Việt Nam anh hùng; tóm tắt quá trình công tác và thành tích chủ yếu của các đồng chí chỉ huy quân sự huyện từ năm 1947 và Bí thư Đảng uỷ Quân sự huyện từ năm 1994 đến năm 2007.

Cuốn sách: “Huyện Phú Lương: Lịch sử kháng chiến chống xâm lược và xây dựng – bảo vệ Tổ quốc 1947-2000” là một trong những tài liệu quý, góp phần giáo dục lịch sử, truyền thống cho Nhân dân và cán bộ, chiến sĩ Lực lượng vũ trang nhân dân huyện; động viên Nhân dân và cán bộ, chiến sĩ Lực lượng vũ trang nhân dân huyện phát huy truyền thống “Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân” thời kì kháng chiến chống Pháp, xây dựng quê hương Phú Lương ngày càng ổn định và vững mạnh về chính trị, trật tự an toàn xã hội; giàu về kinh tế, mạnh về quốc phòng – an ninh. Nhân dân và cán bộ, chiến sĩ Lực lượng vũ trang nhân dân huyện ngày càng có đời sống vật chất, tinh thần đầy đủ và phong phú.

Nhân dịp xuất bản và phát hành cuốn sách “Huyện Phú Lương: Lịch sử kháng chiến chống xâm lược và xây dựng – bảo vệ Tổ quốc 1945-2000”, Đảng uỷ và Ban chỉ huy Quân sự huyện Phú Lương chân thành cảm ơn Thường trực Tỉnh uỷ, Hội đồng Khoa học – Công nghệ tỉnh, Đảng uỷ và Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo; Tổ Biên soạn đã làm việc khẩn trương, nghiêm túc, công phu; Viện Lịch sử

Quân sự Việt Nam – Bộ Quốc phòng, các cơ quan hữu quan và các đồng chí lãnh đạo, chỉ huy quân sự huyện các thời kì đã tận tình giúp đỡ để cuốn sách được xuất bản và phát hành đúng vào dịp kỉ niệm lần thứ 63 ngày thành lập Quân đội nhân dân Việt Nam, lần thứ 18 ngày Hội Quốc phòng toàn dân.

Tuy nhiên, cuốn sách “Huyện Phú Lương: Lịch sử kháng chiến chống xâm lược và xây dựng – bảo vệ Tổ quốc 1945-2000”, cũng không tránh khỏi có những khiếm, khuyết. Đảng uỷ và Ban chỉ huy Quân sự huyện Phú Lương cùng tập thể các tác giả rất mong được Nhân dân và cán bộ, chiến sĩ Lực lượng vũ trang nhân dân huyện cùng đông đảo bạn đọc góp ý, phê bình.

Phú Lương, ngày 22 tháng 12 năm 2007

Nguyễn Thế Đề

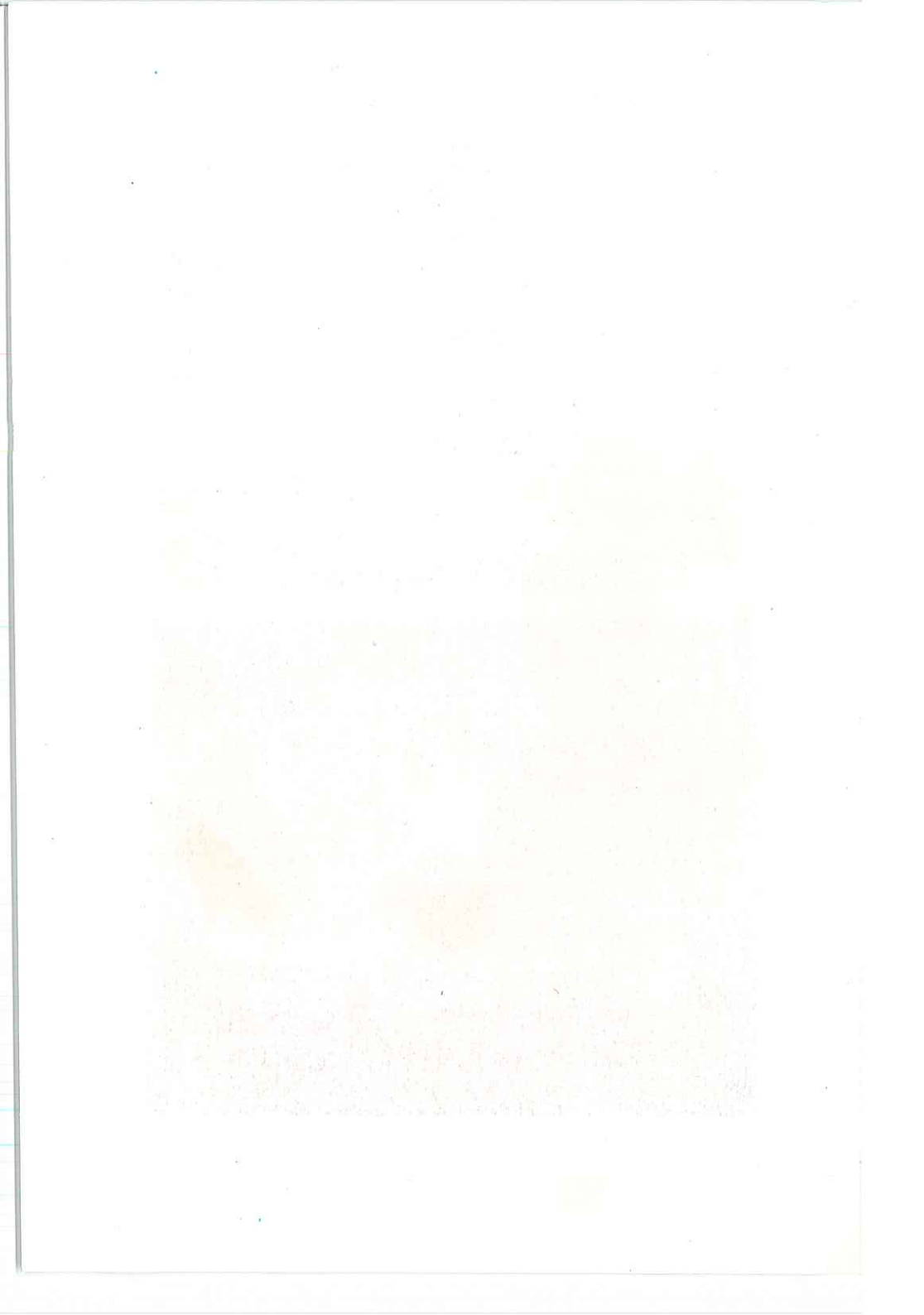
TỈNH ỦY VIÊN, BÍ THƯ HUYỆN ỦY,

BÍ THƯ ĐẢNG ỦY QUÂN SỰ

HUYỆN PHÚ LƯƠNG.









Nhân dân và Lực lượng vũ trang nhân dân huyện Phú Lương đón nhận danh hiệu
"Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân" thời kỳ kháng chiến chống Pháp.



Chương I

HUYỆN PHÚ LƯƠNG: QUÊ HƯƠNG, CON NGƯỜI VÀ TRUYỀN THỐNG ĐẤU TRANH VŨ TRANG

I. Quê hương:

Địa danh Phú Lương lần đầu tiên được biết đến trong lịch sử qua sự kiện nhà Lý “gả công chúa Diên Bình cho thủ lĩnh phủ Phú Lương”. Sự kiện này được nhà sử học Ngô Sĩ Liên đề cập trong “Đại Việt Sử ký toàn thư” do ông biên soạn vào năm 1127. Như vậy, địa danh Phú Lương chí ít cũng phải có trước năm 1127.

Thời nhà Lý, Phú Lương là một phủ rộng lớn, bao gồm toàn bộ địa bàn các tỉnh Thái Nguyên, Bắc Kạn, Cao Bằng và một phần địa bàn các huyện Sóc Sơn (thành phố Hà Nội), Bình Xuyên (tỉnh Vĩnh Phúc ngày nay). Thời thuộc Minh (1407-1427), Phú Lương là một huyện thuộc phủ Thái Nguyên. Từ thời Lê đến đầu nhà Nguyễn (vua Gia Long), Phú Lương là một huyện thuộc phủ Phú Bình. Năm Minh Mệnh thứ 16 (1836), triều Nguyễn điều chỉnh địa giới 2 phủ Phú Bình và Thông Hoá để thành lập phủ Tông Hoá thuộc tỉnh Thái

Nguyên, Phú Lương trở thành một huyện thuộc phủ Tông Hoá, huyện lỵ đặt tại xã Quán Triều. Theo “Đồng Khánh địa dư chí”, huyện hạt Phú Lương cách phủ lỵ 78 dặm về phía Tây Nam; phía Đông giáp các xã Quang Vinh, Văn Lãng (huyện Đông Hỷ); phía Tây giáp xã An Trạch (Định Châu) và hai xã Thượng Lương, Hạ Lương (huyện Văn Lãng); phía Nam giáp hai xã Huy Ngạc, Yên Thái (huyện Đại Từ); phía Bắc giáp trang Yên Đĩnh (châu Bạch Thông). Địa bàn huyện Phú Lương tính từ Đông sang Tây cách nhau 63 dặm từ Nam lên Bắc cách nhau 135 dặm; gồm 6 tổng với 28 xã, trang, phường:

1. Tổng Túc Tranh, gồm 4 xã (Túc Tranh, Quảng Cố, Đan Khê, Thanh Trà) và 1 trang (An Lạc).
2. Tổng Động Đạt, gồm 4 xã (Động Đạt, Phủ Lý, Phấn Súc, Phấn Mễ).
3. Tổng Cù Vân, gồm 3 xã (Cù Vân, Phục Linh, Thọ Linh).
4. Tổng Cổ Lũng, gồm 4 xã (Cổ Lũng, Bá Sơn, Khúc Lộ, Dụng Tú).
5. Tổng Sơn Cẩm, gồm 6 xã (Sơn Cẩm, Cao Ngạn, Quán Triều, Hộ Hiếu, Vô Tranh, Phú Đô) và 1 phường (Thủy Cơ).
6. Tổng Y Na, gồm 5 xã (Y Na, Phú Xuân, Bá Vân, Phi Đơn, Cải Đan).

Dưới thời Pháp thuộc, từ tháng 10-1890 đến tháng 9-1892, Phú Lương là một huyện thuộc Tiểu Quân khu Thái Nguyên (một trong 3 Tiểu Quân khu thuộc Đạo quan binh I Phả Lại).

Từ tháng 10-1892, huyện Phú Lương trở lại thuộc phủ Tông Hoá (tỉnh Thái Nguyên) như dưới thời nhà Nguyễn.

Ngày 11-4-1900, thực dân Pháp tách phủ Tùng Hoá khỏi tỉnh Thái Nguyên để thành lập tỉnh Bắc Kạn. Ngày 25-6-1901, thực dân Pháp tách tổng Yên Định khỏi huyện Phú Lương (phủ Tùng Hoá), sáp nhập vào châu Bạch Thông, tỉnh Bắc Kạn.

Trong những năm cuối thập niên thứ hai của Thế kỉ XX, thực dân Pháp chia tỉnh Thái Nguyên thành 2 phủ (Phủ Bình, Phủ Yên), 3 huyện (Đồng Hỷ, Đại Từ, Phú Lương) và 3 châu (Võ Nhai, Văn Lãng, Định Hoá). Huyện Phú Lương lúc đó có 7 tổng (Quán Triều, Cổ Lũng, Túc Tranh, Động Đạt, Phủ Lý, Yên Đổ, Yên Trạch) với 21 làng, bản.

Trước Cách mạng Tháng Tám 1945, huyện Phú Lương vẫn có 7 tổng với 23 xã: Tổng Yên Thịnh có 3 xã; Tổng Ninh Tường có 7 xã; Tổng Yên Đổ có 3 xã; Tổng Động Đạt có 3 xã; Tổng Túc Tranh có 3 xã; Tổng Cổ Lũng có 3 xã và Tổng Sơn Cẩm có 3 xã.

Sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945, nước Việt Nam dân chủ cộng hòa ra đời, huyện Phú Lương được tổ chức lại thành 11 xã: Yên Trạch, Yên Ninh, Tam Hợp, Yên Đổ, Yên Lạc, Động Đạt, Phấn Mễ, Tân Phú, Vô Tranh, Cổ Lũng và Sơn Cẩm. Trong kháng chiến chống Pháp và sau hoà bình lập lại (7-1954), huyện Phú Lương có 14 xã (do xã Tam Hợp chia thành 3 xã Hợp Thành, Phủ Lý, Tân Thành; xã Tân Phú chia thành 2 xã Túc Tranh và Phú Đô).

Từ ngày 1-7-1965, hai tỉnh Thái Nguyên và Bắc Kạn sáp nhập thành tỉnh Bắc Thái, huyện Phú Lương là 1 trong số 14 huyện, thành phố, thị xã thuộc tỉnh Bắc Thái.

Ngày 25-3-1967, Bộ Nội vụ ra Quyết định số 111/NV tách 9 xã (Nông Thịnh, Thanh Bình, Yên Đĩnh, Quảng Chu, Như Cốc, Bình Văn, Yên Hân, Yên Cư, Nông Hạ) và 1 thị trấn (Chợ Mới) khỏi huyện Bạch Thông, sáp nhập về huyện Phú Lương.

Ngày 7-4-1974, Bộ Nội vụ ra Quyết định số 136/NV đổi xã Tân Thành thành xã Ôn Lương.

Ngày 23-2-1977, Bộ trưởng Chủ nhiệm Văn phòng Phủ Thủ tướng ra Quyết định số 616/VP thành lập thị trấn Giang Tiên, thuộc huyện Phú Lương.

Ngày 3-6-1993, Chính phủ ra Nghị định số 36/CP thành lập thị trấn Đu, thuộc huyện Phú Lương.

Từ ngày 1-1-1997, tỉnh Bắc Thái được chia tách thành 2 tỉnh Bắc Kạn và Thái Nguyên, huyện Phú Lương là 1 trong số 9 huyện, thành phố, thị xã thuộc tỉnh Thái Nguyên. Các xã Nông Thịnh, Thanh Bình, Yên Đĩnh, Quảng Chu, Như Cốc, Bình Văn, Yên Cư, Yên Hân, Nông Hạ và thị trấn Chợ Mới tách khỏi huyện Phú Lương, sáp nhập về huyện Bạch Thông (tỉnh Bắc Kạn). Sau ngày tỉnh Thái Nguyên được tái lập, Phú Lương là một huyện miền núi trực thuộc, vị trí nằm ở vùng phía bắc Tỉnh, trong giới hạn địa lý có toạ độ từ $21^{\circ}36''$ đến $21^{\circ}55''$ độ vĩ Bắc, $105^{\circ}37''$ đến $105^{\circ}46''$ độ kinh Đông; phía Bắc giáp huyện Chợ Mới (tỉnh Bắc Kạn), phía Nam và Đông Nam giáp thành phố Thái Nguyên, phía Tây giáp huyện Định Hoá, phía Tây Nam giáp huyện Đại Từ, phía Đông giáp huyện Võ Nhai (tỉnh Thái Nguyên); huyện lỵ đặt tại thị trấn Đu, cách trung tâm thành phố Thái Nguyên 22km về phía Bắc (theo Quốc lộ 3).

Toàn huyện có diện tích tự nhiên 368,88 km², chia làm 16 đơn vị hành chính, gồm 2 thị trấn (Đu, Giang Tiên) và 14 xã (Hợp Thành, Ôn Lương, Phủ Lý, Tức Tranh, Phú Đô, Sơn Cẩm, Đông Đạt, Vô Tranh, Yên Ninh, Phấn Mễ, Cổ Lũng, Yên Đổ, Yên Trạch, Yên Lạc).

Địa hình huyện Phú Lương tương đối phức tạp, độ cao trung bình so với mặt nước biển từ 100 mét đến 400 mét, thấp dần từ phía Bắc xuống phía Nam. Các xã ở vùng Bắc và Tây Bắc huyện có nhiều núi cao, độ cao trung bình từ 300 mét đến 400 mét, độ dốc phần lớn trên 20 độ; thảm thực vật dày, tán che phủ cao, phần nhiều là rừng xanh quanh năm. Các xã ở vùng phía Nam huyện địa hình bằng phẳng hơn, có nhiều đồi và núi thấp, độ dốc thường dưới 15 độ. Đây là vùng địa hình mang tính chất của vùng trung du nhiều đồi, ít ruộng.

Về thổ nhưỡng, huyện Phú Lương có ba loại đất chính (đất fe-ra-lít vàng đỏ trên phần thạch sét, đất fe-ra- lít màu vàng nhạt trên đá cát và đất nâu đỏ trung tính trên đá mácma bazơ), tương đối phù hợp với các loại cây công nghiệp dài ngày, chủ yếu là cây chè, cà phê, cây ăn quả và bố trí sản xuất theo hướng nông lâm kết hợp. Ba loại đất này chiếm trên 50% tổng diện tích tự nhiên toàn huyện.

Lòng đất huyện Phú Lương có nhiều khoáng sản, trong đó, nhiều nhất là than và cao lanh. Than có nhiều ở các xã Phấn Mễ, Sơn Cẩm. Than Phấn Mễ rất nhiều chất bay hơi, có giá trị cao trên thị trường Đông Dương. Từ năm 1905, thực dân Pháp đã bắt đầu thăm dò và sau đó tiến hành khai thác than ở xã Phấn Mễ một cách ồ ạt. Trong “Tiểu chí Thái Nguyên”, quan

Công sứ Pháp E. Chinard viết ở Mỏ than Phấn Mễ “trung bình có 2.000 tấn được xuất ra ngoài tỉnh mỗi tháng”. Đất cao lanh có ở các xã Cổ Lũng, Phấn Mễ, trữ lượng khoảng 2 triệu tấn, điều kiện khai thác tương đối thuận tiện.

Khí hậu huyện Phú Lương mang tính chất nhiệt đới gió mùa, với hai mùa nóng, lạnh rõ rệt. Mùa lạnh (từ tháng 11 đến tháng 3 năm sau), nhiệt độ xuống thấp, có khi xuống tới 3°C , thường xuyên có các đợt gió mùa Đông Bắc hanh, khô. Mùa nóng (từ tháng 4 đến tháng 10 hàng năm) nhiệt độ cao, nhiều khi có mưa lớn và tập trung. Nhiệt độ trung bình trong năm khoảng 22°C . Nhiệt độ bình quân cao nhất trong mùa nóng $27,2^{\circ}\text{C}$ (cao nhất là tháng 7, có năm lên tới $28^{\circ}\text{C} - 29^{\circ}\text{C}$). Nhiệt độ bình quân thấp nhất trong mùa lạnh là 20°C , (thấp nhất là tháng 1: $15,6^{\circ}\text{C}$). Số giờ nắng trung bình 1 năm là 1.628 giờ, năng lượng bức xạ khoảng 115 kcallo/cm^2 .

Lượng mưa trung bình ở huyện Phú Lương từ 2000mm, đến 2100mm/năm. Từ tháng 4 đến tháng 10 hàng năm, mưa nhiều, chiếm trên 90% tổng lượng mưa cả năm. Tháng 7 có lượng mưa lớn nhất (bình quân từ 410 mm, đến 420mm/tháng) và có số ngày mưa nhiều nhất (từ 17 ngày, đến 18 ngày/tháng). Tháng 11 và tháng 12 ít mưa, lượng mưa trung bình chỉ khoảng từ 24, đến 25 mm/tháng và mỗi tháng chỉ có khoảng từ 8 đến 10 ngày mưa.

Lượng nước bốc hơi trung bình hàng năm ở huyện Phú Lương khoảng 985,5mm, mùa lạnh lượng bốc hơi lớn hơn lượng mưa, độ ẩm (k) dưới 0,5, nên thường xuyên xảy ra khô, hạn. Tính trong nửa cuối Thế kỷ XX, năm 1960 là năm huyện

Phú Lương có lượng mưa cao nhất (tới 3.008,3mm), năm 1985 có lượng mưa thấp nhất (977mm).

Địa bàn huyện Phú Lương có mật độ sông, suối bình quân 0,2km/km², có trữ lượng nước đủ cung cấp cho sản xuất và sinh hoạt của dân cư toàn huyện. Các sông, suối trên địa bàn huyện Phú Lương phân bố tương đối đều ở các xã, thuận lợi cho phát triển thuỷ lợi. Sông Đu và các nhánh của nó nằm ở khu vực phía bắc huyện, nhánh chính dài khoảng 10km. Sông Đu được tạo thành bởi 2 nhánh chính, một nhánh được bắt nguồn từ đông bắc xã Hợp Thành, một nhánh bắt nguồn từ phía bắc xã Động Đạt. Hai nhánh này hợp lưu ở phía trên thị trấn Đu, chảy dọc theo địa bàn huyện, qua thị trấn Giang Tiên và đổ vào sông Cầu tại xã Sơn Cẩm. Tổng chiều dài của hệ thống sông Đu khoảng 45km. Sông Cầu là sông lớn nhất chảy qua địa bàn huyện Phú Lương, với tổng chiều dài 17 km qua các xã Phú Đô, Túc Tranh, Vô Tranh, Sơn Cẩm. Sông Cầu là nguồn cung cấp nước chủ yếu đảm bảo cho sinh hoạt và sản xuất cho các xã khu vực phía nam huyện. Dưới thời thuộc Pháp, sông Cầu là tuyến giao thông thuỷ quan trọng không chỉ của huyện Phú Lương, mà còn của cả tỉnh Thái Nguyên.

Do hầu hết các sông trên địa bàn huyện Phú Lương đều hẹp và dốc nên trong mùa mưa thường xảy ra lũ lụt, xói mòn và sạt lở đất, gây nhiều thiệt hại cho sản xuất và đời sống, sinh hoạt của nhân dân trong huyện.

Về giao thông đường bộ, huyện Phú Lương có 3 tuyến chính: Quốc lộ số 3 (Hà Nội – Cao Bằng) chạy suốt từ vùng phía nam lên vùng phía bắc huyện qua địa bàn 8 xã, thị trấn (Sơn Cẩm, Cổ Lũng, Giang Tiên, Phấn Mễ, Đu, Động Đạt,

Yên Đỗ, Yên Ninh); Đường 254 từ km 31 lên Định Hoá; Quốc lộ 37 từ ngã ba Bờ Đậu (xã Cổ Lũng), qua địa bàn huyện Đại Từ sang tỉnh Tuyên Quang... Các tuyến giao thông này mang lại cho huyện Phú Lương nhiều thuận lợi để phát triển kinh tế – xã hội và an ninh - quốc phòng.

II. Dân cư, kinh tế, văn hóa, xã hội.

Dân cư huyện Phú Lương gồm nhiều bộ phận hợp thành, một bộ phận là dân bản địa định cư từ lâu đời; một bộ phận là dân phu được bọn tư sản Pháp tuyển mộ vào làm thuê cho chúng trong các hầm mỏ, đồn điền; một bộ phận là đồng bào ở các tỉnh khác di cư tự nhiên đến địa bàn huyện, khai phá đồi nương, mở rộng làng bản, sinh cơ lập nghiệp và một bộ phận là đồng bào các tỉnh miền xuôi lên xây dựng vùng kinh tế mới trong những năm 1960 của Thế kỉ XX.

Trong hơn 70 năm qua, dân số của huyện Phú Lương đã không ngừng tăng từ 7.030 người (năm 1932)⁽¹⁾, lên 13.700 người (năm 1948)⁽²⁾, 54.676 người (năm 1970) và 106.257 người (năm 2006). Trên địa bàn huyện Phú Lương có nhiều dân tộc anh em cùng chung sống (trong đó, các dân tộc Kinh chiếm 54,2%, Tày 21,1%, Sán Chay 8,05%, Nùng 4,5%, Sán Dìu 3,2%, còn 4,82% là người các dân tộc Thái, Hoa, H'Mông và một số dân tộc khác).

Từ xưa, người dân huyện Phú Lương đã biết làm cọn, đập nương, phai dẫn nước vào ruộng để gieo, cấy lúa. Ngoài kỹ

(1) Theo Tiểu chí Thái Nguyên của E.Chinard xuất bản năm 1933.

(2) Theo Báo cáo đặc biệt của Ủy ban kháng chiến hành chính tỉnh Thái Nguyên, ngày 28-5-1948.

thuật trồng lúa nước, nhân dân huyện Phú Lương còn biết gieo, trồng thành thạo lúa nương, làm rẫy; biết chọn và giữ gìn những giống lúa tám thơm nổi tiếng. Dưới thời Pháp thuộc, năm 1932, diện tích đất trồng trọt của huyện bị bỏ hoang tới 4.000ha; diện tích đất canh tác 1.450 ha, tổng sản lượng lúa đạt 1.972 tấn, các nông sản khác đạt 31 tấn; đàn trâu, bò có 3.516 con, đàn lợn có 1.395 con⁽¹⁾. Dưới chế độ Xã hội Chủ nghĩa, trong toàn huyện, năm 1960, sản lượng lương thực đạt trên 16.526 tấn; đàn trâu, bò đạt 8.370 con, đàn lợn đạt 8.762 con; năm 1975, sản lượng thóc đạt gần 14.207 tấn, đàn trâu đạt 14.217 con, đàn lợn đạt 20.211 con; năm 1985 (năm trước khi bước vào thời kỳ đổi mới), sản lượng lương thực qui thóc đạt 25.071 tấn, đàn trâu, bò đạt 16.333 con, đàn lợn đạt 24.359 con; sản lượng chè búp tươi đạt 2.544 tấn, thuốc lá 70 tấn, nứa cây 5.303 tấn; sản xuất nông, lâm nghiệp đạt chỉ tiêu. Việc giao đất, giao rừng cho các hợp tác xã và hộ gia đình quản lý đạt kết quả tốt, nên tình trạng đốt, phá rừng làm rẫy, khai thác bừa bãi tài nguyên rừng giảm rõ rệt.

Thực hiện đường lối đổi mới đất nước do Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI (tháng 12-1986) đề ra, từ năm 1987 bộ mặt kinh tế của huyện có nhiều chuyển biến nhanh chóng.

Sản xuất nông nghiệp có bước phát triển mạnh nhờ tích cực chuyển dịch về cơ cấu cây trồng, cơ cấu mùa vụ và cơ cấu giống. Diện tích cây lương thực có hạt của huyện liên tục tăng hàng năm từ 8301 ha (năm 2002) lên 8.529 ha (năm 2006),

⁽¹⁾ E.Chinard: Tiểu chí Thái Nguyên.

sản lượng lương thực có hạt cũng tăng từ 34.643 tấn (năm 2002) lên 35.735 tấn (năm 2006).

Trong những năm gần đây, Phú Lương đã tích cực thực hiện đề án phát triển sản xuất, chế biến và tiêu thụ chè; chú trọng trồng mới các giống chè có năng suất và chất lượng cao, cải tạo diện tích chè hiện có; coi trọng việc đầu tư đưa khoa học kỹ thuật vào sản xuất, chăm sóc và chế biến chè. Tổng diện tích trồng chè tăng từ 2.550 ha (năm 1998) lên 3.835 ha (năm 2006) trong đó, diện tích chè cho sản phẩm tăng từ 2.312, ha (năm 1998) lên 3057 ha năm 2006 sản lượng chè tăng từ 13.434 tấn (năm 1998) lên 30.823 tấn (năm 2006). Sản lượng chè của Phú Lương năm 2006 đứng thứ hai toàn tỉnh (sau huyện Đại Từ). Diện tích và sản lượng cây ăn quả cũng tăng từ 570 ha (năm 1998), lên 945 ha (năm 2006); trong đó có 709 ha trồng nhãn, vải.

Về chăn nuôi, tốc độ tăng trưởng bình quân toàn huyện trong 5 năm (1996 – 2000) đạt từ 4% đến 6%. Năm 2006, đàn trâu bò đạt 14.291 con, đàn lợn đạt 51.096 con. Diện tích nuôi trồng thủy sản của huyện được giữ vững và ổn định ở mức 340 ha, năm 2006, sản lượng cá, tôm đạt 373 tấn.

Với diện tích đất lâm nghiệp chiếm gần 50% diện tích đất tự nhiên, rừng và nghề rừng là thế mạnh của huyện Phú Lương. Năm 2000, toàn huyện có 4.192 ha rừng đã được khoanh nuôi; độ che phủ của rừng trên địa bàn đạt 47,3%.

Sản xuất công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp của huyện Phú Lương ngày càng được mở rộng quy mô và đầu tư thêm trang thiết bị. Giá trị sản xuất công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn huyện năm 2000 đạt 44 tỷ 694 triệu đồng.

Các loại hình dịch vụ trên các lĩnh vực tiếp tục phát triển, đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu sản xuất và đời sống của nhân dân. Dịch vụ bưu chính viễn thông phát triển nhanh, năm 2006, số máy điện thoại cố định trên địa bàn huyện đạt 4.797 chiếc.

Từ năm 2000, 100% số xã trên địa bàn huyện đã có đường ô tô chạy đến trung tâm xã; 70% dân số trong huyện đã được sử dụng điện lưới quốc gia vào sản xuất và sinh hoạt. Đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân các dân tộc trong huyện từng bước được cải thiện. Năm 2000, thu nhập bình quân đầu người toàn huyện đạt 2.003.000 đồng; 87 xóm trong huyện đã xây dựng được Nhà Văn hóa.

Cùng với sự phát triển không ngừng của văn hóa vật chất, nhân dân các dân tộc huyện Phú Lương đã góp phần xây dựng, giữ gìn và phát triển nền văn hóa tinh thần vô cùng phong phú và đậm đà bản sắc dân tộc Việt Nam. Những điệu hát lượn của người Tày, hát Sli của người Nùng, những làn điệu dân ca của người Cao Lan, Sán Chí..., cùng với các loại truyện kể lưu truyền trong đồng bào các dân tộc huyện Phú Lương đều là những tài sản tinh thần quý giá, chứa đựng những yếu tố tích cực, lành mạnh, thể hiện tư tưởng, tình cảm trong sáng và những ước mơ cao đẹp của nhân các dân tộc trong huyện.

Các cấp bộ Đảng, chính quyền, đoàn thể và nhân dân trong huyện tích cực thực hiện các phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá” và triển khai rộng rãi đề án “Xây dựng gia đình, làng bản văn hoá”. Trên địa bàn huyện có 122 điểm di tích lịch sử, văn hoá và thắng cảnh; trong đó, có 3

di tích lịch sử đã được xếp hạng cấp Quốc gia gồm Đền Đuổm, Địa điểm xưởng Quân giới nghiên cứu, chế tạo thành công súng bazoka của quân đội ta ở Giang Tiên và Địa điểm tổ chức Đại hội Chiến sĩ thi đua và cán bộ gương mẫu toàn quốc lần thứ nhất ở Khuôn Lân, xã Hợp Thành.

Đền Đuổm ở chân núi phía đông núi Đuổm, thuộc xã Động Đạt. Lễ hội Đền Đuổm là hội xuân lớn nhất tỉnh Thái Nguyên, diễn ra từ ngày 6 đến ngày 8 tháng giêng (âm lịch) hàng năm để tưởng nhớ công ơn của người anh hùng dân tộc Dương Tự Minh; cầu mong vị thánh Đuổm ban cho năm mới mọi sự tốt lành, mùa màng bội thu, ấm, no.... Trong lễ hội có rước kiệu, dâng hương, tế thần, ném còn, chơi gà, hát châu văn, hát ví, hát lượn, hát Sli.... Lễ hội Đền Đuổm mỗi năm thu hút hàng trăm nghìn khách thập phương đến tham gia.

Về giáo dục, dưới thời Pháp thuộc toàn huyện chỉ có 3 trường tiểu học dạy từ lớp 1 đến lớp 3 đặt ở Phủ Lý, Đu và Yên Ninh, với tổng số học sinh chưa đến 100 người; 95% dân số trong huyện mù chữ. Từ sau ngày Cách mạng Tháng Tám năm 1945 thành công, công tác giáo dục được chính quyền cách mạng coi trọng và ngày càng phát triển. Vào những năm cuối cùng của cuộc kháng chiến chống Pháp, 100% số xã trong huyện đã có trường tiểu học. Năm học 1955-1956, toàn huyện có 1 trường phổ thông cấp 2 không toàn cấp; 80% dân số từ 60 tuổi trở xuống thoát nạn mù chữ. Năm học 1965-1966, huyện đã xây dựng được 1 trường cấp 3, khai giảng khóa đầu với 126 học sinh. Trong những năm vừa qua, huyện Phú Lương tích cực xã hội hoá giáo dục, huy động các nguồn lực cho phát triển giáo dục. Năm học 2005- 2006, toàn

huyện có 46 trường phổ thông (27 trường tiểu học, 16 trường trung học cơ sở, 1 trường trung học cơ sở và phổ thông trung học và 2 trường phổ thông trung học) với 598 phòng học, 673 lớp học, 1.202 giáo viên, 20.511 học sinh. Đội ngũ giáo viên phổ thông của huyện gồm 1.202 thầy, cô giáo, trong đó có 547 giáo viên tiểu học, 486 giáo viên trung học cơ sở, 169 giáo viên trung học phổ thông. Toàn huyện có 20.511 học sinh, gồm 7.937 học sinh tiểu học, 8.358 học sinh trung học cơ sở và 4.216 học sinh trung học phổ thông. Bình quân cứ 100 người dân trong huyện có 19,5 người đi học phổ thông.

Về Y tế, thời Pháp thuộc, toàn huyện chỉ có 1 trạm phát thuốc đặt ở Đu, với 2 cán bộ y tế sơ cấp, chủ yếu phục vụ cho binh lính và viên chức ở huyện. Trong kháng chiến chống Pháp, việc khám, chữa bệnh cho nhân dân trong huyện phải dựa vào bệnh viện dân y của tỉnh và các quân y viện đóng trên địa bàn. Năm 1965, toàn huyện có 1 bệnh xá (năm 1966 được nâng cấp thành bệnh viện huyện), 13 trạm xá xã, 5 cửa hàng bán thuốc. Đến năm 2005, toàn huyện có 18 cơ sở y tế, gồm 16 trạm y tế xã, thị trấn, 1 bệnh viện đa khoa và 1 phòng khám khu vực, với 103 giường bệnh (45 giường bệnh ở bệnh viện huyện và phòng khám khu vực, 58 giường bệnh ở các trạm y tế xã, thị trấn); 128 cán bộ y tế (gồm 43 bác sĩ và trên đại học, 55 y sĩ, 27 y tá, 3 nữ hộ sinh, 1 cán bộ dược sĩ cao cấp). Toàn bộ 100% các xã, thị trấn trong huyện đã có trạm y tế, có bác sĩ và nhân viên y tế chăm sóc sức khỏe và khám chữa bệnh cho nhân dân.

III. Truyền thống đấu tranh vũ trang.

Nằm ở trung tâm của vùng chiến lược phía bắc sông Hồng, trong lịch sử đấu tranh giữ nước của dân tộc, địa bàn huyện Phú Lương từng là nơi tranh chấp quyết liệt giữa quân và dân ta với quân giặc ngoại xâm. Từ xa xưa, địa bàn huyện Phú Lương đã trở thành phen giậu phía bắc của kinh thành Thăng Long - Đông Đô - Hà Nội. Chính vị trí chiến lược và địa bàn dụng võ mà lịch sử đã giành cho huyện Phú Lương đã hun đúc cho người dân nơi đây một truyền thống trung kiên, anh hùng, bất khuất chống giặc ngoại xâm, bảo vệ quê hương, đất nước.

Ngay từ cuối Thế kỷ thứ II trước Công nguyên, lợi dụng thời cơ nhà Hán (Trung Quốc) tiến đánh Nam Việt của Triệu Đà, nhân dân Phú Lương đã theo Tây Vu Vương nổi dậy khởi nghĩa nhằm khôi phục nền độc lập cho đất nước. Năm 40 sau Công nguyên, cùng với nhân dân cả nước, nhân dân Phú Lương tập hợp dưới ngọn cờ “Đền nợ nước, trả thù nhà” của hai chị em Trưng Trắc và Trưng Nhị nổi lên khởi nghĩa giành thắng lợi, khôi phục được chủ quyền dân tộc trong 3 năm (từ năm 40 đến năm 43).

Trong hơn một nghìn năm dưới ách thống trị của phong kiến phương Bắc, nhân dân Phú Lương đã nhiều lần nổi lên chống ách thống trị hà khắc và chính sách đồng hóa dân tộc tàn bạo của chúng để giành độc lập, tự do cho đất nước và bảo tồn bản sắc văn hóa của dân tộc Việt Nam. Trong tất cả các cuộc khởi nghĩa của Bà Triệu ở Thanh Hóa (năm 248), Lý Bí ở Thái Bình (năm 542), Mai Thúc Loan ở Nghệ Tĩnh (năm 722), Phùng Hưng ở Hà Tây (từ năm 766 đến năm 791), Khúc Thừa

Dự ở Hải Dương (từ năm 905 đến năm 930), đều có sự đóng góp sức người, sức của và trực tiếp tham gia chiến đấu của nhân dân các dân tộc Phú Lương. Những năm đầu Thế kỉ XI, trước âm mưu và hành động xâm lược nước ta của nhà Tống, với nhiều hình thức và mức độ khác nhau, nhân dân các dân tộc phủ Phú Lương lúc đó đã tích cực tham gia vào cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Tống. Chiến công đánh bại mấy vạn quân xâm lược Tống của quân và dân Đại Việt trên phòng tuyến sông Như Nguyệt (sông Cầu) năm 1076 có sự đóng góp của nhân dân các dân tộc phủ Phú Lương. Nằm ở địa đầu của phòng tuyến sông Như Nguyệt, nhân dân phủ Phú Lương đã cùng với quân, dân triều đình nhà Lý chặn đánh, tiêu diệt được nhiều sinh lực của quân xâm lược Tống trên địa bàn các huyện Phú Bình, Đồng Hỷ, Võ Nhai (tỉnh Thái Nguyên), Bắc Sơn (tỉnh Lạng Sơn) ngày nay.

Trong những năm cuối Thế kỉ XI, đầu Thế kỉ XII, dưới thời vua Lý Nhân Tông, đất nước Đại Việt của chúng ta khá thanh bình, thịnh trị. Trong thời kì này, ở những nơi biên ải, các vùng rừng núi, những nơi có nhiều đồng bào các dân tộc thiểu số sinh sống, tuy chưa đặt chế độ bổ nhiệm quan của Triều đình trực tiếp cai quản, nhưng nhờ thực hiện chính sách ràng buộc lỏng lẻo đối các nơi này, nên Triều đình nhà Lý vẫn thực hiện được quyền lực của mình trên lãnh thổ quốc gia Đại Việt.

Phủ Phú Lương, một miền đất rộng lớn bao gồm toàn bộ các tỉnh Thái Nguyên, Bắc Kạn, Cao Bằng và một phần các tỉnh Lạng Sơn, Bắc Giang, Tuyên Quang ngày nay, do Dương Tự Minh, người dân tộc Tày, quê ở Quán Triều, phủ Phú

Lương (nay Quán Triều thuộc thành phố Thái Nguyên) làm Thủ lĩnh. Dương Tự Minh sống và hoạt động vào khoảng thời gian nửa đầu Thế kỉ XII (thời kì xã hội Đại Việt bắt đầu có dấu hiệu của sự khủng hoảng).

Thực hiện chính sách nhu viễn (ràng buộc đối với các miền đất xa xôi, vùng biên ải), vào năm Đinh Mùi (1127), “Nhà Lý gả công chúa Diên Bình cho Thủ lĩnh Dương Tự Minh”. Sau đời vua Lý Thần Tông (1128-1138), đến đời vua Lý Anh Tông (lên ngôi năm 3 tuổi và chết năm 40 tuổi), vào các năm 1140, 1141, có bọn phản loạn Thân Lợi⁽¹⁾ tiến xưng là Bình Vương, tụ tập mấy ngàn người nổi dậy đánh chiếm các châu Thái Nguyên, Thượng Nguyên, Tây Nông, Hạ Nông và cả Phủ lỵ Phú Lương (bao gồm phần lớn vùng đất các tỉnh Cao Bằng, Thái Nguyên ngày nay). Sau đó, quân của Thân Lợi tiếp tục kéo về hướng thành Thăng Long, nhà Lý phải cử các quan đầu triều là Thái úy Đỗ Anh Vũ và Thái sư Tô Hiến Thành mang quân đi đánh và đến cuối năm 1141 mới dẹp được.

Cuộc nổi dậy chống lại Triều đình nhà Lý của Thân Lợi đã phản ánh sự bất bình của nhân dân các dân tộc thiểu số vùng Bắc và Đông Bắc quốc gia Đại Việt đối với các chính sách của nhà Lý. Nó là dấu hiệu đầu tiên về sự rạn nứt khối cộng đồng các dân tộc trong quốc gia Đại Việt. Từ sau cuộc nổi dậy của

⁽¹⁾ Thân Lợi là người thuộc dòng dõi họ Thân ở Động Giáp, tự xưng là con của vua Lý Nhân Tông (có thể là con của một người tù thiếp) nổi dậy chiếm cứ các châu Thượng Nguyên và Hạ Nông. Năm 1141, Thân Lợi tự xưng là Bình Vương lập thế thiếp làm Hoàng hậu và Phu nhân, con cái làm vương hầu, ban quan tước cho đồ đảng theo thứ bậc khác nhau. Triều đình nhà Lý đã cử Lưu Vũ Nhả và Hứa Viêm chỉ huy quân của Triều đình đi đánh, nhưng không dẹp được.

Thân Lợi, nhà Lý đã khôn khéo dùng chính những thủ lĩnh người dân tộc ở ngay địa bàn nổ ra các cuộc nổi dậy chống Triều đình để phủ dụ dân chúng.

Sau cuộc nổi dậy chống lại Triều đình nhà Lý của Thân Lợi, lòng dân phủ Phú Lương, nhất là lòng dân vùng Quảng Nguyên (vùng đất mà nhà Lý mới đòi lại được từ nhà Tống dưới thời vua Lý Nhân Tông) đã không khỏi dao động, hoang mang, lo lắng. Trước tình hình đó, tháng 10 năm Nhâm Tuất (1142), Triều đình nhà Lý ra lệnh cho “Dương Tự Minh đi Quảng Nguyên chiêu tập người trong Châu trước kia bị phiêu dạt, trốn tránh” trở về quê hương, bản quán để làm ăn sinh sống. Dương Tự Minh đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao, giúp nhà Lý giữ được dân, giữ được đất ở vùng biên giới xa xôi. Sau khi hoàn thành nhiệm vụ chiêu tập dân Quảng Nguyên trở về quê cũ “an cư lạc nghiệp”, tháng 8-1143, Dương Tự Minh đã được vua Lý Anh Tông tin nhiệm xuống chiếu giao cho “cai quản công việc các khe động dọc biên giới về đường bộ”⁽¹⁾. Từ đó, Dương Tự Minh không chỉ là Thủ lĩnh của phủ Phú Lương, mà còn là người thay mặt cho Triều đình nhà Lý cai quản toàn bộ các công việc về hành chính và quân sự của vùng rừng núi dọc theo biên giới phía bắc Đại Việt, giáp với Trung Quốc. Điều đó đã thể hiện sự tin cậy của Triều đình nhà Lý đối với Dương Tự Minh, Thủ lĩnh phủ Phú Lương.

Để thưởng công, đồng thời cũng nhằm tăng sự ràng buộc Thủ lĩnh phủ Phú Lương Dương Tự Minh với nhà Lý, năm

⁽¹⁾ Theo Đại Việt Sử ký toàn thư, trang 276.

1144, Triều đình nhà Lý “gả công chúa Thiều Dung cho Dương Tự Minh, phong Tự Minh làm Phò mã lang” (tức Phò mã đô úy). Trong lịch sử phong kiến dân tộc Việt Nam chưa có một vị thủ lĩnh người thiểu số nào lại được các ông vua Việt Nam hai lần gả cho hai vị công chúa và phong Phò mã lang như Thủ lĩnh phủ Phú Lương Dương Tự Minh.

Tháng 8-1145, “kể có yêu thuật người nước Tống là Đàm Hữu Lượng trốn sang châu Tư Lang⁽¹⁾ tự xưng là Triệu Tiên Sinh, nói là vâng lệnh đi sứ để dụ nước An Nam. Ở các khe, động dọc biên giới có nhiều người theo Hữu Lượng. Hữu Lượng đem đồ đảng đến cướp châu Quảng Nguyên”⁽²⁾. Trước tình hình đó, vua Lý Anh Tông xuống chiếu cho Phò mã lang Dương Tự Minh làm chủ tướng cùng với các văn thần Nguyễn Như Mai, Lý Nghĩa Vinh làm phó tướng đưa quân lên đất Cao Bằng đánh giặc. Với tài thao lược của mình, Dương Tự Minh đã chỉ huy quân đánh chiếm được ải Lũng Đồi, châu Thông Nông (nay là huyện Thông Nông, tỉnh Cao Bằng), bắt được hầu hết bè đảng của Đàm Hữu Lượng là bọn Bá Đại gồm 21 tên, trả về Quảng Tây để nước Tống trị tội. Đàm Hữu Lượng chạy chốn về Ung Châu (Quảng Tây – Trung Quốc) cũng bị quan quân nhà Tống bắt. Cuộc chiến đấu bảo vệ biên cương Đại Việt của quân và dân phủ Phú Lương do Thủ lĩnh Dương Tự Minh chỉ huy đã kết thúc thắng lợi. Dương Tự Minh đã làm tròn bổn phận của một viên quan trấn biên, đoàn kết đồng bào các dân tộc, đuổi được giặc Tống là Đàm Hữu Lượng cùng bè

⁽¹⁾ Nay là phần đất huyện Trùng Khánh và một phần đất huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng.

⁽²⁾ Đại Việt Sử ký toàn thư, NXB Khoa học xã hội, tập I, Hà Nội, 1993, tr. 315.

đảng xâm phạm biên giới, giữ vững biên cương quốc gia Đại Việt. Năm 1150, để trừ Đỗ Anh Vũ (một kẻ quyền thần độc ác, lấn át ngôi vua, đã từng thông dâm với Lê Thái Hậu – Hoàng hậu của vua Lý Thần Tông), Phò mã lang Dương Tự Minh đã cùng với các quan đại thần trong Triều gồm Điện tiền chỉ huy sứ là Vũ Đái, Hoả đầu đô Quảng Vũ là Lương Thượng Cá, Hoả đầu đô Ngọc Giai là Đồng Lợi, Nội thị là Đỗ Ất ...v.v, đồng mưu đem quân bắt giam Đỗ Anh Vũ, ép vua Lý Anh Tông xử án, đẩy Đỗ Anh Vũ đi làm nông nô cày ruộng của Nhà nước ở Cảo Xã. Tuy nhiên, do sự lo lắng của Lê Thái Hậu, chẳng bao lâu Đỗ Anh Vũ được xá tội, được khôi phục chức Thái úy phụ chính Triều đình. Sau khi được phục hồi chức, Đỗ Anh Vũ đã tiến hành trả thù, mật tâu với vua Lý Anh Tông trừng trị và giết hại hầu hết các quần thần đã chống lại mình trước đó. Riêng Thủ lĩnh phủ Phú Lương, Phò mã lang Dương Tự Minh và 30 người khác bị đi lưu đày ở những nơi rừng thiêng, nước độc⁽¹⁾.

Với những cống hiến to lớn của mình trong việc phủ dụ dân chúng, quản lý các vùng khe, động ở biên giới, đánh dẹp sự quấy nhiễu của người nước Tống, đặc biệt là tham gia bắt Đỗ Anh Vũ, dẹp nội loạn chuyên quyền trong cung đình nhà Lý, Thủ lĩnh phủ Phú Lương Dương Tự Minh xứng đáng là người con ưu tú của đất Phú Lương, một trong những tấm gương tiêu biểu cho tinh thần tận trung báo quốc, làm việc nghĩa, chống gian tà. Sự nghiệp của Thủ lĩnh phủ Phú Lương -

⁽¹⁾ Dương Tự Minh cùng hai vị công chúa Diên Bình và Thiệu Dung về sống ở khu vực núi Đuồm (nay thuộc xã Động Đạt, huyện Phú Lương) và mất ở đó.

Phò mã lang Dương Tự Minh đã góp phần xây đắp truyền thống đấu tranh vũ trang chống giặc ngoại xâm, bảo vệ quê hương đất nước và chống cường quyền, áp bức rất kiên cường và bất khuất của nhân dân các dân tộc huyện Phú Lương; đồng thời cũng tượng trưng cho tinh thần đoàn kết, gắn bó giữa nhân dân các dân tộc huyện Phú Lương trong buổi đầu xây dựng quốc gia phong kiến Đại Việt.

Để tưởng nhớ công lao và đức độ của Thủ lĩnh phủ Phú Lương - Phò mã lang Dương Tự Minh, nhân dân các dân tộc phủ Phú Lương từ vùng “Thượng tự Cao Bằng, hạ chí Lục Đầu giang”⁽¹⁾ đều lập đình, đền, nghề, miếu ..., thờ cúng ông; tôn vinh ông là Thành Hoàng làng, là biểu tượng ban phúc lành và trừ họa cho nhân dân.

Dưới thời nhà Trần, nhân dân các dân tộc phủ Phú Lương đã góp phần rất đáng kể cùng với nhân dân cả nước ba lần kháng chiến chống chiến tranh xâm lược của quân giặc Nguyên - Mông.

Trong những năm cuối Thế kỉ XIV, nhà Trần suy vong. Năm 1400, nhà Hồ chiếm đoạt ngôi vua và trị vì đất nước trong hoàn cảnh nước ta cực kì khó khăn trên tất cả các mặt kinh tế và xã hội. Khi nhà Minh đem quân xâm lược nước ta, nhà Hồ đã không đủ sức phát động, tập hợp quần chúng nhân dân đứng lên kháng chiến bảo vệ Tổ quốc. Thất bại của cuộc

⁽¹⁾ Chỉ tính riêng tỉnh Thái Nguyên, số đình, đền, nghề, miếu, chùa thờ Dương Tự Minh ở các huyện: Phú Lương là 16 đình, 11 đền trong đó Đền Đuổm là nơi thờ chính; Phú Bình là 23 đình, 1 nghề; thành phố Thái Nguyên là 3 đình, 6 đền, 2 nghề, 1 chùa; Đại Từ là 10 đình, 2 đền, 2 miếu; Đồng Hỷ là 12 đình, 1 đền; Phổ Yên là 7 đình.

kháng chiến chống quân Minh xâm lược dưới triều nhà Hồ một lần nữa đã đưa dân tộc ta đến thảm họa mất nước. Đầu Thế kỉ XV, đất nước ta bị giặc Minh đô hộ. Dưới thời thuộc Minh, Phú Lương là một đơn vị hành chính cấp huyện thuộc Châu (Trấn) Thái Nguyên. Không chịu sống dưới ách thống trị tàn bạo của giặc Minh, nhân dân Phú Lương đã cùng với nhân dân Thái Nguyên và nhân dân cả nước liên tiếp nổi dậy chống quân Minh xâm lược. Mở đầu cho phong trào nổi dậy chống giặc Minh của nhân dân ta trong thời kì này là cuộc khởi nghĩa do Trần Nguyên Kháng và Nguyễn Đa Bí lãnh đạo nổ ra năm 1408. Tiếp đó, hàng loạt cuộc nổi dậy của nhân dân trong vùng do Chu Sư Nhan, Bùi Quí Thăng, Nguyễn Khắc Chẩn, Nguyễn Trà, Dương Khắc Chung, Dương Thế Chân lãnh đạo. Đặc biệt, cuộc khởi nghĩa của nhân dân do Ông Lão lãnh đạo xây dựng căn cứ ở vùng huyện Đồng Hỷ (giáp ranh với huyện Phú Lương) đã được đông đảo nhân dân Phú Lương hưởng ứng. Từ căn cứ Đồng Hỷ, nghĩa quân Ông Lão đã mở rộng địa bàn hoạt động sang các vùng Phú Lương, Tư Nông (nay là huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên), Cổ Lũng (nay là huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn). Trước các hoạt động mạnh mẽ của nghĩa quân Ông Lão, nhà Minh phải ra lệnh cho tên ngụy quan Ma Bá Hổ (giữ chức đồng Tri phủ Thái Nguyên) tuyển thêm ngụy binh để đàn áp. Tháng 6-1410, Ma Bá Hổ cho quân tấn công vào căn cứ nghĩa quân Ông Lão. Thủ lĩnh Ông Lão vượt vòng vây, tiếp tục củng cố và xây dựng lực lượng. Từ tháng 11-1411 đến tháng 3-1412, nghĩa quân Ông Lão tiếp tục hoạt động trở lại trên địa bàn rộng lớn hơn, gây cho giặc Minh nhiều thiệt hại nặng nề. Trong thời kì này, nhân dân Phú

Lương còn tích cực hưởng ứng và tham gia cuộc khởi nghĩa chống giặc Minh của nghĩa quân Áo Đỏ ở vùng Đại Từ, gây cho giặc Minh nhiều tổn thất nặng nề, làm cho chúng không thể đặt được chính quyền đô hộ một cách vững chắc trên miền rừng núi bao la của ta.

Từ tháng 2-1418, cuộc khởi nghĩa của nhân dân ta do Lê Lợi lãnh đạo bắt đầu dấy lên tại vùng núi rừng Lam Sơn (Thanh Hoá). Nhân dân Phú Lương ở các vùng giáp ranh với huyện Đại Từ đã tích cực hưởng ứng và cùng cha con Lưu Trung, Lưu Nhân Chú (ở Đại Từ) kéo vào Lam Sơn tụ nghĩa cùng nghĩa quân Lê Lợi đánh giặc Minh xâm lược. Tháng 1-1428, tên giặc Minh cuối cùng đã phải rút khỏi nước ta, đất nước ta được hoàn toàn giải phóng.

Từ Thế kỉ XVI đến Thế kỉ XVIII, trên đất nước ta chiến tranh xảy ra liên miên giữa các thế lực phong kiến Lê-Trịnh-Mạc, rồi Trịnh - Nguyễn, làm cho đời sống nhân dân vô cùng cực khổ, điêu đứng. Sau khi đánh thắng quân Tây Sơn, năm 1802, Nguyễn Ánh tái lập Vương triều Nguyễn và năm 1804 đặt quốc hiệu là Việt Nam. Để duy trì ách thống trị của mình, nhà Nguyễn đã thi hành nhiều chính sách phản động và thiển cận, làm cho đời sống nhân dân tiếp tục điêu đứng và khổ cực. Do vậy, các cuộc khởi nghĩa chống lại Triều đình nhà Nguyễn của nhân dân ta tiếp tục nổ ra ở nhiều nơi, cuộc khởi nghĩa này bị dập tắt thì cuộc khởi nghĩa khác lại nổ ra. Trong cuộc khởi nghĩa chống lại Triều đình nhà Nguyễn của Nông Văn Vân ở vùng Bảo Lạc (Cao Bằng) từ năm 1833 đến năm 1835, huyện Phú Lương vừa là địa bàn hoạt động của nghĩa quân, vừa là lá chắn phía Nam bảo vệ cho căn cứ của cuộc khởi nghĩa. Nhân

dân Phú Lương đã tích cực tham gia cùng nghĩa quân của Nông Văn Vân chiến đấu nhiều trận với quân của Triều đình nhà Nguyễn trên địa bàn huyện và các vùng phụ cận.

Trong những năm tiếp theo, nhân dân Phú Lương tích cực ủng hộ và tham gia các cuộc khởi nghĩa chống lại Triều đình nhà Nguyễn của Cao Bá Quát ở Sơn Tây (năm 1854), của Cai Vàng ở Bắc Bộ (từ năm 1862 đến năm 1863), làm cho nhà Nguyễn phải đối phó vất vả, khốn đốn.

Ngày 1-9-1858, thực dân Pháp nổ súng xâm lược nước ta. Sau khi đánh chiếm Đà Nẵng, các tỉnh Nam Kỳ, đồng bằng Bắc Kỳ và Hà Nội, thực dân Pháp cho quân đánh chiếm các tỉnh miền núi thượng du Bắc Kỳ. Từ ngày 17-3-1884, quân Pháp từ thành Bắc Ninh tiến lên đánh, chiếm thành Thái Nguyên. Sau gần hai tháng, với ba cuộc hành quân qui mô lớn, ngày 10-5-1884, quân Pháp đánh chiếm được thành Thái Nguyên; sau đó, từ thành Thái Nguyên chúng tấn công lên đánh chiếm huyện Phú Lương và toả ra đánh chiếm các huyện khác trong tỉnh Thái Nguyên.

Ngay sau khi đánh chiếm được huyện Phú Lương, thực dân Pháp đã xây dựng hệ thống đồn bốt dày đặc và bố trí một lực lượng quân sự khá lớn trên địa bàn huyện.

Năm 1889, ngay sau khi đánh chiếm được Chợ Mới, thực dân Pháp đã lập đồn Chợ Mới do một đơn vị lính khố đỏ chiếm đóng. Năm 1892, quân Pháp điều một đơn vị lính khố xanh lên chiếm đóng đồn Chợ Mới thay cho đơn vị lính khố đỏ đi làm nhiệm vụ khác. Năm 1894, thực dân Pháp lập Đồn Đu (đồn Phú Lương) giao cho một đơn vị lính khố xanh chiếm

giữ. Năm 1895, chúng lập thêm đồn Giang Tiên cũng do một đơn vị lính khố xanh chiếm giữ. Trong các năm tiếp theo chúng lập thêm các đồn Ba Xã, Bãi Núa, Phấn Mễ.

Đến những năm đầu Thế kỷ XX, trên địa bàn huyện Phú Lương, thực dân Pháp đã xây dựng 6 đồn binh (Chợ Mới, Đồn Du, Giang Tiên, Ba Xã, Bãi Núa, Phấn Mễ), mỗi đồn binh lẻ có khoảng từ 30 lính, đến 50 lính; mỗi đồn binh lớn có khoảng từ 100 lính, đến 200 lính, bao gồm cả lính lê dương (người Âu, Phi), lính khố đỏ, lính khố xanh (người Việt), do người Pháp trực tiếp chỉ huy. Những đồn binh này trải ra thành một mạng lưới đóng chốt ở những đầu mối quan trọng nhất, chụp lấy lãnh thổ huyện Phú Lương. Nếu tính trung bình mỗi đồn binh trên địa bàn Phú Lương có 50 lính chính quy (không kể hơn 100 tên lính đồng do bọn quan lại người Việt chỉ huy) thì binh quân cứ khoảng 4 hộ dân trong huyện có một họng súng của thực dân Pháp chĩa vào.

Cùng với việc tăng cường lực lượng quân sự, thực dân Pháp nhanh chóng thiết lập bộ máy chính quyền tay sai các cấp trong huyện. Ở cấp huyện gồm có 1 Tri huyện và 2 Thừa phái (1 Lục sự và 1 Hành chính) giúp việc. Ở các tổng có Chánh tổng, Phó Chánh tổng, Tổng đoàn, Phó Tổng đoàn. Ở các xã có Lý trưởng, Phó Lý trưởng, Xã đoàn và Hội đồng kỳ mục. Trong các hầm mỏ, đồn điền, đứng đầu là Chủ mỏ, Chủ đồn điền; dưới là các Cai, Ký, Đốc công, Quản điền.

Phát huy truyền thống đấu tranh kiên cường, bất khuất của quê hương người anh hùng dân tộc Thủ lĩnh phủ Phú Lương Phò mã lang Dương Tự Minh, nhân dân các dân tộc Phú

Lương đã kiên cường đánh quân Pháp ngay từ những ngày đầu tiên chúng đặt chân lên mảnh đất quê hương mình.

Ngày 13/1/1889, thực dân Pháp huy động 508 quân Pháp (gồm 30 sĩ quan và 478 binh lính), 416 lính ngự (không kể 1200 người dân bị bắt đi vận chuyển vũ khí, lương thực cho chúng) do các tên Sư đoàn trưởng Sư đoàn 2 tướng Boóc-nhi-đê-boóc và Đồn trưởng đồn Thái Nguyên Cút-tơ-de-la Ri-vi-e chỉ huy từ thành Thái Nguyên tấn công lên đánh chiếm Chợ Mới. Ngày 17-1-1889, từ Bàng Ninh (cách Chợ Mới 6 km), quân Pháp theo đường nhỏ men các dãy núi đá tấn công lên Chợ Mới. Từ trên các dãy núi đá, quân và dân Phú Lương đã đánh trả rất quyết liệt, bề gãy hai cuộc tấn công của chúng, tiêu diệt và bắt bị thương một số tên lính và sĩ quan Pháp đi đầu. Quân Pháp do Đại úy Com-pơ thuộc Trung đoàn 3 lính thủy đánh bộ trực tiếp chỉ huy mở cuộc tấn công thứ 3 vào Chợ Mới. Trước sức mạnh áp đảo của địch về cả quân số và vũ khí, trang bị, 15 giờ chiều ngày 17-1-1989, quân ta buộc phải tiêu hủy căn cứ Chợ Mới và rút lui. Quân Pháp tuy tấn công chiếm được căn cứ Chợ Mới, nhưng đã phải trả một giá quá đắt, với 97 sĩ quan và binh lính bị chết và bị thương (có 8 tên sĩ quan). Sau khi chiếm được căn cứ Chợ Mới, quân Pháp phải để lại đây một lực lượng lớn gồm 200 tên lính Âu và gần 300 tên lính khố đỏ để chiếm giữ. Tổn thất của quân Pháp về sĩ quan và binh lính trong trận tấn công đánh chiếm Chợ Mới ngày 17-1-1889 đã làm cho “Chính phủ Pháp lo lắng trước những tổn thất rất lớn”.

Ngày 17-12-1889, tại Làng Cao, quân và dân huyện Phú Lương phục kích, chặn đánh 1 đoàn xe vận tải của địch từ

thành Thái Nguyên lên Chợ Mới. Ba ngày sau (ngày 20-12-1889), quân và dân Phú Lương lại phục kích đánh 2 trận vào một toán quân Pháp, gồm 24 tên đi hộ tống một đoàn xe vận tải của địch từ Chợ Chu (Định Hóa), lên Chợ Mới (Phú Lương). Đêm 14 rạng ngày 15-1-1890, quân và dân Phú Lương với 40 tay súng đã tập kích táo bạo vào quân địch đóng ở đồn Chợ Mới, gây cho chúng nhiều tổn thất.

Ngày 10-1-1897, quân, dân huyện Phú Lương phục kích một đoàn thuyền vận tải của địch từ thị xã Thái Nguyên theo sông Cầu lên Chợ Mới, làm thiệt hại nặng một đơn vị địch hộ tống, thu toàn bộ vũ khí, hàng hóa. Trong những tháng đầu năm 1897, quân và dân Phú Lương đã liên tiếp phục kích địch ở huyện lỵ Phú Lương và nam Giang Tiên, trừng trị đích đáng tên giám binh Pháp ở Thái Nguyên và tên Tri huyện Phú Lương, tiêu diệt hàng chục tên lính của địch.

Cũng từ năm 1897, khi cuộc khởi nghĩa của nông dân Yên Thế (Bắc Giang) do Hoàng Hoa Thám lãnh đạo nổ ra và mở rộng địa bàn hoạt động sang Thái Nguyên, nhân dân các xã khu vực nam Phú Lương (Phấn Mễ, Cổ Lũng, Sơn Cẩm) tích cực hưởng ứng và ủng hộ nghĩa quân hoạt động trên địa bàn.

Cùng thời gian này, ở các xã vùng phía bắc huyện, dưới sự lãnh đạo của Bá Kỳ, quân và dân Phú Lương tiếp tục hoạt động quấy rối, chặn đánh địch ở nhiều nơi. Chính tên quan công sứ Pháp ở Thái Nguyên E.Chinard đã phải thừa nhận: “Bá Kỳ vẫn gây cho chúng ta những lo ngại”⁽¹⁾.

⁽¹⁾ Tiểu chí Thái Nguyên, dẫn theo Lịch sử Đảng bộ huyện Phú Lương 1930-1954, trang 20.

Cuối năm 1897, thực dân Pháp cơ bản chiếm đóng xong các vùng đất tỉnh Thái Nguyên nói chung, huyện Phú Lương nói riêng.

Bước sang những năm đầu Thế kỷ XX, hầu hết các cuộc khởi nghĩa chống Pháp của nhân dân ta trong cả nước đều bị thất bại, thực dân Pháp đẩy mạnh công cuộc khai thác thuộc địa lần thứ nhất. Tại huyện Phú Lương, bọn quan lại thực dân Pháp và phong kiến địa phương ra sức cướp đoạt ruộng, đất của nông dân để lập đồn điền. Chỉ tính riêng đồn điền La gô (còn gọi là đồn điền Na) diện tích đã lên tới trên 300 ha, chiếm hầu hết ruộng đất của nông dân ở các xã Động Đạt, Yên Lạc, Phấn Mễ, Vô Tranh⁽¹⁾. Cùng với việc cướp ruộng đất, lập đồn điền, thực dân Pháp và tay sai đã đặt ra các loại thuế đinh, thuế điền, thuế môn bài, thuế trâu bò, thuế gà - vịt, cùng nhiều loại phu phen, tạp dịch khác để bóc lột nhân dân Phú Lương. Năm 1932, với 1823 xuất đinh trên tổng dân số 7030 người, nhân dân huyện Phú Lương đã phải nộp cho chính quyền thực dân Pháp và tay sai 5241,12 đồng thuế thân, 7305,78 đồng thuế điền thổ, 219,32 đồng thuế môn bài, 33,25 đồng các khoản thuế khác. Tổng cộng số tiền thuế nhân dân trong huyện phải nộp cho chính quyền thực dân, phong kiến lên tới 12.799, 47 đồng (tương đương với gần 400 tấn thóc), bình quân mỗi người gần 1,82 đồng (tương đương với 56,88 kg thóc).

⁽¹⁾ Đến hết tháng 5-1938, diện tích đồn điền La gô lên tới 1290 ha (Trong đó, có 50 ha cấy lúa, 100 ha trồng cà phê và chè, còn lại là đồng cỏ chăn nuôi).

Ngoài các loại thuế trên, những người nông dân ở huyện Phú Lương không có ruộng buộc phải nhận ruộng phát canh thu tô của bọn địa chủ để làm ăn, sinh sống, đến ngày thu hoạch phải nộp cho bọn địa chủ tới 50% sản phẩm. Nhiều gia đình sau mùa thu hoạch không đủ sản phẩm nộp cho địa chủ phải đi vay nặng lãi, thậm chí có người phải cho cả vợ, con đi ở đợ không công cho địa chủ để trừ nợ.

Do Phú Lương là huyện có nhiều tài nguyên, khoáng sản quý trong lòng đất, nên từ năm 1903, thực dân Pháp đã lùng sục khắp nơi trong huyện để thăm dò và khai thác. Năm 1911, trên địa bàn toàn tỉnh Thái Nguyên, thực dân Pháp đã tiến hành khai thác 4 mỏ khoáng sản (than và kẽm), thì tại huyện Phú Lương đã có 1 mỏ (Mỏ than Phấn Mễ), với 163 công nhân. Tuy số lượng công nhân ở Mỏ than Phấn Mễ còn khiêm tốn, nhưng nó cho thấy Phú Lương là huyện đã góp phần hình thành một đội ngũ đầu tiên của giai cấp công nhân Việt Nam, đó là đội ngũ công nhân ngành Mỏ. Và đội ngũ này đã để lại những dấu ấn trong lịch sử đấu tranh từ tự phát đến tự giác của giai cấp công nhân Việt Nam. Cùng với quá trình thực dân Pháp đẩy mạnh khai thác thuộc địa, đội ngũ công nhân Mỏ than Phấn Mễ cũng nhanh chóng phát triển, tăng từ 163 người (năm 1911), lên 2.000 người (năm 1924). Tuy có tới 2000 công nhân, nhưng thực tế chỉ có khoảng 300 công nhân có việc làm, nên đã tạo ra một số lượng lớn công nhân “dư thừa”. Có nhiều công nhân “dư thừa”, bọn Chủ Mỏ đã ép những người công nhân đang có việc làm phải tăng thêm giờ làm, giảm tiền công; ai chống đối lại lập tức sẽ bị chúng sa thải, đưa những người công nhân trong lực lượng “dư thừa” vào thay thế.

Người công nhân Mỏ than Phấn Mễ phải làm việc mỗi ngày từ 10 đến 12 giờ, với mức tiền lương của nam công nhân trung bình từ 0,2 đồng đến 0,22 đồng (người cao nhất được khoảng 0,5 đồng), của nữ công nhân từ 0,08 đồng đến 0,20 đồng.

Công nhân Mỏ than Phấn Mễ phải sống trong các lán trại, không chăn, không màn, không giường, không chiếu; áo, quần rách rưới, mùa Đông không có áo rét phải khoác áo tơi, bao tải đi làm; khi ốm đau, bệnh tật không có thuốc thang cứu chữa. Năm 1928, trong các khu mỏ than trên địa bàn huyện đã có tới 173 công nhân bị chết vì sốt rét và ngã nước. Trận dịch hạch năm 1942, toàn huyện đã có tới 200 người bị chết.

Bị bóc lột nặng nề, người dân lao động huyện Phú Lương phải sống trong cảnh lầm than, cơ cực. Tại xã Yên Lạc, người dân lao động làm quần quật suốt ngày, mỗi năm cũng chỉ đủ gạo để ăn cơm, ăn cháo trong 6 tháng, còn lại 6 tháng phải lên rừng đào củ mài, lấy măng mai, măng nứa về ăn.

Về Văn hóa - Xã hội, thực hiện chính sách ngu dân để dễ bề cai trị, trong toàn huyện, thực dân Pháp chỉ mở 3 trường học (dạy từ lớp 1 đến lớp 3) ở các khu vực Phủ Lý, Đu, Yên Ninh, với tổng số chưa đến 100 học sinh (chủ yếu là con, em bọn quan lại phong kiến và những người giàu có trong huyện). Về Y tế, toàn huyện chỉ có một nhà thương nhỏ chuyên khám, chữa bệnh cho bọn quan lại, địa chủ; còn người dân Phú Lương bị ốm đau, bệnh tật thì chỉ biết tìm đến các thầy lang, thầy cúng và trông chờ vào sự rủi may của số phận.

Không cam chịu sự áp bức, bóc lột nặng nề của chế độ thực dân, phong kiến, những người công nhân và nông dân

Phú Lương đã vùng dậy đấu tranh. Năm 1913, nhiều công nhân Mỏ than Phấn Mễ vùng lên đấu tranh chống bọn Chủ Mỏ phạt vạ vô lý, trừng trị đích đáng những tên Cai, Sếp là tay sai đắc lực của bọn Chủ Mỏ.

Đặc biệt, trong cuộc khởi nghĩa của binh lính người Việt trong quân đội Pháp và các tầng lớp nhân dân Thái Nguyên do Đội Cận và Lương Ngọc Quyến lãnh đạo nổ ra đêm ngày 30, rạng ngày 31-8-1917 tại tỉnh lỵ Thái Nguyên, đã có nhiều công nhân Mỏ than Phấn Mễ và nông dân huyện Phú Lương tham gia. Trong giai đoạn đầu của cuộc khởi nghĩa, lực lượng chính là bộ phận lính khố xanh của đồn binh và bộ phận tù nhân chính trị bị giam giữ trong Nhà lao tỉnh lỵ Thái Nguyên. Trong số 131 lính khố xanh tham gia cuộc khởi nghĩa, huyện Phú Lương có 2 người. Đó là Cai nhì Ma Văn Được (số lính 999, nguyên quán xã Phú Khuôn, tổng Phủ Lý) và Binh nhì Nguyễn Thanh Truyền (số lính 1269, nguyên quán xã Lọc Trạch, Tổng Yên Trạch)⁽¹⁾. Sau ngày cuộc khởi nghĩa Thái Nguyên bùng nổ, “Điều đặc biệt mới và có ý nghĩa là có cả hơn 50 công nhân của Mỏ than Phấn Mễ và Mỏ thiếc Làng Hích cũng kéo tới tham gia”⁽²⁾. Sự kiện công nhân Mỏ than Phấn Mễ tham gia cuộc khởi nghĩa Thái Nguyên đã khẳng định phong trào đấu tranh chống Pháp của công nhân Mỏ than Phấn Mễ (Phú Lương) đã có bước phát triển mới về chất, đã chuyển từ đấu tranh tự phát chống bọn Chủ Mỏ, Cai, Kí phạt vạ vô lý (1913), lên tự giác tham gia khởi nghĩa Thái Nguyên chống Pháp năm 1917. Sự kiện “đó thực sự là một hiện tượng

⁽¹⁾ Theo: Khởi nghĩa Thái Nguyên 80 năm nhìn lại, trang 294, 296.

⁽²⁾ Đinh Xuân Lâm: Khởi nghĩa Thái Nguyên (1917) các đặc điểm hình thành và phát triển, Khởi nghĩa Thái Nguyên 80 năm nhìn lại, Sdd, tr. 93.

tiền triệu cho một thời kỳ mới của cách mạng Việt Nam sắp bắt đầu; trong đó, giai cấp công nhân vươn lên nắm bá quyền lãnh đạo”⁽¹⁾.

Cuộc khởi nghĩa Thái Nguyên đã làm rung động chính quyền thực dân Pháp ở Đông Dương và làm chấn động dư luận ở nước Pháp và trên thế giới. Thực dân Pháp ở Đông Dương đã phải huy động hàng nghìn quân tinh nhuệ, có pháo binh, cơ giới yểm trợ trong nhiều tháng mới dập tắt được cuộc khởi nghĩa Thái Nguyên. Mặc dù yếu hơn kẻ địch nhiều lần về lực lượng, nhưng với tinh thần chiến đấu ngoan cường, nghĩa quân Thái Nguyên (trong đó có những người công nhân, nông dân của huyện Phú Lương tham gia) đã giữ vững tinh lý được một tuần lễ và sau đó tiếp tục duy trì hoạt động, đánh du kích trong suốt nửa năm trời. Cuộc khởi nghĩa Thái Nguyên đã viết thêm một trang sử oanh liệt chống thực dân Pháp xâm lược của dân tộc ta nói chung, nhân dân Thái Nguyên, trong đó có nhân dân huyện Phú Lương nói riêng.

Sau cuộc khởi nghĩa Thái Nguyên, phong trào đấu tranh của công nhân và nông dân huyện Phú Lương tiếp tục nổ ra, tuy nhỏ lẻ và mang tính chất tự phát, nhưng đã khẳng định và tô thắm thêm truyền thống đấu tranh kiên cường, bất khuất chống xâm lược và chống cường quyền, áp bức của nhân dân các dân tộc trong huyện.

Sau ngày Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời (3-2-1930), dưới sự lãnh đạo của Đảng, trong những năm 1936-1937,

⁽¹⁾ Đinh Xuân Lâm: Khởi nghĩa Thái Nguyên (1917) các đặc điểm hình thành và phát triển, Khởi nghĩa Thái Nguyên 80 năm nhìn lại, Sdd, tr. 93

phong trào cách mạng phát triển mạnh mẽ ở các huyện Đại Từ, Võ Nhai đã có nhiều ảnh hưởng tích cực đến đời sống chính trị của nhân dân các dân tộc huyện Phú Lương.

Sau cuộc khởi nghĩa Bắc Sơn (27-9-1940), các Đội Cứu quốc quân I, Cứu quốc quân II đã ra đời ở Bắc Sơn (Lạng Sơn) và Võ Nhai (Thái Nguyên). Thực hiện chủ trương của Đảng về việc mở rộng phạm vi hoạt động, phát triển lực lượng, từ cuối tháng 10-1941, Ban lãnh đạo Cứu quốc quân II ở Võ Nhai đã cử một số tổ Cứu quốc quân sang hoạt động ở các vùng Hữu Lũng, Yên Thế (Bắc Giang), Đại Từ, Định Hóa (Thái Nguyên). Ngày 19-11-1941, từ Võ Nhai, một tổ Cứu quốc quân II, gồm 7 cán bộ, chiến sĩ chia làm hai tốp vượt vòng vây địch sang hoạt động ở vùng Đại Từ. Tốp thứ nhất gồm các đồng chí Đường Thị Ân⁽¹⁾, Hoàng Thị Môn, Hoàng Thị Ngoan; tốp thứ hai gồm các đồng chí Nguyễn Cao Đàm, Chu Viết Phong (Chu Di Phung), Phương Cường, Mông Phúc Quyền, do đồng chí Nguyễn Cao Đàm chỉ huy. Đến Đại Từ, tổ Cứu quốc quân này đã mở rộng hoạt động sang các vùng Định Hóa, Phú Lương (Thái Nguyên), Sơn Dương (Tuyên Quang). Cuối tháng 2 đầu tháng 3-1942, phong trào cách mạng từ các huyện Đại Từ, Định Hóa đã lan đến một số xã của huyện Phú Lương (Thái Nguyên). Tại các xã Phấn Mễ, Phấn Súc và các mỏ than Phấn Mễ, Làng Cẩm một số tổ chức Cứu quốc được thành lập. Từ các vùng Núi Hồng (huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên), Khuổi Kịch (huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang), phong trào cách mạng cũng dần dần lan tới Làng Cam (Phú

⁽¹⁾ Đồng chí Đường Thị Ân là vợ đồng chí Chu Văn Tấn (Chỉ huy trưởng Cứu quốc quân II). Đồng chí Chu Văn Tấn sau này là Bộ trưởng Bộ Quốc phòng đầu tiên của Chính phủ lâm thời; là Thượng tướng, Phó Chủ tịch Quốc hội của nước ta.

Lương) – một làng có nhiều đồng bào người Dao mới di chuyển từ huyện Đại Từ sang cư trú. Do có mối quan hệ họ hàng, thân tộc, một số đồng bào người Dao ở Làng Cam (Phú Lương), thường lui tới vùng Núi Hồng (Đại Từ) để thăm thân và trong số đó có một số người đã được cán bộ, chiến sĩ Cứu quốc quân II ở Đại Từ tuyên truyền cách mạng. Trong số người Dao ở Làng Cam được cán bộ, chiến sĩ Cứu quốc quân II ở Đại Từ tuyên truyền cách mạng có Lương Thống Soái và Triệu Hà Thanh đã sớm giác ngộ. Khi Cứu quốc quân II cử các đồng chí Nguyễn Cao Đàm, Đặng Hưng đến Phú Lương hoạt động, gây dựng cơ sở cách mạng và mở đường giao thông bí mật từ vùng Định Hóa, qua Phú Lương sang Võ Nhai, Lương Thống Soái và Triệu Hà Thanh đã làm liên lạc dẫn đường. Khi tuyến giao thông bí mật từ Định Hóa, qua Phú Lương, sang Võ Nhai được hình thành, phong trào cách mạng đã ảnh hưởng tích cực đến nhân dân các vùng Yên Trách, Phủ Lý.

Cuối năm 1942, Ban lãnh đạo Cứu quốc quân II cử thêm một số cán bộ, đội viên đang hoạt động ở Võ Nhai sang bổ sung cho Tổ Cứu quốc quân II ở Đại Từ. Tổ Cứu quốc quân II ở Đại Từ đã cử các đồng chí Hoàng Văn Tài và Quảng Hiền (mới được bổ sung từ Võ Nhai sang) về Phú Lương hoạt động. Tại huyện Phú Lương, các đồng chí Hoàng Văn Tài và Quảng Hiền về làng Hái Hoa vận động, tổ chức được 15 quần chúng nhân dân đã giác ngộ cách mạng vào Việt Minh. Dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức, tuyên truyền, vận động trực tiếp của các đồng chí Hoàng Văn Tài và Quảng Hiền, phong trào cách mạng lan dần sang làng Bầu và các làng Cây Thị, Na Phường, Đồng Nghè Hai cơ sở cách mạng ở làng Hái Hoa và làng Cam được nối liền nhau. Dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp

của cán bộ Cứu quốc quân, từ năm 1943, tại Phú Lương, phong trào cách mạng đã lan rộng ra địa bàn nhiều xã trong huyện. Các xã Động Đạt, Phấn Mễ, Cổ Lũng đã thành lập được Mặt trận Việt Minh và tổ chức được các hội Nông dân, Phụ nữ, Thanh niên và Phụ lão Cứu quốc. Các tổ chức Cứu quốc này đã tích cực tuyên truyền, vận động hội viên và nhân dân đấu tranh không nộp thuế thân, không lấy thẻ thân, không làm tay sai, không đi lính cho địch. Tại Giang Tiên, Mặt trận Việt Minh đã vận động được nhân dân phá kho thóc của địch chia cho dân nghèo; tổ chức được các Hội Tương tế giúp đỡ lẫn nhau. Các tá điền ở đồn điền Na đấu tranh không nộp tô cho chủ. Tại làng Hái Hoa, Đội tự vệ được thành lập. Đây là Đội tự vệ đầu tiên của huyện Phú Lương, gồm 21 cán bộ, chiến sĩ, trang bị 20 súng kíp. Nhiệm vụ trước mắt của Đội là vừa tham gia sản xuất, vừa huấn luyện quân sự; theo dõi và trừng trị những tên mật thám, tay sai gian ác của địch, bảo vệ quần chúng nhân dân, bảo vệ cơ sở cách mạng. Đội đã bao vây nhà Đốc Hiến (một tên mật thám khét tiếng, tay sai đắc lực của tên Cung Đình Vận – Tuần phủ Thái Nguyên), khiến hắn phải hoảng sợ, bỏ nhà, trốn lên Đồn Đu ở. Tại nhà Đốc Hiến, Đội tự vệ làng Hái Hoa thu được 2 khẩu súng gióp 3 và 200 viên đạn.

Từ năm 1944, ngoài việc đẩy mạnh tuyên truyền, vận động, mở rộng cơ sở cách mạng, các tổ chức Cứu quốc của Mặt trận Việt Minh ở huyện Phú Lương tích cực lãnh đạo, vận động và tổ chức nhân dân chống lại nhiều cuộc hành quân, cướp bóc của bọn binh lính khố xanh các đồn trong huyện. Tiêu biểu là cuộc đấu tranh của nhân dân xã Phấn Mễ chống

bọn lính khố xanh vào cướp thóc, lúa, lợn, gà ..., buộc chúng phải rút về đồn. Công nhân Mỏ than Phấn Mễ tổ chức đình công, kiên quyết đấu tranh chống Chủ Mỏ bớt xén tiền lương, buộc Chủ Mỏ phải trang bị dụng cụ bảo hộ lao động và tăng lương 40%. Đầu năm 1944, trước phong trào đấu tranh của công nhân Mỏ than Phấn Mễ phát triển mạnh, Chủ Mỏ đã bắt giữ những người lãnh đạo cuộc đấu tranh. Ngay lập tức, khoảng 300 công nhân Mỏ than Phấn Mễ tổ chức biểu tình, buộc Chủ Mỏ phải thả những người bị bắt. Để ngăn chặn và đàn áp phong trào cách mạng đang phát triển mạnh ở Phú Lương, ngày 20-5-1944, địch bắt Triệu Hà Thanh, một quân chúng đã được giác ngộ cách mạng, đang làm liên lạc cho cơ sở cách mạng ở làng Cam. Sau khi khám xét, thu được một số tài liệu cách mạng tại nhà Triệu Hà Thanh, địch lùng sục và bắt giữ 10 người ở làng Cam và xã Động Đạt.

Nhằm xoa dịu tinh thần đấu tranh của nhân dân Phú Lương, giặc Pháp cho tay sai đem gạo, muối, củi ..., xuống “phát chẩn” (cho không) nhân dân một số làng trong huyện. Tuy nhiên, hành động giả nhân, giả nghĩa thâm độc và xảo quyệt này của địch đã không lừa gạt được nhân dân Phú Lương. Phong trào đấu tranh của nhân dân Phú Lương tiếp tục lan rộng.

Tháng 10-1944, Xứ ủy Bắc Kỳ cử đồng chí Lôi Viết Dìu (tức Cam) về chỉ đạo phong trào cách mạng ở huyện Phú Lương. Ngay sau khi đến Phú Lương, tại làng Lân, đồng chí Lôi Viết Dìu đã họp với các đồng chí cán bộ chủ chốt của các tổ chức Cứu quốc trên địa bàn huyện phổ biến chủ trương phát triển Mặt trận Việt Minh và “Chương trình huấn luyện bốn

tháng”. Cuộc họp đã quyết định thành lập các đội tự vệ ở cơ sở và đẩy mạnh tuyên truyền, phát triển cơ sở Việt Minh và các tổ chức Cứu quốc.

Sau cuộc họp trên, nhiều xã trong huyện đã thành lập được các hội Cứu quốc. Uy tín và ảnh hưởng của Mặt trận Việt Minh ngày càng được mở rộng trong các tầng lớp nhân dân trên địa bàn, có nơi còn tranh thủ được sự ủng hộ của cả Lý trưởng, Phó lý, Xã đoàn. Nhiều xã trong huyện đã thành lập được các đội tự vệ. Ban ngày, cán bộ, chiến sĩ các đội tự vệ tham gia sản xuất, ban đêm bí mật luyện tập quân sự. Đội tự vệ xã Phấn Mễ đã phát triển lực lượng lên tới 40 cán bộ, chiến sĩ.

Nhằm thúc đẩy phong trào cách mạng và gây dựng thanh thế ở địa phương, dưới sự chỉ đạo trực tiếp của đồng chí Lôi Viết Dìu, Đội tự vệ xã Phấn Mễ định tổ chức đánh đồn Phấn Mễ vào ngày 8-1-1945. Giữa lúc công tác chuẩn bị đánh đồn Phấn Mễ đang được tiến hành khẩn trương, thì ngày 14-12-1944, tại Phố Giá, tay chân của tên Bàng Văn Quỳnh (Lý trưởng xã Phấn Mễ) đã phục kích, bắn chết đồng chí Lôi Viết Dìu.

Đồng chí Lôi Viết Dìu hi sinh là một tổn thất lớn của phong trào cách mạng Phú Lương. Vì sau ngày Xứ ủy Bắc Kỳ cử đồng chí Lôi Viết Dìu về hoạt động ở Phú Lương, phong trào cách mạng Phú Lương phát triển mạnh mẽ. Để dập tắt phong trào cách mạng Phú Lương, kẻ địch đã quyết tâm lùng bắt và tiêu diệt bằng được đồng chí Lôi Viết Dìu. Chính tên Tuần phủ Thái Nguyên Cung Đình Vận gian ác khét tiếng đã treo giải thưởng lớn cho kẻ nào giết được đồng chí Lôi Viết Dìu và địch đã tung bọn tay sai, mật thám xuống khắp các xã

trong huyện Phú Lương để dò la, lùng bắt đồng chí Lôi Viết Diu. Sau khi phục kích, bắn chết đồng chí Lôi Viết Diu, địch đã huy động lực lượng xuống lùng bắt hơn 20 người là cán bộ, hội viên các tổ chức Cứu quốc ở các xã Phấn Mễ, Cổ Lũng, đem về giam ở Nhà lao Thái Nguyên. Tại các xã Phấn Mễ, Cổ Lũng, không khí khủng bố của địch bao trùm khắp các xóm, làng. Chúng cấm nhân dân đốt đèn quá 9 giờ tối, cấm chứa những người lạ mặt trong nhà; cấm thân nhân của những người bị bắt đi ra khỏi địa bàn cư trú. Chúng thường xuyên xuống các gia đình có người bị bắt để đe dọa, khủng bố tinh thần và vơ vét vật chất. Bọn tay sai, mật thám địch tổ chức lùng sục suốt ngày đêm.

Sự khủng bố và đàn áp điên cuồng của địch tuy có gây cho phong trào cách mạng huyện Phú Lương những khó khăn nhất định, nhưng đã không đè bẹp được ý chí cách mạng của cán bộ, chiến sĩ các đội tự vệ và nhân dân các dân tộc trong huyện. Tại các xã Phấn Mễ, Cổ Lũng, cán bộ, hội viên các tổ chức Cứu quốc không bị địch bắt tiếp tục hoạt động bí mật, vận động quần chúng giữ vững tinh thần cách mạng. Trong Nhà lao Thái Nguyên, những cán bộ, hội viên Cứu quốc ở các xã Phấn Mễ, Cổ Lũng bị địch bắt vẫn giữ vững tinh thần cách mạng, tích cực đấu tranh với địch. Nhờ đó, cơ sở cách mạng ở Phú Lương vẫn tiếp tục được giữ vững và phát triển.

Trong những tháng cuối năm 1944, đầu năm 1945, tình hình thế giới và châu Á đã có những diễn biến rất mau lẹ. Tại Đông Dương, mâu thuẫn giữa Nhật và Pháp càng thêm gay gắt, cả Pháp và Nhật đang chuẩn bị cho một cuộc vật lộn quyết liệt. Quân Pháp chờ quân Đồng Minh vào Đông Dương

sẽ tấn công quân Nhật. Dự đoán được âm mưu của quân Pháp, 20 giờ 20 phút ngày 9-3-1945, quân Nhật nổ súng hất cẳng Pháp để độc chiếm Đông Dương và chỉ một ngày sau thực dân Pháp đã đầu hàng phát xít Nhật. Chiều ngày 10-3-1945, từ Hà Nội, quân Nhật theo Quốc lộ số 3 kéo lên đánh chiếm tỉnh lỵ Thái Nguyên. Quân Pháp ở tỉnh lỵ Thái Nguyên quỳ gối, đầu hàng quân Nhật. Sau khi chiếm xong tỉnh lỵ Thái Nguyên không mất một viên đạn, quân Nhật tỏa đi chiếm đóng các huyện khác trong tỉnh. Tại huyện Phú Lương, quân Nhật theo Quốc lộ số 3 tiến lên đánh chiếm các khu vực Giang Tiên, Phấn Mễ, Phố Đu và đồn điền Na. Từ Phố Đu, quân Nhật theo Quốc lộ số 3 tới km 31, rẽ lên đánh chiếm đồn khố xanh Chợ Chu (Định Hóa), bắt giữ tên Đồn trưởng người Pháp.

Sau khi chiếm đóng xong huyện Phú Lương, cũng như ở các huyện, thị khác trong tỉnh, phát xít Nhật đã thi hành nhiều chính sách phản động. Về chính trị, chúng tổ chức thành lập chính quyền tay sai các cấp từ huyện xuống các xã. Trên địa bàn huyện, một số quan chức người Việt trước đây đã làm tay sai cho thực dân Pháp, nay quay sang ôm chân, làm tay sai cho phát xít Nhật. Chính quyền tay sai huyện đóng tại Phố Đu (huyện lỵ Phú Lương), do tên Tri châu Hoàng Như Khuê phụ trách, có trong tay hơn 10 tên lính Nhật và lính bảo an. Toàn bộ bọn lính khố xanh tay sai của thực dân Pháp được quân Nhật sử dụng chuyển thành lính bảo an, tiếp tục làm nhiệm vụ chiếm đóng, chốt giữ các đồn Giang Tiên, Phấn Mễ, Phố Đu nằm trên trục Quốc lộ số 3.

Trên các tuyến giao thông chính nằm trong địa bàn huyện (chủ yếu là tuyến Quốc lộ số 3) và đường từ km 31 (Quốc lộ

3), lên Chợ Chu (Định Hóa), quân Nhật thường xuyên tổ chức tuần tra, kiểm soát. Đi đến đâu chúng cũng cướp, phá của cải; chém, giết người dân vô tội, gây ra nhiều tội ác đẫm máu đối với nhân dân các dân tộc huyện Phú Lương. Căm thù phát xít Nhật và bè lũ tay sai, nhân dân Phú Lương luôn sẵn sàng vùng lên đấu tranh chống lại chúng. Đây là một trong những thuận lợi cho phong trào cách mạng Phú Lương phát triển, đi lên.

Sau ngày Nhật đảo chính Pháp (9-3-1945), một đơn vị Cứu quốc quân và Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân, gồm các đồng chí Phương Cương, Nguyễn Văn Rạng, Trương Văn Đắc, Lê Đình Nhậm, Kim Anh ..., từ huyện Định Hóa xuống địa bàn huyện Phú Lương hoạt động, với các nhiệm vụ cụ thể là:

1- Xóa bỏ chính quyền đế quốc, phong kiến; thành lập chính quyền cách mạng ở các xã, chủ yếu là các xã ở ven Quốc lộ số 3, làm căn cứ chặn đánh quân Nhật từ tỉnh lỵ Thái Nguyên lên Bắc Kạn và Chợ Chu (Định Hóa); xây dựng chính quyền cách mạng ở các xã trong toàn huyện Phú Lương.

2- Lập quỹ binh lương, tích trữ lương thực xung quanh khu vực núi Chúa; tổ chức nhân dân vào các đội tự vệ, chuẩn bị lực lượng sẵn sàng tham gia đánh địch giải phóng tỉnh lỵ Thái Nguyên.

3- Đánh thông và bảo đảm đường giao thông liên lạc giữa các căn cứ cách mạng Đại Từ, Định Hóa (Thái Nguyên), Tân Trào (Sơn Dương - Tuyên Quang), Võ Nhai (Thái Nguyên), Bắc Sơn (Lạng Sơn).

Ngay sau khi về tới xã Ôn Lương Hạ (tổng Phủ Lý)⁽¹⁾, đơn vị Cứu quốc quân và Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân

⁽¹⁾ Sau này xã Ôn Lương Hạ đổi thành xã Phú Thịnh.

đã chia làm ba bộ phận: Bộ phận thứ nhất do đồng chí Trương Văn Đắc phụ trách, làm nhiệm vụ phối hợp với Đội tự vệ xã Phấn Mễ xây dựng cơ sở cách mạng, phát triển lực lượng vũ trang ở vùng nam núi Chúa, chuẩn bị tham gia đánh địch giải phóng tỉnh lỵ Thái Nguyên.

Bộ phận thứ hai do đồng chí Phương Cương phụ trách, làm nhiệm vụ phối hợp với tự vệ các xã ven Quốc lộ số 3 đoạn từ Km 31, đến km 34 đánh đồn điền Na và chặn quân Nhật từ đồn Đu lên Chợ Mới (Bắc Kạn) và Chợ Chu (Định Hóa).

Bộ phận thứ ba do đồng chí Phan Văn Rạng phụ trách, làm nhiệm vụ xóa bỏ chính quyền tay sai của địch, xây dựng chính quyền cách mạng ở tổng Phủ Lý.

Thực hiện chủ trương phát động cao trào chống Nhật cứu nước mạnh mẽ, tiến tới Tổng khởi nghĩa giành chính quyền do Hội nghị Ban Thường vụ Trung ương Đảng (họp mở rộng đêm 9-3-1945 tại Đình Bảng, Từ Sơn, Bắc Ninh) đề ra; chấp hành “Chỉ thị Nhật, Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta” của Ban Thường vụ Trung ương Đảng ra ngày 12-3-1945, ngày 18-3-1945, cán bộ, chiến sĩ Cứu quốc quân và Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân hoạt động ở Phú Lương đã cùng với tự vệ Phú Lương tập kích địch ở Chợ Mới, buộc chúng phải đầu hàng, nộp cho ta 10 khẩu súng trường và 600 viên đạn. Tại tổng Phủ Lý, bộ phận Cứu quốc quân và Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân do đồng chí Nguyễn Văn Rạng phụ trách đã tích cực vận động nhân dân phối hợp với cán bộ, chiến sĩ tự vệ địa phương đánh chính quyền tay sai Nhật và bọn bảo an binh, thu vũ khí, thành lập chính quyền

cách mạng. Ngày 2-4-1945, một bộ phận Cứu quốc quân cùng với Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân và tự vệ địa phương tấn công đánh địch ở đồn Đu và huyện lỵ Phú Lương. Ngày 5-4-1945, trước khi tổ chức cuộc mít tinh tại sân đình Khau Chứa (xã Ôn Lương Hạ), cán bộ, chiến sĩ Cứu quốc quân và Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân đã cùng với nhân dân tịch thu toàn bộ bằng, sắc, sổ sách, giấy tờ của chính quyền tay sai đế quốc, phong kiến; tuyên bố xóa bỏ chính quyền địch, thành lập Ủy ban nhân dân cách mạng lâm thời xã Ôn Lương Hạ, gồm các ông Nguyễn Đại Hải (Chủ tịch), Phan Văn Đắc (Phó Chủ tịch), Phan Văn Quế (Ủy viên Thư ký), Phan Văn Tĩnh (Ủy viên), Phan Công Bính (Ủy viên kiêm thủ quỹ). Ủy ban nhân dân cách mạng lâm thời xã Ôn Lương Hạ là chính quyền cách mạng cấp xã đầu tiên ở tổng Phủ Lý, đồng thời cũng là chính quyền cách mạng cấp xã đầu tiên ở huyện Phú Lương.

Tiếp theo xã Ôn Lương Hạ, chính quyền cách mạng cũng được thành lập ở các xã Ôn Lương Thượng, sau đổi thành xã Thái Thịnh (ngày 6-4-1945), Mãn Quang, gồm hai thôn Làng Cọ và Làng Mãn (ngày 7-4-1945), Môn Bình (ngày 9-4-1945), Ninh Tường (ngày 10-4-1945), Tân Phán, gồm hai thôn Na Biểu và Na Đan (ngày 11-4-1945), Phú Khuôn (ngày 12-4-1945). Phong trào cách mạng trong huyện ngày càng dâng cao và lan rộng, làm cho chính quyền tay sai của Nhật từ huyện, xuống các xã hết sức hoang mang, lo sợ.

Ngày 15-4-1945, tại xóm Bo Chè (xã Phú Khuôn, tổng Phủ Lý), đại biểu chính quyền cách mạng các xã họp bầu Ủy ban nhân dân cách mạng lâm thời tổng Phủ Lý, gồm các ông

Hoàng Văn Phùng (Chủ tịch), Hoàng Gia Dũng (Phó Chủ tịch) và các ủy viên khác là các ông Phan Văn Sáng, Phan Chân Chính, Nguyễn Văn Thiện. Ngay sau khi ra đời, chính quyền cách mạng các xã và tổng ở huyện Phú Lương đã tập trung chỉ đạo và tổ chức nhân dân xây dựng cuộc sống mới, quyên góp xây dựng quỹ binh lương, ủng hộ lực lượng vũ trang cách mạng, chuẩn bị đánh Nhật.

Sau ngày Ủy ban nhân dân cách mạng lâm thời tổng Phủ Lý ra đời, dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp của cán bộ các đội Cứu quốc quân và Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân, nhân dân các xã Yên Đổ, Yên Ninh, Yên Lạc, Yên Trạch cũng nhanh chóng nổi dậy xóa bỏ chính quyền tay sai của Nhật, thành lập chính quyền cách mạng. Trong toàn huyện, phong trào xây dựng lực lượng vũ trang cách mạng phát triển mạnh. Hầu hết các xã đã xây dựng được các đội tự vệ. Nhân dân các xã đã tự nguyện quyên góp lương thực, thực phẩm và mua, sắm vũ khí ủng hộ tự vệ. Tự vệ các xã Động Đạt, Phấn Mễ, Phấn Súc, Cổ Lũng đã cùng với nhân dân tổ chức vây bắt và xử tội những tên tay sai thân Nhật, có nhiều tội ác với nhân dân.

Trước khí thế cách mạng của nhân dân Phú Lương đang dâng lên mạnh mẽ, chính quyền tay sai Nhật ở nhiều nơi trong huyện nhanh chóng tan rã; nhiều hào lý, lý trưởng ở các xã Vô Tranh, Túc Tranh, Phú Đô, Sơn Cẩm đã mang bằng sắc, triện đồng nộp cho cách mạng. Ủy ban nhân dân cách mạng lâm thời các xã Vô Tranh, Túc Tranh, Phú Đô, Sơn Cẩm được thành lập.

Hoảng sợ trước thanh thế của cách mạng ngày một dâng cao, từ tháng 4-1945, quân Nhật mở các cuộc tấn công vào vùng Căn cứ địa cách mạng Việt Bắc. Giữa tháng 5-1945,

Nhật huy động khoảng 2.000 quân, có Việt gian chỉ điểm, dẫn đường, chia làm 3 mũi tấn công vào Căn cứ địa cách mạng Việt Bắc: Một mũi từ thị xã Bắc Kạn lên Chợ Rã, xuống Chợ Đồn; một mũi từ Vĩnh Yên lên và từ thị xã Tuyên Quang sang tấn công Sơn Dương; một mũi từ tỉnh lỵ Thái Nguyên qua Phú Lương lên và từ Chợ Mới tấn công sang đánh chiếm vùng Định Hóa. Có lần từ huyện lỵ Phú Lương, hàng trăm quân Nhật và lính bảo an đã càn quét vào Phủ Lý và định tấn công sang vùng Định Hóa. Cán bộ, chiến sĩ các đội tự vệ ở huyện Phú Lương cùng với cán bộ, chiến sĩ Đội Việt Nam Giải phóng quân⁽¹⁾ hoạt động trên địa bàn huyện đã kiên cường chặn đánh địch, buộc chúng phải rút về nơi xuất phát. Đầu tháng 6-1945, tại một địa điểm ở gần Núi Phấn, tự vệ Phú Lương đã cùng với một đơn vị Quân giải phóng phục kích một đoàn xe ô tô của địch trên Quốc lộ 3, phá hủy 1 xe, bắt bị thương 2 tên. Ngày 25-6-1945, tự vệ huyện Phú Lương đã bắt và xử tử tên Đội Lai (một tên tay sai đắc lực và rất gian ác của giặc Nhật) cầm đầu quân lính bảo an ở đồn Phấn Mễ, làm cho tên Tri huyện Phú Lương đang ở đồn Phấn Mễ hoảng sợ, phải bỏ chạy khỏi địa bàn huyện, đánh dấu sự tan rã của chính quyền tay sai Nhật ở huyện Phú Lương. Giữa tháng 7-1945, Ủy ban nhân dân cách mạng lâm thời huyện Phú Lương được thành lập, gồm các ông Phan Văn Sáng (Chủ tịch), Hoàng Gia Dũng (Phó Chủ tịch), Phan Chân Chính (Ủy viên), Hoàng Đoàn Kết (Ủy viên), Mai Khoát Hải (Ủy viên).

⁽¹⁾ Từ ngày 15-5-1945 các đội Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân, Cứu quốc quân và các tổ chức vũ trang cách mạng trong cả nước đã thống nhất thành Đội Việt Nam Giải phóng quân.

Từ cuối tháng 7-1945, trên địa bàn huyện Phú Lương, quân Nhật và lính bảo an chỉ còn đóng ở đồn điền Na và Mỏ than Phấn Mễ. Tại đồn điền Na, quân ta tổ chức bao vây chặt chẽ, không cho quân địch ra ngoài. Để tránh đổ máu, quân ta kêu gọi binh lính địch đầu hàng, nhưng chúng vẫn ngoan cố thủ. Trước tình hình đó, cán bộ, chiến sĩ lực lượng tự vệ Phú Lương tiếp tục tổ chức bao vây, bắn tỉa. Tại Mỏ than Phấn Mễ, sau ngày Nhật đảo chính Pháp (9-3-1945), bọn Chủ Mỏ bỏ chạy, chính quyền địch ở Mỏ tan rã. Mỏ không hoạt động, một số tên đốc công tay sai Pháp quay sang làm tay sai cho Nhật đã cùng với một số lính Nhật và lính bảo an cố thủ tại Mỏ. Từ tháng 7-1945, tự vệ huyện Phú Lương đã cùng với một đơn vị Quân giải phóng tổ chức bao vây, triệt đường tiếp tế của quân địch đang cố thủ ở khu vực Mỏ.

Từ giữa tháng 8-1945, sau khi Nhật đầu hàng Đồng Minh không điều kiện, quân Nhật và tay sai ở Đông Dương hoang mang cực độ. Chớp thời cơ đó, từ ngày 13 đến ngày 17-8-1945, tại Tân Trào (Sơn Dương-Tuyên Quang), Hội nghị Đảng toàn quốc và Quốc dân đại hội đã quyết định phát động Tổng khởi nghĩa giành chính quyền trong cả nước.

Thực hiện quyết định của Hội nghị Đảng toàn quốc và Quốc dân đại hội Tân Trào, nhiều cán bộ, chiến sĩ tự vệ Phú Lương đã tham gia cùng với Quân giải phóng bao vây, tấn công quân Nhật, giải phóng tỉnh lỵ Thái Nguyên. Ngày 25-8-1945, quân Nhật và lính bảo an ở đồn điền Na và Mỏ than Phấn Mễ đã phải nộp toàn bộ vũ khí cho ta và rút về tỉnh lỵ Thái Nguyên, để ngày hôm sau (26-8), rút về Hà Nội. Huyện Phú Lương được hoàn toàn giải phóng.

Từ đội tự vệ đầu tiên của huyện ra đời ở làng Hải Hoa (năm 1942), với 21 cán bộ, chiến sĩ, trải qua 3 năm vừa xây dựng, vừa chiến đấu, được nhân dân các dân tộc trong huyện hết lòng cứu mang, chở che, giúp đỡ, Lực lượng vũ trang cách mạng huyện Phú Lương đã trưởng thành nhanh chóng. Toàn bộ các xã trong huyện đều thành lập được các đội tự vệ có qui mô từ tiểu đội, đến trung đội, với hàng trăm cán bộ, chiến sĩ. Trong thời kì Tiền khởi nghĩa và Tổng khởi nghĩa Cách mạng Tháng Tám năm 1945, Lực lượng vũ trang cách mạng huyện Phú Lương đã thực sự là lực lượng nòng cốt trong việc xóa bỏ chính quyền tay sai địch, giành chính quyền về tay nhân dân, cùng nhân dân cả nước mở ra một thời kì mới trong chặng đường đấu tranh giành độc lập, tự do cho dân tộc và ấm no, hạnh phúc cho nhân dân.

Kế tục và phát huy truyền thống yêu nước, truyền thống đấu tranh kiên cường, bất khuất chống giặc ngoại xâm và chống cường quyền, áp bức của nhân dân các dân tộc trong huyện, cán bộ, chiến sĩ Lực lượng vũ trang cách mạng huyện Phú Lương và nhân dân các dân tộc trong huyện sẵn sàng thực hiện các nhiệm vụ nặng nề và vẻ vang trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược.

Chương II

QUÂN VÀ DÂN HUYỆN PHÚ LƯƠNG KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP XÂM LƯỢC (1945-1954)

I – Xây dựng, củng cố và bảo vệ chính quyền Cách mạng.

Cách mạng Tháng Tám 1945 thành công, ngày 2-9-1945, trước một cuộc mít tinh lớn của hàng vạn nhân dân Thủ đô và nhân dân các tỉnh, thành phố trong cả nước tổ chức tại Quảng trường Ba Đình (Hà Nội), Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc bản Tuyên ngôn độc lập, khai sinh Nước Việt Nam dân chủ cộng hoà và Chính phủ lâm thời ra mắt quốc dân.

Sau các sự kiện lịch sử trọng đại đó của đất nước, cũng như nhân các tỉnh, thành phố trong cả nước, nhân dân huyện Phú Lương bước từ cuộc sống của một người dân mất nước, nô lệ, lầm than, sang cuộc sống của người dân một nước độc lập, tự do, từng bước đi tới ấm no, hạnh phúc.

Tuy nhiên, sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945, đất nước ta gặp vô vàn khó khăn do thiên tai, địch hoạ gây ra. Trận lụt tháng 8-1945 ở đồng bằng Bắc Bộ làm vỡ đê ở nhiều nơi, gây úng lụt hàng vạn héc ta lúa và hoa màu, làm cho nhân

dân ta bị tổn thất nặng nề về người và của. Chính sách bắt dân “nhỏ lúa, trồng đay” của phát xít Nhật thời kì trước tháng Tám 1945 đã gây ra nạn đói khủng khiếp, làm cho hơn 2 triệu người chết đói. Trong khi đó, dưới danh nghĩa quân Đồng Minh, hàng ngàn quân Anh, 20 vạn quân Tưởng Giới Thạch, kéo vào nước ta giải giáp vũ khí của quân đội Nhật đã giở trò cướp bóc, vơ vét thóc gạo, những nhiều, phá hoại chính quyền cách mạng non trẻ của nhân dân ta.

Tại huyện Phú Lương, trận lụt tháng 8-1945 đã làm hư hỏng một số kê, cồng, muông, phai dẫn nước, phá hoại nhiều lúa và hoa màu của nhân dân. Bên cạnh đó, nền kinh tế của huyện Phú Lương chủ yếu là nền kinh tế nông nghiệp mang tính chất tự cấp, tự túc, trình độ canh tác còn hạn chế; diện tích đất nông nghiệp ít, chủ yếu là đất đồi, rừng khô cằn, ảnh hưởng xấu tới đời sống của nhân dân. Tình trạng thiếu thốn lương thực diễn ra trong địa bàn huyện trên diện rộng, có nguy cơ biến thành nạn đói, đe dọa cuộc sống trước mắt của người dân huyện Phú Lương.

Mặt khác, nạn mù chữ chiếm hơn 90% dân số, các tệ nạn xã hội (cờ bạc, rượu chè, nghiện hút và mê tín dị đoan, trộm cắp...) khá phổ biến đã ảnh hưởng xấu tới nhiệm vụ xây dựng, củng cố và bảo vệ chính quyền cách mạng non trẻ của nhân dân trong huyện. Tuy tại huyện Phú Lương không có quân Tưởng chiếm đóng như ở các huyện Đại Từ, Đồng Hỷ, Phổ Yên và thị xã Thái Nguyên, nhưng ở những nơi chúng đi qua (như ở Sơn Cẩm), chúng đã giở trò cướp bóc, những nhiều nhân dân. Một số tên Việt gian, phản động của bọn Việt Quốc, Việt Cách ở một số xã lại nổi lên chống phá chính

quyền cách mạng cơ sở. Tại các vùng phía bắc huyện, tổ chức “Nam Dương Hoa kiều hiệp hội” do tên Lục Văn Phẩm (ở xã Yên Đĩnh, huyện Bạch Thông, tỉnh Bắc Kạn) cầm đầu ra sức chống phá cách mạng, kích động đồng bào người Hoa đòi trở lại quốc tịch Trung Quốc, không thực hiện nghĩa vụ của công dân nước Việt Nam dân chủ cộng hoà, xúi giục các phần tử xấu nổi dậy chống phá cách mạng, làm cho tình hình an ninh, trật tự trên địa bàn huyện ngày càng có những diễn biến phức tạp. Trong khi đó, tại huyện Phú Lương, tổ chức cơ sở Đảng chưa được thành lập, việc lãnh đạo nhân dân triển khai thực hiện các chủ trương, đường lối, chính sách của Trung ương Đảng và Tỉnh ủy Thái Nguyên có lúc, có nơi chưa kịp thời.

Trải qua thực tế đấu tranh giành chính quyền trước và trong Cách mạng Tháng Tám 1945, dưới sự lãnh đạo trực tiếp của các cán bộ Đảng hoạt động trên địa bàn và sự chỉ đạo của chính quyền cách mạng lâm thời các cấp trong huyện, cán bộ, chiến sĩ Lực lượng vũ trang cách mạng và đồng bào các dân tộc huyện Phú Lương nỗ lực phấn đấu, kiên quyết bảo vệ những thành quả mà Cách mạng Tháng Tám 1945 đem lại. Nhân dân và cán bộ, chiến sĩ Lực lượng vũ trang cách mạng Phú Lương tập trung thực hiện chỉ thị “Sáu việc cần làm ngay” của Chủ tịch Hồ Chí Minh, được Hội đồng Chính phủ nhất trí tán thành trong phiên họp đầu tiên ngày 3-9-1945 là:

- 1- Phát động ngay một chiến dịch tăng gia, sản xuất để cứu đói. Mở ngay một cuộc lạc quyên, 10 ngày một lần, mỗi người nhin ăn một bữa, gạo tiết kiệm được sẽ góp lại phát cho người nghèo.

- 2- Mở rộng ngay một phong trào chống nạn mù chữ do thực dân Pháp gây ra đối với đồng bào ta.

3- Tổ chức càng sớm càng hay cuộc Tổng tuyển cử với chế độ phổ thông đầu phiếu, thực hiện quyền tự do, dân chủ của nhân dân.

4- Mở một phong trào giáo dục cần, kiệm, liêm, chính để bài trừ những thói hư, tật xấu do chế độ thực dân để lại.

5- Bỏ ngay ba thứ thuế: thuế thân, thuế chợ, thuế đò; tuyệt đối cấm hút thuốc phiện.

6 - Tuyên bố tự do tín ngưỡng và lương, giáo đoàn kết.

Nhằm giải quyết cơ bản “giặc đói”, cán bộ, nhân dân và chiến sĩ Lực lượng vũ trang cách mạng Phú Lương đẩy mạnh tăng gia, sản xuất và thực hành tiết kiệm. Hưởng ứng lời kêu gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh “Lúc này chúng ta nâng bát cơm lên ăn, nghĩ đến kẻ đói, khổ, chúng ta không khỏi động lòng. Vậy tôi đề nghị với đồng bào cả nước và tôi xin thực hiện trước: Cứ 10 ngày nhịn một bữa, mỗi tháng 3 bữa, đem gạo đó (mỗi bữa một bơ) để cứu dân nghèo”⁽¹⁾, cán bộ, nhân dân và chiến sĩ Lực lượng vũ trang cách mạng Phú Lương đã nêu cao truyền thống “Thương người như thể thương thân”, “Một miếng khi đói bằng một gói khi no”, vận động nhà nhà đặt hũ gạo cứu đói, mỗi bữa đóng gạo nấu cơm đều bớt lại một nắm bỏ vào hũ để lấy gạo ủng hộ người nghèo và vận động nhân dân không dùng gạo nấu rượu.

Nhằm khôi phục và phát triển sản xuất, đáp ứng yêu cầu trước mắt và lâu dài, dưới sự lãnh đạo của các cán bộ Đảng hoạt động trên địa bàn, chính quyền cách mạng các cấp từ huyện xuống các xã, cán bộ, chiến sĩ Lực lượng vũ trang và

⁽¹⁾ Văn kiện Đảng 1945-1954, Tập 1, trang 11, Ban Nghiên cứu Lịch sử Đảng Trung ương, Xuất bản năm 1978.

nhân dân các dân tộc huyện Phú Lương đã nêu cao tinh thần đoàn kết, đồng cam cộng khổ, khắc phục khó khăn, triệt để thực hiện khẩu hiệu “Tắc đất, tắc vàng”, “Không để một tấc đất bị bỏ hoang”. Nhân dân ở khắp các vùng trong huyện đẩy lên các phong trào khai hoang, phục hoá, cấy lúa, trồng ngô, khoai, sắn; đoàn kết, tương thân, tương ái, giúp đỡ nhau về giống, vốn, công sức và lương thực, thực phẩm.

Nhờ sự nỗ lực phấn đấu của nhân dân và cán bộ, chiến sĩ Lực lượng vũ trang trong huyện, sản xuất nông nghiệp của Phú Lương đã nhanh chóng được khôi phục, đời sống của nhân dân từng bước được ổn định, uy tín của tổ chức cơ sở Đảng và chính quyền nhân dân các cấp trong huyện ngày càng được khẳng định và nâng cao.

Hưởng ứng phong trào xây dựng “Quỹ độc lập” và “Tuần lễ vàng” do Chủ tịch Hồ Chí Minh phát động ngày 4-9-1945, nhằm từng bước giải quyết những khó khăn về tài chính cho chính quyền cách mạng, từ ngày 17 đến ngày 24-9-1945, dưới sự lãnh đạo của các cán bộ Đảng và chỉ đạo của chính quyền các cấp trong huyện, đồng bào các dân tộc và cán bộ, chiến sĩ Lực lượng vũ trang Phú Lương đóng góp, ủng hộ chính quyền cách mạng nhiều tiền, bạc; có người ủng hộ cả những kỷ vật quý như nhẫn cưới, khuyên tai. Kết quả, trong vòng 1 tuần nhân dân và các cán bộ, chiến sĩ Lực lượng vũ trang Phú Lương đã đóng góp, ủng hộ được hàng vạn đồng tiền mặt và rất nhiều tài sản có giá trị khác, góp phần đưa số của cải đóng góp xây dựng “Quỹ độc lập” và “Tuần lễ vàng” trong toàn tỉnh lên 5 kg vàng, giúp cho chính quyền cách mạng giải quyết những khó khăn gay gắt về tài chính trong những ngày đầu

mới thành lập. Kết quả xây dựng “Quỹ độc lập” và “Tuần lễ vàng” ở huyện Phú Lương đã một lần nữa khẳng định tinh thần yêu nước và cách mạng của nhân dân các dân tộc và cán bộ, chiến sĩ Lực lượng vũ trang trong huyện.

Cuối tháng 9/1945, Hội nghị cán bộ Đảng toàn tỉnh Thái Nguyên tổ chức tại Trường Xô (xã Phấn Mễ, huyện Phú Lương), quán triệt Nghị quyết của Xứ ủy Bắc Kỳ và Chỉ thị của Tỉnh ủy Thái Nguyên; thảo luận và thông qua một số chủ trương, biện pháp đối phó với quân Tưởng; thống nhất chủ trương đẩy mạnh phát triển đảng viên, thành lập tổ chức cơ sở Đảng. Hội nghị có ý nghĩa rất quan trọng đối với công tác xây dựng Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên sau này (trong đó có Đảng bộ huyện Phú Lương). Hội nghị Trường Xô là một cái mốc đánh dấu sự thống nhất lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh trên địa bàn toàn tỉnh. Nhân dân và cán bộ, chiến sĩ Lực lượng vũ trang cách mạng Phú Lương tự hào đã có những đóng góp nhất định của mình cho thành công của Hội nghị Trường Xô.

Thực hiện Sắc lệnh (số 8 ngày 5-9-1945) của Chính phủ về việc giải tán các đảng, phái phản động và Sắc lệnh (ngày 13-9-1945) của Chính phủ về việc đưa đi an trí những phần tử nguy hiểm, cán bộ, chiến sĩ Lực lượng vũ trang cách mạng huyện Phú Lương đẩy mạnh hoạt động, bắt giữ và trừng trị một số tên trong các tổ chức phản động có nhiều tội ác với nhân dân, góp phần cùng lực lượng vũ trang trong tỉnh đập tan mọi âm mưu và hành động chống phá của các thế lực phản cách mạng, giữ vững trật tự, trị an, bảo vệ vững chắc chính quyền dân chủ nhân dân ở địa phương.

Quán triệt lời kêu gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh “Mọi người dân Việt Nam phải có hiểu biết về quyền lợi của mình,

bổn phận của mình; phải có kiến thức mới để tham gia vào công cuộc xây dựng nước nhà và trước hết phải biết đọc, biết viết chữ quốc ngữ"⁽¹⁾, cán bộ Đảng và chính quyền nhân dân các cấp trong huyện lãnh đạo, chỉ đạo nhân dân Phú Lương đẩy mạnh phong trào "diệt giặc đói". Ban Bình dân học vụ huyện được thành lập do các ông Phan Văn Đắc làm Trưởng ban, Phan Văn Thơ làm Phó ban. Nhận thức được tầm quan trọng của việc học chữ quốc ngữ đối với sự nghiệp bảo vệ chế độ mới, dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Ban Bình dân học vụ huyện, nhân dân ở khắp nơi trên địa bàn Phú Lương đã đẩy lên phong trào thi đua học chữ quốc ngữ. Không phân biệt già, trẻ, trai, gái, nhân dân ở khắp các nơi trong huyện từ xã cực nam Sơn Cẩm, lên xã cực bắc Yên Ninh; từ xã cực đông Phú Đô, sang xã cực tây Ôn Lương, đâu đâu cũng nô nức đi học chữ quốc ngữ để xóa nạn mù chữ. Ban ngày nhân dân ra đồng, lên nương tăng gia sản xuất, tối về ăn cơm xong lại đốt đuốc, thắp đèn dầu đến lớp học chữ quốc ngữ. Nhân dân Phú Lương đã thực hiện đúng phương thức chống nạn thất học như Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chỉ ra: "Những người đã biết chữ dạy cho những người chưa biết chữ ..., những người chưa biết chữ hãy gắng sức mà học cho tốt. Vợ chưa biết thì chồng bảo, em chưa biết thì anh bảo, cha mẹ chưa biết thì con bảo"⁽²⁾. Cùng với phong trào bình dân, học vụ xóa nạn mù chữ, các trường sơ học yếu lược (tiểu học) trên địa bàn huyện tiếp tục khai giảng, đón hàng trăm con, em nhân dân các dân tộc trong huyện vào học, với nội dung, chương trình cải tiến theo hướng

(1) (2) Hồ Chí Minh toàn tập, Tập IV, Trang 28.

dân tộc, dân chủ. Nhờ đó, trong nhân dân các dân tộc huyện Phú Lương, nạn mù chữ từng bước được đẩy lùi, trình độ nhận thức về văn hoá, xã hội từng bước được nâng lên, góp phần đẩy lùi các tập tục lạc hậu và các tệ nạn xã hội.

*

* * *

Về phía địch, với quyết tâm xâm lược nước ta một lần nữa, ngày 23-9-1945, được quân Anh vào giải giáp vũ khí của quân Nhật che chở, quân Pháp đã nổ súng gây hấn ở Nam Bộ. Nhân dân Nam Bộ đã anh dũng đứng lên kháng chiến. Thực hiện lời kêu gọi của Đảng “Hy sinh hết thảy vì kháng chiến. Hy sinh hết thảy vì mặt trận miền Nam”, cùng với nhân dân các dân tộc trong tỉnh, nhân dân các dân tộc huyện Phú Lương đã tổ chức mít tinh, biểu tình, phản đối hành động gây chiến của thực dân Pháp ở Nam Bộ. Băng, cờ, khẩu hiệu, biểu ngữ “Đả đảo thực dân Pháp xâm lược”, “Ủng hộ Nam Bộ kháng chiến”, “Nước Việt Nam của người Việt Nam” được giương lên ở khắp nơi trong huyện. Nhiều thanh niên là con em nhân dân các dân tộc trong huyện đã đến “Phòng Nam Bộ” ghi tên xung phong vào Nam đánh giặc.

Do phần lớn những cán bộ, chiến sĩ trong các đội tự vệ của huyện Phú Lương có nhiều kinh nghiệm chiến đấu đã được điều động vào các đội quân Nam tiến hoặc bổ sung cho các đơn vị Vệ quốc đoàn, lực lượng còn lại chỉ có một số ít cán bộ lãnh đạo, chỉ huy mới từ cấp dưới đưa lên, năng lực còn yếu. Thực hiện chủ trương của Tỉnh ủy Thái Nguyên về việc động viên nhân dân tham gia xây dựng, củng cố, phát triển lực lượng vũ trang, các cán bộ Đảng hoạt động trên địa bàn và

chính quyền cách mạng các cấp trong huyện tập trung lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng các đơn vị tự vệ chiến đấu. Nhân dân các dân tộc trong huyện tích cực tham gia đóng góp sức người, sức của để xây dựng, củng cố tổ chức và mua sắm vũ khí trang bị cho cán bộ, chiến sĩ lực lượng tự vệ. Tiểu đội cảnh vệ (thành lập từ tháng 7-1945, gồm 11 cán bộ, chiến sĩ do đồng chí Phan Văn Bế chỉ huy, làm nhiệm vụ bảo vệ chính quyền cách mạng huyện), được bổ sung thêm cán bộ, chiến sĩ, nâng lên thành trung đội, gồm 27 cán bộ, chiến sĩ do các đồng chí Ma Quốc Oai làm Trung đội trưởng, Nguyễn Hữu Thành làm Chính trị viên. Nhằm nâng cao trình độ giác ngộ về chính trị và năng lực chiến đấu cho cán bộ, chiến sĩ tự vệ, các cán bộ Đảng do Tỉnh ủy cử xuống và chính quyền cách mạng các cấp trong huyện đã mở một số lớp huấn luyện quân sự ngắn ngày. Nhờ được xây dựng, củng cố và huấn luyện tốt, cán bộ, chiến sĩ lực lượng tự vệ chiến đấu Phú Lương đã làm tròn nhiệm vụ ngăn chặn các âm mưu và hành động chống phá của các thế lực thù địch, bảo vệ và giữ vững được chính quyền cách mạng các cấp trong huyện. Nhờ sự quan tâm chỉ đạo của các cấp chính quyền, sự ủng hộ, giúp đỡ của nhân dân, chỉ trong một thời gian ngắn, hầu hết các xã trong huyện đều xây dựng được các đội tự vệ, biên chế thành các tiểu đội, trung đội có đủ các bộ phận quân báo, liên lạc và cứu thương.

Thực hiện Sắc lệnh số 51 ngày 17-10-1945 của Chính phủ, nhân dân và cán bộ, chiến sĩ Lực lượng tự vệ huyện Phú Lương tập trung chuẩn bị Tổng tuyển cử bầu Quốc hội khoá I. Do tỉnh Thái Nguyên không nhận được Sắc lệnh số 76 ngày 12-12-1945 của Chính phủ về việc lùi cuộc Tổng tuyển cử bầu Quốc hội khoá I đến ngày 6-1-1946, nên ngày 23-12-1945, đông đảo cử tri huyện Phú Lương đã cùng với hầu hết cử tri

các huyện, thị xã khác trong toàn tỉnh đã đi đi bỏ phiếu, bầu được 3 đại biểu (Lê Trung Đình, Đặng Đức Thái, Nguyễn Trung Thành), do Mặt trận Việt Minh tỉnh giới thiệu vào Quốc hội Khoá I của nước Việt Nam dân chủ cộng hòa.

Sau cuộc Tổng tuyển cử bầu Quốc hội, thực hiện chủ trương của Đảng và Chính phủ về kiện toàn bộ máy chính quyền các cấp, nhân dân và Lực lượng vũ trang Phú Lương tiếp tục tham gia bầu cử Hội đồng nhân dân hai cấp tỉnh và xã. Sau bầu cử Hội đồng nhân dân xã, các xã ở huyện Phú Lương đã bầu ra Ủy ban hành chính thay cho Ủy ban nhân dân cách mạng lâm thời được thành lập từ khi mới giành được chính quyền trong thời kỳ Cách mạng Tháng Tám 1945. Tháng 10-1946, Ủy ban hành chính huyện Phú Lương chính thức được thành lập do các ông Phan Văn Tĩnh làm Chủ tịch, Hoàng Gia Dũng làm Phó Chủ tịch, Phan Chân Chính làm Ủy viên. Sau khi được thành lập, Ủy ban hành chính huyện Phú Lương tổ chức kiện toàn các ban chuyên môn, gồm: Ban Thông tin, Ban Bình dân học vụ, Ban Phá hoại, Ban Giao thông liên lạc, Ban Đón tiếp đồng bào tản cư. Mỗi ban đều có tổ chức ngành dọc từ huyện, xuống các xã. Cùng với việc xây dựng, củng cố, kiện toàn tổ chức, chính quyền huyện Phú Lương tổ chức sắp xếp lại các đơn vị hành chính theo hướng tinh giản, tránh chồng chéo, đem lại hiệu quả hoạt động cao. Từ 23 xã trước Cách mạng Tháng Tám 1945, huyện tổ chức lại thành 12 xã với dân số khoảng 13.000 người⁽¹⁾.

*

*

*

⁽¹⁾ 12 xã gồm: Yên Trạch, Yên Ninh, Hợp Thành, Yên Đỗ, Yên Lạc, Động Đạt, Phấn Mễ, Phú Đô, Tức Tranh, Vô Tranh, Cổ Lũng, Sơn Cẩm.

Một trong những nhiệm vụ cấp bách của huyện Phú Lương sau ngày Cách mạng Tháng Tám 1945 thành công là phải xây dựng tổ chức cơ sở Đảng để trực tiếp lãnh đạo phong trào cách mạng ở huyện. Cuối năm 1945, Tỉnh ủy Thái Nguyên cử đồng chí Lê Phương (cán bộ Đảng ở huyện Phú Bình) lên phụ trách phong trào cách mạng huyện Phú Lương. Tháng 2-1946, các đồng chí cán bộ chủ chốt của huyện Phú Lương gồm Phan Văn Sáng, Phan Văn Quế, Phan Văn Tĩnh, Nguyễn Thị Hát được kết nạp vào Đảng; Chi bộ Đảng Cộng sản Đông Dương đầu tiên của huyện Phú Lương được thành lập do đồng chí Lê Phương làm Bí thư.

Tiếp theo, tháng 4-1946, các đồng chí Nguyễn Đại Hải, Nguyễn Thiện Tùng được kết nạp vào Đảng; Ban Cán sự Đảng huyện Phú Lương ra đời, gồm các đồng chí Lê Phương, Phan Văn Quế, Phan Văn Tĩnh do đồng chí Lê Phương làm Trưởng ban. Ban Cán sự Đảng huyện có chức năng như một Huyện ủy, chịu trách nhiệm trước Tỉnh ủy Thái Nguyên về việc lãnh đạo các cấp chính quyền, đoàn thể và nhân dân trong huyện thực hiện mọi chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và Chính phủ.

Tiếp theo, ở một số xã trong huyện, một số quần chúng ưu tú được kết nạp vào Đảng, một số chi bộ mới được thành lập. Trên cơ sở đó, tháng 11-1946, Tỉnh ủy Thái Nguyên quyết định thành lập Đảng bộ huyện Phú Lương, chỉ định Ban Chấp hành Đảng bộ lâm thời gồm các đồng chí Thái Bảo (Tỉnh ủy viên, nguyên Trưởng ban Cán sự Đảng huyện Phổ Yên) làm Bí thư, Nguyễn Vũ và Phan Văn Quế làm Ủy viên.

Sự ra đời của Đảng bộ huyện Phú Lương tháng 11-1946 đã đánh dấu một bước trưởng thành quan trọng của phong trào

cách mạng trong toàn huyện. Từ đây, phong trào “Kháng chiến kiến quốc” của nhân dân và Lực lượng vũ trang cách mạng huyện Phú Lương đã có một Đảng bộ ngay tại địa phương lãnh đạo.

Trải qua hơn một năm sau ngày Cách mạng Tháng Tám 1945 thành công, nhân dân và Lực lượng vũ trang cách mạng huyện Phú Lương đã kiên cường vượt qua nhiều khó khăn, thử thách, góp phần đẩy lùi “giặc đói”, từng bước đánh bại “giặc dốt”, đánh thắng thù trong, đánh bại “giặc ngoài”, xây dựng lực lượng vũ trang cách mạng, củng cố chính quyền dân chủ nhân dân và phát triển đảng viên, xây dựng tổ chức cơ sở Đảng ngày càng vững mạnh và trưởng thành, đưa huyện Phú Lương trở thành một trong những huyện có nhiều xã An toàn khu trong Trung tâm Căn cứ địa kháng chiến Việt Bắc sau này. Nhân dân và cán bộ, chiến sĩ Lực lượng vũ trang cách mạng huyện Phú Lương sẵn sàng cùng với nhân dân và cán bộ, chiến sĩ Lực lượng vũ trang cách mạng trong tỉnh và cả nước bước vào cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp trường kì, gian khổ và anh dũng của dân tộc.

II – Chuẩn bị chiến đấu và trực tiếp chiến đấu, góp phần đánh bại chiến dịch tấn công lên Việt Bắc Thu Đông 1947 của địch.

Về phía địch, với bản chất xâm lược và hiếu chiến, thực dân Pháp ngang nhiên xóa bỏ Hiệp định sơ bộ 6-3-1946, Tạm ước 14-9-1946; từng ngày, từng giờ mở rộng chiến tranh xâm lược nước ta. Trước tình hình đó, Hội nghị quân sự toàn quốc của Đảng (họp ngày 19-10-1946 tại Hà Nội, do đồng chí Tổng Bí thư Đảng Trường Chinh chủ trì) đã nhận định: “Không sớm

thì muộn Pháp sẽ đánh mình và mình cũng nhất định phải đánh Pháp”⁽¹⁾.

Để chuẩn bị đánh thắng quân xâm lược Pháp có quân số đông, trang bị vũ khí mạnh, một số xã vùng phía tây huyện Phú Lương, các xã thuộc huyện Định Hóa, một số xã vùng phía bắc huyện Đại Từ vinh dự được Trung ương Đảng và Chính phủ chọn làm một trong những nơi để xây dựng An toàn khu kháng chiến Việt Bắc. Nhiệm vụ của Đảng bộ, chính quyền, nhân dân và cán bộ, chiến sĩ Lực lượng vũ trang huyện Phú Lương lúc này là sẵn sàng tiếp nhận, che giấu và bảo vệ các cơ quan, kho tàng, xí nghiệp, bệnh viện, trường học từ Thủ đô Hà Nội và các tỉnh đồng bằng chuyển lên Căn cứ địa kháng chiến Việt Bắc.

Đúng như nhận định của Đảng tại Hội nghị quân sự toàn quốc (họp ngày 19-10-1946), từ ngày 20 đến ngày 27-11-1946, thực dân Pháp đánh chiếm Hải Phòng và Lạng Sơn. Trong hai ngày 18 và 19-12-1946, thực dân Pháp liên tiếp gửi tối hậu thư cho Chính phủ ta đòi tước vũ khí của tự vệ và trao quyền kiểm soát Thủ đô Hà Nội cho chúng. Trước tình hình đó, trong hai ngày 18 và 19-12-1946, tại làng Vạn Phúc (Hà Đông), Ban Thường vụ Trung ương Đảng họp Hội nghị (mở rộng) dưới sự chủ toạ của Chủ tịch Hồ Chí Minh, nhận định: “Âm mưu của Pháp mở rộng chiến tranh xâm lược nước ta đã chuyển sang một bước mới, thời kỳ hoà hoãn đã qua, khả năng hoà bình không còn nữa”⁽²⁾. Hội nghị quyết định phát động

(1) (2) Dẫn Theo “60 năm Quân đội nhân dân Việt Nam”, trang 43.

toàn quân, toàn dân tiến hành cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược trên quy mô cả nước. Sáng ngày 19-12-1946, Ban Thường vụ Trung ương Đảng điện cho các mặt trận và các chiến khu, chỉ rõ: “Giặc Pháp đã hạ tối hậu thư đòi tước khí giới của quân đội, tự vệ, công an ta. Chính phủ đã bác bức tối hậu thư ấy. Như vậy chỉ trong vòng 24 giờ là cùng, chắc chắn giặc Pháp sẽ nổ súng. Chỉ thị: tất cả hãy sẵn sàng”⁽¹⁾. Chiều ngày 19-12-1946, Tổng chỉ huy Võ Nguyên Giáp hạ mệnh lệnh cho lực lượng vũ trang “Giờ chiến đấu đã đến”⁽²⁾.

Đêm ngày 19, rạng ngày 20-12-1946, các lực lượng vũ trang và nhân dân Thủ đô Hà Nội đã nổ súng chiến đấu, mở đầu Toàn quốc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược. Sáng ngày 20-12-1946, Đài Phát thanh tiếng nói Việt Nam đã phát đi “Lời kêu gọi Toàn quốc kháng chiến” của Chủ tịch Hồ Chí Minh:

“Hỡi đồng bào toàn quốc!

Chúng ta muốn hoà bình, chúng ta đã nhân nhượng. Nhưng chúng ta càng nhân nhượng, thực dân Pháp càng lấn tới, vì chúng quyết cướp nước ta lần nữa.

Không! Chúng ta thà hy sinh tất cả, chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ.

Hỡi đồng bào! Chúng ta phải đứng lên!

Bất kỳ đàn ông, đàn bà, bất kỳ người già, người trẻ, không chia tôn giáo, đảng phái, dân tộc, hễ là người Việt Nam thì phải đứng lên đánh thực dân Pháp, để cứu Tổ quốc. Ai có súng

⁽¹⁾⁽²⁾ Dẫn theo “60 năm Quân đội nhân dân Việt Nam”, trang 43.

dùng súng, ai có gươm dùng gươm, không có gươm thì dùng cuốc thuổng, gậy gộc, ai cũng phải ra sức chống thực dân, cứu nước...”⁽¹⁾.

Tiếp đó, ngày 22-12-1946, Ban Thường vụ Trung ương Đảng ra “Chỉ thị toàn dân kháng chiến”, đề ra nhiệm vụ của lực lượng vũ trang “Quân: không hàng giặc. Không để mất súng. Không bắn phí đạn. Không xâm phạm tính mệnh, tài sản, của dân. Không ngược đãi tù binh. Ủng hộ Chính phủ kháng chiến và Hồ Chủ tịch. Bảo vệ tính mệnh, tài sản cho dân. Sĩ quan và binh lính một lòng. Tuân lệnh cấp trên. Phục tùng kỷ luật”⁽²⁾.

Hưởng ứng lời kêu gọi Toàn quốc kháng chiến của Chủ tịch Hồ Chí Minh và thực hiện đường lối kháng chiến “Toàn dân, toàn diện, trường kỳ, tự lực cánh sinh” của Đảng, dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp của Huyện ủy lâm thời và Ủy ban hành chính huyện Phú Lương, nhân dân và cán bộ, chiến sĩ Lực lượng vũ trang trong huyện khẩn trương tiến hành công tác chuẩn bị kháng chiến trên tất cả các mặt.

Thực hiện chủ trương của Trung ương về việc kiện toàn bộ máy lãnh đạo, chỉ đạo các cấp, nhằm từng bước đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp kháng chiến, kiến quốc, tháng 3-1947, Ủy ban bảo vệ huyện Phú Lương chuyển thành Ủy ban kháng chiến huyện Phú Lương⁽³⁾ do ông Phan Văn Sáng làm Chủ tịch.

⁽¹⁾ Hồ Chí Minh toàn tập, tập 4, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000, trang 480.

⁽²⁾ Dẫn theo “60 năm Quân đội nhân dân Việt Nam, Trang 44.

⁽³⁾ Ủy ban bảo vệ huyện Phú Lương thành lập trong thời gian Ủy ban hành chính huyện ra đời (tháng 10-1946). Ủy ban bảo vệ làm nhiệm vụ lãnh đạo, chỉ đạo kháng chiến, kiến quốc. Ủy ban hành chính giải quyết các công việc về hành chính.

Đầu năm 1947, Đảng bộ huyện Phú Lương tổ chức Đại hội Đảng bộ lần thứ nhất, bàn phương hướng, nội dung, nhiệm vụ lãnh đạo của Đảng bộ trong thời gian tới. Đại hội bầu Ban Chấp hành Đảng bộ (Huyện ủy) do các đồng chí Hứa Đình Khánh (nguyên cán bộ Cứu quốc quân II Võ Nhai, là cán bộ do tỉnh Thái Nguyên tăng cường xuống huyện Phú Lương) làm Bí thư và các đồng chí Phan Văn Tĩnh và Nguyễn Hữu Tài làm Ủy viên Ban Thường vụ.

Sau khi tổ chức Đảng (lãnh đạo), Chính quyền (chỉ đạo) huyện và các xã được xây dựng, củng cố, kiện toàn, một trong những nhiệm vụ quan trọng bậc nhất trong công tác chuẩn bị kháng chiến của cấp ủy Đảng, chính quyền và nhân dân các dân tộc huyện Phú Lương là tiếp tục xây dựng, củng cố hậu phương và phát triển lực lượng vũ trang.

Thực hiện Thông tư ngày 19-2-1947 của Bộ Quốc phòng về hệ thống tổ chức, nhiệm vụ các cơ quan dân quân, tự vệ, du kích thuộc các khu, tỉnh, huyện, xã; qui định mọi công dân từ 18 đến 45 tuổi vào dân quân, theo sự chỉ đạo của Ban chỉ huy Tỉnh đội¹, Huyện ủy, Ủy ban hành chính huyện Phú Lương quyết định thành lập Huyện đội bộ dân quân huyện Phú Lương, cơ quan chuyên trách làm nhiệm vụ tham mưu, giúp Huyện ủy, Ủy ban hành chính huyện về công tác quân sự. Huyện ủy, Ủy ban hành chính huyện Phú Lương phân công đồng chí Nguyễn Đại Hải (Chủ nhiệm Việt Minh huyện) làm Chính trị viên kiêm Huyện đội trưởng⁽²⁾; đồng chí Nguyễn

¹ Ban chỉ huy Tỉnh đội bộ dân quân Thái Nguyên thành lập ngày 15-4-1947.

⁽²⁾ Một thời gian ngắn sau, Ban chỉ huy Tỉnh đội Thái Nguyên điều đồng chí Tạ Việt Cường về làm Huyện đội trưởng; đồng chí Nguyễn Đại Hải làm Chính trị viên Huyện đội (thời kiêm chức Huyện đội trưởng).

Văn Nhâm (tức Hàm) làm Huyện đội phó. Cơ quan Huyện đội bộ dân quân gồm có ba bộ phận: bộ phận Quân sự do đồng chí Ma Tiến Cường phụ trách; bộ phận Chính trị do đồng chí Nguyễn Tất Đạt phụ trách và bộ phận Văn phòng do đồng chí Phan Văn Thơ phụ trách.

Sự ra đời của Huyện đội bộ dân quân⁽¹⁾ là cơ sở và tiền đề quan trọng để Huyện ủy, Ủy ban hành chính huyện Phú Lương đẩy mạnh công tác xây dựng, củng cố và phát triển lực lượng dân quân, tự vệ và du kích.

Dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Huyện đội bộ dân quân, Ủy ban hành chính các xã trong huyện đã tổ chức thành lập các Ban chỉ huy Xã đội bộ dân quân và phân công đồng chí Ủy viên Quân sự trong Ủy ban hành chính xã làm Xã đội trưởng.

Sau khi ra đời, dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp của Huyện ủy, Ủy ban hành chính huyện và Ủy ban hành chính các xã, Ban chỉ huy Huyện đội và các Ban chỉ huy Xã đội bộ dân quân đẩy mạnh việc xây dựng, củng cố và phát triển lực lượng dân quân tự vệ và du kích chiến đấu. Đến trước ngày địch mở cuộc tấn công lên Việt Bắc Thu - Đông 1947 (7-10-1947), bình quân mỗi xã trong huyện xây dựng được 1 trung

⁽¹⁾ Trong quá trình biên soạn cuốn sách, Tổ Biên soạn sưu tầm được tư liệu do đồng chí Nguyễn Đại Hải cung cấp như sau: Năm 1946, huyện Phú Lương tổ chức thành lập Huyện đội. Ban chỉ huy Huyện đội đầu tiên gồm: Huyện đội trưởng là Nguyễn Hữu Bài (người xã Động Đạt), Huyện đội phó là Vinh Long (người xã Động Đạt), Chính trị viên là Lê Hữu Thiều (người phố Đu, xã Động Đạt). Giữa năm 1947, theo chỉ đạo của Ban chỉ huy Tỉnh đội bộ dân quân, Huyện ủy, Ủy ban hành chính huyện Phú Lương giải thể Ban chỉ huy Huyện đội này và thành lập Ban chỉ huy Huyện đội bộ dân quân theo Thông tư ngày 19-2-1947 của Bộ Quốc phòng.

đội dân quân du kích, riêng các xã Vô Tranh, Yên Trạch, Phấn Mễ, Động Đạt, xây dựng được 2 trung đội. Bình quân mỗi thôn, xóm ở tất cả các xã trong huyện đều xây dựng được ít nhất 1 tiểu đội dân quân du kích chiến đấu. Hầu hết mỗi xã dọc Quốc lộ số 3, dọc các trục giao thông đi vào An toàn khu (ATK) đều xây dựng được từ 1 tiểu đội đến 1 trung đội dân quân du kích vừa sản xuất, vừa làm nhiệm vụ tuần tra, kiểm soát người lạ mặt đi vào ATK. Cơ quan Huyện đội bộ dân quân có 2 trung đội trực thuộc, làm nhiệm vụ bảo vệ cấp ủy Đảng, chính quyền và các đoàn thể ở huyện. Trung đội thứ nhất do đồng chí Huống (người xã Động Đạt) làm Trung đội trưởng, đồng chí Cường (người xã Phấn Mễ) làm Trung đội phó, đồng chí Xuyên (người xã Vô Tranh) làm Chính trị viên. Trung đội thứ hai do đồng chí Loan (người xã Động Đạt) làm Trung đội trưởng, đồng chí Bằng (người xã Yên Trạch) làm Trung đội phó và đồng chí Phan Văn Vát (người xã Ôn Lương) làm Chính trị viên.

Sau ngày thành lập, cùng với việc tập trung chỉ đạo xây dựng, củng cố và phát triển lực lượng dân quân du kích và tự vệ chiến đấu, Ban chỉ huy Huyện đội bộ dân quân Phú Lương đẩy mạnh công tác chỉ đạo, chỉ huy và tổ chức lực lượng dân quân, du kích và tự vệ làm công tác phá hoại, tiêu thổ kháng chiến.

Về công tác phá hoại và tiêu thổ kháng chiến trong thời kỳ này, trên địa bàn tỉnh, các huyện, thị khác, đặc biệt là các huyện, thị ở vùng phía Nam đã cơ bản hoàn thành. Tại thị xã Thái Nguyên, hầu hết nhà cửa, cầu, cống đã được phá sập, phá hỏng ; đường giao thông trong nội thị được đào hố, xẻ thành

hào sâu, rộng; các cây cổ thụ được chặt đổ, chắn ngang mặt đường ..., Thị xã chỉ còn là một đồng gạch vụn. Mặt đường Quốc lộ số 3 đoạn qua các huyện Phổ Yên, Đông Hỷ và mặt đường Quốc lộ số 1B đoạn trên địa bàn huyện Võ Nhai v.v, đã được đào thành các hố sâu theo hình xương cá ; các cây to được chặt ngã chắn ngang mặt đường, làm vật cản xe cơ giới của địch, toàn bộ nhà cửa dọc hai bên đường đã được phá hỏng.

Trong khi đó, tại huyện Phú Lương, tuy mọi kế hoạch chuẩn bị kháng chiến đã được vạch ra, nhưng do nhận thức của cán bộ và nhân dân, đặc biệt là của cán bộ phụ trách về công tác phá hoại và tiêu thổ kháng chiến không đầy đủ, nên việc tổ chức còn chậm trễ. Cuối tháng 3-1947, trên địa bàn huyện mới phá xong đồn Phấn Mễ và nhà cửa của tên chủ mỏ than Phấn Mễ người Pháp. Mặt Quốc lộ số 3 đoạn đi qua địa bàn huyện và nhà cửa ở hai bên đường còn nguyên vẹn. Chợ Đu, chợ Giang Tiên vẫn còn tập nập kẻ mua, người bán.

Trước tình hình đó, Ban chỉ huy Huyện đội bộ dân quân phân công cán bộ trực tiếp xuống các xã dọc đoạn Quốc lộ số 3 trên địa bàn huyện chỉ đạo, chỉ huy lực lượng dân quân, du kích làm nhiệm vụ phá hoại và vận động nhân dân tiêu thổ kháng chiến, thực hiện “vườn không, nhà trống”. Đến trước ngày thực dân Pháp cho quân nhảy dù xuống thị xã Bắc Kạn và thị trấn Chợ Mới (7-10-1947), “Tất cả các cầu và quãng đường từ cầu số 5 thuộc xã Sơn Cẩm lên Phố Đu đều được phá. Mặt đường được đào hố theo hình bậc thang, mỗi hố cách nhau khoảng 1,5 mét, sâu 0,5 mét, rộng 0,4 mét, chiếm 4/5 lòng đường. Hai bên lề đường đều có hầm, hào. Tất cả nhà

gạch ở gần các trục đường giao thông chính cũng đều được phá hoại"⁽¹⁾.

Ngoài công tác phá hoại, tiêu thổ kháng chiến, Ban chỉ huy Huyện đội bộ dân quân Phú Lương còn vận động nhân dân và dân quân du kích các xã vót chông, cắm chông chống địch nhảy dù ở khắp nơi. Tại xã Vô Tranh, nhân dân và dân quân du kích vót được hàng vạn cây chông tre, cắm ở bãi Ấp Trạch (thuộc xóm Toàn Thắng). Tại xã Động Đạt, mỗi hộ gia đình tự nguyện góp một vác tre, nứa và tham gia cùng với dân quân du kích xã vót được hàng vạn cây chông, tre nứa, cắm khắp các cánh đồng Đu, bãi Đuồm, đồn điền Na ... Tại xã Phấn Mễ, lực lượng dân quân du kích cùng với nhân dân cũng vót được hàng vạn chông tre, nứa, dài từ 4 đến 5 mét cắm xuống các cánh đồng Hái Hoa, Phố Giá, Làng Hin...

Gần một năm sau ngày Toàn quốc kháng chiến (19-12-1946), chiến sự chưa lan tới địa bàn huyện Phú Lương. Huyện Phú Lương nằm trong vùng tự do và vùng Căn cứ địa kháng chiến Việt Bắc. Là huyện miền núi, có địa hình rừng, núi hiểm trở, nằm sát phía đông ATK (An toàn khu) Định Hóa, nên địa bàn huyện Phú Lương trở thành cửa ngõ, lá chắn bảo vệ ATK Trung ương ở huyện Định Hóa. Tại nhiều xã trên địa bàn huyện Phú Lương đã có các cơ quan Nhà nước, đơn vị bộ đội của Trung ương, tỉnh Thái Nguyên và Liên khu I đến ở và làm việc. Xưởng Quân giới của quân đội đóng ở các xã Phấn Mễ và Vô Tranh. Các cơ quan Quân Y tiền phương, Cục Vận tải, Cục Công binh, Cục Dân quân, Kho vũ khí đạn, Viện Quân y

⁽¹⁾ Lịch sử Đảng bộ huyện Phú Lương 1930-1954, trang 71, 72.

97, Trường quân chính Việt Bắc, Ủy ban hành chính và Ty Ngân khố tỉnh Thái Nguyên..., đã từng ở và làm việc tại các xã Sơn Cẩm, Động Đạt, Yên Trạch, Hợp Thành, Ôn Lương.... Ngay từ những ngày đầu các cơ quan, đơn vị của Trung ương, Liên khu I và tỉnh Thái Nguyên đến ở và làm việc, nhân dân huyện Phú Lương đã giúp đỡ hàng ngàn ngày công, ủng hộ hàng vạn cây tre, gỗ, nứa, hàng chục vạn tàu lá cọ, hàng chục tấn lương thực, thực phẩm, giúp các cơ quan, đơn vị xây dựng nơi ở, làm việc và xây dựng kho tàng, công xưởng.

Nhận thức được tầm quan trọng trong công tác bảo vệ an toàn, bí mật cho các cơ quan, đơn vị của Trung ương, Liên khu và Tỉnh đứng chân trên địa bàn, dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo của Huyện ủy, Ủy ban hành chính huyện, cán bộ, chiến sĩ Lực lượng vũ trang và nhân dân huyện Phú Lương đã triệt để thực hiện khẩu hiệu “Ba không” (không biết, không nghe, không thấy). Lực lượng dân quân, du kích và tự vệ huyện Phú Lương phối hợp với các cơ quan, đơn vị đóng trên địa bàn thường xuyên tổ chức tuần tra, canh gác, bảo vệ xóm, làng. Ban chỉ huy Huyện đội phối hợp với Ban Giao thông liên lạc huyện thiết lập hệ thống đảm bảo thông tin liên lạc thông suốt từ huyện xuống các xã; chỉ đạo lực lượng dân quân, du kích các xã xây dựng các kế hoạch tác chiến, tiếp tế, cứu thương và thường xuyên tổ chức luyện tập theo các kế hoạch đó...., đảm bảo sẵn sàng chiến đấu trong tình huống địch tấn công vào địa bàn huyện.

Cũng như các huyện khác trong tỉnh, sau ngày Toàn quốc kháng chiến, huyện Phú Lương tiếp nhận rất nhiều đồng bào

từ các vùng địch tạm chiếm đến tản cư kháng chiến. Thực hiện Chỉ thị của Chủ tịch Hồ Chí Minh “Vô luận thế nào các Ủy ban hành chính không được bỏ dân bơ vơ”, Huyện ủy và Ủy ban hành chính huyện thành lập Ban Tiếp cư, làm nhiệm vụ đón tiếp đồng bào các nơi khác tản cư đến. Ban Tiếp cư huyện chỉ đạo nhân dân và cán bộ, chiến sĩ Lực lượng vũ trang Phú Lương nêu cao tinh thần đoàn kết, tương thân, tương ái giúp đỡ đồng bào đến tản cư. Ủy ban hành chính huyện thành lập Trại sản xuất Phia Đén, giúp đồng bào tản cư đến có công ăn, việc làm, sớm ổn định đời sống. Được sự quan tâm, giúp đỡ của chính quyền và nhân dân huyện Phú Lương, đồng bào tản cư đến Phú Lương đã nhanh chóng ổn định cuộc sống, tích cực tham gia xây dựng và củng cố căn cứ địa ; nhiều con, em đồng bào tản cư đã gia nhập lực lượng dân quân, du kích, tự vệ, làm nhiệm vụ tuần tra, canh gác, bảo vệ quê hương Phú Lương hoặc xung phong lên đường “Tòng quân giết giặc” bảo vệ Tổ quốc.

Trải qua gần một năm sau ngày Toàn quốc kháng chiến, dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp của Huyện ủy, Ủy ban hành chính huyện, cán bộ, chiến sĩ Lực lượng vũ trang và nhân dân huyện Phú Lương đã phát huy tốt truyền thống đoàn kết, tích cực xây dựng, củng cố quê hương Căn cứ địa vững mạnh về mọi mặt, sẵn sàng đối phó với các cuộc tấn công của giặc Pháp vào địa bàn huyện. Lực lượng dân quân, du kích phát triển nhanh cả về số lượng và chất lượng, bước đầu hoàn thành tốt nhiệm vụ bảo vệ và giúp đỡ các cơ quan kháng chiến của Trung ương, Liên khu I, tỉnh Thái Nguyên và đồng bào từ các tỉnh vùng địch tạm chiếm tản cư kháng chiến đến địa bàn;

đồng thời cũng sẵn sàng và chủ động đối phó với các cuộc tấn công của địch lên địa bàn Phú Lương cũng như lên Căn cứ địa kháng chiến Việt Bắc.

*

*

*

Giữa năm 1947, các cơ quan đầu não kháng chiến, Chủ tịch Hồ Chí Minh và các đồng chí lãnh đạo cao cấp nhất của Đảng, Chính phủ và Quân đội đã đến ở và làm việc tại Trung tâm Căn cứ địa kháng chiến Việt Bắc (trong đó có huyện Phú Lương) để tiếp tục lãnh đạo, chỉ đạo cuộc kháng chiến, kiến quốc trường kì, gian lao và anh dũng của dân tộc.

Thu Đông năm 1947, thực dân Pháp huy động khoảng 12.000 quân, gồm 5 trung đoàn bộ binh, 2 tiểu đoàn công binh, 2 tiểu đoàn pháo binh, 3 tiểu đoàn dù, 3 đại đội cơ giới với khoảng 800 xe, 40 máy bay, 40 tàu chiến, mở một cuộc tấn công lớn lên Căn cứ địa kháng chiến Việt Bắc. “Đây là cuộc tấn công chiến lược lớn nhất, tập trung ở mức độ cao lực lượng thủy, lục, không quân của thực dân Pháp lúc bấy giờ lên Căn cứ địa kháng chiến Việt Bắc, nhằm tiêu diệt cơ quan đầu não kháng chiến, tiêu diệt bộ đội chủ lực, phá huỷ mọi cơ sở vật chất và mọi tiềm năng kháng chiến của ta, thực hiện chiến lược “đánh nhanh, thắng nhanh”, tạo điều kiện thành lập Chính phủ bù nhìn Bảo Đại để nhanh chóng đi đến chấm dứt cuộc chiến”⁽¹⁾

⁽¹⁾ Đại tướng Võ Nguyên Giáp: phát biểu tại Hội thảo khoa học “Thái Nguyên trong Chiến dịch Việt Bắc Thu Đông 1947” do Tỉnh uỷ Thái Nguyên tổ chức ngày 6-12-1997.

Mở đầu cuộc tấn công này, trong hai ngày 7 và 8-10-1947, giặc Pháp huy động hàng chục máy bay⁽¹⁾ ném bom, bắn phá và thả khoảng 1.200 quân dù xuống đánh chiếm thị xã Bắc Kạn, thị trấn Chợ Mới và huyện lỵ Chợ Đồn (thuộc tỉnh Bắc Kạn). Cũng trong ngày 7-10, cánh quân đường bộ khoảng 7.000 tên xuất phát từ thị xã Lạng Sơn, theo Đường số 4 lên thị xã Cao Bằng, sau đó rẽ theo Đường số 3 xuống Bắc Kạn, hình thành gọng kìm bao vây Căn cứ địa Việt Bắc từ phía Bắc và Đông - Bắc. Ngày 9-10, cánh quân đường thủy khoảng 2.200 tên, từ Hà Nội ngược sông Hồng sang sông Lô, đánh chiếm Tuyên Quang, bao vây Căn cứ địa Việt Bắc từ phía Tây và Tây- Bắc. Ý đồ của địch là hình thành hai gọng kìm Đông và Tây kẹp lấy Căn cứ địa Việt Bắc, tập trung quân càn quét, lùng sục các khu vực thị xã Bắc Kạn, thị trấn Chợ Mới thuộc huyện Bạch Thông (tỉnh Bắc Kạn) và thị trấn Chợ Chu, thuộc huyện Định Hóa (tỉnh Thái Nguyên). Việc địch nhảy dù chiếm đóng thị xã Bắc Kạn, thị trấn Chợ Mới, huyện lỵ Chợ Đồn (thuộc tỉnh Bắc Kạn) và tấn công theo hai đường thủy, bộ hình thành hai gọng kìm bao vây Việt Bắc từ hai phía Tây-Tây Bắc và Bắc- Đông Bắc đã đặt tỉnh Thái Nguyên, trong đó có huyện Phú Lương vào tình thế bị địch bao vây, uy hiếp từ nhiều phía. Do huyện Phú Lương nằm ở vị trí giáp với thị trấn Chợ Mới, nên chiều ngày 7-10-1947, ngay sau khi nhảy dù xuống chiếm đóng thị trấn Chợ Mới, quân Pháp đã cho một bộ phận đánh chiếm khu vực cầu Ổ Gà trên Quốc lộ số 3 nằm giữa địa bàn xã Yên Ninh và thị trấn Chợ Mới. Hàng ngày từ thị trấn Chợ

⁽¹⁾ Theo “Lịch sử quân dù Pháp” lưu tại Thư viện Quân đội thì : “Tổng số máy bay địch huy động để đánh phá và thả quân dù xuống thị xã Bắc Kạn là 14 chiếc JU52 (gioongke) + 20 chiếc Dak (Đa cô ta); thị trấn Chợ mới là 4 chiếc JU 52 + 10 chiếc Dak, huyện lỵ Chợ Đồn là 5 chiếc JU 52 + 8 chiếc Dak.”

Mới và cầu Ổ Gà, địch thường xuyên cho từ 1 tiểu đội, đến 1 đại đội tấn công, càn quét sang các xóm, xã thuộc huyện Phú Lương. Tại xã Yên Ninh, ngày 13-10-1947, địch cho 1 đại đội tấn công, càn quét vào bản Luồng (Ba Luồng). Ngày 21-10-1947, 1 tiểu đội địch tấn công, càn quét vào thôn Thập Phát, bắn chết một giao thông liên lạc của ta. Ngày 7-11-1947, địch huy động 3 xe ô tô cam nhông, chở quân từ thị trấn Chợ Mới qua cầu Ổ Gà, càn quét xuống Suối Bốc (xã Yên Ninh). Trên đường trở về, chúng bị cán bộ, chiến sĩ Đại đội 911 (Trung đoàn 121) chặn đánh, tiêu diệt 20 tên. Cũng trong thời gian trên, quân Pháp tăng cường cho máy bay ném bom, bắn phá dọc đoạn Quốc lộ số 3 trên địa bàn huyện (từ Sơn Cẩm, lên Yên Ninh). Hoạt động ném bom, bắn phá của máy bay địch có tính chất dọn đường cho quân nhảy dù hơn là phá hoại cơ quan kháng chiến.

Các hoạt động của địch bước đầu gây cho quân và dân huyện Phú Lương nhiều khó khăn, lúng túng. Do có phần chủ quan, khinh địch, nên công tác phá hoại, tiêu thổ kháng chiến và vận động nhân dân thực hiện “vườn không, nhà trống” trên địa bàn từ xã Sơn Cẩm lên xã Yên Ninh làm chưa triệt để, chưa tốt. “...nhà cửa hai bên đường và toàn bộ hệ thống cầu, cống hầu như chưa được phá. Các chợ Quán Triều, Giang Tiên, Đu và các nơi tập trung đông dân ở ngã ba Bờ Đậu, Đuồm, Trào ..., từ sáng đến nửa đêm, lúc nào cũng tấp nập kẻ mua, người bán, nên khi địch nhảy dù chiếm đóng thị trấn Chợ Mới, các tụ điểm này vỡ ra, nhân dân hoảng loạn”⁽¹⁾

⁽¹⁾ Thái Nguyên: Lịch sử đấu tranh vũ trang cách mạng và kháng chiến chống Pháp (1941 - 1954), trang 179.

Trước cuộc tấn côngồ ạt của địch lên Căn cứ địa kháng chiến Việt Bắc, ngày 8-10, Bộ Tổng chỉ huy ra nhật lệnh và quân lệnh cho bộ đội, dân quân, du kích, tự vệ và Ủy ban kháng chiến các cấp cùng toàn thể nhân dân phải ra sức chiến đấu, đánh bại mọi âm mưu và hành động của địch. Tiếp đó ngày 15-10, Ban Thường vụ Trung ương Đảng ra một bản chỉ thị cơ bản và toàn diện: “Phải phá tan cuộc tiến công mùa Đông của giặc Pháp”. Sau khi biểu dương tinh thần chiến đấu của quân và dân Việt Bắc, vạch rõ chỗ mạnh, chỗ yếu của địch, bản chỉ thị của Ban Thường vụ Trung ương Đảng nhấn mạnh: “Cuộc tấn công này của địch không chúng tỏ chúng mạnh, có đủ sức đánh ta ở khắp các mặt trận mà chúng tỏ chúng yếu, phải mạo hiểm”⁽¹⁾; nhiệm vụ của quân và dân ta phải “làm cho địch thiệt hại nặng nề, để không thể gượng lại được sau mùa Đông này”⁽²⁾. Cùng ngày (15-10-1947), từ An toàn khu (ATK) Thái Nguyên, Chủ tịch Hồ Chí Minh gửi Thư kêu gọi bộ đội, dân quân, du kích cùng toàn thể đồng bào ta ra sức đánh giặc. Trong thư, Người phân tích rõ ý đồ tạo thành cái ô vây bọc Việt Bắc của địch, sau đó khép chặt vòng vây, cụp ô, phá tan cơ quan đầu não kháng chiến, kết thúc chiến tranh. Người chỉ rõ, đại ý: Địch mạnh về hai gọng kìm, gọng kìm gãy thì ô cụp sẽ trở thành ô rách.

Thực hiện chỉ thị của Ban Thường vụ Trung ương Đảng và Thư kêu gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh, dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp của Huyện ủy, Ủy ban kháng chiến và Ủy ban hành chính huyện, nhân dân và các lực lượng dân quân, tự vệ,

^{(1) (2)} Văn kiện Đảng (từ 25-11-1945 đến 31 -12-1947), NXB Sự thật Hà Nội, 1969, tr 158.

du kích huyện Phú Lương nhanh chóng ổn định tư tưởng, tổ chức; đẩy mạnh công tác chuẩn bị kháng chiến, sẵn sàng đánh bại các cuộc tấn công của địch vào địa bàn huyện, quyết tâm bảo vệ quê hương, góp phần bảo vệ Trung tâm Căn cứ địa Việt Bắc – Thủ đô kháng chiến của cả nước.

Trước cuộc tấn công ồ ạt của địch lên Căn cứ địa kháng chiến Việt Bắc, để đảm bảo an toàn, các cơ quan Huyện ủy, Ủy ban hành chính, Ủy ban kháng chiến và các đoàn thể huyện Phú Lương chuyển vào ở và làm việc tại vùng Hợp Thành (nay là các xã Phú Lý, Hợp Thành, Ôn Lương). Huyện ủy, Ủy ban hành chính huyện và Ban chỉ huy Huyện đội dân quân cử cán bộ tăng cường xuống các xã dọc đoạn Quốc lộ 3 nằm trên địa bàn huyện, làm công tác tư tưởng, ổn định tinh thần cho nhân dân; đồng thời giải quyết nơi ăn, ở cho hàng trăm hộ dân tản cư đến các xã dọc Quốc lộ 3.

Được Tỉnh ủy, Ủy ban hành chính tỉnh và Ban chỉ huy Tỉnh đội cử cán bộ xuống trực tiếp giúp đỡ, Huyện ủy, Ủy ban hành chính huyện Phú Lương tập trung lãnh đạo, chỉ đạo Ban chỉ huy Huyện đội và Ủy ban hành chính các xã huy động nhân dân và lực lượng dân quân, du kích ra đào, phá đường, đánh sập tất cả các cầu, cống đoạn Quốc lộ số 3 trên địa bàn huyện; lấy đất đắp thành ụ cản xe cơ giới địch. Tất cả các nhà lớn, các công trình kiên cố ở các xóm, xã dọc hai bên Quốc lộ số 3 và các trục đường chính khác trong huyện đều được nhanh chóng phá hủy. Nhân dân các xã chấp hành khá triệt để việc tản cư và thực hiện “Vườn không nhà trống”. Cán bộ, chiến sĩ tự vệ Mỏ than Phấn Mễ xung phong lên tận đoạn Quốc lộ số 3 từ km 31 đến km 34 để đào, phá đường, đắp ụ cản xe cơ giới địch.

Trong quá trình thực hiện phá hoại, tiêu thổ kháng chiến, nhân dân và cán bộ, chiến sĩ dân quân, du kích huyện Phú Lương không những đổ mồ hôi, mà còn hi sinh cả tính mạng. Ngày 22-10-1947, cán bộ, chiến sĩ Trung đội dân quân du kích xã Yên Trạch lên phá cầu Suối Bốc ở xã Yên Ninh, vướng mìn của địch gài lại, 4 người bị hi sinh. Ngày 7-11-1947, 2 du kích xã Yên Ninh bị thương khi lên đặt mìn phá cầu Ổ Gà, bị vướng vào mìn của địch cài sẵn.

Sau ngày địch nhảy dù chiếm đóng thị trấn Chợ Mới, nhờ có sự lãnh đạo, chỉ đạo khẩn trương, kiên quyết của Huyện ủy, Ủy ban hành chính huyện Phú Lương, nhân dân và cán bộ, chiến sĩ các lực lượng dân quân, du kích và tự vệ trong huyện đã tập trung làm tốt công tác “phá hoại”, “tiêu thổ kháng chiến” và “vườn không, nhà trống”, nên sau này khi địch tấn công, càn quét vào địa bàn huyện, các phương tiện cơ giới của chúng đã hoàn toàn bị vô hiệu hóa. Đi đến đâu quân Pháp cũng gặp cảnh “đổ nát, hoang tàn”, “vườn không, nhà trống”, cũng bị lâm vào cảnh “đói, khát, què, diếc, mù, câm” như yêu cầu của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong Lời kêu gọi toàn dân “Tiêu thổ kháng chiến”.

Ngay sau khi địch nhảy dù xuống chiếm đóng thị trấn Chợ Mới, thị xã Bắc Kạn, huyện lỵ Chợ Đồn, Bộ Tổng chỉ huy ra lệnh điều Tiểu đoàn 19 (thuộc Trung đoàn 72) từ xã Cù Vân (huyện Đại Từ) cơ động qua địa bàn huyện Phú Lương lên đánh địch ở thị trấn Chợ Mới. Trung đoàn 147 điều một số đại đội cơ động, sẵn sàng đánh địch trên địa bàn huyện Phú Lương. Thực hiện chủ trương “Đại đội độc lập, tiểu đoàn tập trung” của Bộ Tổng chỉ huy, Trung đoàn 121 (do đồng chí Mã

Thành Kính, Ủy viên Quân sự Ủy ban hành chính tỉnh Thái Nguyên làm Trung đoàn trưởng) cử Đại đội 911 lên huyện Phú Lương làm nhiệm vụ sẵn sàng đánh địch bảo vệ địa bàn đóng quân và bảo vệ trục di chuyển của các cơ quan đầu não kháng chiến từ ATK Định Hóa, sang ATK Võ Nhai; hướng dẫn cán bộ, chiến sĩ dân quân, du kích tự vệ huyện Phú Lương xây dựng lực lượng, huấn luyện và chiến đấu.

Theo sự chỉ đạo của Ban chỉ huy Tỉnh đội Thái Nguyên, Ban chỉ huy Huyện đội Phú Lương khẩn trương điều động cán bộ, chiến sĩ, kiện toàn đủ biên chế Trung đội du kích tập trung của huyện gồm 35 cán bộ, chiến sĩ, do Ủy ban hành chính huyện đài thọ, nuôi dưỡng và trang bị vũ khí, làm nhiệm vụ cơ động chiến đấu trên địa bàn huyện.

*

*

*

Về phía địch, sau hơn một tháng tung quân lên Việt Bắc, cuộc hành quân Lê-a (bước I trong Chiến dịch tấn công lên Việt Bắc Thu Đông 1947 của thực dân Pháp) về cơ bản bị thất bại. Chiếc ô chụp xuống Việt Bắc bị thủng nhiều mảng lớn. Phán đoán ta có từ 20 đến 25 tiểu đoàn bộ đội chủ lực đóng ở các huyện Định Hóa, Đại Từ, Phú Lương (tỉnh Thái Nguyên), Yên Thế (tỉnh Bắc Giang), lưu vực sông Đáy và phía tây Tam Đảo; các cơ quan đầu não kháng chiến của ta đóng ở vùng núi đá huyện Võ Nhai (tỉnh Thái Nguyên), Bộ chỉ huy quân đội viễn chinh Pháp ở Đông Dương quyết định vừa rút lui khỏi Việt Bắc, vừa kết hợp thực hiện cuộc hành binh “Xanh

- tuya” (Xiết chặt) bao vây, càn quét khu tứ giác Tuyên Quang – Thái Nguyên – Việt Trì - Phú Lãng Thương rộng hơn 8.000 km², nhằm tiếp tục “lùng bắt kỳ được cơ quan đầu não kháng chiến, tiêu diệt bằng được lực lượng chủ lực Việt Minh, phá nát căn cứ địa”. Ngoài lực lượng chặn đánh tạ ở vòng ngoài, hướng chính trong cuộc hành binh Xanh-tuya của địch là Thái Nguyên, hai hướng khác là Sông Thương – Yên Thế và Chợ Mới - Tuyên Quang.

Ngày 20-11-1947, cuộc hành binh Xanh-tuya của địch bắt đầu.

Tại tỉnh Bắc Kạn, quân Pháp tập trung xuống thị trấn Chợ Mới, chuẩn bị tấn công, càn quét Thái Nguyên. Sau khi thực hiện một loạt các hoạt động nghi binh (tung tin rút quân lên thị xã Bắc Kạn; tập trung 200 xe ô tô ở thị xã Cao Bằng làm như để chuẩn bị đón quân từ thị xã Bắc Kạn lên, đưa về Lạng Sơn; cho 50 quân từ thị trấn Chợ Mới càn xuống các xóm Bắc Be, Làng Muồng (xã Yên Ninh, huyện Phú Lương), sang Phượng Tú (huyện Định Hóa), vượt lên Bắc Kạn, để nhử bộ đội chủ lực của ta lên phía Bắc. Đêm 24-11-1947, khi đại bộ phận các cơ quan đầu não kháng chiến của ta đã di chuyển từ ATK Võ Nhai sang tới vùng Phú Đình, sát chân Núi Hồng, thuộc ATK Định Hoá, địch điều khoảng 1.500 quân từ thị trấn Chợ Mới, theo Quốc lộ số 3 xuống km 31, sau đó ngược lên hướng Chợ Chu, đánh chiếm các vùng Phố Ngũ, Quán Vuông (huyện Định Hoá). Tại xóm Đồng Danh (xã Yên Ninh), quân địch bị một đơn vị bộ đội chủ lực phối hợp với dân quân, du kích huyện Phú Lương chặn đánh. Kết thúc trận đánh, bộ đội chủ lực và du kích huyện Phú Lương thu được 2 quả đạn moóc – chi - ê và 8 quả lựu đạn.

Ngày 25-11-1947, một toán quân địch từ thị trấn Chợ Mới bí mật hành quân theo Quốc lộ số 3 xuống km 31. Đến gần Km 31, quân địch đã nổ súng bắn vào một Trạm gác của du kích, các chiến sĩ du kích đang gác tại Trạm nhanh chóng, rút vào rừng an toàn. Cùng lúc đó, Trung đội du kích tập trung của huyện lên bảo vệ và giúp nhân dân xã Yên Ninh gặt lúa, do không cảnh giác, nên bị địch bắn vào đội hình, 6 chiến sĩ bị hi sinh. Cùng ngày (25-11), từ thị trấn Chợ Mới, 1 tiểu đội địch theo đường mòn càn, quét qua các xóm Đồng Danh, Làng Muồng (xã Yên Ninh), sang các xã Tân Dương, Tân Thành (huyện Định Hóa).

Sáng và trưa ngày 26-11-1947, tại huyện Võ Nhai giặc Pháp huy động 41 máy bay chiến đấu và máy bay vận tải đến ném bom, bắn phá và thả khoảng 500 quân dù xuống đánh chiếm khu vực La Hiên và khoảng 200 quân dù xuống đánh chiếm khu vực xã Trảng Xá. Buổi chiều (cùng ngày 26-11), tại huyện Đại Từ, giặc Pháp huy động tiếp 19 máy bay đến ném bom, bắn phá và thả khoảng 400 quân dù xuống đánh chiếm Làng Ngò (thuộc xã An Khánh) và khu Ba Gò (thuộc xã Cù Vân). Chiều ngày 26-11-1947, địa bàn huyện Phú Lương đã bị hàng ngàn quân địch bao vây từ nhiều phía. Hàng ngày, từ các vị trí chiếm đóng ở Làng Ngò, Chợ Mới, quân Pháp mở các cuộc tấn công, càn quét vào các xóm, xã nằm trên địa bàn huyện Phú Lương. Hành quân, càn quét đến đâu, quân Pháp đốt, phá nhà cửa, cướp của cải và giết hại nhân dân ta đến đó.

Ngày 28-11-1947, từ một vị trí đóng quân ở Làng Ngò (xã An Khánh, huyện Đại Từ), 1 đại đội quân Pháp tấn công, càn quét sang xã Cổ Lũng (huyện Phú Lương); 1 trung đội quân Pháp tấn công, càn quét vùng Quán Triều, sau đó ngược lên xã

Sơn Cẩm (huyện Phú Lương). Tại đình Sơn Cẩm, quân Pháp nổ súng bắn chết 1 du kích và bắn bị thương 1 du kích khác đang gác ở cửa đình. Sau đó, chúng đốt, phá đình Sơn Cẩm và rút về Làng Ngò.

Ngày 1-12-1947, cũng từ Làng Ngò, 1 trung đội quân Pháp tiến xuống vùng Quán Triều, càn ngược theo Quốc lộ số 3 lên nghỉ đêm tại một địa điểm gần cầu Long Bong (huyện Phú Lương). Tại đây, chúng bị bộ đội chủ lực phối hợp với du kích huyện Phú Lương tập kích, buộc phải quay về Làng Ngò ngay trong đêm.

Hôm sau (ngày 2-12), du kích huyện Phú Lương chặn đánh 1 toán quân Pháp càn vào xã Phú Đô, làm bị thương 3 tên, thu 8 quả lựu đạn, buộc chúng phải bỏ dở cuộc càn quét, rút về nơi xuất phát.

Ngày 10-12-1947, từ làng Ngò, 300 quân Pháp hành quân, càn quét ra ngã ba Bồ Đậu (xã Cổ Lũng), ngược theo Quốc lộ số 3, tấn công lên chiếm đóng Đồn Đu (huyện Phú Lương). Tại khu vực ngã ba Bồ Đậu, chúng đã bắn chết 1 chiến sĩ du kích và bắn bị thương 1 chiến sĩ bộ đội chủ lực trong một đơn vị bộ đội chủ lực và 1 tiểu đội du kích của ta đang ngồi nghỉ. Bộ đội và du kích của ta bị bất ngờ, chỉ kịp bắn mấy phát súng rồi rút vào rừng. Quân địch tiếp tục theo Quốc lộ số 3 càn quét lên Phố Đu. Đến cầu Giang Tiên (xã Phấn Mễ), chúng bị 4 chiến sĩ thuộc Tiểu đội du kích Giang Tiên (Trung đội du kích xã Phấn Mễ) phục kích bắn vào cuối đội hình, diệt 1 tên. Đến gần Cầu Lân (nằm trên địa bàn xã Phấn Mễ), chúng bị 1 đại đội thuộc Trung đoàn 147 bộ đội chủ lực chặn đánh quyết liệt, diệt 9 tên, bắn bị thương 2 tên. Về phía ta có 3 chiến sĩ bộ đội

hi sinh. Sau khi bị chặn đánh ở gần Cầu Lân, quân địch tiếp tục tấn công lên chiếm đóng Đồn Đu.

Ngày 12-12-1947, từ Đồn Đu, quân Pháp theo Quốc lộ số 3 càn quét lên thị trấn Chợ Mới. Tại khu vực Chánh Bình, chúng bị du kích Phú Lương chặn đánh, đội hình hành quân bị rối loạn. Do tương quan lực lượng giữa quân ta và quân địch quá chênh lệch, nên du kích phải rút vào rừng, quân địch tiếp tục hành quân lên thị trấn Chợ Mới.

Ngày 14-12-1947, 1 trung đội địch từ Đồn Đu càn quét vào xóm Gia Khánh (xã Phấn Mỹ). Tại đây, chúng bị 1 tiểu đội du kích thuộc Trung đội du kích tập trung của huyện do Tiểu đội trưởng Trần Đức Long chỉ huy phục kích bằng mìn, tiêu diệt và làm bị thương 7 tên. Quân địch buộc phải bỏ dở cuộc càn quét, quay về Đồn Đu.

Ngày 15-12-1947, du kích huyện Phú Lương và bộ đội chủ lực đóng trên địa bàn huyện tiếp tục bao vây, quấy rối địch ở Đồn Đu. Ngày 16-12-1947, quân Pháp ở Đồn Đu rút hết về Làng Ngò. Trên đường rút đến Dốc Vồng (xã Sơn Cẩm), quân địch lọt vào trận địa phục kích của du kích Phú Lương và bộ đội chủ lực. Du kích Phú Lương và bộ đội chủ lực nổ súng tiêu diệt và bắt bị thương 5 tên. Sau khi bị du kích Phú Lương và bộ đội chủ lực chặn đánh ở Dốc Vồng, quân Pháp tiếp tục rút xuống Làng Ngò để sau đó rút hết về xuôi. Huyện Phú Lương hoàn toàn sạch bóng quân xâm lược Pháp.

Sau gần 1 tháng trực tiếp đương đầu với cuộc hành quân Xanh- tuya chủ yếu tấn công, càn quét vào địa bàn tỉnh Thái Nguyên của địch, quân và dân huyện Phú Lương đã vừa độc

lập tác chiến, vừa phối hợp với bộ đội chủ lực, đánh địch 18 trận lớn, nhỏ, tiêu diệt hơn 30 tên và làm bị thương hàng chục tên khác, thu nhiều vũ khí, trang bị, góp phần cùng quân, dân tỉnh Thái Nguyên và quân dân Việt Bắc bảo vệ an toàn cơ quan đầu não kháng chiến của Trung ương Đảng, Chính phủ và Quân đội; giữ vững Trung tâm Căn cứ địa Việt Bắc – Thủ đô kháng chiến của cả nước.

Thắng lợi của quân và dân ta, trong đó có sự đóng góp to lớn của quân và dân huyện Phú Lương trong Chiến dịch phản công Việt Bắc Thu Đông 1947 đã giáng một đòn mạnh mẽ, làm thất bại chiến lược “đánh nhanh, thắng nhanh” của thực dân Pháp, đẩy chúng vào thế bị động, phải chuyển sang thực hiện chiến lược “đánh lâu dài”. Sau thắng lợi của Chiến dịch phản công Việt Bắc Thu Đông 1947, quân và dân ta giữ vững được thế chủ động, liên tiếp mở các chiến dịch tiêu diệt địch. “Cuộc phản công thắng lợi ở Việt Bắc và chiến tranh nổi mạnh ở miền Nam đã gây thêm tinh thần nỗ lực, phấn khởi, trong toàn dân, đã tăng thêm tin tưởng ở tiền đồ kháng chiến vẻ vang của dân tộc”⁽¹⁾.

Để góp phần vào thắng lợi chung của Chiến dịch phản công Việt Bắc Thu Đông 1947, quân và dân huyện Phú Lương đã phải vượt qua muôn vàn khó khăn, chịu nhiều tổn thất về người và của. Hàng chục cán bộ, chiến sĩ dân quân, du kích bị hi sinh, bị thương, nhiều dân thường bị sát hại; hàng chục tấn thóc, lúa, hoa màu bị địch đốt phá; nhiều gia súc, gia cầm của nhân dân bị giết hại, làm cho quá trình khôi phục sản xuất và

⁽¹⁾ Văn kiện Đảng 1945-1954, tập 3, quyển 1, Ban NCLSĐTU, H, 1979, Tr 170.

ổn định cuộc sống của nhân dân Phú Lương sau ngày địch rút đi phải kéo dài. So với các huyện Định Hóa, Võ Nai, Đại Từ, huyện Phú Lương chưa trải qua nhiều các cuộc chiến đấu chống địch càn quét, khủng bố, nên quân và dân Phú Lương chưa có kinh nghiệm tổ chức chiến đấu, phối hợp chiến đấu và chiến đấu. Khi địch tấn công, càn quét vào địa bàn huyện, lực lượng du kích Phú Lương “có nơi, có lúc chạy dài”⁽¹⁾, không những không tổ chức được những trận chiến đấu tiêu hao, tiêu diệt được sinh lực địch, mà ngược lại còn bị tổn thất về lực lượng.

III – Tiếp tục xây dựng huyện Phú Lương trở thành Căn cứ địa kháng chiến vững mạnh, tích cực chi viện sức người, sức của cho các chiến trường.

Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện Phú Lương lần thứ II (họp năm 1948 tại xóm Đồng Mương, xã Hợp Thành, nay thuộc xã Phú Lý): “Xây dựng hậu phương vững mạnh, sẵn sàng chiến đấu cao, động viên sức người, sức của đến mức cao nhất chi viện cho tiền tuyến, góp phần đánh bại hoàn toàn thực dân Pháp xâm lược”, dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp của Huyện uỷ, Uỷ ban kháng chiến hành chính huyện⁽²⁾, Lực lượng vũ trang và nhân dân các dân tộc huyện

⁽¹⁾ Theo nhận xét của đồng chí Nguyễn Đại Hải (nguyên Chính trị viên Huyện đội Phú Lương từ năm 1947 đến năm 1949). Tài liệu lưu tại Ban Tổ chức Tỉnh ủy Thái Nguyên.

⁽²⁾ Thực hiện Sắc lệnh tháng 10-1947 của Chính phủ, từ đầu năm 1948, Uỷ ban hành chính huyện và Uỷ ban kháng chiến huyện hợp nhất thành Uỷ ban kháng chiến hành chính huyện. Theo Sắc lệnh trên, Uỷ ban kháng chiến hành chính huyện Phú Lương có 7 người, gồm 3 ủy viên kháng chiến, 3 ủy viên hành chính và 1 ủy viên quân sự.

Phú lương đã nhanh chóng bắt tay vào khắc phục khó khăn, tổn thất do địch gây ra, ổn định đời sống, tiếp tục hoàn thành các nhiệm vụ kháng chiến, kiến quốc.

Được sự lãnh đạo, chỉ đạo sâu sát của Tỉnh uỷ, Uỷ ban kháng chiến hành chính tỉnh Thái Nguyên, Uỷ ban kháng chiến hành chính huyện Phú Lương đã thành lập Tiểu ban Cứu tế các cấp từ huyện xuống các xã. Tiểu ban Cứu tế huyện trực tiếp cử cán bộ xuống các xã điều tra, nắm tình hình thiệt hại của nhân dân trong đợt quân Pháp hành quân, càn quét; kịp thời làm tham mưu cho Huyện uỷ, Uỷ ban kháng chiến hành chính huyện cấp đúng đối tượng chính sách 75.000 đồng tiền mặt, 10 tấn thóc, 16 con trâu, bò do tỉnh hỗ trợ cho nhân dân trong huyện để ổn định đời sống và sản xuất. Nhờ đó, cán bộ, chiến sĩ Lực lượng vũ trang và nhân dân các dân tộc trong huyện đã nhanh chóng khắc phục khó khăn trước mắt, ổn định tư tưởng, đời sống, tích cực sản xuất, tham gia vào sự nghiệp kháng chiến, kiến quốc của dân tộc.

Sau thất bại trong Chiến dịch tấn công lên Việt Bắc Thu Đông 1947, quân Pháp phải rút hết khỏi huyện Phú Lương, nhân dân và lực lượng vũ trang trong huyện có điều kiện để xây dựng và củng cố hậu phương, xây dựng và củng cố lực lượng vũ trang nhân dân địa phương ngày càng vững mạnh, kịp thời chi viện cho tiền tuyến. Tuy hoàn toàn phải rút khỏi tỉnh Thái Nguyên, nhưng quân Pháp vẫn chiếm đóng ở một số vị trí quan trọng dọc đoạn Quốc lộ số 4 từ thị xã Cao Bằng sang thị xã Lạng Sơn và dọc đoạn Quốc lộ số 3 từ thị xã Bắc Kạn lên thị xã Cao Bằng, nhằm phong toả biên giới Việt-Trung; ngăn cản sự ủng hộ, giúp đỡ của các nước anh em đối

với sự nghiệp kháng chiến chống xâm lược của nhân dân ta; bao vây Căn cứ địa Việt Bắc. Mặc dù ở trong vùng tự do, nhưng huyện Phú Lương vẫn nằm trong tình thế bị địch uy hiếp. Quân Pháp thường xuyên cho bọn tay sai, phản động, thổ phỉ, gián điệp xâm nhập vào địa bàn huyện để gây rối, phá hoại hoặc cho máy bay ném bom, bắn phá. Tại Bồ Đậu, sáng ngày 17-9-1948, 1 máy bay khu trục của địch đã thả bom, bắn phá gần 30 phút, làm bị thương 2 người và chết 2 con trâu. Buổi chiều (cùng ngày 17-9), chúng cho một máy bay Đa-cô-ta từ phía Bắc xuống rải truyền đơn tại các xã Phú Đô, Yên Ninh, Yên Lạc.

Nhiệm vụ của Lực lượng vũ trang và nhân dân huyện Phú Lương trong thời kỳ này là tập trung xây dựng hậu phương vững mạnh về mọi mặt (kinh tế, chính trị, an ninh, quốc phòng), sẵn sàng đánh địch trong mọi tình huống. Dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo của Huyện uỷ, Uỷ ban kháng chiến hành chính huyện, nhân dân và Lực lượng vũ trang huyện Phú Lương từng bước khắc phục khó khăn, hoàn thành mọi nhiệm vụ được giao.

Để nâng cao hơn nữa hiệu quả lãnh đạo của tổ chức Đảng, chính quyền các cấp đối với sự nghiệp kháng chiến, kiến quốc tại địa phương, Huyện uỷ Phú Lương chủ trương đẩy mạnh xây dựng, củng cố các tổ chức cơ sở Đảng và chính quyền các cấp. Đầu năm 1946, toàn huyện mới chỉ có 4 đảng viên, đến năm 1949 số lượng đảng viên toàn huyện đã lên tới 561 đồng chí. Tỷ lệ đảng viên là người dân tộc thiểu số so với số lượng đảng viên trong toàn Đảng bộ huyện chiếm 57%, trong đó có 182 đảng viên là người dân tộc Tày, 124 đảng viên là người

dân tộc Sán Dìu, 13 đảng viên là người dân tộc Nùng, 3 đảng viên là người dân tộc Dao ; đảng viên là phụ nữ còn chiếm tỷ lệ thấp, chỉ có 51 người, tỉ lệ chưa đến 10 %. Cuối năm 1949, Đảng bộ huyện Phú Lương có 10 chi bộ xã, 2 chi bộ công sở, 1 chi bộ cơ quan và 2 chi bộ lực lượng vũ trang địa phương (gồm 1 chi bộ cơ quan Huyện đội và 1 chi bộ Đại đội bộ đội địa phương huyện).

Từ khi thành lập (tháng 11-1946), đến hết năm 1952, Đảng bộ huyện Phú Lương tổ chức được 3 kỳ đại hội. Thông qua các kỳ đại hội, Đảng bộ huyện đã đề ra các nhiệm vụ và biện pháp lãnh đạo nhân dân và lực lượng vũ trang trong huyện quán triệt, thực hiện các chủ trương, đường lối kháng chiến của Đảng, Chính phủ. Tuy nhiên, cũng như các huyện khác trong tỉnh, công tác xây dựng, củng cố và phát triển Đảng ở huyện Phú Lương vẫn còn tiến hành một cách ô ạt, chạy theo thành tích, nên chất lượng, hiệu quả công tác của đảng viên không cao. "Một số Ban Chi uỷ như Sơn Cẩm, Cổ Lũng, Yên Trạch có hiện tượng bè phái, gây cản trở đến công việc lãnh đạo nhân dân tham gia kháng chiến".⁽¹⁾ Từ năm 1948, Tỉnh uỷ Thái Nguyên tổ chức kiểm tra nhiều đợt ở nhiều chi bộ trực thuộc Đảng bộ huyện. Tại xã Vô Tranh, năm 1950, Thanh tra Chính phủ phát hiện các đảng viên là Ủy viên trong Uỷ ban kháng chiến hành chính xã có nhiều tiêu cực nghiêm trọng, đã phải ra quyết định giải tán Uỷ ban kháng chiến hành chính xã. Với quyết tâm làm trong sạch tổ chức cơ sở Đảng, Huyện uỷ Phú Lương đã quyết định khai trừ nhiều đảng viên ý

⁽¹⁾ Dẫn theo: Lịch sử Đảng bộ huyện Phú Lương 1930-1954, tr129-130.

thức tổ chức kỉ luật kém ra khỏi Đảng. Tại xã Yên Trạch, có cả đảng viên giữ chức vụ quan trọng trong Ban Chi uỷ, thậm chí cả Chủ tịch Uỷ ban kháng chiến hành chính xã cũng bị cách chức, khai trừ ra khỏi Đảng. Năm 1948, trên địa bàn huyện Phú Lương có 4 đảng viên bị khai trừ ra khỏi Đảng không thời hạn, 8 đảng viên bị khai trừ ra khỏi Đảng có thời hạn, 8 đảng viên bị thi hành kỉ luật cảnh cáo....., Đảng bộ huyện Phú Lương được xếp vào một trong những Đảng bộ huyện có nhiều đảng viên vi phạm kỉ luật nhất. Để khắc phục tình trạng trên, Đảng bộ huyện đẩy mạnh các cuộc vận động tự phê bình và phê bình. Huyện uỷ lãnh đạo tiến hành hai đợt vận động và rèn luyện đảng viên trong toàn Đảng bộ. Nhờ đó, tình trạng yếu, kém trong Đảng bộ đã từng bước được khắc phục, chất lượng đội ngũ đảng viên trong Đảng bộ ngày càng được nâng cao, góp phần nâng cao hiệu quả lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng bộ đối với nhiệm vụ xây dựng và củng cố hậu phương, chi viện tiền tuyến.

Song song với công tác củng cố và chỉnh đốn các tổ chức cơ sở Đảng, từng bước khắc phục hạn chế, nâng cao chất lượng đảng viên, Đảng bộ huyện Phú Lương cũng tập trung xây dựng, củng cố, kiện toàn Uỷ ban kháng chiến hành chính các cấp từ huyện xuống các xã. Uỷ ban kháng chiến hành chính các cấp ở huyện Phú Lương luôn được kiện toàn số lượng đủ 7 uỷ viên theo quy định, gồm 3 Uỷ viên hành chính, 3 Uỷ viên nhân dân và 1 Uỷ viên quân sự. Tuy nhiên, do điều kiện chiến tranh chưa được bồi dưỡng và đào tạo đầy đủ, nên trình độ nhận thức và năng lực của của một số uỷ viên trong Uỷ ban kháng chiến hành chính các cấp còn hạn chế, ảnh

hưởng không tốt tới chất lượng công tác của các Ủy ban tại địa phương. Theo đánh giá của Ủy ban kháng chiến hành chính tỉnh Thái Nguyên, ở Phú Lương có những Chủ tịch Ủy ban kháng chiến hành chính xã chưa phân biệt được giữa hoạt động hành chính và hoạt động tư pháp. Thậm chí các yếu kém đó xảy ra trong thời gian dài, gây nên tình trạng mất đoàn kết nội bộ và bất bình trong nhân dân, ảnh hưởng tiêu cực tới hoạt động lãnh đạo, chỉ đạo của tổ chức Đảng và chính quyền cơ sở tại địa phương. Năm 1948, để kiện toàn Ủy ban kháng chiến hành chính huyện Phú Lương, theo đề nghị của Ủy ban kháng chiến hành chính tỉnh, Ủy ban kháng chiến hành chính Liên khu¹ đã ra quyết định bổ sung các ông Đỗ Văn Quất và Nguyễn Văn Khiêm vào Ủy ban kháng chiến hành chính huyện và chỉ định ông Nguyễn Văn Thúc (phái viên của Ủy ban kháng chiến hành chính tỉnh) làm Phó Chủ tịch Ủy ban kháng chiến hành chính huyện Phú Lương. Theo chỉ đạo của Ủy ban kháng chiến hành chính tỉnh, Ủy ban kháng chiến hành chính huyện Phú Lương phân công riêng một đồng chí Ủy viên phụ trách theo dõi, chỉ đạo công tác xây dựng Căn cứ địa (còn được gọi là Ủy viên Căn cứ địa). Đồng chí Ủy viên Căn cứ địa đã được tỉnh cử đi học các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ do Liên khu I và Bộ Nội vụ mở. Sau khi được củng cố, kiện toàn, Ủy ban kháng chiến hành chính các cấp huyện và xã ở huyện Phú Lương đã tổ chức tốt việc xây dựng kế hoạch, chương trình làm việc; có sự phân công, phân nhiệm chuyên

¹ Liên khu I được thành lập theo Sắc lệnh số 120/SL do Chủ tịch Hồ Chí Minh ký ngày 25/1/1948. Liên khu I gồm các tỉnh Thái Nguyên, Cao Bằng, Bắc Kạn, Phúc Yên, Lạng Sơn, Bắc Giang, Bắc Ninh, Hải Ninh, Hòn Gai, Quảng Yên.

trách cho từng người; thường xuyên kiểm tra đôn đốc và đẩy mạnh các hoạt động chỉ đạo kháng chiến, kiến quốc tại địa phương, từng bước lấy lại được niềm tin và nâng cao được uy tín trong nhân dân.

Thực hiện quyết định của Ủy ban kháng chiến hành chính Liên khu I về việc tổ chức bầu cử Hội đồng nhân dân cấp xã, ngày 24-4-1949, các cử tri ở huyện Phú Lương đã nô nức đi bỏ phiếu bầu cử Hội đồng nhân dân cấp xã. Bằng tinh thần trách nhiệm và phát huy quyền làm chủ của mình, các cử tri ở huyện Phú Lương đã bầu mới được trên 50% số thành viên trong Hội đồng nhân dân các xã thay thế cho những đại biểu được bầu khoá trước năng lực kém, hoạt động không hiệu quả và ít uy tín đối với quần chúng. 100% số đại biểu Hội đồng nhân dân xã được bầu lần này là nông dân. Sau cuộc bầu cử Hội đồng nhân dân cấp xã (tháng 4-1949), Ủy ban kháng chiến hành chính huyện Phú Lương liên tục mở các lớp bồi dưỡng, nâng cao năng lực cho đại biểu Hội đồng nhân dân xã. Nhờ đó, Hội đồng nhân dân các xã làm việc và hoạt động có nền nếp và hiệu quả hơn. Trên cơ sở kết quả bầu cử Hội đồng nhân dân xã ngày 24-4-1949, các xã tiến hành bầu Ủy ban kháng chiến hành chính xã. Kết quả toàn huyện có 63 người được bầu làm Ủy viên Ủy ban kháng chiến hành chính xã, trong đó, có 2/3 số Ủy viên tái đắc cử. Tháng 11-1949, huyện Phú Lương đã cử được nhiều Ủy viên Ủy ban kháng chiến hành chính xã đi dự các lớp bồi dưỡng, huấn luyện nghiệp vụ do Ủy ban kháng chiến hành chính tỉnh mở. Qua học tập các Ủy viên Ủy ban kháng chiến hành chính và đại biểu Hội đồng nhân dân các xã ở huyện Phú Lương đã hiểu rõ hơn về lễ lối

làm việc và chức trách, nhiệm vụ của từng người. Do tập trung thực hiện tốt việc củng cố chính quyền cơ sở nên huyện Phú Lương đã chấm dứt được tình trạng làm việc luộm thuộm, chông chéo giữa Hội đồng nhân dân và Ủy ban kháng chiến hành chính ở cấp xã, chất lượng điều hành công việc của Ủy ban kháng chiến hành chính các xã trong huyện có tiến bộ hơn trước...., đáp ứng được nhiệm vụ chỉ đạo toàn dân tích cực sản xuất, củng cố hậu phương, xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân địa phương vững mạnh, chi viện chiến trường.

Công tác xây dựng và củng cố lực lượng vũ trang địa phương cũng được cấp ủy Đảng và chính quyền các cấp trong huyện Phú Lương đặc biệt quan tâm, nên đạt nhiều kết quả. Việc xây dựng lực lượng dân quân, du kích và tự vệ được Huyện ủy, Ủy ban kháng chiến hành chính huyện đặt lên hàng đầu. Huyện ủy, Ủy ban kháng chiến hành chính huyện lãnh đạo, chỉ đạo các xã cử nhiều cấp ủy viên và đảng viên sang phụ trách lực lượng dân quân, du kích và tự vệ; hầu hết các đảng viên trong Đảng bộ huyện Phú Lương ở độ tuổi từ 18 đến 45 đều tham gia dân quân, du kích và tự vệ. Các chức vụ Xã đội trưởng, Thôn đội trưởng, Trung đội trưởng dân quân du kích, Chính trị viên Xã đội, Chính trị viên Trung đội dân quân, du kích đều do các đồng chí cấp ủy viên hoặc đảng viên đảm nhiệm. Hệ thống chỉ huy quân sự ở huyện Phú Lương được tổ chức thống nhất 3 cấp, gồm Huyện đội, Xã đội, Thôn đội. Trong đó, Ban chỉ huy Xã đội các xã được kiện toàn đủ các bộ phận: tổ Công tác Chính trị, tổ Quân báo và Văn phòng.

Năm 1948, lực lượng dân quân, du kích huyện Phú Lương được trang bị 197 súng kíp, 4 súng trường, 616 lựu đạn, 6 địa

lôi và 84 kiếm⁽¹⁾. Mặc dù còn thiếu thốn về trang bị, vũ khí, nhưng lực lượng dân quân, du kích huyện Phú Lương vẫn tổ chức tốt các chế độ học tập, huấn luyện, sẵn sàng đánh địch; thường xuyên được các cấp uỷ Đảng, Chính quyền và Ban chỉ huy Huyện đội, Xã đội lãnh đạo, chỉ đạo, kiểm tra chặt chẽ. Ban chỉ huy Huyện đội Phú Lương phối hợp với Trung đoàn 121 tổ chức huấn luyện cho lực lượng dân quân, du kích tại địa phương; do đó, trình độ và năng lực về quân sự, nhận thức về chính trị của đội ngũ cán bộ, chiến sĩ dân quân, du kích trong huyện không ngừng được nâng cao.

Ngày 7-4-1949, Chủ tịch Hồ Chí Minh ký Sắc lệnh về việc thành lập bộ đội địa phương; trong đó, xác định bộ đội địa phương là một bộ phận của Quân đội quốc gia Việt Nam. Bộ đội địa phương được xác định là lực lượng có tính địa phương, có nhiệm vụ chiến đấu bảo vệ địa phương, do địa phương tự trang bị và tự túc về cấp dưỡng. Tiếp đó, ngày 7-7-1949, Bộ Quốc phòng ban hành Nghị định 103- ND và Thông tư 46/TT quy định tổ chức bộ đội địa phương và trách nhiệm của các cấp, các ngành đối với việc xây dựng bộ đội địa phương. Thực hiện các sắc lệnh, nghị định, thông tư trên, huyện Phú Lương tập trung xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân địa phương gồm 2 bộ phận: Lực lượng dân quân tự vệ được gọi là dân quân, bỏ danh từ tự vệ; trong đó, những đội dân quân gương mẫu được gọi là đội du kích (du kích nằm trong dân quân và sinh hoạt cùng dân quân); lực lượng bộ đội địa phương là những đội du kích tập trung thoát ly sản xuất, trực thuộc huyện, hoạt

⁽¹⁾ Theo thống kê của Uỷ ban kháng chiến hành chính tỉnh Thái Nguyên.

động chiến đấu trong phạm vi địa phương. Trang bị cấp dưỡng cho bộ đội địa phương do Ủy ban kháng chiến hành chính huyện và tỉnh đảm nhiệm theo nguyên tắc địa phương tự túc.

Theo Nghị định (số 103 NĐ ngày 7-7-1949) của Bộ Quốc phòng thì ở thôn có Thôn đội trưởng; ở xã có Ban chỉ huy Xã đội, gồm 1 Xã đội trưởng, 1 Chính trị viên và 1 Xã đội phó kiêm Trung đội trưởng du kích tập trung. Ban chỉ huy Xã đội do Hội đồng nhân dân xã bầu. Các chức vụ Xã đội trưởng hoặc Chính trị viên Xã đội do các Ủy viên Quân sự trong Ủy ban kháng chiến hành chính xã đảm nhiệm. Huyện đội là một cơ quan trong Ủy ban kháng chiến hành chính huyện. Thực hiện Nghị định 103 của Bộ Quốc phòng, Huyện ủy, Ủy ban kháng chiến hành chính huyện Phú Lương tập trung lãnh đạo, chỉ đạo kiện toàn Ban chỉ huy Huyện đội đủ 1 Huyện đội trưởng, 1 Chính trị viên, 1 Huyện đội phó, làm nhiệm vụ chỉ huy các lực lượng bộ đội địa phương và dân quân trong huyện. Ban chỉ huy Huyện đội Phú Lương được đặt dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp của Huyện ủy, Ủy ban kháng chiến hành chính huyện và được tổ chức theo đúng biên chế gồm các Ban Văn Thư, Tác chiến, Quân sự, Chính trị và Kiểm tra, với quân số khoảng 25 cán bộ, chiến sĩ.

Thực hiện Nghị định 103 và Thông tư 46 của Bộ Quốc phòng, cuối năm 1949, Ban chỉ huy Huyện đội Phú Lương tập trung củng cố, điều động bổ sung thêm cán bộ, chiến sĩ, tổ chức thành lập Đại đội bộ đội địa phương huyện mang phiên hiệu Đại đội 271, gồm 73 cán bộ, chiến sĩ, biên chế thành 2 trung đội, được trang bị các loại vũ khí gồm súng trường, lựu đạn và mìn. Ban chỉ huy Đại đội 271 do các đồng chí Dương

Văn Tác (Trưởng ban Tác chiến Huyện đội) làm Đại đội trưởng (năm 1950, đồng chí Học làm Đại đội trưởng thay đồng chí Dương Văn Tác được điều về làm Huyện đội phó), Nguyễn Tất Đạt (Trưởng Ban Chính trị Huyện đội) làm Đại đội phó, Vũ Tước (Cán bộ Ban Tổ chức Huyện uỷ) làm Chính trị viên. Cán bộ văn thư Đại đội 271 có các đồng chí Nguyễn Văn Dũng, Nguyễn Văn Khoa (người xã Ôn Lương) phụ trách. Lúc mới thành lập, Đại đội 271 do Uỷ ban kháng chiến hành chính huyện cấp dưỡng và trang bị vũ khí. Do huyện còn nhiều khó khăn, nên đời sống vật chất, tinh thần của cán bộ, chiến sĩ Đại đội 271 rất thiếu thốn, đặc biệt là về lương thực, thực phẩm ... Để khắc phục những khó khăn, từng bước đảm bảo đời sống vật chất, tinh thần cho cán bộ, chiến sĩ Đại đội 271, Huyện uỷ, Uỷ ban kháng chiến hành chính huyện Phú Lương đã phát động phong trào toàn dân đóng góp ủng hộ, giúp đỡ bộ đội địa phương, đẩy mạnh hoạt động của Hội mẹ chiến sĩ, vận động chị em đóng góp, giúp đỡ các gia đình thương binh, liệt sĩ, gia đình bộ đội địa phương gặp khó khăn. Thực hiện chủ trương của tỉnh, huyện Phú Lương thành lập Ban cấp dưỡng bộ đội địa phương, làm nhiệm vụ động viên, tuyên truyền, tổ chức nhân dân các dân tộc trong huyện ủng hộ lương thực, thực phẩm, quần áo, vũ khí và tiền giúp đỡ bộ đội địa phương huyện. Nhờ làm tốt công tác vận động, nên nhiều đồng bào dân tộc trong huyện đã tích cực giúp đỡ, ủng hộ bộ đội địa phương. Nhân dân các xã Sơn Cẩm, Phấn Mễ, Phủ Lý, Yên Ninh, Yên Trạch tích cực, hăng hái đem lương thực, thực phẩm, vũ khí, tiền bạc, công sức ủng hộ bộ đội địa phương huyện, cũng như bộ đội chủ lực của tỉnh và

Liên khu đóng trên địa bàn. Chỉ tính riêng quý 3 năm 1950, nhân dân huyện Phú Lương đã ủng hộ bộ đội địa phương huyện gần 1 tấn thóc và 105.000 đồng. Nhờ sự quan tâm của các cấp uỷ Đảng, Chính quyền, sự đoàn kết, ủng hộ, giúp đỡ của nhân dân các dân tộc trong huyện, nên đời sống của cán bộ, chiến sĩ bộ đội địa phương huyện Phú Lương từng bước được cải thiện. Cán bộ, chiến sĩ trong đơn vị đã tạm đủ lương thực, thực phẩm, quần áo, chăn, màn, yên tâm, phấn khởi tập trung vào thực hiện nhiệm vụ xây dựng đơn vị và huấn luyện, sẵn sàng chiến đấu.

Tuy nhiên, kết quả công tác vận động nhân dân ủng hộ bộ đội địa phương của huyện Phú Lương quý 3 năm 1950 còn nhiều hạn chế, mức độ huy động nhân dân ủng hộ, đóng góp còn chưa cao (Toàn huyện chỉ được gần 1 tấn thóc và 105.000 đồng, trong khi các huyện Đại Từ được 43 tấn thóc và 1.103.700 đồng; Đồng Hỷ được 4 tấn thóc và 1 triệu đồng; Phú Bình được trên 3,2 tấn thóc và 438 đồng). Các hạn chế đó được Huyện uỷ, Uỷ ban kháng chiến hành chính huyện Phú Lương kịp thời lãnh đạo, chỉ đạo khắc phục. Nhờ vậy, đến hết năm 1950, nhân dân các dân tộc huyện Phú Lương đã đóng góp vào quỹ quân lương phục vụ bộ đội địa phương huyện, bộ đội chủ lực tỉnh, Liên khu và các cơ quan Trung ương được 200 tấn thóc và hàng chục con trâu, bò.

Cùng với việc đẩy mạnh xây dựng bộ đội địa phương, dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp của Huyện uỷ, Uỷ ban kháng chiến hành chính huyện, Ban chỉ huy Huyện đội Phú Lương chỉ đạo các xã đẩy mạnh công tác xây dựng lực lượng dân quân du kích. Hầu hết thanh niên trong độ tuổi từ 18 trở lên

đều hăng hái tình nguyện tham gia lực lượng dân quân. Nhiều thanh niên có sức khỏe, có tinh thần hăng hái, được biên chế vào các trung đội, tiểu đội du kích tập trung, được quản lý và huấn luyện tốt, sẵn sàng bổ sung cho các lực lượng bộ đội địa phương và bộ đội chủ lực.

Năm 1950, trung bình mỗi xã trong huyện Phú Lương đã tổ chức được 1 trung đội du kích tập trung, trong đó xã Sơn Cẩm xây dựng được 2 trung đội. Lực lượng dân quân, du kích huyện Phú Lương phát triển rộng rãi, thu hút hàng nghìn người tham gia; bổ sung được nhiều cán bộ, chiến sĩ cho bộ đội địa phương và bộ đội chủ lực. Đẩy mạnh công tác rèn cán, chỉnh quân, thực hiện phương châm huấn luyện quân sự sát với thực tế chiến đấu, hàng năm, Ban chỉ huy Huyện đội Phú Lương đều phối hợp với các đơn vị bộ đội chủ lực đóng trên địa bàn tổ chức hiệp đồng tác chiến, diễn tập quân sự. Thông qua các đợt diễn tập quân sự, sự phối hợp tác chiến giữa bộ đội địa phương, dân quân du kích huyện Phú Lương và bộ đội chủ lực được nâng lên.

Xuất phát từ nhận thức đúng đắn: kết hợp giữa huấn luyện quân sự với thực tế chiến đấu là một biện pháp tốt nhất để rèn luyện và tích lũy kinh nghiệm chiến đấu cho cán bộ, chiến sĩ lực lượng vũ trang địa phương, hai năm 1949, 1950, Huyện ủy, Ủy ban kháng chiến hành chính và Ban chỉ huy Huyện đội Phú Lương đã cử và bổ sung nhiều cán bộ, chiến sĩ đi tham gia chiến đấu ở các tỉnh địch tạm chiếm Bắc Ninh, Bắc Giang và Vĩnh Phúc.

Ngày 29-3-1950, tại km 8 đường Vĩnh Yên đi Tam Đảo (Vĩnh Phúc), cán bộ, chiến sĩ bộ đội địa phương huyện Phú Lương cùng với cán bộ, chiến sĩ bộ đội địa phương các huyện

khác (tăng cường cho Đại đội 339 bộ đội địa phương tỉnh) tổ chức phục kích, đánh bại khoảng 200 quân địch hành quân từ Vĩnh Yên sang Tam Đảo, tiêu diệt 10 tên và bắt bị thương nhiều tên khác. Tiếp đó, ngày 9-4-1950, cán bộ, chiến sĩ Đại đội bộ đội địa phương tỉnh (có cán bộ, chiến sĩ bộ đội địa phương huyện Phú Lương tham gia) tổ chức phục kích đánh lui quân địch từ Vĩnh Yên tấn công lên Tam Đảo, diệt 17 tên, làm bị thương 13 tên.

Qua thực tế chiến đấu ở các tỉnh địch tạm chiếm Bắc Ninh, Bắc Giang, Vĩnh Phúc, cán bộ, chiến sĩ bộ đội địa phương huyện Phú Lương đã được rèn luyện, trưởng thành và rút được nhiều bài học kinh nghiệm về tổ chức chỉ huy chiến đấu và chiến đấu.

Cùng với các biện pháp nhằm đẩy mạnh xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân, nâng cao hiệu quả huấn luyện, xây dựng, bổ sung hoàn thiện kế hoạch tác chiến và tích lũy kinh nghiệm chiến đấu, lực lượng vũ trang nhân dân huyện Phú Lương còn đẩy mạnh xây dựng các làng chiến đấu, thực hiện quân sự hoá trong các hoạt động của các cơ quan, đơn vị và nhân dân trên địa bàn. Ban chỉ huy Huyện đội Phú Lương chỉ đạo các Ban chỉ huy Xã đội, Thôn đội tổ chức các trạm gác của dân quân, du kích trên dọc đoạn Quốc lộ 3 và các trọng điểm giao thông, các đường liên xã giáp với các huyện Đại Từ, Định Hoá để kiểm soát người lạ mặt ra vào địa bàn huyện và địa bàn ATK Định Hoá. Các trọng điểm giao thông quan trọng (Bờ Đậu, Giang Tiên, Đu, Trào, Km 31), các lực lượng bộ đội địa phương, dân quân, du kích và công an huyện Phú Lương phối hợp với Trung đoàn 15 (cảnh vệ) tổ chức canh gác

nghiêm ngặt suốt ngày, đêm; Huyện ủy, Ủy ban kháng chiến hành chính huyện lãnh đạo, chỉ đạo tốt việc tổ chức giáo dục, động viên nhân dân thực hiện triệt để khẩu hiệu "ba không" (Không tò mò để biết những việc không liên quan đến mình; không nghe những công việc kháng chiến do người khác phụ trách mà mình không có nhiệm vụ; không nói những điều kháng chiến cần giữ bí mật với người khác, đặc biệt là đối với người lạ mặt) không ngừng nâng cao tinh thần cảnh giác, giữ bí mật, phòng gian..

Sau thất bại trong Chiến dịch tấn công lên Việt Bắc Thu Đông 1947, địch liên tục cho bọn thám báo, gián điệp, biệt kích vào hoạt động phá hoại ở huyện Phú Lương và các huyện khác trên địa bàn Thái Nguyên. Những tháng cuối năm 1948, được thực dân Pháp ủng hộ, "Đảng Việt Nam phục hội" (còn gọi là Quốc gia liên minh) nhen nhóm hình thành ở xã Yên Trạch, lôi kéo 12 kỳ hào bất mãn hoạt động nói xấu cách mạng, phá hoại kháng chiến. Trước tình hình đó, Huyện ủy, Ủy ban kháng chiến hành chính huyện Phú Lương lãnh đạo, chỉ đạo các lực lượng công an, bộ đội địa phương huyện và dân quân, du kích xã Yên Trạch theo dõi, quản lý chặt chẽ, tổ chức lực lượng vây, bắt, và tịch thu toàn bộ đất đai, tài sản của những tên cầm đầu tổ chức phản động này. Những người bị dụ dỗ, mua chuộc, cưỡng ép vào tổ chức phản động này, sau khi được tuyên truyền, giáo dục đã thấy được sai lầm của mình, quyết tâm từ bỏ con đường lầm lỗi. Chiến công đập tan tổ chức phản động "Đảng Quốc gia phục hội" từ trong trứng nước ở xã Yên Trạch của quân và dân huyện Phú Lương đã làm thất bại âm mưu của địch là tung gián điệp, phản động

vào phá hoại Căn cứ địa kháng chiến của ta, giữ vững an ninh trật tự tại địa phương, góp phần quan trọng bảo vệ các cơ quan đầu não kháng chiến của Trung ương ở An toàn khu Định Hóa và các cơ quan, đơn vị của Trung ương, Liên khu I và tỉnh Thái Nguyên đóng trên địa bàn huyện.

Thực hiện đường lối kháng chiến toàn dân, toàn diện của Đảng, dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp của Huyện ủy, Ủy ban kháng chiến hành chính huyện, lực lượng vũ trang và nhân dân huyện Phú Lương tiếp tục đẩy mạnh các nhiệm vụ xây dựng và phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội. Về kinh tế, lực lượng vũ trang và nhân dân trong huyện tích cực tăng gia, sản xuất lương thực, thực phẩm vừa đảm bảo đời sống của mình, vừa hoàn thành nhiệm vụ đóng góp cho bộ đội địa phương và cho kháng chiến. Để tạo điều kiện cho nhân dân có đất canh tác, Ủy ban kháng chiến hành chính huyện Phú Lương tịch thu toàn bộ ruộng đất các đồn điền vắng chủ, ruộng đất của bọn Việt gian phản động chia cho nhân dân sản xuất. Năm 1949, Ủy ban kháng chiến hành chính huyện Phú Lương tịch thu ruộng đất của bọn địa chủ và Việt gian, phản động, thành lập Trại sản xuất tập trung ở An Lạc, giải quyết công ăn, việc làm cho hàng trăm hộ dân từ các tỉnh vùng địch tạm chiếm lên tản cư kháng chiến trên địa bàn huyện; chỉ đạo các xã vận động nhân dân thành lập các tổ đổi công giúp nhau sản xuất. Thực hiện Sắc lệnh (số 78/SL, ngày 14-7-1949 của Chính phủ), Huyện ủy, Ủy ban hành chính huyện Phú Lương lãnh đạo, chỉ đạo đẩy mạnh việc thực hiện giảm tô, giảm tức, hạn chế sự bóc lột của chủ ruộng; phát động nông dân đòi chủ ruộng thực hiện giảm 20% địa tô và 80% lợi tức. Các gánh nặng tô,

tức được giảm bớt, đời sống từng bước được cải thiện, người nông dân Phú Lương có thêm điều kiện thuận lợi để sản xuất và đóng góp cho kháng chiến.

Theo chỉ đạo của Tỉnh và Liên khu I, huyện Phú Lương tổ chức thành lập các chợ kháng chiến ở các xã Phấn Mễ, Hợp Thành, nhằm thu mua hàng tiêu dùng và lương thực, thực phẩm, cung cấp cho nhân dân và các cơ quan, đơn vị trong An toàn khu kháng chiến; thu mua sắt phế, vật liệu cung cấp cho các Xưởng sản xuất vũ khí của bộ đội. Huyện Phú Lương đã trở thành một trong những căn cứ cung cấp và đảm bảo hậu cần cho các cơ quan đầu não kháng chiến ở trong vùng An toàn khu Định Hóa.

Nhằm nâng cao nhận thức và phát huy quyền làm chủ, đề cao tinh thần trách nhiệm, nghĩa vụ của người công dân đối với công cuộc kháng chiến kiến quốc, huyện Phú Lương tập trung đẩy mạnh sự nghiệp văn hoá, giáo dục. Ngoài những lớp bình dân học vụ có trước Chiến dịch Việt Bắc Thu Đông 1947, Huyện ủy, Ủy ban kháng chiến hành chính huyện lãnh đạo, chỉ đạo các xã, các cơ quan phát triển thêm các lớp mới. Năm 1948, toàn huyện có 156 lớp học, 156 giáo viên và 2.327 học viên bình dân học vụ. Hệ thống giáo dục phổ thông của huyện có bước phát triển mới. Trước Thu Đông 1947, trên địa bàn huyện mới chỉ có từ lớp vỡ lòng, đến lớp 1, lớp 2; năm 1948, trên địa bàn huyện đã có đủ các lớp ở bậc tiểu học. Kết quả thi tốt nghiệp bậc tiểu học năm 1948, toàn huyện có 35 học sinh thi đỗ. Huyện Phú Lương được Ủy ban kháng chiến hành chính tỉnh đánh giá là huyện có phong trào xoá nạn mù chữ đứng thứ hai các huyện trong tỉnh. Những kết quả mà quân và

dân huyện Phú Lương đạt được trên lĩnh vực giáo dục đã nâng cao trình độ nhận thức của người dân, góp phần đẩy lùi các tệ nạn xã hội, làm thất bại âm mưu phá hoại của kẻ thù, đẩy mạnh xây dựng nếp sống văn hoá mới trong nhân dân.

*

* *

Sau thất bại nặng nề trong Chiến dịch tấn công lên Việt Bắc Thu Đông 1947, thực dân Pháp ra sức thực hiện kế hoạch Rơ-ve, thực hiện chính sách “Dùng người Việt trị người Việt, lấy chiến tranh nuôi chiến tranh”, thiết lập hành lang Đông – Tây, khoá chặt biên giới Việt – Trung, nhằm chia cắt chiến trường và ngăn cản sự tiếp xúc và chi viện của quốc tế cho cuộc kháng chiến của nhân dân ta. Trước những âm mưu mới của địch, dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng và Chính phủ do Chủ tịch Hồ Chí Minh đứng đầu, quân và dân ta đã mở các chiến dịch Nghĩa Lộ (từ 18 đến 25-3-1948), Đường số 3 (từ 25-7 đến 2-8-1948), Đông Bắc (từ 8-10 đến 7-2-1948), Lao – Hà (1-3 đến 20-4-1949), Cao Bắc Lạng (từ 15 đến 30-4-1949), Sông Thao (từ 19-5 đến 8-7-1949), tiêu diệt được một bộ phận quan trọng sinh lực của địch. Lực lượng vũ trang nhân dân ta đã có một bước tiến quan trọng trên con đường chuyển từ phòng ngự sang tiến công.

Ngày 2-2-1949, Chủ tịch Hồ chí Minh ký Sắc lệnh (số 20/SL), quyết định tổng động viên nhân, tài, vật lực. Điều 2 của Sắc lệnh 20/SL qui định "Tất cả nhân lực, tài lực, vật lực của toàn thể nhân dân ta đều đặt dưới chế độ pháp luật đặc

biệt trong thời kì chiến tranh". Nhằm tiêu diệt sinh lực địch, giải phóng một phần Biên giới, mở đường giao thông nối liền với các nước Xã hội chủ nghĩa, mở rộng và củng cố Căn cứ địa kháng chiến Việt Bắc⁽¹⁾, tháng 6-1950, Trung ương Đảng quyết định mở Chiến dịch Biên giới.

Để hoàn thành tốt nhiệm vụ của một huyện nằm trong tỉnh hậu phương của Chiến dịch Biên giới, quân và dân huyện Phú Lương tập trung thực hiện tốt hai nhiệm vụ: Khôi phục và bảo vệ đoạn Quốc lộ số 3 trên địa bàn huyện với chiều dài hơn 40 km và cung cấp nhân lực, vật lực phục vụ Chiến dịch. Thực hiện "Chiến dịch sửa chữa cầu đường" do Tỉnh uỷ Thái Nguyên phát động (từ tháng 2-1950), Huyện uỷ, Uỷ ban kháng chiến hành chính huyện Phú Lương quyết định thành lập Ban đảm bảo giao thông huyện và Ban đảm bảo giao thông ở các xã dọc Quốc lộ số 3 và các trục đường giao thông lớn trong huyện, làm nhiệm vụ phối hợp với các Đội thanh niên xung phong ứng cứu giao thông khi bị địch đánh phá.

Là địa bàn đứng chân của nhiều cơ quan, đơn vị, kho tàng trong và ngoài quân đội, nên việc đảm bảo giao thông - vận tải trên địa bàn huyện Phú Lương có ý nghĩa quan trọng tới thắng lợi của Chiến dịch Biên giới. Nhận thức được tầm quan trọng đó, quân và dân huyện Phú Lương đã huy động hàng vạn ngày công; đào, đắp, kè hàng vạn mét khối đất, đá, để khôi phục Quốc lộ số 3. Trong Báo cáo tổng kết thi hành Sắc lệnh

⁽¹⁾ Ngày 4-11-1949, Chủ tịch Hồ Chí Minh ký Sắc lệnh (số 127/SI), hợp nhất Liên khu 1 và Liên khu 10 thành Liên khu Việt Bắc; tỉnh Thái Nguyên (trong đó có huyện Phú Lương) thuộc Liên khu Việt Bắc.

Tổng động viên và phục vụ Chiến dịch Biên giới, Tỉnh ủy Thái Nguyên đã khẳng định: “Huyện Phú Lương được nhất trong đợt làm, đi đầu chiến dịch... Các xã Hợp Thành, Yên Đỗ đã huy động dân công đủ và đều, công tác chính trị khá, nên ở các công trường nắm được dân công, kích thích họ chịu khó, huy động được nhân dân các dân tộc trong xã nhất là đồng bào dân tộc thiểu số”.

Nhờ sự lãnh đạo, chỉ đạo chặt chẽ của Huyện ủy, Ủy ban kháng chiến hành chính huyện, nên chỉ trong thời gian ngắn (từ tháng 2 đến tháng 5-1950), toàn bộ 40 km đoạn Quốc lộ số 3 trên địa bàn huyện đã được khôi phục. Các Cầu số 5, Giang Tiên đã làm được đường ngầm để xe ô tô vận tải đi lại vào mùa khô và làm được phà để chở ô tô qua sông, suốt vào mùa mưa; phần lớn các cầu còn lại được bắc bằng gỗ, đảm bảo cho xe ô tô đi lại an toàn. Tuy nhiên, việc huy động dân công tham gia chiến dịch sửa chữa cầu đường ở một số xã trong huyện (Vô Tranh, Cổ Lũng...) còn không được "coi là việc cấp thiết, do vậy, còn khoán trắng cho chính quyền, không lo tuyên truyền, giải thích, giáo dục cho nhân dân, mà thiên về dùng mệnh lệnh; huy động dân công không công bằng, cảm tính, nể nang" như Báo cáo tổng kết thi hành Sắc lệnh Tổng động viên của Tỉnh ủy Thái Nguyên đã chỉ ra. Để khắc phục các yếu, kém đó, Huyện ủy Phú Lương đã lãnh đạo các xã kịp thời rút kinh nghiệm, nên việc huy động nhân dân và dân quân, du kích đi dân công sửa chữa cầu đường, bảo đảm giao thông, vận chuyển vũ khí, lương thực, thực phẩm phục vụ Chiến dịch Biên giới ngày càng đạt kết quả tốt hơn.

Sau một thời gian chuẩn bị tích cực, 6 giờ sáng ngày 16-9-1950, quân ta đã nổ súng tấn công địch ở cứ điểm Đông Khê

trên Đường số 4, mở màn Chiến dịch Biên giới 1950. Chỉ trong vòng hai ngày, bộ đội ta đã hoàn thành việc tiêu diệt cứ điểm địch ở Đông Khê, uy hiếp quân địch ở Thất Khê và thị xã Cao Bằng.

Sau khi Đông Khê bị tiêu diệt, Thất Khê bị uy hiếp, quân Pháp ở thị xã Cao Bằng bị cắt đứt đường ứng cứu. Đứng trước tình trạng bị cô lập và có nguy cơ bị tiêu diệt, Bộ chỉ huy Pháp quyết định đồng thời với việc rút quân khỏi Cao Bằng về để tăng cường phòng thủ cho khu vực Bắc Hà Nội, sẽ cho quân lên đánh chiếm thị xã Thái Nguyên. Chúng quyết định huy động các tiểu đoàn dự bị chiến lược ở đồng bằng Bắc Bộ mở cuộc hành quân “Phô-cơ” (Chó Biển) tấn công lên thị xã Thái Nguyên, nhằm uy hiếp Trung tâm Căn cứ địa kháng chiến Việt Bắc, kéo bộ đội chủ lực của ta từ biên giới Việt - Trung về Thái Nguyên để cứu nguy cho các binh đoàn đang bị đe dọa tiêu diệt ở Biên giới.

Ngày 29-9-1950, quân Pháp huy động 4 tiểu đoàn bộ binh, 1 đại đội pháo binh, 1 đại đội dù, với khoảng 3.000 quân, có máy bay yểm trợ, chia làm 3 mũi tấn công lên thị xã Thái Nguyên⁽¹⁾. Chiều ngày 1-10-1950, chúng huy động máy bay lên bắn phá và thả 200 quân dù xuống đánh chiếm sân bay Đồng Bẩm. Từ sân bay Đồng Bẩm, quân dân Pháp phối hợp với 3 cánh quân từ các huyện Phổ Yên, Phú Bình, Đồng Hỷ lên đánh chiếm thị xã Thái Nguyên.

⁽¹⁾ Một mũi theo Quốc lộ số 3 lên; một mũi theo sông Cầu, lên bến dò Hà Châu (Phú Bình), theo Đường 19 lên; một mũi từ Phúc Yên theo sườn Tam Đảo qua Phổ Yên, Đồng Hỷ lên.

Ngay sau khi quân Pháp mở cuộc hành quân "Phô-cơ" (Chó Biển) tấn công lên thị xã Thái Nguyên, Huyện uỷ, Ủy ban kháng chiến hành chính huyện và Ban chỉ huy Huyện đội Phú Lương đã nhanh chóng tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức quân, dân trong huyện làm công tác chuẩn bị, sẵn sàng đối phó với địch. Lực lượng dân quân du kích các xã dọc Quốc lộ số 3, đặc biệt là xã Sơn Cẩm (giáp với thị xã Thái Nguyên) đã tổ chức tuần tra, canh gác suốt ngày đêm. Các xã còn lại, mỗi xã tổ chức 1 tiểu đội du kích thường xuyên tuần tra, canh gác bảo vệ bản, làng. Sau khi quân và dân ta giành thắng lợi hoàn toàn trong Chiến dịch Biên giới, quân và dân thị xã Thái Nguyên cùng với quân và dân các huyện Phú Bình, Phổ Yên, Đại Từ phối hợp với bộ đội chủ lực đánh địch trên 60 trận lớn, nhỏ, tiêu diệt và loại khỏi vòng chiến đấu 872 tên địch, bắn rơi 1 máy bay, phá hỏng nặng 3 ca nô, thu 160 súng các loại, cuộc hành quân "Phô-cơ" (Chó Biển) của giặc Pháp lên đánh chiếm thành phố Thái Nguyên đã hoàn toàn bị thất bại.

Sau Chiến dịch Biên giới 1950, biên giới Việt - Trung được khai thông, quan hệ giữa nước ta với các nước Xã hội chủ nghĩa được mở rộng. Các nước Xã hội chủ nghĩa, đặc biệt là Trung Quốc và Liên Xô, sau khi công nhận Chính phủ ta đã tích cực ủng hộ vật chất cho cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược của nhân dân ta. Lúc này, Quốc lộ số 3 từ Hà Nội qua các địa bàn thị xã Thái Nguyên, huyện Phú Lương lên các tỉnh Bắc Kạn, Cao Bằng sang biên giới Việt - Trung và Quốc lộ số 1B từ thị xã Thái Nguyên, qua tỉnh Lạng Sơn ra biên giới Việt - Trung trở thành hai con đường chiến lược rất quan trọng để

vận chuyển người, vũ khí, lương thực, thực phẩm, thuốc men từ hậu phương và các nước anh em chi viện cho cuộc kháng chiến của nhân dân ta ra các chiến trường trong toàn quốc. Từ khi quân và dân ta chuyển sang giai đoạn Tổng phản công, liên tiếp mở các chiến dịch lớn, nhu cầu đảm bảo giao thông, vận tải phục vụ cho các chiến trường ngày càng trở nên cấp bách. Trước tình hình đó, Đảng bộ, nhân dân và lực lượng vũ trang huyện Phú Lương tập trung nhiệm vụ mang tính chiến lược là nhanh chóng sửa chữa, khôi phục, nâng cấp đoạn Quốc lộ số 3 trên địa bàn huyện.

Quán triệt và triển khai Nghị quyết Hội nghị Tỉnh uỷ Thái Nguyên (họp mở rộng ngày 1-4-1951) “Đảm bảo giao thông vận tải kịp thời, thông suốt là nhiệm vụ quân sự nặng nề, mang tính quyết liệt của một cuộc chiến đấu với kẻ thù. Các cấp, các ngành phải khẩn trương xúc tiến kế hoạch đảm bảo giao thông, đặc biệt là phải chú trọng sửa chữa mặt đường, đảm bảo giao thông thông suốt trong mọi tình huống, đúng thời hạn quy định. Cán bộ chủ chốt của các cấp uỷ Đảng, Chính quyền từ tỉnh xuống cơ sở đều phải tham gia Ban chỉ huy đảm bảo giao thông các cấp”, Huyện uỷ, Uỷ ban kháng chiến hành chính huyện Phú Lương đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo các xã huy động hàng nghìn lượt dân công lên các công trường, làm đường và sửa chữa giao thông trên Quốc lộ số 3.

Sau Chiến dịch Biên giới, địch thường xuyên tung bọn thám báo vào hoạt động phá hoại và cho máy bay bắn phá đoạn Quốc lộ số 3 trên địa bàn huyện. Trước tình hình đó, Ban chỉ huy Huyện đội Phú Lương chỉ đạo các xã dọc Quốc lộ số 3 và các trục giao thông chính trong huyện huy động lực lượng

dân quân, du kích thành lập các Trạm gác bảo vệ giao thông từ Dốc Vồng lên Chợ Mới, mỗi Trạm có 21 người, thay nhau canh gác 24/24 giờ. Để bảo vệ đoạn Quốc lộ số 3 trên địa bàn huyện, Ban chỉ huy Huyện đội Phú Lương tổ chức 8 Trạm tuần tra, canh gác: Trạm Chợ Mới - Đồng Danh giao cho dân quân du kích xã Yên Trạch; Trạm Km 31 giao cho dân quân du kích xã Yên Đỗ; Trạm Phố Giá giao cho dân quân du kích xã Động Đạt; Trạm Giang Tiên giao cho dân quân du kích xã Phấn Mễ; Trạm Bồ Đậu giao cho dân quân du kích xã Cổ Lũng; Trạm Dốc Vồng giao cho dân quân du kích xã Sơn Cẩm; Trạm Minh Lý giao cho dân quân du kích xã Vô Tranh; Trạm Đu - Hợp Thành giao cho dân quân du kích xã Hợp Thành. Các Trạm này có nhiệm vụ thường xuyên, tuần tra, canh gác, phát hiện máy bay địch, báo động cho xe và người qua lại, đề phòng các hoạt động phá hoại, chỉ điểm của bọn gián điệp dưới mặt đất; phối hợp với các tổ xung kích ứng cứu giao thông, đảm bảo giao thông vận tải kịp thời thông suốt. Cuối năm 1950, Bộ Tổng Tư lệnh quyết định mở nhiều chiến dịch phản công tiêu diệt sinh lực địch. Để kịp thời phục vụ các chiến dịch Trung du, Hoà Bình, Tây Bắc, Ủy ban kháng chiến hành chính huyện huy động dân công thành lập các Đội Vận tải và các Đội Đảm bảo giao thông phục vụ chiến dịch. Bình quân mỗi người trong độ tuổi dân công (từ 18 đến 50 tuổi, của huyện Phú Lương mỗi năm đi dân công 3 tháng. Riêng Chiến dịch Trần Hưng Đạo (Chiến dịch Trung du từ ngày 25-12-1950 đến ngày 17-1-1951), huyện Phú Lương đã huy động được hàng trăm dân công đi phục vụ, trong đó Ban chỉ huy Huyện đội Phú Lương đã cử 3 chiến sĩ trực tiếp tham gia các

Đội Vận tải, Đội Đảm bảo giao thông của huyện. Ngoài ra, quân và dân huyện Phú Lương còn đóng góp hàng vạn ngày công sửa chữa cầu, đường và giúp đỡ các cơ quan, đơn vị ở và làm việc trên địa bàn xây dựng kho tàng, nhà cửa, ổn định nơi ăn, chốn ở.

Năm 1952, huyện Phú Lương đã huy động được hàng nghìn lượt dân công đi làm việc tại các công trường sửa chữa cầu, đường của tỉnh và vận chuyển hàng hoá phục vụ các chiến dịch Hoà Bình (từ 10-12-1951 đến 25-2-1952), Tây Bắc (từ 14-10 đến 10-12-1952). Trên các công trường sửa chữa cầu, đường của tỉnh, dân công huyện Phú Lương đã góp phần cùng dân công toàn tỉnh đào, đắp hơn 4.950 mét khối đất, đá; rải 9.000 mét khối đá mặt đường, làm hơn 106 mét cầu vĩnh cửu.... Dân công Phú Lương trên công trường sửa chữa cầu, đường tại các đoạn Bờ Đậu – Chợ Mới, Bờ Đậu - Đèo Khế, Km 31 – Quán Vuông – Khuôn Ngàn, Giang Tiên – Na Dương đã hoàn thành được 95% khối lượng công việc được giao. Bên cạnh các thành tích trên, trong công tác sửa chữa cầu, đường, huyện Phú Lương cũng còn nhiều thiếu sót, khuyết điểm. Việc chuẩn bị dụng cụ lao động không tương xứng với việc huy động ồ ạt lực lượng dân công lên các công trường, nên dẫn đến lãng phí về nhân lực. Tình trạng huy động dân công mất công bằng, một số cán bộ, đảng viên không gương mẫu, bao che cho người thân của mình không phải đi dân công vẫn chưa được khắc phục, gây bất bình trong nhân dân và đội ngũ dân công tích cực.

Để kịp thời đáp ứng yêu cầu bảo đảm giao thông vận tải phục vụ các dịch, thực hiện chủ trương của Tỉnh uỷ, năm

1953, Huyện uỷ, Uỷ ban kháng chiến hành chính huyện Phú Lương tiếp tục thành lập Công trường sửa chữa giao thông, phân công một đồng chí Huyện uỷ viên phụ trách. Lực lượng dân công ở mỗi xã trên địa bàn huyện được tổ chức thành 1 đại đội (dưới đại đội có các trung đội, tiểu đội), do một đồng chí cán bộ là Chi uỷ viên hoặc đảng viên phụ trách. Năm 1953, giặc Pháp thường xuyên cho máy bay ném bom, bắn phá các điểm giao thông xung yếu trên địa bàn huyện (các bến phà Chợ Mới, Giang Tiên, Sơn Cẩm...). Điển hình là ngày 13-6-1953, giặc Pháp cho 3 máy bay ném bom, bắn phá dữ dội bến phà Chợ Mới, làm chìm phà. Ngay sau khi máy bay địch ném bom, bắn phá làm chìm phà Chợ Mới, các đồng chí lãnh đạo Huyện uỷ, Uỷ ban kháng chiến hành chính huyện Phú Lương đã kịp thời có mặt tại hiện trường lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức huy động lực lượng dân công và các tổ xung kích đảm bảo giao thông lấy tre, nứa, ghép thành mảng cho xe ô tô vượt sông. Do huyện Phú Lương làm tốt công tác huy động dân công sửa chữa cầu đường, nên đoạn Quốc lộ số 3 từ Sơn Cẩm lên Chợ Mới luôn đảm bảo thông suốt, đáp ứng tốt yêu cầu vận chuyển vũ khí, lương thực, thực phẩm ra các chiến trường.

Ngày 6-12-1953, tại ATK Định Hóa, Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng họp, thông qua Phương án tác chiến mùa Xuân 1954 của Tổng Quân uỷ và quyết định mở Chiến dịch Điện Biên Phủ. Để đảm bảo giao thông vận tải phục vụ Chiến dịch Điện Biên Phủ, Huyện uỷ, Uỷ ban kháng chiến hành chính huyện Phú Lương tập trung lãnh đạo, chỉ đạo các xã trong huyện huy động dân công và các đội vận chuyển,

bảo vệ cầu đường ra tiếp tục san lấp hố phá hoại, sửa chữa cầu, đường. Ngoài ra, huyện Phú Lương còn huy động nhiều thanh niên gia nhập Đại đội 212 Thanh niên xung phong chủ lực, làm nhiệm vụ cơ động đảm bảo giao thông vận tải ở các trọng điểm giao thông trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

Trên mặt trận giao thông vận tải, chỉ tính từ năm 1949 đến tháng 5-1954, Lực lượng vũ trang và nhân dân huyện dân Phú Lương đã huy động 8.500 người đi dân công vận chuyển lương thực, vũ khí phục vụ các chiến dịch, huy động 22.000 ngày công, đào đắp 15.500 mét khối đất đá, khai thác 1.500 mét khối gỗ để sửa chữa cầu đường giao thông. Huyện Phú Lương là đơn vị luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ khôi phục, sửa chữa, bảo vệ cầu, đường giao thông, đảm bảo giao thông vận tải trên địa bàn huyện kịp thời, thông suốt và an toàn.

Sau thất bại nặng nề trong Chiến dịch Biên giới năm 1950, phán đoán ta có nhiều khả năng đánh xuống vùng đồng bằng và trung du Bắc Bộ, quân Pháp tăng cường lực lượng phòng thủ trung du. Tại các các tỉnh giáp ranh với tỉnh Thái Nguyên, chúng bố trí Binh đoàn cơ động số 3 ở Vĩnh Yên, Binh đoàn cơ động số 5 ở Bắc Giang. Từ các vị trí chiếm đóng ở các tỉnh giáp ranh, quân Pháp thường xuyên mở các cuộc hành quân tấn công vào địa bàn các huyện, xã của tỉnh Thái Nguyên để tổ chức thăm dò lực lượng và phá hoại công cuộc kháng chiến, kiến quốc của nhân dân ta. Năm 1951, giặc Pháp huy động 695 lần chiếc máy bay chiến đấu, ném hơn 8.000 quả bom phá và bom na pan, bắn 15.672 loạt đạn 12 ly 7 và 20 ly xuống địa bàn tỉnh Thái Nguyên, (trong đó có huyện Phú Lương), làm chết 272 người, bị thương 599 người, đốt cháy

10.119 nổi thốc và phá hoại nhiều nhà cửa của nhân dân. Ngoài ra, chúng còn cho 34 lần chiếc máy bay vào hoạt động trinh sát, 56 lần chiếc máy bay vào thả truyền đơn khắp các huyện trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

Tại huyện Phú Lương, quân Pháp thường xuyên cho thám báo, biệt kích vào hoạt động phá hoại và cho máy bay vào ném bom, bắn phá.

Nhiệm vụ của quân và dân huyện Phú Lương trong thời kỳ này là tiếp tục xây dựng và củng cố Căn cứ địa vững mạnh, không ngừng nâng cao tiềm lực kháng chiến của huyện về mọi mặt, chi viện đầy đủ sức người, sức của cho tiền tuyến. Việc xây dựng tiềm lực quốc phòng toàn dân, xây dựng Lực lượng vũ trang nhân dân huyện ngày càng lớn mạnh trở thành nhiệm vụ vừa thường xuyên, vừa cấp bách của quân và dân trong huyện.

Sau Chiến dịch Biên giới 1950, Lực lượng vũ trang nhân dân huyện Phú Lương ở cấp huyện có Cơ quan Huyện đội (với quân số dao động từ 20 đến 30 cán bộ, chiến sĩ), 1 đại đội bộ đội địa phương huyện (Đại đội 271, với 70 cán bộ, chiến sĩ, biên chế thành 2 trung đội); ở cấp xã có các Ban chỉ huy Xã đội, bình quân mỗi xã có từ 1 trung đội đến 1 đại đội dân quân du kích. Lực lượng dân quân, du kích các xã trong huyện thường xuyên được Ban chỉ huy Huyện đội chỉ đạo củng cố, kiện toàn tổ chức và huấn luyện.

Năm 1952, thực hiện chỉ thị của Bộ Tổng Tư lệnh và Bộ Tư lệnh Liên khu Việt Bắc, Ban chỉ huy Tỉnh đội Thái Nguyên tổ chức xây dựng 2 đại đội phòng không (Đại đội 255 và Đại đội 256). Để có lực lượng xây dựng 2 đại đội phòng không

225 và 226, Ban chỉ huy Tỉnh đội Thái Nguyên quyết định điều toàn bộ, cán bộ, chiến sĩ Đại đội 271 bộ đội địa phương huyện Phú Lương lên tỉnh, lực lượng bộ đội ở huyện Phú Lương chỉ còn Cơ quan Huyện đội. Để có lực lượng vũ trang địa phương tại chỗ vững mạnh, sẵn sàng chiến đấu bảo vệ quê hương Căn cứ địa, Ban chỉ huy Huyện đội Phú Lương quyết định thành lập 4 đại đội du kích miền:

- Đại đội 1: gồm du kích các xã Yên Trạch, Yên Đỗ, Yên Ninh, do đồng chí Ma Quốc Oai (nguyên Đại đội trưởng Đại đội Cảnh vệ huyện) làm Đại đội trưởng.

- Đại đội 2: gồm du kích các xã Hợp Thành, Động Đạt, Phấn Mễ, do các đồng chí Ma Tiến Cường (Nguyên trưởng Ban Quân sự Huyện đội) làm Đại đội trưởng, Hoàng Đình Kim làm Chính trị viên, Trần Cường làm Đại đội phó.

- Đại đội 3: gồm du kích các xã Yên Lạc, Phú Đô, Tứ Tranh do đồng chí Khoa (người xã Yên Trạch) làm Đại đội trưởng, đồng chí Thanh (người xã Phú Đô) làm Đại đội phó, đồng chí Nguyễn Tất Đạt (Nguyên Đại đội phó Đại đội 271) làm Chính trị viên.

- Đại đội 4: gồm du kích các xã Cổ Lũng, Sơn Cẩm, Vô Tranh, do đồng chí Thuận (người xã Cổ Lũng) làm Đại đội trưởng, đồng chí Phấn (người xã Vô Tranh) làm Chính trị viên, đồng chí Vinh (người xã Sơn Cẩm) làm Đại đội phó.

Ở cấp dưới đại đội miền, mỗi xã có từ 1 đến 2 trung đội dân quân, du kích. Phương châm tác chiến của các đại đội du kích miền được xác định là: “Bắn nhanh, rút nhanh, bao vây, quấy rối, bắn tỉa, chôn chân địch tại chỗ”; tổ chức ăn mặc

mang tính tự túc, trang bị vũ khí chủ yếu là lựu đạn, súng kíp do Xưởng Phan Bội (ông Trần Bá Duy phụ trách) cung cấp, ngoài ra có thêm súng, đạn chiến lợi phẩm thu được của địch trong Chiến dịch phản công Việt Bắc Thu Đông 1947 như súng khai hậu, giòóp 5, giòóp 3, địa lôi, mìn...

Do phải thường xuyên phải bổ sung lực lượng cho bộ đội chủ lực, nên ở huyện Phú Lương thời kì này đã diễn ra tình trạng thiếu cán bộ lãnh đạo, chỉ huy quân sự làm cho công tác tổ chức, xây dựng, phát triển lực lượng vũ trang địa phương gặp nhiều khó khăn. Bên cạnh đó, trong một bộ phận dân quân du kích xuất hiện tư tưởng lệch lạc “Vào dân quân, du kích phải đi huấn luyện, vận chuyển vũ khí, xây dựng doanh trại, nên không có thời gian tham gia sản xuất, gia đình thiếu đói”, vì vậy muốn xin ra khỏi lực lượng dân quân du kích, thậm chí có một số người còn tỏ ra trây ỉ, lười biếng, vô kỷ luật để sớm được ra khỏi lực lượng bán vũ trang địa phương. Trước tình hình đó, Ban chỉ huy Huyện đội Phú Lương tổ chức nhiều đợt quán triệt, chỉnh huấn về chính trị, quân sự cho cán bộ, chiến sĩ bộ đội địa phương và dân quân du kích. Thông qua học tập các tài liệu “Trường kỳ kháng chiến nhất định thắng lợi”, “Công tác Đảng, công tác chính trị trong chỉnh huấn”, ý thức giác ngộ của cán bộ, chiến sĩ lực lượng bộ đội địa phương và dân quân du kích Phú Lương từng bước được nâng cao; những nhận thức tư tưởng lệch lạc của một số cán bộ, chiến sĩ về nhiệm vụ xây dựng lực lượng vũ trang địa phương từng bước được khắc phục.

Thực hiện chỉ thị của Ban chỉ huy Tỉnh đội Thái Nguyên, năm 1952, Ban chỉ huy Huyện đội Phú Lương tổ chức thành

lập Đại đội quân dự bị. Sau khi thành lập, Ban chỉ huy Đại đội quân dự bị huyện Phú Lương liên tục mở các đợt huấn luyện quân sự, chính trị cho lực lượng dự bị. Qua huấn luyện chính trị, quân sự, nhiều chiến sĩ quân dự bị có năng lực khá đã kịp thời được bổ sung vào các đơn vị bộ đội chủ lực đi làm nhiệm vụ chiến đấu ở các chiến trường. Nhờ vậy, qua các đợt tuyển quân, số lượng tân binh huyện Phú Lương giao cho bộ đội chủ lực đều đạt và vượt chỉ tiêu trên giao. Đây là một thành tích rất đáng ghi nhận của nhân dân và lực lượng vũ trang địa phương huyện Phú Lương. Một trong những thành tựu quan trọng của nhân dân và lực lượng vũ trang địa phương huyện Phú Lương năm 1952 là đã góp phần to lớn vào thành công của Đại hội chiến sĩ thi đua và cán bộ gương mẫu toàn quốc lần thứ nhất (họp từ ngày 30-4 đến ngày 6-5-1952 tại xã Hợp Thành), do Chủ tịch Hồ Chí Minh chủ trì. Tại Đại hội này, 154 đại biểu là công nhân, nông dân trí thức, lực lượng vũ trang, tiêu biểu cho phong trào “Thi đua yêu nước” trong toàn quốc đã về dự. Đại hội đã tổng kết kinh nghiệm phong trào thi đua chiến đấu, sản xuất, công tác và học tập; đã lựa chọn được 7 chiến sĩ thi đua xuất sắc nhất để Chính phủ tuyên dương danh hiệu Anh hùng (5 Anh hùng Lực lượng vũ trang là Cù Chính Lan, La Văn Cầu, Nguyễn Quốc Trị, Nguyễn Văn Song, Nguyễn Thị Chiên và 2 Anh hùng Lao động là Trần Đại Nghĩa và Ngô Gia Khảm).

Năm 1953, Huyện ủy, Ủy ban kháng chiến hành chính huyện Phú Lương đẩy mạnh lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện cuộc vận động toàn dân tham gia xây dựng và củng cố lực lượng dân quân du kích. Cấp ủy Đảng, Chính quyền các xã trong

huyện đưa nhiều cán bộ, đảng viên gương mẫu, có năng lực lãnh đạo, chỉ huy quân sự vào các Ban chỉ huy Xã đội, giữ các chức vụ Trung đội trưởng, Trung đội phó dân quân du kích. Các cấp ủy Đảng đẩy mạnh tuyên truyền, giáo dục, động viên quần chúng gia nhập lực lượng dân quân du kích: đồng thời cũng lãnh đạo kiên quyết đưa ra khỏi lực lượng dân quân du kích những phần tử giảm sút ý chí chiến đấu, ý thức, trách nhiệm kém, cơ hội, lưu manh.... Nhờ đó, số lượng và chất lượng của lực lượng dân quân du kích trong huyện ngày càng được nâng cao.

Năm 1953, do thực hiện chủ trương “tinh binh, tinh cán”, giảm quân số ở Cơ quan Huyện đội để tăng cường cho các đơn vị cơ sở và đơn vị bộ đội chủ lực, nên quân số ở Cơ quan Huyện đội Phú Lương giảm xuống chỉ còn 15 cán bộ, chiến sĩ. Do thiếu cán bộ, nên nhiều công việc của Cơ quan Huyện đội không được giải quyết kịp thời. Để khắc phục tình hình đó, theo sự chỉ đạo của Ban chỉ huy Tỉnh đội Thái Nguyên, Ban chỉ huy Huyện đội Phú Lương quyết định chọn một số cán bộ dân quân, du kích có năng lực và kinh nghiệm lãnh đạo và chỉ huy quân sự, bổ sung cho Cơ quan Huyện đội.

Trước tình hình chiến sự trên các chiến trường cả nước có nhiều chuyển biến hết sức quan trọng, quân và dân ta liên tục giành quyền làm chủ trên các chiến trường và liên tiếp tổ chức tấn công địch. Để kịp thời chi viện lực lượng cho tiền tuyến, Huyện ủy, Ủy ban kháng chiến hành chính và Ban chỉ huy Huyện đội Phú Lương tiếp tục tổ chức quán triệt và thực hiện Sắc lệnh (số 226/SL, ngày 4-11-1949) của Chủ tịch Hồ Chí

Minh và Thông tư (số 124/HĐQP, ngày 5-11-1949) của Hội đồng Quốc phòng tối cao về Chế độ Nghĩa vụ quân sự và cấp thẻ Nghĩa vụ quân sự cho nam công dân từ 18 đến 45 tuổi ; tập trung lãnh đạo, chỉ đạo các ngành, các cấp phối hợp với Cơ quan Huyện đội tổ chức nắm nguồn, khám tuyển và vận động thanh niên xung phong lên đường tòng quân giết giặc. Từ năm 1950 đến năm 1954, trung bình mỗi năm nhân dân và lực lượng vũ trang huyện Phú Lương động viên được 250 thanh niên lên đường nhập ngũ, hoàn thành các chỉ tiêu tuyển quân hàng năm.

Cùng với việc lãnh đạo, chỉ đạo, xây dựng, củng cố và phát triển Lực lượng vũ trang địa phương vững mạnh, hoàn thành các chỉ tiêu tuyển quân chi viện tiền tuyến, trong thời gian từ năm 1951 đến năm 1954, Huyện ủy, Ủy ban kháng chiến hành chính huyện Phú Lương tiếp tục lãnh đạo, chỉ đạo quân và dân trong huyện đẩy mạnh tăng gia sản xuất, đảm bảo nhu cầu về lương thực, thực phẩm tại chỗ và chi viện tiền tuyến. Thực hiện chính sách ruộng đất của Đảng và Chính phủ, Ủy ban kháng chiến hành chính huyện đã quyết định tịch thu hàng trăm mẫu ruộng của các đồn điền vắng chủ, của bọn địa chủ, Việt gian, phản động đem chia cho nhân dân sản xuất. Triển khai thực hiện chính sách Thuế Nông nghiệp của Chính phủ (ban hành ngày 1-5-1951), tháng 10-1951, Huyện ủy, Ủy ban kháng chiến hành chính huyện cử nhiều cán bộ chủ chốt đi học tập chính sách Thuế Nông nghiệp do Liên khu Việt Bắc mở.

Qua học tập, các đồng chí lãnh đạo chủ chốt huyện Phú Lương đã quán triệt được tầm quan trọng của việc thực hiện chính sách Thuế Nông nghiệp đối với sự nghiệp kháng chiến, kiến quốc hiện nay. Thực hiện Nghị quyết Hội nghị Ban Thường vụ Tỉnh ủy Thái Nguyên (họp ngày 4-8-1951) “Lãnh đạo thi hành Chỉ thị Thuế Nông nghiệp là công tác trọng tâm hiện nay của các cấp ủy Đảng trong tỉnh. Các ngành quân, dân, chính, Đảng phải tập trung thi hành Chỉ thị Thuế Nông nghiệp”, Huyện ủy, Ủy ban kháng chiến hành chính huyện Phú Lương tập trung lãnh đạo, chỉ đạo nhân dân và cán bộ, chiến sĩ Lực lượng vũ trang trong huyện thi hành Chỉ thị Thuế Nông nghiệp. Huyện ủy quy định cán bộ các ngành, các cấp ở huyện đều phải xuống xã làm công tác Thuế Nông nghiệp, trừ các đồng chí tối cần thiết mới ở lại cơ quan. Đầu tháng 10-1951, toàn bộ các xã trong huyện đã cơ bản lập xong sổ Thuế Nông nghiệp.

Ngày 26-11-1951, Huyện ủy Phú Lương họp với cán bộ huyện, đại biểu các ngành của huyện và đại biểu cấp ủy Đảng, Chính quyền, Đoàn thể, Xã đội, Công an các xã trong huyện thảo luận về chính sách Thuế Nông nghiệp, tăng gia sản xuất, sửa chữa cầu đường và huy động dân công phục vụ các chiến dịch. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đến thăm và nói chuyện với Hội nghị. Người nói “Tôi đi qua đây thấy họp thì vào nói chuyện với đồng bào”. Sau khi nhận xét “Hội nghị ít đại biểu quá”, Chủ tịch Hồ Chí Minh nhấn mạnh, đại ý:

- Về Thuế Nông nghiệp phải lãnh đạo thực hiện tốt chính sách công bằng, hợp lí và giản tiện. Người kêu gọi phải “thi đua nộp mau, nộp đủ, nộp thóc tốt và nộp thóc khô”.

- Về tăng gia sản xuất, Người chỉ thị cho cấp ủy Đảng, Chính quyền phải quan tâm đến nhân dân, làm cho nhân dân no ấm. Phải tổ chức giúp đỡ những gia đình neo đơn, có em hoạt động cách mạng, tổ chức các tổ đổi công, hợp công. Người kêu gọi nhân dân tích cực tăng gia sản xuất.

- Về dân công, Người phân tích và nhấn mạnh “Ở ngoài tiền tuyến, anh em bộ đội thi đua giết giặc lập công, ở hậu phương đồng bào cũng phải thi đua đắp đường, chữa cầu, vận tải. Đó là công lao khó nhọc của đồng bào, nhưng như thế thì kháng chiến mới chóng thành công. Trong việc này cán bộ cũng phải tổ chức cho công bằng, không được thiên lệch, người đi nhiều, người đi ít; phải tổ chức để giúp đỡ cho những người đi dân công khi ra công trường an tâm làm việc, không phải lo đến việc nhà nữa”.

- Đối với phụ nữ, Người giao nhiệm vụ “Phụ nữ mỗi năm phải may áo mùa Đông binh sĩ, nhưng năm nay không phải quyên góp nữa, mà chỉ phải khâu giúp chần, áo cho bộ đội, xã nào may được nhiều sẽ có thưởng và có danh dự”.

Kết thúc buổi nói chuyện, Người dạy: “Cán bộ phải đi sát dân, chăm lo đến nhân dân, các việc phải đưa ra bàn bạc với các cụ, dù việc khó đến đâu cũng thành công, tuyệt đối không được dọa nạt dân, không được quan liêu mệnh lệnh”.

Thực hiện chỉ thị và lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Hội nghị đã chia các đại biểu thành từng tổ nghiên cứu, thảo

luận, đánh giá, khuyết điểm trên các mặt công tác. Hội nghị ra nghị quyết xác định quyết tâm lãnh đạo, chỉ đạo nhân dân và Lực lượng vũ trang trong huyện thực hiện tốt các chính sách Thuế Nông nghiệp, tăng gia sản xuất và dân công⁽¹⁾.

Trước tình hình năm 1951, nhân dân huyện Phú Lương chỉ cho Chính phủ tạm vay được 106 tấn thóc và nộp Thuế Nông nghiệp cho Nhà nước được hơn 1.000 tấn thóc (không đạt chỉ tiêu Tỉnh giao), Tỉnh ủy Thái Nguyên đã cử đồng chí Hải Bằng (Phó Bí thư Tỉnh ủy) trực tiếp xuống huyện Phú Lương lãnh đạo, chỉ đạo thu Thuế Nông nghiệp; mỗi cán bộ, đảng viên trong huyện nghiêm khắc kiểm điểm, xác định nguyên nhân và đề ra biện pháp khắc phục. Nhờ đó, từ năm 1952 đến khi kết thúc cuộc kháng chiến chống Pháp (7-1954), năm nào huyện Phú Lương cũng đều hoàn thành tốt nghĩa vụ đóng Thuế Nông nghiệp đối với Nhà nước. Trong 9 năm kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược, nhân dân các dân tộc huyện Phú Lương đã đóng góp, ủng hộ cho tiền tuyến trên 7.500 tấn lương thực và 1.300 tấn thực phẩm.

Ngày 6-12-1953, tại An toàn khu Định Hóa (Thái Nguyên), Bộ Chính trị Trung ương Đảng họp và quyết định mở Chiến dịch Điện Biên Phủ. Với tinh thần “Tất cả cho tiền tuyến, tất cả để chiến thắng”, quân và dân huyện Phú Lương đã huy động hàng nghìn lượt dân công đi làm nhiệm vụ vận chuyển lương thực, thực phẩm, vũ khí, tải thương, giúp đỡ bộ đội chiến đấu. Trong Chiến dịch Điện Biên Phủ, trải qua 55 ngày, đêm (từ ngày 13-3, đến ngày 7-5-1954), chiến đấu kiên

⁽¹⁾ Báo cáo số 72/BC-TN, ngày 4-12-1952 của Tỉnh ủy Thái Nguyên.

cường, anh dũng, quân và dân ta đã làm lên một Điện Biên lịch sử “Lừng lẫy năm châu, chấn động địa cầu”⁽¹⁾. Ngày 21-7-1954, tại Hội nghị Giơnevơ (Thụy Sĩ), thực dân Pháp buộc phải ký “Hiệp định về chấm dứt chiến tranh, lập lại hoà bình ở Đông Dương”, cam kết tôn trọng độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của các nước Việt Nam, Lào và Campuchia.

Trải qua 9 năm kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược, Đảng bộ, Chính quyền, Nhân dân và Lực lượng vũ trang huyện Phú Lương đã phát huy tốt truyền thống yêu nước nồng nàn, truyền thống đấu tranh kiên cường, bất khuất chống ngoại xâm của quê hương, thực hiện thắng lợi đường lối kháng chiến “Toàn dân, toàn diện, trường kì và tự lực cánh sinh” của Đảng và Chính phủ do Chủ tịch Hồ Chí Minh đứng đầu. Trong Chiến dịch Việt Bắc Thu Đông 1947, quân và dân huyện Phú Lương đã trực tiếp chiến đấu và phục vụ chiến đấu, góp phần đánh bại cuộc hành quân Xanh-tuya của địch vào địa bàn huyện, bảo vệ an toàn các cơ quan, đơn vị của Trung ương, Liên khu I và tỉnh Thái Nguyên đóng trên địa bàn. Tiếp theo, Nhân dân và Lực lượng vũ trang huyện Phú Lương tiếp tục hoàn thành xuất sắc các nhiệm vụ đảm bảo giao thông thời chiến, đóng góp sức người, sức của phục vụ các chiến dịch Biên giới (1950), Trung du (cuối năm 1950, đầu năm 1951), Hòa Bình (cuối năm 1951, đầu năm 1952), Tây Bắc (1952) và đỉnh cao là Chiến dịch Điện Biên Phủ (từ ngày 13/3 đến ngày 7-5-1954), góp phần đưa cuộc kháng chiến của nhân dân ta đi từ

(2) Tố Hữu: Hoan hô chiến sỹ Điện Biên.

thắng lợi này đến thắng lợi khác. Trong chín năm kháng chiến chống Pháp trường kỳ và gian khổ, Nhân dân và Lực lượng vũ trang huyện Phú Lương đã động viên được hàng nghìn thanh niên là con em nhân dân các dân tộc trong huyện lên đường tòng quân giết giặc, chiến đấu ở khắp các chiến trường và lập được nhiều chiến công xuất sắc, được Đảng, Nhà nước và Quân đội ghi nhận, tặng thưởng nhiều Huân, Huy chương các loại. Trong số số đó, hàng trăm người đã vĩnh viễn nằm lại ở các chiến trường được công nhận là liệt sĩ; hàng trăm người đã để lại một phần xương, máu ở ngoài mặt trận, được công nhận là thương binh; 38 gia đình được tặng Bằng có công với nước.

Với những thành tích đặc xuất sắc trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược, Nhân dân và Lực lượng vũ trang nhân dân huyện Phú Lương và Nhân dân và Lực lượng vũ trang nhân dân các xã Động Đạt, Phấn Mễ, Ôn Lương, Vô Tranh, Yên Trạch, Hợp Thành đã được Đảng và Nhà nước tặng thưởng danh hiệu cao quý “Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân” thời kỳ kháng chiến chống Pháp. Phát huy truyền thống Anh hùng của quê hương Căn cứ địa cách mạng, An toàn khu kháng chiến, Nhân dân và Lực lượng vũ trang nhân dân huyện Phú Lương nỗ lực phấn đấu, vươn lên, tiếp tục hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước sau này.

Chương III

QUÂN VÀ DÂN HUYỆN PHÚ LƯƠNG KHÁNG CHIẾN CHỐNG ĐẾ QUỐC MỸ XÂM LƯỢC 1954-1975.

I. Vừa hoàn thành công tác giảm tô, vừa đẩy mạnh khôi phục, cải tạo và phát triển kinh tế - văn hoá - xã hội.

Chiến thắng Điện Biên Phủ lịch sử của quân và dân ta (7-5-1954), đã buộc thực dân Pháp phải kí “Hiệp định Giơnevơ về chấm dứt chiến tranh, lập lại hoà bình ở Đông Dương”, cam kết tôn trọng độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của nước ta và các nước Lào, Campuchia; rút hết quân viễn chinh Pháp ra khỏi Đông Dương. Sau ngày Hiệp định Giơnevơ được kí kết (21-7-1954), đất nước ta tạm thời chia làm hai miền: Miền Bắc được hoàn toàn giải phóng, nhân dân bước vào thời kì khôi phục, cải tạo và phát triển kinh tế - văn hoá, từng bước đi lên chủ nghĩa xã hội; miền Nam tạm thời dưới sự chiếm đóng của quân đội Liên hiệp Pháp và sau đó là dưới ách thống trị của đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai Ngô Đình Diệm. Nhiệm vụ của quân và dân ta ở miền Nam là phải tiếp tục đấu tranh để hoàn thành cách mạng dân tộc, dân chủ nhân dân, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước.

Sau ngày Hiệp định Giơnevơ được kí kết, cũng như các huyện, thị khác trong tỉnh, huyện Phú Lương đứng trước những khó khăn về nhiều mặt. Toàn huyện lúc này được chia làm 14 đơn vị hành chính, gồm các xã Yên Đỗ, Yên Ninh, Yên Trạch, Yên Lạc, Phủ Lý, Hợp Thành, Tân Thành, Vô Tranh, Túc Tranh, Sơn Cẩm, Cổ Lũng, Phấn Mễ, Động Đạt, Phú Đô; với dân số hơn 17.600 người. Trong kháng chiến chống Pháp, huyện Phú Lương nằm trong vùng tự do, một số xã vùng phía tây huyện lại nằm trong vùng An toàn khu kháng chiến, có nhiều cơ quan Trung ương và đơn vị bộ đội đóng quân; có nhiều đồng bào từ các tỉnh, thành phố, thị xã vùng xuôi lên tản cư kháng chiến. Đảng bộ, quân và dân huyện Phú Lương đã giúp đỡ, ủng hộ, bảo vệ các cơ quan Trung ương, các đơn vị bộ đội đứng chân trên địa bàn và cũng thường xuyên nhận được sự giúp đỡ về nhiều mặt, nhất là sự giúp đỡ về văn hoá, xã hội của các cơ quan Trung ương và đơn vị. Hoà bình lập lại, các cơ quan Trung ương rút về Thủ đô Hà Nội, các đơn vị bộ đội chuyển về xuôi, đồng bào tản cư chuyển về quê cũ, huyện Phú Lương bị hẫng hụt vì không còn sự giúp đỡ trực tiếp về nhiều mặt của các cơ quan và đơn vị nói trên.

Xuất phát từ đặc điểm Phú Lương là một huyện miền núi, vùng cao, sự phân hoá giai cấp chưa thật sâu sắc, nên theo chủ trương của Đảng, huyện Phú Lương sẽ cùng với các huyện miền núi Võ Nhai, Định Hoá và một số xã của các huyện Đại Từ, Đồng Hỷ không tiến hành cải cách ruộng đất, mà chỉ thực hiện giảm tô.

Từ ngày 21-10-1954, khi nông dân của 22 xã thuộc các huyện Đại Từ, Đồng Hỷ, Phú Bình, Phổ Yên bắt đầu bước vào

cuộc cải cách ruộng đất đợt II, thì cũng là lúc nhân dân lao động của 14 xã trong huyện Phú Lương và 59 xã thuộc các huyện Võ Nhai, Định Hoá... sôi nổi bước vào cuộc đấu tranh với giai cấp địa chủ để thực hiện giảm tô và đã thu được nhiều thắng lợi. Tại huyện Phú Lương, cuộc đấu tranh đòi địa chủ giảm tô của nhân dân lao động ở toàn bộ 14 xã trong huyện thực sự là một cuộc đấu tranh giai cấp quyết liệt, nhằm xoá bỏ giai cấp bóc lột ở nông thôn Phú Lương. Vì vậy, trong quá trình thực hiện giảm tô, nhân dân lao động huyện Phú Lương đã gặp phải sự chống đối gay gắt của giai cấp địa chủ và các phần tử phản cách mạng.

Để thực hiện thắng lợi công cuộc giảm tô, ngoài số cán bộ trong Đội giảm tô do Trung ương và Tỉnh đưa xuống, hầu hết cán bộ lãnh đạo chủ chốt của Huyện uỷ, Uỷ ban hành chính huyện đã được điều động đi làm công tác giảm tô. Các đơn vị bộ đội đóng quân trên địa bàn và các lực lượng bộ đội địa phương, dân quân du kích và tự vệ huyện Phú Lương phối hợp với nhân dân và lực lượng Công an triển khai các biện pháp ngăn chặn, trấn áp sự chống đối của giai cấp địa chủ và các tổ chức, phần tử phản cách mạng, đảm bảo an ninh, trật tự cho công cuộc giảm tô. Cán bộ, chiến sĩ Lực lượng vũ trang Phú Lương phối hợp chặt chẽ với chính quyền, đoàn thể các cấp từ huyện xuống các xã tăng cường công tác tuyên truyền, vận động, giáo dục nhân dân, góp phần làm cho công cuộc giảm tô ở huyện Phú Lương hoàn thành thắng lợi.

Đầu năm 1955, toàn bộ các xã trên địa bàn huyện đã hoàn thành thắng lợi công cuộc giảm tô, đánh đổ hoàn toàn giai cấp địa chủ, phong kiến, thủ tiêu chế độ chiếm hữu ruộng đất và

phương thức bóc lột của chúng ở nông thôn Phú Lương, biến ước mơ “Người cày có ruộng” của người nông dân Phú Lương thành hiện thực. Sức sản xuất của người nông dân Phú Lương được giải phóng, tạo ra sự phát triển mới trong sản xuất nông nghiệp. Uy thế chính trị của giai cấp nông dân, nhất là người nông dân thuộc các thành phần bản, cố nông ở huyện Phú Lương được xác lập, nhiều người đã trở thành cán bộ các tổ chức Đảng, Chính quyền, Đoàn thể ở cơ sở. Người nông dân huyện Phú Lương được giải phóng khỏi ách áp bức, bóc lột của địa chủ, phong kiến đã trở thành người chủ thực sự của xã hội. Khối đoàn kết liên minh công nông trong huyện được củng cố và tăng cường, làm cơ sở cho đoàn kết dân tộc và xây dựng chính quyền dân chủ nhân dân các cấp từ huyện xuống các xã.

Tuy vậy, trong quá trình thực hiện giảm tô ở huyện Phú Lương, bên cạnh những thắng lợi cơ bản nêu trên, do cán bộ trong Đội giảm tô xuống các xã nắm không chắc đặc điểm, tình hình của huyện, dập khuôn máy móc các biện pháp, chỉ tiêu của Trung ương, nên dẫn tới tình trạng đấu tố tràn lan, qui oan, qui sai thành phần cho nhiều người, nhiều gia đình. Trong khi tiến hành giảm tô, các Đội giảm tô còn kết hợp chinh đồn các tổ chức Đảng, Chính quyền, Đoàn thể ở nông thôn mà nội dung chủ yếu là chinh đồn tổ chức Đảng. Do đánh giá chi bộ Đảng ở nông thôn không đúng, không tin vào đảng viên, nhất là các đảng viên cũ, nên cán bộ các Đội giảm tô ở huyện Phú Lương (cũng như cán bộ các Đoàn, Đội cải cách ruộng đất và giảm tô ở các huyện khác trong tỉnh) đã không tuân thủ các

phương châm, chính sách của Đảng, không giáo dục đảng viên tự giác chấp hành mà lại dùng biện pháp mệnh lệnh, truy bức, bắt đảng viên kiểm thảo, truy chụp tội lỗi lung tung, đi đến xử lý cán bộ, đảng viên một cách tràn lan, bừa bãi, gây nên không khí căng thẳng ở nông thôn. Chi bộ xã Yên Trạch là một chi bộ có rất nhiều thành tích lãnh đạo nhân dân kháng chiến, kiến quốc trong thời kì kháng chiến chống Pháp. Trong Chiến dịch phản công Việt Bắc Thu Đông 1947, Chi bộ đã lãnh đạo lực lượng dân quân du kích tổ chức tuần tra, canh gác, phục kích đánh địch từ thị trấn Chợ Mới (Bắc Kạn) càn quét xuống, bảo vệ an toàn tính mạng và tài sản của nhân dân. Ngày 22-10-1947, Chi bộ đã lãnh đạo du kích xã lên phá cầu Suối Bốc, 4 du kích xã bị trúng mìn của địch cài lại bị thương, vong. Trong các đợt huy động dân công đi phục vụ tiền tuyến, Chi bộ xã Yên Trạch đều cử đảng viên đi lãnh đạo, chỉ đạo, nên các đội dân công của xã đi phục vụ tiền tuyến đều hoàn thành tốt nhiệm vụ, một số cá nhân được tặng bằng khen, giấy khen, Đội dân công xã Yên Trạch đã được tặng Bằng khen và được thưởng một cái dù; 3 cá nhân, trong đó có một đảng viên được tặng thưởng Huân chương Kháng chiến hạng Ba. Thế nhưng, trong giảm tô và chỉnh đốn tổ chức, 22 đảng viên trong Chi bộ đã bị xử lý đưa ra khỏi Đảng, Chi bộ bị giải thể. Qua giảm tô và chấn chỉnh tổ chức, toàn huyện đã có tới 72 đảng viên bị xử lý đưa ra khỏi Đảng. Nếu tính cả 3 đảng viên bị xử lý đưa ra khỏi Đảng trong việc chấp hành chính sách Thuế Nông nghiệp và 2 đảng viên bị xử lý đưa ra khỏi Đảng trong đợt phát động thành lập Khu Tự trị Việt Bắc thì số đảng viên trong huyện bị

đưa ra khỏi Đảng trong thời kì này lên tới 78 người (có 4 Bí thư Chi bộ và 6 Chi uỷ viên); điều đáng tiếc là trong đợt giảm tô có một số người bị xử lí oan, sai.

Tình hình nông thôn huyện Phú Lương sau giảm tô hết sức phức tạp. Hiện tượng đảng viên và quần chúng nhân dân mất đoàn kết, nghi kị lẫn nhau diễn ra ở nhiều xã trong huyện. Ở hầu hết các xã chỉ có một số ít cán bộ, đảng viên, cấp uỷ viên hoạt động, còn lại đa số đảng viên, cấp uỷ viên vin vào hoàn cảnh khó khăn để bỏ việc. Tại xã Cổ Lũng, Ban Chi uỷ có 7 uỷ viên, chỉ có 3 uỷ viên làm việc; Ban Chấp hành Nông hội xã có 9 người, nhưng chỉ có đồng chí Bí thư làm nhiệm vụ; Ban Chấp hành Đoàn Thanh niên xã có 8 uỷ viên, nhưng cũng chỉ có 3 đồng chí hoạt động.

Việc xử lí oan, sai đối với đảng viên trong giảm tô là sai lầm nghiêm trọng nhất trong toàn bộ công tác chỉnh đốn tổ chức ở huyện Phú Lương (đồng thời cũng là ở các huyện, thị khác trong tỉnh). Ngay sau khi phát hiện ra những sai lầm trong cải cách ruộng đất và giảm tô, tháng 9-1956, Ban Chấp hành Trung ương Đảng họp Hội nghị lần thứ X ra Nghị quyết sửa sai chỉ rõ “Kiên quyết sửa chữa sai lầm trong cải cách ruộng đất và chỉnh đốn tổ chức, phát huy những kết quả và thắng lợi đã thu được”⁽¹⁾. Tiếp đó, tháng 11-1956, Trung ương Đảng chỉ thị cho các địa phương “Phải coi công tác sửa chữa sai lầm trong cải cách ruộng đất và chỉnh đốn tổ chức là nhiệm vụ trọng tâm, đột xuất trong thời gian trước mắt”⁽²⁾.

⁽¹⁾⁽²⁾ Dẫn theo “Cách mạng ruộng đất”, trang 191.

Thực hiện các chỉ thị, nghị quyết của Trung ương, sau khi đi dự Hội nghị nghiên cứu, quán triệt Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ X và chương trình, kế hoạch sửa sai do Tỉnh uỷ Thái Nguyên tổ chức (từ ngày 8 đến ngày 16-11-1956), trong hai ngày 16 và 17-12-1956, Huyện uỷ, Uỷ ban hành chính huyện Phú Lương tổ chức Hội nghị quán triệt chủ trương, chính sách của Đảng về sửa chữa sai lầm trong giảm tô, cải cách ruộng đất và chỉnh đốn tổ chức cho 29 cán bộ (gồm Bí thư cấp uỷ Đảng, Chủ tịch Uỷ ban hành chính các xã và cán bộ Đội công tác sửa sai của Tỉnh đưa xuống), nhằm giải quyết tư tưởng, nâng cao nhận thức và trách nhiệm cho cán bộ đối với công tác sửa sai. Hội nghị nhận định tình hình, đánh giá phong trào của huyện và bố trí cán bộ tham gia công tác sửa sai. Toàn bộ 14 xã trong huyện đều nằm trong diện sửa sai. Căn cứ vào tình hình các xã, dựa vào đội ngũ cán bộ trên tăng cường về và khả năng cán bộ của huyện, Huyện uỷ Phú Lương quyết định triển khai sửa sai đợt I ở 9 xã Sơn Cẩm, Cổ Lũng, Phấn Mễ, Động Đạt, Yên Ninh, Yên Lạc, Yên Đỗ, Yên Trạch, Vô Tranh. Trong quá trình triển khai, do thiếu cán bộ, nên Huyện uỷ Phú Lương quyết định để xã Yên Lạc lại sửa sai đợt sau. Mỗi xã sửa sai có từ 2 đến 3 cán bộ trong Đội sửa sai xuống lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp. Các cán bộ trong Đội sửa sai đã phối hợp chặt chẽ với cấp uỷ và chính quyền cơ sở tổ chức cho cán bộ và nhân dân học tập chính sách sửa sai của Đảng. Qua học tập, nhìn chung đa số cán bộ và nhân dân trong huyện đều thông suốt với chủ trương, đường lối sửa sai của Đảng. Tuy nhiên, tại các xã Sơn Cẩm, Động Đạt, Vô Tranh..., đã xảy ra mâu thuẫn gay gắt, thậm chí dẫn tới "nói

ạnh, nói khoe", cãi chửi nhau giữa những người bị đấu tố, qui kết oan, sai là địa chủ hoặc có liên quan với địa chủ, với những người là cốt cán, những người đã tố sai trong thời kì giảm tô. Học tập chủ trương, chính sách sửa sai của Đảng và Chính phủ, một số cán bộ, đảng viên, nhất là số cán bộ, đảng viên mới được đề bạt, kết nạp trong thời kì giảm tô chưa thật thông suốt. Trong lực lượng dân quân, du kích, một số là cốt cán trong giảm tô không có uy tín với nhân dân, hoặc đã tham gia đấu tố sai, nay kém phấn khởi với chính sách sửa sai, xin nghỉ việc. Một cán bộ ở xã Phấn Mễ khi đến hội nghị học tập đã phát biểu "Tôi định không lên lớp, nhưng sau lại lên xem làm ăn ra sao", rồi bỏ hội nghị ra về⁽¹⁾.

Đối với những người bị qui kết oan, sai, bị bắt giam trong thời kì giảm tô, Huyện đã tổ chức cho họ học tập các tài liệu "Tám chính sách của Đảng và Chính phủ đối với địa chủ sau giảm tô và cải cách ruộng đất", "Thái độ khi về địa phương", "Tình hình thế giới và trong nước". Qua học tập, trong lực lượng bộ đội địa phương của huyện, những cán bộ, chiến sĩ bị qui là có liên quan với địa chủ, hoặc qui sai thành phần, nay thấy chính sách sửa sai của Đảng và Chính phủ thì rất phấn khởi; những người bất mãn, nằm im, nay phấn khởi tham gia hoạt động. Anh Hoàng Đoàn Kết, trước đây công tác tại Huyện uỷ Phú Lương, trong thời kì giảm tô bị qui là cường hào, gian ác, bị bắt giam, nay thực hiện chính sách sửa sai của Đảng, được trả lại tự do về địa phương đã phát biểu "Chúng tôi

⁽¹⁾ Báo cáo số 115/BC ngày 7-1-1957 của Ủy ban hành chính tỉnh Thái Nguyên. Tài liệu lưu tại Ban Tuyên giáo Tỉnh uỷ Thái Nguyên.

rất sung sướng được Đảng và Chính phủ trả lại tự do cho chúng tôi. Chúng tôi đã nhận rõ ít nhiều đều có tội lỗi cả, nhưng cũng có điểm không có, trong lúc giảm tô tố oan cho chúng tôi rồi kích lên địa chủ. Chúng tôi nhận rõ chính sách giảm tô và cải cách ruộng đất của Đảng và Chính phủ là một chính sách lớn, trong khi thực hiện không tránh khỏi sai lầm, khuyết điểm. Tôi xin hứa về địa phương sẽ thực sự đoàn kết để sửa sai đạt được kết quả tốt”⁽¹⁾.

Qua hai đợt triển khai sửa sai cải cách ruộng đất và giảm tô (đợt I cuối năm 1956, đầu năm 1957 và đợt II cuối tháng 7-1957), huyện Phú Lương hoàn thành toàn bộ công tác sửa sai. Chỉ tính riêng ở 8 xã sửa sai đợt I đã có 57 đảng viên bị xử lý đưa ra khỏi Đảng oan, sai được phục hồi Đảng tịch (chiếm tỉ lệ 73% so với tổng số đảng viên bị đưa ra khỏi Đảng, chưa kể số đảng viên bị xử lý oan, sai, nay không còn tác dụng, nên không khôi phục lại Đảng tịch). Riêng Chi bộ xã Yên Trạch đã có 15 đảng viên bị xử lý oan, sai được phục hồi Đảng tịch (chiếm tỉ lệ 68,2% số đảng viên trong Chi bộ bị xử lý đưa ra khỏi Đảng trong thời kì giảm tô và chỉnh đốn tổ chức cuối năm 1954, đầu năm 1955).

Sau sửa sai, các tổ chức cơ sở Đảng, Chính quyền, Đoàn thể ở các xã trong huyện được củng cố, kiện toàn. Cán bộ, đảng viên và nhân dân trong huyện phấn khởi, hăng hái làm việc. Trong bộ đội địa phương, dân quân, du kích, những cán bộ, chiến sĩ bị qui có liên quan đến địa chủ hoặc qui sai thành

⁽¹⁾ Tư liệu lưu tại Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Thái Nguyên. Cặp “Cải cách ruộng đất”.

phân, nay được sửa sai đã phấn khởi, nhiều người bắt măn, nằm im đã tích cực hoạt động trở lại. Tại xã Tân Thành, có người trong giảm tô bị qui sai là địa chủ bỏ sản xuất đi làm thầy cúng, nay được sửa sai, hạ thành phần đã phấn khởi trở lại sản xuất nông nghiệp.

*

* *

Vừa tiến hành giảm tô và sửa sai giảm tô, nhân dân và cán bộ, chiến sĩ Lực lượng vũ trang Phú Lương vừa đẩy mạnh khôi phục, cải tạo và phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội. Sau ngày hoà bình lập lại, đời sống của nhân dân các dân tộc huyện Phú Lương còn nhiều khó khăn, thiếu thốn. Do sản xuất kém phát triển, diện tích đất nông nghiệp đã ít, lại bị bỏ hoang hoá nhiều, nên hiện tượng thiếu ăn trầm trọng diễn ra ở nhiều xã trong huyện, “nhất là ở các xã Yên Ninh và Phú Đô”⁽¹⁾. Mặt khác, tình hình chính trị, xã hội trên địa bàn huyện cũng có những diễn biến phức tạp: “Một số phần tử trong đảng Phục quốc ở các xã Yên Ninh, Yên Trạch đã đả kích cán bộ, tuyên truyền xuyên tạc các chính sách của Đảng và Chính phủ; Đảng Việt Pháp ở xã Vô Tranh, thực chất là một nhóm gồm 36 tên lưu manh “đầu trộm, đuôi cướp” nổi lên hoạt động xuyên tạc chính sách, phá hoại đoàn kết, chia rẽ nội bộ cán bộ và nhân dân, gây hoang mang trong quần chúng”⁽²⁾.

⁽¹⁾ Theo Thông báo số 1496/SS ngày 8-5-1957 của Ủy ban hành chính tỉnh Thái Nguyên, lưu tại Ban Tuyên giáo Tỉnh uỷ Thái Nguyên. Cập Cải cách ruộng đất.

⁽²⁾ Báo cáo (số 11/BC-PL) của Huyện uỷ Phú Lương về kết quả công tác 3 tháng đầu năm 1955.

Trước tình hình đó, việc xây dựng các lực lượng bộ đội địa phương, dân quân du kích và công an vững mạnh, đủ sức trấn áp và đập tan mọi âm mưu và hành động phá hoại của các phần tử, đảng phái phản động, giữ vững an ninh chính trị và trật tự xã hội trên địa bàn huyện là nhiệm vụ hết sức cấp bách của Đảng bộ, Chính quyền và nhân dân các dân tộc huyện Phú Lương.

Quán triệt Nghị quyết về “Tình hình, nhiệm vụ và chính sách mới” do Hội nghị Bộ Chính trị Trung ương Đảng (họp từ ngày 5 đến ngày 7-9-1954) đề ra và thực hiện Nghị quyết Hội nghị Tỉnh uỷ Thái Nguyên (họp từ ngày 9 đến ngày 10-9-1954) về “đẩy mạnh chỉnh huấn chính trị và huấn luyện quân sự, kiện toàn tổ chức, biên chế các đơn vị bộ đội, tiếp tục củng cố dân quân du kích và bồi dưỡng nghiệp vụ cho cán bộ cơ sở”, từ tháng 10 đến tháng 12-1954, Huyện uỷ, Uỷ ban hành chính huyện Phú Lương tập trung lãnh đạo, chỉ đạo quân, dân trong huyện củng cố, xây dựng lực lượng vũ trang địa phương.

Dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp của Huyện uỷ, Uỷ ban hành chính huyện, theo chỉ thị và hướng dẫn của Ban chỉ huy Tỉnh đội Thái Nguyên, Ban chỉ huy Huyện đội Phú Lương đã tuyển thêm tân binh, bổ sung đủ quân số cho hai trung đội thuộc Đại đội bộ đội địa phương huyện. Cán bộ, chiến sĩ bộ đội địa phương huyện được học tập chính trị, quân sự theo tinh thần chỉ thị của Tổng cục Chính trị. Thông qua việc học tập, cán bộ, chiến sĩ bộ đội địa phương huyện Phú Lương cũng như quân, dân cả nước đã nhận thức được “Hiệp định đình chiến được kí kết ở Giơnevơ là một thắng lợi to lớn của chúng ta..., là một thất bại nặng nề của bọn hiếu chiến xâm lược Pháp.

Thắng lợi to lớn đó là kết quả của quân đội và nhân dân ta và của quân và dân các nước Đông Dương, của sự đấu tranh vì hoà bình, dân chủ của nhân dân Pháp và nhân dân thế giới. Nhưng đình chiến mới chỉ là bước đầu để lập lại hoà bình ở Việt Nam và Đông Dương. Một bộ phận đất nước ta ở miền Nam còn là vùng tạm chiếm đóng của quân đội Liên hiệp Pháp. Quân và dân ta còn phải tiếp tục phấn đấu để đi tới Tổng tuyển cử, củng cố hoà bình, hoàn thành thống nhất, độc lập dân chủ trong toàn quốc⁽¹⁾. Thông qua học tập, những tư tưởng hoà bình chủ nghĩa, muốn nghỉ ngơi, giải ngũ về xây dựng hậu phương, gia đình trong một số cán bộ, chiến sĩ bộ đội địa phương huyện Phú Lương được kịp thời phê phán, khắc phục. Tuyệt đại đa số cán bộ, chiến sĩ ở Cơ quan Huyện đội và Đại đội bộ đội địa phương huyện đều an tâm công tác, tích cực luyện tập quân sự, sẵn sàng chiến đấu.

Đối với lực lượng dân quân, du kích và tự vệ, cấp uỷ Đảng Chính quyền và Cơ quan Quân sự từ huyện xuống các xã tập trung đẩy mạnh việc xây dựng, củng cố, kiện toàn các Ban chỉ huy Xã đội, Trung đội dân quân; tổ chức cho cán bộ, chiến sĩ dân quân, du kích, tự vệ và nhân dân học tập, quán triệt tinh thần nội dung Hiệp định đình chiến (tức Hiệp định Giơnevơ) và tài liệu về “Xây dựng lực lượng dân quân du kích” do Ban chỉ huy Tỉnh đội Thái Nguyên gửi xuống; động viên nam, nữ thanh niên tích cực tham gia xây dựng dân quân, du kích; tổ

⁽¹⁾ Mệnh lệnh ngày 22-7-1954 của Bộ Tổng tư lệnh Quân đội nhân dân Việt Nam. Dẫn theo “60 năm Quân đội nhân dân Việt Nam”, trang 146.

chức cho cán bộ, chiến sĩ dân quân, du kích học tập quân sự, thường xuyên tiến hành tuần tra, canh gác bảo vệ bản, làng.

Qua các đợt học tập chính trị, huấn luyện quân sự trong những tháng cuối năm 1954, đầu năm 1955, trình độ nhận thức chính trị và trình độ kĩ, chiến thuật của cán bộ, chiến sĩ bộ đội địa phương và dân quân, tự vệ huyện Phú Lương đã từng bước được nâng lên, hoàn thành tốt nhiệm vụ trấn áp các tổ chức phản động, giữ vững an ninh, trật tự trên địa bàn; góp phần quan trọng vào việc thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ khôi phục, cải tạo và phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội.

Sau ngày hoà bình được lập lại (21-7-1954), trước tình hình hạn hán nặng nề, để đảm bảo nước cho sản xuất vụ mùa, dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp của Huyện uỷ (do đồng chí Nguyễn Bình Sơn làm Bí thư), cấp uỷ Đảng, Chính quyền các xã trong huyện đã huy động nhân dân đắp đập, be bờ giữ nước; làm mương, phai dẫn nước vào đồng ruộng chống hạn. Chỉ tính riêng các xã Yên Đổ, Yên Trạch, Yên Lạc, Phủ Lý, Động Đạt, Tân Thành, Vô Tranh, Sơn Cẩm, Cổ Lũng, nhân dân đã chống hạn đảm bảo nước cấy cho trên 700 mẫu ruộng. Tuy nhiên, do không có điều kiện làm mương, phai dẫn nước vào đồng ruộng, nên nhân dân các xã Yên Trạch, Hợp Thành, Phủ Lý, Động Đạt vẫn phải bỏ hoang hoá tới 240 mẫu ruộng. Trước tình hình đó, chống hạn đã trở thành một trong những nhiệm vụ trọng tâm của cấp uỷ Đảng, Chính quyền, Nhân dân và Lực lượng vũ trang Phú Lương trong những năm sau.

Thực hiện khẩu hiệu “Vắt đất ra nước, thay trời làm mưa”, trong những năm 1955, 1956, Nhân dân và cán bộ, chiến sĩ

Lực lượng vũ trang ở hầu hết các xã trong huyện đã tập trung đắp đập, đào giếng, đào ao, làm nương phai, cọn nước, tát nước, thậm chí cả gánh nước tưới cho lúa và hoa màu. Toàn huyện tổ chức được 8 đội thanh niên xung kích chống hạn. Tại xã Động Đạt, từ ngày mồng ba Tết Nguyên đán Bính Thân (1956), hơn 100 cán bộ, chiến sĩ Đội thanh niên và dân quân xung kích chống hạn cùng với nhân dân trong xã ra quân đắp đập Khe Nác và đào nương chống hạn, kịp thời đưa nước ra ruộng cho nhân dân cấy lúa và tưới hoa mầu vụ chiêm. Đội thanh niên và dân quân xung kích chống hạn xã Yên Đỗ đã khơi thông 500 mét nương, đảm bảo nước tưới cho 15 mẫu lúa. Đội thanh niên và dân quân du kích chống hạn xã Phủ Lý đã đắp đập La Quang, đảm bảo nước tưới cho 10 mẫu lúa của đồng bào dân tộc Mán, được nhân dân khen ngợi.

Đồng chí Vũ Đình Thông (đoàn viên thanh niên, chiến sĩ dân quân xã Phấn Mễ) trong vòng 55 ngày đã làm xong một chiếc cọn, đưa nước từ dưới suối lên tưới cho đồng ruộng, được Trung ương Đoàn, Tỉnh Đoàn Thái Nguyên và Ủy ban hành chính Khu Tự trị Việt Bắc khen thưởng. Năm 1956, nhân dân và dân quân, du kích huyện Phú Lương đã tham gia hơn 30.000 ngày công, đào đắp được 5 đập, 12 ao, 50 giếng nước và làm 6 cọn nước, đào mới 3 nương dẫn nước, đảm bảo nước tưới cho hơn 1.185 mẫu lúa và hoa màu.

Cùng với việc chống hạn, nhân dân và cán bộ, chiến sĩ Lực lượng vũ trang huyện Phú Lương đẩy mạnh thâm canh tăng năng suất lúa và hoa màu. Nhờ đẩy mạnh làm thủy lợi và thâm canh tăng năng suất lúa và hoa màu, nên vụ mùa năm 1956, năng suất lúa bình quân toàn huyện đạt 690 kg một mẫu, tăng

30 kg một mẫu so với chỉ tiêu kế hoạch tỉnh giao; sản lượng lúa mùa toàn huyện đạt gần 6.317 tấn, tăng 1.847 tấn so với kế hoạch⁽¹⁾. Tính chung cả năm 1956, sản lượng lúa toàn huyện đạt gần 7.769,9 tấn; sản lượng thực tính bình quân mỗi khẩu sản xuất nông nghiệp trong huyện đạt 320 kg; đời sống của nhân dân các dân tộc trong huyện được cải thiện một bước, tình trạng thiếu đói trong nhân dân đã giảm đi rõ rệt. Ở các xã Yên Đỗ, Hợp Thành, Phấn Mễ, Vô Tranh, chỉ còn 15 hộ gia đình, với 49 nhân khẩu thiếu đói. Nhân dân Phú Lương hăng hái thực hiện nghĩa vụ lương thực, thực phẩm đối với Nhà nước. So với chỉ tiêu kế hoạch được giao, năm 1956, nhân dân Phú Lương đã bán cho Nhà nước thóc vượt 26%, thịt lợn hơi vượt 16%, gà vượt 6%, đường phen vượt 29% v.v.

Đầu năm 1957, Huyện uỷ, Uỷ ban hành chính huyện Phú Lương tổ chức Hội nghị liên hoan chiến sĩ thi đua và cá nhân xuất sắc. Tại Hội nghị, ngoài việc quán triệt nhiệm vụ, chỉ tiêu kế hoạch năm 1957, các đại biểu còn trao đổi kinh nghiệm cải tiến kĩ thuật, thâm canh tăng năng suất lúa và hoa màu. Hội nghị đã biểu dương hai chiến sĩ thi đua trong sản xuất nông nghiệp là Dương Văn Hằng ở xã Yên Đỗ và Hoàng Thị Bằng ở xã Hợp Thành.

Đầu vụ mùa năm 1957, trước tình hình một số nông dân được chia ruộng trong thời kì giảm tô, sợ sửa sai phải trả lại ruộng, Uỷ ban hành chính huyện đã kịp thời chỉ đạo cấp uỷ Đảng, chính quyền các xã giải thích cho nông dân hiểu rõ

⁽¹⁾ Báo cáo tổng kết sản xuất nông nghiệp năm 1956 của Uỷ ban hành chính huyện Phú Lương – Lưu tại Trung tâm lưu trữ Uỷ ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

“Ruộng đất đã chia cho ai trong thời kì giảm tô thì người đó vẫn có quyền sở hữu, cứ yên tâm sản xuất cho kịp thời vụ. Những hộ là địa chủ, bị tịch thu, trưng mua trong giảm tô cần yên tâm chờ đợi sửa sai. Nếu ai sai sẽ được sửa và sửa sẽ được đền bù vào vụ tháng 10-1957 trở đi. Ngay bây giờ không được có một hành động nào cản trở sản xuất của nông dân”⁽¹⁾. Nhờ sự chỉ đạo kịp thời của Ủy ban hành chính huyện, nên vụ mùa năm 1957, nhân dân Phú Lương cơ bản đảm bảo cấy hết diện tích.

Cũng trong vụ mùa 1957, trước tình hình hạn hán nặng xảy ra trên địa bàn toàn huyện, các đồng chí lãnh đạo Huyện uỷ, Ủy ban hành chính huyện Phú Lương⁽²⁾ tập trung lãnh đạo, chỉ đạo nhân dân tập trung chống hạn, cứu lúa. Nhờ sự tập trung lãnh đạo, chỉ đạo của Thường trực Huyện uỷ, Ủy ban hành chính huyện và tinh thần tích cực tham gia chống hạn cứu lúa của Nhân dân và cán bộ, chiến sĩ Lực lượng dân quân, du kích các xã, nên mặc dù bị hạn rất nặng và kéo dài, nhưng toàn huyện chỉ có 12,6 mẫu lúa bị chết do khô, hạn. Chỉ tính riêng 3 tháng quý III năm 1957, nhân dân và lực lượng vũ

⁽¹⁾ Tài liệu lưu tại Ban Tuyên giáo Tỉnh uỷ Thái Nguyên. Cập Cải cách ruộng đất.

⁽²⁾ Ngày 28-01-1956, đồng chí Lê Thị Gạo (bí danh Lê Thị Ái) nguyên là Ủy viên Thường trực Hội Phụ nữ huyện Định Hoá (Thái Nguyên) đi tham gia cải cách ruộng đất, được Tỉnh uỷ Thái Nguyên điều về làm Phó Bí thư Huyện uỷ. Tiếp đó, Tỉnh uỷ Thái Nguyên điều đồng chí Phan Văn Tĩnh về làm Bí thư Huyện uỷ; đồng chí Nguyễn Hữu Thanh cán bộ trên tăng cường cho huyện, được Huyện uỷ phân công làm Chủ tịch Ủy ban hành chính huyện; đồng chí Trần Oanh được trên điều về tham gia Huyện uỷ và làm Trưởng Công an huyện, đồng chí Nguyễn Quang Oánh (Huyện uỷ viên) Chính trị viên phó Huyện đội phụ trách Chính trị viên kiêm Huyện đội trưởng.

trang nhân dân huyện Phú Lương đã tham gia 6.235 công chống hạn, đảm bảo nước tưới cho 2.297 mẫu ruộng.

Ngoài tập trung chống hạn cứu lúa vụ mùa năm 1957, Nhân dân và Lực lượng vũ trang nhân dân Phú Lương còn tích cực khai hoang, phục hoá (được 147,4 mẫu ruộng đưa vào sản xuất); phát triển chăn nuôi đại gia súc, giữ vững chăn nuôi gia súc (đàn trâu, bò, ngựa đạt 5.369 con, đàn lợn đạt 3.627 con). Đối với vùng rẻo cao, Huyện uỷ, Uỷ ban hành chính huyện chọn xóm Tân Tiến (xã Tân Thành) chỉ đạo xây dựng, phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội để rút kinh nghiệm nhân rộng ra các xóm, xã rẻo cao khác. Huyện cử cán bộ xuống trực tiếp hướng dẫn đồng bào xóm Tân Tiến trồng được 59 mẫu ngô, 5,5 sào rau xanh, 8 sào lúa Nam Ninh, lập tủ thuốc chữa bệnh trị giá 10.000 đồng, cử giáo viên xuống dạy học bình dân cho 11 người, tổ chức và vận động nhân dân làm 1 km đường vào nơi hẻo lánh nhất xóm; nhân dân trong xóm đã bầu được Trưởng xóm, kết nạp được 12 người vào Nông hội và kết nạp được 6 thanh niên vào Đoàn. Bộ mặt kinh tế, văn hoá, xã hội của xóm Tân Tiến (xã Tân Thành) có nhiều chuyển biến, tiến bộ. Người dân xóm Tân Tiến đã nói “Nhờ có Chính phủ giúp đỡ, nhân dân xóm Tân Tiến đã được đi đường tốt và được học văn hoá”. Từ kinh nghiệm lãnh đạo, chỉ đạo xóm Tân Tiến, Huyện uỷ, Uỷ ban hành chính huyện Phú Lương lãnh đạo, chỉ đạo nhân rộng việc xây dựng, phát triển kinh tế văn hoá, xã hội ra 4 xóm rẻo cao khác. Kết quả, nhân dân 4 xóm rẻo cao đó đã trồng được 164,1 mẫu lúa rẫy, 5,3 mẫu rau, 9 sào khoai sọ, hơn 4 mẫu ngô và 5,3 mẫu đỗ tương.

Việc tổ chức hướng dẫn nông dân đi vào con đường làm ăn tập thể cũng là một trong những trọng tâm lãnh đạo, chỉ đạo của Huyện uỷ, Uỷ ban hành chính huyện Phú Lương. Cuối năm 1957, toàn huyện có 472 tổ đổi công (có 55 tổ đổi công thường xuyên, 9 tổ đổi công bình công chấm điểm, 339 tổ đổi công từng vụ và 69 tổ đổi công từng việc).

Trong công tác giáo dục, năm học 1957-1958, hầu hết các xã trong huyện đã xây dựng được trường phổ thông cấp I (gồm các lớp 1, 2, 3, 4); toàn huyện có 1 trường cấp II, với 134 học sinh, có 35 học sinh nữ (bằng 26,7%). Năm học 1956-1957, Trường cấp II của huyện chỉ có 2 giáo viên; năm học 1957-1958, số giáo viên Trường cấp II của huyện tăng lên 6 người; việc dạy và học trong Nhà trường được từng bước đưa vào nền nếp.

Phong trào Bỏ túc văn hoá và Bình dân học vụ được giữ vững ở 13 trên tổng số 14 xã trong toàn huyện, với tổng số 94 lớp học bình dân, 125 giáo viên và gần 2.000 học viên (gồm 60 lớp công cộng, 1 lớp tư và 33 lớp dự bị). Các xã Yên Đổ, Cổ Lũng, Phấn Mễ, Yên Trạch, có phong trào bình dân học vụ khá. Ngược lại, xã Vô Tranh không có một lớp bình dân học vụ nào.

Công tác Y tế còn rất nhiều khó khăn. Cả Phòng Y tế huyện chỉ có 3 người (gồm 1 Trưởng phòng, 1 Y tá, 1 Nữ hộ sinh); cơ sở vật chất, phương tiện khám chữa bệnh hầu như không có gì. Vượt lên các khó khăn và thiếu thốn đó, năm 1957, cán bộ, nhân viên Phòng Y tế huyện đã tổ chức cấp cứu 6 lần, khám và cấp thuốc chữa bệnh cho 320 người. Đến quý III năm 1957, cán bộ, nhân viên Phòng Y tế huyện chỉ đạo

thành lập được 35 Ban Phòng bệnh ở các xóm, xã (gồm 4 Ban Phòng bệnh xã, đạt 50% chỉ tiêu và 31 Ban Phòng bệnh xóm, đạt 72,2% chỉ tiêu).

*

*

*

Sau khi lãnh đạo nhân dân hoàn thành nhiệm vụ sửa sai trong thời kì giảm tô, Huyện uỷ Phú Lương ra Nghị quyết kiện toàn lại Huyện uỷ gồm 6 đồng chí; trong đó có 3 đồng chí Thường vụ Huyện uỷ là Phan Văn Tĩnh (Bí thư), Lê Thị Gạo (Phó Bí thư), Nguyễn Hữu Thanh (kiêm Bí thư Đảng đoàn chính quyền, Chủ tịch Uỷ ban hành chính huyện) và 3 đồng chí Huyện uỷ viên là Trần Oanh (phụ trách Công an), Nguyễn Quang Oánh (phụ trách Huyện đội) và Hoàng Ngọc Thăng (phụ trách Mặt trận kiêm Bí thư Nông hội). Các tổ chức cơ sở Đảng trong Đảng bộ huyện được củng cố. Toàn Đảng bộ huyện có 17 chi bộ, gồm 14 chi bộ xã và 3 chi bộ cơ quan (gồm Chi bộ Xưởng 12. Chi bộ các cơ quan huyện và Chi bộ Huyện đội). Để nâng cao chất lượng và năng lực công tác cho đội ngũ đảng viên, Đảng bộ huyện mở 3 đợt giáo dục chính trị, mỗi đợt 7 ngày, bồi dưỡng cho 142 đảng viên về: Vị trí, vai trò, nhiệm vụ của Đảng, Đường lối xây dựng chủ nghĩa xã hội....; nhờ đó, nhận thức tư tưởng và ý thức trách nhiệm cũng như năng lực công tác của đội ngũ đảng viên trong Đảng bộ huyện từng bước được nâng lên.

Tháng 7-1957, Huyện uỷ Phú Lương tổ chức Hội nghị học tập, nghiên cứu Nghị quyết 12 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá II (họp tháng 3-1957) về xây dựng quân đội, củng cố quốc phòng cho các đồng chí Huyện uỷ viên, Uỷ viên Đảng đoàn các ngành, các giới. Qua 3 ngày nghiên cứu, học tập, các đồng chí tham dự lớp học được quán triệt nhiệm vụ xây dựng, củng cố quốc phòng trong giai đoạn cách mạng mới là “Bảo vệ công cuộc củng cố và xây dựng miền Bắc tiến dần lên chủ nghĩa xã hội; bảo vệ chính quyền, lãnh thổ và an ninh của nước Việt Nam dân chủ cộng hoà, làm hậu thuẫn cho cuộc đấu tranh để củng cố hoà bình, thực hiện thống nhất, hoàn thành độc lập và dân chủ trong cả nước, sẵn sàng đập tan mọi âm mưu xâm lược của chủ nghĩa đế quốc, chủ yếu là đế quốc Mỹ và tay sai”⁽¹⁾.

Dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp của Huyện uỷ và Uỷ ban hành chính huyện, Ban chỉ huy Huyện đội Phú Lương chỉ đạo các Ban chỉ huy Xã đội tổ chức cho cán bộ, chiến sĩ dân quân du kích học tập Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ 12 và Thông báo của Chính phủ về tình hình nhiệm vụ công tác trị an; 12 điều qui định của Uỷ ban hành chính huyện về nhiệm vụ của Lực lượng dân quân, du kích trong giai đoạn cách mạng mới. Thông qua việc chỉ đạo học tập, quán triệt Nghị quyết 12 của Trung ương kết hợp với công tác sửa chữa sai lầm, khuyết điểm trong thời kì giảm tô, Ban chỉ huy Huyện đội Phú Lương đã kịp thời chấn chỉnh, khắc phục được nhiều

⁽¹⁾ Nghị quyết Hội nghị Trung ương (khoá II) lần thứ 12. Dẫn theo “60 năm Quân đội nhân dân Việt nam”, trang 165.

nhận thức tư tưởng không đúng trong cán bộ, chiến sĩ dân quân và du kích các xã. Nội bộ cán bộ, chiến sĩ dân quân, du kích đoàn kết hơn; công tác xây dựng, củng cố tổ chức và huấn luyện cán bộ, chiến sĩ dân quân, du kích được đẩy mạnh. Các cán bộ Xã đội, Thôn đội có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn hoặc những người ý thức trách nhiệm kém, không chịu hoạt động đã được Ban chỉ huy Huyện đội chỉ đạo các xã thay thế bằng những cán bộ có điều kiện phù hợp, có tinh thần trách nhiệm cao, năng lực công tác tốt.

Từ năm 1958, ở miền Bắc quân và dân ta thực hiện cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với các thành phần kinh tế cá thể của nông dân, thợ thủ công, tiểu thương và công - thương nghiệp tư bản, tư doanh... Ở miền Nam, phong trào cách mạng đứng trước những thử thách mới quyết liệt và gay gắt.

Đối với lực lượng vũ trang, nhiệm vụ cách mạng cả nước trong tình hình mới đòi hỏi không những phải xây dựng lực lượng thường trực mạnh, mà còn phải có một lực lượng dự bị hùng hậu. Đầu năm 1958, tỉnh Thái Nguyên được Khu uỷ, Ủy ban hành chính Khu Tự trị Việt Bắc và Quân khu uỷ, Bộ Tư lệnh Quân khu Việt Bắc giao nhiệm vụ thí điểm thực hiện chế độ Nghĩa vụ quân sự ở các huyện miền núi. Ngày 2-5-1958, huyện Phú Lương được đồng chí Nguyễn Hồng An, Tỉnh đội trưởng, Phó Chủ tịch Hội đồng Nghĩa vụ quân sự tỉnh chính thức giao nhiệm vụ cùng với các huyện Đại Từ, Định Hoá, Võ Nhai tuyển từ 200 đến 250 thanh niên vào bộ đội.

Thực hiện nhiệm vụ được giao, cấp uỷ Đảng, Chính quyền và Cơ quan Quân sự các cấp trong huyện tập trung lãnh đạo,

chỉ đạo và tổ chức cho cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân trong huyện, đặc biệt là cho thanh niên học tập chế độ Nghĩa vụ quân sự. Huyện uỷ và Chi uỷ các xã mở hội nghị quán triệt tài liệu về mục đích, ý nghĩa và các bước thực hiện chế độ Nghĩa vụ quân sự do Ban chỉ huy Tỉnh đội Thái Nguyên biên soạn, gửi xuống gồm:

Bước 1: Chuẩn bị và tổ chức học tập cho cán bộ xã, xóm; họp bàn kế hoạch trong Chi uỷ, Chi bộ; thành lập Ban Nghĩa vụ quân sự xã.

Bước 2: Tổ chức học tập trong nhân dân, tổ chức đăng kí và sơ bộ kiểm tra sức khoẻ, đưa người lên trạm khám sức khoẻ; công bố quyết định quân thường trực, quân dự bị; tổ chức học tập, phát chứng minh thư quân dự bị và tiễn đưa tân binh.

Thông qua học tập, đa số cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân trong huyện đều hiểu rõ sự cần thiết của chế độ Nghĩa vụ quân sự đối với tình hình, nhiệm vụ cách mạng trong giai đoạn mới và yêu cầu xây dựng quân đội, củng cố quốc phòng; ý thức xây dựng quốc phòng toàn dân trong cán bộ và nhân dân được nâng lên. Đến ngày 26-5-1958, đợt thí điểm thực hiện chế độ Nghĩa vụ quân sự ở huyện Phú Lương và các huyện Đại Từ, Võ Nhai, Định Hoá đã thành công, với 226 thanh niên thuộc đủ các thành phần dân tộc được tuyển chọn vào bộ đội; trong đó, huyện Phú Lương có 47 người. Việc tuyển chọn, xét duyệt chính trị người vào bộ đội trong đợt thí điểm thực hiện chế độ Nghĩa vụ quân sự ở huyện Phú Lương được Huyện uỷ, Uỷ ban hành chính huyện, Ban chỉ huy Huyện

đội cùng các cơ quan chức năng lãnh đạo, chỉ đạo chặt chẽ. Tại xã Phấn Mễ, 1 thanh niên có bố trước kia là Chuồng bạ, Phó Lý, ông nội là Bang tá, Hội đồng Nghĩa vụ Quân sự huyện họp, xem xét kĩ thấy người thanh niên này không có ảnh hưởng gì, nên đã quyết định tuyển chọn vào bộ đội. Về sức khoẻ, trong số 47 thanh niên Phú Lương được tuyển chọn nhập ngũ trong đợt thí điểm này, có 42 người sức khoẻ A1 (chiếm 89,36%), số còn lại sức khoẻ A2; số người có trình độ văn hoá cấp I (các lớp 1, 2, 3, 4) là 81,1%, cấp II (các lớp 5, 6, 7) là 14,9%. Trong đợt tuyển tân binh thí điểm này, toàn bộ 14 trên 14 xã trong huyện đều có người nhập ngũ; trong đó nhiều nhất là xã Động Đạt (7 người), ít nhất là xã Yên Lạc (1 người). Về thành phần dân tộc, có 17 người dân tộc Kinh, 13 người dân tộc Tày, 6 người dân tộc Nùng, 4 người dân tộc Mán Dao, 5 người dân tộc Sán Chí, 2 người dân tộc Sán Diu và Cao Lan.

Từ việc thí điểm triển khai thực hiện chế độ Nghĩa vụ quân sự ở huyện Phú Lương và các huyện Đại Từ, Võ Nhai, Định Hoá, Ban chỉ huy Tỉnh đội Thái Nguyên và Quân khu Việt Bắc đã rút ra được nhiều kinh nghiệm trong việc tổ chức tuyên truyền, giáo dục nhân dân; triển khai đăng kí Nghĩa vụ quân sự, quản lí số thanh niên trong độ tuổi nhập ngũ (từ 18 đến 25 tuổi); chỉ đạo, tổ chức khám sức khoẻ, xét duyệt chính trị, phát lệnh gọi nhập ngũ và tiến đưa tân binh lên đường làm nghĩa vụ quân sự.

Tháng 12-1958, Đảng bộ huyện Phú Lương tiến hành Đại hội đại biểu Đảng bộ nhiệm kì 1959-1960, kiểm điểm, đánh giá kết quả lãnh đạo của Đảng bộ trong những năm sau hoà bình lập lại; khẳng định thành tích lãnh đạo trên các lĩnh vực

khôi phục, cải tạo và phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội. Đại hội ra Nghị quyết về nhiệm vụ lãnh đạo của Đảng bộ nhiệm kỳ 1959-1960, chỉ rõ nhiệm vụ của Đảng bộ năm 1959 là tập trung lãnh đạo, chỉ đạo Nhân dân và Lực lượng vũ trang thực hiện tốt 3 chính sách lớn của Đảng và Chính phủ:

1. Thực hiện chế độ Nghĩa vụ quân sự.
2. củng cố chính quyền.
3. Xây dựng và phát triển phong trào Hợp tác hoá nông nghiệp, củng cố Tổ đổi công.

Đại hội bầu Ban Chấp hành Đảng bộ huyện nhiệm kỳ mới do các đồng chí Trần Văn Tĩnh làm Bí thư, Lê Thị Gạo làm Phó Bí thư. Đồng chí Nguyễn Quang Oánh (phụ trách Huyện đội) được bầu lại làm Huyện uỷ viên.

Ngày 01-02-1959, Hội đồng Nghĩa vụ quân sự tỉnh ra Chỉ thị số 87/DQ giao cho huyện Phú Lương tuyển chọn 20 thanh niên trong độ tuổi từ 18 đến 25 vào bộ đội. Chỉ thị yêu cầu trong công tác tuyển chọn người vào bộ đội, huyện Phú Lương phải chú ý đến sự bình đẳng giữa các dân tộc và tinh thần tự nguyện của người được tuyển chọn nhập ngũ. Chỉ thị số 87/DQ của Hội đồng Nghĩa vụ quân sự tỉnh chỉ rõ: Ban chỉ huy Huyện đội Phú Lương là cơ quan chủ trì giúp Huyện uỷ, Uỷ ban hành chính huyện và Hội đồng Nghĩa vụ quân sự huyện lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức tuyển quân.

Thực hiện Chỉ thị số 87/DQ của Hội đồng Nghĩa vụ quân sự tỉnh, Ban chỉ huy Huyện đội Phú Lương chỉ đạo cán bộ Cơ quan Huyện đội và các Ban chỉ huy Xã đội khẩn trương đăng kí, thống kê, quản lí chặt chẽ số thanh niên trong độ tuổi từ 18

đến 25; số quân nhân phục viên, xuất ngũ dưới 45 tuổi và số dân quân dưới 40 tuổi; khẩn trương xây dựng kế hoạch các bước tiến hành công tác tuyển quân (từ tuyên truyền giáo dục, giao chỉ tiêu cho các xã, khám sức khỏe, xét duyệt chính trị, đến phát lệnh gọi nhập ngũ và tiến đưa thanh niên lên đường nhập ngũ....).

Hội đồng Nghĩa vụ quân sự huyện, do các đồng chí Nguyễn Hữu Thanh (Chủ tịch Ủy ban hành chính huyện) làm Chủ tịch, phân công các thành viên trực tiếp xuống lãnh đạo, chỉ đạo, hướng dẫn các xã làm công tác tuyển quân theo chế độ Nghĩa vụ quân sự. Kết quả, Nhân dân và Lực lượng vũ trang nhân dân huyện Phú Lương đã hoàn thành 100% chỉ tiêu tuyển quân trên giao. Trong số 20 thanh niên là con em nhân dân các dân tộc trong huyện được tuyển vào bộ đội đợt đầu năm 1959, có 5 người dân tộc Kinh, 4 người dân tộc Tày, 2 người dân tộc Nùng, 7 người dân tộc Trại (nay là dân tộc Sán Dìu), 1 người dân tộc Mán (nay là dân tộc Dao) và 1 người dân tộc Hoa.

Tuy nhiên, việc triển khai thực hiện chế độ Nghĩa vụ quân sự năm 1959 của huyện Phú Lương cũng còn có những thiếu sót, khuyết điểm. Đó là:

1 – Hội đồng Nghĩa vụ quân sự các cấp từ huyện xuống các xã chưa chú trọng lãnh đạo, chỉ đạo việc khám sức khỏe sơ tuyển ở cấp xã, nên dẫn tới tình trạng khám qua loa, đại khái, chất lượng không cao; số người sau khám sơ tuyển đưa lên trạm khám sức khỏe của huyện đông, nhưng số người trúng tuyển thấp.

2 – Việc tuyên truyền, giáo dục chế độ Nghĩa vụ quân sự cho nhân dân, đặc biệt là cho thanh niên ở một số xã làm chưa tốt, thậm chí có xã còn chưa tổ chức cho thanh niên học tập, quán triệt chế độ Nghĩa vụ quân sự đã vận động họ đi khám sức khỏe.

Các thiếu sót, khuyết điểm trên được cấp ủy Đảng, Chính quyền và Hội đồng Nghĩa vụ quân sự các cấp kịp thời phát hiện và đề ra biện pháp khắc phục. Để chuẩn bị cho các đợt tuyển quân tiếp theo, Phòng Y tế huyện đã mở 1 lớp bồi dưỡng nghiệp vụ khám sức khỏe tuyển quân cho 28 cán bộ y tế xã. Các xã đẩy mạnh việc tuyên truyền, giáo dục, quán triệt chế độ Nghĩa vụ quân sự cho cán bộ, đảng viên, nhân dân và lực lượng vũ trang địa phương.

Thực hiện Nghị quyết tháng 10-1959 của Tỉnh ủy Thái Nguyên: “Về tăng cường sự lãnh đạo của cấp ủy Đảng đối với công tác xây dựng lực lượng hậu bị, củng cố quốc phòng”, những tháng cuối năm 1959, cấp ủy Đảng, chính quyền các cấp huyện Phú Lương đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo củng cố, kiện toàn Ban chỉ huy các Xã đội, Trung đội dân quân. Công tác củng cố quốc phòng của huyện có nhiều chuyển biến tích cực. Báo cáo (số 77/BC ngày 11-1-1960) của Ủy ban hành chính huyện Phú Lương về tổng kết các mặt công tác năm 1959 khẳng định: “Đại bộ phận Xã đội trưởng, Chính trị xã đội là Ủy viên Ủy ban hành chính xã, là Ủy viên cấp ủy Đảng. Các lực lượng dân quân và bộ đội phục viên (quân dự bị động viên) đã thống nhất thành lực lượng dân quân, được biên chế tổ chức thành các trung đội, tiểu đội; 58 cán bộ Xã đội, Trung đội đã được chỉnh huấn về chính trị. Toàn huyện có 8 trên 14

xã tổ chức chỉnh huấn chính trị, quân sự cho 350 cán bộ, chiến sĩ dân quân (xã Túc Tranh đảm bảo quân số chỉnh huấn cao nhất). Nhân dân xã Phấn Mễ đã tự nguyện ủng hộ dân quân huấn luyện quân sự 8 nổi gạo (khoảng 120 kg), cùng với rau xanh và đường. Nhận thức của nhân dân Phú Lương về việc xây dựng lực lượng vũ trang địa phương, củng cố quốc phòng đã được nâng lên”.

Từ tháng 3 đến tháng 6-1959, quân và dân huyện Phú Lương tập trung thực hiện tốt việc học tập, quán triệt và bầu cử Hội đồng nhân dân các cấp huyện và xã. Toàn huyện có 86% cử tri học tập bầu cử (Trong đó, xã Phấn Mễ có 98% cử tri tham gia học tập và 93% cử tri đi bỏ phiếu, đạt tỉ lệ cao nhất các xã trong huyện). Toàn huyện bầu được 304 đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp huyện và xã. Hội đồng nhân dân các cấp huyện và xã đã bầu được Ủy ban hành chính các cấp; bộ máy chính quyền huyện và các xã ở huyện Phú Lương đã được kiện toàn.

Tuy nhiên, công tác xây dựng và củng cố chính quyền địa phương ở huyện Phú Lương trong thời kì này cũng còn có những hạn chế. Báo cáo tổng kết năm 1959 của Ủy ban hành chính huyện Phú Lương chỉ rõ: “Bộ máy chính quyền mới được kiện toàn về mặt số lượng; về lề lối, phương pháp, tác phong làm việc còn lúng túng, giải quyết công việc còn chậm chạp. Ở các xã khi giải quyết công việc còn làm sai nhiều nguyên tắc, thủ tục hành chính”⁽¹⁾.

⁽¹⁾ Báo cáo Tổng kết năm 1959 của Ủy ban hành chính huyện Phú Lương, tr 10.

Đối với nhiệm vụ xây dựng Hợp tác xã nông nghiệp và củng cố tổ đổi công, đầu năm 1959, Huyện uỷ, Uỷ ban hành chính huyện Phú Lương chỉ đạo xã Yên Đổ thí điểm xây dựng được 2 hợp tác xã nông nghiệp, với 35 hộ xã viên. Từ kinh nghiệm lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng thí điểm 2 hợp tác xã nông nghiệp ở xã Yên Đổ, huyện Phú Lương đã tổ chức cho 105 cán bộ các xã và xóm học tập về chính sách Hợp tác hoá nông nghiệp của Đảng và cách bình công, chấm điểm trong hợp tác xã. Tiếp đó, đầu mùa Thu năm 1959, cùng với việc cử một số Bí thư cấp uỷ Đảng, Chủ tịch Uỷ ban hành chính các xã lên dự các lớp học tập chính sách Hợp tác xã nông nghiệp do Uỷ ban hành chính tỉnh mở, Huyện uỷ, Uỷ ban hành chính huyện Phú Lương cử cán bộ các cơ quan huyện xuống chỉ đạo các xã thực hiện đợt sinh hoạt chính trị “Giáo dục mùa Đông”, nhằm tuyên truyền, vận động nhân dân xây dựng Hợp tác xã nông nghiệp. Sau đợt sinh hoạt chính trị này, toàn huyện xây dựng được 15 Hợp tác xã nông nghiệp, thu hút 310 hộ nông dân tham gia (đạt tỉ lệ 13,4% tổng số hộ nông dân trong huyện).

Phong trào Hợp tác hoá nông nghiệp phát triển nhanh và mở rộng đã tạo những điều kiện thuận lợi cho các ngành kinh tế khác của huyện hoàn thành nhiệm vụ. Các xã Phủ Lý, Tân Thành, Hợp Thành, Yên Trạch, Đông Đạt, Yên Đổ đã xây dựng được 11 Hợp tác xã tín dụng, với 987 hộ xã viên. Ngành Ngân hàng huyện thu được trên 50% số tiền nợ đọng (xã Túc Tranh thu nợ được trên 800 đồng, đạt tỉ lệ trên 60%, cao nhất các xã trong huyện). Nhân dân các xã Phấn Mễ, Cổ Lũng, Túc Tranh, Yên Lạc, Tân Thành đóng Thuế Nông nghiệp đảm bảo

nhANH, gọn và đạt 100% chỉ tiêu. Nhân dân xã Yên Ninh (một xã bị thiệt hại nhiều trong các đợt lũ lụt) không những đóng đủ chỉ tiêu thuế năm 1959, mà còn truy nộp hết số thuế còn nợ đọng từ năm 1958 về trước.

Năm 1960, cấp uỷ Đảng, Chính quyền các cấp trong huyện tập trung lãnh đạo, chỉ đạo phong trào xây dựng và củng cố Hợp tác xã. Toàn huyện xây dựng được 84 Hợp tác xã nông nghiệp, với 2.762 hộ xã viên (so với thời kỳ cuối năm 1959, số Hợp tác xã tăng 86,7%, số hộ xã viên tăng 87,9%); tỉ lệ số hộ nông dân trong các Hợp tác xã nông nghiệp chiếm 75% tổng số hộ nông dân trong toàn huyện, tăng 32,2% so với năm 1959. Tại xã Tân Thành, tỉ lệ số hộ nông dân trong các Hợp tác xã nông nghiệp tăng từ 91% (cuối năm 1959), lên 97% (cuối năm 1960). Số hộ nông dân trong Hợp tác xã nông nghiệp ở các xã Hợp Thành đạt 94%, Phú Lý và Túc Tranh đạt 90%.

Đầu vụ mùa năm 1960, Huyện uỷ, Uỷ ban hành chính huyện đã họp với 89 đại biểu là Bí thư, Chủ tịch các xã, Chủ nhiệm các Hợp tác xã và cán bộ chủ chốt các cơ quan huyện bàn nội dung, biện pháp lãnh đạo, chỉ đạo sản xuất nông nghiệp. Tại xã Cổ Lũng, huyện tổ chức hội nghị rút kinh nghiệm lãnh đạo, chỉ đạo việc áp dụng khoa học kĩ thuật vào sản xuất nông nghiệp, với sự tham gia của 54 đại biểu các cơ quan huyện và các xã, hợp tác xã. Thương tuần tháng 5-1960, huyện tiếp tục phát động “Chiến dịch Cờ hồng”, tạo nên khí thế thi đua sôi nổi trong sản xuất nói chung, sản xuất nông nghiệp nói riêng.

Công tác thuỷ lợi được cấp uỷ Đảng, Chính quyền và nhân dân các dân tộc trong huyện xác định là biện pháp quan trọng hàng đầu để phát triển sản xuất nông nghiệp. Năm 1960, quân, dân trong huyện đã đóng góp 46.797 ngày công làm thuỷ lợi, đào đắp 44.227 mét khối đất, đá, tu sửa xong đập trung thuỷ nông Núi Phấn; sửa chữa 146 ao hồ, 26 guồng cọn, 185 nương phai dẫn nước, đảm bảo nước tưới 2 vụ lúa ăn chắc cho 472 mẫu ruộng và cấy thêm 1 vụ lúa nữa cho 422 mẫu ruộng khác.

Nhờ sự tập trung lãnh đạo, chỉ đạo của cấp uỷ Đảng và Chính quyền các cấp trong huyện, kết hợp với việc đẩy mạnh biện pháp làm thuỷ lợi, nên năm 1960, mặc dù gặp rất nhiều khó khăn⁽¹⁾, nhưng sản xuất nông nghiệp của huyện vẫn được giữ vững, tổng sản lượng lương thực toàn huyện đạt 8.366 tấn (có 7.129 tấn thóc), tăng 346 tấn so với năm 1958.

Các mặt văn hoá, xã hội có nhiều chuyển biến tích cực. Phong trào bồi dưỡng văn hoá, bình dân học vụ tiếp tục được đẩy mạnh. Năm 1960, toàn huyện có 9 xã trên tổng số 14 xã, với 78 xóm trên tổng số 132 xóm đã căn bản hoàn thành việc xoá nạn mù chữ cho 1.993 người từ 12 đến 45 tuổi; tỉ lệ xoá nạn mù chữ toàn huyện đạt 84%. Năm học 1960-1961, toàn huyện có 12 trường phổ thông cấp I (tăng 1 trường so với năm học trước) và 1 trường phổ thông cấp II, với tổng số 59 giáo viên (tăng 10 giáo viên so với năm học trước) và 2.363 học sinh

⁽¹⁾ Vụ chiêm bị hạn hán nặng trên diện rộng; vụ mùa, lúa đang trổ bông thì bị một trận lũ lụt lớn chưa từng thấy, làm 2.412 mẫu lúa bị ngập, úng 2, 3 ngày liền (có 115 mẫu lúa bị mất trắng); khi lúa đang chín lại bị sâu cắn rế phá hoại.

(tăng 642 học sinh so với năm học trước). Trong năm học 1959-1960, số học sinh thi đỗ tốt nghiệp cấp II đạt 100%.

Phong trào vệ sinh phòng bệnh, chăm sóc sức khỏe nhân dân cũng được đẩy mạnh. Hệ thống Y tế các cấp trong huyện từng bước được củng cố, xây dựng. Năm 1960, số cán bộ Y tế toàn huyện có 153 người (tăng 25 người so với năm 1959). Phòng Y tế huyện có 4 cán bộ (1 y sĩ, 2 y tá, 1 hộ sinh). Trừ xã Túc Tranh, còn mỗi xã trong huyện đều có Ban Phòng bệnh, biên chế từ 1 đến 2 y tá và một số nữ hộ sinh, vệ sinh viên. Các xã Yên Trạch, Tân Thành, mỗi xã đã xây dựng được 1 trạm xá dân lập với 1 y tá, 1 nữ hộ sinh; được trang bị dụng cụ y tế và một số thuốc cần thiết, đảm bảo cho việc khám và chữa các bệnh thông thường cho nhân dân. Đội ngũ cán bộ Y tế từ huyện xuống các xã đều tích cực tuyên truyền, vận động nhân dân đẩy mạnh phong trào vệ sinh, phòng bệnh. Ý thức vệ sinh phòng bệnh trong nhân dân các dân tộc trên địa bàn huyện ngày càng được nâng cao, kết quả thực hiện phong trào vệ sinh, phòng bệnh có nhiều chuyển biến tích cực.

Tuy vậy, công tác Y tế của huyện Phú Lương trong thời kỳ này cũng còn nhiều hạn chế. Đó là, sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của cấp uỷ Đảng, chính quyền các cấp từ huyện xuống các xã còn chưa được thường xuyên; tinh thần phục vụ nhân dân của một số cán bộ y tế còn yếu; trong các cơ sở y tế, cơ sở vật chất còn rất nghèo nàn, thiếu thốn.

Về công tác quân sự địa phương, sau cuộc bầu cử Hội đồng nhân dân và Uỷ ban hành chính các cấp huyện và xã (từ tháng 4 đến tháng 6-1960), 12 trên tổng số 14 Ban chỉ huy Xã

đội được củng cố kiện toàn đảm bảo chất lượng, có Xã đội trưởng là cấp Ủy viên, Chính trị viên Xã đội là Bí thư cấp ủy Đảng (trừ Ban chỉ huy Xã đội xã Yên Ninh và Ban chỉ huy Xã đội xã Vô Tranh). Toàn huyện có gần 1.550 cán bộ, chiến sĩ dân quân, tự vệ, chiếm 7,3% so với tổng dân số; được biên chế thành các trung đội, tiểu đội (mỗi Hợp tác xã nông nghiệp hoặc từ 2 đến 3 xóm tổ chức thành 1 trung đội hoặc 1 tiểu đội). Trong số cán bộ xã đội, trung đội, tiểu đội dân quân, tự vệ của huyện có 83% là quân nhân phục viên, 87 người là đảng viên và 183 người là đoàn viên. Sau khi củng cố, kiện toàn tổ chức, biên chế, huyện Phú Lương đã cử 98 cán bộ Xã đội, Trung đội dân quân, tự vệ đi dự lớp tập huấn quân sự do Ban chỉ huy Tỉnh đội Thái Nguyên tổ chức, đảm bảo 100% chỉ tiêu quân số trên giao. Ngoài ra, huyện còn tổ chức huấn luyện quân sự, chính trị cho 66,6% cán bộ Xã đội, 79,8% cán bộ Trung đội, 72,2% cán bộ Tiểu đội, 78,3% dân quân loại I và 49,6% dân quân loại II. Được tổ chức chặt chẽ và huấn luyện tốt, cán bộ, chiến sĩ dân quân tự vệ huyện Phú Lương đã phối hợp chặt chẽ với các lực lượng Công an huyện và Công an các xã làm tốt công tác bảo vệ trật tự, trị an.

Các xã Động Đạt, Phấn Mễ, Hợp Thành làm tốt công tác bảo vệ an ninh, trật tự, được Ty Công an tỉnh Thái Nguyên tặng Bằng khen và các xã Yên Lạc, Sơn Cẩm có nhiều cố gắng tiến bộ, được Ty Công an tỉnh Thái Nguyên biểu dương.

II. Xây dựng nền quốc phòng toàn dân và Lực lượng vũ trang nhân dân huyện ngày càng vững mạnh, góp phần thực hiện thắng lợi kế hoạch Nhà nước 5 năm lần thứ nhất (1961-1965).

Một trong những sự kiện có ý nghĩa trọng đại trong đời sống chính trị của quân và dân cả nước nói chung, quân và dân huyện Phú Lương nói riêng, là từ ngày 5 đến ngày 10-9-1960, tại Thủ đô Hà Nội đã diễn ra Đại hội toàn quốc lần thứ III của Đảng. Đại hội tuyên dương công trạng của Lực lượng vũ trang nhân dân ta trong kháng chiến chống Pháp (1945-1954); trong thực hiện nhiệm vụ bảo vệ đất nước, phát triển kinh tế, văn hoá (1954 – 1960); đề ra hai nhiệm vụ chiến lược của cách mạng Việt Nam là tiến hành cách mạng Xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc, giải phóng miền Nam khỏi ách thống trị của đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai, thống nhất nước nhà; xác định nhiệm vụ của lực lượng vũ trang là, bảo vệ miền Bắc xã hội chủ nghĩa, đẩy mạnh công cuộc đấu tranh cách mạng giải phóng miền Nam và làm nghĩa vụ quốc tế....Tích cực xây dựng quân đội tiến lên chính qui, hiện đại ; củng cố và phát triển dân quân tự vệ, xây dựng lực lượng hậu bị, gắn xây dựng kinh tế với củng cố quốc phòng, bảo đảm cho quân đội sẵn sàng chiến đấu và chiến đấu thắng lợi.

Thực hiện Nghị quyết Đại hội toàn quốc lần thứ III của Đảng, ngày 8-8-1961, Tỉnh uỷ Thái Nguyên ra Chỉ thị số 12/CT-TN, chỉ rõ nhiệm vụ của quân và dân toàn tỉnh: “Động viên lực lượng hậu bị, sẵn sàng đối phó với mọi bất trắc xảy ra, sẵn sàng làm nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc, bảo vệ thành quả cách mạng, bảo vệ miền Bắc, đấu tranh thực hiện thống nhất đất nước”.

Cuối tháng 8-1961, Huyện uỷ Phú Lương tổ chức cho cán bộ, đảng viên trong toàn huyện quán triệt, học tập Chỉ thị 12/CT-TN của Tỉnh uỷ Thái Nguyên. Qua học tập, cấp uỷ

Đảng, Chính quyền, Cơ quan Quân sự các cấp và đội ngũ cán bộ đảng viên trong huyện đã xác định rõ trách nhiệm của mình đối với nhiệm vụ xây dựng Lực lượng vũ trang địa phương, củng cố quốc phòng; đẩy mạnh lãnh đạo, chỉ đạo công tác động viên, tuyên truyền nhiệm vụ xây dựng lực lượng hậu bị và nhiệm vụ, sẵn sàng động viên lực lượng hậu bị ra bảo vệ Tổ quốc khi chiến tranh xảy ra cho các tầng lớp nhân dân và cán bộ, chiến sĩ Lực lượng vũ trang trong huyện. Được quán triệt, học tập Chỉ thị 12/CT-TN, hầu hết cán bộ, chiến sĩ lực lượng hậu bị (nay là lực lượng dự bị động viên) ở các xã, cơ quan, đơn vị trong huyện đều xác định tốt nhiệm vụ, sẵn sàng chờ lệnh động viên.

Trong quá trình tổ chức tuyên truyền, giáo dục các tầng lớp nhân dân và cán bộ, chiến sĩ lực lượng vũ trang các xã về nhiệm vụ động viên quân hậu bị theo tinh thần Chỉ thị số 12 của Tỉnh uỷ Thái Nguyên, ở các xã Yên Trạch, Yên Ninh, Yên Đỗ, Phú Lý, Tân Thành có “Một số tên trong đảng phái phản động cũ nổi lên chống phá, tuyên truyền tâm lí chiến tranh, gây hoang mang trong nhân dân...”⁽¹⁾, một số người dân nhệ dọ, cả tin đã hoang mang đi mua muối về dự trữ đề phòng chiến tranh xảy ra, thậm chí một số người ở các xóm Suối Bốc, Đồng Danh còn đi nơi khác tìm nhà người quen để xin ở nhờ nếu có địch đánh đến.

Trước tình hình đó, lực lượng Công an các cấp trong huyện đã phối hợp chặt chẽ với lực lượng dân quân các xã phát động nhân dân đấu tranh chống lại các luận điệu tuyên truyền,

⁽¹⁾ Báo cáo tổng kết năm 1962 của UBHC huyện Phú Lương, tr 29.

xuyên tạc của chúng, “vạch mặt, chỉ tên” các tên trong các đảng phái phản động, thu hẹp được địa bàn hoạt động và hạn chế được tác hại của các luận điệu tuyên truyền, xuyên tạc của chúng.

Bước sang năm 1962, Ban chỉ huy Huyện đội Phú Lương phối hợp chặt chẽ với cấp uỷ Đảng, Chính quyền các xã và lực lượng Công an các cấp từ huyện xuống cơ sở, tiến hành thẩm tra, xét duyệt chính trị, sắp xếp, kiện toàn cán bộ, chiến sĩ dân quân tự vệ. Toàn huyện có 16 cơ sở, với 2.491 cán bộ, chiến sĩ, dân quân, tự vệ⁽¹⁾ gồm 1.213 dân quân I, 736 dân quân II và 542 tự vệ (trong đó các tỉ lệ nữ là 11,26%, bộ đội phục viên 9,4%, đảng viên 4,81%). Số đảng viên tham gia lực lượng dân quân, tự vệ chiếm tỉ lệ 20,7% so với tổng số đảng viên trong toàn Đảng bộ huyện. Lực lượng dân quân tự vệ toàn huyện được biên chế thành 45 trung đội và 140 tiểu đội. Năm 1962, có 155 cán bộ dân quân tự vệ (gồm 22 cán bộ Xã đội, 55 cán bộ Trung đội và 75 cán bộ Tiểu đội), trên tổng số 475 cán bộ (gồm 63 cán bộ Xã đội, 132 cán bộ Trung đội, 280 cán bộ Tiểu đội) đã được tập huấn quân sự (đạt tỉ lệ 32,63% so với tổng số cán bộ dân quân, tự vệ toàn huyện và vượt 11% so với chỉ tiêu kế hoạch trên giao). Kết quả kiểm tra, 100% cán bộ tập huấn quân sự đạt yêu cầu trở lên, có 30,96% đạt giỏi, 43,87% đạt khá. Huyện Phú Lương còn tổ chức học tập, quán

⁽¹⁾ Gồm 14 cơ sở dân quân ở 14 xã (13 cơ sở có cấp Uỷ viên phụ trách) và 2 cơ sở tự vệ là Tự vệ các cơ quan huyện và Tự vệ Mỏ than Khánh Hoà. Mỏ than Khánh Hoà được xây dựng để phục vụ cho Khu gang thép Thái Nguyên. Năm 1960, Tỉnh uỷ Thái Nguyên chuyển giao tổ chức Đảng Mỏ than Khánh Hoà về Đảng bộ huyện Phú Lương. Theo đó, Tự vệ Mỏ than Khánh Hoà trở thành đầu mối trực thuộc Ban chỉ huy Huyện đội Phú Lương.

triệt các tài liệu về Chiến tranh nhân dân, Công tác dân quân quân, tự vệ miền núi và Công tác động viên cho 92,06% cán bộ Xã đội, 90,71% cán bộ Trung đội, 71,43% cán bộ Tiểu đội và 69,79% chiến sĩ dân quân, tự vệ.

Để làm tốt công tác đăng kí, quản lí quân dự bị, đáp ứng kịp thời yêu cầu, nhiệm vụ động viên, Huyện ủy, Ủy ban hành chính huyện Phú Lương thành lập Ban Chỉ đạo công tác động viên huyện do đồng chí Hoàng Ngọc Thăng (Chủ tịch Ủy ban hành chính huyện kiêm Chủ tịch Hội đồng Nghĩa vụ quân sự huyện) làm Trưởng ban, đồng chí Ngô Ngọc Phương (Huyện đội trưởng) làm Phó ban và đồng chí Trần Oanh (Trưởng Công an huyện) làm Ủy viên. Sau khi thành lập, Ban chỉ đạo công tác động viên huyện Phú Lương tổ chức bồi dưỡng nghiệp vụ công tác đăng kí, quản lí quân dự bị động viên cho cán bộ chỉ huy các Xã đội. Tiếp đó, các Ban chỉ huy Xã đội tổ chức cho quân dự bị học tập mục đích, ý nghĩa của công tác quản lí quân dự bị; đồng thời tổ chức đăng kí, quản lí được 91% quân dự bị trên địa bàn.

Nhờ làm tốt công tác đăng kí, quản lí quân dự bị, nên huyện Phú Lương luôn hoàn thành xuất sắc các đợt động viên quân dự bị do tỉnh giao. Điển hình là 17 giờ ngày 26-8-1963, huyện Phú Lương nhận được Mệnh lệnh của Ban chỉ huy Tỉnh đội Thái Nguyên “Sau 24 giờ phải hoàn thành nhiệm vụ động viên 1 trung đội quân dự bị gồm 28 hạ sĩ quan, binh sĩ”. 30 phút sau khi nhận được Mệnh lệnh động viên, Ủy ban hành chính huyện ra quyết định trưng dụng 2 chiếc xe đạp cá nhân của 2 cán bộ ở Cơ quan Huyện ủy và cử người dùng 2 chiếc xe đạp đó chuyển lệnh động viên xuống cơ sở. Sau 1 giờ làm

công tác chuẩn bị, đúng 18 giờ huyện phát lệnh động viên 37 hạ sĩ quan, binh sĩ (gồm 28 chính thức và 9 dự phòng) ở 8 xã (xã gần nhất là Phủ Lý, cách cơ quan huyện 7 km, xã xa nhất là Yên Trạch cách cơ quan huyện 21 km). Trong số 8 xã được huyện phát lệnh động viên quân dự bị, xã Phủ Lý nhận được lệnh sớm nhất (vào lúc 19 giờ 55 phút ngày 26-8-1963) và xã Yên Trạch nhận được lệnh muộn nhất (vào lúc 22 giờ cùng ngày). Đến 5 giờ sáng ngày 27-8-1963, 100% quân dự bị đã trực tiếp nhận được lệnh động viên. Từ 8 giờ đến 11 giờ 30 phút (cùng ngày 27-8), Trạm nhận quân dự bị động viên của huyện đã hoàn thành việc tiếp nhận quân, vượt chỉ tiêu thời gian tỉnh giao 2 giờ 30 phút. Trong số 37 quân dự bị được phát lệnh động viên, 36 người có mặt tại Trạm, gồm 27 chính thức và 9 dự phòng (1 chính thức vắng mặt có lí do), đạt tỉ lệ 97,3 %; sau khi kiểm tra, Ban chỉ huy Huyện đội giữ lại 28 người (27 chính thức và 1 dự phòng) để huấn luyện quân sự, thời gian 15 ngày. Trong số quân dự bị Ban chỉ huy Huyện đội giữ lại để huấn luyện quân sự có 24 người là dự bị 1, 4 người là dự bị 2; 6 người là hạ sĩ quan, 22 người là binh sĩ; 5 người là đảng viên, 8 người là đoàn viên; 12 người đúng chuyên nghiệp quân sự, 16 người là bộ đội xuất ngũ từ năm 1959 về trước (có 8 người đã qua chiến đấu); 12 người dân tộc Kinh, 9 người dân tộc Tày, 4 người dân tộc Nùng, 2 người người dân tộc Sán Dìu và 1 người dân tộc Cao Lan. Sau 15 ngày tập trung huấn luyện quân sự, chính trị cho 28 hạ sĩ quan, binh sĩ quân dự bị, huyện Phú Lương đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ động viên và huấn luyện quân dự bị năm 1963.

Đầu năm 1964, Ban chỉ huy Huyện đội Phú Lương đã tổ chức kiểm tra lại toàn bộ kế hoạch của huyện về động viên quân dự bị trên các mặt quân số, đội giao thông hỏa tốc, lương thực, thực phẩm và địa điểm tập trung; báo cáo với Bí thư Huyện uỷ và Chủ tịch Uỷ ban hành chính huyện về kế hoạch, phương án động viên của huyện; làm tham mưu cho Hội đồng Nghĩa vụ quân sự huyện họp bàn, triển khai việc chuẩn bị sẵn sàng cho công tác động viên. Đồng thời, Ban chỉ huy Huyện đội chỉ đạo các xã tổ chức đăng kí, quản lí chặt chẽ quân dự bị. Tháng 4-1964, trong số 14 xã trên địa bàn huyện đã có 11 xã hoàn thành công tác đăng kí, quản lí quân dự bị (đạt 78,57% chỉ tiêu), đứng thứ 5 trong số 8 huyện, thành phố trực thuộc tỉnh.

Cùng với việc triển khai công tác chuẩn bị động viên quân dự bị, ngày 8-01-1964, Hội đồng Nghĩa vụ quân sự tỉnh ra Chỉ thị số 26 giao nhiệm vụ cho huyện Phú Lương tuyển 60 thanh niên vào bộ đội giao cho Trung đoàn pháo cao xạ 210 làm nhiệm vụ bảo vệ thành phố Thái Nguyên, với chất lượng phải đảm bảo các yêu cầu: Sức khoẻ loại A (từ A1 đến A3, không lấy sức khoẻ loại B); tuổi từ 18 đến 23 (nếu thiếu thì lấy đến tuổi 24, 25); văn hoá từ cấp II trở lên đối với các dân tộc Mán (Dao) Mèo (H' Mông) có thể lấy cả người chưa biết chữ; về chính trị, tỉ lệ đảng viên phải đạt từ 2% trở lên; đoàn viên từ 30% trở lên; lai lịch chính trị gia đình, bản thân phải rõ ràng, trong sạch; chú ý tuyển trong thanh niên các dân tộc ít người để đào tạo cán bộ cho địa phương sau này. Chỉ thị của Hội đồng Nghĩa vụ quân sự tỉnh chỉ rõ nhiệm vụ của cấp uỷ Đảng, Chính quyền các cấp trong huyện "Phải coi trọng công tác

tuyên truyền, giáo dục nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc, ý thức cảnh giác sẵn sàng chiến đấu cho nhân dân, nhất là cho thanh niên và gia đình có người đi bộ đội. Hết sức hạn chế các hiện tượng chống lệnh và đào ngũ”.

Thực hiện chỉ thị của Hội đồng Nghĩa vụ quân sự tỉnh, Huyện uỷ, Uỷ ban hành chính huyện và Ban chỉ huy Huyện đội Phú Lương tập trung lãnh đạo, chỉ đạo cấp uỷ Đảng, Chính quyền, Đoàn thể các xã mở một đợt tuyên truyền Luật Nghĩa vụ quân sự cho nhân dân. Được tuyên truyền, học tập Luật Nghĩa vụ quân sự, tuyệt đại đa số nhân dân các dân tộc trong huyện đã nhận thức được xây dựng nền quốc phòng vững mạnh là nhiệm vụ của toàn dân, đặc biệt là của thanh niên; mọi người phải có nghĩa vụ thực hiện Luật Nghĩa vụ quân sự, thanh niên phải sẵn sàng gia nhập quân đội để bảo vệ Tổ quốc.

Được Đoàn cán bộ y tế của tỉnh giúp đỡ, huyện Phú Lương đã tổ chức tốt việc khám sức khoẻ Nghĩa vụ quân sự cho thanh niên. Công tác xét duyệt chính trị Nghĩa vụ quân sự được Hội đồng Nghĩa vụ quân sự huyện triển khai chặt chẽ, với thành phần tham gia xét duyệt gồm đại diện các cơ quan Huyện uỷ, Uỷ ban hành chính huyện, Huyện đội, Công an huyện, Công an xã và đơn vị nhận quân. Trong số thanh niên khám sức khoẻ nghĩa vụ quân sự đủ điều kiện nhập ngũ, qua xét duyệt chính trị, huyện đã loại 6,25% vì lai lịch chính trị của gia đình và bản thân không rõ ràng, trong sạch.

Tuy nhiên, công tác tuyển quân năm 1964 của huyện cũng còn nhiều hạn chế. Đó là, trong số 97 thanh niên được huyện điều lên khám sức khoẻ nghĩa vụ quân sự, còn có tới 9 người

chống lệnh. Toàn huyện chỉ giao được 54 tân binh, đạt 90% chỉ tiêu quân số, xếp thứ 7 trong số 8 huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh (chỉ đứng trước huyện Võ Nhai đạt 84%). Toàn huyện còn có tới 6 người chống lệnh gọi nhập ngũ, chiếm tỉ lệ 37,5% trong số 16 người chống lệnh gọi nhập ngũ trong toàn tỉnh. Đánh giá về nguyên nhân của những hạn chế trên, Báo cáo công tác tuyển quân năm 1964 của Ủy ban hành chính huyện Phú Lương chỉ rõ: Sự chỉ đạo của Ban chỉ huy Huyện đội đối với công tác đăng kí, quản lí những người trong diện tuyển quân thiếu chặt chẽ. Công tác giáo dục chính trị, lãnh đạo tư tưởng cho nhân dân, gia đình và bản thân những người trúng tuyển Nghĩa vụ quân sự được gọi nhập ngũ của cấp ủy Đảng, Chính quyền các cấp còn chưa đầy đủ và sâu sắc.

Rút kinh nghiệm từ thực tế công tác tuyển quân năm 1964, Ủy ban hành chính huyện Phú Lương đề ra nhiệm vụ cho công tác đăng kí, quản lí đối tượng tuyển quân trong thời gian tiếp theo là phải thực hiện tốt yêu cầu “5 không”: (Không sót đối tượng. Không sai chỉ tiêu. Không lỏng về chính trị. Không lộ về bí mật. Không rời quản lí).

Ủy ban hành chính huyện nhấn mạnh: Trong công tác giáo dục chính trị tư tưởng phải tăng cường giáo dục cho nhân dân, đặc biệt là cho thanh niên thấy rõ tình hình, đặc điểm của nước ta là một nửa nước có hoà bình, một nửa nước có chiến tranh; trên cơ sở đó xây dựng cho nhân dân, đặc biệt là cho thanh niên ý thức sẵn sàng nhập ngũ bảo vệ Tổ quốc.

Thực hiện Nghị quyết (số 20/NQ ngày 10-3-1964) của Tỉnh uỷ Thái Nguyên về phương hướng, nhiệm vụ quân sự

năm 1964: “Phải tiếp tục xây dựng các lực lượng hậu bị, dân quân, tự vệ vững mạnh cả về các mặt tinh thần, tổ chức và trình độ kỹ, chiến thuật cũng như về tinh thần lao động sản xuất, nhằm đáp ứng được yêu cầu, nhiệm vụ trước mắt và lâu dài; nâng cao hơn nữa trình độ giác ngộ chính trị, cảnh giác, sẵn sàng chiến đấu cho Lực lượng hậu bị và cho toàn dân; kết hợp chặt chẽ kinh tế với quốc phòng để hoàn thành mọi nhiệm vụ sản xuất và chiến đấu”, cấp uỷ Đảng, Chính quyền và Cơ quan Quân sự các cấp trong huyện đã thường xuyên coi trọng lãnh đạo, chỉ đạo công tác xây dựng, củng cố, kiện toàn tổ chức chỉ huy và huấn luyện cán bộ, chiến sĩ dân quân, tự vệ. Sáu tháng đầu năm 1964, các Ban chỉ huy Xã đội được bổ sung thêm 2 Chi uỷ viên và 1 Bí thư Xã Đoàn thanh niên. So với chỉ tiêu trên giao, kết quả huấn luyện quân sự cho cán bộ Xã đội đạt 90%, cho cán bộ Trung đội dân quân, tự vệ vượt 29%; kết quả huấn luyện chính trị cho các đối tượng cán bộ đều vượt chỉ tiêu. 100% các xã trong huyện đã hoàn thành triển khai huấn luyện dân quân. Bình quân toàn huyện, quân số dân quân tham gia huấn luyện đạt tỉ lệ 70,37%, trong đó hậu bị đạt 50%, dân quân 1 đạt 73,8%, dân quân 2 đạt 87,3%. Động Đạt là xã triển khai công tác huấn luyện dân quân khá nhất huyện, với kết quả trên 94% quân số được huấn luyện, trong đó các lực lượng hậu bị và dân quân 1 đạt 100%, dân quân 2 đạt 83,33%.

Giữa lúc quân và dân miền Bắc đang ra sức khôi phục, phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội, từng bước cải thiện đời sống vật chất và tinh thần, thì ngày 5-8-1964, đế quốc Mỹ đã huy động máy bay, tàu chiến ném bom, bắn phá nhiều nơi thuộc các tỉnh Quảng Bình, Nghệ An, Thanh Hoá, Quảng Ninh, mở đầu cuộc chiến tranh phá hoại bằng không quân và hải quân của chúng ra miền Bắc nước ta.

Trước tình hình đó, ngày 30-7-1964, Tỉnh uỷ Thái Nguyên ra Chỉ thị (số 18/CT-TN) “Về việc nhận rõ tình hình mới, nâng cao tinh thần cảnh giác, sẵn sàng chiến đấu chống mọi âm mưu khiêu khích và đánh phá miền Bắc của địch”, chỉ rõ: “Phải đẩy mạnh phong trào bảo vệ trị an, phòng chống gián điệp, biệt kích và tổ chức bảo vệ chặt chẽ các cơ quan quốc phòng và các công trình xây dựng kinh tế địa phương; các cơ quan, xí nghiệp phải tăng cường công tác phòng không nhân dân. Các cấp uỷ Đảng phải nắm chắc lực lượng quân sự địa phương, phải củng cố và tăng cường các tổ chức công an, dân quân tự vệ; giáo dục cho anh em tinh thần sẵn sàng chiến đấu và dũng cảm chiến đấu, truy lùng và tiêu diệt bằng được bọn gián điệp, biệt kích khi chúng xâm nhập vào địa phương. Lãnh đạo chặt chẽ việc xây dựng và thực hiện kế hoạch phối hợp giữa công an và dân quân trong công tác bảo vệ trị an lúc bình thường, cũng như khi có tình hình đột xuất xảy ra”.

Thực hiện Chỉ thị 18/CT-TN của Tỉnh uỷ Thái Nguyên, để đảm bảo công tác trinh sát nắm địch, Ban chỉ huy Huyện đội Phú Lương chỉ đạo 5 trên 14 xã trong huyện tổ chức được lực lượng trinh sát, quân báo. Đồng thời, Ban chỉ huy Huyện đội tổ chức Hội nghị cán bộ dân quân, tự vệ toàn huyện triển khai

kế hoạch của huyện về phòng không nhân dân và phòng, chống gián điệp, biệt kích. Các đại biểu tham dự Hội nghị được nghe cán bộ một xã của tỉnh Bắc Kạn nói chuyện, phổ biến kinh nghiệm truy lùng, vây bắt gián điệp, biệt kích do máy bay địch thả xuống vùng Phủ Thông, huyện Bạch Thông, tỉnh Bắc Kạn hồi đầu tháng 9-1963. Sau Hội nghị trên, trong những tháng cuối năm 1964, 100% các xã trong huyện đã xây dựng được kế hoạch phòng chống gián điệp, biệt kích (một số xã đã còn tổ chức diễn tập theo kế hoạch đề ra).

Bên cạnh các thành tích trên, công tác xây dựng tổ chức, củng cố lực lượng dân quân, tự vệ của huyện Phú Lương năm 1964 cũng còn có những hạn chế. Đó là, “có xã còn tự ý thay đổi cán bộ, bố trí những người chưa phải là đảng viên làm Xã đội trưởng”⁽¹⁾. Nhiều xã xung yếu trên địa bàn huyện chưa tổ chức được diễn tập sẵn sàng chiến đấu, phòng chống gián điệp, biệt kích; cán bộ, chiến sĩ dân quân còn chưa có đủ vũ khí thô sơ, không có đủ bao đựng gạo, nên khi diễn tập có nhiều người còn cho gạo vào túi áo, túi quần hoặc gói vào khăn mùi xoa.

Tại cuộc họp Hội đồng Nghĩa vụ quân sự tỉnh ngày 15-11-1964, đồng chí Chu Quốc Hưng, Chủ tịch Ủy ban hành chính tỉnh kiêm Chủ tịch Hội đồng Nghĩa vụ quân sự tỉnh phát biểu chỉ đạo phải: “Tăng cường hơn nữa sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp uỷ Đảng và Chính quyền các cấp đối với công tác xây dựng lực lượng hậu bị. Trước mắt, công tác tuyển binh năm

⁽¹⁾ Báo cáo số 27 ngày 22-1-1965 của Ban chỉ huy Tỉnh đội Thái Nguyên.

1965 phải đảm bảo đủ các chỉ tiêu về quân số và chất lượng. Chấm dứt các hiện tượng trốn, tránh nghĩa vụ quân sự, chống khám sức khoẻ, kháng lệnh gọi nhập ngũ, đào ngũ và không cho chồng, con đi bộ đội”. Thực hiện sự chỉ đạo của đồng chí Chủ tịch Ủy ban hành chính tỉnh kiêm Chủ tịch Hội đồng Nghĩa vụ quân sự tỉnh, đầu năm 1965, Ban chỉ huy Huyện đội Phú Lương làm tham mưu cho Huyện uỷ ra nghị quyết lãnh đạo, xác định tuyển quân là nhiệm vụ và trách nhiệm của tất cả các cấp, các ngành trong huyện. Nhờ đó, công tác tuyển quân năm 1965 của huyện có nhiều chuyển biến tốt hơn so với công tác tuyển quân năm 1964.

Trong những tháng đầu năm 1965, quân và dân huyện Phú Lương còn triển khai thực hiện nghiêm túc cuộc vận động tăng cường xây dựng các lực lượng dân quân, tự vệ và quân dự bị theo chỉ thị của Bộ Tư lệnh Quân khu Việt Bắc và hướng dẫn của Ban chỉ huy Tỉnh đội Thái Nguyên. Nhằm tăng cường hơn nữa sự lãnh đạo của Đảng bộ huyện đối với công tác quân sự địa phương, các cấp uỷ Đảng trong huyện đã cử 288 đảng viên vào lực lượng dân quân, tự vệ; tăng 83 đảng viên so với cuối năm 1964. Lực lượng dân quân, tự vệ của huyện được xây dựng rộng rãi và từng bước trưởng thành. Hầu hết cán bộ trong các Ban chỉ huy Xã đội, Ban chỉ huy Tự vệ là cấp Uỷ viên, hoặc đảng viên và bộ đội phục viên. Trong đội ngũ cán bộ trung đội, tiểu đội dân quân, tự vệ có nhiều người là đảng viên, đoàn viên và bộ đội xuất ngũ. Tất cả các xóm, bản trên địa bàn huyện đều có tổ chức dân quân, qui mô từ cấp tiểu đội trở lên.

Số đầu mối dân quân tự vệ của huyện đã tăng từ 16 đơn vị (năm 1963), lên 18 đơn vị (năm 1965)⁽¹⁾.

Sự lớn mạnh và trưởng thành về mọi mặt của lực lượng dân quân, tự vệ huyện Phú Lương là một trong những nhân tố quan trọng để Nhân dân và Lực lượng vũ trang nhân dân huyện phòng, chống có hiệu quả các âm mưu và hành động phá hoại của các tổ chức phản động, giữ vững an ninh chính trị và trật tự xã hội trên địa bàn; góp phần quan trọng cùng với Đảng bộ, Chính quyền và Nhân dân các dân tộc trong huyện thực hiện tốt các chỉ tiêu, nhiệm vụ trong kế hoạch 5 năm lần thứ nhất của huyện. Phong trào Hợp tác hoá nông nghiệp của huyện luôn được củng cố và giữ vững. Năm 1965, 93% số hộ nông dân trong huyện đã vào Hợp tác xã nông nghiệp. Các Hợp tác xã ở xã Túc Tranh đã thu hút tới 98% số hộ nông dân vào làm ăn tập thể (cao nhất các xã trong huyện). Phong trào Hợp tác hoá nông nghiệp của huyện được củng cố và giữ vững là một trong những nhân tố quan trọng đưa sản xuất nông nghiệp của huyện phát triển, đi lên, tạo điều kiện để quân và dân huyện Phú Lương vững vàng bước vào thời kì trực tiếp kháng chiến chống Mĩ cứu nước.

III. Vừa trực tiếp chiến đấu, vừa giữ vững và phát triển kinh tế - văn hoá - xã hội, góp phần đánh thắng cuộc chiến tranh phá hoại bằng không quân lần thứ nhất của đế quốc Mĩ trên địa bàn huyện.

⁽¹⁾ 18 đơn vị gồm 14 đơn vị dân quân ở 14 xã và 4 đơn vị tự vệ (Tự vệ các Cơ quan huyện, Tự vệ Mỏ than Khánh Hoà, Tự vệ Nông trường Lê Hồng Phong, Tự vệ Xưởng gạch Tân Long).

Từ tháng 5-1965, máy bay Mĩ tăng cường các hoạt động trinh sát trên vùng trời huyện Phú Lương và các huyện Đại Từ, Phổ Yên, thành phố Thái Nguyên. Để chủ động đối phó với tình huống máy bay địch ném bom, bắn phá xuống địa bàn huyện, theo quyết định của Tỉnh uỷ và Uỷ ban hành chính tỉnh Bắc Thái⁽¹⁾, Huyện uỷ, Uỷ ban hành chính huyện Phú Lương thành lập Ban Phòng không nhân dân huyện do đồng chí Phan Văn Tĩnh (Phó Bí thư Huyện uỷ, Chủ tịch Uỷ ban hành chính huyện) làm Trưởng ban và đồng chí Đặng Đình Cừ (Huyện đội trưởng) làm Phó ban.

Quán triệt Nghị quyết Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 11 (họp từ ngày 25 đến ngày 27-3-1965) và thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện Phú Lương lần thứ IX (họp tháng 2-1965), sáu tháng đầu năm 1965, Huyện uỷ Phú Lương tập trung lãnh đạo, chỉ đạo chặt chẽ đợt sinh hoạt chính trị nghiên cứu, học tập Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ IX và Nghị quyết Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 11. 100% tổ chức cơ sở Đảng, với 87,5% đảng viên ở nông thôn và 92% đảng viên ở các cơ quan, đơn vị trong Đảng bộ huyện đã tham gia nghiên cứu, học tập. Thông qua đợt sinh hoạt chính trị này, đội ngũ cán bộ, đảng viên trong huyện đã quán triệt, nhận thức rõ hơn nhiệm vụ cơ bản của quân và dân trong huyện là phải góp phần thực hiện thắng lợi nhiệm vụ “Tiếp tục xây dựng miền Bắc, kết hợp chặt chẽ xây dựng kinh tế với tăng cường quốc

⁽¹⁾ Từ ngày 1-7-1965, hai tỉnh Bắc Kạn và Thái Nguyên hợp nhất thành tỉnh Bắc Thái. Phú Lương là 1 trong số 14 huyện, thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh Bắc Thái.

phòng, kiên quyết bảo vệ miền Bắc, đánh thắng cuộc chiến tranh phá hoại và phong toả bằng không quân và hải quân của địch” do Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 11 đề ra.

Từ mùa hè năm 1965, toàn bộ các hoạt động lãnh đạo, chỉ đạo của cấp uỷ Đảng, Chính quyền và Cơ quan Quân sự các cấp trong huyện đã từng bước được chuyển từ thời bình sang thời chiến.

Chín tháng đầu năm 1965, máy bay Mỹ hoạt động trình sát trên vùng trời huyện Phú Lương theo hai hướng Tây – Tây Bắc và Đông - Đông Bắc lên tới 221 lần tốp. Theo Chỉ thị (số 01/NC, ngày 8-7-1965) của Uỷ ban hành chính tỉnh Bắc Thái, địa bàn huyện Phú Lương nằm trong vùng ở trạng thái phòng thủ. Nhiệm vụ của quân và dân trong huyện “... là đảm bảo hầm, hố trú ẩn đầy đủ, vững chắc, đảm bảo sản xuất, công tác, sinh hoạt bình thường; tổ chức đón tiếp, giúp đỡ đồng bào sơ tán đến để đồng bào yên tâm sản xuất”⁽¹⁾

Tuy nằm trong vùng ở trạng thái phòng thủ, nhưng trên địa bàn huyện có Quốc lộ số 3, một trong những huyết mạch giao thông quan trọng chạy suốt từ phía nam huyện (xã Sơn Cẩm), lên phía bắc huyện (xã Yên Ninh), nối liền thủ đô Hà Nội, thành phố Thái Nguyên với các tỉnh Bắc Kạn, Cao Bằng lên vùng biên giới Việt Nam – Trung Quốc. Trên địa bàn huyện có Mỏ than Phấn Mễ, một trong những nguồn cung cấp nhiên liệu rất quan trọng cho Khu liên hiệp gang thép Thái Nguyên

⁽¹⁾ Chỉ thị số 01/NC, ngày 8-7-1965 của Uỷ ban hành chính tỉnh Bắc Thái Về những biện pháp cơ bản của công tác phòng không nhân dân, Tr 2.

hoạt động. Mặt khác, địa bàn huyện lại là nơi sơ tán phòng không của các cơ quan Tỉnh uỷ, Uỷ ban hành chính tỉnh, các đơn vị Bệnh viện A, Bệnh viện Khu Tự trị Việt Bắc, Nhà máy điện Cao Ngạn; các trường Trung cấp Thương nghiệp, Trung cấp Nông - Lâm, Bỏ túc Công - Nông của Khu Tự trị Việt Bắc; Đội bảo vệ Công trường 31 và nhiều cán bộ, nhân dân thành phố Thái Nguyên. Đây là những mục tiêu mà đế quốc Mỹ tập trung phát hiện để đánh phá.

Sau ngày máy bay Mỹ ném bom, bắn phá cầu Gia Bẫy ở trung tâm thành phố Thái Nguyên, cách thị trấn Đu huyện lỵ Phú Lương khoảng 20km về phía Nam (17-10-1965), làm 80 người chết, 67 người bị thương, thì số cơ quan, đơn vị và số người ở thành phố Thái Nguyên sơ tán phòng không lên địa bàn huyện ngày càng nhiều. Việc cung cấp lương thực, thực phẩm của huyện cho các cơ quan, đơn vị, cán bộ và nhân dân sơ tán phòng không đến địa bàn huyện vốn đã rất khó khăn, nay lại càng gặp khó khăn, gay gắt hơn.

Trước tình hình đó, nhằm tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của Huyện uỷ, Uỷ ban hành chính huyện đối với công tác sơ tán phòng không, ngày 15-11-1965, Huyện uỷ Phú Lương quyết định thành lập Ban sơ tán phòng không nhân dân huyện do các đồng chí Phan Văn Tĩnh (Chủ tịch Uỷ ban hành chính huyện) làm Trưởng ban, Nguyễn Xuân Oanh (Thư kí Uỷ ban hành chính huyện) và Đặng Đình Cừ (Huyện đội trưởng) làm Phó ban. Dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp của Ban sơ tán phòng không nhân dân huyện, những khó khăn gay gắt trong việc cung cấp lương thực, thực phẩm của huyện cho các cơ

quan, đơn vị, cán bộ và nhân dân sơ tán phòng không đến địa bàn huyện đã từng bước được khắc phục.

Quán triệt Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện Phú Lương lần thứ 9 “Phải tăng cường sự lãnh đạo của Đảng bộ đối với việc xây dựng lực lượng dân quân, tự vệ và lực lượng hậu bị ở địa phương vững mạnh. Kiện toàn bộ máy lãnh đạo, chỉ huy dân quân, tự vệ các cấp thực sự là những người trung thành với Đảng, với cách mạng, với nhân dân. Cán bộ, đảng viên ở độ tuổi dân quân, tự vệ phải tham gia lực lượng dân quân tự vệ; đảng viên phải chiếm đa số trong các cấp lãnh đạo, chỉ huy Lực lượng vũ trang địa phương. Phải chấn chỉnh và củng cố bộ máy công an các xã, phát động quần chúng nhân dân làm tốt công tác bảo vệ trật tự, trị an, phòng chống gián điệp, biệt kích; trấn áp kịp thời các phần tử phản động và các phần tử tham ô”, năm 1965, các Chi bộ, Đảng bộ trong toàn huyện đã cử 288 đảng viên tham gia lực lượng dân quân, tự vệ, đưa tỉ lệ đảng viên tham gia dân quân, tự vệ toàn huyện tăng 40,5% so với năm 1964.

Được bổ sung thêm đảng viên, các Ban chỉ huy Xã đội, Trung đội dân quân, tự vệ được củng cố, kiện toàn và nâng cao chất lượng. 100% Xã đội trưởng là bộ đội phục viên, xuất ngũ, là cấp Ủy viên hoặc đảng viên; hầu hết cán bộ trung đội, tiểu đội dân quân, tự vệ là đảng viên, đoàn viên. Nhằm không ngừng nâng cao chất lượng giáo dục chính trị tư tưởng cho cán bộ, chiến sĩ dân quân, tự vệ, dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Huyện uỷ, hầu hết các Chi bộ, Đảng bộ cơ sở trong huyện đã cử đồng chí Bí thư cấp uỷ Đảng hoặc cấp Ủy viên sang làm Chính trị viên Xã đội dân quân, hoặc Chính trị viên Đại đội,

Trung đội tự vệ. Thực hiện nhiệm vụ sẵn sàng chiến đấu và bảo đảm hầm, hố trú ẩn, năm 1965, cán bộ, chiến sĩ dân quân, tự huyện vệ Phú Lương đã đóng góp 45.000 ngày công lao động, đào được 3.000 mét chiến hào, xây dựng được 12 trận địa, công sự bắn máy bay địch bay thấp; kết hợp với các tầng lớp nhân dân trong huyện đào được hàng nghìn hầm, hố trú ẩn.

Từ cuối năm 1964, đến đầu năm 1965, đội ngũ cán bộ lãnh đạo, chỉ huy chủ chốt của Huyện đội Phú Lương có nhiều biến động. Cuối năm 1964, đồng chí Đặng Đình Cừ (Huyện đội trưởng Huyện đội Định Hoá) được điều về làm Huyện đội trưởng và đồng chí Hoàng Quý Long (Chính trị viên phó Huyện đội) được bổ nhiệm làm Chính trị viên thay cho các đồng chí Ngô Ngọc Phương, Huyện đội trưởng và Hoàng Văn Chư, Chính trị viên được trên điều động đi nhận công tác khác. Cuối năm 1966, đồng chí Đặng Đình Cừ (Huyện đội trưởng) lại được trên điều đi làm Huyện đội trưởng Huyện đội Phú Bình. Đồng chí Đàm Văn Quán được trên điều về làm Huyện đội trưởng Huyện đội Phú Lương. Cũng từ cuối năm 1966, đồng chí Thang Văn Mạc được trên điều về làm Chính trị viên Huyện đội thay đồng chí Hoàng Quý Long đi nhận nhiệm vụ mới. Từ đó, các đồng chí lãnh đạo, chỉ huy chủ chốt của Huyện đội Phú Lương được ổn định. Đây là một trong những điều kiện thuận lợi để Huyện đội Phú Lương hoàn thành nhiệm vụ lãnh đạo, chỉ huy Lực lượng vũ trang địa phương thực hiện công tác chuẩn bị sẵn sàng chiến đấu và phục vụ chiến đấu thắng lợi.

Chuẩn bị bước vào thời kỳ trực tiếp chống chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ, toàn huyện xây dựng, củng cố được 98

trung đội và 12 tiểu đội dân quân, tự vệ theo qui mô hợp tác xã và các tổ, đội sản xuất nông nghiệp (có 8 trung đội, tiểu đội thường xuyên làm nhiệm vụ trực báo động phòng không cho nhân dân và phục kích bắn máy bay địch bay thấp). Đối với nhiệm vụ huấn luyện, năm 1966, toàn huyện có 26,42% Xã đội trưởng, Xã đội phó; 78,57% Chính trị viên, Chính trị viên phó Xã đội; 61% Trung đội trưởng, Trung đội phó; 50% Chính trị viên, Chính trị viên phó Trung đội và 95% cán bộ Tiểu đội dân quân, tự vệ được tập huấn quân sự; 65 trên tổng số 98 trung đội dân quân tự vệ hoàn thành nhiệm vụ huấn luyện quân sự, chính trị (đạt 66,33%). Kết quả huấn luyện kỹ thuật có 93% số trung đội tham gia đạt yêu cầu trở lên (trong đó 60% khá và giỏi); huấn luyện chiến thuật có 80% đạt yêu cầu trở lên. Đánh giá kết quả huấn luyện quân sự, chính trị của lực lượng dân quân, tự vệ toàn huyện năm 1966, Báo cáo của Ủy ban hành chính huyện Phú Lương tại kì họp thứ tư, Hội đồng nhân dân huyện khoá III đã khẳng định: cán bộ, chiến sĩ dân quân, tự vệ "... đều nhận thức rõ âm mưu mở rộng chiến tranh xâm lược miền Nam, phá hoại miền Bắc của đế quốc Mỹ và tay sai Thiệu - Kỳ; thấy rõ được thất bại của chúng. 100% trung đội, tiểu đội dân quân tự vệ trong huyện đều đăng kí phấn đấu đạt danh hiệu "Đơn vị Quyết thắng"; Trung đội dân quân Hợp tác xã Khe Thượng, xã Yên Đổ đạt kết quả tốt nhất, được cấp trên khen thưởng".

Được củng cố, kiện toàn tổ chức và được huấn luyện tốt, lực lượng dân quân, tự vệ Phú Lương đã làm tốt công tác chiến đấu và phục vụ chiến đấu.

Ngày 20-10-1965, giặc Mĩ huy động 4 lần tốp, 16 lần chiếc máy bay F105 (Thần sấm) và F4 (Con ma), ném 46 quả bom phá xuống khu vực cầu Ổ Gà (trên Quốc lộ 3, ở vị trí tiếp giáp giữa huyện Phú Lương và thị trấn Chợ Mới của huyện Bạch Thông, tỉnh Bắc kạn). Máy bay Mĩ đến ném bom cầu Ổ Gà giữa lúc cán bộ, chiến sĩ Trung đội dân quân du kích xã Yên Ninh đang trên đường lên trận địa trực chiến. Lợi dụng địa hình, địa vật, cán bộ, chiến sĩ trong Trung đội đã nhanh chóng triển khai chiến đấu, nổ súng bắn máy bay Mĩ, góp phần cùng với dân quân, du kích xã Yên Đình, thị trấn Chợ Mới (huyện Bạch Thông) và xã Phúc Chu, thị trấn Chợ Chu (huyện Định Hoá), bắn bị thương 1 máy bay Mĩ.

11 giờ 30 phút ngày 31-10-1965, máy bay Mĩ ném 6 quả bom phá xuống khu vực Núi Phấn (xã Phấn Mễ), mở đầu cuộc chiến tranh phá hoại của chúng vào địa bàn huyện Phú Lương. Từ đây, dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp uỷ Đảng và Chính quyền các cấp trong huyện, quân và dân huyện Phú Lương vừa trực tiếp chiến đấu với máy bay Mĩ, giữ vững và phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội; vừa động viên sức người, sức của chi viện cho các chiến trường.

Nhằm giúp nước ta tăng cường hệ thống đường giao thông ở phía bắc và đông bắc Thủ đô Hà Nội, từ cuối năm 1965, Trung Quốc đã cử một số đơn vị bộ đội công binh sang giúp ta xây dựng, sửa chữa và nâng cấp một số tuyến đường sắt và đường bộ quan trọng. Trên địa bàn huyện Phú Lương, bộ đội công binh Trung Quốc giúp ta sửa chữa, nâng cấp đoạn Quốc lộ số 3 từ ngã ba Bờ Đậu lên cầu Ổ Gà. Trên cơ sở đường cũ,

bộ đội công binh Trung Quốc mở rộng thêm nền đường, làm cầu, cống, rải đá cấp phối và rải nhựa toàn bộ mặt đường.

Để hoàn thành tốt nhiệm vụ do Tỉnh uỷ, Uỷ ban hành chính tỉnh Bắc Thái giao cho các huyện, thành phố, thị xã có bộ đội Trung Quốc đến làm đường là phải bằng mọi biện pháp tích cực nhất, đảm bảo vật chất, phục vụ kịp thời, đầy đủ cho bộ đội công binh Trung Quốc, ngày 28-7-1965, Huyện uỷ Phú Lương quyết định thành lập Tổ Ngoại vụ và phân công một đồng chí Uỷ viên Ban Thường vụ Huyện uỷ phụ trách, làm nhiệm vụ giúp Huyện uỷ, Uỷ ban hành chính huyện lãnh đạo, chỉ đạo công tác phục vụ và bảo vệ trật tự, trị an cho bộ đội công binh Trung Quốc trên công trường làm đường Quốc lộ 3. Dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp của Tổ Ngoại vụ, Phòng Y tế huyện tổ chức thành lập các Trạm cấp cứu phòng không dọc Quốc lộ 3; Công an huyện đẩy mạnh công tác bảo vệ trật tự, trị an; cấp uỷ Đảng, Chính quyền các xã huy động nhân dân khai thác vật liệu xây dựng, làm giúp bộ đội công binh Trung Quốc được gần 200 ngôi nhà ở, nhà kho, nhà bếp và hội trường sinh hoạt. Nhờ đó, cuối năm 1965, khi đến Phú Lương, các đơn vị bộ đội công binh Trung Quốc đã nhanh chóng ổn định nơi ăn, ở, sinh hoạt, kịp thời triển khai nhiệm vụ sửa chữa và nâng cấp đường theo đúng kế hoạch⁽¹⁾.

⁽¹⁾ Đến tháng 7-1967, bộ đội công binh Trung Quốc đã hoàn thành việc sửa chữa, nâng cấp đoạn Quốc lộ 3 từ cầu Ổ Gà xuống ngã ba Bờ Đậu, đảm bảo chất lượng theo thiết kế là 300 xe ô tô đi lại trong một ngày, đêm. Tuy nhiên, do yêu cầu vận tải của ta quá lớn (lưu lượng xe ô tô qua lại một ngày, đêm đoạn từ Km 31 lên cầu Ổ Gà tới 500 xe, đoạn từ ngã ba Bờ Đậu lên Km 31 tới 800 xe), nên sau khi ta đưa vào sử dụng một thời gian ngắn, thì mặt đường ở những đoạn đường vòng đã xuất hiện ổ gà, gợn sóng và bong nhựa.

Từ tháng 11-1965, tuy máy bay Mỹ không trực tiếp ném bom, bắn phá huyện Phú Lương, nhưng lại tăng cường các hoạt động trinh sát trên vùng trời của huyện. Quán triệt nhiệm vụ do Nghị quyết Hội nghị Tỉnh uỷ (họp ngày 7-2-1966) đề ra cho quân; dân tỉnh Bắc Thái là “Phải lấy sẵn sàng chiến đấu và chiến đấu làm mục tiêu; phải tăng cường chuẩn bị để đối phó với chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ với qui mô ngày càng lớn và tính chất ngày càng ác liệt hơn. Tích cực củng cố Căn cứ địa; chuẩn bị trận địa, sẵn sàng đánh thắng chiến tranh phá hoại của địch trong mọi tình huống”, từ cuối tháng 2, đầu tháng 3-1966, Huyện uỷ, Uỷ ban hành chính huyện và Ban chỉ huy Huyện đội Phú Lương tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, huy động được 14.360 công lao động của các lực lượng dân quân, tự vệ và dân công, cùng với nhiều phương tiện san, ủi, đào, đắp được hàng ngàn mét khối đất đá, xây dựng xong trận địa tên lửa tại xã Vô Tranh. Giữa tháng 3-1966, các đơn vị bộ đội tên lửa của Quân chủng Phòng không – Không quân cơ động lên địa bàn huyện Phú Lương đã có trận địa ở xã Vô Tranh, kịp thời triển khai chiến đấu.

Để chuẩn bị đối phó với các hoạt động đánh phá mới của địch, đầu năm 1966, sau khi đoàn cán bộ của tỉnh đi kiểm tra công tác sơ tán phòng không phát hiện tại khu vực trọng điểm giao thông cầu Giang Tiên, trong 28 hộ dân mới có 17 hộ đi sơ tán (đạt 60,7%), lãnh đạo huyện Phú Lương đã khẩn trương cử cán bộ xuống trực tiếp chỉ đạo cơ sở đưa hết số hộ dân còn lại đi sơ tán. Tiếp theo, Huyện uỷ, Uỷ ban hành chính huyện và Ban chỉ huy Huyện đội cử cán bộ đi kiểm tra công tác sơ

tán phòng không ở tất cả các trọng điểm giao thông trên địa bàn huyện.

Ngày 23-4-1966, giặc Mỹ huy động 12 máy bay trinh sát, chia làm nhiều tầng, nhiều hướng vào hoạt động trên vùng trời huyện Phú Lương và vùng trời các huyện, thành phố ở Thái Nguyên. Các lực lượng phòng không bảo vệ Thái Nguyên chiến đấu kiên cường, dũng cảm, bắn rơi tại chỗ 2 máy bay Mỹ.

Chiều ngày 29-4-1966, 15 máy bay Mỹ ồ ạt vào ném bom, bắn phá ác liệt Khu gang thép Thái Nguyên và Nhà máy điện Cao Ngạn..., Nhân dân và Lực lượng vũ trang Thái Nguyên làm tốt công tác phục vụ chiến đấu và chiến đấu, góp phần cùng với các lực lượng phòng không của Bộ và Quân khu Việt Bắc bắn rơi 2 máy bay Mỹ (Trong đó, chiếc máy bay Mỹ F105 bị Đại đội pháo cao xạ 101, Trung đoàn 210 đóng ở trận địa Gia Sàng bắn cháy lúc 15 giờ 22 phút, như một bó đuốc lớn rơi xuống cánh đồng Xâm Găng, xã Túc Tranh, huyện Phú Lương là chiếc máy bay Mỹ thứ 1.000 bị quân và dân miền Bắc bắn rơi).

Ngay sau khi phát hiện có máy bay Mỹ bị bắn cháy, rơi xuống cánh đồng Xâm Găng, Ban chỉ huy Xã đội Túc Tranh lập tức báo động, huy động toàn bộ lực lượng dân quân du kích trong xã ra dập lửa, canh gác bảo vệ hiện trường và truy bắt tên giặc Mỹ lái máy bay. Ban Giám thị Trại giam Phú Sơn (đơn vị đứng chân trên địa bàn huyện), cũng huy động 1 tổ cảnh sát mang theo cho nghiệp vụ đến hỗ trợ.

Ngày 22-6-1966, ngay sau khi máy bay Mỹ ném 12 quả bom phá và 1 quả bom bi mẹ xuống khu vực Khoa Sản, Bệnh

viện A của tỉnh sơ tán trên địa bàn xã Vô Tranh (làm chết 14 người, bị thương 1 người), đồng chí Nông Văn Minh (Ủy viên Ban Thường vụ Huyện uỷ) và các đồng lãnh đạo Huyện đội, Công an huyện đã trực tiếp xuống hiện trường, vừa lãnh đạo, chỉ đạo cấp uỷ Đảng, Chính quyền xã Vô Tranh huy động lực lượng dân quân, du kích và nhân dân giải quyết hậu quả; vừa làm công tác tuyên truyền, vận động, ổn định tư tưởng cho nhân dân; đôn đốc sửa chữa hầm, hố phòng không; củng cố các đội đào bới hầm sập; tổ chức cứu thương, tải thương. Các đồng chí lãnh đạo Bệnh viện A và các đồng chí Phòng Y vụ của Bệnh viện A đã kịp thời có mặt tại Khoa Ngoại, chỉ đạo các bác sĩ, y sĩ, y tá và một số sinh viên Trường đại học Quân y đang thực tập tại Bệnh viện tổ chức cấp cứu những người bị nạn.

Sự lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp và kịp thời của các đồng chí lãnh đạo Huyện uỷ, Uỷ ban hành chính huyện và các đồng chí cán bộ chỉ huy các cơ quan Huyện đội và Công an huyện đã giúp cấp uỷ Đảng, Chính quyền xã Vô Tranh và Ban Giám đốc Bệnh viện A nhanh chóng giải quyết hậu quả do máy bay địch đánh phá, ổn định tư tưởng và đời sống cho nhân dân và cán bộ, công nhân, viên chức.

Trước tình hình giặc Mĩ tăng cường đánh phá miền Bắc, ngày 17-7-1966, Chủ tịch Hồ Chí Minh ra Lời kêu gọi chống Mĩ cứu nước: “Chiến tranh có thể kéo dài 5 năm, 10 năm, 20 năm hoặc lâu hơn nữa. Hà Nội, Hải Phòng và một số thành phố, xí nghiệp có thể bị tàn phá, song nhân dân Việt Nam quyết không sợ! Không có gì quý hơn độc lập tự do, đến ngày thắng lợi nhân dân ta sẽ xây dựng lại đất nước đàng hoàng

hơn, to đẹp hơn”⁽¹⁾. Hưởng ứng Lời kêu gọi chống Mỹ cứu nước của Chủ tịch Hồ Chí Minh, cán bộ, chiến sĩ Lực lượng vũ trang nhân dân huyện Phú Lương và nhân dân các dân tộc trong huyện đã làm tốt công tác phục vụ chiến đấu và chiến đấu, góp phần đánh bại cuộc chiến tranh phá hoại bằng không quân của đế quốc Mỹ trên địa bàn.

Ngày 20-7-1966, giặc Mỹ huy động 18 lần tốp với hàng chục lần chiếc máy bay các loại F105, F4, EB66 vào đánh phá và trinh sát các huyện Phú Lương, Đồng Hỷ, Phở Yên và thành phố Thái Nguyên cả sáng, lẫn chiều. Từ trận địa tên lửa xã Vô Tranh, cán bộ, chiến sĩ Tiểu đoàn tên lửa 72 (Trung đoàn 285 thuộc Quân chủng Phòng không – Không quân) đã phát hiện được máy bay địch từ xa, phóng đạn kịp thời và điều khiển đạn chính xác, bắn rơi 1 máy bay EB66 trinh sát điện tử của địch xuống xã Mĩ Phương, huyện Chợ Rã (nay là huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn). Đây là chiếc máy bay EB66 trinh sát điện tử đầu tiên của đế quốc Mỹ bị lực lượng phòng không của ta bắn rơi tại chỗ. Điều đó đã khẳng định lực lượng phòng không của ta hoàn toàn có đủ khả năng tiêu diệt máy bay trinh sát điện tử EB66 của địch ở ngoài đội hình. Cán bộ, chiến sĩ Lực lượng vũ trang địa phương và nhân dân các dân tộc trong huyện phấn khởi, tự hào vì đã có những đóng góp của mình vào chiến công có ý nghĩa quan trọng đó.

Phát hiện được trận địa tên lửa ở xã Vô Tranh, hôm sau (ngày 21-7-1966), giặc Mỹ cho máy bay phóng nhiều loạt đạn rốc két, tên lửa xuống trận địa làm trận địa bốc cháy. Trước

⁽¹⁾ Dẫn theo: 60 năm Quân đội nhân dân Việt Nam, tr 255.

tình hình ngọn lửa lan nhanh đến các khu vực bệ, đạn tên lửa và máy móc, khí tài chiến đấu, bất chấp hiểm nguy, dưới sự chỉ huy trực tiếp của Tiểu đội trưởng Lèng Thị Côn, cán bộ, chiến sĩ Tiểu đội nữ dân quân xã Vô Tranh đã nhanh chóng lao vào dập lửa cứu trận địa, bảo vệ an toàn bệ, đạn tên lửa và máy móc, khí tài chiến đấu. Hành động dũng cảm, kiên cường, sẵn sàng hi sinh thân mình của Tiểu đội trưởng Lèng Thị Côn và các chiến sĩ trong Tiểu đội nữ dân quân xã Vô Tranh đã nêu một tấm gương sáng về chủ nghĩa anh hùng cách mạng cho cán bộ, chiến sĩ Lực lượng vũ trang địa phương và nhân dân các dân tộc huyện Phú Lương noi theo. Cán bộ, chiến sĩ Tiểu đội nữ dân quân xã Vô Tranh đã được Đảng và Chính phủ tặng thưởng Huân chương Chiến công hạng nhì.

Ngày 7-8-1966, 1 máy bay Mĩ nữa bị quân và dân thành phố Thái Nguyên bắn, rơi xuống địa bàn xã Túc Tranh. Trong các ngày 7, 20 và 28 tháng 9-1966, máy bay Mĩ ném bom, bắn phá xuống các xã Sơn Cẩm, Động Đạt, Phú Đô, Yên Ninh, làm chết 3 người, bị thương 9 người. Để giảm xuống mức thấp nhất những tổn thất về người và của do máy bay địch địch đánh phá, tháng 10-1966, Huyện uỷ, Uỷ ban hành chính huyện và Ban chỉ huy Huyện đội Phú Lương tập trung lãnh đạo, chỉ đạo cán bộ, chiến sĩ Lực lượng vũ trang địa phương và nhân dân các dân tộc trong huyện tích cực thực hiện Chỉ thị số 27 của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ Bắc Thái về việc “Đẩy mạnh công tác phòng không nhân dân”; phát động quân, dân trong huyện tu sửa và làm thêm hầm, hào phòng tránh bom, đạn Mĩ. Kết quả một tháng thực hiện Chỉ thị số 27 của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ, quân và dân huyện Phú Lương đã sửa chữa và làm

mới được 9.528 hầm trú ẩn, 670 mét hào giao thông (trong đó, có 39,51% hầm trú ẩn và 18,36% hào giao thông có nắp đậy). Ngoài ra, quân và dân trong huyện còn đào mới và tu sửa được hàng chục nghìn hố phòng không cá nhân ở dọc hai bên đường Quốc lộ 3 và các tuyến giao thông chính, cũng như ở những nơi công cộng khác trên địa bàn huyện.

Nhờ có hệ thống hầm, hố phòng không được đào mới và tu sửa vững chắc, nên quân và dân Phú Lương đã hạn chế được nhiều tổn thất do máy bay địch đánh phá gây ra. Chiều ngày 4-11-1966, giặc Mĩ huy động 8 lần chiếc máy bay F105 từ hướng Tây Nam lên ném 18 quả bom phá và 2 quả bom bi mẹ xuống các khu vực Phố Trào, Khe Nác và xóm Đông Triều (xã Yên Đỗ), làm bị thương 5 người, gồm 4 người dân xã Yên Đỗ và 1 bộ đội đi đường. Trong số 14 quả bom phá do máy bay Mĩ ném xuống khu vực Phố Trào, có 3 quả trúng mặt đường Quốc lộ số 3 làm cho giao thông vận tải qua khu vực này tạm thời bị gián đoạn. Để kịp thời đảm bảo giao thông vận tải thông suốt trên tuyến Quốc lộ 3, dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp của Thường trực Huyện uỷ, Thường trực Uỷ ban hành chính huyện, Ban chỉ huy Huyện đội Phú Lương khẩn trương huy động nhân dân và cán bộ, chiến sĩ dân quân, tự vệ các xã, các cơ quan trong huyện ra san lấp hố bom. Chỉ sau 4 giờ kể từ lúc máy bay địch ném bom phá hỏng mặt đường, quân và dân huyện Phú Lương đã sửa chữa xong đường, đảm bảo cho xe ô tô vận tải qua lại khu vực Phố Trào bình thường.

Ngày 22-11-1966, giặc Mĩ cho 4 đợt máy bay vào đánh phá các huyện Đại Từ, Phú Lương và thành phố Thái Nguyên. Tại huyện Phú Lương, máy bay Mĩ ném 4 quả bom bi xuống

Làng Bầu (xã Phấn Mễ): Do làm tốt công tác phòng tránh nên nhân dân Làng Bầu không bị thiệt hại gì. Các lực lượng phòng không của ta nổ súng đánh trả quyết liệt, bắn rơi tại chỗ 1 máy bay F4H của giặc Mỹ.

Năm 1966, trên địa bàn huyện Phú Lương, máy bay Mỹ đã ném 109 quả bom phá, bom bi và bắn nhiều loạt đạn rốc két, tên lửa, làm chết 33 người, bị thương 42 người; cháy, đổ nhiều ngôi nhà; giết chết nhiều con trâu, bò, gà, lợn; tổng giá trị thiệt hại về tài sản của nhân dân trong huyện lên tới 13.250 đồng. Trong đạn bom ác liệt do máy bay Mỹ ném xuống, quân và dân huyện Phú Lương đã dũng cảm, kiên cường phục vụ chiến đấu và chiến đấu, góp phần quan trọng cùng quân và dân trong tỉnh bắn rơi 38 máy bay Mỹ. Các mặt kinh tế, văn hoá, xã hội cũng như đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân các dân tộc trong huyện được giữ vững, ổn định và phát triển. Vụ chiêm xuân 1966, diện tích cấy lúa đạt 13.968 mẫu, diện tích trồng cây hoa màu đạt 3.843 mẫu, trồng cây công nghiệp đạt 848 mẫu; năng suất lúa bình quân toàn huyện đạt 693 kg một mẫu; so với vụ mùa năm 1965, tổng sản lượng lúa, màu và cây công nghiệp tăng 1,7%, trong đó tổng sản lượng màu tăng 67%. Về chăn nuôi, so với năm 1965, đàn trâu, bò tăng 2,5%, đàn lợn nái tăng 1%. Nhân dân các dân tộc trong huyện đã đóng góp cho Nhà nước trên 2.107 tấn lương thực qui ra thóc, gần 109,18 tấn thịt lợn hơi (vượt kế hoạch 9%), 165 con trâu (vượt kế hoạch 25%). Ngoài ra, nhân dân trong huyện còn bán cho Nhà nước 1.133 kg thịt gà, vịt; 38.675 kg đường phên, hàng tấn chè búp khô (vượt 3,6% chỉ tiêu)...

Các hoạt động Văn hoá, Giáo dục, Y tế vẫn được giữ vững và phát triển. Các xã Cổ Lũng, Yên Ninh, Yên Lạc, Yên Đổ, Đông Đạt, Sơn Cẩm, Yên Trạch thành lập được Ban Thể dục – Thể thao; 13 trên tổng số 14 xã trong huyện đã xây dựng được Trạm xá xã; Bệnh xá huyện được bổ sung thêm cán bộ y tế và phương tiện khám, chữa bệnh, nâng cấp thành Bệnh viện đa khoa huyện. Về Giáo dục, so với năm học 1965-1966, năm học 1966-1967, số học sinh phổ thông cấp I tăng 24%, cấp III tăng 34%; 100% số xã trong huyện đã có trường phổ thông cấp I; toàn huyện có 5 trường phổ thông cấp II, với 32 lớp và 1.240 học sinh; 1 trường phổ thông cấp III gồm 4 lớp (2 lớp 8, 1 lớp 9, 1 lớp 10) và 192 học sinh.

Trong công tác động viên tuyển quân chi viện chiến trường, năm 1966, nhân dân và cán bộ, chiến sĩ Lực lượng vũ trang huyện Phú Lương đã động viên được 461 con, em nhân dân các dân tộc trong huyện (đa số ở lứa tuổi thanh niên) vào bộ đội, (bằng 8,8% số người toàn tỉnh Bắc Thái nhập ngũ năm 1966).

Bước sang năm 1967, cuộc chiến tranh xâm lược của đế quốc Mỹ ở Việt Nam ngày càng ác liệt. Ở miền Nam, các cuộc phản công chiến lược mùa khô lần thứ hai của địch, nhằm tiêu diệt cơ quan đầu não kháng chiến và bộ đội chủ lực của ta đều bị thất bại. Ở miền Bắc, cuộc chiến tranh phá hoại bằng không quân và hải quân của chúng mở rộng ra hầu hết các tỉnh, thành phố.

Ngày 24-1-1967, bọn chóp bu Mỹ và nguy quyền Sài Gòn họp ở Hô-nô-lu-lu quyết định đẩy mạnh đánh phá bằng không

quân, nhằm làm tê liệt hệ thống giao thông vận tải miền Bắc, triệt đường vận tải từ nước ngoài vào miền Bắc Việt Nam; cắt nguồn tiếp tế vật chất và người từ miền Bắc Việt Nam vào miền Nam Việt Nam và Lào; huỷ diệt nguồn lực kinh tế và quốc phòng của miền Bắc Việt Nam.

Tại huyện Phú Lương, những tháng đầu năm 1967, máy bay Mĩ đánh phá 17 trận, làm 47 người chết, 56 người bị thương; nhiều nhà cửa, tài sản của nhân dân bị phá huỷ. Điển hình là ngày 18-4-1967, máy bay Mĩ ném nhiều bom phá, bom bi, bắn nhiều loạt đạn rốc két và đạn 20 li xuống các khu vực cầu Thác Lở (xã Động Đạt), xóm Đồng Chấm (khu vực Nông trường Lê Hồng Phong), km 31 trên Quốc lộ 3 và xóm Bò Đái (xã Phủ Lý), làm 2 người chết và 9 người bị thương. Ngày 23-4-1967, máy bay Mĩ ném 7 quả bom phá, 1 quả bom bi mẹ xuống làng Ngói (xã Cổ Lũng), làm 7 người bị thương, 1 ngôi nhà bị phá huỷ ...

Giữa lúc cuộc chiến tranh phá hoại bằng không quân của đế quốc Mĩ diễn ra trên địa bàn huyện ngày càng ác liệt, theo Quyết định ngày 25 - 3-1967 của Chính phủ, từ tháng 4-1967, huyện Phú Lương tiếp nhận thêm các xã Nông Hạ, Nông Thịnh, Yên Định, Quảng Chu, Như Cố, Bình Văn, Thanh Bình, Yên Hân, Yên Cư và thị trấn Chợ Mới (thuộc Bạch Thông). Số đơn vị hành chính trực thuộc huyện tăng từ 14 xã lên 23 xã và 1 thị trấn, số dân toàn huyện tăng lên tới 43.140 người (nếu tính cả số người ở nơi khác sơ tán đến thì dân số lên tới gần 52.000 người); số đầu mỗi dân quân trực thuộc Ban chỉ huy Huyện đội cũng tăng từ 14 lên 24 cơ sở. Đảng bộ

huyện có 48 tổ chức cơ sở Đảng trực thuộc (15 đảng bộ và 33 chi bộ), với 1.636 đảng viên. Toàn huyện có 127 hợp tác xã nông nghiệp, thu hút 82% số hộ nông dân tham gia.

Trong bối cảnh vừa tiếp nhận thêm 9 xã, 1 thị trấn của huyện Bạch Thông, từ ngày 15 đến ngày 19-5-1967, Đảng bộ huyện Phú Lương tổ chức Đại hội đại biểu Đảng bộ lần thứ X, với sự có mặt tham dự của 138 đại biểu chính thức, 11 đại biểu dự khuyết, thay mặt cho 1.636 đảng viên ở 48 Chi bộ, Đảng bộ cơ sở trong toàn Đảng bộ huyện. Đại hội khẳng định vị trí chính trị của huyện trong thời kỳ này là nằm trong tỉnh hậu phương căn cứ địa kháng chiến chống Mĩ cứu nước “Đất đai không nhiều lắm, nhưng khá phì nhiêu, màu mỡ; có nhiều sông, suối, khe, lạch, nên có khả năng để phát triển kinh tế nông nghiệp và lâm nghiệp”⁽¹⁾. Đại hội ra nghị quyết chỉ rõ nhiệm vụ của Đảng bộ, nhân dân và cán bộ, chiến sĩ Lực lượng vũ trang trong huyện là “...Phải quán triệt sâu sắc và thực hiện tốt nhất, đầy đủ nhất các nghị quyết 11, 12, 13 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về xây dựng, bảo vệ hậu phương và chi viện tiền tuyến”⁽²⁾. Đại hội bầu Ban Chấp hành Đảng bộ huyện lần thứ X, gồm 27 uỷ viên (25 chính thức, 2 dự khuyết), do đồng chí Lâm Đình Phòng làm Bí thư, các đồng chí Phan Công Nhượng và Ma Văn Quyên làm Phó Bí thư.

Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ X, các Lực lượng vũ trang địa phương và nhân dân các dân tộc

⁽²⁾ Văn kiện Đại hội Đảng bộ huyện Phú Lương lần thứ X, Tài liệu lưu tại Văn phòng Huyện uỷ Phú Lương.

trong huyện tập trung đẩy mạnh sản xuất, củng cố hợp tác xã, phục vụ chiến đấu và chiến đấu.

Từ tháng 6-1967, giặc Mĩ huy động máy bay đánh phá huyện Phú Lương ác liệt hơn. 7 giờ 30 phút ngày 10-6-1967, máy bay Mĩ ném 12 quả bom hơi, 15 quả bom bi mẹ xuống địa bàn xã Yên Ninh, làm bị thương 10 người. 15 giờ 30 phút ngày 12-6-1967, giặc Mĩ cho nhiều tốp máy bay, ném 45 quả bom phá, 4 quả bom bi mẹ xuống khu vực xóm 6, xóm 7, xóm Bến Giềng (thuộc xã Sơn Cẩm), làm chết 3 người và bị thương 4 người, phá hỏng 11 ngôi nhà, thiệt hại về vật chất lên tới 28.000 đồng. Ngày 22-6-1967, máy bay Mĩ ném 4 quả bom hơi xuống khu vực xóm Giềng (xã Sơn Cẩm); 4 quả bom phá xuống khu vực xóm Hồng Lê (xã Động Đạt), gây thiệt về tài sản cho nhân dân địa phương gần 690.000 đồng. Đặc biệt, 15 giờ ngày 11-7-1967, giặc Mĩ huy động 34 máy bay, bay nhiều tầng, nhiều hướng vào ném 88 quả bom phá và hàng chục quả bom bi mẹ xuống khu vực từ Làng Bún đến xóm Rộc Mấu (xã Phấn Mễ). Đây là một trận đánh phá qui mô lớn nhất của máy bay Mĩ vào địa bàn huyện Phú Lương, đồng thời cũng là trận đánh phá của máy bay Mĩ gây cho quân và dân huyện Phú Lương nhiều tổn thất nặng nề nhất về người trong thời kì này. Bom đạn Mĩ đã gây ra cho nhân dân huyện Phú Lương, nhất là cán bộ, công nhân mỏ than Phấn Mễ và nhân dân xã Phấn Mễ nhiều đau thương, tang tóc: 36 người bị chết, 15 người bị thương, 11 ngôi nhà bị cháy, đổ. Gia đình ông Đinh Văn Mão có 9 người, có tới 7 người bị chết, chỉ còn lại 2 con gái nhỏ 8 tuổi và 11 tuổi. Gia đình ông Phan Văn Châm bị máy bay Mĩ ném bom trúng hầm trú ẩn, làm cả 3 người con đã

bị chết. Gia đình ông Phạm Văn Bẩm có 4 người (trên tổng số 7 người) bị chết (gồm vợ đang có thai 5 tháng và 3 người con). Gia đình anh Sơn chết cả hai vợ chồng, chỉ còn lại hai con nhỏ không nơi nương tựa. Tội ác của đế quốc Mỹ gây ra cho nhân dân xã Phấn Mễ ngày 11-7-1967 là một trong nhiều tội ác “Trời không dung, đất không tha” của chúng đối với nhân dân các dân tộc huyện Phú Lương.

Nhằm hạn chế thương vong về người xuống mức thấp nhất khi bị máy bay Mỹ đánh phá, Huyện uỷ, Uỷ ban hành chính huyện và Ban chỉ huy Huyện đội Phú Lương tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức kiểm tra công tác phòng không nhân dân. Qua kiểm tra đã phát hiện ở một số nơi hầm hào, phòng tránh còn thiếu hoặc hư hỏng, không đảm bảo an toàn, nhất là dọc hai bên Quốc lộ 3, các Cửa hàng Mậu dịch, các Hợp tác xã mua bán và các nơi công cộng. Trước tình hình đó, Uỷ ban hành chính huyện chỉ thị “Các xã, cơ quan, đơn vị, trường học nằm trên địa bàn huyện phải khẩn cấp đào và sửa chữa lại hầm, hào phòng tránh; tiếp tục đào thêm giao thông hào và hầm trú ẩn ở những nơi công cộng; đào hố cá nhân dọc hai bên Quốc lộ 3 (đoạn từ xã Sơn Cẩm lên thị trấn Chợ Mới, cứ cách 2 mét phải đào một hố trú ẩn sâu 1,2 mét; đoạn từ xã Yên Định, lên xã Nông Hạ, cứ cách 5 mét phải đào một hố trú ẩn sâu 1,2 mét); hầm, hố phòng không của các gia đình và cơ quan, đơn vị phải được thường xuyên củng cố, tu sửa”⁽¹⁾.

⁽¹⁾ Chỉ thị ngày 27-12-1967 về công tác phòng không nhân dân của Uỷ ban hành chính huyện Phú Lương.

Thực hiện chỉ thị của Ủy ban hành chính huyện, cán bộ, chiến sĩ các lực lượng bộ đội địa phương, dân quân, du kích và tự vệ Phú Lương cùng với nhân dân các dân tộc trong huyện tập trung tu sửa và đào mới được gần 15.000 hầm trú ẩn và gần 800 km giao thông hào (trong đó, có gần 10.000 hầm, hố trú ẩn có nắp dẫy). Nhờ đó mà trong thời gian tiếp theo, mặc dù máy bay Mỹ tiếp tục đánh phá địa bàn huyện rất ác liệt, nhưng quân và dân trong huyện đã hạn chế được nhiều tổn thất; tập trung được sức người, sức của để bảo vệ, giữ vững trật tự, trị an; đẩy mạnh sản xuất, chi viện chiến trường.

Một trong những thành tựu của quân và dân huyện Phú Lương trong những tháng cuối năm 1966, đầu năm 1977 là đã góp phần quan trọng cùng với quân và dân huyện Định Hoá phát hiện, trấn áp và xoá sổ kịp thời tổ chức phản động “Hội nông dân liên hiệp Việt Nam”. “Hội nông dân liên hiệp Việt Nam” là một tổ chức phản động, có mầm mống hoạt động từ năm 1963. Đầu năm 1967, tổ chức phản động này do các tên Ma Khánh Hiệu và Lương Văn Dư (ở huyện Định Hoá) cầm đầu, lực lượng đã phát triển lên tới 94 tên; trong đó, đáng chú ý có 17 tên là cán bộ, chiến sĩ dân quân (có 4 tên là cán bộ trung đội, 1 tên là cán bộ tiểu đội, 12 tên là chiến sĩ). Chúng đã bầu Chủ tịch Hội, Ban Chấp hành Chiến khu, Tư lệnh và Tham mưu trưởng quân đội, may cờ nền xanh, sao đỏ và nêu các khẩu hiệu phản động “Tiêu diệt chế độ cộng sản”, “Tiêu diệt chế độ Hồ Chí Minh”; “Giải phóng nông dân”, “Máu phải trả máu, đầu phải trả đầu, của phải trả của, ruộng phải trả ruộng”. Chúng đã khắc hai con dấu “Ban Chấp hành Chiến khu” và “Bộ Quân lực”. Tại huyện Phú Lương, ở các xã Động

Đạt, Yên Đổ, Yên Ninh, một số phần tử bất mãn và một số tên có chân trong các tổ chức phản động cũ đã tham gia tổ chức phản động này. Chúng tuyên truyền, kích động nhân dân và các phần tử bất mãn, lưu manh gây rối, phá hoại bầu cử Hội đồng nhân dân các cấp, đòi ruộng đất, cấm chông xuống ruộng của hợp tác xã, đả kích lãnh tụ..., gây rối mất trật tự, trị an ở địa phương.

Để giữ vững an ninh chính trị và trật xã hội ở địa phương, dưới sự lãnh đạo của Thường trực Tỉnh uỷ và sự chỉ đạo chặt chẽ, trực tiếp của Công an tỉnh, các lực lượng công an, dân quân, tự vệ huyện Phú Lương đã cùng với các lực lượng công an, dân quân, tự vệ huyện Định Hoá tổ chức trấn áp, xoá sổ tổ chức phản động “Hội nông dân liên hiệp Việt Nam”. Tại xã Yên Đổ, các Lực lượng vũ trang nhân dân ta đã thu ở nhà của tên Lý Tiến Sinh được 1 khẩu súng trường K44 (do tên Lương Văn Dư lấy tại nhà một chiến sĩ dân quân huyện Định Hoá), 1 cờ, 2 dấu gỗ và một số tài liệu về chính cương, điều lệ, lệnh điều động, giấy ghi công, quyết nghị kết nạp hội viên..., của tổ chức phản động này. Trong quá trình trấn áp, xoá sổ tổ chức phản động “Hội nông dân liên hiệp Việt Nam” ở hai huyện Định Hoá và Phú Lương, các lực lượng vũ trang nhân dân ta đã bắt 16 tên cầm đầu, đưa ra truy tố trước Pháp luật⁽¹⁾; các tên còn lại ta tổ chức giáo dục, kiểm điểm, cảnh cáo và quản lý chặt chẽ.

⁽¹⁾ Từ ngày 10 đến ngày 12-5-1970, Toà án nhân dân tỉnh Bắc Thái đã mở phiên toà xét xử công khai, kết án các tên Lương Văn Dư tử hình, Ma Khánh Hiệu tù chung thân, 14 tên còn lại lĩnh án từ 3 năm đến 7 năm tù.

Thông qua việc phát hiện, trấn áp, xoá sổ tổ chức phản động “Hội nông dân liên hiệp Việt Nam” ở hai huyện Phú Lương và Định Hoá, cấp uỷ Đảng và Chính quyền các cấp từ tỉnh xuống cơ sở nói chung, từ huyện xuống các xã ở huyện Phú Lương nói riêng đã rút được các bài học kinh nghiệm về công tác xây dựng địa bàn trong sạch, vững mạnh; xây dựng Lực lượng vũ trang nhân dân địa phương, đặc biệt là xây dựng lực lượng dân quân, tự vệ ở các cơ sở phải thực sự đảm bảo chất lượng, tuyệt đối trung thành với Đảng, với nhân dân.

Sau khi tổ chức chính trị phản động “Hội nông dân liên hiệp Việt Nam” bị trấn áp, xoá sổ, quân và dân huyện Phú Lương cùng với quân và dân các dân tộc trong tỉnh càng thêm tin tưởng vào đường lối kháng chiến chống Mĩ cứu nước của Đảng, tin tưởng vào sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp uỷ Đảng và Chính quyền các cấp ở địa phương; hăng hái tham gia chiến đấu, phục vụ chiến đấu chống chiến tranh phá hoại của đế quốc Mĩ, đẩy mạnh lao động sản xuất, xây dựng và phát triển kinh tế – văn hoá - xã hội, tích cực đóng góp sức người, sức của chi viện tiền tuyến.

Với tinh thần và quyết tâm “Tất cả để đánh thắng giặc Mĩ xâm lược”, “Thóc không thiếu một cân, quân không thiếu một người”, năm 1967, quân và dân huyện Phú Lương đã động viên được 386 người con ưu tú của quê hương lên đường đánh Mĩ. Trong điều kiện đời sống vật chất và tinh thần còn nhiều khó khăn, thiếu thốn, nhân dân các dân tộc trong huyện đã bán cho Nhà nước được 83.926 kg thịt lợn hơi; 61.000 kg thịt trâu, bò (vượt kế hoạch 1%); 2.963 con gà, vịt (vượt chỉ tiêu 11,85%). Toàn huyện nhập kho được 277.714 kg thóc (vượt

chỉ tiêu kế hoạch 9,98%). Ngoài ra, nhân dân trong huyện còn bán cho Nhà nước được 7.123 kg đậu tương (đạt 237% kế hoạch), 5.710 kg lạc vỏ (vượt 14,2% chỉ tiêu), 8.959 kg thuốc lá sợi (vượt 5,4% kế hoạch).

Bên cạnh các thành tích, ưu điểm trên, việc thực hiện nghĩa vụ lương thực và thực phẩm đối với Nhà nước của nhân dân huyện Phú Lương trong năm 1967 cũng còn có những hạn chế. Nhân dân (có cả một số gia đình cán bộ, đảng viên) ở các xã Thanh Bình, Như Cố, Quảng Chu..., còn thối lộn, mang ra chợ bán giá cao. Kết quả thực hiện nghĩa vụ thực phẩm đối với Nhà nước của cán bộ, đảng viên và nhân dân các xã Thanh Bình, Như Cố, Quảng Chu đạt rất thấp. Các hạn chế đó đã được Huyện uỷ, Uỷ ban hành chính huyện và các ban, ngành chức năng của huyện tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, từng bước khắc phục.

Bước sang quý I năm 1968, máy bay Mỹ tập trung đánh phá các huyện Đại Từ, Phổ Yên, Phú Bình, Đồng Hỷ và thành phố Thái Nguyên. Tại huyện Phú Lương, từ sau trận máy bay Mỹ ném 6 quả bom phá xuống xã Yên Ninh làm 2 người chết, 4 người bị thương, 5 ngôi nhà bị phá huỷ (ngày 28-11-1967), giặc Mỹ tạm ngừng cho máy bay ném bom, bắn phá xuống địa bàn huyện. Quân và dân huyện Phú Lương kết thúc thắng lợi cuộc chiến đấu chống chiến tranh phá hoại bằng không quân lần thứ nhất của đế quốc Mỹ.

Qua hai năm, một tháng trực tiếp leo thang chiến tranh phá hoại đánh phá huyện Phú Lương (từ trận đầu ngày 31-10-1965, đến trận cuối ngày 28-11-1967), giặc Mỹ đã ném 333

quả bom phá, 24 quả bom hơi, 32 quả bom bi mìn và bắn nhiều loạt đạn rốc két, tên lửa xuống địa bàn hầu hết các xã trong huyện. Trong đạn, bom ác liệt của chiến tranh phá hoại do đế quốc Mỹ gây ra, cán bộ, chiến sĩ Lực lượng vũ trang địa phương và nhân dân các dân tộc huyện Phú Lương vừa trực tiếp phục vụ chiến đấu và chiến đấu, giữ vững, phát triển kinh tế - văn hoá - xã hội, vừa động viên sức người, sức của chi viện chiến trường, góp phần đánh thắng cuộc chiến tranh phá hoại bằng không quân lần thứ nhất của đế quốc Mỹ trên địa bàn huyện. Trong chiến đấu và phục vụ chiến đấu, cán bộ, chiến sĩ Lực lượng vũ trang địa phương và nhân dân các dân tộc trong huyện đã nêu cao ý chí kiên cường, tinh thần dũng cảm, đóng góp xứng đáng vào chiến công bắn rơi 5 máy bay Mỹ trên địa bàn huyện.

IV- Đẩy mạnh động viên tuyển quân chi viện chiến trường; khôi phục và phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội; chiến đấu và phục vụ chiến đấu, góp phần đánh bại cuộc chiến tranh phá hoại miền Bắc lần thứ hai của đế quốc Mỹ trên địa bàn huyện.

Từ tháng 12-1967, tuy máy bay Mỹ không đánh phá vào địa bàn huyện, nhưng do địa bàn huyện nằm ở vị trí tiếp giáp với thành phố Thái Nguyên và các huyện Đồng Hỷ, Đại Từ (là những nơi mà máy bay Mỹ vẫn tiếp tục đánh phá ác liệt), nên vùng trời của huyện vẫn chưa được bình yên.

Trước tình hình đó, Huyện uỷ và Uỷ ban hành chính huyện tiếp tục tập trung lãnh đạo, chỉ đạo quân và dân trong huyện thường xuyên nêu cao cảnh giác, làm tốt công tác

phòng không nhân dân. Cấp uỷ Đảng và Chính quyền các cấp từ huyện xuống các xã, cơ quan, đơn vị đặt công tác phòng không nhân dân (cả phòng tránh và đánh địch) lên ngang hàng với các mặt công tác khác. Huyện uỷ, Uỷ ban hành chính huyện và Ban chỉ huy Huyện đội cử cán bộ trực tiếp xuống các xã, các cơ quan, đơn vị kiểm tra, đôn đốc việc sửa chữa những hầm, hố trú ẩn, hào giao thông bị hư hỏng, xuống cấp. Lực lượng trực chiến phòng không của dân quân, tự vệ các xã, các cơ quan được củng cố, kiện toàn về số lượng và được tăng cường thêm vũ khí, trang bị. Hai tháng đầu năm 1968, Ban chỉ huy Huyện đội mở hai lớp tập huấn quân sự cho cán bộ Xã đội, Đại đội, Trung đội dân quân, tự vệ; chủ yếu là tập huấn kỹ, chiến thuật phục kích bắn máy bay địch bay thấp và truy lùng, vây bắt giặc lái máy bay Mỹ.

Từ thực tế những tháng cuối năm 1967, ở miền Nam, quân và dân ta đã liên tiếp tấn công, phá tan kế hoạch “tìm, diệt” của địch, tạo cục diện mới trên chiến trường có lợi cho ta; ở miền Bắc, cuộc chiến tranh phá hoại bằng không quân và hải quân của đế quốc Mỹ cũng bị thất bại nặng nề, Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng ta nhận định “Chúng ta đang đứng trước triển vọng và thời cơ chiến lược lớn. Đế quốc Mỹ đang ở tình thế tiến, thoái lưỡng nan về chiến lược”⁽¹⁾. “Nhiệm vụ trọng đại và cấp bách của ta là động viên nỗ lực lớn nhất của toàn Đảng, toàn quân, toàn dân ở cả hai miền Nam, Bắc đưa cuộc chiến tranh của ta lên bước phát triển cao

(1) Các nghị quyết tháng 12-1967 của Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng.

nhất”⁽¹⁾. Bộ Chính trị quyết định mở cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân 1968, đưa cách mạng miền Nam chuyển sang giai đoạn mới.

Thực hiện quyết định của Bộ Chính trị, đêm ngày 29, rạng ngày 30 Tết Mậu Thân (tức ngày 30-1-1968), quân và dân ta ở miền Nam đã mở cuộc Tổng tiến công ở 4 trên tổng số 6 thành phố, 37 trên tổng số 44 thị xã và hàng trăm quận lỵ, thị trấn, hỗ trợ cho nhân dân nổi dậy giành chính quyền, làm chủ nhiều vùng nông thôn rộng lớn.

Trước những thắng lợi to lớn của quân và dân ta trong cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân 1968 ở miền Nam và trong cuộc chiến đấu chống chiến tranh phá hoại ở miền Bắc, ngày 31-3-1968, đế quốc Mỹ buộc phải tuyên bố ngừng ném bom miền Bắc từ vĩ tuyến 20 trở ra; chấp nhận đàm phán với Chính phủ ta tại bàn Hội nghị Pa ri.

Sau Tết Mậu Thân 1968, cuộc Tổng tiến công và nổi dậy của quân và dân ta còn tiếp tục diễn ra hai đợt nữa ở nhiều đô thị trên khắp chiến trường miền Nam. Tuy có giành được một số kết quả nhất định, nhưng “quân địch đã chuyển chiến lược, ra sức thực hiện biện pháp quét và giữ, kéo quân về phòng thủ dày đặc các tuyến thành thị. Yếu tố bất ngờ của ta không còn nữa. Sức của ta đã hao mòn và giảm sút đi nhiều, cơ sở chính trị bộc lộ và tan rã, căn cứ đứng chân của ta ở các vùng nông

⁽¹⁾ Các nghị quyết tháng 12-1967 của Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng.

thôn bị bỏ ngỏ”⁽¹⁾, ta bị “... tổn thất, mất đất, mất dân, thương vong nhiều, ảnh hưởng kéo dài đến những năm sau”⁽²⁾.

Tình hình đó đòi hỏi sự chi viện sức người, sức của của hậu phương miền Bắc cho chiến trường miền Nam trở nên to lớn và cấp bách hơn bao giờ hết. Tại Hội nghị giao nhiệm vụ động viên, tuyển quân năm 1968 cho các tỉnh, thành phố miền Bắc do Hội đồng Chính phủ tổ chức đầu năm 1968, Thủ tướng Phạm Văn Đồng đã phải chỉ thị “Công tác động viên tuyển quân là công tác trung tâm số một, là vấn đề cấp bách phải được ưu tiên. Động viên lực lượng bổ sung cho chiến trường lúc này có tính chất quyết định”. Năm 1968, huyện Phú Lương được Hội đồng Nghĩa vụ quân sự tỉnh giao chỉ tiêu tuyển quân cao gấp 2,7 lần so với năm 1965; 2,03 lần năm 1966 và 2,43 lần năm 1967. Trước mắt, trong quý I năm 1968, huyện Phú Lương cùng với hai huyện Đại Từ và Phổ Yên được giao chỉ tiêu tuyển 900 tân binh giao cho các đơn vị chủ lực.

Với chỉ tiêu tuyển quân lớn như vậy, nên nhiệm vụ động viên tuyển quân đã trở thành nhiệm vụ trọng tâm trong công tác quân sự địa phương năm 1968 của các cấp ủy Đảng, Chính quyền, nhân dân và các Lực lượng vũ trang nhân dân huyện Phú Lương. Cũng như các huyện, thành phố khác ở Thái Nguyên, quân và dân huyện Phú Lương thực hiện nhiệm vụ động viên tuyển quân năm 1968 với nhiều khó khăn mới nảy sinh. Trong những năm 1965, 1966, 1967, trước khí thế chống

⁽¹⁾ Hoàng Dũng: Tết Mậu Thân bước ngoặt quyết định, Tạp chí Lịch sử Quân sự số 1, 1999; tr 15,16.

⁽²⁾ Tổng kết Bộ Tổng Tham mưu trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước; Nxb QĐNhân dân, Hà Nội 1997, tr 125.

Mĩ cứu nước sôi nổi, công tác động viên tuyển quân có nhiều thuận lợi. Nhưng do chiến tranh xảy ra ngày càng ác liệt, kéo dài, qua nhiều đợt tuyển quân từ năm 1965 đến năm 1967, lực lượng dự bị của huyện Phú Lương (cũng như các huyện, thành phố khác) đã cạn dần. Mặt khác, tiêu chuẩn tuyển quân năm 1968 lại có những đòi hỏi cao hơn (đối tượng tuyển quân chủ yếu là thanh niên tuổi từ 18 đến 25; hạn chế tuyển những người trên 30 tuổi, những người có từ 3 con trở lên và những người có nhiều khó khăn). Bên cạnh đó, do chiến tranh ác liệt kéo dài, trong một bộ phận nhân dân; đặc biệt là trong một bộ phận thanh niên ở các xã trong huyện đã xuất hiện tư tưởng ngại gian khổ, hi sinh, không muốn đi bộ đội. Đánh giá các đợt tuyển quân năm 1967, Báo cáo kết quả lãnh đạo tháng 1, tháng 2 năm 1968 của Huyện uỷ Phú Lương đã chỉ rõ “Ở các xã Yên Ninh, Phú Đô, Túc Tranh..., một số thanh niên không đi khám sức khỏe, hoặc có đi khám nhưng không khám hết các chuyên khoa; cá biệt, có một số người không thấy rõ nhiệm vụ của mình trong giai đoạn chống Mĩ, cứu nước hiện nay, không chịu được khó khăn, gian khổ, nên nhập ngũ được vài hôm lại đào ngũ trở về”. Hiện tượng một số cán bộ, đảng viên ở nhiều xã trong huyện không gương mẫu cho con, em đi bộ đội, gây suy bì, tị nạnh trong nhân dân cũng là những khó khăn, cản trở của huyện trong việc triển khai thực hiện nhiệm vụ tuyển quân năm 1968.

Để khắc phục những khó khăn trên, quán triệt sâu sắc chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ, cuối tháng 1-1968, Huyện uỷ Phú Lương họp Hội nghị chuyên đề bàn về chủ trương, biện pháp lãnh đạo, chỉ đạo công tác tuyển quân năm 1968. Hội

ngợi ra Nghị quyết chỉ rõ nhiệm vụ của quân và dân trong huyện “Bất kì trong hoàn cảnh nào cũng kiên quyết động viên đạt và vượt mức quân số, đảm bảo chất lượng tốt, thời gian nhanh, giao quân gọn và an toàn”.

Nghị quyết của Huyện uỷ giao cho Ban Tuyên giáo Huyện uỷ, Huyện Đoàn Thanh niên, Huyện Hội Phụ nữ và Ban chỉ huy Huyện đội xây dựng nội dung, kế hoạch hướng dẫn, động viên, tuyên truyền, vận động, giáo dục nhân dân về tình hình nhiệm vụ mới và nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc cho thanh niên; giao cho các ngành Y tế làm tốt công tác khám tuyển, Công an làm tốt công tác xét duyệt chính trị, Lương thực, Thực phẩm, Thương nghiệp làm tốt công tác đảm bảo cơ sở vật chất phục vụ nhiệm vụ động viên tuyển quân; các ngành, các cấp từ huyện xuống cơ sở phải tập trung làm tốt công tác hậu phương quân đội, thực hiện tốt chính sách của Đảng và Chính phủ đối với thương binh, gia đình liệt sĩ; giúp đỡ gia đình bộ đội và tiễn đưa thanh niên lên đường nhập ngũ.

Nghị quyết Huyện uỷ yêu cầu cấp ủy Đảng, Chính quyền các xã phải củng cố, kiện toàn Hội đồng Nghĩa vụ quân sự đảm bảo đủ số lượng, đúng thành phần.

Thực hiện nghị quyết của Huyện uỷ, Hội đồng Nghĩa vụ quân sự huyện (do các đồng chí Ma Văn Quyên, Phó Bí thư, Chủ tịch Uỷ ban hành chính huyện làm Chủ tịch; Ma Ngọc Hợi - Huyện đội trưởng làm Phó Chủ tịch) mở Hội nghị quán triệt các chỉ thị, nghị quyết của Trung ương, Tỉnh uỷ và Huyện uỷ về công tác động viên tuyển quân năm 1968. Hội đồng Nghĩa vụ quân sự huyện quyết định chọn xã Yên Ninh làm thí điểm chỉ đạo triển khai các bước đăng kí, lập hồ sơ, khám sức

khỏe, xét duyệt chính trị tuyển quân để rút kinh nghiệm chỉ đạo các xã khác trong toàn huyện.

Sau hơn một tháng triển khai công tác tuyển quân đợt I năm 1968, toàn huyện mới khám tuyển và xét duyệt chính trị được 32% chỉ tiêu được giao. Trước tình hình đó, Ban Thường vụ Huyện uỷ đã cử 24 đồng chí Huyện uỷ viên trực tiếp xuống các xã lãnh đạo, chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc công tác tuyển quân. Đồng chí Lâm Đình Phòng, Bí thư Huyện uỷ đã trực tiếp đối chiếu, kiểm tra danh sách đảng viên của các Chi bộ, Đảng bộ cơ sở, giao nhiệm vụ cho cấp uỷ Đảng ở từng cơ sở cử đảng viên đi đánh Mỹ. Cấp uỷ Đảng, Chính quyền các xã Phấn Mễ, Phủ Lí, Nông Hạ lãnh đạo, chỉ đạo làm tốt công tác động viên tư tưởng cho gia đình có người nhập ngũ; tổ chức liên hoan, trao tặng phẩm và tiễn đưa người lên đường nhập ngũ chu đáo, nên những người trúng tuyển, có lệnh gọi nhập ngũ đều an tâm, phấn khởi lên đường đánh giặc. Tại địa điểm tập trung tân binh trước lúc giao quân, đồng chí Ma Văn Quyên, Chủ tịch Uỷ ban hành chính huyện, kiêm Chủ tịch Hội đồng Nghĩa vụ quân sự huyện và đồng chí Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ huyện đã trực tiếp nói chuyện, động viên anh em tân binh lên đường đánh Mỹ.

Nhờ có quyết tâm, với nhiều biện pháp lãnh đạo, chỉ đạo công tác động viên tuyển quân của cấp uỷ Đảng, Chính quyền, Cơ quan Quân sự và các ban, ngành chức năng từ huyện xuống cơ sở, nên kết quả tuyển quân đợt I năm 1968, toàn huyện đã hoàn thành vượt mức chỉ tiêu quân số trên giao 0,73%, góp phần cùng với hai huyện Phổ Yên và Đại Từ giao quân vượt mức 0,44% chỉ tiêu. Từ kết quả công tác tuyển quân

đợt I năm 1968, Huyện uỷ, Uỷ ban hành chính huyện, Hội đồng Nghĩa vụ quân sự huyện và Ban chỉ huy Huyện đội Phú Lương đã rút được các kinh nghiệm chủ yếu như sau:

Một là, cấp uỷ Đảng, Chính quyền và Cơ quan Quân sự các cấp từ huyện xuống cơ sở phải quán triệt sâu sắc, đầy đủ ý nghĩa, tầm quan trọng và yêu cầu cấp bách của công tác động viên tuyển quân chi viện chiến trường, để từ đó có quyết tâm cao, có nhiều biện pháp lãnh đạo, chỉ đạo kiên quyết, chặt chẽ, thường xuyên, liên tục.

Hai là, coi trọng công tác giáo dục chính trị, động viên tư tưởng cho các đối tượng, đặc biệt là cho gia đình có người nhập ngũ và những người trực tiếp nhập ngũ.

Ba là, quản lý chặt chẽ đối tượng động viên tuyển quân cả về số lượng và chất lượng.

Sau khi hoàn thành nhiệm vụ tuyển quân đợt I năm 1968, quân và dân huyện Phú Lương tiếp tục tiến hành tuyển quân đợt II, đợt III và tuyển quân xây dựng một đại đội bộ binh chiến đấu giao cho Tiểu đoàn 68C của Tỉnh đội Bắc Thái huấn luyện đưa vào chi viện cho chiến trường miền Nam. Kết thúc năm 1968, quân và dân huyện Phú Lương đã huy động được 938 người vào bộ đội, đứng thứ 5 về số lượng người nhập ngũ trong số 13 huyện, thành phố của tỉnh Bắc Thái lúc đó. So với tổng số người trong toàn tỉnh được động viên vào bộ đội năm 1968, số người nhập ngũ của huyện Phú Lương chiếm tỉ lệ 8,83%. Tuy nhiên, kết quả tuyển quân đợt III năm 1968, toàn huyện chỉ hoàn thành được 86% chỉ tiêu quân số.

Đánh giá về nguyên nhân trực tiếp dẫn đến kết quả tuyển quân đợt III năm 1968 của huyện không đạt chỉ tiêu, Báo cáo tổng kết công tác tuyển quân năm 1968 của Ban chỉ huy Huyện đội Phú Lương chỉ rõ: Một là, công tác điều tra, thống kê, nắm thực lực tuyển quân của các cấp từ huyện xuống các xã còn yếu. Hai là, một số cấp uỷ Đảng và Chính quyền cơ sở chưa quán triệt đầy đủ ý nghĩa, tầm quan trọng và yêu cầu cấp bách của công tác động viên tuyển quân trong thời kì mới, nên quyết tâm lãnh đạo, chỉ đạo chưa cao. Ba là, sự phối hợp giữa các ngành, các giới trong công tác động viên tuyển quân cũng chưa thật chặt chẽ, nhịp nhàng. Bốn là, một số gia đình và bản thân cán bộ, đảng viên chưa gương mẫu thực hiện nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc, nên đã gây bất bình trong nhân dân, nêu gương xấu cho quần chúng. Nhiều nơi trong huyện nhân dân không cho con, em mình đi bộ đội.

Năm 1969, huyện Phú Lương tuy được giao chỉ tiêu tuyển quân số lượng chỉ bằng 14,6% năm 1968, nhưng yêu cầu tuyển chọn lại đòi hỏi cao hơn (chỉ tuyển những người từ 18 tuổi, đến 25 tuổi). Mặt khác, việc tuyển quân năm 1969 lại tiến hành trong hoàn cảnh ở miền Bắc địch đã ngừng ném bom, bắn phá từ vĩ tuyến 20 trở ra; trong khi đó, ở miền Nam, cuộc chiến tranh lại đang diễn ra hết sức gay go, ác liệt, do đó trong nhân dân, nhất là trong thanh niên, dễ nảy sinh các tư tưởng, ngại hi sinh, gian khổ.

Để hoàn thành tốt nhiệm vụ tuyển quân năm 1969, ngày 29-1-1969, Ủy ban hành chính tỉnh Bắc Thái ra Chỉ thị về công tác tuyển quân chỉ rõ: “Công tác tuyển quân là một công

tác lớn ở địa phương, cấp uỷ Đảng, Chính quyền các cấp phải tập trung lãnh đạo, chỉ đạo chặt chẽ. Tăng cường công tác kiểm tra, đôn đốc; làm tốt công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, làm cho mọi người nhận rõ tình hình và nhiệm vụ mới, hăng hái, tự nguyện xung phong tòng quân chống Mỹ cứu nước. Kiên quyết chống tư tưởng ngại hi sinh, gian khổ, tiêu cực, trốn tránh nhiệm vụ. Kết hợp chặt chẽ công tác tuyển quân với các mặt công tác khác”, “Phải tích cực chuẩn bị và thực hiện tuyển quân đủ số lượng và chất lượng bổ sung cho quân đội, đáp ứng kịp thời và đầy đủ nhu cầu của tiền tuyến”. Thực hiện Chỉ thị ngày 29-1-1969, của Ủy ban hành chính tỉnh, ngay từ đầu năm 1969, Huyện uỷ Phú Lương ra nghị quyết giao cho Ủy ban hành chính huyện, Ban chỉ huy Huyện đội và các Ban, Ngành chức năng của huyện phải tập trung lãnh đạo, chỉ đạo làm tốt công tác tuyển quân. Ủy ban hành chính huyện chỉ thị cho Ủy ban hành chính các xã khẩn trương tiến hành đăng kí, thống kê, nắm chắc thực lực quân dự bị để chuẩn bị công tác tuyển quân năm 1969. Ngày 15-4-1969, cùng với các huyện, thành phố ở Thái Nguyên, huyện Phú Lương đã hoàn thành 100% chỉ tiêu quân số giao quân đợt I năm 1969. Tháng 8-1969, huyện Phú Lương được giao chỉ tiêu huy động 100 người vào bộ đội. Trong tuyển quân đợt II, Ủy ban hành chính huyện phát lệnh gọi 145 người nhập ngũ, tỉ lệ dự phòng lên tới 45%, cao thứ 3 trong số 8 huyện, thành phố ở Thái Nguyên (sau huyện Phổ Yên có tỉ lệ dự phòng cao nhất là 75,71% và huyện Võ Nhai có tỉ lệ dự phòng cao thứ hai là

70,67%). Kết quả giao quân đợt II năm 1969, huyện Phú Lương đạt 93% chỉ tiêu trên giao. Kết thúc hai đợt tuyển quân năm 1969, huyện Phú Lương đã huy động được 137 người vào bộ đội.

Năm 1970, quân và dân huyện Phú Lương tiếp tục tiến hành hai đợt tuyển quân, động viên được 214 người lên đường đánh Mỹ. Với thành tích huy động được 214 người nhập ngũ năm 1970, Phú Lương trở thành huyện có số người nhập ngũ cao nhất trong số các huyện miền núi của tỉnh Bắc Thái lúc đó⁽¹⁾.

Năm 1971, quân và dân huyện Phú Lương tiến hành 3 đợt động viên tuyển quân; trong đó tuyển quân đợt 3 phải tiến hành trong điều kiện rất đặc biệt: đầu tháng 7, huyện vừa mới hoàn thành đợt động viên tuyển quân thứ 2, đến cuối tháng 7 lại nhận được chỉ thị của Ủy ban hành chính tỉnh phải hoàn thành tuyển quân đợt 3 vào ngày 15-9-1971. Trong điều kiện thời gian chuẩn bị ngắn, công tác tổ chức thực hiện rất gấp, lại đúng vào thời kì xảy ra mưa lũ, nhiều xã trong huyện bị ngập lụt, nên cấp uỷ Đảng, chính quyền các cấp trong huyện vừa phải lãnh đạo, chỉ đạo chống lũ lụt; vừa phải lãnh đạo, chỉ đạo tuyển quân. Mặt khác, phong trào Hợp tác hoá của huyện trong thời kì này cũng gặp nhiều khó khăn. Ở các xã Phú Đô, Sơn Cẩm, Vô Tranh..., hàng loạt Hợp tác xã, đội sản xuất bị tan vỡ, tỉ lệ số hộ nông dân trong các Hợp tác xã trên địa bàn

⁽¹⁾ Năm 1970, số người nhập ngũ của các huyện miền núi trong tỉnh Bắc Thái là Bạch Thông 164 người, Chợ Đồn 86 người, Chợ Rã 58 người, Na Rì 54 người, Ngân Sơn 47, Định Hoá 150, Võ Nhai 75.

huyện giảm từ 95,2% (quí 3 năm 1970), xuống còn 80,4%⁽¹⁾. Sự giảm sút của phong trào Hợp tác xã cũng là một trong những khó khăn của huyện trong công tác tuyển quân. Trước những khó khăn đó của huyện, đầu tháng 8-1971, theo sự phân công của Hội đồng Nghĩa vụ quân sự tỉnh, đồng chí Triệu Kỳ Phay (Ủy viên Ủy ban hành chính tỉnh – Phó Chủ tịch Hội đồng Nghĩa vụ quân sự tỉnh) đã trực tiếp xuống huyện Phú Lương lãnh đạo, chỉ đạo công tác động viên tuyển quân. Các đồng chí lãnh đạo Huyện uỷ, Ủy ban hành chính huyện phân công nhau trực tiếp xuống cơ sở nắm thực lực, tham gia phân loại đối tượng, chỉ đạo cơ sở có biện pháp giáo dục kỹ đối với những gia đình và đối tượng lạc hậu, cản trở không cho con, em mình đi bộ đội, hoặc không khám tuyển, chống lệnh gọi nhập ngũ. Nhờ có những biện pháp tích cực đó, nên các xã Hợp Thành, Ôn Lương giao quân đạt 100% chỉ tiêu; các xã Vô Tranh, Túc Tranh, Yên Lạc các đợt tuyển quân trước không tuyển được hoặc tuyển được rất ít người vào bộ đội thì đợt này đã tuyển được quân.

Tuy nhiên, do một số cấp uỷ Đảng, Chính quyền cơ sở chưa thực sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo công tác tuyển quân; phong trào Hợp tác xã giảm sút; gia đình và bản thân một số cán bộ, đảng viên không thực sự gương mẫu thực hiện Nghĩa vụ quân sự; các đoàn thể Thanh niên, Phụ nữ không được củng cố vững mạnh; số quân nhân đào ngũ về các xã trên địa bàn huyện nhiều (đầu năm 1971 lên tới 144 người), nhưng lại không được xử lý kịp thời. Nên đã tác động xấu đến công tác

⁽¹⁾ Theo Báo cáo tổng kết năm 1971 của Huyện uỷ Phú Lương.

động viên tuyển quân. Cả 3 đợt tuyển quân năm 1971, toàn huyện chỉ động viên được 246 người vào bộ đội, đạt 51% chỉ tiêu kế hoạch được giao. Trong đó, tuy kết quả động viên tuyển quân đợt 3 khá hơn cả so với 2 đợt trước, nhưng toàn huyện cũng chỉ hoàn thành được 63,4% chỉ tiêu (trong khi các huyện, thành phố trên địa bàn Thái Nguyên đều hoàn thành vượt mức chỉ tiêu tuyển quân đợt 3 năm 1971).

Trong lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nghĩa vụ đóng góp lương thực, thực phẩm đối với sự nghiệp kháng chiến chống Mĩ cứu nước của dân tộc, các cấp uỷ Đảng, Chính quyền trong huyện còn hữu khuynh, không có biện pháp xử lí đối với những trường hợp không thực hiện nghĩa vụ lương thực, thực phẩm đối với Nhà nước. Một số cán bộ, đảng viên thiếu gương mẫu nêu gương xấu cho quần chúng, nên kết quả thực hiện nghĩa vụ lương thực, thực phẩm cho Nhà nước của cán bộ và nhân dân huyện Phú Lương năm 1971 đạt rất thấp. Đến ngày 10-11-1971, các xã trong huyện mới nhập kho Nhà nước được 322,1 tấn thóc thuế và nghĩa vụ (so với chỉ tiêu 1.600 tấn trên giao, mới đạt được trên 20%). Về thực phẩm, toàn huyện mới bán cho Nhà nước được gần 33,6 tấn thịt lợn hơi (đạt 37,2% kế hoạch), 664 tấn thịt trâu bò, 588 kg gà, 772 kg cá và gần 134,6 tấn rau xanh.

Để khắc phục những mặt yếu, kém trên đây, Ban Thường vụ Huyện uỷ ra Nghị quyết chỉ rõ phương hướng, nhiệm vụ cụ thể của Đảng bộ, nhân dân và cán bộ, chiến sĩ các Lực lượng vũ trang nhân dân huyện năm 1972 là:

- 1 - Phục hồi lại các Hợp tác xã bị tan vỡ.

2 - Đẩy mạnh sản xuất lương thực, thực phẩm. So với năm 1971, sản lượng lúa chiêm xuân năm 1972 phải tăng trên 20%, sản lượng lúa mùa tăng trên 15%, sản lượng khoai lang tăng 100%, đàn lợn tăng 8%, đàn trâu, bò tăng 5%.

3 - Hoàn thành 100% chỉ tiêu động viên tuyển quân, chi viện chiến trường và các chỉ tiêu đóng góp lương thực, thực phẩm đối với Nhà nước.

Thực hiện Nghị quyết của Ban Thường vụ Huyện uỷ, đầu tháng 1-1972, Uỷ ban hành chính huyện Phú Lương tổ chức Đại hội ra quân sản xuất, thu hút 2.100 cán bộ, đảng viên, đoàn viên, chiến sĩ dân quân, tự vệ trên địa bàn huyện tham gia. Nhằm nâng cao nhận thức và năng lực lãnh đạo, chỉ đạo cho đội ngũ cán bộ ở cơ sở đối với nhiệm vụ khôi phục, củng cố và giữ vững phong trào Hợp tác hoá nông nghiệp, Huyện uỷ Phú Lương tổ chức Hội nghị cán bộ cơ sở tiếp tục học tập, quán triệt Nghị quyết 197 của Bộ Chính trị Trung ương Đảng về Cuộc vận động phát huy dân chủ và tăng cường chế độ làm chủ tập thể ở nông thôn; Nghị quyết 195 của Bộ Chính trị Trung ương Đảng về Cuộc vận động nâng cao chất lượng đảng viên và kết nạp đảng viên lớp Hồ Chí Minh; Nghị quyết 19 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng chuyên đề về các vấn đề kinh tế, nhằm đưa nền kinh tế miền Bắc tiến lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa và Điều lệ Hợp tác xã nông nghiệp.

Sau Hội nghị trên, Huyện uỷ, Uỷ ban hành chính huyện huy động cán bộ các cơ quan, ban, ngành của huyện, thành lập các đoàn cán bộ tăng cường cơ sở trực tiếp xuống lãnh đạo, chỉ đạo khôi phục và củng cố phong trào hợp tác hoá nông

ng nghiệp ở các xã Sơn Cẩm, Cổ Lũng, Vô Tranh, Phấn Mễ, Động Đạt, Phủ Lí, Phú Đô, Hợp Thành, Yên Đồ, Bình Văn.

Sau một tháng trực tiếp xuống các xã, các đoàn cán bộ tăng cường cơ sở của huyện lãnh đạo, chỉ đạo khôi phục lại được 2 hợp tác xã nông nghiệp (1 hợp tác xã ở xã Động Đạt, 1 hợp tác xã ở xã Phủ Lí) và 1 đội sản xuất ở xã Phấn Mễ, đưa trên 100 hộ nông dân trở lại con đường làm ăn tập thể. Tuy nhiên, ở các xã Vô Tranh, Hợp Thành lại có thêm 8 đội sản xuất tiếp tục bị vỡ. Trước tình hình đó, Huyện uỷ, Uỷ ban hành chính huyện Phú Lương tiếp tục lãnh đạo, chỉ đạo cấp uỷ Đảng, Chính quyền các xã, hợp tác xã tăng cường công tác giáo dục, tuyên truyền các nghị quyết 195, 197 của Bộ Chính trị, Nghị quyết 19 của Trung ương Đảng và Điều lệ Hợp tác xã nông nghiệp cho cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân trong huyện; tiếp tục tập trung thêm cán bộ tăng cường xuống các xã trọng điểm chỉ đạo và vận động nhân dân khôi phục, củng cố Hợp tác xã.

Huyện uỷ, Uỷ ban hành chính huyện lãnh đạo, chỉ đạo các Ban, Ngành chức năng của huyện mở các lớp bồi dưỡng, nâng cao trình độ quản lý kinh tế, trình độ kỹ thuật trồng trọt và chăn nuôi cho đội ngũ cán bộ, đảng viên. Huyện uỷ, Uỷ ban hành chính huyện chủ trương lãnh đạo, chỉ đạo các xã, các hợp tác xã đưa mạnh các giống lúa mới, có năng suất cao vào sản xuất. Các ngành Ngân hàng, Vật tư Nông nghiệp đẩy mạnh phục vụ sản xuất nông nghiệp theo chức năng, nhiệm vụ của mình. Nhờ đó, phong trào Hợp tác xã và kết quả sản xuất nông, lâm nghiệp của huyện từng bước được khôi phục, củng cố.

Trong công tác xây dựng Lực lượng vũ trang địa phương, để đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của công tác quân sự địa phương, từ cuối năm 1971, cùng với các huyện, thành phố trong tỉnh, qui mô tổ chức của Huyện đội Phú Lương được nâng lên. Ban chỉ huy Huyện đội được đổi thành Ban chỉ huy quân sự huyện; các chức danh Huyện đội trưởng, Huyện đội phó được đổi thành Chỉ huy trưởng, Chỉ huy phó Ban chỉ huy quân sự huyện; Chính trị viên, Chính trị viên phó Huyện đội được đổi thành Chính trị viên, Chính trị viên phó Ban chỉ huy quân sự huyện. Theo đó, Ban chỉ huy quân sự huyện Phú Lương thời kì này gồm các đồng chí Nguyễn Trọng Lệ, Chỉ huy trưởng; Ngô Chí Cao, Chỉ huy phó; Thang Văn Mạc, Chính trị viên; Mông Văn Ngọc, Chính trị viên phó.

Bước sang năm 1972, trước những thắng lợi to lớn của quân và dân ta ở miền Nam trong cuộc tấn công chiến lược mùa Xuân năm 1972, để cứu vãn tình thế thất bại của chiến lược “Việt Nam hoá chiến tranh”, từ cuối tháng 3-1972, đế quốc Mỹ đã đưa sang Đông Dương 337 máy bay chiến thuật, 50 máy bay ném bom chiến lược B52, nâng tổng số máy bay Mỹ ở Đông Dương lên 1.071 chiếc (trong đó, có tới 140 máy bay chiến lược B52). Ngày 6-4-1972, đế quốc Mỹ huy động một lực lượng lớn không quân và hải quân đánh phá một số địa phương ven biển Quân khu 4 và nhiều mục tiêu khác ở Bắc Vĩ tuyến 20, mở đầu cuộc chiến tranh phá hoại lần thứ hai trên miền Bắc nước ta.

Để đối phó với cuộc chiến tranh phá hoại miền Bắc lần thứ hai của đế quốc Mỹ, thực hiện các chỉ thị, nghị quyết của Trung ương và của tỉnh Bắc Thái, căn cứ vào đặc điểm, tình

hình cụ thể của huyện, Ban Thường vụ Huyện uỷ Phú Lương ra chỉ thị lãnh đạo, chỉ rõ nhiệm vụ của Đảng bộ, Chính quyền, nhân dân và cán bộ, chiến sĩ Lực lượng vũ trang nhân dân huyện phải “Tăng cường đoàn kết một lòng, phát huy chủ nghĩa anh hùng cách mạng, nâng cao tinh thần cảnh giác, kiên quyết chiến đấu tiêu diệt địch, đập tan âm mưu phiêu lưu chiến tranh của đế quốc Mỹ; hăng hái thi đua sản xuất, tiết kiệm, xây dựng huyện Phú Lương trở thành hậu phương vững mạnh đối với tiền tuyến lớn anh hùng”.

Thực hiện chỉ thị của Ban Thường vụ Huyện uỷ, Ban chỉ huy quân sự huyện Phú Lương phối hợp với các Ban, Ngành chức năng của huyện tập trung chỉ đạo công tác xây dựng, củng cố Lực lượng vũ trang địa phương. Các Ban chỉ huy Xã đội, Ban chỉ huy Tự vệ các cơ quan, đơn vị được củng cố, kiện toàn đủ cán bộ lãnh đạo, chỉ huy chủ chốt; ở hầu hết các xã, các đồng chí Bí thư Đảng uỷ (hoặc Bí thư Chi uỷ) trực tiếp làm Chính trị viên Xã đội; 100% các đồng chí Xã đội trưởng là cấp Uỷ viên (hoặc đảng viên).

Giữa lúc quân và dân huyện Phú Lương đang tập trung triển khai thực hiện chỉ thị của Ban Thường vụ Huyện uỷ thì ngày 16-4-1972, đế quốc Mỹ huy động 270 lần chiếc máy bay (có 9 lần chiếc máy bay chiến lược B52) đánh phá thành phố Hải Phòng và 60 lần chiếc máy bay chiến thuật đánh phá Thủ đô Hà Nội, làm hàng nghìn người dân vô tội của hai thành phố Hải Phòng, Hà Nội bị thương, vong; 12 trên tổng số 14 bể xăng và 7.000 phi dầu ở Kho xăng dầu Đức Giang (Gia Lâm – Hà Nội) bị phá huỷ hoàn toàn. Trước hành động leo thang mới này của đế quốc Mỹ, Trung ương Đảng và Chính phủ ta ra lời

kêu gọi “Các lực lượng vũ trang nhân dân hãy dũng cảm xông lên, liên tục chiến đấu giết giặc cứu nước. Mỗi công dân phải là một chiến sĩ kiên cường chống Mĩ cứu nước. Mỗi xí nghiệp, công trường, nông trường, đường phố phải là một chiến hào, sẵn sàng đập tan mọi âm mưu và hành động phiêu lưu quân sự của giặc Mĩ và tay sai”⁽¹⁾.

Hưởng ứng Lời kêu gọi của Trung ương Đảng và Chính phủ; thực hiện Nghị quyết ngày 25-4-1972 của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ Bắc Thái “Để đối phó với những âm mưu độc ác của đế quốc Mĩ và bè lũ tay sai, vấn đề khẩn trương trước mắt là cần tiến hành gấp việc sơ tán, phân tán, dẫn bớt mật độ dân số quá đông ở các khu vực trọng điểm để hạn chế thiệt hại xuống mức thấp nhất nếu địch đánh phá; đồng thời vẫn phải đảm bảo sản xuất và phục vụ chiến đấu tốt”, Huyện uỷ, Uỷ ban hành chính huyện Phú Lương tập trung lãnh đạo, chỉ đạo công tác sơ tán phòng không. Các Ban Phòng không nhân dân, các Đội Cấp cứu phòng không huyện và các xã trên địa bàn huyện được củng cố, kiện toàn; hệ thống hầm, hào phòng tránh được tu sửa và làm thêm. Nhân dân các khu vực trọng điểm dọc Quốc lộ 3 (Giang Tiên, Phố Du, Trào, Chợ Mới...) được tổ chức sơ tán, phân tán triệt để ra xa các mục tiêu có thể bị máy bay địch đánh phá (cầu Giang Tiên, cầu Ổ Gà v.v...). Tại thị trấn Chợ Mới, Ban chỉ huy quân sự huyện tổ chức xây dựng cụm trận địa phục kích đón lõng bắn máy bay địch bay thấp của dân quân các xã Yên Ninh, Yên Đĩnh và thị trấn Chợ Mới.

⁽¹⁾ Dẫn theo “60 năm Quân đội nhân dân Việt Nam”.

Nhờ Đảng bộ, Chính quyền, nhân dân và cán bộ, chiến sĩ Lực lượng vũ trang trong huyện rút được nhiều kinh nghiệm trong cuộc chiến đấu chống chiến tranh phá hoại lần thứ nhất và làm tốt công tác phòng không sơ tán, nên trong cuộc chiến tranh phá hoại lần thứ hai, tuy đế quốc Mỹ huy động máy bay ném bom, bắn phá một số điểm nằm trên địa bàn huyện, nhưng thiệt hại về người và của do bom, đạn địch gây ra là không đáng kể. Ngày 25-9-1972, giặc Mỹ huy động nhiều tốp máy bay vào ném bom, bắn phá khu vực Mỏ than Phấn Mễ. Nhờ Đảng uỷ và Ban Giám đốc Mỏ than Phấn Mễ lãnh đạo, chỉ đạo tốt công tác phòng tránh và tổ chức sản xuất phù hợp với đặc điểm thời chiến, nên đã hạn chế được rất nhiều thiệt hại do bom đạn địch gây ra. Ngày 28-9-1972, Đoàn cán bộ Tỉnh uỷ (gồm 4 đồng chí Uỷ viên Ban Thường vụ) do đồng chí Hoàng Bắc Dũng, Bí thư Tỉnh uỷ dẫn đầu trực tiếp xuống kiểm tra, nắm tình hình mọi mặt ở Mỏ than Phấn Mễ. Qua kiểm tra, Đoàn đã kết luận “Mỏ than Phấn Mễ do công tác chỉ đạo, tổ chức sản xuất phù hợp với thời chiến, có kế hoạch phòng, tránh cụ thể cho công nhân, nên đã hạn chế được thiệt hại do bom, đạn địch gây ra”. Từ kinh nghiệm lãnh đạo, chỉ đạo sản xuất và phòng tránh máy bay địch đánh phá của Đảng uỷ và Ban Giám đốc Mỏ than Phấn Mễ, ngày 11-10-1972, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ Bắc Thái ra thông báo chỉ đạo các cấp, các ngành học tập, rút kinh nghiệm, bổ sung vào kế hoạch phòng, tránh và sản xuất.

Trong công tác đảm bảo giao thông vận tải, quân và dân huyện Phú Lương đã hoàn thành tốt nhiệm vụ huy động lực lượng dân công và dân quân du kích ra sửa chữa đường ngầm và cầu cáp Sơn Cẩm.

Đối với công tác động viên tuyển quân chi viện chiến trường, năm 1972, huyện Phú Lương được giao chỉ tiêu tuyển quân lớn gấp 2,3 lần so với năm 1970 và gấp 2,08 lần so với năm 1971. Trong 8 năm trực tiếp kháng chiến chống Mỹ cứu nước (1965-1972), đây là năm huyện Phú Lương được giao chỉ tiêu tuyển quân lớn thứ hai (sau năm 1968). Để hoàn thành nhiệm vụ tuyển quân trên giao, quán triệt Nghị quyết ngày 9-5-1972 của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ "...các huyện, thành cần đề cao tinh thần trách nhiệm, tăng cường công tác kiểm tra, tuyển quân đảm bảo quân số, chất lượng, chính sách công bằng và thời gian giao quân", Huyện uỷ, Uỷ ban hành chính huyện, Ban chỉ huy quân sự huyện Phú Lương cùng với các Ban, Ngành chức năng của huyện tập trung lãnh đạo, chỉ đạo công tác tuyển quân. Cấp uỷ Đảng, Chính quyền các cấp trong huyện xác định việc thực hiện tốt chính sách hậu phương quân đội là một trong những biện pháp quan trọng để hoàn thành chỉ tiêu, nhiệm vụ tuyển quân. Theo sự lãnh đạo, chỉ đạo của tỉnh, huyện Phú Lương đã tổ chức một đợt vận động, tuyên truyền, giáo dục, học tập và thực hiện chính sách hậu phương quân đội cho cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân trong huyện.

Toàn huyện có 94% cấp Uỷ viên, 77% đảng viên, 90% gia đình có con, em đang chiến đấu ở chiến trường A, 98% gia đình có con, em đang chiến đấu ở các chiến trường B, C; 88% gia đình liệt sĩ, 80% gia đình xã viên các hợp tác xã, 77% gia đình nông dân cá thể đã tham gia học tập, quán triệt nội dung đợt vận động chấp hành chính sách hậu phương quân đội. Bình Văn là xã có tỉ lệ các đối tượng tham gia học tập, quán triệt

đợt vận động chấp hành chính sách hậu phương quân đội cao nhất huyện (gồm 100% cấp Ủy viên, 90% đảng viên, 100% gia đình quân nhân đang chiến đấu ở các chiến trường A, B, C; 100% thương binh, gia đình liệt sĩ và 94% gia đình nông dân tham gia học tập).

Thông qua đợt vận động học tập, quán triệt và chấp hành chính sách hậu phương quân đội năm 1972, cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân trong huyện đã “Xác định rõ thêm các đồng chí bộ đội, thương binh, liệt sĩ là những đồng chí, là con em của mình đã vì nghĩa vụ đối với Tổ quốc, trách nhiệm đối với nhân dân mà hi sinh giành độc lập tự do cho Tổ quốc. Bởi vậy chấp hành chính sách hậu phương quân đội đối với thương binh, gia đình liệt sĩ, gia đình bộ đội là biểu hiện thái độ đối với những người đã hi sinh cho Tổ quốc. Chấp hành tốt chính sách hậu phương quân đội có tác động trực tiếp đến việc động viên quần chúng làm cách mạng, đến sức chiến đấu của các lực lượng vũ trang, đến việc củng cố hậu phương, chi viện sức người, sức của cho tiền tuyến đánh thắng giặc Mĩ xâm lược”⁽¹⁾.

Qua đợt học tập, quán triệt chính sách hậu phương quân đội, Đảng ủy xã Ôn Lương đã nghiêm khắc tự kiểm điểm, nhận rõ thiếu sót, khuyết điểm của mình trong việc lãnh đạo thực hiện chính sách hậu phương quân đội, được nhân dân tin tưởng, đồng tình ủng hộ. Nhân dân trong xã đã đề nghị cấp ủy Đảng và Chính quyền tổ chức giúp đỡ các gia đình chính sách

⁽¹⁾ Báo cáo số 50/B-CS ngày 25-1-1973 của Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Bắc Thái về kết quả cuộc vận động chấp hành chính sách hậu phương quân đội ở các huyện Phố Yên, Phú Bình, Phú Lương.

gặp khó khăn. Cán bộ và nhân dân các xã Túc Tranh, Vô Tranh, Phú Đô, Yên Lạc, Sơn Cẩm có nhiều chuyển biến tốt cả về nhận thức và hành động trong việc chấp hành chính sách hậu phương quân đội.

Một trong những mục đích của đợt vận động chấp hành chính sách hậu phương quân đội lần này là kiểm tra, phát hiện và sửa chữa các thiếu sót còn tồn tại để gây thêm lòng tin tưởng, phấn khởi cho nhân dân, đặc biệt là cho các gia đình chính sách. Qua kiểm tra, huyện đã phát hiện ở các xã có 92 trường hợp cấp sai chế độ, cấp sai đối tượng với số tiền là 23.162 đồng, (bao gồm chưa đủ điều kiện mất sức đã cấp, thân nhân liệt sĩ chết vẫn cấp; quân nhân chuyển ngành, phục viên, xuất ngũ, thậm chí đào ngũ vẫn cấp). Qua kiểm tra, phát hiện bình quân trong toàn huyện, tỉ lệ sai sót trong việc thực hiện chế độ trợ cấp B, C là 21,3% (tỉ lệ này ở các huyện Phổ Yên là 18%, Phú Bình là 14%); tỉ lệ sai sót về quyền lợi gia đình liệt sĩ là 35% (ở các huyện Phổ Yên là 18,4%, Phú Bình là 14,5%). Toàn huyện có 28% số gia đình quân nhân chưa được cấp Bảng vàng danh dự. (Trong đó, xã Yên Lạc có tới 78% gia đình quân nhân chưa được cấp Bảng vàng danh dự, cao nhất so với các xã trong huyện). Công tác giáo dục, bảo vệ hạnh phúc gia đình bộ đội đi chiến đấu ở các chiến trường xa cũng chưa được cấp uỷ Đảng, Chính quyền và các Đoàn thể quan tâm đúng mức, nên trên địa bàn huyện còn xảy ra một số vụ vi phạm hạnh phúc gia đình quân nhân (quan hệ bất chính với vợ bộ đội và trong những người có quan hệ bất chính với vợ bộ đội có cả cán bộ, đảng viên).

Các thiếu sót, khuyết điểm trên đã gây ảnh hưởng xấu, tác động không tốt đến tâm tư, tình cảm của các gia đình bộ đội và nhân dân địa phương; tác động tiêu cực tới việc huy động con, em nhân dân các dân tộc trong huyện lên đường đánh giặc. Để khắc phục các thiếu sót khuyết điểm trên, Huyện uỷ, Uỷ ban hành chính huyện và Ban chỉ huy quân sự huyện Phú Lương tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, chấn chỉnh, kiện toàn Ban Thương binh – Xã hội các xã đảm bảo đủ số lượng và từng bước nâng cao chất lượng. Huyện tổ chức bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn cho cán bộ Ban Thương binh – Xã hội các xã; chỉ đạo, hướng dẫn các xã xây dựng kế hoạch tổ chức chăm sóc các gia đình liệt sĩ, thương binh, gia đình bộ đội, với các nội dung tương đối toàn diện, thể hiện sự quan tâm cả về vật chất và tinh thần của Đảng bộ và nhân dân các dân tộc trong huyện đối với các gia đình chính sách.

Thông qua đợt vận động học tập, quán triệt và chấp hành chính sách hậu phương quân đội, nhân dân các xã trong huyện đã ủng hộ các gia đình thương binh, liệt sĩ, gia đình bộ đội gặp khó khăn 150 cây gỗ, 5.471 cây tre, nứa, 3.250 tàu lá cọ, 1.458 công lao động, 1.234 đồng tiền mặt để làm và sửa chữa nhà ở. Các xã, hợp tác xã đã quan tâm thực hiện các chính sách điều hoà lương thực; ưu tiên khám, chữa bệnh cho các gia đình liệt sĩ, thương binh, gia đình bộ đội. Những việc làm tình nghĩa đó đã góp phần giúp đỡ các gia đình chính sách khắc phục được nhiều khó khăn, ổn định đời sống; có tác dụng thiết thực động viên những người ra đi chiến đấu ở các chiến trường và củng cố thêm niềm tin cho những người mẹ, người vợ, người con ở hậu phương. Đợt vận động học tập, quán triệt

và chấp hành chính sách hậu phương quân đội năm 1972 của huyện Phú Lương đã có tác động tích cực rất lớn đối với công tác động viên tuyển quân. Qua tiến hành 4 đợt động viên tuyển quân năm 1972, toàn huyện huy động được 511 người con ưu tú của nhân dân các dân tộc trong lên đường đánh Mỹ. Trong đó, tuyển quân đợt I năm 1972, toàn huyện giao quân vượt chỉ tiêu 22,1%, đứng thứ hai trong số các huyện, thành phố trên địa bàn Thái Nguyên (chỉ sau thành phố Thái Nguyên vượt 33,7%).

Trong công tác xây dựng và phát triển kinh tế, vượt lên trên các khó khăn gay gắt do thiên tai, địch họa gây ra, quân và dân huyện Phú Lương đã thực hiện thắng lợi một Vụ mùa thắng Mỹ. So với chỉ tiêu kế hoạch đề ra, vụ mùa năm 1972, năng suất lúa bình quân ở các xã trong huyện đều tăng từ 1,4% đến 20,4%; sản lượng lúa đều tăng từ 1,3% đến 20%. Trên địa bàn Thái Nguyên, huyện Phú Lương cùng với các huyện Đại Từ, Định Hóa, Phú Bình, Võ Nhai vượt chỉ tiêu kế hoạch kể cả về năng suất và sản lượng lúa vụ mùa năm 1972. Được cán bộ các Ban, Ngành của tỉnh xuống giúp đỡ, chỉ đạo, quân và dân huyện Phú Lương đã tích cực thực hiện khẩu hiệu “Ba đủ” (đủ nghĩa vụ tuyển quân, đủ nghĩa vụ lương thực vào kho, đủ nghĩa vụ thịt lợn), góp phần cùng với các huyện, thành phố trên địa bàn Thái Nguyên huy động lương thực vượt chỉ tiêu 1,26%.

Về phía địch, do không đạt được mục tiêu trong cuộc chiến tranh phá hoại miền Bắc lần thứ hai, lại bị tổn thất nặng nề về giặc lái và máy bay chiến lược B52 trong cuộc tập kích đường không chiến lược vào Thủ đô Hà Nội, Thành phố Hải

Phòng và một số địa phương khác trên miền Bắc (12 ngày đêm cuối tháng 12/1972), ngày 15-1-1973, đế quốc Mỹ buộc phải tuyên bố chấm dứt mọi hoạt động quân sự, bao gồm ném bom, bắn đạn pháo và thả mìn trên toàn bộ lãnh thổ miền Bắc nước ta. Ngày 27-01-1973, Hiệp định Pari về chấm dứt chiến tranh lập lại hoà bình ở Việt Nam được ký kết; Đế quốc Mỹ buộc phải cam kết tôn trọng độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam, không can thiệp vào công việc nội bộ của miền Nam Việt Nam, rút hết quân Mỹ, quân đồng minh và các nhân viên, cố vấn quân sự Mỹ ra khỏi miền Nam Việt Nam. Đây là một thắng lợi to lớn của quân và dân ta sau gần 20 năm chiến đấu kiên cường, đầy hi sinh, gian khổ. Thắng lợi này đã tạo ra một thời cơ mới, rất thuận lợi cho quân và dân ta chuyển từ chủ trương chiến lược “Đánh cho Mỹ cút”, sang chủ trương chiến lược “Đánh cho nguy nhào”, tiếp tục đẩy mạnh công cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước nhanh chóng đi đến thắng lợi cuối cùng. Quân và dân huyện Phú Lương tự hào đã góp phần xứng đáng của mình vào chiến công chung “Đánh cho Mỹ cút” của quân và dân cả nước.

Phát huy thành tích đã giành được, quân, dân huyện Phú Lương cùng với quân, dân trong tỉnh và quân, dân miền Bắc ra sức củng cố, xây dựng hậu phương vững mạnh, tích cực chi viện sức người, sức của cho quân và dân miền Nam chiến đấu “Đánh cho nguy nhào”, giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước.

V. Tích cực xây dựng và củng cố hậu phương vững mạnh, dồn sức chi viện chiến trường đánh thắng hoàn toàn giặc Mỹ xâm lược.

Từ 7 giờ sáng ngày 28-1-1973, “Hiệp định Pari về chấm dứt chiến tranh, lập lại hoà bình ở Việt Nam” có hiệu lực. Ở miền Bắc, cuộc chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ chấm dứt, nhân dân được sống trong hoà bình. Ở miền Nam, tuy quân Mỹ và chư hầu đang từng bước rút về nước, nhưng quân nguy Sài Gòn lại tăng cường các hành động lấn chiếm trên cả các vùng đồng bằng, duyên hải và Tây Nguyên.

Trước tình hình đó, ngày 12-3-1973, Tỉnh uỷ Bắc Thái chỉ thị cho các cấp, các ngành, nêu rõ nhiệm vụ của quân và dân trong tỉnh trong thời kì mới là:

1 – Tăng cường giáo dục, quán triệt tình hình và nhiệm vụ mới. Dù trong hoàn cảnh nào, thời chiến hay thời bình, nhiệm vụ xây dựng lực lượng vũ trang, phòng thủ đất nước, bảo vệ thành quả cách mạng xã hội chủ nghĩa cũng rất quan trọng và rất cần thiết. Tình hình đòi hỏi phải không ngừng cảnh giác, hoàn thành mọi nhiệm vụ sản xuất trên tư thế sẵn sàng chiến đấu cao, làm tròn nghĩa vụ đối với tiền tuyến.

2 – Tiếp tục chỉ đạo tốt công tác động viên tuyển quân đạt và vượt chỉ tiêu cả về số lượng, chất lượng và thời gian.

3 – Khẩn trương hoàn thành kế hoạch huấn luyện dân quân, tự vệ, hoàn thành chương trình huấn luyện cán bộ quân sự địa phương, đảm bảo cả nội dung và thời gian qui định.

4 – Chấp hành tốt chính sách hậu phương quân đội, nhất là đối với các gia đình có con, em đi chiến đấu xa, gia đình thương binh, liệt sĩ; đồng thời chuẩn bị tốt hội nghị đại biểu gia đình quân nhân ở cấp huyện.

5 – Sau bầu cử Hội đồng nhân dân hai cấp huyện và xã, nhanh chóng kiện toàn đội ngũ cán bộ chỉ huy quân sự ở cơ sở.

6 – Cơ quan quân sự từ huyện, xuống các xã cận rút kinh nghiệm về thực hiện chức năng tham mưu cho cấp uỷ, tạo thêm điều kiện thuận lợi để bất kì tình huống nào cũng góp phần hoàn thành tốt công tác quân sự địa phương.

Thực hiện chỉ thị của Tỉnh uỷ Bắc Thái và đáp Lời kêu gọi của Ban Chấp hành Trung ương Đảng “Tăng cường đoàn kết, luôn luôn đề cao cảnh giác, ra sức phấn đấu để củng cố những thắng lợi đã giành được, giữ vững hoà bình lâu dài, hoàn thành độc lập dân tộc, dân chủ ở miền Nam, tiến tới hoà bình, thống nhất Tổ quốc”, quân và dân huyện Phú Lương ra sức khắc phục hậu quả chiến tranh, ổn định và phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội; dồn sức chi viện sức người, sức của cho chiến trường đánh Mĩ và thắng Mĩ.

Sau ngày Hiệp định Pari được kí kết và có hiệu lực thi hành, bầu trời huyện Phú Lương đã im những tiếng gầm thét của các loại máy bay phản lực Mĩ, trên mặt đất huyện Phú Lương đã im những tiếng nổ “đinh tai, nhức óc” của bom, đạn Mĩ, nhưng trong lòng đất huyện Phú Lương, nhất là ở khu vực các xã Phấn Mễ, Sơn Cẩm vẫn còn nhiều quả bom phá, bom xuyên, bom bi chưa nổ, đang hàng ngày, hàng giờ đe dọa tính mạng của nhân dân. Để đảm bảo an toàn cho nhân dân và các cơ quan, xí nghiệp đẩy mạnh sản xuất, ổn định đời sống, công tác rà, phá bom, đạn Mĩ chưa nổ trở thành nhiệm vụ hết sức cấp bách. Ngay sau khi cuộc chiến tranh phá hoại bằng không quân lần thứ hai của đế quốc Mĩ trên địa bàn huyện vừa chấm

dút, Ban chỉ huy quân sự huyện Phú Lương đã cử một số cán bộ các tổ, đội công binh của dân quân các xã đi dự lớp tập huấn cách lập hồ sơ, bồi dưỡng nghiệp vụ rà, phá, tháo, gỡ bom, đạn chưa nổ do Bộ chỉ huy quân sự tỉnh tổ chức. Ban chỉ huy quân sự huyện xác định “Đào, phá mỗi quả bom phải được coi như là một trận đánh, phải có lãnh đạo, chỉ huy chặt chẽ để đảm bảo tuyệt đối an toàn về người và phương tiện”. Hai năm 1973, 1974, các tổ, đội công binh của lực lượng dân quân huyện Phú Lương đã góp phần cùng với các tổ, đội công binh của lực lượng dân quân, tự vệ các huyện, thành phố trên địa bàn Thái Nguyên rà, phá được 52 quả bom phá do máy bay Mỹ ném xuống chưa nổ. Nhờ đó, địa bàn Mỏ than Phấn Mễ đã nhanh chóng được giải phóng mặt bằng; cán bộ, công nhân Mỏ than Phấn Mễ khẩn trương bắt tay vào khôi phục lại sản xuất, kịp thời đảm bảo cung cấp nhiên liệu cho Khu công nghiệp gang thép Thái Nguyên hoạt động.

Để đảm bảo cho lực lượng dân quân các xã, tự vệ các cơ quan, đơn vị trên địa bàn huyện vừa sẵn sàng chiến đấu, vừa tham gia sản xuất, xây dựng và phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội, Ban chỉ huy quân sự huyện chỉ đạo Ban chỉ huy quân sự các xã, cơ quan, đơn vị củng cố, chấn chỉnh lại tổ chức các tổ, đội dân quân, tự vệ phục vụ chiến đấu và chiến đấu đảm bảo gọn, nhẹ, phù hợp với tình hình mới.

Quán triệt Chỉ thị số 61 của Quân uỷ Trung ương “Dân quân, tự vệ là lực lượng bán vũ trang nòng cốt và đông đảo trong nhân dân. Bất kì trong tình huống nào cũng phải ra sức xây dựng lực lượng dân quân, tự vệ làm lực lượng gốc của Lực lượng vũ trang nhân dân”, Huyện uỷ, Uỷ ban hành chính và

Ban chỉ huy quân sự huyện Phú Lương lãnh đạo, chỉ đạo cấp uỷ Đảng, Chính quyền và Ban chỉ huy quân sự các xã, đơn vị thực hiện tốt chỉ thị của Bộ chỉ huy quân sự tỉnh “Xây dựng dân quân, tự vệ vững mạnh toàn diện, đi vào nền nếp, có chất lượng, đảm bảo sẵn sàng chiến đấu và làm nòng cốt xung kích cho mọi công tác ở địa phương”. Ban chỉ huy quân sự huyện tổ chức hội nghị quán triệt tình hình, nhiệm vụ xây dựng dân quân, tự vệ cho cán bộ các Ban chỉ huy Xã đội dân quân và Ban chỉ huy Tự vệ các cơ quan, đơn vị; đồng thời; hoàn thành việc lập chỉ tiêu, kế hoạch xây dựng lực lượng dân quân, tự vệ cho từng cơ sở dân quân, tự vệ trên địa bàn. Đơn vị tự vệ Nông trường Phú Lương được nâng qui mô từ cấp trung đội lên cấp đại đội. Ban chỉ huy quân sự huyện tổ chức thành lập Đại đội dân quân du kích xã Động Đạt, làm nhiệm vụ sẵn sàng cơ động chiến đấu của tỉnh trên địa bàn các huyện Phú Lương, Định Hoá, Đại Từ và thành phố Thái Nguyên. Bình quân mỗi xã, thị trấn trong huyện xây dựng được một tiểu đội dân quân du kích cơ động chiến đấu, làm nhiệm vụ chiến đấu tập trung, giữ vai trò nòng cốt trong phong trào toàn dân chiến đấu bảo vệ an ninh, trật tự ở xã (mỗi tiểu đội có trên, dưới 15 cán bộ, chiến sĩ). Đội ngũ cán bộ dân quân, tự vệ các cấp từ Xã đội dân quân, Đại đội tự vệ xuống các Trung đội, Tiểu đội dân quân, tự vệ được củng cố. Ban chỉ huy quân sự huyện chỉ đạo kiên quyết đưa ra khỏi cương vị chỉ huy một số cán bộ dân quân, tự vệ sa sút về phẩm chất đạo đức hoặc thiếu tinh thần trách nhiệm trong công tác. Hầu hết các xã, thị trấn, cơ sở tự vệ trên địa bàn huyện đã có cấp uỷ viên phụ trách công tác dân quân, tự vệ. Trong những năm 1973, 1974, tỉ lệ cán bộ

dân quân, tự vệ trẻ, khoẻ, có năng lực chỉ huy tăng hơn hẳn so với năm 1972. Tuy nhiên, trong thời kì này, toàn huyện vẫn còn thiếu tới 17 cán bộ chỉ huy Xã đội dân quân và Đại đội, Trung đội tự vệ. Cuối năm 1973, Ban chỉ huy quân sự huyện tổ chức kiểm tra các cơ sở dân quân, tự vệ trên địa bàn huyện. Qua kiểm tra, đã khẳng định điểm mạnh là các cơ sở dân quân, tự vệ đã cơ bản tổ chức biên chế đủ các tiểu đội cơ động chiến đấu và các Tiểu đội này đều có khả năng cơ động chiến đấu trên địa bàn. Điểm yếu nổi lên là trình độ kĩ, chiến thuật của cán bộ, chiến sĩ còn yếu; trang bị vũ khí không đầy đủ; ý thức tổ chức kỉ luật, tác phong sinh hoạt của một số cán bộ, chiến sĩ còn có hạn chế.

Để khắc phục những điểm yếu trên, Ban chỉ huy quân sự huyện làm tham mưu cho Huyện uỷ, Uỷ ban hành chính huyện lãnh đạo, chỉ đạo các xã, thị trấn và các cơ quan, đơn vị tập trung củng cố tổ chức và nâng cao chất lượng cho đội ngũ cán bộ, chiến sĩ dân quân, tự vệ. Ban chỉ huy quân sự huyện tổ chức Hội nghị quán triệt nhiệm vụ xây dựng, củng cố lực lượng bán vũ trang địa phương cho cán bộ là Bí thư cấp uỷ Đảng, Chủ tịch các xã, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị trên địa bàn; cử cán bộ phụ trách dân quân, tự vệ đi dự các lớp tập huấn nghiệp vụ xây dựng, củng cố lực lượng dân quân, tự vệ do Bộ chỉ huy quân sự tỉnh mở. Công tác xây dựng, củng cố tổ chức lực lượng dân quân, tự vệ của huyện Phú Lương trong những năm 1973, 1974 có nhiều tiến bộ. Trong quá trình xây dựng và củng cố tổ chức lực lượng dân quân, tự vệ, huyện Phú Lương đã không chỉ phát triển nhanh về số lượng mà còn đảm bảo từng bước nâng cao về chất lượng. Hàng năm, các cơ sở

dân quân, tự vệ trong huyện đã giáo dục, chọn lọc, kết nạp vào Lực lượng những người trong độ tuổi thanh niên khoẻ mạnh. Các quân nhân phục viên, xuất ngũ có phẩm chất đạo đức tốt sau khi được kết nạp vào lực lượng dân quân, tự vệ đã được bồi dưỡng, đề bạt vào các cấp lãnh đạo, chỉ huy từ Tiểu đội, Trung đội dân quân, tự vệ đến Xã đội dân quân, Đại đội tự vệ, làm nòng cốt cho công tác huấn luyện sẵn sàng chiến đấu và bảo vệ trật tự, trị an ở cơ sở. Các cơ sở dân quân, tự vệ trong huyện cũng xem xét, cho nghỉ hoạt động đối với những cán bộ, chiến sĩ dân quân, tự vệ tuổi cao, sức yếu, hoặc đưa ra khỏi đội ngũ những người ý thức trách nhiệm thấp và phẩm chất đạo đức kém. Nhờ đó, chất lượng của lực lượng vũ trang nhân dân huyện Phú Lương đã không ngừng được nâng lên. Năm 1974, Lực lượng vũ trang nhân dân huyện hoàn thành công tác huấn luyện quân sự trước thời hạn và hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ xây dựng phương án tác chiến ở những nơi xung yếu, được Ủy ban hành chính tỉnh Bắc Thái tặng Bằng khen.

Cùng với việc xây dựng, củng cố lực lượng dân quân, tự vệ, quân và dân huyện Phú Lương đẩy mạnh công tác chấp hành chính sách hậu phương quân đội và động viên tuyến quân chi viện chiến trường. Hai năm 1973, 1974 và những tháng đầu năm 1975, Huyện uỷ, Ủy ban hành chính huyện lãnh đạo, chỉ đạo các xã, cơ quan, đơn vị trong huyện đẩy mạnh việc tuyên truyền giáo dục, quán triệt cho cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân nội dung Thông tri của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ và Chỉ thị của Thường trực Ủy ban hành chính tỉnh về cuộc vận động kiểm tra, chấp hành chính sách hậu phương quân đội; ý nghĩa, nội dung các chính sách của

Đảng và Nhà nước đối với thương binh, gia đình liệt sĩ, gia đình bộ đội. Các xã Vô Tranh, Phủ Lí, Yên Cư, Yên Trạch, Như Cố và Xí nghiệp Giấy 62 đã làm tốt việc tuyên truyền, giáo dục cho cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân về cuộc vận động kiểm tra chấp hành chính sách hậu phương quân đội, được Ủy ban hành chính tỉnh biểu dương, khen ngợi⁽¹⁾.

Cuộc vận động kiểm tra, chấp hành chính sách hậu phương quân đội do Tỉnh uỷ, Ủy ban hành chính tỉnh phát động đã được các cấp uỷ Đảng, Chính quyền, Đoàn thể và nhân dân các dân tộc huyện Phú Lương nhiệt tình hưởng ứng, tham gia. Ở tất cả các xã, các cơ quan, đơn vị trong huyện đã có rất nhiều cách làm hay, việc làm tốt, thể hiện sự chăm lo về tinh thần và vật chất cho các gia đình liệt sĩ, thương binh, gia đình bộ đội một cách cụ thể, không chỉ bằng động viên, giáo dục, thăm hỏi nhân các ngày lễ, ngày tết, lúc ốm đau, mà còn tạo mọi điều kiện thuận lợi để các gia đình đóng góp công sức xây dựng hậu phương vững mạnh, gia đình hạnh phúc, con cái được học hành; sắp xếp công ăn, việc làm cho các thân nhân liệt sĩ, thương binh, bộ đội phù hợp với hoàn cảnh, sức khoẻ của từng người; các Hợp tác xã điều hoà lương thực; ở những nơi phong trào Hợp tác xã khó khăn, tan vỡ thì giúp công sức cấy, cày, gặt hái; làm nhà, cửa v.v. Năm 1973, cán bộ, nhân dân và lực lượng vũ trang huyện Phú Lương đã cùng với cán bộ, nhân dân và Lực lượng vũ trang các huyện Phú Bình, Phổ

⁽¹⁾ Báo cáo Tổng kết cuộc vận động kiểm tra chấp hành chính sách hậu phương quân đội của Ủy ban hành chính tỉnh Bắc Thái, ngày 15-1-1976, tr 4.

Yên tự nguyện đóng góp, ủng hộ các gia đình liệt sĩ, thương binh, gia đình bộ đội neo đơn được 8.260 cây tre, nứa, 8.550 tàu lá cọ, 309 công lao động, làm mới được 30 ngôi nhà. Kết thúc ba năm thực hiện cuộc vận động chấp hành chính sách hậu phương quân đội (từ tháng 5-1972 đến tháng 5-1975), huyện Phú Lương và các huyện, thành phố trong tỉnh Bắc Thái đóng góp ủng hộ các gia đình liệt sĩ, thương binh, gia đình bộ đội 18.107 ngày công, 5.434 đồng tiền mặt, 12.260 cây tre, 61.421 tàu lá cọ, 753 cây gỗ, làm mới được 1.234 ngôi nhà và đào được 517 hầm, hố phòng không v.v. Cán bộ, nhân dân và lực lượng dân quân xã Phấn Mễ tham gia đóng góp công sức, tiền của xây dựng Nghĩa trang Liệt sĩ của xã Khang trang, sạch đẹp, trị giá 10.000 đồng, được Hội nghị Tổng kết cuộc vận động kiểm tra, chấp hành chính sách hậu phương quân đội do Ủy ban hành chính tỉnh tổ chức tháng 1-1976 biểu dương.

Do thực hiện tốt cuộc vận động chấp hành chính sách hậu phương quân đội, nên phong trào động viên tuyển quân, chi viện chiến trường của quân và dân huyện Phú Lương có nhiều chuyển biến tích cực.

Tháng 8-1973, chấp hành Chỉ thị của Hội đồng Chính phủ và Mệnh lệnh của Bộ Tư lệnh Quân khu Việt Bắc, huyện Phú Lương được Hội đồng Nghĩa vụ quân sự tỉnh Bắc Thái giao chỉ tiêu tuyển 302 người vào bộ đội. Đây là cuộc tuyển quân đầu tiên trong năm 1973 của huyện, nên có nhiều điều kiện thuận lợi. Tuy nhiên, do thời gian chuẩn bị tuyển quân quá ngắn (chỉ có 1 tuần), nên Huyện uỷ, Ủy ban hành chính và Ban chỉ huy quân sự huyện phải hoãn triển khai nhiều việc

khác để tập trung lãnh đạo, chỉ đạo công tác tuyển quân. Với quyết tâm “Phất cao cờ Tháng Tám, giao quân vượt mức chỉ tiêu”, “Vì đồng bào miền Nam ruột thịt” Đảng bộ, quân và dân các dân tộc huyện Phú Lương đã động viên được đủ 302 người vào bộ đội, hoàn thành 100% chỉ tiêu quân số trên giao.

Năm 1974, quân và dân huyện Phú Lương tiến hành hai đợt tuyển quân, đợt 1 vào giữa năm và đợt 2 vào tháng 10. Đợt 1, huyện Phú Lương được Hội đồng nghĩa vụ quân sự tỉnh giao tuyển 100 tân binh nam và 12 tân binh nữ. Tuy so với các đợt tuyển quân trước, chỉ tiêu tuyển quân nam đợt 1 năm 1974 của huyện Phú Lương không cao (chỉ bằng 33,1% chỉ tiêu tuyển quân nam đợt tháng 8-1973), nhưng toàn huyện chỉ tuyển được 99 tân binh nam (bằng 99% chỉ tiêu). Trong số 99 thanh niên nam của Phú Lương vào bộ đội đợt 1 năm 1974, cũng còn một số người “thấp, bé nhẹ cân” do huyện chưa có kế hoạch bồi dưỡng sức khỏe và chữa bệnh tập trung trước lúc gọi nhập ngũ.

Ngày 28-8-1974, Ủy ban hành chính tỉnh Bắc Thái chỉ thị cho các huyện, thành phố trong tỉnh “Phải hoàn chỉnh việc khám tuyển, xét duyệt hồ sơ tuyển quân trong tháng 9, để tháng 10 tiến hành giao quân” đợt 2.

Tuyển quân đợt 2 năm 1974, huyện Phú Lương được Ủy ban hành chính tỉnh giao chỉ tiêu quân số tăng 20% so với chỉ tiêu đợt 1. Vì thời gian tuyển quân đợt 2 đúng vào vụ thu hoạch ở nông thôn, nên Huyện ủy, Ủy ban hành chính và Ban chỉ huy quân sự huyện tập trung lãnh đạo, chỉ đạo chặt chẽ, tiến hành khẩn trương, chu đáo ngay từ đầu. Các đồng chí

Phan Mục Vinh (Bí thư Huyện uỷ), Ma Văn Quyên (Chủ tịch Uỷ ban hành chính huyện), Nguyễn Văn Phác (Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy quân sự huyện) và Mông Văn Ngọc (Chính trị viên Ban chỉ huy quân sự huyện) trực tiếp xuống các xã chỉ đạo tuyển quân, tạo được bước chuyển biến mới về nhận thức cho cán bộ và nhân dân ở cơ sở, mang lại kết quả tốt. Huyện uỷ, Uỷ ban hành chính huyện lãnh đạo, chỉ đạo các xã, hợp tác xã, cơ quan, đơn vị vừa đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục, động viên thanh niên lên đường nhập ngũ, vừa kiên quyết xử lý các trường hợp không đi khám sức khoẻ nghĩa vụ quân sự và các trường hợp chống lệnh gọi nhập ngũ. Nhờ đó, tuyển quân đợt 2 năm 1974, toàn huyện hoàn thành vượt mức chỉ tiêu trên giao 4,17%. Kết thúc năm 1974, qua hai đợt tuyển quân nam và một đợt tuyển quân nữ, huyện Phú Lương đã huy động được 239 người vào bộ đội, vượt chỉ tiêu trên giao 2,14%.

Do có những thành tích xuất sắc trong công tác động viên tuyển quân, chi viện chiến trường năm 1974, ngày 31-12-1974, quân và dân huyện Phú Lương đã được Uỷ ban hành chính tỉnh Bắc Thái ra Quyết định số 51/QĐ-UB tặng Bằng khen.

Đầu năm 1975, những thắng lợi to lớn của quân và dân ta ở miền Nam đã tạo thời cơ giải phóng miền Nam, kết thúc cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước của nhân dân ta. Vì vậy, chi viện cho miền Nam lúc này là nhiệm vụ hàng đầu và là tình cảm thiêng liêng của nhân dân miền Bắc nói chung, nhân dân các dân tộc huyện Phú Lương nói riêng.

Đón trước nhiệm vụ tuyển quân năm 1975, ngay từ đầu năm 1975, Ban chỉ huy quân sự huyện Phú Lương đã làm

tham mưu cho Huyện uỷ, Uỷ ban hành chính huyện mở Hội nghị chuyên đề bàn về công tác tuyển quân và sơ bộ giao chỉ tiêu tuyển quân năm 1975 cho các xã, cơ quan, đơn vị trong huyện. Ngoài công tác giáo dục chính trị, động viên tư tưởng, kiểm tra hồ sơ nắm chắc thực lực, các công tác đảm bảo hậu cần, khám, chữa bệnh ngăn ngừa cho các đối tượng tuyển quân cũng được các ngành Tài chính, Lương thực, Thực phẩm, Y tế quan tâm xúc tiến khẩn trương.

Do tình hình cách mạng miền Nam chuyển biến nhanh chóng, nên yêu cầu hậu phương miền Bắc phải chi viện rất khẩn trương. Ngày 18-2-1975, cùng với quân và dân các huyện, thành phố khác trong tỉnh, quân và dân huyện Phú Lương được giao nhiệm vụ tiến hành liên tiếp 3 đợt động viên tuyển quân năm 1975, đợt 1 hoàn thành ngay trong tháng 2, đợt 2 hoàn thành ngày 15-3 và đợt 3 hoàn thành ngày 15-4-1975.

Quyết tâm thực hiện thắng lợi các khẩu hiệu “Tất cả để đánh thắng giặc Mĩ xâm lược”, “Tiền tuyến gọi, hậu phương trả lời”, “Thóc không thiếu một cân, quân không thiếu một người”, cấp uỷ Đảng, Chính quyền, Cơ quan Quân sự và các Ban, Ngành, Đoàn thể các cấp trong huyện tập trung làm công tác động viên tuyển quân. Cuối tháng 2-1975, quân và dân huyện Phú Lương đã động viên được 117 người vào bộ đội, vượt chỉ tiêu 11,43%, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ động viên tuyển quân đợt 1 năm 1975. Vừa tiến hành giao quân đợt 1, quân và dân huyện Phú Lương vừa triển khai tuyển quân đợt 2. Đợt 2 năm 1975, huyện Phú Lương được giao chỉ tiêu tuyển quân lớn gấp 1,55 lần so với chỉ tiêu tuyển quân cả năm 1974. Kết thúc đợt tuyển quân thứ 2 năm 1975, huyện Phú Lương

động viên được 350 người lên đường đánh Mĩ, hoàn thành vượt mức 2,94% chỉ tiêu trên giao. Tuyển quân đợt 3 năm 1975, huyện Phú Lương đã hoàn thành được 90% chỉ tiêu được giao.

Qua ba đợt động viên tuyển quân liên tiếp trong 4 tháng đầu năm 1975, quân và dân toàn huyện đã động viên được 476 người vào bộ đội (có 9 nữ), hoàn thành vượt mức 4,62% chỉ tiêu về số lượng, đảm bảo chất lượng tốt, giao quân gọn, đúng thời gian, trở thành 1 trong số 8 huyện, thành phố của tỉnh Bắc Thái hoàn thành vượt mức chỉ tiêu tuyển quân năm 1975. Nếu tính từ sau ngày Hiệp định Pari được kí kết (27-1-1973), đến hết tháng 4-1975, quân và dân huyện Phú Lương thực hiện thắng lợi 7 chiến dịch động viên tuyển quân, huy động được 1.012 người vào bộ đội đánh Mĩ, vượt chỉ tiêu trên giao 1,61%.

Sự chi viện kịp thời của quân và dân hậu phương miền Bắc, trong đó có quân và dân huyện Phú Lương, kết hợp với quyết tâm chiến lược đúng đắn, chính xác của Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng, ngày 11-3-1975, quân ta đã tiến công và giải phóng hoàn toàn thị xã Buôn Ma Thuột, mở màn cho Chiến dịch Tây Nguyên toàn thắng. Ngày 25-3-1975, Ban Chấp hành Trung ương Đảng họp, hạ quyết tâm chớp thời cơ giải phóng hoàn toàn miền Nam trước mùa mưa, thống nhất Tổ quốc. Tháng 4-1975, suốt dọc vùng duyên hải miền Trung, quân và dân ta tiến công địch trong thế "chẻ tre". Ngày 30-4-1975, Chiến dịch Hồ Chí Minh toàn thắng.

Con em nhân dân các dân tộc huyện Phú Lương lên đường đánh Mĩ đã có mặt chiến đấu và phục vụ chiến đấu ở khắp các

chiến trường, nhiều người đã lập công xuất sắc được tặng thưởng huân, huy chương và các danh hiệu vinh dự; trong đó, tiêu biểu là đồng chí Trần Xuân Thiện (sinh năm 1954, quê quán xã Động Đạt, trú quán xã Phấn Mễ, nhập ngũ tháng 9-1972). Từ tháng 1-1973, đến ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng (30/4/1975), đồng chí Trần Xuân Thiện đã chiến đấu ở chiến trường Tây Nguyên, trưởng thành từ chiến sĩ lên cán bộ trung đội. Với tinh thần chiến đấu kiên cường, dũng cảm và mưu trí, đồng chí Trần Xuân Thiện đã tiêu diệt và bắt sống 85 tên địch (có 5 tên sĩ quan), bắn cháy 2 xe bọc thép, thu 40 súng, 3 máy thông tin. Trong cuộc Tổng tiến công mùa Xuân 1975, đồng chí Trần Xuân Thiện trực tiếp chiến đấu 5 trận. Trận Buôn Hồ (ngày 12-3-1975), đồng chí đã dẫn tiểu đội nhanh chóng đánh chiếm các mục tiêu được giao, chủ động đánh chiếm các mục tiêu khác, tạo điều kiện cho đơn vị tiêu diệt toàn bộ quân địch, giải phóng hơn 4 vạn dân. Trận đánh đường số 7 tại Cheo Reo (ngày 19-3-1975), khi ra trận địa chốt để tải thương, phát hiện đoàn xe của địch đang tháo chạy, đồng chí Trần Xuân Thiện nhanh chóng dùng súng B40 bắn 2 quả đạn, phá hỏng 2 xe bọc thép, sau đó trèo lên xe địch, dùng súng máy địch bắn xối xả vào các xe khác của địch, làm cho chúng hốt hoảng phải bỏ xe, tháo chạy. Đồng chí Trần Xuân Thiện đã cùng với 6 chiến sĩ khác trong tiểu đội thu 25 xe địch bỏ lại và bắt sống một số tên địch. Trong trận này, đồng chí Trần Xuân Thiện đã sử dụng thành thạo 5 loại súng, tiêu diệt 15 tên địch, bắt sống 30 tên khác, thu 36 khẩu súng các loại. Ngày 24-3-1975, tại Củng Sơn, đồng chí Trần Xuân Thiện chỉ huy trung đội tiêu diệt và bắt sống 69 tên địch (có 1 tên sĩ

quan). Riêng đồng chí Trần Xuân Thiện bắt sống 10 tên, thu 1 súng ngắn. Ngày 29-4-1975, đồng chí Trần Xuân Thiện chỉ huy trung đội đánh chiếm cầu Sáng (trước đó, một đại đội khác của ta đã xung phong đánh chiếm cầu Sáng không thành công). Bằng 2 quả đạn B40, đồng chí Trần Xuân Thiện tiêu diệt 2 hoả điểm quan trọng của địch trong hai lô cốt đặt ở hai đầu cầu, tạo điều kiện quyết định cho đơn vị xung phong đánh chiếm được cầu. Với những thành tích đặc biệt xuất sắc trên, đồng chí Trần Xuân Thiện đã được Đảng và Nhà nước tuyên dương danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân.

Đồng chí Trần Xuân Thiện là tấm gương tiêu biểu cho sự đóng góp của Nhân dân và Lực lượng vũ trang nhân dân huyện Phú Lương vào thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước vĩ đại của dân tộc. Với ý nghĩa đó, đồng chí Trần Xuân Thiện là niềm vinh dự và tự hào của nhân dân và cán bộ, chiến sĩ Lực lượng vũ trang nhân dân huyện Phú Lương.

*

*

*

Cùng với việc hoàn thành thắng lợi nhiệm vụ xây dựng, củng cố Lực lượng vũ trang địa phương, giữ vững trật tự trị an và động viên tuyến quân chi viện chiến trường, quân và dân huyện Phú Lương đẩy mạnh xây dựng và phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội, hoàn thành nghĩa vụ đóng góp lương thực, thực phẩm đối với Nhà nước, góp phần to lớn vào thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước của dân tộc.

Trên mặt trận sản xuất nông nghiệp, năm 1973, tranh thủ điều kiện hoà bình, quân và dân huyện Phú Lương đã hoàn

thành vượt mức kế hoạch diện tích cấy lúa, trong đó có gần 70% diện tích cấy giống lúa mới. So với năm 1970, diện tích cấy lúa năm 1973 của toàn huyện tăng 5,3%, năng suất lúa tăng 13,5%; tổng sản lượng lúa tăng 17,7%, đạt 14.570 tấn. Sản lượng ngô đạt 699 tấn, khoai lang 1.477 tấn, sắn 7.150 tấn, đỗ các loại 129,5 tấn, vừng 4,1 tấn. Cả hai vụ lúa năm 1974, huyện Phú Lương đều được mùa lớn, năng suất lúa toàn huyện bình quân đạt 45,51 tạ/ha (vượt 1% so với chỉ tiêu do Đại hội Đảng bộ huyện Phú Lương lần thứ XI đề ra và tăng 20% so với năm 1970). Hầu hết các xã, hợp tác xã trong huyện đều có đội sản xuất có ruộng đạt năng suất 5 tấn thóc/ha, trong đó các hợp tác xã Phấn Vàng (xã Phấn Mễ), Việt Yên (xã Yên Trạch) năng suất lúa bình quân đạt 5 tấn /ha. Hầu hết các xã trong huyện đều hoàn thành nghĩa vụ đóng góp lương thực cho Nhà nước, trong đó các Hợp tác xã Hồng Lê (xã Động Đạt), Phấn Vàng (xã Phấn Mễ), Môn Bình (xã Hợp Thành), Xuân Phúc (xã Ôn Lương) hoàn thành vượt mức chỉ tiêu nghĩa vụ đóng góp lương thực đối với Nhà nước.

Về chăn nuôi gia súc, gia cầm, năm 1974, đàn trâu toàn huyện đạt 14.298 con, đàn lợn đạt 16.579 con; so với năm 1970, đàn trâu tăng 6,4%, đàn lợn tăng 9,4%. Tại Hợp tác xã Bá Sơn, 100% các hộ gia đình đều chăn nuôi lợn, hộ nuôi ít nhất 2 con, đa số các hộ nuôi 5, 6 con, có hộ nuôi tới 11, 12 con. Năm 1973, Hợp tác xã Bá Sơn thực hiện nghĩa vụ thực phẩm đối với Nhà nước được 16.052 kg thịt lợn hơi, vượt gần 5.000 kg so với kế hoạch được giao, dẫn đầu các hợp tác xã trong huyện về nghĩa vụ đóng góp thực phẩm đối với Nhà

nước. Nhân dân các xã Phấn Mễ, Cổ Lũng, Thanh Bình, Ôn Lương phát triển nghề nuôi, thả cá, bước đầu kết quả đạt tốt.

Về sản xuất cây chè, một trong những cây thế mạnh của huyện Phú Lương, các Hợp tác xã Phấn Vàng (xã Phấn Mễ), Việt Yên (xã Yên Trạch) vừa phát triển thâm canh cây lúa, vừa mở rộng diện tích cây chè. Các hợp tác xã Bình Long (xã Vô Tranh), Giang Tiên (xã Cổ Lũng) từ chỗ hầu như không có cây chè đã trồng được hàng chục héc ta chè đúng kĩ thuật. Cuối năm 1973, diện tích cây chè toàn huyện đã đạt 242 ha (hoàn thành 100% chỉ tiêu trên giao).

Về sản xuất lâm nghiệp, giữa năm 1974, Huyện uỷ Phú Lương đề ra chủ trương tất cả các Hợp tác xã đều phải tổ chức các đội chuyên trồng rừng, khai thác, tu bổ và bảo vệ rừng. Thực hiện chủ trương của Huyện uỷ, nhiều khu rừng mỡ, bồ đề, vầu trên địa bàn huyện được tu bổ và phát triển. Các Hợp tác xã ở các xã Nông Thịnh, Nông Hạ duy trì nghề rừng tương đối tốt, giá trị tổng sản lượng sản xuất lâm nghiệp hàng năm đạt bình quân trên 1 triệu đồng.

Phong trào Hợp tác hoá nông nghiệp của huyện tiếp tục được xây dựng, củng cố. Nhiều Hợp tác xã bị tan vỡ được phục hồi. Tỷ lệ số hộ nông dân trong các Hợp tác xã nông nghiệp toàn huyện tăng từ 68,1% (năm 1971), lên 74% (năm 1974) và 82,3% (quý I năm 1975). Đầu năm 1975, toàn huyện có 63 Hợp tác xã (có 25,4% Hợp tác xã tiên tiến, trong đó các Hợp tác xã Phú Thành (xã Phấn Mễ), Đồng Chùa, Đồng Tâm (xã Túc Tranh), Bản Quất (xã Như Cố) là những Hợp tác xã tiên tiến điển hình của huyện.

Về sản xuất công nghiệp, trên địa bàn huyện có 2 nhà máy là Nhà máy Giấy 62 và Nhà máy Đường, trong đó Nhà máy Giấy 62 hoạt động tương đối tốt, đời sống của cán bộ và công nhân ổn định.

Ngành Giáo dục tiếp tục được phát triển. Đầu năm 1975, bình quân trong toàn huyện cứ 5 người dân có 2 người đi học. Công tác Y tế, chăm sóc, bảo vệ sức khoẻ nhân dân được quan tâm hơn. Các Trạm Y tế xã được mở rộng; trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cũng như tinh thần phục vụ của đội ngũ cán bộ, nhân viên y tế trên địa bàn huyện được nâng cao. Đời sống vật chất và tinh thần của cán bộ, nhân dân và Lực lượng vũ trang nhân dân huyện Phú Lương được ổn định và phát triển.

Trải qua 21 năm kháng chiến chống Mĩ cứu nước (1954-1975), nhân dân và cán bộ, chiến sĩ các Lực lượng vũ trang nhân dân huyện Phú Lương đã thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ khôi phục, cải tạo và phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội, góp phần đánh thắng hai cuộc chiến tranh phá hoại bằng không quân của đế quốc Mĩ trên địa bàn huyện; đồng thời chi viện nhiều sức người, sức của cho tiền tuyến.

Tính riêng trong 10 năm trực tiếp kháng chiến chống Mĩ cứu nước (1965-1975), quân và dân huyện Phú Lương đã tiến hành gần 40 chiến dịch động viên lớn, nhỏ; huy động được

4.052 con, em nhân dân các dân tộc trong huyện vào bộ đội. Trên địa bàn huyện còn có hàng trăm thanh niên gia nhập các đội Thanh niên xung phong chống Mĩ cứu nước, làm nhiệm vụ phục vụ chiến đấu, đảm bảo giao thông, vận tải phục vụ chiến trường. Trong tổng số 24 xã, thị trấn trên địa bàn huyện, xã Phấn Mễ đã động viên tới 17% dân số vào bộ đội đánh Mĩ, không chỉ dẫn đầu các xã, thị trấn trong huyện mà còn dẫn đầu các xã, thị trấn trong toàn tỉnh về tỉ lệ số người vào bộ đội so với tổng dân số.

Trong số 4.052 con, em nhân dân các dân tộc huyện Phú Lương lên đường đánh Mĩ, có 672 người đã anh dũng hi sinh vì sự nghiệp giải phóng miền Nam, bảo vệ miền Bắc và thống nhất đất nước, được công nhận là Liệt sĩ và 311 người đã để lại một phần xương, máu ngoài mặt trận, được công nhận là Thương binh. Ở tất cả các xã, thị trấn trong huyện đã có hàng ngàn người mẹ, người bố, người vợ, người con sẵn sàng cống hiến, hi sinh những người ruột thịt, thân yêu nhất của mình cho Tổ quốc. Tiêu biểu cho sự cống hiến, hi sinh đó là Mẹ Nguyễn Thị Mùi (xã Vô Tranh) có chồng là liệt sĩ hi sinh trong thời kì kháng chiến chống Pháp (1945-1954), trong thời kì chống Mĩ lại cống hiến, hi sinh tiếp một người con nữa cho sự nghiệp giải phóng miền Nam. Các mẹ Vũ Thị Ba (xã Phấn Mễ), Phó Thị Thanh, Nguyễn Thị Tẻo (xã Sơn Cẩm), Nguyễn Thị Nhượng, Hoàng Thị Sỏi (xã Cổ Lũng)... , đã hi sinh, cống hiến người con độc nhất của mình cho độc lập, tự do của Tổ quốc.

Sự hi sinh, cống hiến vô giá của các bà mẹ, ông bố, người vợ, người con, của các anh hùng, liệt sĩ, thương binh, của nhân

dân các dân tộc và cán bộ, chiến sĩ Lực lượng vũ trang nhân dân huyện Phú Lương đã góp phần cùng với quân và dân cả nước làm nên một Đại thắng mùa Xuân năm 1975 lịch sử, giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước.

Tự hào với sự hi sinh, cống hiến vô giá của mình vào thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước vĩ đại của dân tộc, quân và dân huyện Phú Lương phấn khởi, vững vàng cùng với quân và dân trong tỉnh quân và dân cả nước bước sang thời mới: Thời kỳ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Chương IV

LỰC LƯỢNG VŨ TRANG NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ LƯƠNG TRONG NHỮNG NĂM ĐẦU ĐẤT NƯỚC THỐNG NHẤT, CÙNG CẢ NƯỚC ĐI LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI (1975 - 1986).

I- Tham gia khôi phục và phát triển kinh tế - xã hội địa phương .

Cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước kéo dài trên 20 năm đã kết thúc thắng lợi hoàn toàn bằng cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975. Đó là một sự kiện trọng đại “mãi mãi được ghi vào lịch sử dân tộc ta như một trong những trang chói lọi nhất, một biểu tượng sáng ngời về sự toàn thắng của chủ nghĩa anh hùng cách mạng và trí tuệ con người và đi vào lịch sử thế giới như một chiến công vĩ đại của thế kỉ XX, một sự kiện có tầm quan trọng quốc tế to lớn và có tính thời đại sâu sắc”⁽¹⁾. Sự nghiệp cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân đã hoàn thành, cả nước ta cùng đi lên chủ nghĩa xã hội. Đất nước ta có những thuận lợi mới rất cơ bản để phát triển đi lên, từng bước vươn tới mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

⁽¹⁾ Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV, Văn kiện Đảng, toàn tập, tập 37, NXB CTQG, Hn, 2004, tr 471.

Tuy nhiên, trong những năm trước mắt, hậu quả của hơn 20 năm chiến tranh để lại còn rất nặng nề trên cả hai miền đất nước. Ở miền Bắc, qua hai lần chiến tranh phá hoại kéo dài, tổng cộng khoảng 5 năm (từ tháng 8/1964 đến tháng 11/1968 và từ tháng 4/1972 đến tháng 1/1973), nền kinh tế bị tàn phá rất nghiêm trọng. Mặc dù đã có hơn hai năm khôi phục kinh tế, văn hoá kể từ sau Hiệp định Pari, nhưng những vết thương do chiến tranh phá hoại gây ra đối với miền Bắc vẫn chưa được khắc phục hoàn toàn. Đời sống của nhân dân ta còn gặp rất nhiều khó khăn, thiếu thốn. Vì vậy, sau khi kết thúc thắng lợi cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, vấn đề khôi phục, phát triển kinh tế - văn hoá, khắc phục hậu quả chiến tranh trở thành nhiệm vụ trung tâm của toàn Đảng, toàn dân và toàn quân cả nước ta.

Nằm trong tình trạng chung của đất nước, huyện Phú Lương còn có những khó khăn riêng. Liên tiếp trong hai năm 1975 - 1976, sản xuất nông - lâm nghiệp của huyện Phú Lương gặp khó khăn do thời tiết thất thường. Vụ sản xuất Đông - Xuân 1974 - 1975 và 1975 - 1976 đều có những đợt rét đậm kéo dài, sương muối nhiều, nhiệt độ xuống thấp làm chết mạ chiêm xuân và một số trâu, bò; diện tích gieo, cấy lúa bị khô hạn vì thiếu nước nghiêm trọng. Đến vụ mùa năm 1976, hạn hán gay gắt chưa từng có và tiếp theo là sâu bệnh phá hoại lúa và hoa mầu trên diện rộng. Trong ba năm (1977 - 1979), thời tiết cũng hết sức khắc nghiệt, làm giảm sút năng suất, sản lượng cây trồng và do đó có ảnh hưởng không tốt đến công tác quân sự địa phương.

Từ thời chiến chuyển sang thời bình, cán bộ, chiến sĩ Lực lượng vũ trang nhân dân huyện ngoài nhiệm vụ tiếp tục rèn luyện, nâng cao bản lĩnh chiến đấu, còn phải tham gia xây dựng và phát triển kinh tế - văn hoá. Nghị quyết Hội nghị lần thứ 24 (9/1975) của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khoá III) đã xác định nhiệm vụ quốc phòng và bảo vệ an ninh trong tình hình mới là: “Ra sức bảo vệ sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội của nhân dân ta..., bảo vệ độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ, vùng trời, vùng biển, biên giới và hải đảo của nước Việt Nam thống nhất... Các lực lượng vũ trang, kể cả các đơn vị thường trực, phải tích cực tham gia sản xuất, góp phần xây dựng cơ sở vật chất và kĩ thuật của chủ nghĩa xã hội. Thực hiện chế độ nghĩa vụ quân sự đối với tất cả trai tráng và chế độ quân đội tham gia xây dựng kinh tế...”⁽¹⁾. Ngày 10/12/1975, Quân uỷ Trung ương cũng ra Nghị quyết số 265/QUTW về Nhiệm vụ quân đội tham gia xây dựng kinh tế, góp phần xây dựng đất nước, giảm nhẹ ngân sách quốc phòng, tạo điều kiện xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân và nền quốc phòng toàn dân; rèn luyện cán bộ, chiến sĩ có trình độ khoa học kĩ thuật, biết làm kinh tế và quản lí kinh tế, vừa là người chiến sĩ bảo vệ Tổ quốc, vừa là người lao động sản xuất giỏi.

Nhận thức được yêu cầu của cách mạng trong thời kì mới, dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ, Lực lượng vũ trang địa phương cùng với nhân dân các dân tộc trong huyện ra sức thi đua khắc

⁽¹⁾ Viện Lịch sử Quân sự Việt Nam: 55 năm Quân đội nhân dân Việt Nam. NXB QĐND, Hà Nội 1999, tr. 374, 375.

phục khó khăn, từng bước đẩy mạnh phát triển kinh tế - văn hoá. Xuất phát từ tình hình thực tế của địa phương, ngay từ tháng 5/1975, Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XII đã nêu rõ: “Phải phát động phong trào thi đua sâu rộng của quần chúng theo ba hướng lớn: Hăng hái thi đua lao động sản xuất và thực hành tiết kiệm; tích cực tham gia xây dựng nền nếp quản lí kinh tế, củng cố hợp tác xã và hoàn thiện một bước quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa; đấu tranh xoá bỏ những tệ nạn xã hội và những hiện tượng tiêu cực trong đời sống và sản xuất...”⁽¹⁾. Đại hội cũng nêu rõ, Lực lượng vũ trang địa phương phải phối hợp cùng Lực lượng công an đảm bảo công tác an ninh trật tự và chi viện cho phía trước khi có yêu cầu.

Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ, nhân dân các dân tộc, nòng cốt là lực lượng dân quân du kích, ra sức khắc phục khó khăn do thời tiết gây ra, tích cực chống hạn. Các đơn vị bộ đội đóng quân trên địa bàn huyện cũng tích cực giúp nhân dân địa phương làm thuỷ lợi. Nhờ đó, diện tích gieo, trồng trên toàn huyện đạt từ 92% đến 97% so với kế hoạch. Năng suất hai vụ lúa năm 1975 đạt bình quân 43 tạ/ha; vụ đông - xuân 1975 - 1976, mặc dù thời tiết khắc nghiệt, nhưng vẫn đạt 18,45 tạ/ha. Tổng sản lượng thóc năm 1975 đạt 14.206,926 tấn. Diện tích trồng mầu cũng tăng từ 7% đến 12% so với hai năm trước. Trong những năm 1977 - 1979, diện tích cấy lúa không ngừng tăng lên từ 4,6% đến 8%; riêng vụ lúa Đông - Xuân 1979 - 1980, diện tích gieo trồng đạt

⁽¹⁾Dẫn theo Lịch sử Đảng bộ huyện Phú Lương. Tập 2 (1955 - 2000). Xb 2005, tr. 173, 174.

114,7%, năng suất lúa đạt bình quân 18,16 tạ/ha, năng suất vụ mùa đạt 23,19 tạ/ha. Trên địa bàn huyện bắt đầu hình thành các vùng chuyên canh. Vùng chè tập trung đã hình thành ở 6 xã phía nam huyện. Một số cây công nghiệp ngắn ngày, có giá trị xuất khẩu (thuốc lá, hương nhu, bạc hà...) cũng được trồng trên địa bàn huyện và bước đầu cho thu hoạch.

Hưởng ứng “Chiến dịch trồng sắn” do Ban Thường vụ Tỉnh uỷ phát động (từ ngày 1/3 đến ngày 5/5/1977), cùng với nhân dân các dân tộc trong huyện, cán bộ, chiến sĩ Lực lượng vũ trang nhân dân huyện Phú Lương đã tích cực khai phá những khu đất trống, đồi trọc, biến 738 ha đất hoang, hoá thành các đồi sắn xanh tốt, góp phần tăng thêm nguồn lương thực của địa phương.

Cán bộ, chiến sĩ trong Cơ quan Quân sự huyện và các đơn vị bộ đội đóng trên địa bàn huyện còn tích cực đẩy mạnh phong trào tăng gia sản xuất tự túc theo chỉ thị của Bộ Tư lệnh Quân khu I và nghị quyết chuyên đề của Đảng uỷ Bộ chỉ huy quân sự tỉnh. Tính riêng năm 1978 và nửa đầu năm 1979, Cơ quan Quân sự huyện trồng được 5.000 gốc sắn, cấy được 1 ha lúa; thu hoạch 1.385,5 kg rau xanh các loại; nuôi được 1 con trâu kéo, 5 con lợn, hàng chục con gà...

Quán triệt các nghị quyết chuyên đề của Trung ương, của tỉnh về củng cố các Hợp tác xã yếu kém, Huyện uỷ và Uỷ ban hành chính huyện quyết tâm lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện cuộc cách mạng quan hệ sản xuất, coi đó là nhiệm vụ trọng tâm của toàn Đảng bộ, là trách nhiệm của mỗi cán bộ, đảng viên. Nhiều cán bộ, chiến sĩ dân quân trên các cương vị công tác

được giao, đã đi xuống tận cơ sở, đến từng hộ gia đình để tuyên truyền, vận động bà con nông dân đi vào con đường làm ăn tập thể, tổ chức lại sản xuất theo hướng sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa. Một số quân nhân phục viên, chuyển ngành được bà con xã viên tín nhiệm bầu vào Ban Quản trị Hợp tác xã, hoặc làm Đội trưởng Đội sản xuất, luôn nêu cao tinh thần trách nhiệm, tận tụy với công việc của tập thể. Sự gương mẫu, ý thức trách nhiệm cao của người quân nhân cách mạng là một trong những nhân tố thúc đẩy sự phục hồi và phát triển của phong trào Hợp tác hoá nông nghiệp. Từ năm 1975 đến cuối năm 1976, toàn huyện đã có thêm gần 1.000 hộ nông dân xin vào Hợp tác xã, đưa tổng số hộ xã viên từ 82% (năm 1974), lên 91% (năm 1976) và đến năm 1978 tăng lên 95%. Tình trạng “xã trắng”, “xóm trắng” (không có Hợp tác xã, ở các xã: Bình Văn, Quảng Chu, Phú Đô và các xóm: Tiên Thông, Na Mụ, Kim Lan, Đèo Lam thuộc xã Yên Lạc) đã được khắc phục.

Sau hai năm lãnh đạo tổ chức, sắp xếp lại, bằng sự cố gắng của toàn Đảng bộ, toàn quân và toàn dân trong huyện, phong trào Hợp tác hoá nông nghiệp ở Phú Lương đã có những chuyển biến rõ rệt về tổ chức sản xuất. Đến năm 1976, theo chủ trương của Huyện uỷ, 21 Hợp tác xã quy mô nhỏ được hợp nhất thành 9 Hợp tác xã quy mô vừa và lớn, trong đó có 4 Hợp tác xã quy mô toàn xã. Các Hợp tác xã đều thành lập các đội sản xuất tổng hợp và các đội chuyên ở quy mô vừa phải. Toàn huyện có 260 đội sản xuất tổng hợp, 8 đội thuỷ lợi, 5 đội chuyên chăn nuôi lợn, 9 đội chuyên thả cá, 22 đội chuyên cây chè; ngoài ra còn có một số đội chuyên sản xuất lâm nghiệp⁽¹⁾.

⁽¹⁾ Dẫn theo Lịch sử Đảng bộ huyện Phú Lương. Tập 2... Sdd, tr. 181.

Hầu hết các đội sản xuất tổng hợp và đội chuyên đều do các đoàn viên thanh niên là dân quân phụ trách. Các thanh niên nam, nữ dân quân đều tích cực tham gia vào các đội chuyên, nhất là đội chuyên thuỷ lợi. Từ những công việc nặng nhọc đến việc áp dụng các tiến bộ khoa học kĩ thuật vào sản xuất phần lớn đều do đoàn viên thanh niên dân quân gánh vác. Nhiều cán bộ, chiến sĩ dân quân, du kích trở thành những kĩ thuật viên hướng dẫn bà con xã viên trong các Hợp tác xã về cấy thẳng hàng, thả bèo hoa dâu... Ở nhiều chi đoàn, lực lượng đoàn viên thanh niên là cán bộ, chiến sĩ dân quân xung phong đảm nhiệm các khu ruộng thí điểm gieo, cấy các giống lúa mới để rút kinh nghiệm trong toàn huyện. Các giống lúa mới có năng suất cao đã được đưa vào gieo, cấy trên 90% diện tích vụ mùa và 80% diện tích vụ xuân. Phong trào làm phân bón ruộng và nuôi bèo hoa dâu được đẩy mạnh trong các Hợp tác xã. Nhiều cán bộ, chiến sĩ dân quân đi đầu trong phong trào, trở thành kiện tướng làm phân.

Cùng với việc đẩy mạnh áp dụng các thành tựu khoa học kĩ thuật vào sản xuất, cán bộ, chiến sĩ Lực lượng vũ trang nhân dân huyện Phú Lương tích cực hưởng ứng chủ trương của Huyện uỷ và Uỷ ban hành chính huyện về công tác thuỷ lợi kết hợp với làm đường giao thông nông thôn. Hàng ngàn nhân công, phần lớn là dân quân, tự vệ được huy động làm mới và sửa chữa nhiều công trình thuỷ lợi vừa và nhỏ. Trong hai năm (1975 - 1976), toàn huyện đã hoàn thành 2 công trình, 7 hồ đập ngăn nước và hàng chục kilômét mương, máng dẫn nước. Riêng năm 1976, Ban chỉ huy Xã đội Yên Trạch đã huy động lực lượng dân quân, tổ chức thành một công trường thuỷ lợi,

đắp được 1 đập giữ nước. Nhờ làm tốt công tác thủy lợi, huyện Phú Lương đã vượt qua được trận hạn lớn trong vụ mùa năm 1976, đảm bảo diện tích gieo, trồng. Trong những năm tiếp theo, lực lượng dân quân, tự vệ cùng với nhân dân địa phương cũng được huy động xây dựng các công trình hồ Thẩm Bô (Bình Văn), hồ Khuổi Sao (Như Cố), đập Na Phẳng (Yên Trách).

Thực hiện “Chiến dịch ra quân thi công hệ thống kênh mương hồ Núi Cốc” do Ban Thường vụ Tỉnh ủy phát động, Huyện ủy, Ủy ban nhân dân¹ cùng với Ban chỉ huy quân sự huyện đã huy động 510 dân công (chỉ tiêu là 500 người), phần lớn là dân quân du kích của 6 xã (Phấn Mễ, Hợp Thành, Động Đạt, Yên Đỗ, Túc Tranh và Vô Tranh) tham gia lao động trên công trường. Sau ba tháng lao động khẩn trương (từ ngày 10/10 đến cuối tháng 12/1978), quân và dân huyện Phú Lương đã hoàn thành việc thi công hệ thống kênh Đông hồ Núi Cốc, góp phần hoàn thiện công trình thủy lợi trọng điểm của tỉnh.

Dân quân, tự vệ cũng là lực lượng đi đầu trong việc sửa chữa, làm mới hệ thống giao thông nông thôn. Trong hai năm (1975 - 1976), quân và dân trong huyện đã bỏ ra hàng ngàn công lao động, sửa chữa toàn bộ hệ thống cầu, đường sắn có, đồng thời hoàn thành xây dựng 400 km đường liên thôn, liên xã và trên 40 km đường bờ vùng, bờ thửa. Những năm sau, lực lượng dân quân, tự vệ cùng với nhân dân tiếp tục được huy động để sửa chữa và làm mới các tuyến đường giao thông

¹ Theo Nghị quyết ngày 2/7/1976 của Quốc hội, Ủy ban hành chính các cấp (tỉnh, thành phố, huyện, thị xã, xã, thị trấn, phường) đổi thành Ủy ban nhân dân các cấp tương đương.

nông thôn. Riêng việc làm con đường Yên Đĩnh đi Như Cố, huyện đã huy động 1.000 lao động lên công trường; ngoài ra, quân và dân trong huyện còn tự sửa chữa và làm mới 55 km các tuyến đường dân sinh liên thôn, liên xóm.

Nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - văn hoá và nhu cầu quốc phòng, Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định làm con đường phía bắc huyện Chợ Rã và giao cho Bộ chỉ huy quân sự tỉnh trực tiếp chỉ đạo. Thực hiện quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh, từ ngày 27/2 đến ngày 31/5/1978, Bộ chỉ huy quân sự tỉnh phối hợp với các ngành chức năng huy động 5.600 dân quân, tự vệ và Trung đoàn 677 bộ đội địa phương tiến hành thi công công trình quan trọng này.

Cơ quan Quân sự huyện Phú Lương phối hợp với các Ban, Ngành đã huy động 571 cán bộ, chiến sĩ dân quân du kích (chỉ tiêu là 500) của 9 xã tham gia chiến dịch làm đường Bắc Chợ Rã, với tổng số 15.530 ngày công. Nhờ thực hiện tốt việc tổ chức quân sự hoá, quản lí và duy trì kỉ luật lao động chặt chẽ, tích cực cải tiến công cụ lao động (làm máng trượt, làm xe cải tiến), qua 2 tháng lao động, đơn vị dân quân, tự vệ huyện Phú Lương đạt 170% so với kế hoạch được giao.

Trên mặt trận văn hoá, giáo dục, cán bộ, chiến sĩ trong các Lực lượng vũ trang nhân dân huyện cũng đóng vai trò tích cực. Những hoạt động văn hoá, văn nghệ, phong trào rèn luyện sức khoẻ trong các cơ quan, đơn vị được duy trì thường xuyên là nhờ có sự tham gia của đông đảo nam, nữ dân quân, tự vệ. Hầu hết thành viên trong đội văn nghệ, bóng đá, bóng chuyền của các xã và của các cơ quan, xí nghiệp... đều là cán bộ,

chiến sĩ dân quân, tự vệ, bộ đội phục viên, chuyển ngành. Sự tham gia tích cực của lực lượng dân quân, tự vệ trong các hoạt động văn hoá, văn nghệ, thể dục thể thao đã góp phần tạo nên cuộc sống vui tươi, lành mạnh ở địa phương. Những tập tục lạc hậu, mê tín dị đoan từng bước được đẩy lùi.

Nhằm nâng cao trình độ học vấn để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ quân sự địa phương, cán bộ, chiến sĩ dân quân, tự vệ tích cực theo học các lớp bổ túc văn hoá do các cơ quan, đơn vị tổ chức, sau đó lan rộng ra các xã. Đến năm 1976, toàn huyện có trên 300 cán bộ chủ chốt và nam, nữ dân quân, tự vệ hăng hái theo học các lớp bổ túc văn hoá cấp I và cấp II.

Phong trào vệ sinh phòng bệnh tiếp tục được duy trì và đẩy mạnh trong toàn huyện với sự tham gia tích cực, tự giác của lực lượng dân quân, tự vệ. Không chỉ là những người trực tiếp thực hiện, dân quân, tự vệ còn là những chiến sĩ tuyên truyền, vận động quần chúng cùng tham gia thực hiện các cuộc vận động ăn, ở hợp vệ sinh. Đến năm 1976, toàn huyện có 1/4 số hộ hoàn thành 3 công trình: Nhà tắm, giếng nước, hố tiêu 2 ngăn. Các ổ dịch bệnh, nhất là dịch sốt rét ác tính trên địa bàn huyện được kịp thời phát hiện và dập tắt. Kết quả này đã góp phần nâng cao sức khoẻ cho nhân dân và đó là một trong những yếu tố quan trọng bảo đảm chỉ tiêu tuyển quân, tăng cường khả năng quốc phòng của địa phương.

II- Khẩn trương xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân địa phương vững mạnh, sẵn sàng chiến đấu và phục vụ chiến đấu bảo vệ quê hương.

Thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước với đỉnh cao là Đại thắng mùa Xuân 1975 đã chấm dứt tình trạng

chiến tranh kéo dài 30 năm trên đất nước ta. Hoà bình đã được lập lại, nhân dân hai miền Nam - Bắc được sum họp một nhà, non sông Việt Nam nối liền một dải. Tuy nhiên, chủ nghĩa đế quốc và các thế lực phản động quốc tế vẫn luôn luôn tìm mọi cách chống phá cách mạng nước ta. Vì vậy, quân và dân ta vẫn phải luôn nêu cao tinh thần cảnh giác cách mạng, sẵn sàng đập tan mọi âm mưu và hành động chống phá của kẻ thù.

Để đáp ứng yêu cầu của cách mạng trong thời kì mới, trên cơ sở đánh giá tình hình hình lực lượng vũ trang nhân dân địa phương, Đảng uỷ Bộ chỉ huy quân sự tỉnh đã đề ra Nghị quyết số 176/NQ-ĐƯ ngày 23/5/1975 và Nghị quyết số 230/B-ĐƯ ngày 4/7/1975 nêu rõ phương hướng, nhiệm vụ trước mắt của Đảng bộ bao gồm những nội dung chủ yếu sau đây:

- Mở một đợt giáo dục chính trị tư tưởng sâu rộng trong cán bộ, chiến sĩ lực lượng vũ trang địa phương, làm cho mọi người nhận rõ được thắng lợi vĩ đại cùng với ý nghĩa lịch sử to lớn của sự nghiệp kháng chiến chống Mĩ, cứu nước. Trên cơ sở đó, đẩy mạnh đấu tranh tự phê bình và phê bình, ngăn chặn những biểu hiện tự do vô kỉ luật, tư tưởng hoà bình hưởng lạc, giảm sút ý chí chiến đấu...

- củng cố, kiện toàn đội ngũ cán bộ dân quân, tự vệ ở cơ sở; đồng thời chú trọng kiện toàn các tổ chức tiểu đội, trung đội dân quân, tự vệ cơ động. Duy trì chế độ sinh hoạt, đưa mọi hoạt động của lực lượng dân quân, tự vệ đi vào nền nếp.

- Nhanh chóng ổn định tư tưởng và tổ chức cho cán bộ, chiến sĩ ở cơ quan quân sự các cấp và các đơn vị bộ đội địa phương.

- Lãnh đạo hoàn thành tốt các chỉ tiêu huấn luyện, bồi dưỡng cán bộ, chú ý đội ngũ cán bộ chính trị và cán bộ ở các cơ sở yếu kém.

Thực hiện Nghị quyết 176 và 230 của Đảng uỷ Bộ chỉ huy quân sự tỉnh, Ban chỉ huy quân sự huyện Phú Lương chủ động mở các đợt sinh hoạt chính trị, tổ chức cho cán bộ, chiến sĩ ở cơ quan và các đơn vị dân quân, tự vệ học tập quán triệt các bài phát biểu của Bí thư thứ nhất Lê Duẩn và Thủ tướng Chính phủ Phạm Văn Đồng về tình hình, nhiệm vụ cách mạng trong thời kì mới. Từ cuối quý 3 và quý 4 năm 1975. Cơ quan Quân sự huyện tổ chức cho cán bộ, chiến sĩ ôn lại ý nghĩa to lớn của Cách mạng Tháng Tám và Quốc khánh 2/9/1945, học tập về Bản chất và truyền thống của Quân đội nhân dân Việt Nam, về Điều lệnh Quân đội nhân dân, Điều lệnh kỉ luật, Điều lệnh nội vụ... Trong những năm tiếp theo, trước những diễn biến tình hình trong và ngoài nước ngày càng phức tạp, công tác giáo dục chính trị tư tưởng cho cán bộ, chiến sĩ Lực lượng vũ trang nhân dân huyện càng được coi trọng.

Để đáp ứng yêu cầu của cách mạng trong thời kì mới với hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, vấn đề xây dựng và phát triển Lực lượng vũ trang địa phương trở thành một yêu cầu bức thiết. Về vấn đề này, huyện Phú Lương có nhiều thuận lợi rất cơ bản do sẵn có truyền thống và kinh nghiệm của những năm trước. Trong những năm kháng chiến chống thực dân Pháp, một số xã của huyện Phú Lương nằm trong An toàn khu (ATK) của Trung ương; nhân dân các dân tộc Phú Lương tích cực đóng góp sức người, sức của cho cuộc kháng chiến. Trong 10 năm trực tiếp kháng chiến chống Mỹ,

cứu nước (1965 - 1975), huyện Phú Lương đã thực hiện gần 40 chiến dịch tuyển quân lớn, nhỏ; huy động 4.052 con, em ưu tú thuộc đủ các thành phần dân tộc sinh sống trên địa bàn vào bộ đội. Trong số đó, nhiều người đã lập công xuất sắc, được Đảng và Nhà nước phong tặng các danh hiệu vẻ vang: Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Chiến sĩ Thi đua, Chiến sĩ Quyết thắng, Dũng sĩ diệt Mĩ, Dũng sĩ diệt nguy... Phát huy những truyền thống và kinh nghiệm sẵn có, lại được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo chặt chẽ của các cấp uỷ Đảng, Chính quyền và sự phối hợp của các Đoàn thể, Ban, Ngành trên địa bàn, Cơ quan Quân sự huyện Phú Lương đã đạt nhiều kết quả trong công tác xây dựng và phát triển Lực lượng vũ trang địa phương.

Quán triệt tinh thần Chỉ thị ngày 10/11/1976 của Bộ chỉ huy quân sự tỉnh, các cấp uỷ Đảng, Chính quyền và Cơ quan Quân sự huyện rất chú trọng việc xây dựng, củng cố lực lượng dân quân, tự vệ, coi đó là một công tác trung tâm thường xuyên. Vì vậy, từ năm 1976, các xã đều tổ chức được trung đội dân quân, trong đó có 2 xã xây dựng quy mô cấp đại đội. Trong những năm sau, các cấp uỷ Đảng, Chính quyền và các Ban, Ngành trên địa bàn huyện càng nhận thức đầy đủ hơn tầm quan trọng của việc củng cố và phát triển lực lượng dân quân, tự vệ.

Từ những tháng cuối năm 1977, đầu năm 1978, trước những diễn biến ngày càng xấu ở các biên giới phía Tây Nam và phía Bắc, ngày 28/1/1978 Bộ chỉ huy quân sự tỉnh họp, đề ra một số nhiệm vụ cụ thể:

- Xây dựng cơ quan quân sự các cấp trong tỉnh vững mạnh toàn diện, theo hướng chính quy, hiện đại, đủ sức làm tham

mưu cho cấp uỷ, chính quyền địa phương triển khai thực hiện thắng lợi mọi nhiệm vụ quân sự ở địa phương.

- Xây dựng lực lượng dân quân, tự vệ rộng khắp, mạnh mẽ và vững chắc, đảm bảo tỉ lệ so với dân số đạt 12% (trong đó dân quân đạt 9%, tự vệ đạt 45%). Hội nghị xác định quy mô tổ chức dân quân ở xã là cấp trung đội, nơi có điều kiện thì tổ chức tới cấp tiểu đoàn; nơi có đông lực lượng tự vệ tổ chức từ cấp tiểu đoàn đến cấp trung đoàn.

Ngày 27/7/1978, Hội nghị lần thứ 4 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khoá IV) ra nghị quyết về tình hình và nhiệm vụ mới, xác định tình trạng vừa có hoà bình vừa có chiến tranh trên một bộ phận đất nước. Nghị quyết nêu rõ: “Khẩn trương xây dựng và rèn luyện bộ đội chủ lực tinh nhuệ và cơ động, tăng cường trang bị và năng lực chỉ huy cho bộ đội địa phương, chuẩn bị lực lượng dự bị hùng hậu, xây dựng lực lượng dân quân tự vệ rộng khắp có chất lượng chiến đấu và phục vụ chiến đấu cao. Ở những nơi chưa có chiến sự, quân đội phải sẵn sàng chiến đấu và làm tốt nhiệm vụ xây dựng kinh tế. Tổ chức lãnh đạo và chỉ huy thống nhất công tác quốc phòng và an ninh trên từng địa bàn huyện, tỉnh và từng mặt trận”⁽¹⁾.

Theo phương hướng chỉ đạo của Bộ chỉ huy quân sự tỉnh, chấp hành Nghị quyết Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa IV) , dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp uỷ Đảng và Chính quyền, công tác xây dựng, phát

⁽¹⁾ Viện Lịch sử Quân sự Việt Nam: 55 năm Quân đội nhân dân Việt Nam... Sdd, tr. 397.

triển dân quân, tự vệ được đẩy mạnh. Cuối năm 1978, lực lượng dân quân ở các xã chiếm 10,2% so với tổng dân số nông thôn toàn huyện, được biên chế thành 1 đại đội cơ động tỉnh, 1 đại đội cơ động huyện, 14 đại đội cơ động xã, 36 đại đội chiến đấu tại chỗ...⁽¹⁾. Lực lượng tự vệ ở 14 đơn vị chiếm 51,7% so với tổng số cán bộ công nhân viên, được biên chế thành 2 đại đội cơ động, 1 đại đội chiến đấu tại chỗ. Đến giữa năm 1979, lực lượng dân quân chiếm 10% tổng dân số toàn huyện; lực lượng tự vệ ở 20 đơn vị (tăng thêm 6 đơn vị do mới thành lập các đơn vị tự vệ của các công ty xây dựng địa chất). Vào thời điểm này, toàn huyện đã thành lập được 60 đại đội dân quân, tự vệ, 122 trung đội và 133 tiểu đội độc lập; ngoài ra còn có một số đơn vị tiểu đội chống tăng, tiểu đội công binh và các đơn vị phòng không được trang bị súng 12,7 mm⁽²⁾.

Các công tác bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, chọn nguồn, bổ sung thay thế cán bộ từ cấp tiểu đội đến cấp đại đội cũng như cán bộ xã đội đều được tiến hành đầy đủ và tương đối đồng bộ. Đội ngũ cán bộ dân quân được củng cố, nhất là từ sau cuộc bầu cử Hội đồng nhân dân 2 cấp (5/1979): 14/25 Xã đội trưởng và 13 Xã đội phó được thay thế. Số quân nhân phục viên, xuất ngũ được bổ sung vào các cấp chỉ huy xã đội ngày càng nhiều hơn. Có năm (1978), hơn 80% cán bộ xã đội là bộ đội phục viên, xuất ngũ.

⁽¹⁾ Ban CHQS huyện Phú Lương: Báo cáo tổng kết công tác quân sự địa phương năm 1978. Số 46/BC-TK, ngày 5/12/1978, tr. 4.

⁽²⁾ Ban CHQS huyện Phú Lương: Báo cáo sơ kết 6 tháng năm 1979. Số 70/BC, ngày 19/6/1979, tr. 1, 2.

Cùng với việc củng cố, phát triển lực lượng dân quân, tự vệ, công tác động viên tuyển quân nhìn chung được các cấp uỷ Đảng, Chính quyền và Đoàn thể quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo. Hằng năm, sau khi được bồi dưỡng ở tỉnh về, căn cứ vào chỉ thị và các văn bản hướng dẫn, Cơ quan Quân sự huyện lập kế hoạch và tham mưu cho Huyện uỷ, Uỷ ban nhân dân huyện triệu tập hội nghị để hướng dẫn các cơ sở thực hiện. Đại bộ phận các xã và các đơn vị làm đúng theo biểu mẫu hướng dẫn, nắm được quân số, phân loại được độ tuổi, chất lượng của từng đối tượng; trên cơ sở đó, cấp giấy chứng nhận cho những người đã được đăng kí (từ 18 đến 45 tuổi) đối với quân dự bị hạng 1 và hạng 2 để chuẩn bị cho các đợt tuyển quân. Do làm tốt công tác đăng kí, thống kê, nắm chắc quân dự bị ngay từ đầu năm, cho nên chỉ một thời gian ngắn sau khi nhận được chỉ tiêu tuyển quân do tỉnh giao, huyện Phú Lương đã giao quân đảm bảo số lượng đủ, chất lượng tốt, đúng chính sách, vượt thời gian. Trong các đợt tuyển quân hằng năm, nhìn chung huyện đã chọn những thanh niên ưu tú, có đủ sức khoẻ và tiêu chuẩn chính trị.

Bên cạnh những thành tích và ưu điểm, công tác động viên tuyển quân vẫn bộc lộ một số mặt yếu kém. Một số xã chỉ họp cán bộ đầu ngành, sau đó gần như “khoán trắng” cho xã đội thực hiện; công tác tuyên truyền, giáo dục không được tiến hành thường xuyên, cho nên nhiều người không ý thức được trách nhiệm của mình. Trong quá trình tuyển quân, một số nơi chưa đảm bảo sự công bằng, hợp lí... Những hạn chế đó chính là nguyên nhân dẫn đến tình trạng chống lệnh gọi nhập ngũ có nơi, có lúc ngày càng tăng.

Công tác huấn luyện, bồi dưỡng cán bộ dân quân, tự vệ nhìn chung được coi trọng và duy trì thường xuyên. Hằng năm, cơ quan quân sự huyện đều cử cán bộ tham dự các lớp đào tạo, bồi dưỡng do Quân khu và Tỉnh đội tổ chức; đồng thời mở các lớp tập huấn tại chức cho cán bộ cơ sở. Sau mỗi đợt tập huấn, cơ quan quân sự huyện đều tổ chức kiểm tra, đánh giá. Tuy nhiên, năm 1978, do phải tập trung chỉ đạo thi công các công trình thủy lợi, làm đường Bắc Chợ Rã, số cán bộ chính trị lại phải kiêm nhiều việc, nên nhiệm vụ huấn luyện, bồi dưỡng cán bộ chậm được triển khai. Đầu năm 1978, cơ quan quân sự huyện chỉ tổ chức được một lớp bồi dưỡng trong 7 ngày cho 161 cán bộ dân quân, tự vệ (so với chỉ tiêu là 273, đạt 59%). Trong số đó có: 13/25 Xã đội trưởng (51%), 23/23 Xã đội phó (100%), 22/25 cán bộ đại đội và trung đội du kích (88%), 16/75 cán bộ tiểu đội du kích (21%), 7/11 cán bộ tự vệ chiến đấu (65%), 9/17 cán bộ tiểu đội tự vệ chiến đấu (49%), 7/25 cán bộ trinh sát (32%)⁽¹⁾. Đến cuối năm 1978, việc tổ chức huấn luyện cũng mới được tiến hành ở 23/25 cơ sở dân quân (đạt 92%) và 11/14 đơn vị tự vệ (đạt 78%). Tại các cơ sở, việc chuẩn bị giáo án huấn luyện còn sơ sài, có xã không làm được nội dung chương trình cho công tác huấn luyện, phải nhờ Ban chỉ huy quân sự huyện xuống giúp. Những hạn chế này từng bước được khắc phục trong những năm sau.

⁽¹⁾ Ban CHQS huyện Phú Lương: Báo cáo tổng kết công tác quân sự địa phương năm 1978... Tlđđ, tr. 5.

Từ giữa năm 1978, tình hình biên giới phía Bắc ngày càng trở nên căng thẳng do những hoạt động khiêu khích quân sự của địch. Trong tình hình mới, vấn đề nâng cao bản lĩnh chiến đấu của lực lượng vũ trang nhân dân là một yêu cầu rất cấp bách. Do vậy, tháng 11/1978, Ban Bí thư Trung ương Đảng đã ra chỉ thị mở cuộc vận động “Phát huy bản chất tốt đẹp, nâng cao sức mạnh chiến đấu của các lực lượng vũ trang nhân dân”. Cuộc vận động được thực hiện từ ngày 22/12/1978 đến ngày 22/12/1980 với ba nội dung lớn: Một là, rèn luyện, xây dựng, nâng cao sức mạnh chiến đấu. Hai là, phát huy truyền thống quân với dân một ý chí, nêu gương tốt của người quân nhân cách mạng trên mọi lĩnh vực. Ba là, nêu cao tinh thần quốc tế vô sản.

Tình hình mới không chỉ đòi hỏi tăng cường lực lượng sẵn sàng chiến đấu, mà còn phải có sự thống nhất chặt chẽ về lãnh đạo, chỉ đạo, chỉ huy các lực lượng vũ trang địa phương, lực lượng công an và các tầng lớp nhân dân sẵn sàng đập tan mọi âm mưu, hành động gây rối, bạo loạn của các thế lực thù địch trên địa bàn; đồng thời làm nhiệm vụ chiến đấu, phục vụ chiến đấu, chi viện kịp thời cho các tỉnh biên giới. Hội nghị Tỉnh uỷ (họp từ ngày 6 đến ngày 8/7/1978), trên cơ sở đánh giá tình hình và kết quả lãnh đạo, chỉ đạo công tác quân sự địa phương, đã nêu lên 4 nhiệm vụ cụ thể của công tác quân sự địa phương trong tình hình mới:

- Một là, xây dựng, củng cố, nâng cao chất lượng, sức mạnh sẵn sàng chiến đấu của lực lượng vũ trang địa phương.

- Hai là, đẩy mạnh giáo dục chính trị, huấn luyện quân sự, làm cho dân quân, tự vệ luyện tập thành thạo các phương án

tác chiến, sẵn sàng đập tan mọi hành động phá hoại của địch trên địa bàn.

- Ba là, Hoàn thành nhiệm vụ tuyển quân đảm bảo đủ quân số, chất lượng tốt, đúng chính sách.

- Bốn là, đẩy mạnh phong trào “Thi đua quyết thắng”, phấn đấu có nhiều cá nhân và đơn vị đạt danh hiệu “Quyết thắng”.

Sau Hội nghị Tỉnh uỷ, ngày 5/8/1978, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ đã họp và ra nghị quyết thành lập Bộ chỉ huy quân sự thống nhất tỉnh và Ban chỉ huy quân sự thống nhất các cấp từ huyện xuống đến xã.

Thực hiện nghị quyết của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ, tháng 9/1978 Ban chỉ huy quân sự thống nhất huyện được thành lập gồm 5 người, do các đồng chí Phan Công Nhượng (Bí thư Huyện uỷ) làm Chính trị viên, Nguyễn Viết Thạch (Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy quân sự huyện) làm Chỉ huy trưởng. Các đồng chí Chủ tịch Uỷ ban nhân dân huyện và Chính trị viên Ban chỉ huy Quân sự huyện làm Chính trị viên phó, đồng chí Trưởng Công an huyện làm Chỉ huy phó Ban chỉ huy quân sự thống nhất huyện. Ban chỉ huy quân sự thống nhất các xã cũng lần lượt ra đời. Từ sau khi chiến tranh biên giới xảy ra, để chủ động giải quyết kịp thời nhiều tình huống phức tạp, Ban Thường vụ Huyện uỷ quyết định thành lập thêm Ban Tham mưu, Ban Chính trị và Ban Hậu cần để giúp Ban chỉ huy quân sự thống nhất huyện giải quyết một số công việc. Ban Tham mưu gồm có 5 đồng chí, do đồng chí Nguyễn Viết Thạch (Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy quân sự thống nhất huyện) làm

Trưởng ban; Ban Chính trị gồm 9 đồng chí, do đồng chí Mông Văn Ngọc (Chính trị viên Ban chỉ huy quân sự huyện) làm Trưởng ban; Ban Hậu cần gồm 6 đồng chí, do đồng chí Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện làm Trưởng ban.

Sang năm 1979, trước nguy cơ chiến tranh đang đến gần, Ban Bí thư Trung ương Đảng ra Chỉ thị “Tăng cường lực lượng sẵn sàng chiến đấu ở các tỉnh phía Bắc” (ngày 6/1/1979), yêu cầu quân và dân các tỉnh biên giới phía Bắc phải khẩn trương nâng cao trình độ sẵn sàng chiến đấu, sẵn sàng đập tan mọi âm mưu địch lấn chiếm, xâm phạm biên giới của Tổ quốc ta. Ngày 8/1/1979, Thường vụ Quân uỷ Trung ương cũng ra “Chỉ thị sẵn sàng chiến đấu” nêu rõ: “Tất cả các quân khu, quân chủng, binh chủng, đặc biệt là Quân khu I, Quân khu II và các tỉnh biên giới phía Bắc... phải ở trong tư thế sẵn sàng chiến đấu cao nhất...”⁽¹⁾.

Chấp hành các chỉ thị của Ban Bí thư Trung ương Đảng và của Ban Thường vụ Quân uỷ Trung ương, Bộ chỉ huy quân sự tỉnh đã họp (ngày 8/1/1979) và quyết định:

- Chuyển toàn bộ lực lượng vũ trang của tỉnh vào trạng thái sẵn sàng chiến đấu.
- Chuẩn bị tuyển quân xây dựng 2 trung đoàn bộ đội địa phương, thành lập khung 3 trung đoàn dự nhiệm.
- Sẵn sàng làm nhiệm vụ chuyển vũ khí, lương thực, thực phẩm và lực lượng vũ trang chi viện cho các tỉnh Cao Bằng và Lạng Sơn.

⁽¹⁾ Viện LSQS Việt Nam: 55 năm Quân đội nhân dân Việt Nam... Sdd, tr.401, 402.

Ngày 9/1/1979, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ trực tiếp giao nhiệm vụ cụ thể cho các đồng chí lãnh đạo các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể ở tỉnh và uỷ viên Ban Thường vụ các huyện, thành uỷ phụ trách công tác quân sự. Uỷ ban nhân dân tỉnh cũng chỉ thị cho các cấp, các ngành, các cơ quan, đơn vị trong tỉnh phải triển khai ngay công tác chuẩn bị, đáp ứng kịp thời yêu cầu sẵn sàng chiến đấu và chiến đấu chi viện các tỉnh phía Bắc khi có lệnh.

Xuất phát từ tình hình thực tế của địa phương và yêu cầu của nhiệm vụ sẵn sàng chiến đấu, phục vụ chiến đấu, theo chủ trương của Huyện uỷ, công tác tổ chức, chỉ huy, xây dựng lực lượng vũ trang trên địa bàn huyện được chấn chỉnh, củng cố thành một hệ thống hoàn chỉnh từ Ban chỉ huy quân sự thống nhất huyện xuống đến Ban chỉ huy quân sự thống nhất các cơ sở xã, xí nghiệp. Lực lượng vũ trang ở mỗi cơ sở xã, xí nghiệp, nông, lâm trường cũng được tổ chức thành 3 lực lượng: Lực lượng chiến đấu, lực lượng phục vụ chiến đấu, lực lượng bảo vệ dân và tạm lánh.

Lực lượng chiến đấu gồm những người từ 18 đến 45 tuổi đối với nam và từ 18 đến 35 tuổi đối với nữ; được tổ chức thành nhiều đại đội chiến đấu tại chỗ và đại đội cơ động. Các đơn vị chiến đấu được gắn chặt với các đơn vị sản xuất. Đại đội cơ động của xã là Đội 202 của hợp tác xã, lúc bình thường là lực lượng nòng cốt trong sản xuất, lúc có chiến tranh là lực lượng chủ yếu trong chiến đấu. Trong lực lượng chiến đấu có các đội binh chủng chuyên môn, bao gồm:

- Đội đánh xe tăng, có tiểu đội B40 và B41, tiểu đội đánh mìn diệt tăng, tiểu đội làm vật cản, chướng ngại vật, tiểu đội cối 60 mm.

- Đội chuyên môn, có tiểu đội bắn tỉa bằng súng K44 và CKC, tiểu đội đặc công, tiểu đội đánh mìn định hướng, lựu đạn, vũ khí tự tạo...

- Đội phòng không 12,7 mm.

Lực lượng phục vụ chiến đấu có nhiệm vụ chính là chiến đấu tại xã, cơ quan, xí nghiệp để bảo vệ nhân dân, bảo vệ tài sản của xã hội. Trong trường hợp cần thiết, lực lượng này sẽ được cụm chiến đấu điều động chi viện cho các nơi khác. Trong lực lượng phục vụ chiến đấu có Đội chuyên môn, gồm: Tổ trinh sát nắm địch từ xa, Tổ thông tin liên lạc, Tổ cấp cứu tải thương, Tổ bảo đảm an ninh, Tổ tự sửa chữa vũ khí và sản xuất vũ khí tự tạo; Đội vận tải; Đội thông tin, văn hoá, văn nghệ.

Lực lượng bảo vệ và tạm lánh có nhiệm vụ tổ chức và chuẩn bị khu vực tạm lánh cho người, của cải, gia súc; hướng dẫn dân đào hầm cất giấu tài sản của từng hộ gia đình.

Song song với việc triển khai chuẩn bị lực lượng chiến đấu, cơ quan quân sự huyện tham mưu cho Ban Thường vụ Huyện uỷ xây dựng 6 cụm chiến đấu trên toàn huyện:

- Cụm 1, gồm các xã: Nông Hạ, Nông Thịnh, Thanh Bình, Yên Định và Xí nghiệp giấy 62, do các đồng chí Bào Văn Thủy làm Chỉ huy trưởng và Hà Văn Tung làm Chính trị viên.

- Cụm 2, gồm các xã: Yên Cư, Yên Hân, Bình Văn, Như Cố, Quảng Chu, do các đồng chí Trần Xuân Thọ làm Chỉ huy trưởng và Ma Văn Phúc làm Chính trị viên.

- Cụm 3, gồm thị trấn Chợ Mới và các xã Yên Ninh, Yên Trạch, Lâm trường Phú Lương, Xí nghiệp đường, Bệnh viện,

Trường Thanh niên dân tộc, Bưu điện, Ngân hàng, Lương thực, Bách hoá, do các đồng chí Nguyễn Xuân Tình làm Chỉ huy trưởng và Dương Văn Lệ làm Chính trị viên.

- Cụm 4, gồm các xã: Yên Đổ, Phủ Lý, Hợp Thành, Ôn Lương, do các đồng chí Nguyễn Hưng Yên làm Chỉ huy trưởng và Bế Văn Xuân làm Chính trị viên.

- Cụm 5, gồm các xã: Yên Lạc, Phú Đô, Túc Tranh, Động Đạt, Nông trường chăn nuôi, Lương thực và thực phẩm, do các đồng chí Hà Trung Liên làm Chỉ huy trưởng và Hoàng Hồ làm Chính trị viên.

- Cụm 6, gồm thị trấn Giang Tiên và các xã: Phấn Mễ, Vô Tranh, Cổ Lũng, Sơn Cẩm, Mỏ than Phấn Mễ, do các đồng chí Hoàng Công Chính làm Chỉ huy trưởng và Nông Văn Minh làm Chính trị viên.

Mỗi cụm chiến đấu đều xây dựng kế hoạch tác chiến, trong đó thể hiện được quan điểm toàn dân đánh giặc, huy động đông đảo lực lượng chiến đấu, phục vụ chiến đấu; thể hiện tư tưởng tích cực tiến công, kiên cường bám trụ đánh địch. Để đảm bảo yêu cầu chiến đấu tại chỗ, theo sự chỉ đạo của Ban Thường vụ Huyện uỷ, mỗi cơ sở phải được củng cố vững mạnh toàn diện; mỗi xã, mỗi xí nghiệp, cơ quan phải trở thành một cứ điểm vững chắc của cụm, của thể trận chiến tranh nhân dân, phát động được toàn dân đánh giặc, lấy lực lượng dân quân, tự vệ làm nòng cốt, sẵn sàng đánh địch trong mọi tình huống. Mỗi làng, xã, nông, lâm trường, cơ quan, xí nghiệp, trường học... đều phải triệt để lợi dụng địa hình, địa vật, xây dựng thành một cứ điểm chiến đấu, có hầm hào và giao thông hào, có hoả điểm công khai và hoả điểm bí mật, có

hầm cố thủ, hầm chỉ huy, hầm cất giấu lương thực, thực phẩm, vũ khí khí tài, có khu vực cất giấu thương binh, liệt sĩ; hình thành thế trận đánh địch cả phía trước, phía sau, bên sườn, có đường ngầm liên kết từ cứ điểm này đến cứ điểm khác, tạo thành những khu vực tập trung diệt địch tại làng. Đối với các cơ sở hầm mỏ, xí nghiệp, đơn vị kinh tế quan trọng, Ban chỉ huy quân sự thống nhất huyện nhấn mạnh vấn đề xây dựng kế hoạch bảo vệ vững chắc trong mọi tình huống để vừa giữ vững được sản xuất, vừa đánh bại mọi âm mưu, hành động phá hoại của địch; phải chuẩn bị cho mọi cán bộ, công nhân viên vừa là người sản xuất giỏi, vừa là người chiến sĩ chiến đấu kiên cường bảo vệ tài sản của Nhà nước, tính mạng của nhân dân.

Cùng với việc tham gia xây dựng, phát triển kinh tế - văn hoá, trong những năm đầu sau khi kết thúc thắng lợi cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, lực lượng vũ trang nhân dân huyện Phú Lương không ngừng được củng cố và phát triển, luôn nêu cao tinh thần cảnh giác cách mạng, sẵn sàng chiến đấu đập tan mọi âm mưu, hành động chống phá của các thế lực thù địch.

III- Quân và dân huyện Phú Lương phục vụ chiến đấu và chiến đấu bảo vệ biên cương Tổ quốc.

Tiếp theo một loạt hoạt động khiêu khích, rạng sáng ngày 17/2/1979, địch huy động 32 sư đoàn bộ binh với khoảng 60 vạn quân, cùng 500 xe tăng đồng loạt mở cuộc tấn công xâm lược trên toàn tuyến biên giới nước ta, từ Móng Cái (Quảng Ninh) đến huyện Phong Thổ (Lai Châu). Quân và dân các tỉnh biên giới phía Bắc nhanh chóng triển khai lực lượng, trực tiếp chiến đấu bảo vệ toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc.

Là tỉnh hậu phương trực tiếp với các tỉnh biên giới phía Bắc, ngay từ chiều 17/2/1979, chấp hành Mệnh lệnh chiến đấu của Bộ Tư lệnh Quân khu I, theo quyết định của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ và Bộ chỉ huy quân sự thống nhất tỉnh, toàn bộ lực lượng vũ trang địa phương đã ở trong tư thế sẵn sàng chiến đấu. Ngày 18/2/1979, Uỷ ban nhân dân tỉnh ra Thông báo về cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam của địch, kêu gọi nhân dân và các lực lượng vũ trang trong tỉnh “Hãy bình tĩnh, sẵn sàng chuyển mọi hoạt động từ thời bình sang thời chiến, đảm bảo sản xuất và công tác bình thường. Nhanh chóng triển khai các lực lượng trực chiến, sẵn sàng chiến đấu theo phương án của Bộ chỉ huy quân sự tỉnh. Tổ chức tốt công tác phòng không nhân dân, sẵn sàng chi viện sức người, sức của cho các tỉnh phía trước chiến đấu thắng lợi. Tổ chức tốt công tác giao thông, vận tải, thông tin liên lạc và hậu cần”⁽¹⁾.

Trước tình hình mới, các cấp uỷ Đảng, chính quyền và cơ quan quân sự các cấp trên địa bàn huyện tăng cường quán triệt trong cán bộ, đảng viên, nhân dân và lực lượng vũ trang về quan điểm và quyết tâm của Đảng ta, về đường lối đối nội, đối ngoại, đường lối chính trị, quân sự của Đảng. Huyện cũng kịp thời thông báo tin chiến thắng của quân và dân ta ở biên giới nhằm làm cho mọi tầng lớp nhân dân và lực lượng vũ trang nhân dân địa phương vững tin vào thắng lợi. Trên cơ sở đó, xác định trách nhiệm và quyết tâm cao của mỗi người trong

⁽¹⁾ Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Thái Nguyên: Lịch sử lực lượng vũ trang nhân dân tỉnh Thái Nguyên (1975 - 2000). Xb 2004, tr. 88, 89.

công tác, lao động sản xuất, sẵn sàng chiến đấu và phục vụ chiến đấu.

Hành động gây chiến tranh xâm lược của địch đối với đồng bào ta ở các tỉnh biên giới phía Bắc đã tác động mạnh đến tư tưởng và tình cảm của cán bộ, đảng viên và nhân dân các dân tộc huyện Phú Lương. Mọi người dân trong huyện thuộc các lứa tuổi đều mong muốn được góp sức mình, sát cánh cùng quân và dân các tỉnh biên giới chiến đấu chống quân xâm lược. Đảng bộ huyện chủ trương phát huy sức mạnh của lực lượng thanh niên với phong trào “Ba xung kích làm chủ tập thể”.

Ý thức được trách nhiệm của mình, hưởng ứng chủ trương của Đảng bộ, 4.000 đoàn viên, thanh niên trong huyện đăng ký sẵn sàng nhận nhiệm vụ khi có lệnh; trên 400 đoàn viên thanh niên được huy động tham gia lao động với 10.000 ngày công xây dựng phòng tuyến tại huyện Na Rì (Bắc Kạn)⁽¹⁾. Ngoài ra, lực lượng đoàn viên thanh niên còn đảm nhận công việc xây dựng hệ thống hầm, hào, phòng tuyến chiến đấu ở các xã, các cơ quan, đơn vị, trường học...

Ngay sau khi xảy ra cuộc chiến tranh biên giới, huyện Phú Lương đã khẩn trương thành lập 1 tiểu đoàn dân quân du kích gồm 500 cán bộ, chiến sĩ đi xây dựng công trình phòng thủ đèo Áng Toòng (huyện Na Rì). Sau một thời gian lao động, Tiểu đoàn đã xây dựng được 79 hầm kè, 4 đài quan sát, 20 hố bắn của đại liên, 31 hầm chứa súng đạn, 240 hố bắn cá nhân, 1

⁽¹⁾ Dẫn theo: Lịch sử Đảng bộ huyện Phú Lương. Tập 2... Sdd, tr. 199.

hố ĐKZ, 2 trận địa cối 82, 2.180 mét chiến hào...⁽¹⁾. Trong thời gian xây dựng công trình phòng thủ, cán bộ, chiến sĩ Tiểu đoàn đã chấp hành nghiêm mệnh lệnh, được cấp trên tặng 1 lá cờ Chiến thắng quân xâm lược, 1 Bằng khen; 2 đại đội được tặng Bằng khen; hơn 100 cán bộ, chiến sĩ được tặng Giấy khen; 100% cán bộ và chiến sĩ được cấp trên công nhận hoàn thành nhiệm vụ⁽²⁾. Cùng thời gian này, huyện tiến hành 2 đợt tuyển quân bổ sung cho bộ đội thường trực, vượt chỉ tiêu 1%; đồng thời gọi một số quân nhân phục viên trở lại quân đội⁽³⁾.

Cùng với việc huy động sức người trực tiếp tham gia chiến đấu và phục vụ chiến đấu chống quân xâm lược, nêu cao truyền thống thương yêu đùm bọc lẫn nhau, “lá lành đùm lá rách, lá rách ít đùm lá rách nhiều”, quân và dân huyện Phú Lương còn vận động quần góp tiền bạc, lương thực, thực phẩm, v.v... ủng hộ đồng bào các tỉnh biên giới phía Bắc. Ngay sau khi ngừng tiếng súng trên tuyến biên giới, quân và dân các dân tộc huyện Phú Lương đã ủng hộ đồng bào tỉnh Cao Bằng 6.042,8 mét phiếu vải, 28.335,05 đồng⁽⁴⁾, 14.082,1 kg thóc, 1.013,5 kg gạo, 775,3 kg ngô hạt, 79 kg sắn lát khô, 4.699 kg sắn tươi. Riêng hai hợp tác xã Ôn Lương và Yên

⁽¹⁾ Ban CHQS huyện Phú Lương: Báo cáo sơ kết 6 tháng năm 1979. Số 70/BC - Ngày 19/6/1979, tr. 5.

⁽²⁾ Ban CHQS huyện Phú Lương: Báo cáo về việc thực hiện cuộc vận động lớn năm 1979 và kế hoạch đẩy mạnh cuộc vận động năm 1980. Số 123/BC - Ngày 2/4/1980, tr. 2.

⁽³⁾ Ban CHQS huyện Phú Lương: Báo cáo tình hình triển khai công tác xây dựng tuyến phòng thủ trong giai đoạn I ở một số xã trọng điểm trong huyện. Số 53/BC - Ngày 20/4/1979, tr. 1.

⁽⁴⁾ Một đồng lúc đó bằng 1.000 đồng hiện nay.

Trạch ủng hộ 2.000 kg thóc giống⁽¹⁾. Lâm trường Phú Lương cùng với các đơn vị bạn (Công ti Vật liệu xây dựng và chất đốt, Công ti Xây dựng nhà ở Bắc Thái, Công ti Xây dựng dân dụng Gang thép, Công ti Xây lắp Luyện kim) đã khai thác, sản xuất vật liệu, vận chuyển và xây dựng xong 10.000 m² nhà ở chuyển giao cho các cơ quan tỉnh Cao Bằng sử dụng⁽²⁾. Ngoài ra, huyện còn đưa lên Cao Bằng 120.000 tàu lá cọ, 29.053 cây tre, nứa, 56 tấm ván gỗ và một số nông cụ giúp đồng bào khắc phục hậu quả chiến tranh⁽³⁾. Nhiều bà con các dân tộc đến sơ tán từ Cao Bằng, Lạng Sơn cũng được quân và dân địa phương chia sẻ từng căn nhà, ruộng vườn, nông cụ... Sự giúp đỡ chân tình, chu đáo của các cấp bộ Đảng, chính quyền, của quân và dân huyện Phú Lương đã giúp đồng bào sơ tán nhanh chóng ổn định cuộc sống.

Công tác củng cố, tăng cường lực lượng dân quân, tự vệ có nhiều chuyển biến rõ rệt. Trong năm 1979, lực lượng dân quân chiếm 12,5% tổng số dân của huyện, tăng 2,5% so với năm 1978; lực lượng tự vệ chiếm 50,2% tổng số cán bộ công nhân viên⁽⁴⁾. Các cấp chỉ huy lực lượng dân quân, tự vệ đều do cấp uỷ viên hoặc đảng viên phụ trách. Lực lượng dân quân, tự vệ được củng cố tổ chức theo ba bộ phận: Chiến đấu, phục vụ chiến đấu và tạm lánh. Trong dân quân có nhiều đại đội, trung đội chiến đấu cơ động và chiến đấu tại chỗ, các đơn vị được

⁽¹⁾ Dẫn theo Lịch sử Đảng bộ huyện Phú Lương. Tập 2... Sdd, tr. 200.

⁽²⁾ Bộ CHQS tỉnh Thái Nguyên: Lịch sử lực lượng vũ trang nhân dân... Sdd, tr. 124.

⁽³⁾ theo Lịch sử Đảng bộ huyện Phú Lương. Tập 2... Sdd, tr. 200.

⁽⁴⁾ Bộ CHQS tỉnh Bắc Thái: Bản nhận xét hoàn thành nhiệm vụ năm 1979 và giao nhiệm vụ công tác năm 1980. Số 14/B-TN - Ngày 14/1/1980, tr. 1.

giao nhiệm vụ cụ thể. Một số bộ phận đã phát huy tinh thần chủ động, tích cực, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

Nhằm nâng cao trình độ sẵn sàng chiến đấu, Ban chỉ huy quân sự huyện đã tổ chức các đợt tập huấn cho cán bộ cơ sở trong toàn huyện về kỹ thuật, chiến thuật. Các đơn vị dân quân ở các xã, các đơn vị tự vệ trong các cơ quan, xí nghiệp... đều được tổ chức huấn luyện. Kết quả huấn luyện các đơn vị đều đạt yêu cầu.

Việc xây dựng trận địa phòng thủ cũng được triển khai rộng rãi. Căn cứ vào tình hình tác chiến chống quân xâm lược ở các tỉnh biên giới phía Bắc, quán triệt tinh thần Chỉ thị số 67-TW (ngày 1/3/1979) của Ban Bí thư Trung ương Đảng và Chỉ thị số 80/CT (ngày 3/3/1979) của Bộ chỉ huy quân sự thống nhất tỉnh, Ban chỉ huy quân sự thống nhất huyện đã tiến hành chỉ đạo công tác xây dựng tuyến phòng thủ trong giai đoạn I ở một số xã trọng điểm. Xuất phát từ ý đồ tác chiến, đặc điểm về địa hình và khả năng thực tế của địa phương, Ban chỉ huy quân sự thống nhất huyện đã tham mưu cho Ban Thường vụ Huyện uỷ tổ chức thực hiện xây dựng công trình phòng thủ tại 3 xã: Nông Hạ, Thanh Bình từ ngày 19/3 đến 30/3/1979 và xã Yên Cư từ ngày 1 đến ngày 10/4/1979.

Dưới sự lãnh đạo của Huyện uỷ, công tác giáo dục chính trị tư tưởng được đẩy mạnh nhằm làm cho mọi cán bộ, đảng viên, quần chúng, và chiến sĩ lực lượng vũ trang nhân dân trên địa bàn huyện nhận thức rõ mục đích, yêu cầu của nhiệm vụ xây dựng trận địa phòng thủ nội địa. Nhờ đó, ngay từ khi huyện giao nhiệm vụ, các xã đều phát động phong trào thi đua

với tinh thần “Không có gì quý hơn độc lập tự do”, kịp thời huy động mọi lực lượng tham gia xây dựng tuyến phòng thủ tại địa phương. Điều đáng chú ý là, lực lượng xây dựng tuyến phòng thủ ở các xã không chỉ có nam, nữ dân quân du kích, mà còn có cả ông, bà già 50, 60 tuổi hăng hái tình nguyện tham gia, trở thành tấm gương cho con cháu noi theo.

Nhìn chung, công tác lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng tuyến phòng thủ tại các xã đạt kết quả tốt: “Thời gian đảm bảo, khối lượng đạt cao, chất lượng cơ bản là tốt, tiết kiệm được ngày công, bảo đảm an toàn trong lao động, bảo đảm xây dựng tuyến phòng thủ với việc hoàn thành tốt vụ sản xuất đông - xuân...”⁽¹⁾.

Đạt được kết quả trên là do các cấp uỷ Đảng, chính quyền và Ban chỉ huy quân sự thống nhất từ huyện xuống đến xã đã nắm vững phương án tác chiến, có kế hoạch chủ động đánh địch tại chỗ để bảo vệ nhân dân. Các ngành, các giới đã phát huy được vai trò của mình trong việc vận động quần chúng tham gia.

Tuy nhiên, trong quá trình lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng tuyến phòng thủ ở các xã, có nơi, có lúc phân công lao động chưa hợp lý, tổ chức chưa chặt chẽ, dẫn đến tình trạng lãng phí công lao động. Ban chỉ huy quân sự xã chưa biết kết hợp tốt giữa lao động với công tác huấn luyện. Ở một số nơi, dân quân du kích chưa thực sự làm nòng cốt trong lao động.

⁽¹⁾ Ban CHQS huyện Phú Lương: Báo cáo tình hình triển khai công tác xây dựng tuyến phòng thủ giai đoạn I... Tlđd, tr. 3.

Nguyên nhân dẫn đến những hạn chế trên trước hết là do một số cán bộ, đảng viên, dân quân du kích chưa quán triệt đầy đủ và sâu sắc tình hình, nhiệm vụ, chưa hiểu rõ mục đích việc làm, nên thiếu tinh thần tích cực, tự giác trong lao động. Mặt khác, công tác tuyên truyền, giáo dục chính trị trong nhân dân có nơi chưa được thường xuyên và sâu sắc.

Nhằm khắc phục những hạn chế, thiếu sót trong chỉ đạo xây dựng phòng tuyến giai đoạn I, căn cứ vào phương án tác chiến chung và đặc điểm tình hình cụ thể của địa phương, Ban chỉ huy quân sự thống nhất huyện đã vạch kế hoạch cụ thể để tiếp tục triển khai việc xây dựng công trình phòng thủ nội địa tại các xã trong toàn huyện. Theo kế hoạch của Ban chỉ huy quân sự thống nhất huyện, nhiệm vụ cụ thể của từng xã, thị trấn được xác định như sau:

- Dọc theo trục Đường số 3:

+ Xã Nông Hạ xây dựng Cao điểm 175, phía tây bắc cầu 62 và điểm núi đá bên kia sông Cầu, thuộc phía đông bắc cầu 62.

+ Xã Nông Thịnh xây dựng trận địa dọc theo dãy núi giáp Khe Lắc từ dưới lên và phía bắc cầu Khuổi Luông (chân Cao điểm 171).

+ Thị trấn Chợ Mới xây dựng Cao điểm Bắc Chợ Mới.

+ Xã Thanh Bình hoàn chỉnh theo sơ đồ phòng thủ của xã.

+ Xã Yên Định xây dựng trận địa theo dãy núi Áng Ông, giáp xã Thanh Bình, Cao điểm Bắc Chợ Mới, Cao điểm 175 và cao điểm Đông của xã.

+ Xã Yên Ninh trước mắt xây dựng trận địa tại Cao điểm 100, phía Tây cầu Ổ Gà và phía sau Xí nghiệp đường.

+ Xã Yên Đỗ xây dựng trận địa tại đèo Thành Nhà Mạc và ngã 3 kilômét 31.

+ Xã Động Đạt xây dựng trận địa tại khu dọc dốc núi Phấn.

+ Thị trấn Giang Tiên xây dựng trận địa tại Cao điểm 50, phía nam cầu Giang Tiên.

+ Xã Cổ Lũng xây dựng phòng tuyến tại ngã 3 Bờ Đâu.

+ Xã Sơn Cẩm xây dựng phòng tuyến tại ngã 3 Sơn Cẩm.

- Dọc ranh giới phía đông Phú Lương:

+ Xã Yên Cư chốt đường mòn Yên Cư đi Đồng Xá - Liêm Thủy.

+ Xã Yên Hân chốt đường mòn Yên Hân đi Sảng Mộc.

+ Xã Quảng Chu chốt đường mòn Bản Đén đi Pắc Đạt.

+ Xã Phú Đô chốt Cao điểm 245 (Phú Đô đi xã Hoà Bình, huyện Võ Nhai).

Ngoài các điểm trên, Ban chỉ huy quân sự thống nhất huyện chỉ đạo các xã khác xây dựng tuyến phòng thủ dựa theo phương án tác chiến và địa hình cụ thể của từng xã. Tính chung trong năm 1979, lực lượng dân quân, tự vệ toàn huyện đã đào được 28.690 mét chiến hào. Mỗi khu vực có một điểm chiến đấu với một lực lượng thích hợp. Chẳng hạn, tại xã Nông Hạ - cầu 62, điểm chiến đấu có 1 đại đội; tại các xã Thanh Bình, Yên Định, Nông Thịnh, điểm chiến đấu có 1 tiểu

đoàn; khu vực Chợ Mới, điểm chiến đấu có 1 trung đội; khu vực Bằng Ninh, Xí nghiệp đường, điểm chiến đấu có 1 đại đội; khu vực Sơn Cẩm, điểm chiến đấu có 1 đại đội, v.v...

Chế độ trực chỉ huy, trực chiến được duy trì thường xuyên và đảm bảo 100% quân số trực. Lực lượng dân quân, tự vệ tích cực tuần tra, canh gác; phối hợp với lực lượng công an tham gia giữ gìn trật tự trị an, truy quét bọn tội phạm. Nhờ đó, tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn huyện được giữ vững.

Những thành tích đạt được trong chiến đấu, phục vụ chiến đấu chống quân xâm lược cũng như trong huấn luyện đã chứng tỏ lực lượng vũ trang nhân dân huyện Phú Lương từng bước trưởng thành cả về số lượng và chất lượng.

IV- Phòng chống có hiệu quả chiến tranh phá hoại nhiều mặt của địch và tham gia xây dựng, phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương.

Sau hơn 1 tháng tiến hành chiến tranh xâm lược trên toàn tuyến biên giới nước ta, do bị giáng trả những đòn quyết liệt, lại bị dư luận trong nước và thế giới lên án mạnh mẽ, ngày 18/3/1979, toàn bộ quân xâm lược đã phải rút về nước. Trong thắng lợi chung của quân và dân ta, có một phần đóng góp về sức người, sức của của quân và dân huyện Phú Lương.

Mặc dù đã đập tan hai cuộc chiến tranh xâm lược biên giới ở phía Tây Nam và phía Bắc, quân và dân ta vẫn phải đối phó với cuộc chiến tranh phá hoại nhiều mặt của các thế lực thù địch. Bước vào năm 1980, năm có nhiều sự kiện lớn ở trong nước: Kỷ niệm 50 năm ngày thành lập Đảng (3/2), 90 năm

ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh (19/5), 35 năm ngày thành lập nước Việt Nam dân chủ cộng hoà (2/9). Năm 1980 cũng là năm cuối cùng, có tính chất quyết định trong việc thực hiện Kế hoạch Nhà nước 5 năm (1976 - 1980) do Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng thông qua. Đối với cán bộ, đảng viên, nhân dân và lực lượng vũ trang nhân dân huyện Phú Lương, năm 1980 là năm bắt đầu thực hiện các nhiệm vụ, mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội nhiệm kỳ 1980 - 1981 do Đại hội đại biểu lần thứ XIV (1/1980) của Đảng bộ huyện đề ra.

Trong hoàn cảnh mới, các cấp uỷ Đảng, chính quyền và cơ quan quân sự từ huyện xuống đến xã đã tăng cường công tác giáo dục chính trị tư tưởng trong cán bộ, đảng viên và quần chúng. Ban chỉ huy quân sự huyện chỉ đạo tổ chức cho cán bộ và chiến sĩ học tập và rèn luyện theo chương trình quy định về quân sự, chính trị; đồng thời tổ chức giáo dục, tuyên truyền trong nhân dân các kiến thức cơ bản về quân sự hoá toàn dân, vũ trang toàn dân.

Lực lượng dân quân, tự vệ tiếp tục được củng cố và phát triển. Đến cuối năm 1980, toàn huyện có 10.488 cán bộ, chiến sĩ dân quân, tự vệ (tăng hơn 564 người so với năm 1979); trong đó có 8.551 dân quân (chiếm 15,7% so với tổng số dân), 1.937 cán bộ, chiến sĩ tự vệ (chiếm 61,1% so với tổng số cán bộ công nhân viên); được biên chế thành 48 đại đội, 75 trung đội và 178 tiểu đội. Trong số 10.488 cán bộ, chiến sĩ dân quân, tự vệ, có 755 đảng viên, 2.731 đoàn viên, 965 quân nhân phục viên và 3.855 nữ. Lực lượng chiến đấu toàn huyện có 5.392 cán bộ, chiến sĩ (chiếm 51,3% so với tổng quân số); trong đó lực lượng chiến đấu cơ động có 1.678 người, lực

lượng chiến đấu tại chỗ có 2.683 người, quân số hỏa lực có 217 người, tác chiến đảm bảo có 808 người. Lực lượng phục vụ chiến đấu có 3.691 cán bộ, chiến sĩ (chiếm 35,2% so với tổng quân số), không kể lực lượng ngoài dân quân du kích. Lực lượng bảo vệ, tạm lánh có 1.405 cán bộ, chiến sĩ (chiếm 13,4% so với tổng quân số)⁽¹⁾.

Trong tình hình phải đối phó với kiểu chiến tranh phá hoại nhiều mặt của các thế lực thù địch, vấn đề giáo dục ý thức cảnh giác cách mạng, sẵn sàng chiến đấu trong các lực lượng vũ trang cần phải được đề cao. Vì vậy, ngày 22/3/1980, Bộ Quốc phòng ra Chỉ lệnh sẵn sàng chiến đấu, nhấn mạnh: "Các lực lượng vũ trang phải hết sức đề cao cảnh giác. Từng ngày, từng giờ, từng phút phải luôn luôn sẵn sàng chiến đấu, kịp thời đánh bại mọi âm mưu và hành động phá hoại của địch, hoàn thành nhiệm vụ của lực lượng vũ trang: bảo vệ Tổ quốc, tích cực tham gia xây dựng kinh tế và nghĩa vụ quốc tế"⁽²⁾. Thực hiện Chỉ lệnh của Bộ Quốc phòng, dưới sự lãnh đạo của Huyện uỷ, Ban chỉ huy quân sự huyện đã tổ chức tập huấn về 4 trạng thái sẵn sàng chiến đấu; tổ chức huấn luyện cho cán bộ, chiến sĩ lực lượng dân quân, tự vệ. Kết quả huấn luyện 100% số đơn vị đạt yêu cầu, trong đó có 87% số đơn vị đạt loại giỏi⁽³⁾.

⁽¹⁾ Ban CHQS huyện Phú Lương: Báo cáo tổng kết công tác xây dựng lực lượng dân quân tự vệ năm 1980. Số 85/A-DQ - Ngày 6/10/1980, tr. 2.

⁽²⁾ Viện LSQS Việt Nam: 55 năm Quân đội nhân dân Việt Nam. NXB QĐND, Hà Nội 1999, tr. 413.

⁽³⁾ Huyện uỷ Phú Lương: Nghị quyết Hội nghị Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Phú Lương về phương hướng, nhiệm vụ kinh tế và xã hội năm 1981. Số 8 NQ/HU - Ngày 12/6/1981, tr. 4.

Chấp hành Nghị quyết ngày 29/5/1980 của Thường vụ Quân uỷ Trung ương và Quyết định (số 580/QĐ-QP) ngày 30/9/1980 của Bộ Quốc phòng, từ ngày 1/10/1980, Ban chỉ huy quân sự huyện Phú Lương chuyển sang thực hiện chế độ một người chỉ huy. Các đồng chí Trần Ngọc Cảnh giữ chức Chỉ huy trưởng, Nguyễn Phúc Huyền giữ chức Chỉ huy phó Chính trị, Hoàng Cười giữ chức Chỉ huy phó Tham mưu trưởng. Với cơ chế mới, vai trò trách nhiệm của Chỉ huy trưởng các cơ quan quân sự trên địa bàn huyện được nâng cao, sự chỉ đạo đối với các mặt công tác quân sự được triển khai nhanh chóng, kịp thời hơn trước.

Ngày 9/2/1981, Ban Bí thư Trung ương Đảng ra Chỉ thị số 105/CT-TW tiếp tục thực hiện cuộc vận động “Phát huy bản chất tốt đẹp, nâng cao sức mạnh chiến đấu của các lực lượng vũ trang nhân dân” trong hai năm 1984 - 1985 với những nội dung và yêu cầu mới:

- Ý chí mạnh, trách nhiệm cao, kỉ luật nghiêm, đoàn kết tốt.
- Nâng cao trình độ, năng lực lãnh đạo, tổ chức, chỉ huy, quản lí, xây dựng cơ sở vững mạnh.
- Nâng cao ý thức và năng lực làm chủ vũ khí, trang bị kĩ thuật, cơ sở vật chất.
- Đoàn kết quân dân, đoàn kết quốc tế tốt.
- Tổ chức tốt đời sống vật chất, tinh thần cho bộ đội.

Nghị quyết Hội nghị Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Phú Lương (ngày 12/6/1981) cũng nêu rõ phương hướng nhiệm vụ

của Đảng bộ là “Tăng cường công tác quân sự địa phương, thực hiện cuộc vận động “Phát huy bản chất tốt đẹp, nâng cao sức mạnh chiến đấu của lực lượng vũ trang”, triển khai phương án phối kết hợp giữa lực lượng vũ trang địa phương với các đơn vị bộ đội chủ lực đóng trên địa bàn huyện, tổ chức huấn luyện sẵn sàng chiến đấu và phục vụ chiến đấu bảo vệ Tổ quốc, tăng cường cảnh giác, đập tan mọi luận điệu chiến tranh tâm lý của kẻ thù, hoàn thành nghĩa vụ tuyển quân”⁽¹⁾.

Thực hiện Chỉ thị của Ban Bí thư Trung ương và Nghị quyết của Huyện uỷ, hằng năm lực lượng vũ trang địa phương đều tiến hành báo động kiểm tra sẵn sàng chiến đấu. Cán bộ dân quân, tự vệ được bồi dưỡng tập huấn theo chương trình của Bộ chỉ huy quân sự tỉnh. Hầu hết các cơ sở xã và đơn vị tự vệ đều được tổ chức huấn luyện về kĩ, chiến thuật chiến đấu. Tuy nhiên, ở một số xã yếu kém, việc tổ chức huấn luyện không đều, thường chỉ được triển khai trong các đơn vị chiến đấu cơ động. Một số đơn vị chuyên môn, binh chủng bảo đảm (Thông tin, Cứu thương, Công binh...) chưa có chương trình cụ thể riêng, nên vẫn phải tham gia huấn luyện tập trung cùng với lực lượng dân quân toàn xã.

Công tác động viên tuyển quân được các cấp ủy Đảng và chính quyền địa phương quan tâm, coi đó là nhiệm vụ chính trị trung tâm. Ngày 31/12/1981, tại kì họp lần thứ 2 Quốc hội khoá VII đã thông qua Luật nghĩa vụ quân sự và Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam. Đến ngày 10/1/1982, Hội đồng

⁽¹⁾ Huyện uỷ Phú Lương: Nghị quyết Hội nghị Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Phú Lương về phương hướng nhiệm vụ kinh tế và xã hội năm 1981..., Tlđd, tr. 12.

Nhà nước công bố 2 đạo luật này thay cho Luật nghĩa vụ quân sự năm 1960, các luật sửa đổi, bổ sung năm 1962, 1965 và Luật về chế độ phục vụ của sĩ quan quân đội nhân dân năm 1958.

Luật Nghĩa vụ quân sự và Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam được ban hành nhằm phát huy truyền thống yêu nước, thực hiện quyền làm chủ của nhân dân, tạo điều kiện cho công dân Việt Nam làm tròn nghĩa vụ quân sự, góp phần xây dựng quân đội nhân dân chính quy, hiện đại, tăng cường quốc phòng, hoàn thành nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, xác định trách nhiệm, nâng cao ý chí chiến đấu, tính tổ chức và kỉ luật của Quân đội nhân dân Việt Nam.

Hầu hết các cơ sở dân quân, tự vệ, các tổ chức Đảng, chính quyền và đoàn thể quần chúng đều được tổ chức học tập Luật nghĩa vụ quân sự. Thông qua đó, nhận thức của cán bộ, đảng viên và nhân dân, nhất là thanh niên, về trách nhiệm và nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc được nâng lên một bước. Một số cơ sở có truyền thống làm tốt công tác gọi thanh niên nhập ngũ tiếp tục giữ vững và phát huy tác dụng nhân điển hình trong toàn huyện. Tính chung trong 5 năm (1979 - 1983), toàn huyện Phú Lương đã tuyển được 2.125 thanh niên có đủ tiêu chuẩn bổ sung cho các đơn vị bộ đội chủ lực, hoàn thành chỉ tiêu trên giao⁽¹⁾.

Bước sang năm 1985 - năm có nhiều ngày lễ lớn ở trong nước, công tác động viên, tuyển quân đã được các cấp uỷ,

⁽¹⁾ Ban CHQS huyện Phú Lương; Báo cáo tổng kết công tác quân sự địa phương 5 năm 1979 -1983. Số 09/BC - Ngày 30/6/1984, tr. 5.

chính quyền từ huyện xuống đến cơ sở đặc biệt coi trọng. Ban Động viên cơ quan quân sự huyện đã làm đầy đủ mọi chức năng của mình, thể hiện là một cơ quan tham mưu đắc lực cho Huyện uỷ, kịp thời đề ra những phương hướng, nhiệm vụ cụ thể để chỉ đạo công tác động viên, tuyển quân đến tận cơ sở. Nhờ vậy, trong năm 1985 toàn huyện đã giao quân được 600 người, đạt 100% so với chỉ tiêu. Một số xã (Nông Hạ, Yên Đỗ, Yên Lạc) vượt chỉ tiêu tuyển quân 105%. Bên cạnh đó, một số đơn vị đạt tỉ lệ quá thấp so với chỉ tiêu được giao: Xã Quảng Chu giao được 13/25 (52%), xã Như Cố giao được 9/13 (69,2%), xã Yên Ninh giao được 15/25 (60%)⁽¹⁾.

Cùng với việc động viên tuyển quân, công tác quản lí quân dự bị cũng là một trong những nhiệm vụ quan trọng và thường xuyên của cơ quan quân sự. Hằng năm, cơ quan quân sự huyện đều tiến hành đăng kí số quân nhân phục viên, xuất ngũ sau khi đã hoàn thành nhiệm vụ. Trong 5 năm, từ năm 1979 đến năm 1983, cơ quan quân sự huyện đã tiếp nhận 1.491 quân nhân phục viên trở về địa phương. Đến năm 1983, huyện Phú Lương đã xây dựng được 1 tiểu đoàn dự bị động viên, gồm 389 cán bộ và chiến sĩ, trong đó có 23 sĩ quan. Trong năm này, Ban chỉ huy quân sự huyện đã tiến hành tập dượt động viên 2 đợt. Đợt 1 được tổ chức tại xã Hợp Thành, phát 73 lệnh, có mặt 69 người, vắng 4 trường hợp, trong đó 2 trường hợp có lí do; đạt 90%. Đợt 2 được tiến hành tại xã Động Đạt, phát lệnh 100, có mặt 57, vắng 43 trường hợp,

⁽¹⁾ Ban CHQS huyện Phú Lương: Báo cáo công tác động viên tuyển quân năm 1985. Ngày 28/11/1985, tr. 3.

trong đó có 20 lệnh không có người nhận và 23 trường hợp không có lí do; đạt tỉ lệ 57%⁽¹⁾. Kết quả này cho thấy công tác quản lí quân dự bị còn có nhiều thiếu sót. Do nhận thức còn hạn chế hoặc ý thức tổ chức kỉ luật kém, một số quân nhân sau khi hoàn thành nhiệm vụ trở về địa phương đã không đến cơ quan quân sự huyện đăng kí. Cá biệt một số cán bộ, chiến sĩ quân nhân phục viên, xuất ngũ về địa phương tự cho rằng đã hoàn thành nhiệm vụ nên không đến tập trung khi có lệnh. Mặt khác, công tác phúc tra của cơ quan quân sự từ huyện xuống đến cơ sở thiếu cụ thể và thường xuyên, dẫn đến trường hợp một số lệnh phát ra không có người nhận.

Nhằm khắc phục những hạn chế, thiếu sót trên, từ năm 1984, nhất là từ năm 1985 trở đi, công tác đăng kí và động viên quân dự bị được tiến hành chặt chẽ, tỉ mỉ và chu đáo hơn. Trong năm 1985, cơ quan quân sự huyện đã tổ chức tốt việc đăng kí ngạch dự bị bao gồm toàn bộ những quân nhân phục viên, xuất ngũ cùng toàn bộ phương tiện kĩ thuật. Số quân nhân nằm trong độ tuổi dự bị và những quân nhân có chuyên môn kĩ thuật phục vụ cho yêu cầu quốc phòng đã được đăng kí⁽²⁾.

Không chỉ nắm chắc khả năng nguồn động viên cả về số lượng và chất lượng ở từng cơ sở, đến năm 1985, Ban chỉ huy quân sự huyện còn bước đầu triển khai xây dựng kế hoạch động viên cho từng giai đoạn và biên chế, sắp xếp nguồn động viên cho từng đơn vị. Cơ quan quân sự huyện đã sắp xếp hoàn

⁽¹⁾ Ban CHQS huyện Phú Lương: Báo cáo tổng kết công tác quân sự địa phương 5 năm 1979 - 1983... Tlđd, tr. 6.

⁽²⁾ Ban CHQS huyện Phú Lương: Báo cáo công tác động viên tuyển quân năm 1985... Tlđd, tr. 4.

chỉnh 1 tiểu đoàn dự nhiệm của huyện, bao gồm 26 sĩ quan và 249 hạ sĩ quan, chiến sĩ; sắp xếp nguồn động viên cho Cục Kỹ thuật được 335 hạ sĩ quan, chiến sĩ⁽¹⁾.

Giáo dục ý thức quốc phòng toàn dân là một trong những nội dung quan trọng để phòng, chống có hiệu quả cuộc chiến tranh phá hoại nhiều mặt của kẻ thù. Vì vậy, ngày 23/8/1981, Ban Bí thư Trung ương Đảng ra Chỉ thị: “Tăng cường công tác giáo dục quốc phòng nhân dân chuẩn bị cho thế hệ trẻ sẵn sàng làm nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc” nhằm thực hiện ba mục tiêu:

- Một là, tạo ra một lực lượng hậu bị hùng hậu vừa có khả năng sẵn sàng chiến đấu tại chỗ, vừa nhanh chóng bổ sung cho quân đội chính quy khi cần thiết.

- Hai là, rút ngắn thời gian huấn luyện của bộ đội chủ lực, nâng cao chất lượng và trình độ sẵn sàng chiến đấu.

- Ba là, giáo dục đạo đức cách mạng; đào tạo, bồi dưỡng nhân viên kỹ thuật, sĩ quan dự bị cho các lực lượng vũ trang, tạo nguồn nhân viên kỹ thuật cho các ngành kỹ thuật, phát hiện và bồi dưỡng nhân tài đất nước.

Thực hiện chỉ thị của Ban Bí thư Trung ương, dưới sự lãnh đạo của các cấp uỷ Đảng, cơ quan quân sự từ huyện xuống đến xã tiếp tục bổ sung, từng bước hoàn thiện phương án phòng thủ, xây dựng huyện thành pháo đài vững chắc, hình thành thế trận chiến tranh nhân dân, kiên quyết đập tan mọi âm mưu, thủ đoạn phá hoại của các thế lực thù địch.

⁽¹⁾ Ban CHQS huyện Phú Lương: Báo cáo công tác động viên tuyển quân năm 1985... Tlđd, tr. 4.

Ngày 20/12/1984, Ban Chấp hành Trung ương Đảng ra Nghị quyết số 23/NQ-TW “Về công tác xây dựng cấp huyện và tăng cường cấp huyện, bảo đảm an ninh quốc phòng vững mạnh”. Nghị quyết nêu rõ: “Tăng cường xây dựng pháo đài quân sự và an ninh trên địa bàn huyện. Kết hợp kinh tế với quốc phòng, xây dựng thế trận làm chủ của chiến tranh nhân dân, tổ chức lực lượng lao động sản xuất đồng thời là lực lượng quốc phòng, bảo đảm chiến đấu và hậu cần tại chỗ, bảo đảm an ninh chính trị, trật tự xã hội. Làm tốt việc giáo dục chính trị tư tưởng về quốc phòng toàn dân, xây dựng lực lượng dân quân, tự vệ, quản lý quân dự bị, xây dựng mạng lưới an ninh nhân dân vững mạnh, trong sạch về chính trị và tổ chức”⁽¹⁾.

Nhờ nhận thức đúng đắn tình hình, nhiệm vụ cách mạng trong giai đoạn mới và do quán triệt tốt tinh thần Nghị quyết 23 của Trung ương Đảng, công tác quân sự địa phương nói chung, xây dựng pháo đài quân sự và an ninh nói riêng trên địa bàn huyện Phú Lương có nhiều chuyển biến. Các chế độ sẵn sàng chiến đấu được duy trì chặt chẽ, thường xuyên hơn. Kế hoạch phòng thủ cơ bản của huyện được bổ sung phù hợp với tình hình, đặc điểm từng khu vực. Kế hoạch triển khai Chỉ lệnh sẵn sàng chiến đấu bước đầu được thực hiện...

Trong những năm chống chiến tranh phá hoại nhiều mặt của các thế lực thù địch, lực lượng vũ trang Phú Lương không chỉ tham gia huấn luyện sẵn sàng chiến đấu, mà còn tiếp tục phát huy vai trò nòng cốt trong lao động sản xuất. Dân quân

⁽¹⁾ Viện LSQS Việt Nam: 55 năm Quân đội nhân dân Việt Nam... Sdd, tr. 449, 450.

nhiều xã tích cực lao động, củng cố hợp tác xã, đi đầu trong phong trào làm phân xanh và làm thủy lợi. Riêng trong năm 1979, mặc dù phải tập trung hoàn thành nhiệm vụ chiến đấu, phục vụ chiến đấu, cán bộ, chiến sĩ dân quân toàn huyện đã tham gia 17.900 công, đào đắp được hơn 41.000 m³ đất, góp phần quan trọng vào vụ mùa quyết thắng.

Sau khi có Chỉ thị 100/CT-TW (ngày 13/1/1981) của Ban Bí thư Trung ương Đảng về “Cải tiến công tác khoán, mở rộng khoán sản phẩm đến nhóm lao động và người lao động trong các hợp tác xã nông nghiệp, nông dân phấn khởi đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp. Các quân nhân phục viên, dân quân du kích trong các hợp tác xã nông nghiệp tích cực áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, đầu tư chăm sóc cây trồng và vật nuôi. Phong trào “3 xung kích” đã khơi dậy trong đoàn viên thanh niên dân quân tinh thần dám nghĩ, dám làm, không ngừng phát huy sáng kiến, đi tiên phong trong các lĩnh vực khoa học kỹ thuật, thúc đẩy sản xuất phát triển. Nhiều giống lúa mới có năng suất cao (K3, Nông nghiệp 8, Bao thai...) được đưa vào gieo cấy trên diện rộng.

Phong trào làm thủy lợi tiếp tục được đẩy mạnh mà lực lượng nòng cốt là dân quân du kích. Trong 3 năm (1980 - 1982), bằng công sức của quân và dân địa phương, huyện Phú Lương đã hoàn thành xây dựng 10 công trình thủy nông, trong đó có 2 công trình loại vừa, đảm bảo tưới và tiêu nước cho 2.000 ha lúa 2 vụ (tăng hơn 380 ha so với trước)⁽¹⁾. Trong 3 năm tiếp theo (1983 - 1985), với phương châm “Nhà nước và nhân dân cùng làm”, lực lượng vũ trang cùng với nhân dân địa

⁽¹⁾ Dẫn theo: Lịch sử Đảng bộ huyện Phú Lương. Tập 2... Sđd, tr. 207.

phương đã xây dựng được 28 công trình thuỷ nông lớn, nhỏ trên phạm vi 16 xã, cung cấp đủ nước tưới cho 250 ha lúa hai vụ.

Sự nỗ lực của quân và dân trên mặt trận sản xuất nông nghiệp đã đem lại kết quả năng suất và sản lượng lương thực hằng năm đều tăng. Tính riêng trong 3 năm (1983 - 1985), sản lượng lương thực quy thóc tăng bình quân mỗi năm là 6,33% (mỗi năm tăng 1.336 tấn). Tổng sản lượng lương thực từ 21.063 tấn (năm 1982), tăng lên 25.071 tấn (năm 1985). Với kết quả này, lần đầu tiên huyện Phú Lương có 108 tấn lương thực được đưa vào nguồn dự trữ. Tổng sản phẩm xã hội tăng bình quân 9,3%⁽⁴⁾.

Phú Lương là một huyện miền núi, đất đồi rừng chiếm một diện tích khá lớn nên có thế mạnh về lâm nghiệp. Huyện uỷ chủ trương mở rộng diện tích trồng rừng, khai thác gỗ và các lâm sản khác, đặc biệt khai thác nguyên liệu cung cấp cho Xí nghiệp giấy 62; đồng thời tập trung lãnh đạo việc giao đất, giao rừng cho các hợp tác xã, các hộ gia đình quản lí. Hưởng ứng chủ trương của Huyện uỷ, nhiều hộ gia đình nông dân, phần lớn là các gia đình bộ đội phục viên xuất ngũ, dân quân nhận trồng và chăm sóc rừng. Ngoài việc trồng và chăm sóc rừng dân quân, tự vệ còn phối hợp với các đơn vị bộ đội, Kiểm lâm tiến hành tuần tra ngăn chặn tình trạng khai thác bừa bãi tài nguyên rừng. Nhờ đó, chỉ trong 3 năm (1983 - 1985), tình trạng đốt, phá rừng làm nương rẫy, khai thác rừng trái phép đã giảm rõ rệt. Diện tích rừng trồng tập trung đạt 304 ha (vượt 4 ha so với chỉ tiêu); riêng năm 1985, toàn huyện trồng được 201 ha (bằng 66% của cả 3 năm). Ngoài diện tích rừng trồng

⁽⁴⁾ Huyện uỷ Phú Lương: Dự thảo Báo cáo chính trị tại Đại hội Đảng bộ lần thứ XVI (của Ban Chấp hành khoá XV). Ngày 24/9/1986, tr. 1.

tập trung, quân và dân trong huyện còn trồng được 1.277.000 cây các loại⁽¹⁾. Hàng trăm héc-ta đất trống, đồi trọc đã dần dần được phủ xanh bằng các loại cây bạch đàn, keo, mỡ. Một số mô hình sản xuất và kinh doanh rừng đã thu được kết quả bước đầu ở 2 xã Tức Tranh và Yên Trạch, từng bước được nhân rộng ra các xã khác. Nhiều hộ gia đình quân nhân phục viên và dân quân, tự vệ làm kinh tế đồi rừng có hiệu quả kinh tế, trở thành những điển hình tốt của địa phương.

Trong các cơ sở sản xuất tiểu thủ công nghiệp cũng như trong các cơ quan hành chính sự nghiệp, cán bộ và chiến sĩ tự vệ luôn nêu cao ý thức tổ chức kỷ luật, đảm bảo ngày công, giờ công, trở thành đầu tàu gương mẫu trong các phong trào thi đua phát huy sáng kiến, nâng cao năng suất lao động.

Dân quân, tự vệ Phú Lương còn là lực lượng chủ lực trong phong trào làm đường giao thông nông thôn. Chỉ trong 3 năm (1983 - 1985), với phương châm “Nhà nước và nhân dân cùng làm”, huyện đã huy động sự đóng góp công sức, tiền của của quân và dân địa phương làm được 4 chiếc cầu, nâng cấp và sửa chữa mặt đường trục chính vào một số xã, làm mới 56 km và sửa chữa 42 km đường liên thôn, liên xã⁽²⁾. Hệ thống sân phơi, nhà kho, hội trường... của các hợp tác xã được xây dựng cũng chính là nhờ sự đóng góp của bà con xã viên, trong đó có sự tham gia tích cực của lực lượng dân quân.

Trên mặt trận văn hoá, xã hội, cán bộ, chiến sĩ dân quân, tự vệ luôn luôn là lực lượng đi tiên phong và đóng vai trò nòng cốt. Phối hợp với lực lượng Công an và cơ quan Văn hoá, cán

⁽¹⁾ Huyện uỷ Phú Lương: Dự thảo Báo cáo chính trị tại Đại hội Đảng bộ lần thứ XVI... Tlđđ, tr. 2, 3.

⁽²⁾ Huyện uỷ Phú Lương: Dự thảo Báo cáo chính trị tại Đại hội Đảng bộ lần thứ XVI... Tlđđ, tr. 2, 3.

bộ, chiến sĩ dân quân, tự vệ tham gia nhiều đợt truy quét các tụ điểm văn hoá “đen”; tích cực vận động nhân dân xây dựng cuộc sống mới, chống mê tín dị đoan, nâng cao dân trí, thực hiện kế hoạch hoá gia đình, giữ gìn trật tự trị an. Các hoạt động văn hoá, văn nghệ, thể dục thể thao diễn ra sôi nổi ở các cơ sở, cơ quan, xí nghiệp... là nhờ có sự tham gia tích cực của dân quân, tự vệ.

Nữ dân quân trong Hội Phụ nữ với phong trào “3 dứt điểm”, “Sạch làng tốt ruộng”, “Sinh đẻ có kế hoạch”... đã tích cực vận động chị em tham gia các hoạt động xã hội. Nhiều nữ dân quân được các cấp ủy Đảng, chính quyền và nhân dân tín nhiệm giao trọng trách quản lý kinh tế, quản lý xã hội.

Trải qua hơn 10 năm (1975 - 1986), lực lượng vũ trang huyện Phú Lương luôn luôn đóng vai trò tích cực trong việc hoàn thành các nhiệm vụ chính trị của địa phương: Tham gia khôi phục, phát triển kinh tế - văn hoá, chiến đấu và phục vụ chiến đấu bảo vệ toàn vẹn lãnh thổ Tổ quốc, tham gia chống chiến tranh phá hoại nhiều mặt của kẻ thù, giữ vững trật tự trị an trên địa bàn. Thông qua các hoạt động thực tiễn sản xuất và chiến đấu, lực lượng vũ trang Phú Lương từng bước trưởng thành cả về số lượng và chất lượng, đáp ứng được yêu cầu cách mạng ở địa phương.

Phát huy những thành tích đạt được trong 10 năm đầu thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng và bảo vệ Tổ quốc (1975 - 1986), cán bộ, chiến sĩ lực lượng vũ trang nhân dân huyện Phú Lương tiếp tục vươn lên hoàn thành tốt nhiệm vụ chính trị trong thời kỳ đổi mới.

Chương V:

**LỰC LƯỢNG VŨ TRANG NHÂN DÂN HUYỆN
PHÚ LƯƠNG THAM GIA CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI,
CÔNG NGHIỆP HOÁ VÀ HIỆN ĐẠI HOÁ ĐẤT NƯỚC
TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN (1987-2000).**

1. Xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân huyện vững mạnh, phòng chống có hiệu quả các hoạt động “Diễn biến hoà bình”, “Bạo loạn lật đổ” của các thế lực thù địch, góp phần thực hiện thắng lợi đường lối của Đảng những năm đầu đổi mới.

Đại hội đại biểu toàn quốc Đảng Cộng sản Việt Nam lần thứ VI (họp từ ngày 15 đến ngày 18-12-1986 tại Thủ đô Hà Nội) đã đề ra đường lối đổi mới, toàn diện đời sống đất nước. Trên lĩnh vực quốc phòng, an ninh, Nghị quyết Đại hội chỉ rõ, và nhấn mạnh: phải quán triệt sâu sắc quan điểm toàn dân xây dựng đất nước và bảo vệ Tổ quốc, toàn dân bảo vệ Tổ quốc và xây dựng đất nước. Để thực hiện quan điểm đó, phải “Xây dựng Quân đội nhân dân chính qui, ngày càng hiện đại, có chất lượng tổng hợp ngày càng cao, có tổ chức hợp lí, cân đối, gọn và mạnh, có kỉ luật chặt chẽ, có trình độ chiến đấu ngày càng cao, tiếp tục phát triển dân quân tự vệ với số lượng và chất lượng đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ mới. Tăng cường xây

dụng lực lượng hậu bị... Thực hiện đầy đủ các chính sách hậu phương quân đội"⁽¹⁾.

Triển khai Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI, ngay từ đầu năm 1987, 100% các đồng chí cán bộ lãnh đạo, chỉ huy chủ chốt của Ban chỉ huy quân sự huyện Phú Lương đã tham gia các lớp tập huấn quân sự và học tập, quán triệt Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI do Bộ chỉ huy quân sự tỉnh tổ chức; kết quả kiểm tra đều đạt yêu cầu trở lên. Ban chỉ huy quân sự huyện tổ chức lớp tập huấn quân sự và học tập quán triệt Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI cho 100% cán bộ, đảng viên trong cơ quan quân sự huyện; đồng thời, làm tham mưu cho Huyện uỷ kết hợp mở một đợt giáo dục quốc phòng nhằm làm cho đội ngũ cán bộ, đảng viên trong huyện hiểu rõ hơn đường lối, chủ trương, quan điểm, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước về quốc phòng và an ninh; nhận thức đúng đắn và đầy đủ hơn về hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Trên cơ sở đó đẩy mạnh việc lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện công tác quân sự địa phương sát với đặc điểm tình hình từng xã, thị trấn, cơ quan, đơn vị; từng bước đưa công tác xây dựng, củng cố tổ chức và huấn luyện các lực lượng dân quân, tự vệ và quân dự bị động viên ở các xã trong huyện đi vào nền nếp.

Thực hiện Chỉ thị của Bộ chỉ huy quân sự tỉnh về việc quản lí, thâm nhập phúc tra quân dự bị động viên, từ ngày 24-8 đến ngày 10-9-1987, Ban chỉ huy quân sự huyện Phú Lương

⁽¹⁾ Dẫn theo "60 năm Quân đội nhân dân Việt Nam", tr 455.

phối hợp với Sư đoàn 346 thuộc Quân khu I (Đơn vị 10.253) tiến hành thâm nhập, phúc tra quân dự bị động viên ở tất cả các xã trong huyện. Các đồng chí Ma Công Bốn (Thiếu tá, Chỉ huy trưởng), Ma Quốc Việt (Đại úy, Chỉ huy phó), Đoàn Công Liệu (Thượng úy, Trợ lý Động viên), Dương Mạnh Hà (Thượng úy, Trợ lý Cán bộ) thuộc Ban chỉ huy quân sự huyện Phú Lương và các đồng chí Mạc Văn Bào (Thiếu tá, Trung đoàn trưởng), Nguyễn Mạnh Hà (Thượng úy, Tham mưu phó phụ trách Động viên), Nguyễn Văn Hưng (Đại úy, Trợ lý Cán bộ) thuộc Trung đoàn 246 (Đơn vị 10.253) đã trực tiếp chỉ huy, chỉ đạo đợt thâm nhập, phúc tra quân dự bị này. Sau hơn nửa tháng triển khai ở 100% các xã, thị trấn trong huyện, toàn huyện đã thâm nhập phúc tra được 1.493 sĩ quan và hạ sĩ quan, binh sĩ quân dự động viên (gồm 47 sĩ quan và 1.446 hạ sĩ quan, binh sĩ) trên tổng số 1.763 sĩ quan và hạ sĩ quan, binh sĩ (gồm 57 sĩ quan và 1.706 hạ sĩ quan, binh sĩ), đạt tỉ lệ 84,68%. Trong số 270 quân dự bị động viên chưa phúc tra được có 192 người (gồm 10 sĩ quan và 182 hạ sĩ quan, binh sĩ) vắng mặt không có lí do (chiếm tỉ lệ hơn 71%). Sau khi phúc tra, Ban chỉ huy quân sự huyện và Trung đoàn 246 đã thống nhất chọn ra 1.282 người (gồm 47 sĩ quan và 1.235 hạ sĩ quan, binh sĩ) sắp xếp vào biên chế. Số không sắp xếp được (gồm 211 hạ sĩ quan, binh sĩ, chủ yếu là cán bộ chủ chốt của các xã hoặc thương binh, yếu sức khỏe, quá tuổi v.v).

Thông qua đợt thâm nhập, phúc tra này, Ban chỉ huy quân sự huyện Phú Lương đã quản lí chặt chẽ và nắm chắc hơn đội ngũ sĩ quan, hạ sĩ quan và binh sĩ quân dự bị động viên trên địa bàn huyện, nên đã hoàn thành tốt nhiệm vụ động

viên quân dự bị trong cuộc diễn tập quân sự Z87B. Trong công tác động viên tuyển quân năm 1987, huyện Phú Lương là một trong số 7 huyện của tỉnh hoàn thành chỉ tiêu tuyển quân cả năm. Tuy nhiên, do việc lãnh đạo, chỉ đạo công tác giáo dục thanh niên trong độ tuổi thực hiện nghĩa vụ quân sự chưa sâu rộng; công tác tổ chức khám, tuyển nghĩa vụ quân sự chưa chặt chẽ, nên các xã Bình Văn, Quảng Chu, Thanh Bình không hoàn thành chỉ tiêu tuyển quân. Đánh giá kết quả công tác quân sự địa phương của huyện năm 1987, Huyện uỷ Phú Lương khẳng định: huyện đã "... hoàn thành công tác tuyển quân, giao đủ 100% quân số, đúng thời gian qui định; triển khai tốt việc huấn luyện dân quân, tự vệ và thực hiện lệnh động viên quân dự bị trong đợt cuộc diễn tập Z87B đạt kết quả tốt"⁽¹⁾. Điểm yếu trong công tác quân sự địa phương của huyện Phú Lương năm 1987 là lực lượng dân quân, tự vệ chưa kết hợp được việc huấn luyện quân sự với lao động sản xuất (8 ngày huấn luyện, 7 ngày lao động), theo chỉ đạo của tỉnh, nhằm tự cân đối một phần kinh phí trong thời gian huấn luyện; thời gian triển khai huấn luyện chậm, chất lượng không cao⁽²⁾.

Đầu năm 1988, thực hiện Chỉ thị số 20/CT ngày 30-11-1987 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về vận dụng "Cơ chế lãnh đạo mới của Đảng đối với lực lượng vũ trang địa phương", Ban Thường vụ Huyện uỷ Phú Lương quyết định thành lập Ban Cán sự Đảng Quân sự huyện do các đồng chí Mạc Văn Đạt, Bí thư Huyện uỷ làm Bí thư; Quách Nghiệp,

⁽¹⁾ Báo cáo số 01/HU-BC, ngày 28-1-1988 của Huyện uỷ Phú Lương, tr 7.

⁽²⁾ Báo cáo Tổng kết công tác quân sự địa phương năm 1987 của Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Bắc Thái, tr 4, 5.

Chỉ huy phó về Chính trị, Bí thư Chi bộ Ban chỉ huy quân sự huyện làm Phó Bí thư. Sau ngày thành lập, quán triệt Nghị quyết số 07/NQ-BT ngày 13-5-1988 của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ Bắc Thái về lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ quốc phòng và an ninh trong tình hình mới, Ban Cán sự Đảng Quân sự huyện Phú Lương ra Nghị quyết chỉ rõ các nhiệm vụ của Lực lượng vũ trang nhân dân huyện:

1 – Trên cơ sở kế hoạch phòng thủ, khẩn trương bổ sung hoàn chỉnh thêm để đảm bảo xây dựng địa bàn huyện thành khu vực phòng thủ vững chắc; kết hợp chặt chẽ kinh tế với quốc phòng, quốc phòng với kinh tế theo cơ chế quản lý mới.

2 – Xây dựng lực lượng dân quân, tự vệ có chất lượng cao và số lượng hợp lý.

3 – Nắm chắc lực lượng dự bị, thường xuyên kiểm tra cả người và phương tiện. Thực hiện tốt chỉ tiêu gọi thanh niên nhập ngũ và tuyển sinh quân sự.

4 – Thực hiện tốt chính sách hậu phương quân đội.

Nghị quyết của Ban cán sự Đảng Quân sự huyện đề ra một số chủ trương và biện pháp chủ yếu là:

a – Tăng cường công tác giáo dục chính trị tư tưởng, làm cho cán bộ, chiến sĩ các lực lượng bộ đội địa phương và dân quân, tự vệ trong huyện hiểu rõ tình hình và nhiệm vụ chiến lược của cách mạng Việt Nam trong giai đoạn mới; hiểu rõ quan điểm đổi mới theo tinh thần nội dung của Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Bắc Thái lần thứ V và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện Phú Lương lần thứ XVI (1986-1989); thấy hết âm mưu

và thủ đoạn thâm độc của kẻ thù và nhiệm vụ quốc phòng quân sự địa phương trong thời gian tới.

b – Tập trung xây dựng khu vực phòng thủ huyện. Chú trọng xây dựng các cụm chiến đấu ở các xã, thị trấn, cơ quan, đơn vị.

c – Kết hợp chặt chẽ công tác quân sự địa phương với công tác giữ gìn an ninh trật tự trong từng cơ sở xã, thị trấn, cơ quan, đơn vị.

d – Xây dựng cơ quan quân sự địa phương các cấp từ huyện xuống cơ sở đảm bảo trong sạch, vững mạnh, gọn nhẹ, có sức chiến đấu cao.

Thực hiện Nghị quyết của Ban Cán sự Đảng Quân sự huyện, năm 1988, cấp uỷ, chính quyền, cơ quan quân sự các cấp từ huyện xuống các cơ sở xã, thị trấn, cơ quan, đơn vị tập trung lãnh đạo, chỉ đạo việc củng cố, kiện toàn tổ chức, huấn luyện các lực lượng bộ đội địa phương và dân quân, tự vệ; 100% cơ sở dân quân, tự vệ trong toàn huyện hoàn thành nhiệm vụ huấn luyện quân sự (tăng thêm 2 cơ sở dân quân tự vệ hoàn thành nhiệm vụ huấn luyện quân sự so với năm 1987).

Thực hiện Chỉ thị số 38/ĐV ngày 7-10-1988 của Bộ chỉ huy quân sự tỉnh về việc chuẩn bị thực hiện cuộc diễn tập phòng thủ khu vực huyện và động viên quân dự bị Z88Đ, ngày 10-10-1988, Ban Thường vụ Huyện uỷ Phú Lương họp, quán triệt các chỉ thị, nghị quyết của tỉnh và ra nghị quyết lãnh đạo thực hiện cuộc diễn tập quân sự Z 88Đ. Căn cứ vào Nghị quyết lãnh đạo diễn tập Z88Đ của Ban Thường vụ Huyện uỷ, Ban chỉ huy quân sự huyện ra Chỉ thị số 11, giao nhiệm vụ cho

các cấp, các ngành trong huyện triển khai công tác chuẩn bị cuộc diễn tập khu vực phòng thủ huyện và động viên quân dự bị Z88Đ. Nghị quyết lãnh đạo của Ban Thường vụ Huyện uỷ và Chỉ thị của Ban chỉ huy quân sự huyện Phú Lương xác định cuộc diễn tập phòng thủ khu vực huyện và động viên quân dự bị Z88Đ là cuộc diễn tập phòng thủ khu vực đầu tiên của huyện theo tinh thần Nghị quyết 02 của Bộ Chính trị (Huyện uỷ lãnh đạo, Uỷ ban nhân dân huyện điều hành; các cơ quan Quân sự, Công an và các ban, ngành chức năng của huyện làm tham mưu); đồng thời nhấn mạnh: Cuộc diễn tập Z88Đ là một dịp tốt để nâng cao tri thức quân sự cho cán bộ lãnh đạo, chỉ đạo và cán bộ chỉ huy quân sự các cấp trong huyện. Do đó, phải tập trung lãnh đạo, chỉ đạo cuộc diễn tập Z88Đ đạt được các mục đích, yêu cầu, nội dung đã đề ra. Trong diễn tập phải thực sự, thực tế, an toàn, tiết kiệm. Phải thúc đẩy tiến độ khâu chuẩn bị diễn tập, đặc biệt là của khối dân sự.

Thực hiện Nghị quyết của Ban Thường vụ Huyện uỷ và Chỉ thị của Ban chỉ huy quân sự huyện Phú Lương, các cấp, các ngành trong huyện tích cực, chủ động triển khai công tác chuẩn bị diễn tập đạt kết quả tốt. Từ ngày 5 đến ngày 8-12-1988, Đảng bộ, chính quyền, quân và dân huyện Phú Lương thực hành Cuộc diễn tập phòng thủ khu vực huyện và động viên quân dự bị Z88Đ. Các đồng chí Mạc Văn Đạt (Bí thư Huyện uỷ, Bí thư Ban Cán sự Đảng Quân sự huyện), Nguyễn Ân (Phó Bí thư Huyện uỷ, Chủ tịch Uỷ ban nhân dân huyện) đã trực tiếp lãnh đạo, chỉ đạo cuộc diễn tập quân sự Z88Đ.

Trong thời gian diễn tập quân sự Z 88Đ, quân và dân trong huyện đã tập xử lý các tình huống chuyển lực lượng vũ trang huyện từ trạng thái sẵn sàng chiến đấu thường xuyên lên tăng cường; chuyển một số đơn vị từ trạng thái sẵn sàng chiến đấu tăng cường lên cao và động viên quân dự bị giao cho Đơn vị 10253.

Trong thực hành diễn tập các tình huống chuyển trạng thái sẵn sàng chiến đấu, Ban Thường vụ Huyện ủy đã kịp thời ra Nghị quyết lãnh đạo và chỉ đạo Văn phòng Huyện ủy tổ chức triển khai khẩn trương. Ủy ban nhân dân huyện đã nhanh chóng triển khai, quán triệt Nghị quyết của Ban Thường vụ Huyện ủy và phổ biến nhiệm vụ cho 8 ban, ngành chủ yếu của khối Ủy ban; họp Hội đồng Nghĩa vụ quân sự huyện, phân công các thành viên xuống cơ sở theo dõi, chỉ đạo. Ban Cán sự Đảng Quân sự huyện bước đầu xác định được chức năng, nhiệm vụ, đề ra được một số nội dung hoạt động trong các tình huống chuyển trạng thái sẵn sàng chiến đấu cao. Hội đồng Nghĩa vụ quân sự huyện đề ra được phương án giải quyết, xử lý các tình huống trong các trạng thái sẵn sàng chiến đấu. Ban chỉ huy quân sự huyện đã bám sát các chỉ thị, mệnh lệnh của Bộ chỉ huy quân sự tỉnh, các nghị quyết của Ban Thường vụ Huyện ủy, Hội đồng Nghĩa vụ quân sự huyện, chỉ huy điều hành cơ quan thực hiện nhiệm vụ, làm tham mưu cho Huyện ủy, Ủy ban nhân dân giải quyết, xử lý các tình huống trên bản đồ. Các cơ quan ban, ngành khối Ủy ban (Bưu điện, Lương thực, Kế hoạch, Thương nghiệp, Công an, Y tế) và khối Huyện ủy: (Tuyên giáo, Tổ chức, Mặt trận, Huyện Đoàn thanh niên, Huyện hội Phụ nữ) bước đầu triển khai được nhiệm vụ của

mình, đáp ứng được các yêu cầu của các tình huống chuyển trạng thái sẵn sàng chiến đấu, chuyển địa phương từ thời bình sang thời chiến. Văn phòng Huyện uỷ, Văn phòng Uỷ ban nhân dân huyện phục vụ đảm bảo kịp thời, liên tục cho cuộc diễn tập Z88Đ.

Đối với nhiệm vụ động viên quân dự bị, trong cuộc diễn tập Z88Đ, huyện Phú Lương được giao nhiệm vụ trong 42 giờ phải động viên 1 tiểu đoàn bộ binh (gồm 22 sĩ quan và 476 hạ sĩ quan, binh sĩ) giao cho đơn vị 10253. Do cơ quan quân sự các cấp trong huyện làm tốt công tác chuẩn bị; các văn kiện, kế hoạch động viên làm đầy đủ, rõ ràng; công tác nắm nguồn động viên tương đối đi vào nền nếp; trạm giao, nhận quân làm việc đúng các bước qui định; các công tác đảm bảo cơ sở vật chất chu đáo và bảo vệ an toàn, nên huyện đã hoàn thành tốt nhiệm vụ động viên quân dự bị, giao đủ quân số, đúng thời gian qui định; 100% cán bộ, chiến sĩ quân dự bị được động viên đều có tinh thần trách nhiệm tốt. Các xã Phấn Mễ, Yên Đỗ, Ôn Lương và các đơn vị mỏ than Phấn Mễ, Ngân hàng huyện đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ động viên quân dự bị trong đợt diễn tập này.

Tuy nhiên, để hoàn thành chỉ tiêu động viên 498 cán bộ, chiến sĩ dự bị động viên, Hội đồng Nghĩa vụ quân sự huyện đã phát lệnh dự phòng với tỉ lệ 44% (cao nhất các huyện, thành phố, thị xã trong tỉnh). Cá biệt, xã Yên Lạc nhận được lệnh động viên từ lúc 21 giờ 45 phút ngày 5-12-1988, mãi tới 15 giờ ngày 6-12 mới họp triển khai và 18 giờ ngày 6-12-1988 mới giao hết lệnh động viên cho quân dự bị. Cấp uỷ Đảng, chính quyền và Ban chỉ huy quân sự xã Động Đạt chưa thật

tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, nên chỉ động viên bàn giao được 19% chỉ tiêu quân số được giao. Ban chỉ huy quân sự huyện tổ chức trạm tập trung, giao, nhận quân chưa khoa học, tổ chức giao quân chậm. Công tác bàn giao hồ sơ sinh hoạt Đảng, Đoàn của Ban Tổ chức Huyện uỷ và Huyện đoàn Thanh niên lúc đầu còn chậm.

Đánh giá kết quả Cuộc diễn tập Z88Đ phòng thủ khu vực huyện và động viên quân dự bị của quân và dân huyện Phú Lương, Báo cáo tổng kết diễn tập của Ban Thường vụ Huyện uỷ Phú Lương ghi nhận: Cuộc diễn tập đã cơ bản thực hiện được các mục đích, yêu cầu do Bộ Tư lệnh Quân khu I, Tỉnh uỷ, Uỷ ban nhân dân tỉnh và Bộ chỉ huy quân sự tỉnh đề ra. Thông qua cuộc diễn tập Z88Đ, cán bộ, đảng viên và các lực lượng vũ trang nhân dân huyện đã nhận thức đúng đắn hơn về hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam Xã hội chủ nghĩa. Công tác chuẩn bị diễn tập của các ban, ngành, đoàn thể ở huyện tương đối đầy đủ. Việc giáo dục, quán triệt nhiệm vụ quốc phòng và an ninh cho các tầng lớp nhân dân trong huyện đã được nâng lên một bước. Hoạt động của các cơ quan Đảng, chính quyền, đoàn thể và các ban, ngành chức năng của huyện đã bước đầu vận hành đúng theo cơ chế mới do Nghị quyết 02 của Bộ Chính trị đề ra. Thông qua cuộc diễn tập Z88Đ, huyện Phú Lương đã tiếp tục bổ sung hoàn chỉnh được một bước phương án tác chiến phòng thủ khu vực của huyện. Kết thúc cuộc diễn tập Z88Đ, Huyện uỷ, Uỷ ban nhân dân huyện Phú Lương đã biểu dương, khen thưởng Ban chỉ huy quân sự huyện; Văn phòng Huyện uỷ; Văn phòng Uỷ ban nhân dân huyện; Ban Tổ chức Huyện uỷ,

Huyện đoàn Thanh niên; Huyện hội Phụ nữ và các phòng Bưu điện, Lương thực.

Tuy nhiên, bên cạnh những thành tích đã đạt được, Báo cáo tổng kết diễn tập của Ban Thường vụ Huyện uỷ Phú Lương cũng thẳng thắn chỉ rõ những việc chưa làm được trong cuộc diễn tập Z88Đ là:

- Ban Thường vụ Huyện uỷ còn phân tán, chưa thật tập trung lãnh đạo, chỉ đạo cuộc diễn tập. Trong quá trình diễn tập chuyển trạng thái sẵn sàng chiến đấu từ thường xuyên lên tăng cường, từ tăng cường lên cao; chuyển địa phương từ thời bình sang thời chiến, nhận thức của cán bộ, đảng viên (kể cả ở các đồng chí cán bộ lãnh đạo, chỉ đạo) còn chưa thực sự, thực tế. Hoạt động của các ban, ngành theo cơ chế mới (Đảng lãnh đạo, chính quyền điều hành, cơ quan quân sự và các cơ quan ban, ngành chức năng làm tham mưu) còn chưa thật rõ nét. Các cơ quan tham mưu khối Đảng, chính quyền, chưa thể hiện rõ chức năng làm tham mưu của mình trong việc xử lý các tình huống diễn tập. Việc bảo đảm thông tin liên lạc từ huyện xuống cơ sở và từ cơ sở lên huyện còn chưa được kịp thời⁽¹⁾.

Các thiếu sót, khuyết điểm trên đã được cấp uỷ Đảng, chính quyền, các ban, ngành, đoàn thể trong huyện kịp thời rút kinh nghiệm và đề ra nhiều biện pháp khắc phục.

Năm 1989, Đảng và Nhà nước ta đã đề ra nhiều chủ trương, biện pháp xây dựng, củng cố và nâng cao chất lượng của lực lượng vũ trang nhân dân. Tháng 5-1989, Chủ tịch Hội

⁽¹⁾ Báo cáo số 15/BC-HU ngày 8-12-1988 của Huyện uỷ Phú Lương.

đồng Bộ trưởng (nay là Thủ tướng Chính phủ) ra chỉ thị mở cuộc vận động chính trị cả nước thực hiện chính sách hậu phương quân đội và củng cố quốc phòng ở địa phương. Ngày 17-10-1989, Ban Bí thư Trung ương Đảng ra chỉ thị tổ chức “Ngày hội Quốc phòng toàn dân” trong phạm vi cả nước nhân dịp kỉ niệm lần thứ 45 ngày thành lập Quân đội nhân dân Việt Nam (22-12-1944 – 22-12-1989). Chỉ thị của Ban Bí thư Trung ương Đảng chỉ rõ: Thông qua các hoạt động trong “Ngày hội Quốc phòng toàn dân” tuyên truyền sâu rộng trong nhân dân về bản chất tốt đẹp, hình ảnh “Bộ đội Cụ Hồ”, giáo dục, động viên nhân dân tham gia xây dựng tiềm lực quốc phòng toàn dân, xây dựng lực lượng vũ trang vững mạnh trên từng địa phương, xây dựng quân đội nhân dân vững mạnh toàn diện. Đầu tháng 12-1989, Ban Bí thư Trung ương Đảng ra chỉ thị tăng cường sự lãnh đạo của các cấp uỷ Đảng đối với nhiệm vụ xây dựng lực lượng dự bị động viên và dân quân, tự vệ trong tình hình mới, chống kiểu chiến tranh phá hoại nhiều mặt của địch, giữ gìn an ninh chính trị và trật tự xã hội ở cơ sở.

Thực hiện các chủ trương, đường lối của Trung ương Đảng, Chính phủ và các chỉ thị, nghị quyết, hướng dẫn của Quân khu và Tỉnh, trong hai năm 1990, 1991, Cấp uỷ Đảng, chính quyền, đoàn thể và cơ quan quân sự các cấp trong huyện đã đẩy mạnh việc thực hiện chính sách hậu phương quân đội. Dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo sát sao của Huyện uỷ, Uỷ ban nhân dân huyện, Ban chỉ huy quân sự huyện tiến hành đăng kí, quản lí chặt chẽ các đối tượng hưởng chính sách hậu phương quân đội trên địa bàn huyện, gồm 140 cán bộ quân đội nghỉ hưu, 193 bệnh binh, 383 thương binh và 1.029 gia đình liệt sĩ.

Cùng với cán bộ, chiến sĩ Sư đoàn 346 (đóng quân trên địa bàn huyện), cán bộ, chiến sĩ lực lượng vũ trang địa phương và nhân dân các dân tộc trong huyện đã đóng góp tiền, của, công sức xây dựng ngôi “Nhà tình nghĩa” 3 gian, diện tích xây dựng 47 mét vuông tường xây, lợp ngói kang trang, sạch đẹp, tặng Bà mẹ Phó Thị Thanh ở xã Sơn Cẩm (có con độc nhất là liệt sĩ Lãng Văn Minh, sinh năm 1941, nhập ngũ tháng 7-1969, hi sinh ngày 19-2-1972 tại Mặt trận phía Nam). Nhân dịp kỉ niệm 44 năm ngày Thương binh - Liệt sĩ (27-7-1947 - 27-7-1991), cùng với lãnh đạo, chỉ huy Sư đoàn 346, Ban chỉ huy quân sự huyện Phú Lương phối hợp với Phòng Tổ chức Lao động, Thương binh - xã hội và cấp uỷ Đảng, chính quyền, đoàn thể xã Sơn Cẩm tổ chức trọng thể lễ bàn giao “Nhà tình nghĩa” cho Bà mẹ Phó Thị Thanh⁽¹⁾.

Các chế độ, chính sách của Đảng và Nhà nước đối với cán bộ quân đội nghỉ hưu, đối với thương binh, gia đình liệt sĩ được cấp uỷ Đảng, chính quyền và cơ quan quân sự các cấp trong huyện quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện. Chỉ tính riêng năm 1991, toàn huyện có 9 cán bộ quân đội nghỉ hưu và 3 cán bộ tại ngũ được nhận trợ cấp khó khăn, với tổng số tiền 245.000đồng; 7 cán bộ nghỉ hưu được đi nghỉ mát, an dưỡng (ở các đoàn nghỉ mát, an dưỡng của quân đội 16 - Núi Cốc, 22 - Hạ Long và Đầm Vạc - Vĩnh Phú); 198 người được nhận huân, huy chương. Huyện uỷ, Uỷ ban nhân dân huyện tổ chức trao tặng Huân chương Chiến công hạng

⁽¹⁾ Ngày 24-4-1995, Bà Phó Thị Thanh đã được Chủ tịch nước quyết định tặng danh hiệu “Bà mẹ Việt Nam anh hùng”.

nhì của Nhà nước và danh hiệu Đơn vị Quyết thắng của Bộ Tư lệnh Quân khu I cho cán bộ, chiến sĩ lực lượng vũ trang nhân dân xã Tức Tranh; trao tặng Bằng khen của Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ) cho cán bộ, chiến sĩ lực lượng vũ trang nhân dân xã Động Đạt.

Chính sách hậu phương quân đội được tổ chức thực hiện tốt đã có tác động tích cực đến công tác xây dựng, củng cố tổ chức và nâng cao chất lượng của lực lượng vũ trang địa phương. Đội ngũ cán bộ lãnh đạo, chỉ huy quân sự huyện thường xuyên được củng cố, kiện toàn. Tháng 10-1990, đồng chí Mạc Văn Đạt, Bí thư Huyện uỷ, Bí thư Ban Cán sự Đảng Quân sự huyện nghỉ hưu, Huyện uỷ Phú Lương đã cử đồng chí Lê Văn Văn, Bí thư Huyện uỷ trực tiếp làm Bí thư Ban Cán sự Đảng Quân sự huyện; đồng chí Ma Công Bốn, Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy quân sự huyện nghỉ hưu, trên đã điều đồng chí Trương Minh Tú, Chủ nhiệm Phòng không, Phòng Tham mưu, Bộ chỉ huy quân sự tỉnh về làm Chỉ huy trưởng. Đội ngũ cán bộ, chiến sĩ Ban chỉ huy quân sự huyện được kiện toàn gồm 35 sĩ quan, 7 hạ sĩ quan, chiến sĩ, quân nhân chuyên nghiệp và công nhân viên quốc phòng.

Từ tháng 11-1990, Ban chỉ huy quân sự huyện đã được Bộ chỉ huy quân sự tỉnh tăng cường thêm 21 cán bộ (gồm 3 sĩ quan cấp tá và 18 sĩ quan cấp úy) về làm nhiệm vụ xây dựng cơ sở ở các xã, thị trấn trên địa bàn huyện. Hầu hết các đồng chí cán bộ tăng cường cơ sở ở huyện Phú Lương đã được tập huấn, bồi dưỡng các nội dung công tác cần thiết, bước đầu xuống cơ sở để hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Số cán bộ được cử về làm nhiệm vụ tăng cường xây dựng cơ sở ở huyện

Phú Lương được tổ chức thành một tổ công tác cơ sở do đồng chí Trung tá Nguyễn Tiến Thường (nguyên là Trung đoàn phó Chính trị một đơn vị bộ đội chủ lực của Quân khu I) làm Tổ trưởng. Hầu hết các tổ viên trong Tổ công tác tăng cường cơ sở ở huyện Phú Lương xuống hoạt động trực tiếp ở các xã, thị trấn đều sinh hoạt Đảng tại Cơ quan Quân sự huyện.

Được phân công chuyển sang làm một nhiệm vụ hoàn toàn mới, đội ngũ sĩ quan tăng cường xây dựng cơ sở ở các xã, thị trấn trên địa bàn huyện Phú Lương đã nhanh chóng chuyển hướng tư tưởng, yên tâm với nhiệm vụ được giao, thể hiện được bản chất “Bộ đội Cụ Hồ”, từng bước gây được niềm tin và uy tín đối với cấp uỷ Đảng, chính quyền và nhân dân các dân tộc huyện Phú Lương. Các cán bộ quân đội tăng cường cơ sở đã cùng với cấp uỷ Đảng, chính quyền đoàn thể đẩy mạnh tuyên truyền, giáo dục, từng bước nâng cao nhận thức về âm mưu và thủ đoạn “diễn biến hoà bình”, “bạo loạn lật đổ” của các thế lực thù địch cho cán bộ và nhân dân; giúp cấp uỷ và chính quyền cơ sở xây dựng, củng cố tổ chức và huấn luyện cán bộ, chiến sĩ lực lượng dân quân, tự vệ. Sau hai năm hoạt động, các cán bộ tăng cường cơ sở ở huyện Phú Lương đã góp phần cùng với cấp uỷ, chính quyền và cơ quan quân sự các cấp trong huyện kiện toàn được đội ngũ cán bộ, chỉ huy ở 100% cơ sở dân quân tự vệ (gồm 25 cơ sở dân quân xã, thị trấn và 4 cơ sở tự vệ); mỗi cơ sở có đủ 3 cán bộ chỉ huy (1 chỉ huy trưởng, 1 chỉ huy phó và 1 chính trị viên); bình quân toàn huyện tỉ lệ dân quân đạt 2,5% so với dân số nông thôn và tỉ lệ tự vệ đạt 15% so với tổng số cán bộ, công nhân, viên chức. Lực lượng dân quân, tự vệ toàn huyện được biên

chế thành các trung đội và tiểu đội. Ngoài ra, ở các thôn, xóm trên địa bàn huyện còn thành lập được 347 tổ trị an, thường xuyên hoạt động tuần tra, canh gác, làm tốt công tác bảo vệ an ninh trật tự ở cơ sở.

Tại xã Cổ Lũng, lực lượng dân quân có 350 cán bộ, chiến sĩ (chiếm tỉ lệ 4% so với dân số), được biên chế thành 18 trung đội ở 18 xóm; mỗi trung đội có từ 15 đến 20 cán bộ, chiến sĩ. Trong số 18 trung đội dân quân ở 18 xóm trong xã, có 2 trung đội cơ động chiến đấu, mỗi trung đội biên chế 15 cán bộ, chiến sĩ. Bộ chỉ huy quân sự tỉnh kiểm tra, thanh tra kết quả huấn luyện quân sự, chính trị ở 7 trung đội (có 2 trung đội cơ động chiến đấu), trong tổng số 125 cán bộ, chiến sĩ được huấn luyện, có 95 cán bộ, chiến sĩ được kiểm tra (đạt tỉ lệ 76%), kết quả kiểm tra đạt tiêu chuẩn “Đơn vị huấn luyện khá”. Xã Cổ Lũng đã xây dựng xong phương án phòng chống biểu tình, gây rối, bạo loạn (kế hoạch A2). Toàn xã có 8 quân nhân đào ngũ đã được xử lí, đạt tỉ lệ 80%. Đây là xã có tỉ lệ quân nhân đào ngũ được xử lí cao nhất huyện. Trong thời kì này, toàn huyện Phú Lương còn tồn đọng tới 209 quân nhân đào ngũ chưa được xử lí (cao nhất các huyện, thành phố trong tỉnh).

Từ kết quả kiểm tra, thanh tra của Bộ chỉ huy quân sự tỉnh ở xã Cổ Lũng, Ban chỉ huy quân sự huyện Phú Lương chỉ đạo các xã, thị trấn trong huyện đẩy mạnh công tác xử lí quân nhân đào ngũ, giữ nghiêm kỉ cương phép nước và từng bước đảm bảo công bằng xã hội⁽¹⁾.

⁽¹⁾ Đến cuối năm 1972, số quân nhân đào ngũ còn tồn đọng chưa được xử lí toàn huyện là 108 người, giảm 101 người so với thời kì giữa năm 1991.

Đánh giá kết quả công tác quân sự địa phương của huyện Phú Lương trong những năm đầu thực hiện đường lối đổi mới của Đảng, Báo cáo Chính trị của Huyện uỷ Phú Lương trình bày tại Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện lần thứ XVIII (họp từ ngày 22 đến ngày 24-10-1991) khẳng định “Đã có nhiều cố gắng củng cố lực lượng dân quân tự vệ, tăng cường quản lí lực lượng dự bị động viên. Công tác tập huấn cán bộ dân quân, tự vệ và huấn luyện dân quân, tự vệ hàng năm được tiến hành khá tích cực. Từ năm 1988 đến năm 1990, huyện đã tiến hành hai cuộc diễn tập khu vực phòng thủ được tỉnh đánh giá khá và tốt. Huyện và 25 xã, thị trấn đã hoàn thành việc xây dựng “kế hoạch phòng chống biểu tình, gây rối, bạo loạn” (Kế hoạch A2) và “kế hoạch tác chiến bảo vệ trật tự trị an cơ sở”. Công tác gọi thanh niên nhập ngũ hàng năm đều đạt chỉ tiêu trên giao, đảm bảo số lượng, chất lượng và đúng luật”⁽¹⁾. Báo cáo chính trị của Huyện uỷ cũng thẳng thắn chỉ rõ các thiếu sót, khuyết điểm của huyện trong công tác quân sự địa phương “Hoạt động chưa mạnh, chưa đồng đều ở các cơ sở. Nhiều cấp uỷ và chính quyền cơ sở chưa nhận thức đầy đủ, chưa lãnh đạo, chỉ đạo chặt chẽ công tác quân sự địa phương trong giai đoạn cách mạng mới”⁽²⁾.

Trên cơ sở đó, Đại hội đề ra nhiệm vụ của cán bộ, chiến sĩ, nhân dân và lực lượng vũ trang huyện “Tiếp tục thực hiện Nghị quyết 02 của Bộ Chính trị và Chỉ thị 20 của Ban Bí thư Trung ương Đảng theo hướng củng cố quốc phòng toàn dân và

(1) (2) Báo cáo Chính trị của Huyện uỷ Phú Lương tại Hội nghị Đảng bộ huyện lần thứ 18, tr 8.

thế trận chiến tranh nhân dân, xây dựng huyện thành khu vực phòng thủ ngày càng vững chắc. Nâng cao chất lượng dân quân, tự vệ và quân dự bị động viên, thực hiện nghiêm chỉnh chế độ huấn luyện, diễn tập hàng năm. Hiệp đồng chặt chẽ với công an và các đơn vị quân chủ lực đóng trên địa bàn, làm nòng cốt trong thế trận chiến tranh nhân dân và bảo vệ an ninh trật tự ở cơ sở. Thực hiện tốt công tác tuyển quân đảm bảo đúng luật, đủ số lượng, đảm bảo chất lượng. Đồng thời thường xuyên quan tâm thực hiện tốt chính sách hậu phương quân đội”⁽¹⁾.

Phát huy những thành tích đã đạt được trong những năm đầu thực hiện đường lối đổi mới của Đảng, cán bộ, chiến sĩ lực lượng vũ trang nhân dân huyện Phú Lương cùng với nhân dân các dân tộc trong huyện sẵn sàng bước sang thời kỳ mới, với quyết tâm thực hiện thắng lợi các nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VII (họp từ ngày 24 đến ngày 27-6-1991), Đại hội Đảng bộ tỉnh Bắc Thái lần thứ VI (vòng 2, họp tháng 9-1991) và Đại hội Đảng bộ huyện Phú Lương lần thứ XVIII (vòng 2, họp từ ngày 22 đến ngày 24-10-1991).

II – Tiếp tục xây dựng huyện Phú Lương thành khu vực phòng thủ vững chắc, xây dựng nền quốc phòng toàn dân, thế trận chiến tranh nhân dân ngày càng vững mạnh, phòng chống có hiệu quả các hoạt động “Diễn biến hoà bình”, “Bạo loạn lật đổ” của các thế lực thù địch.

Từ cuối năm 1991, tình hình thế giới ngày càng có những diễn biến phức tạp, với nhiều biến động lớn. Chủ nghĩa đế

⁽¹⁾ Báo cáo Chính trị, Tài liệu đã dẫn, tr 25, 26.

quốc và các thế lực thù địch quốc tế chống, phá các nước xã hội chủ nghĩa rất quyết liệt. Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu lâm vào khủng hoảng toàn diện, tan rã và sụp đổ; chế độ chính trị thay đổi. Tình hình Campuchia vẫn còn diễn biến phức tạp. Đối với nước ta, các thế lực thù địch quốc tế tiếp tục chống, phá quyết liệt, hòng vô hiệu hoá vai trò lãnh đạo của Đảng và vô hiệu hoá chức năng, nhiệm vụ bảo vệ Đảng, bảo vệ Nhà nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa của các lực lượng vũ trang, tiến tới xoá bỏ chế độ xã hội chủ nghĩa ở nước ta. Tình hình kinh tế, xã hội tuy có những chuyển biến tiến bộ, nhưng vẫn còn nhiều khó khăn gay gắt.

Trên địa bàn huyện Phú Lương tuy chưa xảy ra các vụ chống đối mang tính chất chính trị nghiêm trọng, nhưng những biểu hiện hoạt động về chính trị đã xuất hiện, với các tờ rơi, áp phích có nội dung xấu, các loại tài liệu kích động, đòi đa nguyên chính trị, đa đảng đối lập từ nước ngoài gửi về địa bàn huyện ngày càng nhiều và phức tạp. Trong một số đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân đóng quân trên địa bàn huyện và các vùng lân cận, do công tác quản lý không chặt chẽ, nên đã để xảy ra tình trạng làm thất thoát vũ khí ra ngoài. Do trong huyện có một số điểm khai thác vàng trái phép, nên các loại thuốc nổ, kíp mìn, dây cháy chậm... trôi nổi, tàng trữ trong nhân dân khá nhiều⁽¹⁾. Tình hình trật tự trị an trên địa bàn huyện, theo đánh giá của Huyện uỷ Phú Lương tại Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XVIII (vòng 2) "...vẫn còn diễn biến

⁽¹⁾ Sáu tháng đầu năm 1993, chỉ trong một vụ, lực lượng vũ trang nhân dân huyện đã kiểm tra, phát hiện thu giữ 18 kg thuốc nổ và 450 kíp mìn.

phức tạp, tội phạm và các tệ nạn xã hội (trộm cắp, cờ bạc, mê tín dị đoan, nghiện hút, buôn lậu, hàng giả và cả tệ nạn tham nhũng) vẫn đang nảy sinh. Nhiều hành vi tiêu cực xã hội, phạm pháp chưa được xử lý nghiêm minh, kịp thời". Mặt khác, tình hình tranh chấp đất đai diễn ra căng thẳng, quyết liệt ở nhiều xã trong huyện, đặc biệt là ở các xã vùng phía Bắc (Yên Đĩnh, Nông Thịnh) từ những năm 1989, 1990 vẫn chưa được giải quyết dứt điểm do Ban Quản trị Hợp tác xã ở nhiều nơi mất vai trò lãnh đạo, chỉ đạo, không còn khả năng quản lý, điều hành phân chia ruộng đất cho nông dân; chính quyền xã không dám mạnh dạn giải quyết, xử lý, do ngại va chạm, trông chờ ỷ lại vào huyện. Tình hình này đã ảnh hưởng xấu đến sản xuất và đời sống của nhân dân; tác động tiêu cực đến công tác xây dựng nền quốc phòng toàn dân, thế trận chiến tranh nhân dân trên địa bàn, trực tiếp là đến các nhiệm vụ tuyển quân; xây dựng, củng cố tổ chức và huấn luyện lực lượng dân quân, tự vệ. Tại thời điểm cuối tháng 9-1991, trong khi các huyện, thành phố, thị xã trong tỉnh hoàn thành kế hoạch huấn luyện dân quân, tự vệ từ 75% trở lên (trong đó, huyện Đại Từ đã hoàn thành 100%), thì huyện Phú Lương mới hoàn thành được 57%.

Trước thực trạng trên, từ năm 1992, cấp uỷ Đảng, chính quyền, đoàn thể các cấp từ huyện xuống các xã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo giải quyết dứt điểm tình trạng tranh chấp đất đai, tạo điều kiện thuận lợi cho nhân dân yên tâm đầu tư vốn và sức lao động để phát triển sản xuất. Nhằm góp phần đẩy mạnh xây dựng và phát triển kinh tế ở địa phương, theo chủ trương của Bộ chỉ huy quân sự tỉnh, Ban chỉ huy quân sự huyện Phú Lương chỉ đạo Ban chỉ huy quân sự các xã, thị trấn phát động,

vận động cán bộ, chiến sĩ lực lượng dân quân làm nông cốt trong lao động sản xuất, góp phần đưa sản xuất nông, lâm nghiệp của huyện dần dần đi vào thế ổn định và phát triển. Trong 5 năm, từ 1991 đến 1995, năng xuất lúa toàn huyện bình quân đạt 25,66 tạ/ha một vụ, tăng 10,37% so với chỉ tiêu do Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XVIII (vòng 2) đề ra. Tổng sản lượng lương thực toàn huyện năm 1994 đạt 29.353 tấn, tăng gần 6.353 tấn so với năm 1990. Sản xuất lương thực tăng, ngành chăn nuôi của huyện có điều kiện phát triển. Năm 1995, trong toàn huyện, đàn trâu đạt 21.400 con (tăng 2.500 con so với năm 1991), đàn bò đạt 1.165 con (tăng gần gấp 2 lần so với năm 1991), đàn lợn đạt 39.300 con (tăng gần 7.000 con so với năm 1991).

Về sản xuất lâm nghiệp, triển khai thực hiện Dự án 127 và Dự án 135, trong những năm từ 1991 đến 1995, toàn huyện đã khoanh nuôi và bảo vệ được gần 5.700 ha rừng; giao cho các hộ gia đình quản lí, bảo vệ gồm 10.000 ha rừng và tổ chức trồng mới được 4.000 ha rừng các loại.

Tổng thu ngân sách trên địa bàn huyện năm 1992 đạt 2,2 tỉ đồng (tăng 0,9 tỉ đồng so với năm 1991) và năm 1995 đạt 5,14 tỉ đồng (tăng gấp 2,34 lần so với năm 1992). Riêng năm 1993, tổng thu thuế nông nghiệp toàn huyện đạt 2 tỉ 143 triệu đồng, vượt 7% so với chỉ tiêu, kế hoạch được giao. Các xã Phấn Mễ, Sơn Cẩm, Nông Hạ, Cổ Lũng, Động Đạt và thị trấn Giang Tiên thu thuế nông nghiệp vượt chỉ tiêu. Năm 1995, Phú Lương hoàn thành vượt mức chỉ tiêu thu thuế nông nghiệp 27%.

Về Giao thông, với nguồn vốn được trên đầu tư gần 6 tỉ đồng, toàn huyện đã cải tạo và xây dựng được 266 km đường

giao thông nông thôn, sửa chữa và làm mới được 11 cầu treo. Trên địa bàn huyện đã có 10 xã (bằng 38,46%) có điện lưới quốc gia phục vụ cho sản xuất, đời sống và sinh hoạt của nhân dân. Tuy nhiên, đầu năm 1994, toàn huyện vẫn còn có tới 5 xã chưa có đường ô tô vào đến trung tâm xã; 16 xã nhân dân vẫn không có điện lưới sinh hoạt, đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân ở các xã này còn rất nhiều khó khăn, thiếu thốn.

Ngành giáo dục phát triển đồng đều ở các bậc học, ngành học. Toàn huyện có 12 trường mẫu giáo, 36 trường tiểu học và trung học cơ sở, 1 trường liên cấp trung học cơ sở và phổ thông trung học, 1 trường phổ thông trung học với trên 31.000 học sinh. Năm 1995, trên địa bàn huyện có 24 xã, thị trấn đạt tiêu chuẩn quốc gia về phổ cập tiểu học (đạt tỉ lệ 92,3%).

Trong công tác chăm sóc, bảo vệ sức khỏe nhân dân, toàn huyện có 2 bệnh viện, 26 trạm xá, thị trấn (có 21 trạm xá xã được xây kiên cố và bán kiên cố). Từ các bệnh viện huyện đến các trạm xá xã, thị trấn đều đã được đầu tư trang thiết bị y tế và cơ sở vật chất, đảm bảo tốt việc phục vụ khám, chữa bệnh cho nhân dân và khám tuyển nghĩa vụ quân sự hàng năm.

Các mặt kinh tế, văn hóa, xã hội của huyện phát triển đã có tác động tích cực đến công tác quân sự địa phương. Tiếp tục thực hiện Nghị quyết 02 của Bộ Chính trị, để xây dựng huyện thành pháo đài quân sự, thành khu vực phòng thủ vững chắc, điều quan trọng trước hết là phải xây dựng cơ quan quân sự huyện (cơ quan tham mưu, giúp việc chủ yếu cho Huyện uỷ, Uỷ ban nhân dân huyện về công tác quân sự địa phương) thật sự trong sạch, vững mạnh cả về tổ chức lãnh đạo và tổ

chức chỉ huy; có đủ năng lực và trình độ làm tham mưu cho cấp uỷ và chính quyền huyện về xây dựng pháo đài quân sự và khu vực phòng thủ.

Năm 1992, Chi bộ Ban chỉ huy quân sự huyện gồm có 35 đảng viên (34 đảng viên chính thức và 1 đảng viên dự bị), do đồng chí Ma Công Như làm Bí thư Chi bộ; đồng chí Trương Minh Tú làm Phó Bí thư Chi bộ, Nguyễn Văn Hồng làm Chi ủy viên.

Được sự quan tâm lãnh đạo thường xuyên và chặt chẽ của Ban Thường vụ Huyện uỷ và Ban Cán sự Đảng Quân sự huyện, Chi bộ Ban chỉ huy quân sự huyện Phú Lương luôn quán triệt và giữ vững nguyên tắc, chế độ sinh hoạt Đảng; duy trì nghiêm túc chế độ sinh hoạt lãnh đạo định kỳ vào ngày 19 hàng tháng. Chi bộ coi trọng sinh hoạt tự phê bình và phê bình; nội bộ Chi bộ, Chi uỷ, Ban chỉ huy quân sự huyện luôn đảm bảo đoàn kết, thống nhất. Đội ngũ cán bộ đảng viên trong Cơ quan quân sự huyện được Chi bộ quản lý chặt chẽ về mọi mặt. Năm 1992, Chi bộ đã kịp thời phát hiện và xử lý kỉ luật 2 đảng viên vi phạm kỉ luật thời gian học tập, công tác (1 khiển trách và 1 cảnh cáo). Chất lượng lãnh đạo của Chi bộ cũng như chất lượng đảng viên trong Chi bộ từng bước được nâng cao. Hai năm 1992, 1993, Chi bộ được Huyện uỷ Phú Lương công nhận đạt tiêu chuẩn vững mạnh, trong sạch; tỉ lệ đảng viên trong Chi bộ đủ tư cách mức 1 đạt từ 92% đến 94%. Dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Chi bộ, Ban chỉ huy quân sự huyện đã tham mưu cho Huyện uỷ, Uỷ ban nhân dân huyện lãnh đạo, chỉ đạo công tác quân sự địa phương đạt nhiều kết quả.

Đầu năm 1992, để từng bước nâng cao chất lượng huấn luyện lực lượng dân quân tự vệ, Ban chỉ huy quân sự huyện Phú Lương tham mưu cho Huyện uỷ, Uỷ ban nhân dân huyện mở 3 lớp tập huấn cho hầu hết cán bộ dân quân tự vệ ở toàn bộ 32 cơ sở đầu mối trực thuộc (gồm 25 cơ sở dân quân xã, thị trấn và 7 cơ sở tự vệ cơ quan, đơn vị). Kết thúc năm 1992, 100% cơ sở dân quân, tự vệ trong huyện đã hoàn thành nhiệm vụ huấn luyện, tăng 43% so với năm 1991.

Năm 1992, Ban chỉ huy quân sự huyện Phú Lương tập trung tham mưu cho Huyện uỷ, Uỷ ban nhân dân huyện lãnh đạo, chỉ đạo khắc phục những yếu kém, khuyết điểm trong công tác quân sự địa phương, đặc biệt là những thiếu sót, khuyết điểm trong việc tuyển chọn và gọi thanh niên nhập ngũ. Ban chỉ huy quân sự huyện làm tham mưu cho Huyện uỷ ra Chỉ thị số 02 và Uỷ ban nhân dân huyện ra Chỉ thị số 08 lãnh đạo, chỉ đạo công tác tuyển quân năm 1992. Các Chỉ thị 02 và 08 của Huyện uỷ và Uỷ ban nhân dân huyện chỉ rõ: Năm 1992, chỉ tiêu tuyển quân của huyện được giao khá cao (gấp 3,56 lần năm 1990 và gấp 1,67 lần năm 1991) và tuyển được 285 thanh niên vào bộ đội, hoàn thành 100% chỉ tiêu được giao. Toàn bộ các xã, thị trấn trong huyện đều có người đi khám sức khoẻ và đều có người nhập ngũ (không có “xã trắng”). Báo cáo Tổng kết công tác tuyển quân năm 1993 của Bộ chỉ huy quân sự tỉnh đánh giá Phú Lương là huyện có nhiều tiến bộ trong công tác tuyển quân.

Tuy nhiên, do tình hình kinh tế xã hội và đời sống nhân dân các dân tộc trong huyện còn nhiều khó khăn; những hiện

tượng tiêu cực, vi phạm Luật Nghĩa vụ quân sự chưa được xử lí kịp thời; vấn đề tranh chấp ruộng đất trên địa bàn huyện vẫn còn tiếp tục xảy ra gay gắt ở một số xã; nhiều thanh niên trong lứa tuổi nhập ngũ phân tán đi làm ăn xa (phần lớn đi vào các vùng khai thác vàng ở Khau Âu (Phú Lương), Thượng Lương (Na Rì)); chất lượng thanh niên trong độ tuổi nhập ngũ, nhất là chất lượng về văn hoá còn thấp (năm 1991 toàn huyện chỉ có 341 học sinh phổ thông trung học, bằng 1,5% tổng số học sinh phổ thông); nhiều Xã đội trưởng tinh thần trách nhiệm giảm sút (do đang hưởng lương từ 1 định xuất xuống còn 1/2 định suất). Các khó khăn hạn chế trên đã có tác động tiêu cực không nhỏ đến công tác quân sự địa phương ở cơ sở nói chung, công tác tuyển quân nói riêng. Trong khi đó, việc đăng kí nghĩa vụ quân sự ở một số cơ sở làm chưa tốt, chưa thành nền nếp; công tác tổ chức khám sức khoẻ chưa được chỉ đạo thực hiện theo kế hoạch một cách chặt chẽ, phải khám đi, khám lại nhiều lần, tỉ lệ thanh niên đến khám sức khoẻ so với số thanh niên được gọi khám chỉ đạt 60% (thấp nhất trong số các huyện, thành phố ở Thái Nguyên); số thanh niên trúng tuyển được huyện phát lệnh gọi nhập ngũ nhưng không có mặt tại Trạm giao, nhận quân lên tới 36 người (chiếm tỉ lệ 11,28% so với tổng số người được lệnh gọi nhập ngũ). Tỉ lệ thanh niên chống, trốn lệnh gọi nhập ngũ lên tới 8,5%, trong khi đó tỉ lệ phát lệnh dự phòng của huyện lên tới 13,92% (cao nhất các huyện, thành phố ở Thái Nguyên).

Báo cáo của Bộ chỉ huy quân sự tỉnh cũng chỉ rõ những điểm thiếu sót, khuyết điểm của lực lượng vũ trang nhân dân

huyện Phú Lương trong năm 1992 là: “Chỉ đạo và tổ chức huấn luyện dân quân tự vệ còn chậm”⁽¹⁾ Kết luận của Bộ chỉ huy quân sự tỉnh nhấn mạnh “Công tác quản lý địa bàn và tham mưu với cấp uỷ và chính quyền trong việc đẩy mạnh xây dựng cơ sở, phát huy vai trò của lực lượng dân quân tự vệ làm công tác tuần tra, canh gác đảm bảo an ninh trật tự ở cơ sở còn hạn chế. Trên địa bàn huyện còn nhiều tệ nạn xã hội phức tạp, cơ sở yếu còn nhiều, kết quả cải tạo quân nhân đào, lạc ngũ còn thấp”.

Kết quả chấm điểm thi đua năm 1992 bình quân các mặt, lực lượng vũ trang nhân dân huyện Phú Lương đạt 7,17 điểm; xếp thứ 5 trong số 13 huyện, thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh; đạt Đơn vị khá toàn diện⁽²⁾.

Đánh giá kết quả thực hiện phong trào Thi đua Quyết thắng năm 1992 của Lực lượng vũ trang nhân dân huyện Phú Lương, Bộ chỉ huy quân sự tỉnh kết luận: “Đơn vị có nhiều tiến bộ, xây dựng cơ quan có nền nếp, duy trì chế độ thường trực sẵn sàng chiến đấu đúng qui định, huấn luyện dân quân tự vệ và cán bộ cơ quan quân sự huyện đạt kết quả tốt, xây dựng

⁽¹⁾ Theo Thông báo số 241/TB-DQTV ngày 19-8-1992 của Bộ chỉ huy quân sự tỉnh về kết quả huấn luyện dân quân tự vệ 9 tháng đầu năm 1992, toàn huyện mới có 7 trên 25 cơ sở dân quân (bằng 28%) và 1 trên 7 cơ sở tự vệ (bằng 14,28%) hoàn thành nhiệm vụ huấn luyện năm 1992 (đạt 25%), thấp hơn so với tỉ lệ chung của toàn tỉnh là 20%, đứng thứ 10 trong số 15 đơn vị đầu mối trực thuộc tỉnh. Tại thời điểm này, số cơ sở dân quân tự vệ hoàn thành nhiệm vụ huấn luyện năm 1992, ở huyện Đại Từ là 100% thị xã Sông Công 92,3%, huyện Phú Bình 67,8%, huyện Phổ Yên 60%....

⁽²⁾ Điểm thi đua của các huyện xếp trên huyện Phú Lương là Đại Từ: 7,77 (xếp thứ nhất), Phú Bình: 7,3 (xếp thứ nhì), thành phố Thái Nguyên: 7,24 (xếp thứ ba), huyện Phổ Yên: 7,24 (xếp thứ tư).

và bổ sung được Phương án phòng thủ khu vực và Kế hoạch A2, tuyển quân đạt 100% chỉ tiêu, đăng kí và quản lí chặt chẽ quân dự bị động viên, duy trì công tác Đảng – Công tác chính trị thành nền nếp thường xuyên, làm kinh tế vượt chỉ tiêu; nội bộ cấp uỷ, chỉ huy cơ bản đoàn kết, thống nhất; Chi bộ đạt vững mạnh, trong sạch; Đơn vị đạt vững mạnh toàn diện”.

Để kịp thời khắc phục các thiếu sót, khuyết điểm, đảm bảo chỉ tiêu tuyển quân trên giao, Ban Thường vụ Huyện uỷ, Ủy ban nhân dân huyện Phú Lương chỉ thị cho: cấp uỷ, chính quyền các xã, thị trấn:

1 - Phải coi công tác tuyển quân là một trong những nhiệm vụ trọng tâm ở cơ sở, để từ đó có chủ trương, kế hoạch, biện pháp động viên, thăm hỏi, giúp đỡ những gia đình có thanh niên sẵn sàng nhập ngũ.

2 - Mỗi cán bộ, đảng viên phải gương mẫu chấp hành và vận động nhân dân thực hiện Luật Nghĩa vụ quân sự và chính sách hậu phương quân đội tại cơ sở mình; nếu cán bộ, đảng viên nào vi phạm phải được kiểm điểm nghiêm túc và xử lí bằng các hình thức kỉ luật...

3 - Ban chỉ huy quân sự huyện tập trung cán bộ xuống cùng với các xã, thị trấn đôn đốc công tác tuyển chọn, gọi thanh niên nhập ngũ, tổ chức giao quân chặt chẽ, đúng kế hoạch, an toàn tuyệt đối.

4- Các ngành nội chính tăng cường phối, kết hợp chặt chẽ với Hội đồng Nghĩa vụ quân sự các cấp, đẩy mạnh kiểm tra, giám sát việc thực hiện Luật Nghĩa vụ quân sự, kiên quyết xử

lí những trường hợp chống đối hoặc có hành vi cản trở thanh niên thực hiện Luật Nghĩa vụ quân sự.

5- Các tổ chức đoàn thể từ huyện xuống cơ sở tập trung chỉ đạo, tuyên truyền vận động nhân dân, hội viên, đoàn viên..., thực hiện tốt Luật Nghĩa vụ quân sự và chính sách hậu phương quân đội.

Thực hiện chỉ thị của Huyện uỷ và Uỷ ban nhân dân huyện, Ban chỉ huy quân sự huyện Phú Lương tổ chức hội nghị với các ban, ngành, đoàn thể và các đơn vị nhận quân; hiệp đồng triển khai các bước từ khám tuyển, đến thâm nhập, phúc tra “Ba gặp”, “Bốn biết”⁽¹⁾, thực hiện dân chủ trong công tác tuyển quân theo Luật Nghĩa vụ quân sự.

Năm 1993, tỉnh giao chỉ tiêu cho huyện tuyển chọn 290 thanh niên vào bộ đội. Trong vòng 4 năm (từ 1990 đến 1993), đây là năm huyện được tỉnh giao chỉ tiêu tuyển quân lớn nhất. Căn cứ vào chỉ tiêu tỉnh giao, Ban chỉ huy quân sự huyện làm tham mưu cho Uỷ ban nhân dân và Hội đồng Nghĩa vụ quân sự huyện phát lệnh gọi 1.140 thanh niên đi khám sức khoẻ. Kết quả, toàn huyện có 823 thanh niên đến khám tuyển, đạt tỉ lệ 72% (tăng 12% so với năm 1992). Các xã Túc Tranh, Phú Lí, số thanh niên đến khám tuyển vượt 20%; xã Hợp Thành đạt 100%. Trong số 823 thanh niên đến khám tuyển nghĩa vụ quân sự có 597 người đủ sức khoẻ nhập ngũ (đạt 72,54%).

⁽¹⁾ Ba gặp: Gặp bản thân người nhập ngũ, gặp gia đình người nhập ngũ, gặp chính quyền cơ sở nơi người nhập ngũ cư trú.

Bốn biết: Biết văn hoá, biết phẩm chất đạo đức, biết sức khoẻ, biết hoàn cảnh gia đình của người nhập ngũ.

Căn cứ vào chỉ tiêu tuyển quân mà Hội đồng Nghĩa vụ quân sự huyện đã giao cho từng cơ sở, các xã (thị trấn) chủ động xét duyệt từng điều kiện nhập ngũ, từng trường hợp tạm hoãn hoặc miễn gọi nhập ngũ, đảm bảo dân chủ, đúng luật; tạo điều kiện thuận lợi cho cán bộ các đơn vị nhận quân về thâm nhập, phúc tra từng trường hợp. Trong quá trình xét duyệt, các cơ sở đã loại 15 trường hợp do yếu sức khoẻ, không biết chữ hoặc nghiện ma tuý và 1 trường hợp có tiền án, tiền sự. Căn cứ vào chỉ tiêu trên giao và kết quả xét duyệt, Hội đồng Nghĩa vụ quân sự huyện phát lệnh gọi 316 thanh niên nhập ngũ (có 26 trường hợp dự phòng, tỉ lệ dự phòng chiếm 8%, giảm 5,92% so với năm 1992).

Trong số 316 thanh niên được Hội đồng Nghĩa vụ quân sự huyện phát lệnh gọi nhập ngũ, có 309 người có mặt tại Trạm giao quân (đạt tỉ lệ 97,78% tăng 9,06% so với năm 1992). Trong số 7 người không có mặt tại Trạm giao quân, có 3 người vắng mặt có lí do (bằng 0,95%) và 4 người vắng mặt không lí do (bằng 1,26%). Các xã Tức Tranh, Phấn Mễ, Phú Đô, Động Đạt, Phủ Lí, Hợp Thành, Ôn Lương, Yên Đổ, Yên Lạc, Yên Ninh, Yên Trạch, Yên Đình, Thanh Bình, Như Cố, Bình Văn, Yên Hân, Yên Cư và các thị trấn Giang Tiên, Chợ Mới đảm bảo 100% số người được lệnh gọi nhập ngũ có mặt tại Trạm giao quân. 11 giờ ngày 8-9-1993, huyện Phú Lương đã giao quân đạt 100% chỉ tiêu trên giao. Trong số 290 thanh niên là con em nhân dân các dân tộc huyện Phú Lương lên đường nhập ngũ năm 1993 có 86% tuổi đời từ 18 đến 20, 14% tuổi đời từ 21 đến 24, 39% có trình độ văn hoá cấp I (tiểu học), 50% trình độ văn hoá cấp II (trung học cơ sở) và 11% trình

độ văn hoá cấp III (phổ thông trung học), 25% là đoàn viên Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh.

Tại Hội nghị Tổng kết công tác quân sự địa phương năm 1993, Ban chỉ huy quân sự huyện Phú Lương đã biểu dương các xã Túc Tranh, Phủ Lí, Hợp Thành, Yên Cư, Yên Hân, Sơn Cẩm, Như Cố, Động Đạt, Ôn Lương, Yên Ninh, Thanh Bình hoàn thành tương đối xuất sắc nhiệm vụ tuyển quân và thăng tiến phê bình hai xã Vô Tranh, Nông Hạ không hoàn thành công tác tuyển quân.

Một trong những thành tựu nổi bật trong công tác quân sự địa phương của huyện Phú Lương năm 1993 là đã tổ chức thành công Hội thao quốc phòng 3 môn quân sự phối hợp⁽¹⁾ của lực lượng vũ trang nhân dân huyện. Là huyện đầu tiên trong tỉnh tổ chức Hội thao quốc phòng 3 môn quân sự phối hợp trong lực lượng vũ trang nhân dân địa phương, Huyện uỷ, Uỷ ban nhân dân huyện và Ban chỉ huy quân sự huyện đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo chặt chẽ, chu đáo. Ngày 20-10-1993, Uỷ ban nhân dân huyện ra chỉ thị về tổ chức Hội thao quân sự, trong đó nhấn mạnh: Mục đích của Hội thao nhằm đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ xây dựng nền quốc phòng toàn dân vững mạnh; củng cố và xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân địa phương trong tình hình mới; đánh giá kết quả huấn luyện và động viên phong trào rèn luyện thể lực của cán bộ, chiến sĩ các lực lượng bộ đội địa phương, dân quân, tự vệ trong huyện. Chỉ thị cũng chỉ rõ: Hội thao quân sự là ngày hội thi tài của

⁽¹⁾ Ba môn Hội thao gồm: chạy vũ trang 3.000m, nữ 1.500m; bắn súng trường CKC của dân quân tự vệ cả nam và nữ, bắn súng ngắn K54 của cán bộ cơ quan quân sự huyện; ném lựu đạn trúng đích

lực lượng vũ trang địa phương trong toàn huyện, nên phải được chuẩn bị chu đáo và tuyên truyền thi đua rộng rãi từ cơ sở. Ủy ban nhân dân huyện quyết định thành lập Ban Chỉ đạo Hội thao do các đồng chí Đoàn Đình Thế, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện làm Trưởng ban; Trương Minh Tú, Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy quân sự huyện làm Phó ban. Ban Chỉ đạo Hội thao tổ chức Tổ Giám khảo gồm 7 đồng chí do các đồng chí Nguyễn Văn Hồng, Chỉ huy phó – Tham mưu trưởng Ban chỉ huy quân sự huyện làm Tổ trưởng và Hà Văn Lỗi, Tham mưu phó Ban chỉ huy quân sự huyện làm Tổ phó. Cuối tháng 11-1993, tại các khu vực thị trấn Đu và xã Động Đạt, Hội thao quốc phòng 3 môn quân sự phối hợp của lực lượng vũ trang nhân dân huyện Phú Lương đã được tổ chức, thu hút 100% các tổ chức cơ sở dân quân tự vệ, bộ đội địa phương trực thuộc huyện tham gia. Do được chuẩn bị chu đáo nên Hội thao quốc phòng năm 1993 của lực lượng vũ trang nhân dân huyện Phú Lương đã thu được kết quả tốt, giúp Bộ chỉ huy quân sự tỉnh rút ra nhiều kinh nghiệm về lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức Hội thao quốc phòng để chỉ đạo các huyện, thành phố khác trong tỉnh. Bộ chỉ huy quân sự tỉnh đánh giá cao cuộc Hội thao quốc phòng 3 môn quân sự phối hợp của lực lượng vũ trang nhân dân huyện Phú Lương.

Công tác hậu phương quân đội của huyện Phú Lương năm 1993 cũng có nhiều tiến bộ so với năm 1992. Trong năm, quân và dân toàn huyện làm được 8 nhà tình nghĩa; tặng 22 sổ tiết kiệm cho thương binh, gia đình liệt sĩ, gia đình bộ đội gặp khó khăn. Đời sống cán bộ, chiến sĩ cơ quan quân sự huyện có nhiều cải thiện so với các huyện, thành phố trong tỉnh; mỗi

cán bộ, chiến sĩ được cơ quan đóng và cấp cho một bộ bàn ghế trị giá 150.000 đồng; tăng gia sản xuất, cải thiện đời sống bình quân mỗi người đạt 300.000 đồng (vượt 50.000 đồng so với chỉ tiêu của Bộ chỉ huy quân sự tỉnh đề ra).

Các mặt hoạt động tác chiến, trị an, huấn luyện cán bộ, chiến sĩ lực lượng vũ trang địa phương của huyện có nhiều tiến bộ. Huyện và 100% các xã, thị trấn trên địa bàn xây dựng, hoàn chỉnh phương án phòng thủ và kế hoạch Phòng chống biểu tình, gây rối, bạo loạn (kế hoạch A2); huấn luyện quân thường trực đạt kết quả khá, tỉ lệ quân số tham gia huấn luyện đạt 95%; 100% cơ sở dân quân, tự vệ hoàn thành nhiệm vụ huấn luyện. Năm 1993, lực lượng vũ trang nhân dân huyện Phú Lương đã được Hội nghị Tổng kết công tác quốc phòng – quân sự địa phương năm 1993 của tỉnh (do Bộ chỉ huy quân sự tỉnh tổ chức đầu năm 1994) đánh giá là Đơn vị đạt khá toàn diện, có nhiều mặt tiến bộ so với năm 1992; điểm thi đua bình quân toàn huyện đạt 7,85 điểm (tăng 0,68 điểm so với năm 1992). Trong khối huyện, thành, thị, lực lượng vũ trang huyện Phú Lương đã vươn từ vị trí thứ 5 (năm 1992), lên vị trí thứ 4 (năm 1993).

Nhằm tăng cường sự lãnh đạo của Đảng bộ huyện đối với công tác quân sự địa phương, ngày 4-5-1994, Ban Thường vụ Huyện uỷ ra Quyết định số 390/QĐ-HU thành lập Đảng bộ Quân sự huyện Phú Lương trực thuộc Huyện uỷ. Quyết định chỉ rõ: Đảng bộ Quân sự huyện Phú Lương được thành lập trên cơ sở tổ chức Đảng và đảng viên Chi bộ Ban chỉ huy quân sự huyện và căn cứ vào Qui định số 71/ĐUQS ngày 22-7-1993 của Đảng uỷ Quân sự Trung ương về tổ chức cơ sở Đảng trong

Quân đội Nhân dân Việt Nam, Hướng dẫn số 251/B-TC ngày 9-10-1993 của Cục Chính trị Quân khu I và Hướng dẫn số 01/HD -TC của Ban Tổ chức Tỉnh uỷ Bắc Thái về việc thành lập Đảng bộ Quân sự huyện, thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh. Tổ chức và hoạt động của Đảng bộ Quân sự huyện Phú Lương thực hiện theo các điều 28, 29, 30 của Điều lệ Đảng. Cùng ngày, Ban Thường vụ Huyện uỷ Phú Lương ra Quyết định số 392/QĐ-HU chỉ định Ban Chấp hành (lâm thời) Đảng bộ Quân sự huyện (thay cho hoạt động của Ban Cán sự Đảng Quân sự huyện và Chi uỷ Chi bộ Ban chỉ huy quân sự huyện) gồm các đồng chí Lê Văn Văn (Tỉnh uỷ viên, Bí thư Huyện uỷ) làm Bí thư; Nguyễn Văn Tuấn (Trung tá, Chỉ huy phó Chính trị Ban chỉ huy quân sự huyện) làm Phó Bí thư và các đồng chí Đoàn Đình Thế (Chủ tịch Uỷ ban nhân dân huyện), Trương Minh Tú (Trung tá, Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy quân sự huyện), Nguyễn Văn Hồng (Thiếu tá Chỉ huy phó – Tham mưu trưởng Ban chỉ huy quân sự huyện) làm Uỷ viên.

Thực hiện Quyết định số 390/QĐ-HU ngày 4-5-1994 của Ban Thường vụ Huyện uỷ, căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan thuộc Ban chỉ huy quân sự huyện, Đảng uỷ Quân sự huyện tổ chức thành lập các chi bộ trực thuộc gồm:

- 1- Chi bộ Tham mưu, 14 đảng viên, Ban Chi uỷ gồm các đồng chí Nguyễn Văn Hồng (Bí thư), Triệu Hạnh Kiểm (Phó Bí thư), Nguyễn Hồng Quân (Chi uỷ viên).
- 2- Chi bộ Chính trị, 8 đảng viên, do các đồng chí Lê Văn Quyền làm Bí thư, Nguyễn Song Hỷ làm Phó Bí thư.
- 3- Chi bộ Hậu cần, 8 đảng viên, do các đồng chí Khổng Ngọc Minh làm Bí thư, Bùi Văn Ngọc làm Phó Bí thư.

Thực hiện Quyết định số 392/QĐ-HU của Ban Thường vụ Huyện uỷ, ngày 25-5-1994, Đảng bộ Quân sự huyện Phú Lương tổ chức Đại hội Đảng bộ lần thứ nhất (nhiệm kì 1994-1996). Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Đảng bộ Quân sự huyện trình bày tại Đại hội đã khẳng định: Từ năm 1992 đến năm 1994, Lực lượng vũ trang nhân dân huyện Phú Lương đã duy trì thường xuyên và thực hiện nghiêm túc các chế độ thường trực sẵn sàng chiến đấu (trực ban, trực chỉ huy, trực chiến); hiệp đồng chặt chẽ với lực lượng Công an huyện và các đơn vị bộ đội chủ lực đóng quân trên địa bàn xử lí kịp thời các tình huống xảy ra, góp phần giữ vững an ninh chính trị và trật tự xã hội ở từng cơ sở. Các kế hoạch tác chiến, phòng thủ, tác chiến trị an; phòng, chống biểu tình, gây rối, bạo loạn; chuyển trạng thái sẵn sàng chiến đấu từ huyện xuống các xã, thị trấn cơ quan, đơn vị trong toàn huyện đã được xây dựng xong, trong đó các loại kế hoạch của huyện đã thường xuyên được bổ sung hoàn chỉnh.

Đại hội thẳng thắn chỉ rõ những thiếu sót, khuyết điểm mà lực lượng vũ trang nhân dân huyện cần phải nhanh chóng khắc phục:

1- Duy trì chế độ sẵn sàng chiến đấu có lúc chưa chặt chẽ, đặc biệt là các chế độ bảo đảm quân số trực và kỉ luật trực.

2- Các kế hoạch tác chiến của các cơ sở tuy đã làm xong, nhưng chưa thường xuyên được củng cố, bổ sung hoàn chỉnh và việc tổ chức luyện tập theo kế hoạch còn ít (do khó khăn về kinh phí và thời gian huấn luyện ngắn).

3- Lực lượng dân quân, tự vệ đông nhưng không mạnh; nhiều cấp uỷ Đảng, chính quyền cơ sở chưa thực sự quan tâm,

còn có biểu hiện khoán trắng công tác xây dựng, củng cố tổ chức và huấn luyện dân quân tự vệ cho cơ quan quân sự hoặc cán bộ chuyên trách quân sự.

Nghị quyết Đại hội chỉ rõ một số nhiệm vụ cụ thể của Lực lượng vũ trang nhân dân huyện trong nhiệm kì 1995-1996 là:

1- Xây dựng Cơ quan quân sự huyện đủ sức làm tham mưu cho Huyện uỷ, Uỷ ban nhân dân huyện lãnh đạo, chỉ đạo, triển khai thực hiện tốt công tác quân sự địa phương.

2- Lực lượng dân quân tự vệ phải thường xuyên được củng cố, kiện toàn về tổ chức và phải được huấn luyện tốt, có độ tin cậy cao về chính trị.

3- Lực lượng dự bị động viên phải được quản lí chặt chẽ, nắm chắc số lượng và chất lượng, làm tốt công tác động viên theo phương thức mới, nghiêm khắc xử lí những trường hợp vi phạm lệnh động viên.

4- Công tác tuyển quân hàng năm phải đảm bảo hoàn thành 100% chỉ tiêu, đúng luật định; kiên quyết xử lí những trường hợp vi phạm Luật Nghĩa vụ quân sự.

Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Quân sự huyện lần thứ nhất, từ năm 1994 đến năm 1996, được sự lãnh đạo, chỉ đạo chặt chẽ, sát sao của Đảng uỷ Quân sự tỉnh và Bộ chỉ huy quân sự tỉnh; dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp của Huyện uỷ, Uỷ ban nhân dân huyện, Đảng bộ quân sự huyện Phú Lương lãnh đạo lực lượng vũ trang nhân dân huyện tập trung xây dựng, củng cố tổ chức và huấn luyện chiến đấu, đáp ứng mọi yêu cầu, nhiệm vụ của cấp trên và địa phương giao cho, phục vụ đắc lực cho việc thực hiện thắng lợi đường lối đổi mới của

Đảng trên địa bàn huyện. Cơ quan quân sự huyện thường xuyên được củng cố, kiện toàn đủ cán bộ, chiến sĩ theo biểu biên chế của Bộ⁽¹⁾. Đội ngũ cán bộ lãnh đạo, chỉ huy chủ chốt của Cơ quan quân sự huyện gồm các đồng chí Trung tá Trương Minh Tú (Ủy viên Ban Thường vụ Huyện uỷ), Chỉ huy trưởng; Trung tá Nguyễn Văn Tuấn (Phó Bí thư Đảng uỷ Quân sự huyện), Chỉ huy phó Chính trị và Thiếu tá Nguyễn Văn Hồng, Chỉ huy phó – Tham mưu trưởng. “Đại đa số cán bộ, công nhân viên, chiến sĩ an tâm công tác, gắn bó với đơn vị, với địa phương, chấp hành nghiêm kỉ luật, đoàn kết xây dựng đơn vị vững mạnh”⁽²⁾.

Lực lượng dân quân, tự vệ của huyện được xây dựng, củng cố, bảo đảm quân số hợp lí, được quản lí tương đối chặt chẽ, đáp ứng được yêu cầu, nhiệm vụ tác chiến, trị an, bảo vệ và phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội ở cơ sở. Năm 1995, toàn huyện có 32 cơ sở dân quân, tự vệ với 14.397 cán bộ, chiến sĩ. Trong đó, lực lượng dân quân, tự vệ loại I có 2.144 cán bộ, chiến sĩ (chiếm 1,7% so với dân số và 14,89% so với tổng số cán bộ, chiến sĩ dân quân, tự vệ toàn huyện). Trong số 2.144 cán bộ, chiến sĩ dân quân, tự vệ loại I có 744 người thuộc lực lượng cơ động chiến đấu, 1.067 người thuộc lực lượng chiến đấu tại chỗ, 273 người thuộc lực lượng đảm bảo và 60 người thuộc lực lượng binh chủng chiến đấu; 142 người là đảng viên,

⁽¹⁾ Năm 1996, cơ quan quân sự huyện có 35 cán bộ, chiến sĩ gồm: 25 sĩ quan, 7 quân nhân chuyên nghiệp và công nhân viên quốc phòng, 3 hạ sĩ quan binh sĩ (trong đó có 82,86% là đảng viên).

⁽²⁾ Báo cáo Tổng kết Công tác năm 1995 của Ban chỉ huy quân sự huyện Phú Lương, tr 6.

1.199 người là đoàn viên, 427 người là bộ đội xuất ngũ và 191 người là phụ nữ. Lực lượng dân quân, tự vệ loại II có 12.253 cán bộ, chiến sĩ, chiếm tỉ lệ 9% so với dân số.

Năm 1996 so với năm 1995, lực lượng dân quân tự vệ loại I tăng 223 cán bộ, chiến sĩ, trong đó lực lượng cơ động chiến đấu tăng 32 người, lực lượng chiến đấu tại chỗ tăng 177 người, lực lượng đảm bảo tăng 14 người. Lực lượng dân quân tự vệ loại I của huyện được biên chế thành 27 trung đội, 2 tiểu đội cơ động chiến đấu với 776 cán bộ, chiến sĩ và 51 trung đội, 56 tiểu đội chiến đấu tại chỗ, với 1.244 cán bộ, chiến sĩ; 2 trung đội binh chủng chiến đấu (súng máy cao xạ 12,7mm) với 60 cán bộ, chiến sĩ và lực lượng đảm bảo gồm 3 tiểu đội và 26 tổ trinh sát, 29 tổ thông tin, với 287 cán bộ, chiến sĩ.

Công tác huấn luyện cán bộ, chiến sĩ lực lượng vũ trang nhân dân huyện được cấp uỷ và chính quyền các cấp từ huyện xuống các xã, thị trấn, cơ quan, đơn vị trong huyện coi trọng.

Hàng năm, cơ quan quân sự huyện đều hoàn thành tốt nhiệm vụ huấn luyện quân sự, chính trị cho cán bộ, chiến sĩ, cả về quân số, nội dung, thời gian; kết quả đạt loại khá.

Số cán bộ chỉ huy trung đội tự vệ và Xã đội dân quân tham gia huấn luyện ở tỉnh và huyện tăng từ 55 đồng chí, ở 100% cơ sở đầu mỗi dân quân, tự vệ (năm 1994), lên 66 đồng chí, ở 100% cơ sở ở đầu mỗi dân quân, tự vệ (năm 1996). Thời gian hoàn thành nhiệm vụ huấn luyện dân quân, tự vệ ở 100% cơ sở đầu mỗi dân quân tự vệ trong toàn huyện rút gọn từ 10 tháng (năm 1994) xuống 4 tháng 20 ngày (năm 1996). Trong lực lượng dân quân, tự vệ loại I, tỉ lệ quân số tham gia huấn

luyện tăng từ 42,77% (năm 1994), lên 47,1% (năm 1996). Năm 1996, toàn huyện còn huấn luyện được 884 cán bộ, chiến sĩ dân quân, tự vệ loại II, thời gian 7 ngày.

Để nâng cao chất lượng công tác huấn luyện, Ban chỉ huy quân sự huyện làm tham mưu cho Huyện ủy, Ủy ban nhân dân huyện tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức diễn tập quân sự theo các phương án, kế hoạch “Phòng, chống biểu tình, gây rối, bạo loạn”, “Tác chiến trị an” và “Phòng – chống địch đồ bộ đường không”, do huyện và các xã xây dựng, đã được các cấp có thẩm quyền phê duyệt. Năm 1994, dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo của Huyện ủy, Ủy ban nhân dân huyện, Ban chỉ huy quân sự huyện chỉ đạo các xã Động Đạt, Phấn Mễ và thị trấn Du thực hành diễn tập chống gây rối, bạo loạn và động viên kiểm tra sẵn sàng chiến đấu các lực lượng dự bị động viên theo cơ chế 02 của Bộ Chính trị. Thành phần tham diễn tập gồm cấp ủy, chính quyền, các ban, ngành, đoàn thể các lực lượng dân quân, công an, quân dự bị động viên ở 3 xã, thị trấn, cùng với các lực lượng công an, quân sự của huyện. Kết quả diễn tập, xã Động Đạt và thị trấn Du đạt khá, xã Phấn Mễ đạt yêu cầu về diễn tập kiểm tra sẵn sàng chiến đấu lực lượng dự bị động viên; 4 giờ sau khi phát lệnh, có 67 cán bộ, chiến sĩ có mặt ở vị trí tập trung, đạt tỉ lệ 76,14 % trên tổng số 88 cán bộ, chiến sĩ được phát lệnh động viên. Trong số 21 cán bộ, chiến sĩ dự bị động viên vắng mặt, 10 người có lí do, 11 người không có lí do. Trong số 11 người vắng mặt không có lí do, huyện đã xử lí 10 trường hợp (có 2 sĩ quan). Thực hiện kết hợp diễn tập quân sự với xây dựng kinh tế, các xã Động Đạt, Phấn Mễ và thị trấn Du đã huy động 2,466 công lao động công ích,

đào đắp 200 mét khối đất đá, tu sửa và làm mới được 1.300 mét đường giao thông. Kết hợp diễn tập quân sự với việc giải quyết các tệ nạn xã hội, làm trong sạch địa bàn, các lực lượng công an huyện, xã và thị trấn phối hợp với lực lượng bộ đội địa phương, dân quân, tự vệ bắt 1 đối tượng có lệnh truy nã, 1 trường hợp thi hành án, bắt 2 vụ đánh bạc, 9 ổ tiêm chích ma túy với 25 đối tượng; bắt 6 thư kí đề, 2 đối tượng giả danh công an, 1 vụ chiếu video đen; thu 0,1 kg thuốc phiện; 1 súng ngắn K59 và 1 quả lựu đạn.

Đứng trước những diễn biến phức tạp của tình hình thế giới, khu vực và trước những âm mưu và thủ đoạn chống phá mới của các thế lực thù địch, năm 1995, thực hiện Chỉ thị số 27/CT-TU của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ Bắc Thái về tổ chức diễn tập phòng thủ 3 cấp (tỉnh, huyện, cơ sở), do Bộ Tư lệnh Quân khu 1 trực tiếp chỉ đạo, Ban Thường vụ Huyện uỷ Phú Lương ra Nghị quyết chuyên đề (số 14/NQ-HU) lãnh đạo cuộc diễn tập phòng thủ PT95 qui mô toàn huyện và quyết định thành lập Ban Chỉ đạo cuộc diễn tập PT 95 do đồng chí Chủ tịch Uỷ ban nhân dân huyện làm Trưởng ban và các đồng chí Chỉ huy trưởng Quân sự huyện và Trưởng Công an huyện làm Phó ban. Căn cứ vào Nghị quyết số 14 của Ban Thường vụ Huyện uỷ, Ban Chỉ đạo diễn tập PT 95 đã xây dựng kế hoạch tổ chức quán triệt sâu sắc mục đích, yêu cầu, nội dung cuộc diễn tập cho các ban, ngành, đoàn thể ở huyện và cấp uỷ Đảng, chính quyền các xã, thị trấn, cơ quan, đơn vị cơ sở trong toàn huyện. Ban Chỉ đạo diễn tập phòng thủ PT95 huyện Phú Lương giao cho Cơ quan quân sự huyện xây dựng kế hoạch và làm trung tâm hiệp đồng với các ban, ngành, đoàn thể và đơn

vị cơ sở trong việc tổ chức chuẩn bị thực hành diễn tập; đồng thời phát động toàn dân thực hiện Nghị định 36/CP của Chính phủ về việc giải phóng hành lang an toàn giao thông, lập lại trật tự an toàn giao thông đường bộ và giao thông đô thị trên Quốc lộ số 3. Kết hợp diễn tập phòng thủ PT95 với việc giải quyết một số vấn đề bức xúc ở địa phương cả về kinh tế và xã hội (truy quét tệ nạn xã hội, làm trong sạch địa bàn, truy thu thuế, giải quyết tranh chấp đất đai ở cơ sở, làm đường giao thông nông thôn, làm thủy lợi, tu sửa trường học, bệnh xá.... v.v.

Thực hiện Nghị quyết của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ Bắc Thái, Nghị quyết của Ban Thường vụ Huyện uỷ Phú Lương và Chỉ thị của Bộ chỉ huy quân sự tỉnh; triển khai kế hoạch của Uỷ ban nhân dân huyện, Ban chỉ huy quân sự huyện Phú Lương chủ động soạn thảo các văn kiện về nội dung, kế hoạch, phương án diễn tập. Để cuộc diễn tập PT95 đạt kết quả tốt, Ban chỉ huy quân sự huyện làm tham mưu cho Huyện uỷ, Uỷ ban nhân dân huyện mở 1 lớp bồi dưỡng, tập huấn, quán triệt mục đích, yêu cầu, nội dung và các bước tiến hành diễn tập cho các đồng chí cán bộ là Bí thư, Chủ tịch, Trưởng Công an, Xã đội trưởng các xã, thị trấn trong huyện.

Từ ngày 2 đến ngày 5-8-1995, cùng với quân và dân các huyện, thành phố, thị xã trong tỉnh, quân và dân huyện Phú Lương tiến hành cuộc diễn tập phòng thủ PT95. Đây là cuộc diễn tập có qui mô toàn huyện, vừa xử lý một số tình huống theo kế hoạch phòng chống biểu tình, gây rối, bạo loạn; vừa kết hợp giải quyết một số vấn đề kinh tế – xã hội, nên có

nghĩa to lớn và thiết thực, được quân và dân trong huyện đồng tình ủng hộ.

Các đồng chí Đoàn Đình Thế (Bí thư Huyện uỷ, Bí thư Đảng uỷ Quân sự huyện), Bảo Văn Lạc (Phó Bí thư Huyện uỷ, Chủ tịch Uỷ ban nhân dân huyện, Uỷ viên Đảng uỷ Quân sự huyện) đã trực tiếp lãnh đạo, chỉ đạo cuộc diễn tập. Trong quá trình thực hành diễn tập, Huyện uỷ, Uỷ ban nhân dân huyện đã lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp và sát sao các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể ở huyện và các cơ sở, đơn vị tổ chức thực hành diễn tập đúng nội dung, qui trình theo Cơ chế 02 của Bộ Chính trị. Ban chỉ huy quân sự huyện duy trì chặt chẽ các chế độ trực chỉ huy, trực ban, trực chiến; nhận của Ban Chỉ đạo diễn tập và báo cáo Huyện uỷ, Uỷ ban nhân dân huyện kịp thời, chính xác các chỉ thị, mệnh lệnh chuyển trạng thái sẵn sàng chiến đấu, động viên quân dự bị của cấp trên; kịp thời tham mưu cho các đồng chí Bí thư Huyện uỷ, Chủ tịch Uỷ ban nhân dân huyện chủ trương, biện pháp xử lý các tình huống diễn tập phù hợp với tình hình cụ thể của huyện; trực tiếp chỉ huy Lực lượng vũ trang nhân dân huyện xử lý các tình huống diễn tập đạt kết quả tốt. Ngoài ra, Ban chỉ huy quân sự huyện còn chủ động phối hợp với các ban, ngành, đoàn thể, cùng với các đồng chí lãnh đạo Huyện uỷ, Uỷ ban nhân dân huyện xuống một số xã, thị trấn đọc Quốc lộ số 3 kiểm tra việc thực hiện một số nội dung cuộc diễn tập.

Trong quá trình chuẩn bị và thực hành diễn tập, các ngành, các đoàn thể: Y tế, Xây dựng, Giao thông, Bưu điện, Mặt trận Tổ quốc huyện có nhiều cố gắng, đạt hiệu quả cao, được Ban chỉ đạo diễn tập PT95 của huyện biểu dương.

Nhờ tổ chức quán triệt sâu rộng trong lãnh đạo, chỉ đạo; trong các ban, ngành, đoàn thể quần chúng và nhân dân mục đích, yêu cầu của cuộc diễn tập; các xã, thị trấn trong huyện đã phát huy được sức mạnh toàn dân, huy động được đông đảo nhân lực, vật lực đảm bảo cho công tác quân sự và kết hợp tốt diễn tập quân sự với giải quyết một số vấn đề bức xúc về kinh tế, xã hội ở cơ sở. Ban Chỉ đạo diễn tập PT95 của huyện đã biểu dương các đơn vị thị trấn Chợ Mới tổ chức kịp thời, chặt chẽ, đủ thành phần, triển khai kịp thời mọi hoạt động theo nội dung diễn tập; làm tốt công tác tuyên truyền, giáo dục cán bộ, đảng viên, nhân dân và lực lượng dân quân tự vệ mục đích, yêu cầu, nội dung diễn tập; huy động lực lượng thực hiện có hiệu quả nội dung kết hợp diễn tập quân sự với làm trong sạch địa bàn và làm đường giao thông. Xã Phú Đô đã thực hiện tốt Cơ chế 02, các đồng chí cán bộ chủ trì của Đảng ủy, Ủy ban nhân dân xã trực tiếp triển khai điều hành diễn tập; kết hợp với diễn tập quân sự, huy động được đông đảo quần chúng nhân dân trong xã tham gia làm đường giao thông nông thôn (cả xã chỉ có 4 gia đình không có người tham gia lao động). Xã Quảng Chu đã huy động được 100% cán bộ, chiến sĩ dân quân tham gia diễn tập làm trong sạch địa bàn và làm đường giao thông nông thôn.

Trong cuộc diễn tập PT95, kết hợp quốc phòng với kinh tế, toàn huyện đã huy động 91.979 ngày công lao động (các xã huy động được nhiều công lao động là Sơn Cẩm 22.300 công, Yên Trạch 21.780 công, Phú Lý 11.000 công, Yên Lạc 10.000 công...), 5 xe ô tô, 10 xe công nông, 8 xe trâu (ngựa) kéo và hơn một chục xe máy, 600 cây tre, làm mới và tu sửa được

273,5 km đường giao thông liên xã, liên thôn; tu sửa và làm lại 15 cầu; nạo vét mương thủy lợi được 730 mét khối đất; sửa chữa 1 lớp học và đóng mới 10 bộ bàn ghế học sinh. Các xã trong huyện trưng thu được 9.022.000 đồng tiền thuế nông nghiệp, quyền góp được 5.500.000 đồng vào quỹ an ninh – quốc phòng, xử lý vi phạm hành chính đưa vào ngân sách địa phương 9.080.000 đồng.

Kết hợp diễn tập quân sự với việc làm trong sạch địa bàn, lập lại trật tự an toàn xã hội, toàn huyện đã gọi giáo dục 132 đối tượng là chủ đề và thư kí đề, 63 đối tượng nghiện hút ma túy, 20 đối tượng có tiền án, tiền sự, trộm cắp; xử phạt và giáo dục 24 đối tượng chống khám tuyển nghĩa vụ quân sự, bắt và xử phạt 45 đối tượng cờ bạc; xử lý 8 đối tượng đào ngũ, 15 đối tượng gây rối và cư trú trái phép, tịch thu 76 kilôgam thuốc nổ; tháo dỡ 926 lều quán vi phạm hành lang an toàn giao thông; giải phóng và qui định lại vị trí của 8 chợ cóc. Trong quá trình diễn tập, tình hình an ninh và trật tự an toàn xã hội trên địa bàn huyện được giữ vững, đảm bảo bí mật và an toàn tuyệt đối về người, vũ khí và phương tiện tham gia diễn tập. Cuộc diễn tập phòng thủ PT95 của huyện Phú Lương đã thực sự mang lại hiệu quả thiết thực cả về quốc phòng, kinh tế và xã hội, góp phần xây dựng, củng cố nền quốc phòng toàn dân và thế trận chiến tranh nhân dân kết hợp với thế trận an ninh nhân dân trên địa bàn huyện ngày càng vững mạnh.

Cuộc diễn tập PT95 của huyện Phú Lương đã được Đoàn Đạo diễn của Quân khu 1 đánh giá đạt đơn vị khá; Ban chỉ huy quân sự huyện Phú Lương được kết luận đạt 7,2 điểm trên thang 10 điểm (Đơn vị trung bình khá).

Kết thúc cuộc diễn tập PT95, Ủy ban nhân dân huyện Phú Lương đã quyết định khen thưởng thị trấn Chợ Mới, các xã Túc Tranh, Phú Đô, Ban chỉ huy quân sự huyện và các phòng Giao thông, Thủy lợi; biểu dương các xã Sơn Cẩm, Phấn Mễ, Cổ Lũng, Quảng Chu, Nông Hạ và các cơ quan Trung tâm Y tế, Bưu điện, Mặt trận Tổ quốc huyện.

Ban Chỉ đạo diễn tập PT95 huyện Phú Lương cũng thẳng thắn phê bình các xã Yên Đĩnh, Nông Thịnh và thị trấn Giang Tiễn tổ chức diễn tập thiếu chặt chẽ, chấp hành các chỉ thị, mệnh lệnh của trên chưa được nghiêm túc, kết quả diễn tập đạt thấp, ảnh hưởng không tốt đến thành tích chung của toàn huyện. “Một số ban, ngành ở huyện khi lập kế hoạch diễn tập còn sơ sài; còn coi diễn tập quân sự là của cơ quan quân sự chứ không phải là nhiệm vụ của cấp uỷ, chính quyền các ban, ngành, đoàn thể và của toàn dân”⁽¹⁾.

Thông qua diễn tập phòng thủ PT 95, các cấp từ huyện xuống các xã, thị trấn, cơ quan, đơn vị trong huyện đã bổ sung hoàn chỉnh các kế hoạch A và A2 phù hợp với tình hình cụ thể của từng cơ sở nhằm không ngừng nâng cao tinh thần cảnh giác cách mạng cho nhân dân và cán bộ, chiến sĩ Lực lượng vũ trang địa phương, sẵn sàng xử lý các tình huống “Diễn biến hoà bình”, “Bạo loạn lật đổ” do các thế lực thù địch gây ra, giữ vững an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội, bảo vệ vững chắc chế độ xã hội chủ nghĩa ở ngay từng cơ sở, góp phần xây dựng nền quốc phòng toàn dân, thế trận chiến tranh nhân dân trên địa bàn huyện ngày càng vững mạnh; góp phần cùng với

⁽¹⁾ Báo cáo kết quả diễn tập phòng thủ Pt95 huyện Phú Lương, trang 4.

Đảng bộ và nhân dân trong huyện thực hiện thắng lợi đường lối đổi mới của Đảng.

Tiếp đó, từ ngày 13 đến ngày 18 tháng 12, năm 1996, Ban chỉ huy quân sự huyện Phú Lương chỉ đạo 2 xã Sơn Cẩm và Cổ Lũng thực hiện thắng lợi cuộc diễn tập thực nghiệm tác chiến trị an ZT96. Cuộc diễn tập gồm 3 giai đoạn: Giai đoạn 1: chuyển trạng thái sẵn sàng chiến đấu từ thường xuyên lên cao. Giai đoạn 2: Xử lý các tình huống biểu tình, gây rối, bổ sung kế hoạch tác chiến trị an. Giai đoạn 3: Thực hành chiến đấu gồm các nội dung chuyển trạng thái sẵn sàng chiến đấu từ cao lên toàn bộ, chuyển địa phương từ thời bình sang thời chiến, huy động nhân, vật lực chiến đấu và phục vụ chiến đấu. Kết hợp diễn tập quân sự với xây dựng kinh tế (làm đường giao thông nông thôn) và giải phóng hành lang an toàn giao thông, truy quét các tệ nạn xã hội, làm trong sạch địa bàn. Trong cuộc diễn tập ZT96 “Ban chỉ huy quân sự các xã Sơn Cẩm và Cổ Lũng đã tham mưu cho cấp uỷ và chính quyền cơ sở xây dựng, điều chỉnh được phương án, kế hoạch tác chiến trị an. Trong các giai đoạn diễn tập, thực hiện tốt Cơ chế 02; các đồng chí Bí thư Đảng uỷ, Chủ tịch Uỷ ban nhân dân xã, Xã đội trưởng, Trưởng Công an xã và các ban, ngành, đoàn thể ở xã đã thể hiện đúng chức năng lãnh đạo, chỉ đạo và tham mưu, tổ chức thực hiện”⁽¹⁾.

Kết hợp diễn tập ZT96 với việc giải quyết một số vấn đề kinh tế và xã hội bức xúc ở cơ sở, xã Sơn Cẩm đã huy động 4.800 công lao động, 2 xe ô tô và 18 xe công nông, đào đắp vận chuyển 2.000 mét khối đất đá, làm được 10 km đường

⁽¹⁾ Thông báo số 130/A-TC ngày 13-12-1996 của Ban chỉ huy quân sự huyện Phú Lương, tr 2.

giao thông nông thôn. Gội giáo dục 6 đối tượng vi phạm tệ nạn xã hội, bắt làm cam kết không tái phạm và phạt hành chính 300.000 đồng. Xã Cổ Lũng huy động 7.616 công lao động, 10 xe ô tô, 17 xe công nông, 90 xe bò kéo chở đất đá, làm được 18,51 km đường giao thông nông thôn; bắt 3 vụ gồm 9 đối tượng nghiện hút ma túy chuyển giao cho Công an huyện (có 6 đối tượng bị khởi tố và 3 đối tượng bị xử phạt hành chính 500.000 đồng); gội giáo dục và bắt làm cam kết 40 con nghiện, 1 đối tượng vi phạm Nghị định 87, 4 đối tượng khả nghi buôn bán ma túy, 7 đối tượng trộm cắp; giải quyết dứt điểm 3 trường hợp vi phạm Luật Đất đai. Ngoài ra, kết hợp với diễn tập tác chiến trị an ZT96, xã Cổ Lũng còn tổ chức tu sửa trường học và thu thuế nông nghiệp tồn đọng đạt kết quả tốt.

Đánh giá kết quả cuộc diễn tập tác chiến trị an ZT96 của 2 xã Cổ Lũng và Sơn Cẩm, đồng chí Thượng tá Trương Minh Tú (Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy quân sự huyện), Trưởng Ban chỉ đạo diễn tập ZT96 kết luận: “Căn cứ vào ý định, mục đích, yêu cầu và nội dung của cuộc diễn tập do Ban Chỉ đạo đề ra, hai xã Cổ Lũng và Sơn Cẩm đã hoàn thành được nhiệm vụ diễn tập ZT96, xã Cổ Lũng đạt 7 điểm, xã Sơn Cẩm đạt 6,5 điểm. Qua diễn tập ZT96, hai xã Sơn Cẩm và Cổ Lũng đã giải quyết được một số vấn đề cấp bách ở địa phương, tạo cho cán bộ các cấp nâng cao trách nhiệm, năng lực lãnh đạo, chỉ đạo điều hành theo chức năng, khơi dậy được tinh thần cảnh giác cách mạng của quần chúng nhân dân trong việc giữ gìn an ninh chính trị và trật tự xã hội ở cơ sở”⁽¹⁾. Kết thúc cuộc diễn tập ZT96, ngày

(1) Thông báo số 130/A-TC ngày 13-12-1996 của Ban chỉ huy quân sự huyện Phú Lương, tr 2.

20-12-1996, Ủy ban nhân dân huyện Phú Lương đã ra Quyết định số 171/UB-QĐ tặng Giấy khen cho Ban chỉ huy quân sự xã Cổ Lũng vì đã hoàn thành tốt nhiệm vụ diễn tập ZT96.

Tuy nhiên, cuộc diễn tập ZT96 ở 2 xã Sơn Cẩm, Cổ Lũng cũng còn nhiều hạn chế. Đó là, một số ban, ngành ở các xã chưa phát huy hết khả năng làm tham mưu cho cấp ủy Đảng, chính quyền xã. Trong diễn tập, các đồng chí Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, Xã đội trưởng và Trưởng Công an xã còn chưa rõ chức năng, nên trong xử trí một số tình huống còn chông chéo. Việc tham mưu, đề xuất với cấp ủy Đảng và chính quyền xã xử lý một số tình huống diễn tập của các đồng chí Xã đội trưởng còn lúng túng nên kết quả diễn tập bị hạn chế.

Để phát huy các thành tích và ưu điểm, kịp thời khắc phục các thiếu sót và khuyết điểm trong cuộc diễn tập tác chiến trị an ZT96 ở hai xã Sơn Cẩm và Cổ Lũng, Ban chỉ huy quân sự huyện Phú Lương đã thông báo cho các xã, thị trấn trong toàn huyện rút kinh nghiệm, vận dụng vào công tác huấn luyện và diễn tập quân sự trong những năm tới.

Cùng với việc chỉ đạo xây dựng, củng cố tổ chức, huấn luyện cán bộ, chiến sĩ lực lượng vũ trang địa phương đạt kết quả khá, hoàn thành nhiệm vụ chỉ đạo hai xã Cổ Lũng và Sơn Cẩm diễn tập tác chiến trị an ZT96, năm 1996, lực lượng vũ trang huyện Phú Lương duy trì nghiêm các chế độ sẵn sàng chiến đấu; tuyển được 208 thanh niên vào bộ đội (hoàn thành 100% chỉ tiêu); đăng kí, phúc tra được 6.411 cán bộ, chiến sĩ quân dự động viên (có 220 sĩ quan và 6.191 hạ sĩ quan, binh sĩ). Đã phát lệnh động viên kiểm tra 315 cán bộ, chiến sĩ dự bị động viên (gồm 35 sĩ quan và 280 hạ sĩ quan, binh sĩ), kết

quả 100% cán bộ, chiến sĩ đều có mặt. Cơ quan quân sự huyện làm kinh tế đạt hiệu quả cao, mỗi ngày đưa thêm vào bữa ăn của mỗi cán bộ, chiến sĩ được 400 đồng; đơn vị đạt tiêu chuẩn “Bếp nuôi quân giỏi” và “Đơn vị quân y 5 tốt”. Một trong những sự kiện nổi bật của lực lượng vũ trang Phú Lương năm 1996 là đã tổ chức thành công Hội nghị tổng kết 5 năm đổi mới công tác huấn luyện dân quân, tự vệ. Tại Hội nghị, Ủy ban nhân dân huyện đã trao tặng Giấy khen cho lực lượng dân quân các xã Sơn Cẩm, Túc Tranh, Yên Cư, Như Cố, Hợp Thành, Động Đạt, Quảng Chu, lực lượng tự vệ các đơn vị Mỏ than Phấn Mễ, Xi nghiệp xi măng Sơn Cẩm và các đồng chí Trịnh Văn Tuy (Xã đội trưởng xã Túc Tranh), Nguyễn Xuân Hiến (Xã đội trưởng xã Yên Lạc), Lương Đình Thành (Xã đội trưởng xã Quảng Chu), Đoàn Văn Trịnh (Chỉ huy trưởng Tự vệ Mỏ than Phấn Mễ vì có nhiều thành tích đổi mới công tác huấn luyện dân quân, tự vệ 5 năm (từ 1991 đến 1995).

Tại Hội nghị tổng kết công tác quân sự địa phương huyện Phú Lương năm 1996, Ủy ban nhân dân huyện đã công bố Quyết định (số 156/UB -QĐ, ngày 5-12-1996) tặng Giấy khen cho 8 tập thể và 10 cá nhân có nhiều thành tích trong năm⁽¹⁾.

⁽¹⁾ 8 tập thể: Lực lượng dân quân tự vệ các xã Sơn Cẩm, Quảng chu, Phú Lí, Mỏ than Phấn Mễ, Xi măng Sơn Cẩm, Lâm trường Phú Lương và Ban Tham mưu thuộc Ban chỉ huy quân sự huyện.

10 cá nhân: Lưu Tô Sơn (Xã đội trưởng xã Phú Lí), Mai Hoàng Dũng (Xã đội trưởng xã Như Cố), Nông Văn Tư (Xã đội trưởng xã Yên Trạch), Nguyễn Văn Hiến (Xã đội trưởng xã Yên Lạc), Bùi Văn Khánh (Xã đội trưởng xã Phấn Mễ), Đoàn Văn Trịnh (Chỉ huy trưởng Tự vệ Mỏ than Phấn Mễ), Đình Công Thường (Chỉ huy trưởng Tự vệ Xi măng Sơn Cẩm) và các đồng chí Nguyễn Hồng Quân, Bùi Văn Ngọc, Dương Quang Hoàn (Cán bộ thuộc cơ quan quân sự huyện Phú Lương).

Bên cạnh những thành tích đã đạt được, năm 1996, công tác quản lí, giáo dục, rèn luyện đội ngũ đảng viên của cơ quan quân sự huyện còn chưa tốt, để 2 cán bộ vi phạm kỉ luật (trong đó có 1 đồng chí tái phạm nhiều lần phải xử lí kỉ luật cách chức, 1 đồng chí bị kỉ luật khiển trách); còn có biểu hiện vi phạm nguyên tắc tài chính; đơn thư kiện cáo kéo dài; 6 tháng đầu năm 1996, Đảng bộ Quân sự huyện không đạt tiêu chuẩn trong sạch vững mạnh. Năm 1996, so với năm 1995 sút kém hơn, nội bộ cơ quan chưa mạnh⁽¹⁾.

Do những thiếu sót, khuyết điểm trên, điểm thi đua của lực lượng vũ trang nhân dân huyện Phú Lương giảm từ vị trí thứ tư (năm 1995) xuống vị trí thứ 9 (năm 1996). Năm 1995, Ban chỉ huy quân sự huyện đạt danh hiệu Đơn vị Quyết thắng, năm 1996 chỉ đạt Đơn vị khá.

Những thành tựu đã đạt được và nhất là những thiếu sót, khuyết điểm của lực lượng vũ trang nhân dân huyện Phú Lương trong 10 năm đầu thực hiện đường lối đổi mới của Đảng (1987-1996), đã giúp cho cán bộ, chiến sĩ lực lượng vũ trang nhân dân huyện rút ra nhiều bài học kinh nghiệm trong công tác xây dựng, củng cố tổ chức, rèn luyện, huấn luyện đội ngũ cán bộ, chiến sĩ, phấn đấu hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ được giao, góp phần thực hiện thắng lợi đường lối đổi mới, công nghiệp hoá - hiện đại hoá đất nước của Đảng trên địa bàn huyện.

⁽¹⁾ Nhận xét đánh giá các đơn vị năm 1996 của Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Thái Nguyên (số 225, ngày 16-12-1996), tr 9.

III – Khẩn trương chấn chỉnh tổ chức, biên chế; tiếp tục xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân huyện ngày càng vững mạnh, góp phần thực hiện thắng lợi đường lối đổi mới, công nghiệp hoá - hiện đại hoá đất nước của Đảng trên địa bàn huyện.

Chấp hành Nghị quyết kì họp thứ 10, Quốc hội khoá IX (tháng 12-1996), từ ngày 1-1-1997, tỉnh Bắc Thái được tách thành 2 tỉnh Bắc Kạn và Thái Nguyên. Phú Lương là một huyện miền núi thuộc tỉnh Thái Nguyên. Theo Nghị quyết của Quốc hội, huyện Phú Lương tiến hành bàn giao cho huyện Bạch Thông (tỉnh Bắc Kạn) 10 xã và thị trấn vùng phía bắc huyện gồm: Yên Hân, Yên Cư, Yên Đình, Như Cố, Bình Văn, Quảng Chu, Thanh Bình, Nông Thịnh, Nông Hạ và Chợ Mới. Từ ngày 1-1-1997, huyện Phú Lương có diện tích tự nhiên là 352,82 km², dân số 105.788 người, gồm 9 dân tộc anh em cùng chung sống từ lâu đời trong 16 đơn vị hành chính (14 xã, 2 thị trấn) trực thuộc huyện⁽¹⁾.

Nhân dân các dân tộc huyện Phú Lương vốn có các truyền thống yêu nước, cách mạng và đấu tranh kiên cường, bất khuất chống giặc ngoại xâm và chống các thế lực cường quyền, áp bức. Ngay từ khi ra đời (trong thời kì chống Pháp), lực lượng vũ trang nhân dân huyện Phú Lương đã được nhân dân các dân tộc trong huyện gắn bó chặt chẽ, hết lòng giúp đỡ, ủng hộ.

⁽¹⁾ 9 dân tộc là Kinh 60,35%, Tày 17,16%, Sán Chí 10,16%, Sán Dìu 3,73%, Dao 2,21%, Hoa 0,21%, Hmông 0,13%, Thái 0,11%, Cao Lan 0,01% (các dân tộc khác 0,08%). 14 xã là Yên Ninh, Yên Trách, Yên Lạc, Yên Đỗ, Động Đạt, Phú Lí, Hợp Thành, Ôn Lương, Phấn Mễ, Cổ Lũng, Sơn Cẩm, Vô Tranh, Tức Tranh, Phú Đỗ. 2 thị trấn: Đu, Giang Tiên.

Lực lượng vũ trang nhân dân huyện Phú Lương được sự lãnh đạo trực tiếp của Đảng bộ huyện (gồm 46 Đảng bộ, Chi bộ cơ sở gồm 16 đảng bộ xã, thị trấn và 30 chi bộ cơ quan, với hơn 2,700 đảng viên. Đây là một Đảng bộ huyện “Có truyền thống đoàn kết, biết dựa vào quần chúng, khơi dậy và phát huy truyền thống tốt đẹp trong nhân dân các dân tộc”⁽¹⁾, thường xuyên chăm lo lãnh đạo xây dựng, củng cố và rèn luyện lực lượng vũ trang nhân dân huyện ngày càng vững mạnh.

Qua hơn 10 năm thực hiện đường lối đổi mới của Đảng, đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân các dân tộc trong huyện đã có những cải thiện đáng kể, số hộ khá và số hộ giàu tăng lên; số hộ đói, số hộ nghèo giảm đi rõ rệt. Đây là những điều kiện thuận lợi rất cơ bản để cán bộ, chiến sĩ lực lượng vũ trang nhân dân huyện xây dựng, củng cố và trưởng thành.

Tuy nhiên, tình hình trật tự xã hội trên địa bàn huyện trong thời kỳ này cũng có những diễn biến phức tạp. Tình hình an ninh chính trị ở các xã, thị trấn trên địa bàn huyện tuy cơ bản được giữ vững, nhưng việc khiếu kiện của nhân dân ở một số cơ sở còn kéo dài, cấp uỷ Đảng và chính quyền các cấp từ huyện xuống cơ sở đã tích cực giải quyết, nhưng chưa dứt điểm. Các tệ nạn xã hội (buôn lậu, nghiện hút ma tuý, cờ bạc, mại dâm....), có chiều hướng gia tăng. Chỉ riêng nghiện hút ma tuý tại thời điểm đầu năm 1997 trên địa bàn huyện đã có tới 301 con nghiện. Trình độ dân trí thấp; nhân dân ở một số khu vực dân cư, xóm, bản còn nghèo nàn, lạc hậu, đời sống gặp nhiều khó khăn. Các yếu tố trên đã tác động tiêu cực

⁽¹⁾ Dự thảo Báo cáo Chính trị của Huyện uỷ Phú Lương tại Đại hội Đảng bộ huyện nhiệm kỳ 1997-2000.

đến đời sống vật chất, tinh thần của từng gia đình, từng cán bộ, chiến sĩ và từ đó ảnh hưởng không tốt đến công tác xây dựng, củng cố tổ chức và huấn luyện, sẵn sàng chiến đấu, đến hoạt động tác chiến trị an của lực lượng vũ trang nhân dân huyện. Nắm chắc đặc điểm, tình hình địa phương và các thuận lợi, khó khăn đó, ngay sau khi bàn giao 10 cơ sở dân quân ở khu vực phía bắc cho huyện Bạch Thông (Tỉnh Bắc Kạn), Đảng ủy Quân sự huyện và Ban chỉ huy quân sự huyện Phú Lương đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo chấn chỉnh tổ chức, biên chế lực lượng vũ trang và địa phương. Đảng bộ Quân sự huyện có 27 đảng viên, được chia thành 4 chi bộ (Tham mưu, Chính trị, Hậu cần và Động viên). Đảng ủy Quân sự huyện gồm các đồng chí Đoàn Đình Thế (Bí thư Huyện ủy) trực tiếp làm Bí thư; Trương Minh Tú (Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy quân sự huyện) làm Phó Bí thư và các đồng chí Hoàng Mạnh Quân (Chỉ huy phó Chính trị), Bảo Văn Lạc (Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện), Nguyễn Văn Hồng (Chỉ huy phó Tham mưu trưởng Ban chỉ huy quân sự huyện) làm Đảng ủy viên.

Cơ quan quân sự huyện có 30 cán bộ, chiến sĩ (gồm 21 sĩ quan, 7 quân nhân chuyên nghiệp và 2 hạ sĩ quan), biên chế thành Ban chỉ huy và các cơ quan giúp việc gồm Ban Tham mưu và các bộ phận Chính trị, Hậu cần, Động viên. Ban chỉ huy quân sự huyện gồm các đồng chí Trương Minh Tú (Ủy viên Ban Thường vụ Huyện ủy, Chỉ huy trưởng), Nguyễn Văn Hồng (Chỉ huy phó - Tham mưu trưởng), Nguyễn Văn Nam (Chỉ huy phó Động viên), Hoàng Mạnh Quân (Chỉ huy phó Chính trị)⁽¹⁾.

⁽¹⁾ Trong thời kì này đồng chí Hoàng Mạnh Quân (Chỉ huy phó Chính trị) đang đi học.

Lực lượng dân quân, tự vệ toàn huyện có 16 cơ sở dân quân xã, thị trấn và 5 cơ sở tự vệ cơ quan, đơn vị xí nghiệp, với tổng quân số 12.209 cán bộ, chiến sĩ (đạt tỉ lệ 11,5% so với dân số trong huyện). Trong tổng số 12.209 cán bộ, chiến sĩ dân quân, tự vệ toàn huyện, có 263 người là đảng viên (2,15%), 2.258 người là đoàn viên (18,49%), 264 người là bộ đội phục viên, xuất ngũ (2,16%), 1.834 người thuộc lực lượng dân quân tự vệ nòng cốt (hạng I) (bằng 15,02% so với tổng quân số dân quân tự vệ và 1,5% so với tổng dân số), 10.375 người thuộc lực lượng dân quân tự vệ rộng rãi (hạng II), (bằng 84,98% so với tổng quân số dân quân, tự vệ và 10% so với tổng dân số). Lực lượng dân quân tự vệ hạng I của huyện được biên chế thành 16 trung đội cơ động chiến đấu (quân số 411 cán bộ, chiến sĩ), 1 trung đội súng máy phòng không 12,7mm (quân số 20 cán bộ, chiến sĩ), 16 tiểu đội và 35 tổ bảo đảm (quân số 265 cán bộ, chiến sĩ) và 111 tiểu đội chiến đấu tại chỗ (quân số 1.138 cán bộ, chiến sĩ). 100% cơ sở dân quân các xã, thị trấn trong huyện đã kiện toàn đủ mỗi ban chỉ huy quân sự xã, thị trấn đủ 3 cán bộ (gồm 1 Xã đội trưởng, 1 Xã đội phó, 1 Chính trị viên); 100% cơ sở tự vệ các cơ quan, xí nghiệp trong huyện đã kiện toàn đủ Ban chỉ huy tự vệ (gồm 1 Chỉ huy trưởng, 1 Chính trị viên và 1 Chỉ huy phó). Toàn huyện có 211 cán bộ dân quân tự vệ các cấp (gồm 25 xã đội trưởng dân quân và bán chuyên trách tự vệ, 16 xã đội phó dân quân, 25 chính trị viên Xã đội dân quân, Đơn vị tự vệ, 34 trung đội trưởng và trung đội phó, 127 tiểu đội trưởng). Trong số 211 cán bộ dân quân tự vệ toàn huyện, có 44,55% là đảng viên; 30,33% là đoàn viên.

Quán triệt nhiệm vụ quốc phòng và an ninh do Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VIII (họp từ ngày 28-6 đến ngày 1-7-1996) đề ra "...Từng bước nâng cao tiềm lực quốc phòng và an ninh của đất nước, xây dựng vững chắc nền quốc phòng toàn dân, thế trận chiến tranh nhân dân. Nâng cao chất lượng các lực lượng vũ trang, bảo vệ vững chắc độc lập, an ninh, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của đất nước, bảo vệ nhân dân, bảo vệ Đảng, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa; ngăn ngừa và làm thất bại mọi âm mưu và hành động gây mất ổn định chính trị, xã hội, xâm phạm độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, gây tổn hại cho công cuộc xây dựng và phát triển đất nước; ngăn chặn và trừng trị có hiệu quả mọi hành động tội phạm, bảo đảm trật tự an toàn xã hội", Đảng bộ Quân sự và Ban chỉ huy quân sự huyện Phú Lương đã lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện tốt các nhiệm vụ công tác quốc phòng – quân sự địa phương.

Quý II năm 1997, Ban chỉ huy quân sự huyện tham mưu cho Ủy ban nhân dân huyện tổ chức Hội nghị triển khai Pháp lệnh về dân quân, tự vệ của Ủy ban Thường vụ Quốc hội cho các đồng chí là Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân và Ban chỉ huy quân sự các xã, thị trấn, Ban chỉ huy các đơn vị tự vệ và lãnh đạo các cơ quan, ban, ngành ở huyện. Tại Hội nghị, Thủ trưởng Ban chỉ huy quân sự huyện đã phổ biến và quán triệt Lệnh của Chủ tịch nước công bố Pháp lệnh về dân quân tự vệ; nội dung Pháp lệnh về dân quân, tự vệ của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Thông tư hướng dẫn của Liên bộ Quốc phòng – Tài chính – Lao động - Thương binh và xã hội – Y tế về chế độ, chính sách và việc bảo đảm kinh phí cho mọi hoạt

động của lực lượng dân quân, tự vệ; kế hoạch của Ban chỉ huy quân sự huyện triển khai Pháp lệnh về dân quân tự vệ của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Đánh giá thực trạng tình hình công tác củng cố tổ chức và xây dựng lực lượng dân quân tự vệ của huyện, tại Hội nghị, các đại biểu chỉ rõ “Các đồng chí Xã đội trưởng thường bố trí kiêm nhiệm Phó Công an xã hoặc các chức danh khác (như phụ trách Trạm điện, Địa chính ...), nên thời gian để thực hiện nhiệm vụ quân sự ít. Khi thực hiện nhiệm vụ quân sự gặp nhiều khó khăn, không kịp thời và chất lượng chưa cao”⁽¹⁾. Một số cán bộ chỉ huy quân sự xã, thị trấn, năng lực lãnh đạo, chỉ huy còn hạn chế. Ở một số cơ sở, lực lượng dân quân tự vệ không đảm bảo tỉ lệ so với dân số. Công tác đăng kí, thống kê và quản lí dân quân tự vệ chưa thật chặt chẽ. Cơ quan quân sự các cấp từ huyện xuống các xã, thị trấn nắm không thật chắc số lượng và chất lượng dân quân, tự vệ, nên gặp nhiều khó khăn. Nội dung huấn luyện lực lượng dân quân, tự vệ còn sơ sài, nhiều cơ sở chỉ tập trung huấn luyện lực lượng dân quân, tự vệ cơ động chiến đấu, do vậy nhiều cán bộ, chiến sĩ dân quân, tự vệ trong biên chế không được huấn luyện. Trong huấn luyện còn bớt xén nội dung và thời gian theo qui định.

Trên cơ sở phân tích, chỉ ra các hạn chế trên, Hội nghị thống nhất với các chủ trương, kế hoạch thực hiện Pháp lệnh về dân quân, tự vệ do Ban chỉ huy quân sự huyện xây dựng. Hội nghị khẳng định: Có thực hiện tốt Pháp lệnh về dân quân,

⁽¹⁾ Báo cáo sơ kết 4 năm thực hiện Pháp lệnh về dân quân tự vệ (1997-2000) của Ban chỉ huy quân sự huyện Phú Lương, trang 6.

tự vệ mới củng cố, xây dựng được lực lượng dân quân tự vệ ngày càng vững mạnh, góp phần củng cố và tăng cường công tác quốc phòng toàn dân, giữ vững an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn; mới tăng cường được hiệu lực quản lí Nhà nước, nâng cao được trách nhiệm của các cơ quan, các tổ chức kinh tế, xã hội, lực lượng vũ trang và nhân dân các dân tộc trong huyện về xây dựng lực lượng dân quân, tự vệ.

Thực hiện Pháp lệnh về dân quân tự vệ, từ năm 1997 đến năm 2000, huyện Phú Lương đã cử 80 lượt cán bộ là Chỉ huy trưởng, Chỉ huy phó, Chính trị viên các đơn vị cơ sở dân quân, tự vệ xã, thị trấn, cơ quan, đơn vị, xí nghiệp trong huyện đi dự các lớp tập huấn về triển khai Pháp lệnh về dân quân tự vệ do Bộ chỉ huy quân sự tỉnh mở. Thông qua các lớp tập huấn cán bộ, các hội nghị, Ban chỉ huy quân sự huyện trực tiếp quán triệt và triển khai Pháp lệnh về dân quân, tự vệ cho 5.416 lượt chiến sĩ dân quân tự vệ (có 1.696 lượt chiến sĩ thuộc lực lượng dân quân, tự vệ cơ động chiến đấu, 2.699 lượt chiến sĩ dân quân, tự vệ lực lượng chiến đấu tại chỗ, 1.021 chiến sĩ dân quân tự vệ lực lượng đảm bảo). Ngoài ra, huyện còn tổ chức cho 4.915 lượt giáo viên và học sinh phổ thông trung học học tập và quán triệt Pháp lệnh về dân quân tự vệ. Ban chỉ huy quân sự huyện phối hợp với Phòng Văn hoá - Thông tin và các đoàn thể Hội Cựu chiến binh, Huyện Hội Phụ nữ, Huyện Đoàn Thanh niên tổ chức tuyên truyền Pháp lệnh về dân quân, tự vệ cho nhân dân ở các xã, thị trấn được 32 buổi và nhiều buổi trên hệ thống thông tin đại chúng.

Sáu tháng cuối năm 1997, Ban chỉ huy quân sự huyện chỉ đạo 4 xã Động Đạt, Ôn Lương, Phủ Lí, Vô Tranh làm thí điểm việc triển khai thực hiện Pháp lệnh về dân quân tự vệ. Từ đầu

năm 1998, Pháp lệnh về dân quân tự vệ được Huyện uỷ, Ủy ban nhân dân huyện và Ban chỉ huy quân sự huyện lãnh đạo, chỉ đạo triển khai mở rộng ra các xã, thị trấn, cơ quan, đơn vị xí nghiệp trong toàn huyện. Thực hiện Pháp lệnh về dân quân tự vệ, các xã, thị trấn trong huyện đã đảm bảo tỉ lệ dân quân so với dân số đạt từ 9,7% đến 11,9%, trong đó tỉ lệ lực lượng dân quân nông cốt đạt từ 1,7% đến 1,9% dân số; lực lượng dân quân rộng rãi đạt tỉ lệ từ 8% đến 10%. Đối với lực lượng tự vệ, năm 1998, huyện tổ chức thành lập thêm 4 đơn vị cơ sở, nâng số cơ sở tự vệ tăng từ 5 đơn vị (năm 1997), lên 9 đơn vị (năm 1998). Ở các cơ quan, đơn vị, xí nghiệp, lực lượng tự vệ nông cốt đạt tỉ lệ bình quân ổn định từ 20% đến 25% so với tổng số cán bộ, công nhân, viên chức.

Lực lượng dân quân tự vệ rộng rãi được cơ quan quân sự các cấp từ huyện xuống cơ sở quản lí trên danh sách. Đến năm 2000, toàn huyện có 9.954 cán bộ, chiến sĩ dân quân tự vệ; trong đó, lực lượng dân quân tự vệ nông cốt là 1.953 người (tăng 119 người so với trước khi triển khai thực hiện Pháp lệnh). Trong lực lượng dân quân, tự vệ, tỉ lệ đảng viên chiếm 7,7%, tỉ lệ đoàn viên là 56,5%, tỉ lệ bộ đội phục viên xuất ngũ là 15,7%. Trong tổng số 254 cán bộ dân quân tự vệ các cấp trong toàn huyện, có 36 người tham gia cấp uỷ Đảng hoặc chính quyền ở cơ sở (bằng 14,17%), 152 người là đoàn viên (bằng 59,84%); 100% là bộ đội phục viên, xuất ngũ⁽¹⁾.

⁽¹⁾ Báo cáo sơ kết 4 năm thực hiện Pháp lệnh dân quân tự vệ (tài liệu đã dẫn), trang 4.

Từ khi triển khai thực hiện Pháp lệnh dân quân tự vệ (1997), Ban chỉ huy quân sự huyện đã tham mưu cho Huyện ủy, Ủy ban nhân dân huyện lãnh đạo, chỉ đạo cấp ủy Đảng và chính quyền các xã, thị trấn sắp xếp ổn định mỗi Ban chỉ huy quân sự xã, thị trấn đủ 3 cán bộ gồm 1 chỉ huy trưởng, 1 chính trị viên và 1 chỉ huy phó (cả khi chỉ huy phó quân sự xã, thị trấn chưa có chế độ phụ cấp). Sau cuộc bầu cử Hội đồng nhân dân các xã, thị trấn (năm 2000), toàn huyện bổ nhiệm mới 12 chỉ huy trưởng và 6 chỉ huy phó quân sự xã, thị trấn (bằng 37,5% tổng số cán bộ, chỉ huy quân sự) trong toàn huyện. Tuy nhiên, tỉ lệ số chỉ huy trưởng quân sự xã, thị trấn tham gia cấp ủy Đảng cơ sở trong toàn huyện đã giảm từ 75% (hai năm 1997, 1998), xuống còn 68,75% (hai năm 1999, 2000).

Về tổ chức, lực lượng dân quân tự vệ trong toàn huyện được biên chế thống nhất thành các trung đội và tiểu đội. Trong đó lực lượng dân quân tự vệ nòng cốt, toàn huyện có 2 trung đội súng máy cao xạ 12,7mm và 5 khẩu đội cối 82mm; bình quân mỗi xã có từ 1 đến 2 trung đội dân quân cơ động chiến đấu; 1 tiểu đội trinh sát; mỗi xóm, bản có từ 1 tổ đến 1 tiểu đội dân quân làm công tác dân vận. Ngoài ra, ở mỗi xã, thị trấn còn có các tổ, đội dân quân thông tin, công binh, cứu thương, tải thương. Đánh giá kết quả triển khai thực hiện Pháp lệnh về dân quân tự vệ, Báo cáo sơ kết 4 năm (1997-2000) của Ban chỉ huy quân sự huyện Phú Lương khẳng định “Nhìn chung tổ chức biên chế ở các cơ sở dân quân trong huyện là phù hợp với qui định của Pháp lệnh, tiện lợi cho chỉ huy, điều hành, quản lí và sử dụng lực lượng, có tỉ lệ hợp lí với đặc thù của huyện.

Tuy nhiên, có cơ sở còn biên chế trung đội dân quân cơ động chiến đấu chưa gọn, xa trung tâm, nên việc điều hành, sử dụng lực lượng gặp khó khăn, không đảm bảo tính cấp bách về thời gian⁽¹⁾. “Đối với các đơn vị tự vệ trong huyện, Ban chỉ huy thường biên chế là các đồng chí Giám đốc xí nghiệp hoặc Trưởng cơ quan là Chỉ huy trưởng; Bí thư Đảng uỷ hoặc Bí thư Chi bộ là Chính trị viên, Trưởng phòng Bảo vệ (hoặc 1 đồng chí có năng lực làm công tác quân sự) là Chỉ huy phó (chỉ có bán chuyên trách tự vệ). Công tác quản lý huấn luyện hàng năm đúng qui định. Tuy nhiên, chất lượng hoạt động của một số đơn vị tự vệ còn thấp, nặng về hình thức”⁽²⁾.

Cùng với việc xây dựng, củng cố, kiện toàn tổ chức, qua 4 năm (từ 1997 đến 2000), cấp uỷ Đảng, chính quyền, cơ quan quân sự các cấp trong toàn huyện rất coi trọng công tác huấn luyện cán bộ, chiến sĩ dân quân, tự vệ. Toàn huyện có 52 lượt Chỉ huy trưởng, 12 lượt Chỉ huy phó quân sự xã, thị trấn được tham dự các lớp tập huấn cán bộ do Tỉnh tổ chức; 224 lượt cán bộ là Xã đội trưởng, Xã đội phó, Bán chuyên trách tự vệ, Trung đội trưởng, Tiểu đội trưởng trình sát dân quân tự vệ được tập huấn tại huyện.

Hàng năm, 100% cơ sở dân quân tự vệ trong huyện đều hoàn thành nhiệm vụ huấn luyện quân sự. Số chiến sĩ cũ được huấn luyện tăng từ 817 người (các năm 1997, 1998), lên 888 người (năm 1999) và 1.174 người (năm 2000); số chiến sĩ mới

⁽¹⁾ Báo cáo sơ kết 4 năm thực hiện Pháp lệnh dân quân tự vệ của Ban chỉ huy quân sự huyện Phú Lương, tr 3, tr 6.

⁽²⁾ Báo cáo sơ kết 4 năm thực hiện Pháp lệnh dân quân tự vệ của Ban chỉ huy quân sự huyện Phú Lương, tr 3, tr 6.

được huấn luyện cũng tăng từ 358 người (các năm 1997, 1998), lên 515 người (năm 1999). Năm 2000, toàn huyện huấn luyện được 489 đồng chí chiến sĩ dân quân tự vệ mới kết nạp. Kết quả huấn luyện hàng năm, 100% cơ sở dân quân tự vệ trong toàn huyện đều đạt khá và giỏi, trong đó, tỉ lệ đơn vị huấn luyện giỏi tăng từ 14,29% (năm 1997), lên 19,05% (năm 1998), 32% (năm 1999) và 36% (năm 2000). Ngoài lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức huấn luyện cán bộ, chiến sĩ dân quân, tự vệ, từ năm 1997 đến năm 2000, Ban chỉ huy quân sự huyện phối hợp với lãnh đạo Trường phổ thông trung học huyện tổ chức huấn luyện quân sự cho 5.421 lượt học sinh phổ thông trung học. Tỉ lệ học sinh được huấn luyện quân sự đạt 99% so với tổng số học sinh trong trường, kết quả Đơn vị loại khá. Trong công tác huấn luyện lực lượng vũ trang nhân dân huyện coi trọng diễn tập quân sự theo các phương án, kế hoạch phòng thủ khu vực, phòng chống gây rối, bạo loạn và tác chiến trị an (A và A2).

Từ ngày 25 đến ngày 30-11-1997, huyện Phú Lương chỉ đạo 3 xã Yên Đỗ, Yên Ninh, Yên Trạch diễn tập quân sự theo kế hoạch A2, kết hợp với việc giải quyết một số vấn đề về kinh tế, xã hội, làm trong sạch địa bàn. Sau gần 6 ngày tiến hành diễn tập, cả 3 xã đều hoàn thành được nội dung, kế hoạch diễn tập, kết quả đạt được mục đích, yêu cầu đề ra. Đảng uỷ và Uỷ ban nhân dân, các ban, ngành, đoàn thể ở các xã diễn tập đã thực hiện tương đối tốt cơ chế Đảng uỷ xã lãnh đạo, chính quyền xã điều hành, các ban, ngành, đoàn thể mà nòng cốt là các cơ quan Quân sự và Công an xã làm tham mưu theo tinh thần Nghị quyết 02 của Bộ Chính trị đề ra.

Thông qua diễn tập, các xã bổ sung hoàn chỉnh kế hoạch giữ gìn an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội ở cơ sở, được nhân dân tin tưởng, ủng hộ; ý thức cảnh giác, sẵn sàng chiến đấu tinh thần trách nhiệm của các lực lượng dân quân, dự bị động viên ở các xã được nâng cao.

Kết hợp diễn tập quân sự với việc giải quyết một số vấn đề kinh tế, xã hội bức xúc ở cơ sở, các xã đã bắt 2 đối tượng nghiện hút ma túy giao cho Công an huyện; xử lý 2 vụ (5 đối tượng) cờ bạc, kiểm tra hộ khẩu 36 người từ nơi khác đến làm ăn, cư trú trên địa bàn, thu hồi 2 khẩu súng thể thao không có giấy phép sử dụng; phạt hành chính nộp vào ngân sách các xã 2.744.000 đồng (trong đó, xã Yên Đỗ được 1.894.000 đồng, xã Yên Trạch được 650.000 đồng, xã Yên Ninh được 200.000 đồng). Nhân dân các xã đóng góp tiền công ích xã hội, quỹ An ninh – Quốc phòng, quỹ Dân số, Y tế được 3.196.000 đồng; huy động 10.752 lượt người, với 15.916 công và 43 lượt ô tô, công nông, đào, đắp, vận chuyển 7.614 mét khối đất, làm mới và sửa chữa 91.214 mét đường giao thông nông thôn, lắp đặt 52 tấm cống, giá trị kinh tế đạt gần 95,5 triệu đồng. Ngoài ra, các xã còn truy thu được 47.252 kg thóc thuế nông nghiệp còn tồn đọng (trong đó, các xã Yên Đỗ thu 11.820 kg, Yên Ninh thu 24.145 kg, Yên Trạch thu 11.287 kg).

Đánh giá kết quả cuộc diễn tập quân sự ZT97, Ban chỉ huy quân sự huyện kết luận các xã Yên Đỗ đạt 7,5 điểm (Đơn vị khá), Yên Trạch đạt 7,0 điểm (Đơn vị khá), Yên Ninh đạt 6,5 điểm (đơn vị đạt yêu cầu). Theo đề nghị của Ban chỉ huy quân sự huyện, Ủy ban nhân dân huyện Phú Lương đã tặng Giấy khen cho Nhân dân và Lực lượng dân quân xã Yên Đỗ; biểu

ương Nhân dân và Lực lượng dân quân các xóm Hạ, Khe Thượng, Ao Then (xã Yên Đổ), Bản Cái (xã Yên Trạch), Ba Luông, Suối Hay (xã Yên Ninh).

Thông qua diễn tập quân sự ZT97 ở các xã Yên Ninh, Yên Trạch, Yên Đổ, Ban chỉ huy quân sự huyện chỉ rõ các thiếu sót, hạn chế để các ban, ngành, đoàn thể ở huyện và các xã, thị trấn rút kinh nghiệm là:

- Sự chỉ đạo của các ban, ngành, đoàn thể ở huyện còn chưa có nội dung cụ thể và chưa ăn khớp.

- Năng lực vận hành theo Cơ chế 02 của cán bộ lãnh đạo, chỉ đạo các xã còn hạn chế.

- Các đồng chí Xã đội trưởng, Trưởng Công an xã nắm tình hình trên địa bàn và nắm lực lượng dân quân để làm tham mưu cho Bí thư Đảng uỷ và Chủ tịch Uỷ ban nhân dân xã xử lý các tình huống trong diễn tập A2 còn hạn chế.

Nhằm khắc phục các thiếu sót, hạn chế trong diễn tập ZT97, hoàn thành tốt nhiệm vụ diễn tập ZT98 đối với các xã Cổ Lũng, Võ Tranh, Tức Tranh, Phú Đô, ngày 8-10-1998, Huyện uỷ Phú Lương ra Chỉ thị giao cho các cấp, các ngành làm tốt công tác chuẩn bị diễn tập ZT98. Tiếp đó, ngày 15-10-1998, Huyện uỷ Phú Lương ra Quyết định (số 263/QĐ-HU) thành lập Ban Chỉ đạo diễn tập ZT98 gồm các đồng chí Nông Văn Trân (Chủ tịch Uỷ ban nhân dân huyện), Trưởng ban; Trương Minh Tú (Chỉ huy trưởng quân sự huyện), Phó ban; Bùi Đăng Tài (Chủ tịch Mặt trận Tổ quốc huyện), Phó ban và các ủy viên gồm đồng chí Ma Bách Tuyền (Trưởng Công an huyện), Nguyễn Văn Hồng (Chỉ huy phó – Tham mưu trưởng

quân sự huyện), Ma Văn Rục (Trưởng phòng Giao thông – Thuỷ lợi huyện), Dương Quốc Trịnh (Phó Chủ tịch Hội Cựu chiến binh huyện): Quyết định của Huyện uỷ chỉ rõ: Căn cứ vào mục đích, yêu cầu, nội dung, nhiệm vụ của cuộc diễn tập ZT98, Ban Chỉ đạo diễn tập ZT98 có trách nhiệm chỉ đạo các xã Cổ Lũng, Vô Tranh, Tức Tranh, Phú Đô tiến hành chặt chẽ các bước chuẩn bị và thực hành diễn tập đạt kết quả cao.

Thực hiện Chỉ thị của Huyện uỷ, dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp của Ban Chỉ đạo diễn tập ZT98, các xã Cổ Lũng, Tức Tranh, Vô Tranh, Phú Đô đã thực hiện cuộc diễn tập ZT98 đạt được mục đích, yêu cầu đề ra, cơ bản khắc phục được các thiếu sót, khuyết điểm trong diễn tập ZT97 của các xã Yên Ninh, Yên Đỗ, Yên Trạch.

Cuối năm 1999, dưới sự chỉ đạo và đạo diễn trực tiếp của Bộ chỉ huy quân sự tỉnh, huyện Phú Lương đã thực hiện diễn tập phòng thủ khu vực ZT99 kết hợp với thực hiện các nhiệm vụ truy quét tệ nạn xã hội, giải phóng hành lang an toàn giao thông theo Nghị định 36/CP của Chính phủ và làm thuỷ lợi, giao thông nông thôn theo các chỉ thị, nghị quyết của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ. ZT99 là cuộc diễn tập phòng thủ qui mô toàn huyện, nên nó có ý nghĩa hết sức quan trọng. Ban chỉ huy quân sự huyện làm tham mưu cho Huyện uỷ, Uỷ ban nhân dân huyện xây dựng kế hoạch diễn tập, tổ chức Hội nghị quán triệt và triển khai nhiệm vụ chuẩn bị diễn tập cho các đồng chí cán bộ lãnh đạo chủ chốt của huyện và các xã. Nhờ làm tốt công tác chuẩn bị, nên trong quá trình thực hành diễn tập, các đồng chí lãnh đạo Huyện uỷ, Uỷ ban nhân dân huyện và các cơ quan, ban ngành, đoàn thể ở huyện tham gia diễn tập đã thể

hiện rõ chức năng lãnh đạo của cấp uỷ, điều hành của chính quyền và vai trò làm tham mưu của các cơ quan Quân sự, Công an và các ban, ngành, đoàn thể ở địa phương. Việc tổ chức thực hiện ở các cơ quan khối Đảng, chính quyền, đoàn thể được thực hành theo đúng trình tự các bước; cơ quan quân sự huyện và các ban, ngành chức năng xây dựng kế hoạch đảm bảo đúng nội dung. Trong xử trí một số tình huống do Ban Chỉ đạo và đạo diễn diễn tập ZT99 đặt ra, Ban chỉ huy quân sự huyện tổng hợp, nhận định rõ tình hình địch, ta; đề xuất nội dung, biện pháp lãnh đạo, chỉ đạo với Huyện uỷ, Uỷ ban nhân dân huyện kịp thời, chính xác; triển khai các biện pháp xử lý sát, đúng với các tình huống; biết kết hợp chặt chẽ và phát huy sức mạnh tổng hợp của nền quốc phòng toàn dân, thế trận chiến tranh nhân dân trên địa bàn huyện, kiên quyết đánh bại mọi âm mưu và thủ đoạn “Diễn biến hoà bình”, “Bạo loạn lật đổ” của các thế lực thù địch, sẵn sàng chuyển mọi hoạt động của huyện từ thời bình sang thời chiến.

Kết hợp diễn tập phòng thủ khu vực huyện ZT99 với các hoạt động kinh tế, xã hội, trong 2 ngày đêm diễn tập, các cơ quan chức năng của huyện tổ chức kiểm tra thực hiện Nghị định 87/CP ở các cơ sở Photocopi và 16 cơ sở kinh doanh dịch vụ văn hoá, nhắc nhở 8 cơ sở, lập biên bản cảnh cáo 3 cơ sở và đình chỉ kinh doanh 2 cơ sở.

Kết hợp quốc phòng với kinh tế, trong cuộc diễn tập phòng thủ khu vực huyện ZT99, toàn huyện đã huy động 39.696 người tham gia (trong đó, có 2.275 dân quân tự vệ; 621 quân dự bị động viên và 35.800 nhân dân cùng với 398 lượt phương tiện vận tải (gồm các loại xe ô tô, xe trâu, bò, ngựa kéo) để

làm đường giao thông nông thôn và làm thủy lợi. Toàn huyện đã đào, đắp vận chuyển được 18.350 mét khối đất, 67,5 mét khối đá, làm mới 15,24 km, tu sửa trên 427 km đường giao thông nông thôn, đặt 31 cống làm mới và tu sửa 9 cầu; nạo vét 10,6 km kênh, mương thủy lợi. Ngoài ra, trong cuộc diễn tập này, toàn huyện còn xử lý 90 vụ vi phạm trật tự xã hội, xử phạt hành chính, thu và truy thu các loại thuế được gần 90,8 triệu đồng. Cuộc diễn tập phòng thủ khu vực ZT99 của huyện Phú Lương đã được Bộ chỉ huy quân sự tỉnh và Ban Chỉ đạo diễn tập đánh giá đạt kết quả khá, có tác dụng nâng cao sức mạnh tổng hợp của lực lượng vũ trang nhân dân huyện, thúc đẩy kinh tế, xã hội của huyện phát triển, góp phần quan trọng vào việc xây dựng, củng cố nền quốc phòng toàn dân, thế trận chiến tranh nhân dân trên địa bàn ngày càng vững mạnh.

Tổng kết cuộc diễn tập phòng thủ khu vực huyện ZT99, Ủy ban nhân dân huyện Phú Lương biểu dương và khen thưởng cán bộ, nhân dân và lực lượng dân quân các xã: Yên Đổ, Yên Trạch; các xóm Quyết Tiến (xã Túc Tranh), Khe Nác (xã Động Đạt), Đồng Rôm (xã Phú Lý); cán bộ, nhân viên và lực lượng tự vệ Trung tâm Y tế huyện.

Tuy nhiên, cuộc diễn tập ZT99 của huyện Phú Lương cũng có những hạn chế. Những hạn chế đó đã được Báo cáo tổng kết diễn tập ZT99 của Ban chỉ huy quân sự huyện Phú Lương chỉ rõ:

“1 - Công tác chuẩn bị diễn tập ở một số cơ sở chưa chu đáo (hợp triển khai chậm, nội dung văn kiện còn sơ sài, chưa chặt chẽ).

2 - Xử lý các tình huống A2 chưa đúng trình tự, không phát huy được vai trò tham mưu của các cơ quan chức năng.

3 - Kết quả kết hợp diễn tập ZT99 với việc thực hiện một số nhiệm vụ kinh tế xã hội trên địa bàn huyện đạt thấp”⁽¹⁾.

Đánh giá về những hạn chế trong cuộc diễn tập ZT99 của huyện Phú Lương, Báo cáo (số 471/BC-BCH ngày 20-12-1999) của Bộ chỉ huy quân sự tỉnh cũng chỉ rõ: “Vai trò làm tham mưu cho cấp uỷ và chính quyền địa phương của Cơ quan Quân sự huyện chưa thể hiện sắc bén, nội dung tham mưu chưa rõ nét và còn lúng túng khi xử trí các tình huống đột xuất. Việc bồi dưỡng cán bộ thuộc quyền và bồi dưỡng cho các ban, ngành, đoàn thể ở huyện chưa chu đáo, nên việc xây dựng các văn kiện còn sơ sài, có một số nội dung còn sai, không khớp với nhiệm vụ, yêu cầu đặt ra”.

Các hạn chế trên đã được cấp uỷ Đảng, chính quyền, cơ quan quân sự các cấp trong huyện kịp thời rút kinh nghiệm, khắc phục.

Trong những năm từ 1997 đến năm 2000, Lực lượng vũ trang nhân dân huyện còn làm tham mưu cho cấp uỷ và chính quyền các cấp trên địa bàn lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện tốt Nghị định số 19/CP ngày 12-3-1994 của Hội đồng Chính phủ về công tác quốc phòng ở địa phương. Ngày 24-6-1999, Ủy ban nhân dân huyện Phú Lương tổ chức Hội nghị tổng kết thực hiện Nghị định 19/CP của Hội đồng Chính phủ. Hội nghị khẳng định: “Triển khai thực hiện Nghị định 19/CP của Hội

⁽¹⁾ Báo cáo tổng kết diễn tập ZT99 của Ban chỉ huy quân sự huyện Phú Lương (số 236/CP-ZT ngày 13-12-1999).

đồng Chính phủ, Ban chỉ huy quân sự huyện đã tham mưu, đề xuất kịp thời với Huyện uỷ, Uỷ ban nhân dân huyện thực hiện nhiệm vụ công tác quân sự địa phương đạt nhiều kết quả tốt và thiết thực". "Đảng uỷ, Ban chỉ huy quân sự huyện và cán bộ, chiến sĩ trong cơ quan luôn đoàn kết, giữ nghiêm kỉ luật, tích cực xây dựng đơn vị; hoàn thành tốt các nhiệm vụ sẵn sàng chiến đấu, huấn luyện, động viên quân dự bị, diễn tập quân sự, góp phần thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ kinh tế, xã hội ở địa phương".

Tại Hội nghị, Uỷ ban nhân dân huyện đã tặng Bằng khen cho 4 tập thể và 2 cá nhân đạt nhiều thành tích xuất sắc trong thực hiện Nghị định 19/CP của Hội đồng Chính phủ, gồm: Lực lượng vũ trang nhân dân huyện Phú Lương; Cán bộ, nhân dân và lực lượng dân quân các xã Động Đạt, Cổ Lũng; Lực lượng tự vệ Mỏ than Phấn Mễ; và các đồng chí Bùi Đức Tý (Xã đội trưởng xã Động Đạt), Trần Khánh Dư (Xã đội trưởng xã Cổ Lũng).

*

*

*

Thực hiện Chỉ thị số 04/CT-TU của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ và Hướng dẫn số 105/HD của Bộ chỉ huy quân sự tỉnh về việc dân quân làm công tác dân vận ở cơ sở, ngày 2-6-1998, Ban chỉ huy quân sự huyện làm tham mưu cho Ban Thường vụ Huyện uỷ ra Nghị quyết số 480/NQ-HU chuyên đề lãnh đạo dân quân làm công tác dân vận ở cơ sở ra Quyết định số 156/QĐ-HU thành lập Ban Chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ dân quân làm công tác dân vận huyện Phú Lương, gồm 8 đồng chí,

do các đồng chí Thượng tá Trương Minh Tú (Ủy viên Ban Thường vụ Huyện uỷ, Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy quân sự huyện) làm Trưởng ban; Bùi Đăng Tài (Huyện uỷ viên, Phó ban Dân vận, Chủ tịch Uỷ ban Mặt trận Tổ quốc huyện) làm Phó ban. Thực hiện Nghị quyết 480/NQ-HU của Ban Thường vụ Huyện uỷ, dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Ban chỉ đạo dân quân làm công tác dân vận ở cơ sở và trước tình hình trật tự xã hội trên địa bàn huyện có những diễn biến phức tạp, Ban chỉ huy quân sự huyện chỉ đạo Ban chỉ huy quân sự các xã, thị trấn đẩy mạnh hoạt động tác chiến trị an, coi đây là một chức năng, nhiệm vụ quan trọng của các lực lượng dân quân tự vệ và quân dự bị động viên ở các cơ sở trong thời kỳ này⁽¹⁾. Các xã, thị trấn trong huyện tổ chức xây dựng tiểu đội dân quân và làm công tác dân vận, vừa làm nhiệm vụ giữ gìn trật tự trị an ở các xóm, bản. Các tiểu đội dân quân này hoạt động trên nguyên tắc dân cử, dân bầu, dân nuôi, đặt dưới sự lãnh đạo trực tiếp của cấp uỷ Đảng, chỉ đạo của chính quyền và chỉ huy của cơ quan quân sự xã, thị trấn. Đến hết năm 2000, trong tổng số 273 xóm, bản trong toàn huyện đã có 174 xóm, bản xây dựng được tiểu đội dân quân làm công tác dân vận và giữ gìn trật tự trị an (đạt tỉ lệ 62,81%). Ngay sau khi được thành lập (năm 1998), các tiểu đội dân quân làm công tác dân vận và

⁽¹⁾ Trong những năm từ 1999 đến 2000, tình hình chính trị trên địa bàn huyện cơ bản ổn định, không có vụ việc lớn xảy ra. Tuy nhiên, trong thời kỳ này trên địa bàn huyện nổi lên một số hoạt động tôn giáo phức tạp (Xây nhà nguyện ở xã Tức Tranh, xin giảng đạo ở thị trấn Đu). Việc khiếu kiện của dân về đền bù đất đai ở các tiểu khu Thác Lở, Lê Hồng Phong (thị trấn Đu) vẫn tiếp tục diễn ra ở cả huyện và tỉnh; các tệ nạn xã hội (nghiện hút, cờ bạc, mại dâm, trộm cắp...) tiếp tục có những diễn biến phức tạp và có chiều hướng gia tăng.

giữ gìn trật tự trị an ở các xóm, bản đã đẩy mạnh hoạt động tuần tra, canh gác, bảo vệ cuộc sống yên bình của nhân dân ở các xóm, bản. Trong tổng số 174 tiểu đội dân quân làm công tác dân vận và giữ gìn trật tự trị an, có 77 tiểu đội hoạt động khá (đạt 44,25%).

Chỉ tính riêng năm 1999 và 6 tháng đầu năm 2000, lực lượng dân quân tự vệ trong huyện đã tổ chức 4.285 lần tuần tra canh gác với 12.895 lượt cán bộ, chiến sĩ tham gia (tăng gấp 4,03 lần về số lần và 3,84 lần về số lượt so với hai năm 1997, 1998).

Hoạt động tuần tra canh gác của lực lượng dân quân, tự vệ các cơ sở xã, thị trấn, cơ quan, đơn vị trong huyện đã mang lại nhiều hiệu quả thiết thực, góp phần quan trọng vào việc duy trì sự ổn định trật tự xã hội ngay từ các xóm, bản. Lực lượng dân quân, tự vệ các xã, thị trấn, cơ quan, đơn vị trong huyện đã phối hợp chặt chẽ với lực lượng Công an từ huyện xuống cơ sở, làm tốt công tác giữ gìn an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, tích cực phòng chống các tệ nạn trộm cắp, cờ bạc, nghiện hút ma túy.... Lực lượng dân quân các xã Sơn Cẩm, Cổ Lũng, Động đát, Yên Lạc, Phú Đô và thị trấn Du còn phối hợp chặt chẽ với các đơn vị bộ đội, công an đứng chân trên địa bàn (Sư đoàn 346, các kho K86, KV3, và Trại giam Phú Sơn 4) làm tốt công tác giữ gìn trật tự trị an và thực hiện công tác hậu phương quân đội thu được nhiều kết quả tốt.

Năm 1999, Lực lượng vũ trang nhân dân Phú Lương phối hợp với Sư đoàn 346 đưa 6 đơn vị đi huấn luyện dã ngoại, kết hợp với làm công tác dân vận ở 6 xã Sơn Cẩm, Cổ Lũng, Động

đạt, Yên Đỗ, Yên Lạc, Yên Trạch. Trong thời gian 1 tháng, ngoài huấn luyện dã ngoại, các đơn vị thuộc Sư đoàn 346 đã tổ chức nói chuyện thời sự, tuyên truyền đường lối, chính sách của Đảng cho nhân dân; tổ chức 8 buổi giao lưu văn hoá, văn nghệ với Đoàn Thanh niên các xã; tặng 12 sổ tiết kiệm tình nghĩa cho các đối tượng chính sách, trị giá 1.600.000 đồng; khám bệnh và phát thuốc điều trị bệnh cho nhân dân trị giá 3.900.000 đồng; đóng góp 2.514 ngày công giúp nhân dân làm đường, làm cầu treo, san sân trạm xá xã, tu sửa trường học, tu sửa nghĩa trang liệt sĩ, giúp đỡ gia đình chính sách v.v. Kết thúc 1 tháng huấn luyện dã ngoại, cả 6 đơn vị đều làm tốt công tác dân vận, được Ủy ban nhân dân huyện tặng Giấy khen.

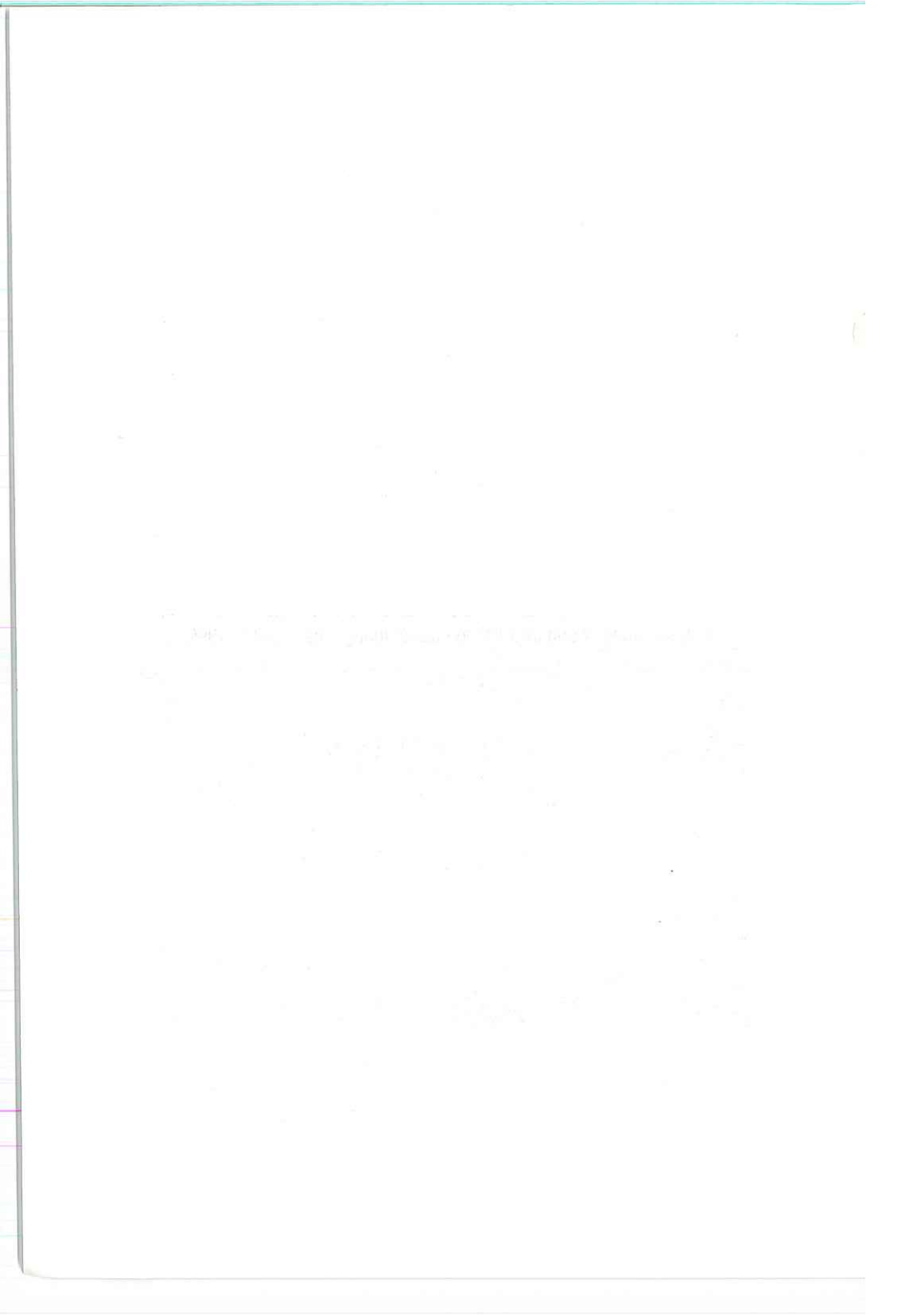
Thực hiện chủ trương của tỉnh về việc phối hợp hoạt động giữa cơ quan quân sự các cấp với các ban, ngành, đoàn thể ở địa phương, đầu năm 1999, Ban chỉ huy quân sự huyện ký kết chương trình phối hợp hoạt động với các đoàn thể ở huyện gồm: Hội Cựu chiến binh, Hội Phụ nữ, Hội Nông dân, Hội Chữ thập đỏ, Huyện Đoàn thanh niên, Liên đoàn Lao động. Ngày 17-3-2000, Ban chỉ huy quân sự huyện cùng với các đoàn thể tổ chức Hội nghị sơ kết đánh giá kết quả 1 năm phối hợp hoạt động. Hội nghị khẳng định “Chương trình phối hợp hoạt động giữa Ban chỉ huy quân sự huyện với các đoàn thể ở huyện đã phát huy có hiệu quả hoạt động của các đoàn thể, góp phần thúc đẩy thực hiện các công tác chính sách hậu phương quân đội, an ninh - quốc phòng, tạo động lực cho toàn dân thực hiện nhiệm vụ xây dựng nền quốc phòng toàn dân ngày càng vững mạnh, giữ vững an ninh chính trị và trật tự, an



Nhân dân các dân tộc huyện Phú Lương tiến đưa thanh niên trong huyện nhập ngũ bảo vệ Tổ quốc.



Đội Văn nghệ quần chúng của Lực lượng vũ trang nhân dân huyện Phú Lương tham gia Liên hoan nghệ thuật quần chúng Lực lượng vũ trang nhân dân tỉnh Thái Nguyên năm 2000.

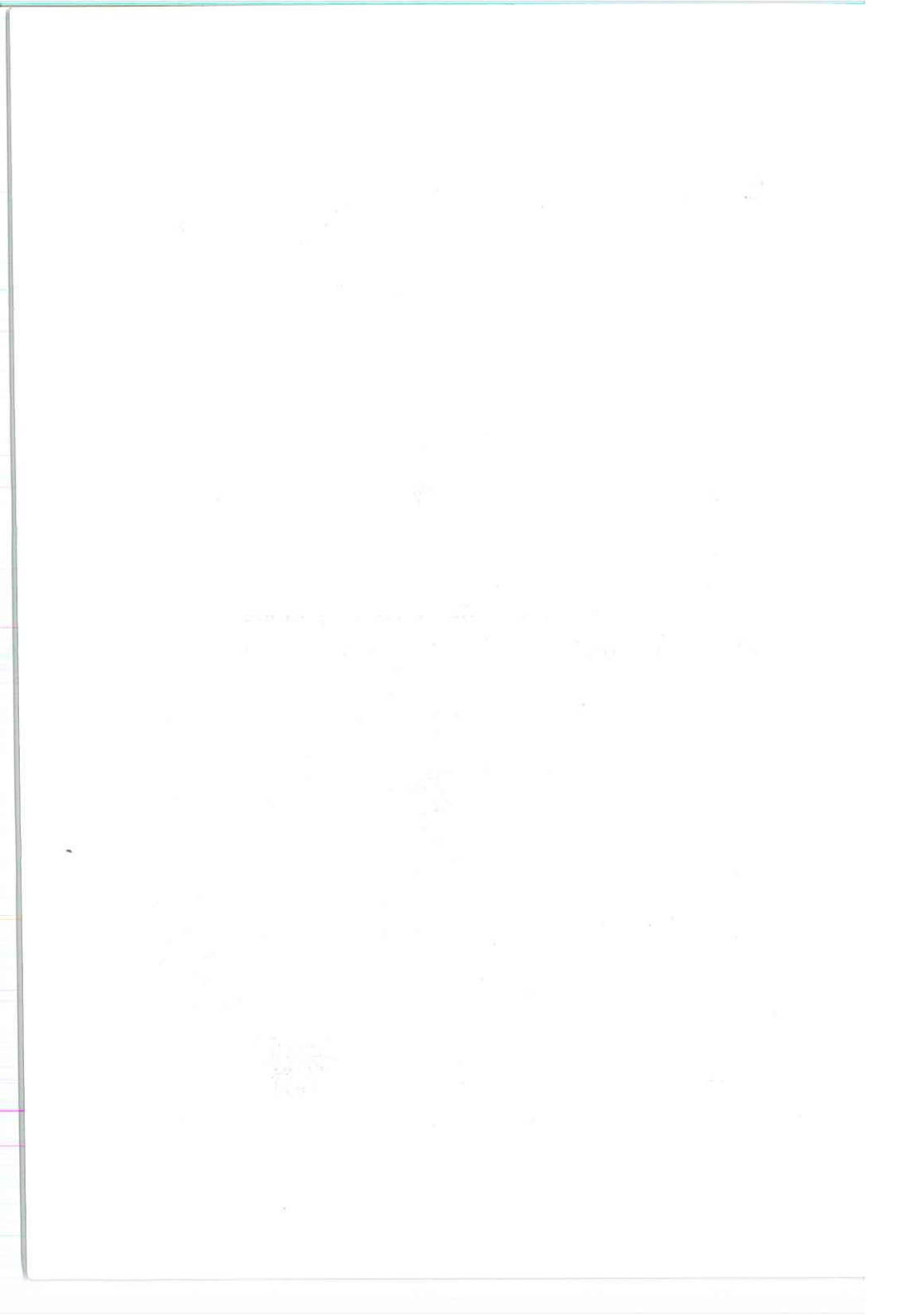




Đ/c Nông Văn Trân (Chủ tịch UBND kiêm Chủ tịch Hội đồng NVQS huyện) trao Bằng khen cho các tập thể và cá nhân LLVTND huyện có thành tích xuất sắc trong phong trào Thi đua Quyết thắng 3 năm 1997 - 1999.



Ban Chấp hành Đảng bộ Quân sự huyện Phú Lương nhiệm kỳ 1998 - 2000.



toàn xã hội trên địa bàn”. Hội nghị chủ trương trong năm 2000 và các năm tiếp theo đẩy mạnh thực hiện chương trình phối hợp hoạt động giữa Ban chỉ huy quân sự huyện với các tổ chức đoàn thể, tập trung vào các nội dung chủ yếu sau: “Tiếp tục quán triệt và thực hiện tốt nhiệm vụ xây dựng nền quốc phòng toàn dân, thế trận chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc và thế trận an ninh nhân dân; xây dựng lực lượng vũ trang địa phương vững mạnh về mọi mặt, thực sự là lực lượng nòng cốt bảo vệ Đảng, bảo vệ chính quyền, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, bảo vệ trật tự xã hội, giữ cho làng, bản bình yên. Tích cực, chủ động phối hợp với các lực lượng đẩy lùi tệ nạn xã hội, xoá bỏ các tụ điểm buôn bán ma tuý, cờ bạc, mại dâm..., xây dựng môi trường văn hoá lành mạnh tại địa phương”.

Chương trình phối hợp hoạt động giữa Ban chỉ huy quân sự huyện với các tổ chức đoàn thể ở huyện đã được Huyện uỷ, Uỷ ban nhân dân huyện quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo; được đông đảo cán bộ, nhân dân và lực lượng vũ trang địa phương nhiệt liệt hưởng ứng và đồng tình, nên đã thu được nhiều kết quả tốt. Các kết quả đó góp phần quan trọng để Đảng bộ, chính quyền, nhân dân và lực lượng vũ trang huyện Phú Lương hoàn thành tốt nhiệm vụ công tác quốc phòng - quân sự địa phương trong các năm từ 1997 đến 2000.

Trong các năm từ 1997 đến 2000, huyện Phú Lương đã liên tục hoàn thành tốt các mặt công tác quốc phòng - quân sự địa phương duy trì chặt chẽ, nghiêm túc các chế độ thường trực sẵn sàng chiến đấu (trực chỉ huy, trực ban, trực chiến). Các văn kiện tác chiến phòng thủ khu vực và tác chiến trị an A và A2 của huyện và các xã, thị trấn đã được xây dựng hoàn

chỉnh và thường xuyên được tổ chức luyện tập, bổ sung kịp thời. Hàng năm, các lực lượng bộ đội địa phương, dân quân, tự vệ đều hoàn thành tốt nhiệm vụ xây dựng, củng cố tổ chức; công tác huấn luyện đạt kết quả khá. Lực lượng dự bị động viên được quản lý chặt chẽ và hàng năm đều được động viên huấn luyện đảm bảo chỉ tiêu, chất lượng, nội dung, đúng luật và an toàn. Trong 3 năm từ 1997 đến 1999, toàn huyện đã động viên kiểm tra 938 cán bộ, chiến sĩ (đạt 100% chỉ tiêu); động viên giao cho các đơn vị Sư đoàn 346, Lữ đoàn 382, Cục Chính trị, Cục Kỹ thuật và Trường Quân sự Quân khu I huấn luyện 297 cán bộ, chiến sĩ và động viên huấn luyện tại huyện 2 trung đội với 58 cán bộ, chiến sĩ. Công tác tuyển quân hàng năm đều đảm bảo hoàn thành 100% chỉ tiêu. trong 4 năm (1997-2000), toàn huyện đã tuyển được 492 thanh niên vào bộ đội; tỉ lệ điều khám sức khoẻ so với chỉ tiêu tuyển quân trên giao hàng năm giảm từ 5 trên 1 (năm 1997), xuống còn 3,7 trên 1 (năm 2000) và tỉ lệ vắng khám so với tổng số điều khám cũng giảm từ 6,7% (năm 1997) xuống còn 2,5% (năm 2000). Năm 2000, tỉ lệ dự phòng toàn huyện là 1,6% (thấp hơn tỉ lệ dự phòng chung của tỉnh là 0,65%). Công tác tuyển sinh quân sự hàng năm có nhiều cố gắng. Công tác hậu cần, tài chính đảm bảo phục vụ tốt các nhiệm vụ huấn luyện, sẵn sàng chiến đấu của lực lượng vũ trang địa phương. Đời sống vật chất, tinh thần của cán bộ, chiến sĩ Cơ quan quân sự huyện được cải thiện nhiều so với những năm trước; bình quân mỗi ngày, mỗi cán bộ, chiến sĩ được đưa thêm vào bữa ăn 650 đồng từ nguồn tăng gia của đơn vị. Hàng năm, Cơ quan Quân

sự huyện đều đạt tiêu chuẩn “Bếp nuôi quân giỏi, quản lí tốt”;
“Đơn vị quân y 5 tốt”

Đảng bộ quân sự huyện thường xuyên được củng cố, kiện toàn về tổ chức, duy trì chặt chẽ, nghiêm túc các chế độ sinh hoạt, công tác, học tập, tự phê bình và phê bình.

Đại hội Đảng bộ quân sự huyện nhiệm kì III (1998-2000), tổ chức ngày 21-8-1998, đã bầu các đồng chí Trương Minh Tú (Chỉ huy trưởng), Hoàng Mạnh Quân (Chỉ huy phó Chính trị), Nguyễn Văn Nam (Chỉ huy phó Động Viên), Nguyễn Văn Hồng (Chỉ huy phó Tham mưu trưởng), Nguyễn Văn Sáu (Trợ lý cán bộ) vào Đảng uỷ quân sự huyện. Đồng chí Hoàng Mạnh Quân được Đảng uỷ Quân sự huyện bầu làm Phó Bí thư Đảng uỷ. Ngày 9-9-1998, Huyện uỷ Phú Lương ra Quyết định số 254/QĐ-HU chuẩn y Đảng uỷ Quân sự huyện và chỉ định các đồng chí Đoàn Đình thế (Bí thư Huyện uỷ) làm Bí thư và Nông Văn Trân (Chủ tịch Uỷ ban nhân dân huyện) làm Uỷ viên Đảng uỷ Quân sự huyện nhiệm kì III. Đại hội Đảng bộ Quân sự huyện nhiệm kì IV (2000-2003) tổ chức ngày 22-9-2000, đã bầu lại các đồng chí Trương Minh Tú, Hoàng Mạnh Quân, Nguyễn Văn Hồng, Nguyễn Văn Nam, Nguyễn Văn Sáu vào Đảng uỷ Quân sự huyện. Ngày 5-10-2000, Đảng uỷ Quân sự huyện họp bầu lại đồng chí Hoàng Mạnh Quân làm Phó Bí thư Đảng uỷ. Ngày 16-10-2000, Huyện uỷ Phú Lương ra Quyết định số 981/QĐ-HU chuẩn y Đảng uỷ Quân sự huyện và chỉ định các đồng chí Đỗ Mạnh Hùng (Bí thư Huyện uỷ) làm Bí thư và Nông Văn Trân (Chủ tịch Uỷ ban nhân dân huyện) làm Uỷ viên Đảng uỷ Quân sự huyện nhiệm kì IV.

Phát huy thành tích đơn vị được Huyện ủy Phú Lương tặng cờ “Đảng bộ trong sạch vững mạnh 5 năm liền (1991-1995)”; từ năm 1997 đến 2000, hàng năm Đảng bộ Quân sự huyện đều được Huyện ủy Phú Lương công nhận là vững mạnh; Cơ quan quân sự huyện liên tục được Bộ Tư lệnh Quân khu I tặng danh hiệu “Đơn vị Quyết thắng”. Năm 2000, trong Đảng bộ 3/3 chi bộ đạt trong sạch vững mạnh, 100% đảng viên đủ tư cách mức I. Đồng chí Trương Minh Tú (Ủy viên Đảng ủy Quân sự huyện, Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy quân sự huyện) được tặng danh hiệu Chiến sĩ Thi đua. Dưới sự lãnh đạo và chỉ huy trực tiếp của Đảng ủy Quân sự và Ban chỉ huy quân sự huyện, lực lượng vũ trang nhân dân huyện Phú Lương đã hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ được giao, trong đó, lực lượng dân quân các xã Cổ Lũng, Phấn Mễ, Yên Đỗ và các đồng chí Trần Khánh Dư (Xã đội trưởng xã Cổ Lũng), Bùi Văn Khánh (Xã đội trưởng xã Phấn Mễ), Nguyễn Thế Vinh (Xã đội trưởng xã Yên Lạc) được Ủy ban nhân dân huyện tỉnh tặng bằng khen. Ngoài ra, lực lượng vũ trang nhân dân huyện Phú Lương còn được Bộ Tư lệnh Quân khu I và Bộ chỉ huy quân sự tỉnh tặng Bằng khen và Giấy khen cho 14 tập thể và 17 cá nhân; Ủy ban nhân dân huyện tặng giấy khen cho 2 tập thể và Ban chỉ huy quân sự huyện tặng Giấy khen cho 4 cá nhân.

*

* *

Trải qua gần 15 năm (từ 1987 đến năm 2000) thực hiện đường lối đổi mới, công nghiệp hoá - hiện đại hoá đất nước của Đảng, Lực lượng vũ trang nhân dân huyện Phú Lương đã

không ngừng phát huy truyền thống đấu tranh kiên cường, bất khuất trong các cuộc kháng chiến chống Pháp, chống Mĩ và chiến tranh bảo vệ biên giới thiêng liêng của Tổ quốc, liên tục phấn đấu vươn lên cùng với Đảng bộ, chính quyền và nhân dân các dân tộc trong huyện giành được nhiều thành tựu to lớn trong xây dựng và phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội; ngăn ngừa và chặn đứng mọi âm mưu, hành động “Diễn biến hoà bình”, “Bạo loạn lật đổ” của các thế lực thù địch, giữ vững an ninh chính trị và trật tự xã hội; xây dựng huyện thành pháo đài phòng thủ ngày càng vững chắc; xây dựng nền quốc phòng toàn dân, thế trận chiến tranh nhân dân trên địa bàn huyện ngày càng vững mạnh. Các thành tựu to lớn đó là hành trang, là cơ sở, là tiền đề vững chắc để Lực lượng vũ trang nhân dân huyện Phú Lương cùng với Đảng bộ, chính quyền và nhân dân các dân tộc trong huyện vững vàng bước sang Thế kỉ 21, tiếp tục thực hiện thắng lợi công cuộc đổi mới, công nghiệp hoá - hiện đại hoá đất nước trên địa bàn huyện.

KẾT LUẬN

Phú Lương là một huyện miền núi thuộc tỉnh Thái Nguyên, nằm ở vùng phía bắc tỉnh. Nhân dân các dân tộc huyện Phú Lương vốn có truyền thống yêu nước, cách mạng và đấu tranh kiên cường, bất khuất chống giặc ngoại xâm và chống cường quyền áp bức từ lâu đời. Trong các thời kỳ trước Cách mạng Tháng Tám 1945 và trong kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (1945-1954), với địa bàn núi, rừng bao la, hiểm trở, huyện Phú Lương được Trung ương Đảng và Bác Hồ chọn làm một trong những nơi để xây dựng thành Căn cứ địa cách mạng, Căn cứ địa kháng chiến của cả nước.

Những năm 1942, 1943, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Đông Dương, trực tiếp là sự chỉ đạo, hướng dẫn, gây dựng phong trào cách mạng của các đồng chí cán bộ Đội Cứu quốc quân II từ các vùng Võ Nai, Đại Từ, Định Hóa đến, ở các xã Phấn Mễ, Phấn Xuất đã thành lập được các tổ chức cứu quốc. Năm 1943, tại làng Hái Hoa (xã Phấn Mễ), Đội tự vệ (tổ chức vũ trang cách mạng) đầu tiên của huyện Phú Lương được thành lập, với 21 cán bộ, chiến sĩ và vũ khí trang bị gồm 20 khẩu súng kíp tự tạo. Tuy lực lượng ít ỏi, vũ khí trang bị thô sơ, nhưng với truyền thống đấu tranh kiên cường, bất khuất

vốn có từ lâu đời của nhân dân các dân tộc trong huyện, ngay sau ngày thành lập, Đội tự vệ Hái Hoa thu được tại nhà Đốc Hiến 2 khẩu súng gióp III và 200 viên đạn để tranh bị cho mình. Với sự kiện này, cán bộ, chiến sĩ đại đội tự vệ làng Hái Hoa đã mở ra truyền thống ra quân là chiến thắng của cán bộ, chiến sĩ lực lượng vũ trang cách mạng huyện Phú Lương. Từ đội tự vệ đầu tiên ra đời năm 1943, đến những tháng cuối năm 1944, đầu năm 1945, nhiều đội tự vệ đã được ra đời ở nhiều xóm, xã trong toàn huyện; trong đó, tự vệ làng Hái Hoa đã phát triển thành Đội tự vệ xã Phấn Mễ với trên 40 cán bộ, chiến sĩ. Trong thời kì vận động cách mạng và Tổng khởi nghĩa Tháng Tám 1945, dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp của cán bộ, chiến sĩ Đội Cứu quốc quân và Đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân được Đảng cử về hoạt động trên địa bàn huyện, các đội tự vệ và tự vệ chiến đấu huyện Phú Lương đã làm nòng cốt cho nhân dân các dân tộc trong huyện nổi dậy vây bắt và trừng trị các tên tay sai thân Nhật có nhiều nợ máu với nhân dân, tuyên bố xóa bỏ chính quyền tay sai, thu vũ khí của bọn binh lính bảo an, bằng, sắc, giấy tờ của bọn quan lại địa phương, thành lập chính quyền cách mạng ở các xã, tổng và huyện. Sau ngày Tổng khởi nghĩa giành chính quyền về tay nhân dân trong toàn huyện thắng lợi, chính quyền dân chủ nhân dân ở các cấp trong huyện được thành lập, cán bộ, chiến sĩ các đội tự vệ Phú Lương đã góp phần quan trọng cùng với nhân dân các dân tộc trong huyện từng bước đẩy lùi giặc đốt, giặc đói và giặc ngoại xâm, bảo vệ vững chắc chính quyền cách mạng non trẻ. Trong thời kì 9 năm kháng chiến chống thực dân Pháp trường kì và anh dũng của dân tộc, huyện Phú

Lương nằm trong vùng tự do, vùng căn cứ địa kháng chiến Việt Bắc, trong đó một số xã vùng phía tây của huyện (giáp huyện Định Hóa) được Trung ương Đảng, Chính phủ và Chủ tịch Hồ Chí Minh chọn để xây dựng thành xã An toàn khu (ATK) kháng chiến. Cán bộ, chiến sĩ lực lượng vũ trang huyện Phú Lương và nhân dân các dân tộc ở hầu hết các xã trong huyện đã vinh dự được đón nhiều cơ quan, kho tàng, công xưởng, đơn vị quân đội của Trung ương lên ở và làm việc tại địa bàn huyện. Địa bàn các xã Phấn Mễ, Vô Tranh là nơi Bộ Quốc phòng đặt kho quân giới và xưởng sản xuất vũ khí trang bị cho quân đội ta. Tại xưởng sản xuất vũ khí Giang Tiên (thuộc xã Cổ Lũng), đồng chí Trần Đại Nghĩa (kỹ sư, Cục trưởng Cục quân giới) đã nghiên cứu và sản xuất thành công súng Badôca không giật bắn xe tăng địch; súng Badôca không giật đã từng làm cho bọn giặc Pháp lái xe tăng bao phen hụt vía, kinh hồn.

Xã Tam Hợp (nay là xã 3 xã Hợp Thành, Phủ Lý, Ôn Lương) đã từng là nơi ở và làm việc của Báo Cứu quốc, Cục Vận tải, Cục Quân nhu; là nơi quân đội ta tổ chức Đại hội Chiến sĩ thi đua và cán bộ gương mẫu toàn quốc lần thứ nhất do Chủ tịch Hồ Chí Minh chủ trì. Xã Vô Tranh là nơi ở và làm việc của các Xưởng Quân giới Phan Đồi, Hạ Bằng; phân xưởng Nhà máy giấy Hoàng Văn Thụ, Phân viện Quân y 5, Ủy ban kháng chiến hành chính và Ty Ngân khố tỉnh Thái Nguyên. Xã Yên Trạch cũng đã từng là nơi ở và làm việc của Viện Quân y 108, Nha Quân dược, Cục Bản đồ, Cục Quân y, Xưởng may quân đội. Xã Động Đạt là nơi ở và làm việc của Tổng cục Cung cấp, Trại giam tù binh Pháp, kho quân giới;

đồng thời cũng là nơi ra đời Đại đoàn 308 (Đại đoàn Quân tiên phong), Sư đoàn chủ lực đầu tiên của quân đội ta. Cũng như quân và dân các huyện, thị xã khác trong tỉnh, quân và dân huyện Phú Lương đã làm tốt công tác bảo mật, phòng gian, thực hiện tốt khẩu hiệu 3 không (không nghe, không biết, không thấy); tổ chức tốt việc tuần tra canh gác bảo vệ địa bàn, góp phần bảo vệ các cơ quan và đơn vị của Trung ương, quân đội và tỉnh đến ở và làm việc trên địa bàn huyện. Tuy đời sống vật chất còn rất nhiều khó khăn, thiếu thốn, nhưng nhân dân các dân tộc huyện Phú Lương đã nhường cơm, xẻ áo, nhường nhà cho cán bộ, nhân viên các cơ quan, đơn vị đến ở và làm việc. Trong Chiến dịch phản công Việt Bắc Thu Đông 1947, quân và dân huyện Phú Lương làm tốt công tác chiến đấu và phục vụ chiến đấu, góp phần quan trọng bảo vệ tuyệt đối an toàn các cơ quan đầu não kháng chiến, Chủ tịch Hồ Chí Minh và các đồng chí lãnh đạo cao cấp nhất của Đảng, Chính phủ, quân đội ở ATK Định Hóa. Nhân dân các dân tộc huyện Phú Lương đã đóng góp cho kháng chiến 7.500 tấn lương thực, 1.300 tấn thực phẩm; 2.250 người con ưu tú của nhân dân các dân tộc Phú Lương đã gia nhập các lực lượng vũ trang nhân dân, làm nhiệm vụ chiến đấu bảo vệ Tổ quốc, bảo vệ quê hương và trong số đó đã có 82 người hi sinh vì Tổ quốc, gần 100 người để lại một phần máu xương ngoài mặt trận được công nhận là thương binh. Trong thời kỳ kháng chiến chống Mĩ cứu nước, dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng bộ và chính quyền các cấp trong huyện quân và dân huyện Phú Lương đã thực hiện thắng lợi nhiệm vụ vừa sản xuất vừa chiến đấu chống chiến tranh phá hoại bằng không quân của đế quốc Mĩ ;

làm tốt công tác động viên sức người, sức của, chỉ viên chiến trường. Chỉ tính riêng trong 10 năm trực tiếp kháng chiến chống Mĩ cứu nước, quân và dân huyện Phú Lương đã tiến hành 40 chiến dịch động viên tuyển quân lớn nhỏ, huy động được 4.052 con em ưu tú thuộc đủ các thành phần dân tộc trong huyện vào bộ đội (trong đó, xã Phấn Mễ đã huy động tới 17% dân số vào bộ đội đánh Mĩ, đạt tỉ lệ cao nhất trong số các xã, thị trấn trong toàn tỉnh Bắc Thái trong thời kì đó). Con em đồng bào các dân tộc huyện Phú Lương vào bộ đội đánh Mĩ đã có mặt chiến đấu ở khắp các chiến trường 3 nước Đông Dương, nhiều người đã lập công xuất sắc, được Đảng, Nhà nước, quân đội tặng thưởng các danh hiệu cao quý, các huân, huy chương các loại. Trong đó, đồng chí Trần Xuân Thiện (quê quán, trú quán xã Phấn Mễ) đã lập công đặc biệt xuất sắc trong Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử được tuyên dương danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân. Trong chiến đấu và phục vụ chiến đấu, 672 người con ưu tú của nhân dân các dân tộc huyện Phú Lương đã hy sinh vì Tổ quốc, vĩnh viễn nằm lại trên các chiến trường, được Tổ quốc ghi công là liệt sĩ; 311 người con ưu tú khác để lại một phần máu xương ngoài mặt trận, được công nhận là thương binh.

Vì miền Nam ruột thịt, hàng vạn ông bố, bà mẹ, người vợ, người con... ở huyện Phú Lương đã sẵn sàng hi sinh, cống hiến những người con thân yêu, ruột thịt nhất của mình cho sự nghiệp giải phóng miền Nam, thống nhất nước nhà. Vì sự nghiệp chống Mĩ cứu nước vĩ đại của dân tộc, cán bộ, chiến sĩ lực lượng vũ trang và nhân dân các dân tộc huyện Phú Lương đã “thất lưng, buộc bụng” thực hiện triệt để khẩu hiệu “Vì tiền

tuyến, thóc không thiếu một cân”, luôn hoàn thành và hoàn thành vượt mức nghĩa vụ đóng góp lương thực, thực phẩm đối với Nhà nước.

Trong chiến đấu chống chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ, quân và dân Phú Lương đã rất kiên cường, dũng cảm chiến đấu và phục vụ chiến đấu, góp phần bắn rơi 5 máy bay Mỹ trên địa bàn huyện, tiêu diệt và bắt sống được nhiều tên giặc Mỹ lái máy bay. Giữa lúc máy bay Mỹ lồng lộn, gầm thét bắn tên lửa xuống làm cháy trận địa tên lửa Vô Tranh, cán bộ, chiến sĩ Tiểu đội nữ dân quân xã Vô Tranh đã sẵn sàng chấp nhận hi sinh xông vào dập lửa cứu trận địa bảo vệ an toàn máy móc, khí tài tên lửa, nêu gương sáng về chủ nghĩa anh hùng cách mạng Việt Nam cho cán bộ, chiến sĩ lực lượng vũ trang và nhân dân các dân tộc trong huyện.

Đóng góp của quân và dân Phú Lương trong kháng chiến chống Mỹ đã góp phần cùng với quân và dân cả nước làm nên một Đại thắng mùa Xuân 1975 lịch sử, giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước.

Trong các thời kì xây dựng, bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa và đổi mới, công nghiệp hóa – hiện đại hóa đất nước, cán bộ, chiến sĩ lực lượng vũ trang nhân dân huyện Phú Lương đã phát huy cao độ truyền thống anh hùng của quê hương căn cứ địa kháng chiến, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ chi viện sức người, sức của cho các tỉnh phía Bắc chiến đấu bảo vệ biên giới thiêng liêng; hơn 10.000 người con thân yêu của nhân dân các dân tộc trong huyện đã gia nhập các lực lượng vũ trang nhân dân, cầm súng bảo vệ Tổ quốc.

Trong sản xuất xây dựng kinh tế, văn hóa, xã hội, cán bộ, chiến sĩ lực lượng vũ trang nhân dân huyện Phú Lương đã phát huy tốt vai trò nòng cốt và đã giành được nhiều thành tựu to lớn. Cán bộ, chiến sĩ lực lượng vũ trang nhân dân huyện Phú Lương luôn làm tốt công tác tuần tra canh gác; phối hợp chặt chẽ với lực lượng công an nhân dân làm tốt công tác bảo vệ trật tự trị an; phòng chống có hiệu quả các hoạt động “Diễn biến hòa bình”, “Bạo loạn lật đổ” của các thế lực thù địch, góp phần quan trọng vào việc giữ vững sự ổn định về chính trị và xã hội trên địa bàn. Lực lượng dân quân tự vệ huyện Phú Lương luôn được củng cố kiện toàn về tổ chức và quân số. Tỷ lệ dân quân, tự vệ so với dân số đảm bảo đúng qui định của Pháp lệnh về dân quân, tự vệ, hàng năm, 100% các đầu mối dân quân tự vệ trong huyện đã hoàn thành nhiệm vụ huấn luyện và kết quả huấn luyện dân quân, tự vệ. Hàng năm đều đảm bảo tỷ lệ từ 78% trở lên đạt khá, giỏi. Lực lượng vũ trang nhân dân huyện và ở 100% xã, thị trấn trong huyện đều xây dựng hoàn chỉnh kế hoạch tác chiến phòng thủ, phòng chống biểu tình, gây rối, bạo loạn và kế hoạch tác chiến trị an; thường xuyên tổ chức diễn tập, luyện tập theo các phương án đó. Kết hợp quốc phòng với kinh tế, kinh tế với quốc phòng, hàng năm, trong các đợt diễn tập quân sự ở cả qui mô toàn huyện cũng như qui mô từng xã, liên xã, cán bộ, chiến sĩ lực lượng vũ trang nhân dân huyện Phú Lương đã gắn việc luyện tập phòng chống biểu tình, gây rối, bạo loạn với việc giải quyết một số vấn đề bức xúc ở địa phương (chống tệ nạn xã hội, giải phóng hành lang an toàn giao thông, làm thủy lợi, làm đường giao thông nông thôn), tạo ra giá trị kinh tế hàng tỉ

đồng được cấp ủy Đảng, chính quyền nhân dân trong huyện đánh giá cao.

Cơ quan quân sự các cấp từ huyện xuống các xã thường xuyên được củng cố, kiện toàn và không ngừng được nâng cao về chất lượng, luôn hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ làm tham mưu cho cấp ủy và chính quyền địa phương về công tác quốc phòng – quân sự địa phương. Cơ quan quân sự huyện nhiều năm đạt tiêu chuẩn đơn vị vững mạnh, 7 lần được tặng danh hiệu Đơn vị Quyết thắng và 42 lần được tặng Bằng khen. Đảng bộ quân sự huyện (thành lập tháng 5-1994) luôn đạt vững mạnh, trong sạch, lãnh đạo cơ quan, đơn vị và cán bộ, chiến sĩ lực lượng vũ trang nhân dân huyện hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ được giao. Trải qua các cuộc kháng chiến chống Pháp, chống Mĩ và chiến tranh bảo vệ biên giới của Tổ quốc, 55 năm qua (1945-2000), nhân dân và cán bộ, chiến sĩ lực lượng vũ trang nhân dân huyện Phú Lương không ngừng lớn mạnh, trưởng thành và lập được nhiều chiến công hiển hách. Toàn huyện có 38 gia đình được tặng Bằng có công với nước, 9 người được công nhận là cán bộ lão thành cách mạng, 48 người được công nhận là cán bộ tiền khởi nghĩa, 4.862 người được tặng huân, huy chương các loại. Riêng lực lượng vũ trang nhân dân huyện đã được tặng thưởng 1 Huân chương Quân công hạng nhất, 1 Huân chương Quân công hạng nhì. Đặc biệt, do có những thành tích đặc biệt xuất sắc trong thời kỳ chống Pháp, Chống Mĩ, toàn huyện có 8 tập thể và 1 cá nhân được tuyên dương danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân. Đó là: Nhân dân và lực lượng vũ trang nhân dân huyện Phú Lương; Nhân dân và lực lượng vũ trang nhân dân các xã Hợp Thành, Phủ Lý, Ôn Lương, Đông Đạt, Phấn Mễ, Yên Trạch, Vô Tranh được tuyên dương danh hiệu Anh hùng

lực lượng vũ trang nhân dân thời kì chống Pháp và đồng chí Trần Xuân Thiện được tuyên dương danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân thời kì chống Mĩ cứu nước. Toàn huyện có 5 bà mẹ được tặng và truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam Anh hùng.

Sự lớn mạnh, trưởng thành và các thành tích xuất sắc cũng như đặc biệt xuất sắc của nhân dân và lực lượng vũ trang nhân dân huyện Phú Lương trong 55 năm qua (1945-2000), trước hết đều bắt nguồn từ sự lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp của Đảng bộ, chính quyền các cấp từ huyện xuống cơ sở; từ sự chỉ đạo, chỉ huy sâu sát của cơ quan quân sự cấp trên mà trực tiếp là của Bộ chỉ huy quân sự tỉnh.

Ngay từ những ngày đầu tiên mới thành lập (tháng 7-1947) Huyện ủy Phú Lương đã cử những cán bộ có năng lực, có trách nhiệm sang lãnh đạo, chỉ huy Huyện đội bộ dân quân. Từ đó, hơn 55 năm đã trôi qua, trong tất cả các thời kì chiến tranh ác liệt hay hòa bình, các cấp bộ Đảng từ huyện xuống các xã, thị trấn trên địa bàn huyện đều quan tâm lãnh đạo chặt chẽ lực lượng vũ trang địa phương. Cơ quan quân sự các cấp huyện, xã, thị trấn, cơ quan, đơn vị thường xuyên được củng cố, kiện toàn về tổ chức lãnh đạo và tổ chức chỉ huy, cả về quân số và trang bị vũ khí. Từ khi thành lập Đảng bộ huyện (10-1946), đến năm 2000, trải qua 20 nhiệm kì Đại hội, nhiệm kì nào Huyện ủy Phú Lương cũng cử Huyện ủy viên hoặc Ủy viên Ban Thường vụ Huyện ủy sang phụ trách cơ quan quân sự huyện, trực tiếp lãnh đạo, chỉ đạo lực lượng vũ trang nhân dân huyện. Từ năm 1988, thực hiện Nghị quyết 02 của Bộ Chính trị, Huyện ủy Phú Lương đã cử đồng chí Bí thư Huyện ủy sang trực tiếp làm Bí thư Ban Cán sự Đảng quân sự huyện (đến

tháng 4-1994) và làm Bí thư Đảng ủy quân sự huyện (từ tháng 5-1994).

Ngoài sự lãnh đạo của Đảng bộ huyện, sự lớn mạnh, trưởng thành của lực lượng vũ trang nhân dân huyện Phú Lương trong hơn 50 năm qua cũng bắt nguồn từ sự chở che, cứu mang, giúp đỡ hết lòng của nhân dân các dân tộc trong huyện. Từ đội tự vệ chiến đấu đầu tiên của huyện ra đời ở Hái Hoa (Phấn Mễ) những năm 1942, 1943, đến Trung đội du kích tập trung của huyện ra đời những tháng cuối năm 1947, Đại đội 271 bộ đội địa phương huyện ra đời cuối năm 1949, đến các trung đội dân quân du kích trực chiến phòng không trong thời kì chống chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ ..., đều do nhân dân các dân tộc trong huyện đóng góp, nuôi dưỡng và trang bị vũ khí. Ngày nay, trong thời kì đổi mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, cán bộ, chiến sĩ lực lượng vũ trang nhân dân huyện Phú Lương vẫn tiếp tục nhận được sự ủng hộ và giúp đỡ của nhân dân các dân tộc trong huyện cả về vật chất lẫn tinh thần. Tuy đời sống của đồng bào Phú Lương còn rất nhiều khó khăn, thiếu thốn, nhưng nhân dân Phú Lương vẫn đóng góp đầy đủ các loại quỹ quốc phòng, an ninh, đảm bảo đầy đủ kinh phí cho cán bộ, chiến sĩ lực lượng vũ trang huyện huấn luyện và hoạt động.

Sự lãnh đạo, chỉ đạo sâu sát của các cấp bộ Đảng và chính quyền các cấp trong huyện, của cơ quan quân sự tỉnh; sự chở che, cứu mang, ủng hộ và giúp đỡ hết lòng của nhân dân các dân tộc huyện Phú Lương là những nguyên nhân chủ yếu và trực tiếp đưa đến sự lớn mạnh và trưởng thành của lực lượng vũ trang nhân dân huyện Phú Lương trong suốt 55 năm vừa xây dựng, vừa chiến đấu và công tác (1945-2000).

Kế thừa truyền thống yêu nước và cách mạng vốn có từ lâu đời của quê hương người anh hùng dân tộc Dương Tự Minh; phát huy truyền thống “Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân” trong thời kì kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, Nhân dân và lực lượng vũ trang nhân dân huyện Phú Lương không ngừng phấn đấu, vươn lên, góp phần thực hiện thắng lợi đường lối đổi mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước do Đảng Cộng sản Việt Nam đề xướng và lãnh đạo, xây dựng huyện Phú Lương thành khu vực phòng thủ vững chắc, giàu về kinh tế, mạnh về quốc phòng, ổn định và vững về chính trị và trật tự xã hội; nhân dân và cán bộ, chiến sĩ lực lượng vũ trang trong huyện có đời sống ấm, no, hạnh phúc, công bằng, dân chủ và văn minh.

Sự lãnh đạo chỉ đạo sâu sát của các cấp bộ Đảng và chính quyền các cấp trong huyện, của cơ quan quân sự tỉnh, sự che chở, cứu trợ, ủng hộ và giúp đỡ hết lòng của nhân dân các dân tộc huyện Phú Lương là những nguyên nhân chủ yếu và trực tiếp đưa đến sự lớn mạnh và trưởng thành của lực lượng vũ trang nhân dân huyện Phú Lương trong suốt 55 năm xây dựng, vừa chiến đấu và công tác (1945-2000).

A - CÁC ĐỒNG CHÍ CHỈ HUY QUÂN SỰ HUYỆN 1947 - 2007.



Đ/c Nguyễn Đại Hải
Chính trị viên
1947 - 1949.



Đ/c Tạ Việt Cường
Huyện đội trưởng
1947 - 1950.



Đ/c Nguyễn Văn Tường
Huyện đội phó
1947.



Đ/c Hoàng Ngọc Thăng
Chính trị viên
1949-1953.



Đ/c Phạm Huy Cường
Huyện đội trưởng
1950-1951.



Đ/c Nguyễn Quang Oánh
Ctrị viên phó phụ trách Ctrị
viên kiêm Huyện đội trưởng
1954-1958.



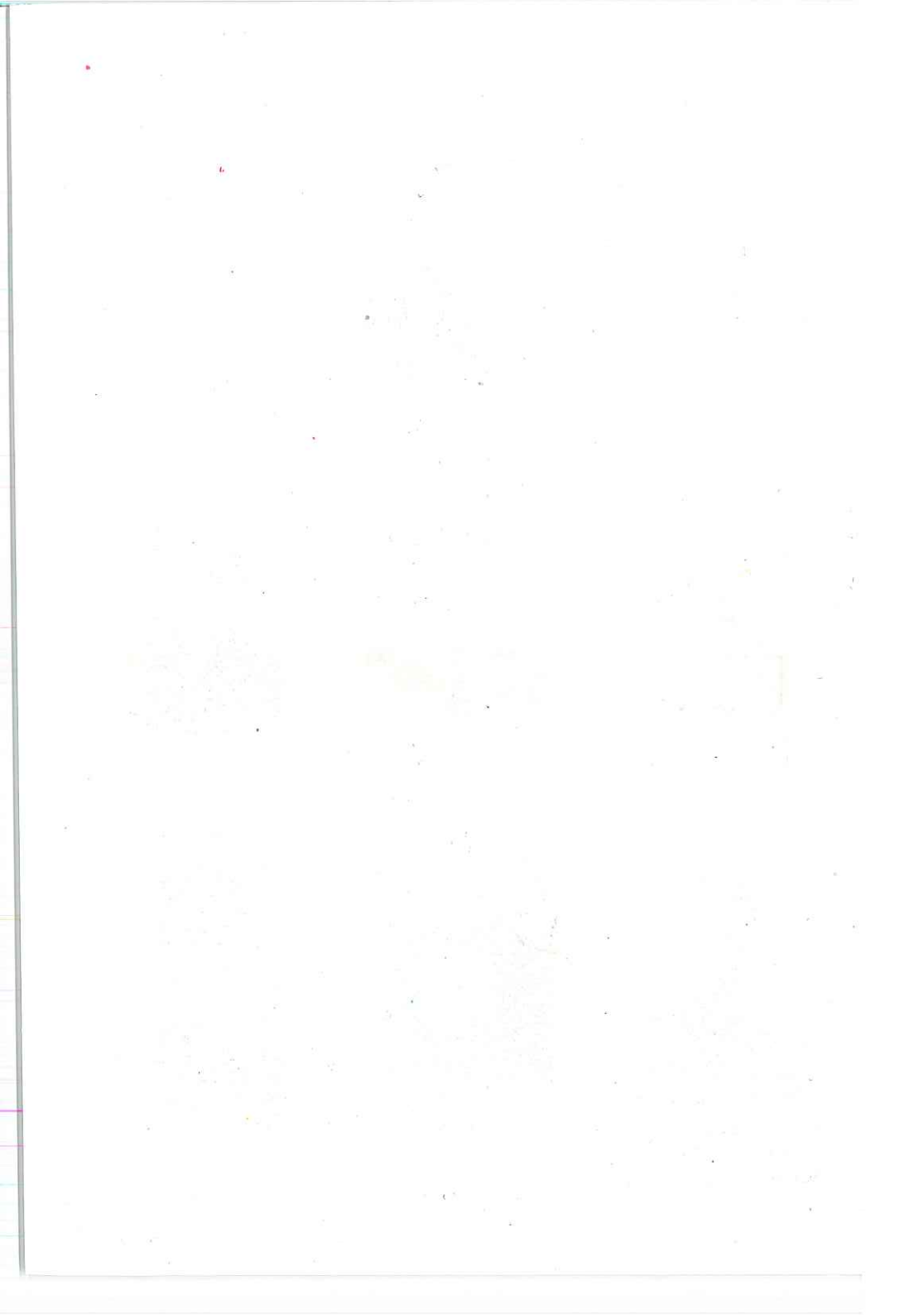
Đ/c Nguyễn Ru
Huyện đội phó 1957-1958
Huyện đội trưởng 1959-1960.



Đ/c Nguyễn Văn Cúc
Huyện đội phó
1958-1965.



Đ/c Ngô Ngọc Phương
Huyện đội trưởng
1961-1964.





Đ/c Hoàng Văn Chư
Chính trị viên phó
1962 - 1964.



Đ/c Hoàng Quý Long
Ctri viên phó 1963 - 1964
Ctri viên 1965-1966.



Đ/c Đặng Đình Cừ
Huyện đội trưởng
1964-1966.



Đ/c Đàm Văn Quán
Huyện đội trưởng
1966-1967.



Đ/c Ma Ngọc Hợi
Huyện đội trưởng
1967-1969.



Đ/c Ma Văn Bảo
Chính trị viên
1969-1970.



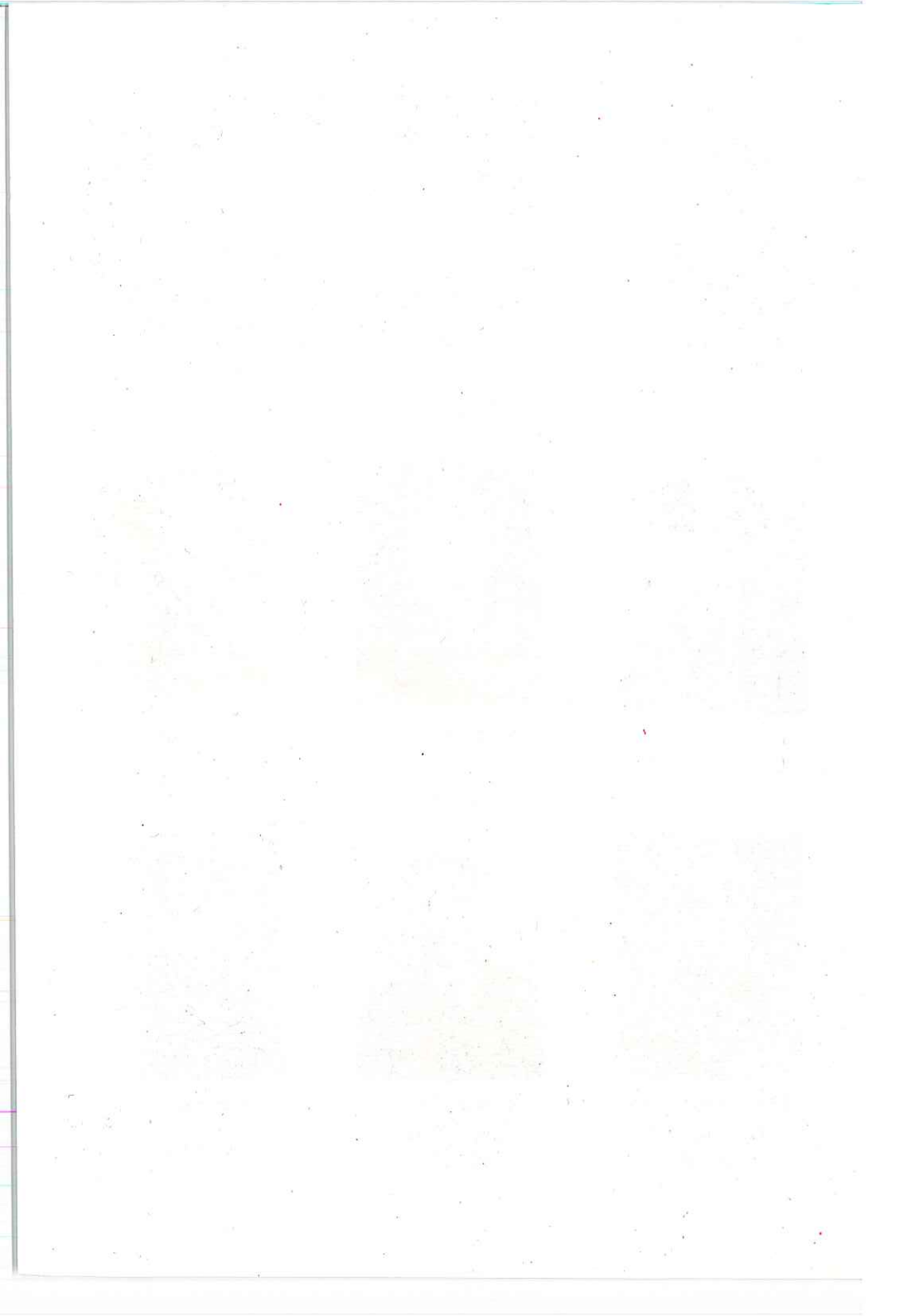
Đ/c Âu Đình Quán
Huyện đội phó
1969-1971.



Đ/c Ngô Chí Cao
Huyện đội-phó
1969-1978.



Đ/c Mông Văn Ngọc
Ctri viên phó 1971-1973
Ctri viên 1973-1979.





Đ/c Nguyễn Thế Dung
Chính trị viên
1972-1973.



Đ/c Nguyễn Văn Phác
Huyện đội trưởng
1972-1976.



Đ/c Nguyễn Văn Tình
Chính trị viên phó
1972-1973 và 1975-1980.



Đ/c Hà Tiến Đoán
Chính trị viên phó
1973-1978.



Đ/c Lương Văn Dương
Chỉ huy trưởng
1976-1978.



Đ/c Bảo Văn Thủy
Chỉ huy trưởng
1979 - 1980.



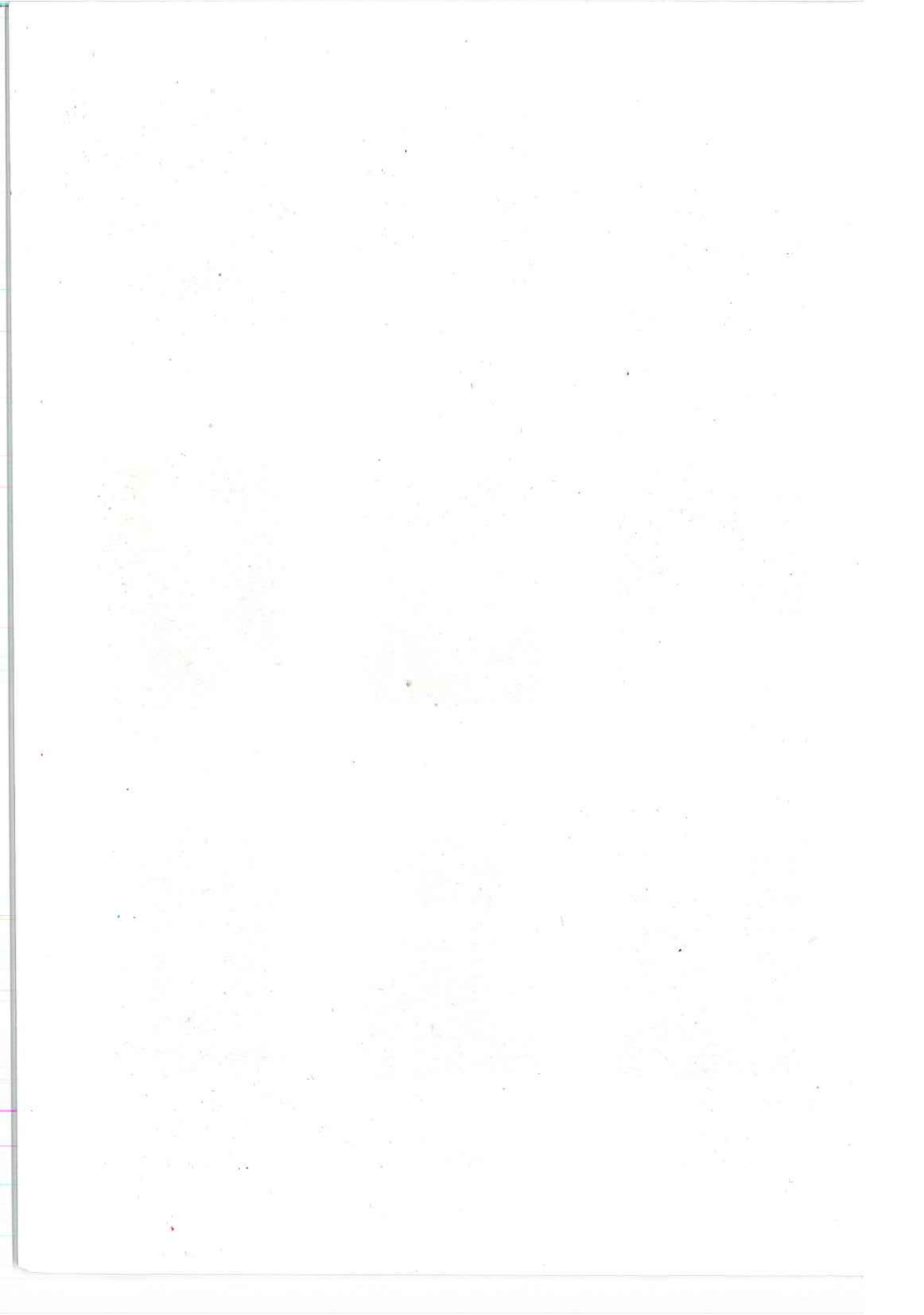
Đ/c Nguyễn Phúc Huyền
Chính trị viên
1979-1981.



Đ/c Lưu Tô Sơn
Ctrl viên phó 1979-1981
Chỉ huy phó Ctrl 1982-1984.



Đ/c Trần Ngọc Cảnh
Chỉ huy trưởng
1980-1987.





Đ/c Lềng Văn Nha
Chỉ huy phó
1979-1982.



Đ/c Hoàng Cười
Chỉ huy phó
1981-1983.



Đ/c Bùi Xuân Ái
Chỉ huy phó Ctrị
1984-1988.



Đ/c Hoàng Văn Thông
Chỉ huy phó
1981-1983.



Đ/c Ma Công Bốn
Chỉ huy phó 1983-1987
Chỉ huy trưởng 1987-1990.



Đ/c Nguyễn Văn Viết
Chỉ huy phó
1983-1986.



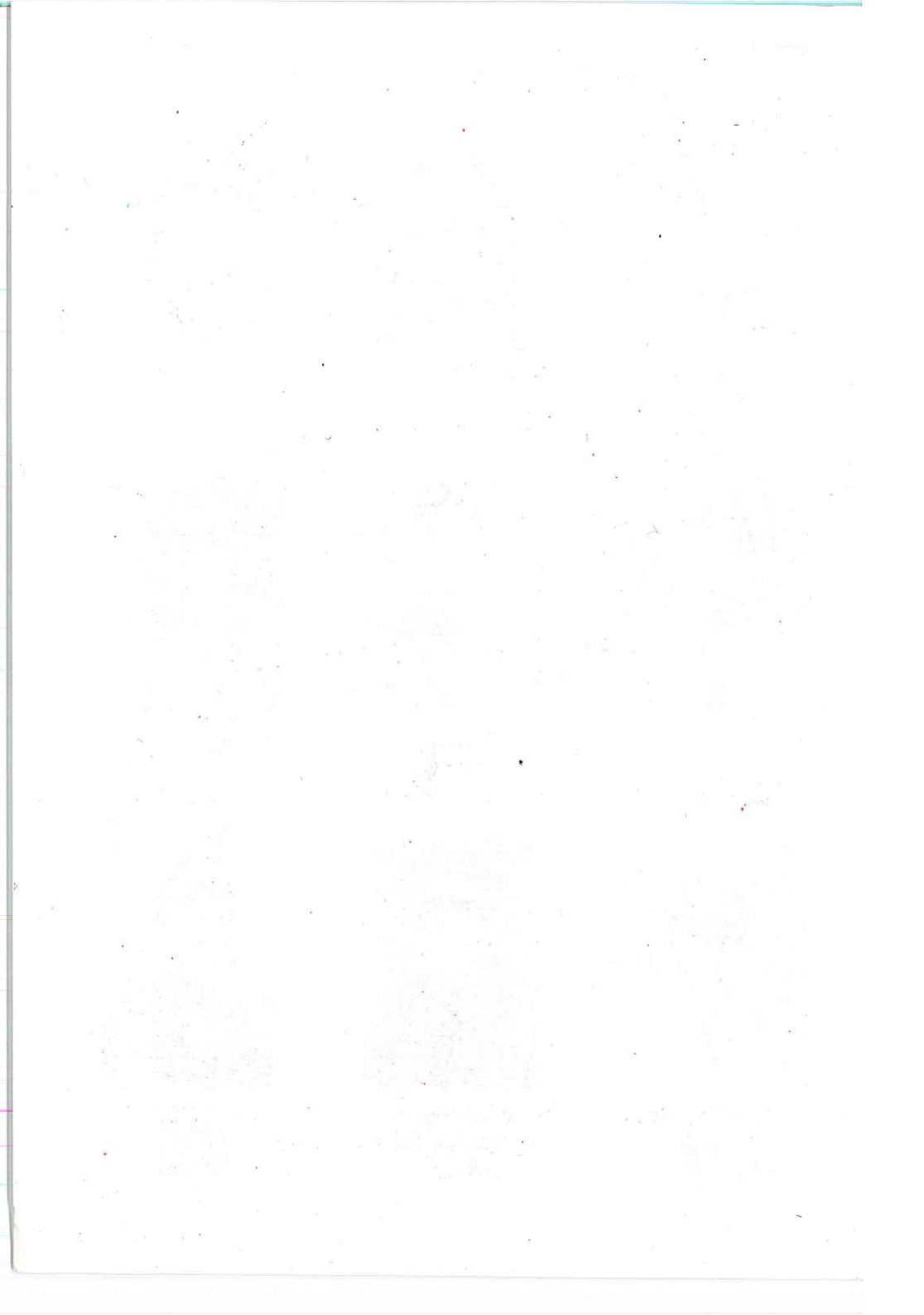
Đ/c Ma Quốc Việt
Chỉ huy phó
1986-1987.



Đ/c Quách Nghiệp
Chỉ huy phó Ctrị
1988-1990.



Đ/c Lương Mạnh Kim
Chỉ huy phó
1987-1989.





Đ/c Dương Công Định
Chỉ huy phó
1987-1990.



Đ/c Ma Công Như
Chỉ huy phó Ctrị
1990-1993.



Đ/c Nguyễn Văn Hồng
Chỉ huy phó
1989-2000.



Đ/c Trương Minh Tú
Chỉ huy trưởng
1990-2001.



Đ/c Nguyễn Văn Tuấn
Chỉ huy phó Ctrị
1993-1996.



Đ/c Nguyễn Văn Nam
Chỉ huy phó
1995-2005.



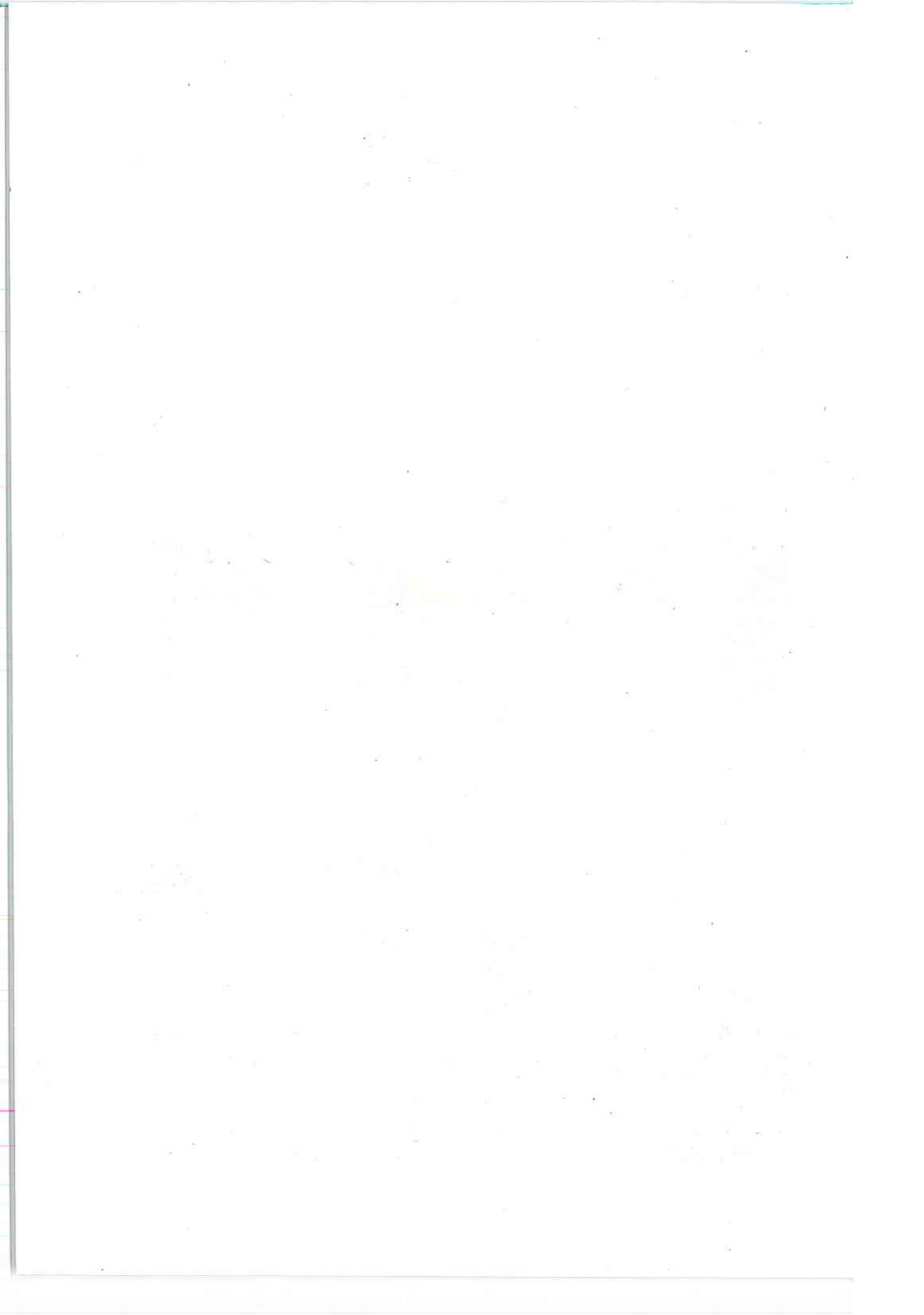
Đ/c Hoàng Mạnh Quân
Chỉ huy phó Ctrị
1996-2005.



Đ/c Nguyễn Văn Oanh
Chỉ huy trưởng
2001-2003.



Đ/c Triệu Hạnh Kiểm
Chỉ huy phó
2001-2005.





Đ/c Lê Đức Ân
Chỉ huy trưởng
từ năm 2003.



Đ/c Dương Văn Hà
Chỉ huy phó Trị
2005-2006.



Đ/c Dương Tiến Được
Chỉ huy phó
từ năm 2005.



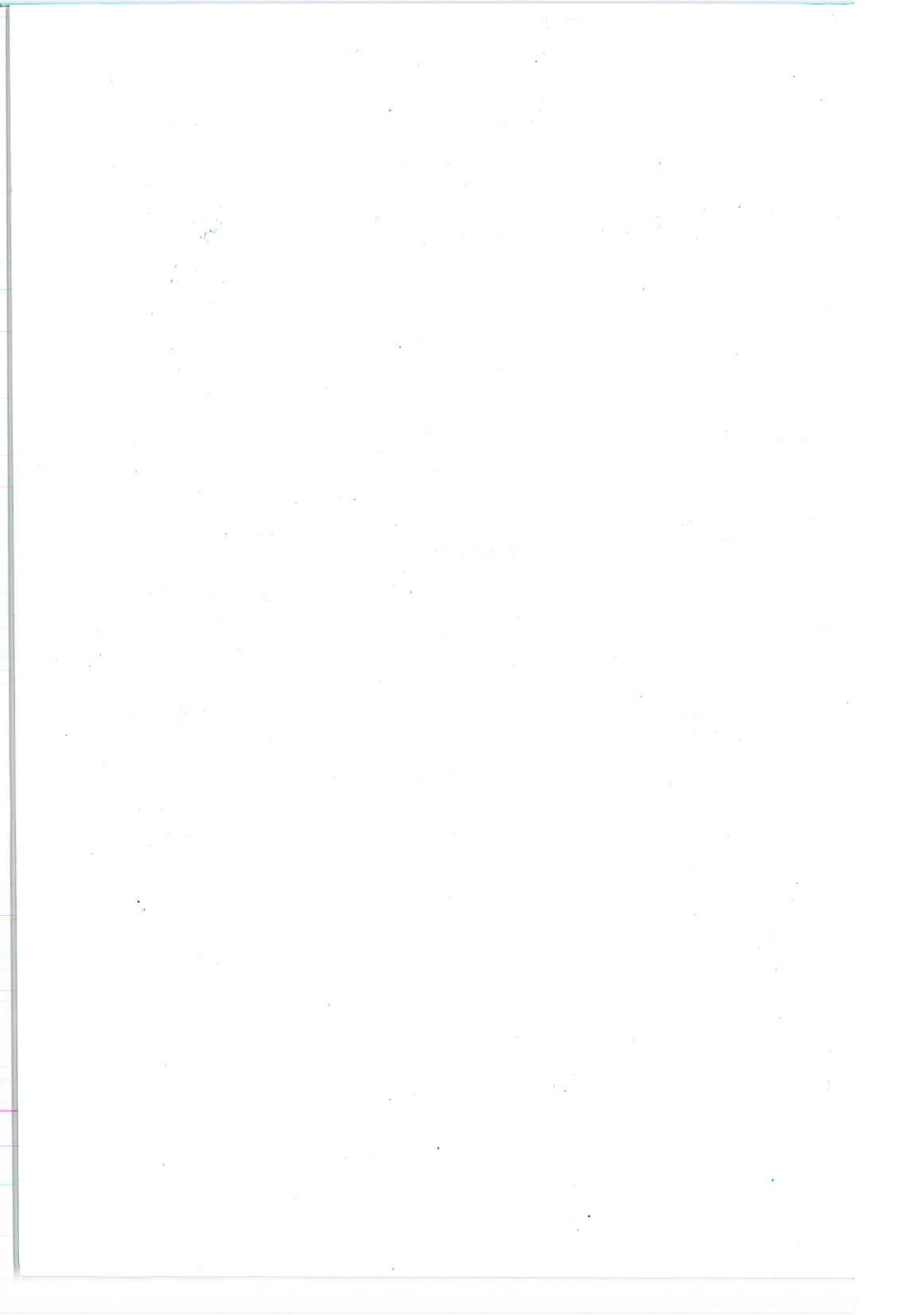
Đ/c Trịnh Minh Hùng
Chỉ huy phó
từ năm 2005.



Đ/c Trần Đức Toàn
Chính trị viên
từ năm 2006.



Đ/c Nguyễn Văn Sáu
Chính trị viên phó
từ năm 2006.



B - CÁC ĐỒNG CHÍ BÍ THƯ ĐẢNG ỦY QUÂN SỰ HUYỆN 1994 - 2007



Đ/c Lê Văn Văn
Bí thư Đảng ủy Quân sự
huyện 1994.



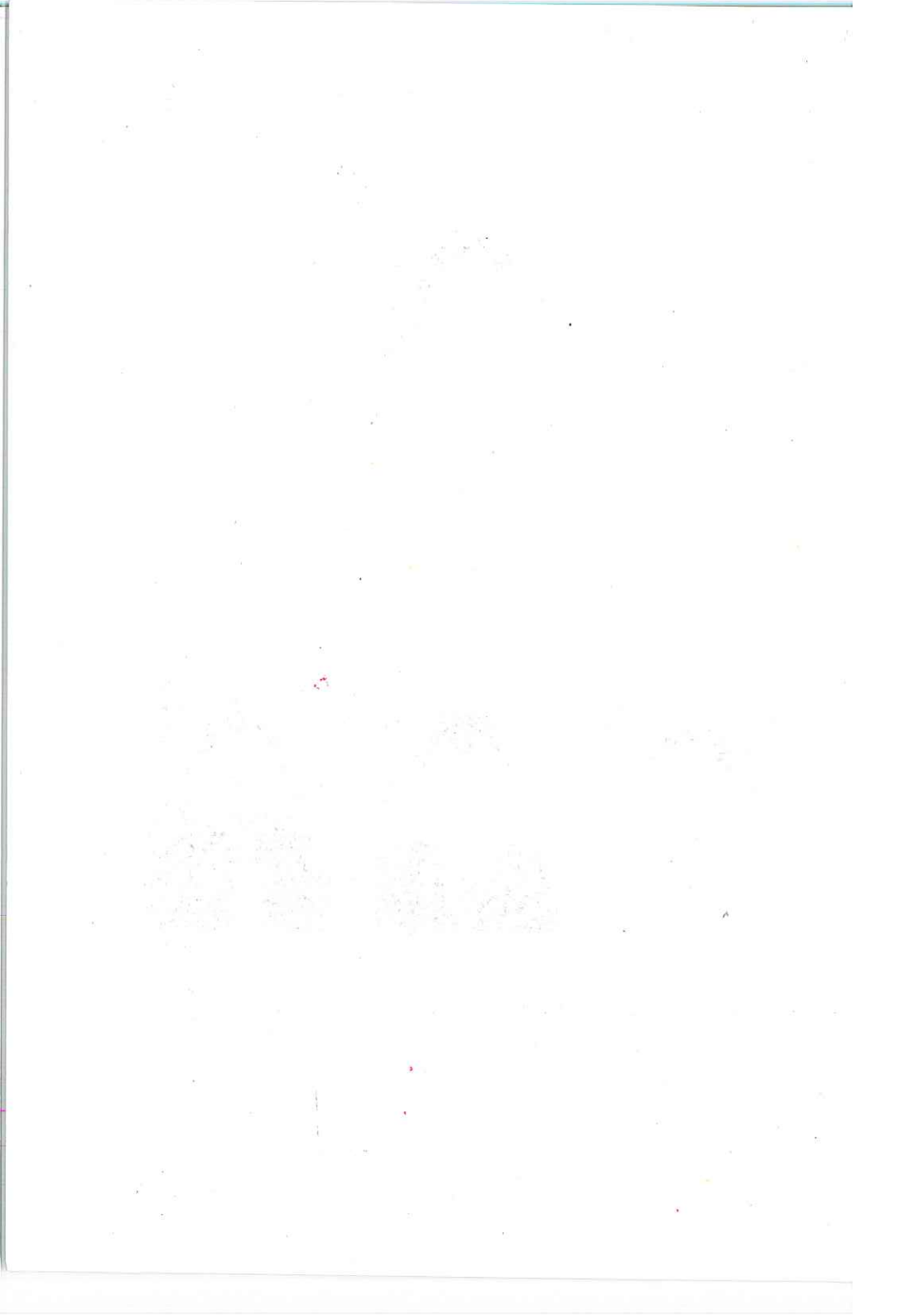
Đ/c Đoàn Đình Thế
Bí thư Đảng ủy Quân sự
huyện 1994-2000.



Đ/c Đỗ Mạnh Hùng
Bí thư Đảng ủy Quân sự
huyện 2000-2004.



Đ/c Nguyễn Thế Đề
Bí thư Đảng ủy Quân sự
huyện từ năm 2005.



Phụ lục 1

**TẬP THỂ, CÁ NHÂN ANH HÙNG LỰC LƯỢNG
VŨ TRANG NHÂN DÂN VÀ BÀ MẸ VIỆT NAM
ANH HÙNG**

I - Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân

A - Tập thể

**1 – Nhân dân và Lực lượng vũ trang nhân dân huyện
Phú Lương.**

Phú Lương là một huyện miền núi của tỉnh Thái Nguyên, cách trung tâm thành phố Thái Nguyên 22,5 km về phía Bắc; là cửa ngõ Trung tâm Căn cứ địa kháng chiến Việt Bắc, An toàn khu (ATK) - Định Hóa.

Những thành tích đặc biệt xuất sắc trong thời kì kháng chiến chống Pháp (1945-1954): Trong kháng chiến chống Pháp, Phú Lương là huyện hoàn toàn nằm trong vùng tự do. Một số xã vùng phía tây huyện Huyện được Trung ương Đảng, Chính phủ và Hồ Chủ Tịch chọn để xây dựng An toàn khu kháng chiến, nên trên địa bàn huyện có nhiều cơ quan của Trung ương và quân đội đến ở và làm việc. Toàn huyện có hàng nghìn người con ưu tú đã lên đường tòng quân giết giặc, (Trong đó, có 82 người đã vĩnh viễn nằm lại ở chiến trường được công nhận là liệt sĩ, 100 người là thương binh, 48 cán bộ tiền khởi nghĩa, 9 người được công nhận là lão thành cách mạng, 38 gia đình được tặng Bằng có công với nước. Toàn huyện huy động 22.000 ngày công phục vụ cho các chiến

trường, đóng góp, ủng hộ kháng chiến hàng trăm tấn lương thực và thực phẩm. Do có những thành tích đặc biệt xuất sắc trên, ngày 18-6-2003, Nhân dân và Lực lượng vũ trang nhân dân huyện Phú Lương đã được Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam kí Quyết định số 334/2003/QĐ-CTN tặng danh hiệu “Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân” thời kì kháng chiến chống Pháp.

2 – Nhân dân và Lực lượng vũ trang nhân dân xã Hợp Thành.

Hợp Thành là một xã miền núi, vùng sâu nằm ở vùng phía tây huyện Phú Lương.

Trong 9 năm kháng chiến chống Pháp (1945-1954), Hợp Thành là xã nằm trong An toàn khu kháng chiến. Nhân dân và Lực lượng vũ trang nhân dân xã Hợp Thành đã làm tốt công tác phòng gian, bảo mật, giúp đỡ và bảo vệ an toàn các cơ quan, đơn vị Trung ương đến ở và làm việc. Trong Chiến dịch Việt Bắc Thu Đông 1947 quân và dân xã Hợp Thành trực tiếp chiến đấu và phối hợp với các lực lượng bộ đội chủ lực của trên và dân quân du kích các xã trong huyện đánh bại nhiều đợt tấn công của địch vào địa bàn xã, bảo vệ an toàn cửa ngõ phía đông của vùng An toàn khu (ATK) Định Hóa. Năm 1950, quân và dân Hợp Thành bảo vệ an toàn cho Hội nghị Đảng ủy Chiến dịch Biên giới và năm 1952 bảo vệ an toàn Đại hội Chiến sĩ thi đua và cán bộ gương mẫu toàn quốc lần thứ nhất. Toàn xã có 50 người vào bộ đội (Trong đó có 3 người đã hi sinh được công nhận là liệt sĩ; trên 700 lượt người đi dân công

phục vụ chiến đấu. Toàn xã đóng góp ủng hộ 23 con trâu, 12 chỉ vàng, 2.600 kg lương thực và 1 căn nhà 70 mét vuông.

Nhân dân và Lực lượng vũ trang nhân dân xã Hợp Thành đã được tặng thưởng 72 huân, huy chương các loại. Với những thành tích đặc biệt xuất sắc trên, ngày 24-6-2005, Nhân dân và Lực lượng vũ trang nhân dân xã Hợp Thành đã được Chủ tịch nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam kí Quyết định số 636/2005/QĐ-CTN tặng danh hiệu “Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân” thời kì kháng chiến chống Pháp.

3 – Nhân dân và Lực lượng vũ trang nhân dân xã Phủ Lý.

Phủ Lý là một xã miền núi nằm ở vùng phía tây huyện Phú Lương. Trong kháng chiến chống Pháp, xã Phủ Lý nằm trong vùng An toàn khu kháng chiến. Nhiều cơ quan và đơn vị kháng chiến đã đến ở và làm việc trên địa bàn xã. Quân và dân xã Phủ Lý đã làm tốt công tác phòng gian, giữ gìn bí mật, tuần tra canh gác bảo vệ an toàn các cơ quan và đơn vị kháng chiến đóng trên địa bàn. Trong Chiến dịch Việt Bắc Thu Đông (1947), quân và dân Phủ Lý cùng với các lực lượng bộ đội đánh bại nhiều cuộc tấn công của quân Pháp vào vùng ATK Định Hóa qua địa phận xã Phủ Lý.

Ngày 12-12-1947, quân và dân Phủ Lý góp phần đánh bại 300 quân Pháp từ đồn Đu đánh vào các vùng Phủ Lý, Hợp Thành, Ôn Lương đã bảo vệ vững chắc cửa ngõ An toàn khu (ATK) Định Hóa.

Ngày 14-12-1947, du kích xã Phủ Lý lại tiếp tục phục kích một toán quân địch tấn công vào Phủ Lý, tiêu diệt 10 tên.

Quân và dân xã Phú Lý luôn tin tưởng vào đường lối kháng chiến của Đảng, che chở và bảo vệ an toàn các cơ quan, đơn vị đóng trên địa bàn như Cơ quan Báo Cứu quốc; Cục Công binh, Cục Vận tải. Năm 1952, du kích xã Phú Lý hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ tuần tra canh gác bảo vệ an toàn, bí mật tuyệt đối cho Đại hội Chiến sĩ thi đua và cán bộ gương mẫu toàn quốc toàn quốc lần thứ nhất mà trong đó có Bác Hồ và các đồng chí Tôn Đức Thắng, Võ Nguyên Giáp về dự. Toàn xã có 128 người đi bộ đội, có 5 đồng chí đã hi sinh được công nhận là liệt sĩ, có 900 lượt người tham gia dân công hỏa tuyến. Quân và dân xã Phú Lý gương mẫu thực hiện tốt các nghĩa vụ về Thuế Nông nghiệp, quỹ “Hũ gạo kháng chiến”. Toàn xã ủng hộ cho kháng chiến 22 con trâu, trên 4.000 kg lương thực và hàng tấn thực phẩm.

Toàn xã có 4 gia đình Có công với nước, 8 cán bộ tiền khởi nghĩa. Quân và dân trong xã được tặng thưởng 48 huân, huy chương các loại. Với các thành tích đặc biệt xuất sắc trên, ngày 24-6-2005, Nhân dân và Lực lượng vũ trang Nhân dân xã Phú Lý đã được Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam kí Quyết định số 636/2005/QĐ-CTN tặng danh hiệu “Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân” thời kì kháng chiến chống Pháp.

4 – Nhân dân và Lực lượng vũ trang nhân dân xã Động Đạt.

Động Đạt là địa danh một xã nổi tiếng của huyện Phú Lương với di tích lịch sử - danh thắng đền Đuổm, nơi thờ chính danh nhân lịch sử dân tộc Dương Tự Minh.

Trong 9 năm kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược, xã Động Đạt là nơi tập kết, đóng quân của nhiều cơ quan, đơn vị bộ đội như một số đơn vị thuộc Tổng cục Cung cấp (nay là Tổng cục Hậu cần), Kho Quân giới, Trung đoàn cảnh vệ 15, Trại giam tù binh,...

Năm 1949, tại xã Động Đạt đã diễn ra Lễ thành lập Đại đoàn 308 (Sư đoàn Quân Tiên phong) - Đại đoàn chủ lực đầu tiên của quân đội ta.

Trong chiến dịch phản công Việt Bắc Thu Đông 1947, quân và dân xã Động Đạt phối hợp với bộ đội chủ lực chặn đánh địch nhiều trận rất quyết liệt trên Quốc lộ 3, diệt hàng chục tên, bắn bị thương nhiều tên khác, góp phần bảo vệ an toàn các cơ quan và đơn vị đóng trên địa bàn xã. Nhân dân và Lực lượng vũ trang nhân dân xã Động Đạt đóng góp cho kháng chiến hàng chục tấn lương thực, hàng trăm con trâu, bò.

Ngày 11-6-1999, Nhân dân và Lực lượng vũ trang nhân dân xã Động Đạt đã được Chủ tịch nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam kí Quyết định số 202/QĐ-CTN tặng danh hiệu “Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân” thời kì kháng chiến chống Pháp

5 – Nhân dân và Lực lượng vũ trang nhân dân xã Phấn Mễ.

Phấn Mễ là xã nằm ở vùng tây nam của huyện Phú Lương, trung tâm xã cách trung tâm huyện lỵ 5 km. Hiện nay, xã Phấn Mễ có diện tích tự nhiên là 26km², dân số 10.199 người, thuộc 7 dân tộc: Kinh, Tày, Nùng, Hoa, Sán Chí, Sán Dìu, Cao Lan.

Trong 9 năm kháng chiến chống Pháp 1945-1954, Giang Tiên thuộc địa bàn xã Phấn Mễ là nơi quân đội ta đặt Xưởng Quân giới sản xuất vũ khí. Tại đây, Giáo sư Trần Đại Nghĩa đã nghiên cứu, chế tạo thành công súng bazôka (xin xem phần Nhân dân và lực lượng vũ trang nhân dân xã huyện Phú Lương). Trong Chiến dịch phản công Việt Bắc Thu Đông 1947, quân dân Phấn Mễ chặn đánh nhiều trận, tiêu diệt nhiều quân địch trên Đường số 3 góp phần bảo vệ an toàn Xưởng Quân giới Giang Tiên và các cơ quan, đơn vị khác đóng quân trên địa bàn xã. Nhân dân và Lực lượng vũ trang nhân dân xã Phấn Mễ đã tích cực đóng góp nhiều sức người, sức của cho kháng chiến. Toàn xã có 14 gia đình được tặng Bằng có công với nước. 19 người hi sinh trong kháng chiến được công nhận là liệt sĩ. Quân và dân trong xã được tặng thưởng 2 Huân chương Độc lập. Với các thành tích đặc biệt xuất sắc trên, ngày 11-6-1999, Nhân dân và Lực lượng vũ trang nhân dân xã Phấn Mễ đã được Chủ tịch nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam ký Quyết định số 202/QĐ-CTN tặng danh hiệu "Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân" thời kì kháng chiến chống Pháp.

6 – Nhân dân và Lực lượng vũ trang nhân dân xã Ôn Lương.

Ôn Lương là một xã miền núi, vùng sâu, nằm ở vùng phía tây huyện Phú Lương. Hiện nay, xã Ôn Lương có diện tích tự nhiên là 16,16km², dân số 3.215 người, trong đó tới 80% là người dân tộc thiểu số. Trong thời kì kháng chiến chống Pháp, xã Ôn Lương được Trung ương chọn là xã An toàn khu (ATK). Trên địa bàn xã có cơ quan, đơn vị của Tổng cục Cung

cấp như, Cục Quân y, Cục Vận tải, Xưởng Quân giới. Nhiều đồng chí cán bộ lãnh đạo, chỉ huy cao cấp của Đảng và quân đội đã từng đến ở và làm việc tại xã Ôn Lương.

Toàn xã có 6 cá nhân và 1 gia đình được Nhà nước tặng Bằng có công với nước. Nhân dân và Lực lượng vũ trang nhân dân xã Ôn Lương đã làm tốt công tác phòng gian, giữ bí mật, bảo vệ trật tự trị an, đánh bại các trận tấn công của quân địch vào địa bàn xã trong thời kì diễn ra Chiến dịch phản công Việt Bắc Thu Đông 1947, bảo vệ an toàn các cơ quan và đơn vị đóng trên địa bàn xã.

Ngày 28-4-2000, Nhân dân và Lực lượng vũ trang nhân dân xã Ôn Lương đã được Chủ tịch nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam kí Quyết định số 160/QĐ-CTN tặng danh hiệu “Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân” thời kì kháng chiến chống Pháp.

7 – Nhân dân và Lực lượng vũ trang nhân dân xã Vô Tranh.

Vô Tranh là một xã miền núi nằm ở phía Đông Nam huyện Phú Lương. Hiện nay xã Vô Tranh có diện tích 18,37 km², phía Tây giáp xã Phấn Mễ và thị trấn Giang Tiên (huyện Phú Lương), phía Đông giáp xã Minh Lập (huyện Đồng Hỷ), phía Bắc giáp xã Túc Tranh (huyện Phú Lương), phía Nam giáp xã Cổ Lũng, Sơn Cẩm (huyện Phú Lương).

Trong 9 năm kháng chiến chống Pháp (1945-1954), cán bộ, chiến sĩ lực lượng vũ trang xã Vô Tranh được phát triển mạnh mẽ. Năm 1947, toàn xã đã có 61 đồng chí được trang bị súng kíp, mã tấu. Trong Chiến dịch phản công Việt Bắc Thu

Đông 1947, cán bộ, chiến sĩ lực lượng vũ trang xã Vô Tranh đã trực tiếp chiến đấu, đánh bại nhiều trận càn quét của địch vào địa bàn.

Nhân dân và Lực lượng vũ trang nhân dân xã Vô Tranh vừa chiến đấu anh dũng bảo vệ xóm làng, vừa hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ xây dựng hậu phương, tích cực đóng góp sức người sức của chi viện chiến trường. Nhân dân toàn xã đã động viên tiễn đưa 54 con em lên đường tòng quân đánh giặc (có 7 người đã hi sinh anh dũng, 1 người là thương binh), 30 người tham gia lực lượng thanh niên xung phong phục vụ Chiến dịch Điện Biên Phủ. Nhân dân và Lực lượng vũ trang nhân dân xã đóng góp hàng ngàn ngày công làm đường phục vụ kháng chiến. Nhân dân và Lực lượng vũ trang nhân dân xã đã nuôi dưỡng, chở che bảo vệ an toàn nhiều đồng chí cán bộ của Trung ương và các cơ quan, đơn vị đóng trên địa bàn.

Ngày 24-6-2005, Nhân dân và Lực lượng vũ trang nhân dân xã Vô Tranh vinh dự được Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ký Quyết định số 636/2005/QĐ-CTN tặng danh hiệu “Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân” thời kỳ kháng chiến chống Pháp.

8 – Nhân dân và Lực lượng vũ trang nhân dân xã Yên Trạch.

Yên Trạch là một xã miền núi, nằm ở vùng phía bắc huyện Phú Lương. Hiện nay, xã Yên Trạch có diện tích đất tự nhiên 29,4 km².

Trong 9 năm kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (1945-1954), trên địa bàn xã có nhiều cơ quan, đơn vị quân

đội đóng quân như: Nha Quân được; Ban Quân được Đại học XZ16; Bệnh viện Quân đội 108; Xưởng may Quân nhu; Cục Bản đồ, Cục Quân y....

Năm 1947 Chi bộ Đảng đầu tiên của xã được thành lập do đồng chí Hoàng Văn Tảo làm Bí thư. Dưới sự lãnh đạo của chi bộ, quân và dân xã Yên Trạch đã hăng hái sản xuất, tích cực chiến đấu bảo vệ xóm làng. Trong Chiến dịch phản công Việt Bắc Thu Đông 1947, dân quân, du kích xã Yên Trạch đã chủ động phá hỏng cầu Suối Bốc, để cản đường tấn công của địch từ Chợ Mới xuống địa bàn xã. Dân quân, du kích xã đã phối hợp với Trung đội 911 (Trung đoàn 121 bộ đội Phúc Yên - Thái Nguyên) chặn đánh 3 xe cam nhông chở quân của địch từ Suối Bốc về Chợ Mới tiêu diệt tại chỗ 20 tên. Ngày 12-12-1947, du kích xã Yên Trạch phục kích, chặn đánh đánh 1 đại đội địch từ đồn Đu hành quân lên Chợ Mới. Quân và dân xã Yên Trạch làm tốt công tác phòng gian giữ bí mật; phục vụ chiến đấu tốt, bảo vệ an toàn các cơ quan và đơn vị đóng quân trên địa bàn

Trong 9 năm kháng chiến chống thực dân Pháp quân dân xã Yên Trạch đã hăng hái tham gia làm đường, đào hầm, hào, vót và cắm hàng vạn chông tre chống quân địch nhảy dù xuống địa bàn.

Toàn xã có 106 thanh niên tình nguyện tòng quân giết giặc, có mặt chiến đấu ở các chiến trường, có 150 người tham gia lực lượng thanh niên xung phong và hàng trăm người tham gia dân công hỏa tuyến, có 8 người đã anh dũng hi sinh ở các mặt trận, 1 người là thương binh; 3 gia đình được tặng Bằng có

công với nước, 4 người được công nhận là cán bộ tiên khởi nghĩa; 115 cán bộ, chiến sĩ lực lượng vũ trang và nhân dân trong xã được tặng thưởng huân, huy chương và bằng, giấy khen. Với các thành tích đặc biệt trên, ngày 24-6-2005, Nhân dân và Lực lượng vũ trang nhân dân xã Yên Trạch được Chủ tịch nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam kí Quyết định số 636/2005/QĐ-CTN tặng danh hiệu “Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân” thời kì kháng chiến chống Pháp.

B – Cá nhân.

Đồng chí Trần Xuân Thiện

Đồng chí Trần Xuân Thiện, sinh tháng 3-1953; quê xã Phấn Mễ, huyện Phú Lương, tỉnh Bắc Thái; nhập ngũ ngày 18-9-1972; khi được tuyên dương Anh hùng là Thượng sĩ, Trung đội trưởng thuộc Đại đội 3, Tiểu đoàn 7, Trung đoàn 64, Sư đoàn 320, Quân đoàn 3; đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam. Hiện nay đồng chí phục viên về quê. Trước khi phục viên đồng chí là Đại úy, Trợ lý tham mưu Ban chỉ huy quân sự huyện Phú Lương, tỉnh Bắc Thái. Từ một công nhân ở Khu gang thép Thái Nguyên vào bộ đội học tập quân sự, chính trị, sử dụng thành thạo nhiều loại súng bộ binh, luôn gương mẫu trong mọi mặt công tác, hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ được giao. Từ tháng 1-1973 đồng chí đã tham gia chiến đấu ở nhiều nơi trong chiến trường miền Nam.

Trong Chiến dịch mùa xuân năm 1975, đồng chí đã chiến đấu dũng cảm, lập công xuất sắc bắn cháy một xe tăng và 1 xe

bọc thép M113, bắt sống 1 xe bọc thép M113 và 1 xe ô tô GMC, tiêu diệt và bắt sống gần 100 tên địch, thu 3 máy thông tin và 1 máy ảnh.

Với tinh thần dũng cảm, mưu trí và kiên cường trong chiến đấu và chỉ huy chiến đấu, đồng chí Trần Xuân Thiện đã lập nhiều chiến công xuất sắc, được tặng thưởng 1 Huân chương chiến công giải phóng hạng 2, 3 lần được tặng danh hiệu Chiến sĩ thi đua, 4 lần được tặng danh hiệu dũng sĩ Quyết thắng và dũng sĩ diệt xe cơ giới. Ngày 30-10-1978, đồng chí đã được Quốc hội và Chính phủ tặng danh hiệu cao quý Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân.

II – BÀ MẸ VIỆT NAM ANH HÙNG

1 - Mẹ Vũ Thị Ba, sinh năm 1921, tại tỉnh Vĩnh Phúc; gia đình trú tại xóm Cây Thị xã Cổ Lũng, huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên; có con độc nhất là Liệt sĩ Nguyễn Văn Tữu (sinh năm 1941, nhập ngũ năm 1963, hi sinh ngày 30-1-1968 tại Mặt trận phía Nam).

Ngày 24/4/1995, Chủ tịch nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã phong tặng mẹ Vũ Thị Ba danh hiệu “Bà mẹ Việt Nam anh hùng”.

Bà Mẹ Việt Nam anh hùng Vũ Thị Ba đã mất tháng 12/2001, an táng tại nơi trú quán.

2 - Mẹ Dương Thị Lễ, sinh năm 1914, dân tộc Sán Chí, quê ở xã Sơn Cẩm, huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên; có con độc

nhất là Liệt sĩ Nguyễn Hữu Thoa (sinh tháng 8-1938, nhập ngũ năm 1965, hi sinh ngày 10-3-1975 tại Hải Lăng – Quảng trị).

Ngày 24/4/1996, Chủ tịch nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã kí quyết định truy tặng mẹ Dương Thị Lễ danh hiệu “Bà mẹ Việt Nam anh hùng”.

3 - Mẹ Nguyễn Thị Mùi, sinh năm 1921, dân tộc Kinh, nguyên quán ở xã Nguyên Xá, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình; gia đình trú tại xã Vô Tranh, huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên; đã từ trần năm 1994; có chồng là Liệt sĩ Nguyễn Văn Nuôi (là chiến sĩ du kích hi sinh ngày 10-2-1950) và hai con là Liệt sĩ Nguyễn Viết Thắng (sinh năm 1949, nhập ngũ năm 1968, hi sinh ngày 20-7-1973 tại Mặt trận phía Nam) và Liệt sĩ Nguyễn Duy Điều (sinh năm 1958, nhập ngũ tháng 9-1976, hi sinh ngày 17-2-1979 tại biên giới phía Bắc).

Ngày 24-4-1996, Chủ tịch nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã kí quyết định truy tặng mẹ Nguyễn Thị Mùi danh hiệu “Bà mẹ Việt Nam anh hùng”.

4 - Mẹ Nguyễn Thị Nhượng, sinh tháng 3/1896, từ trần ngày 21-7-1985; quê quán: huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam; trú quán của gia đình xã Cổ Lũng, huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên; có con độc nhất là Liệt sĩ Nguyễn Văn Trung (sinh năm 1938, nhập ngũ tháng 7-1967, hi sinh ngày 21-11-1972 tại Mặt trận phía Nam).

Ngày 24-4-1996, Chủ tịch nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã kí quyết định truy tặng mẹ Nguyễn Thị Nhượng danh hiệu “Bà mẹ Việt Nam anh hùng”.

5 - Mẹ Hoàng Thị Sỏi, sinh năm 1921, quê quán và trú quán của gia đình xã Cổ Lũng, huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên; đã từ trần ngày 31-12-1961; có con độc nhất là Liệt sĩ: Đặng Quang Dậu (sinh năm 1945, nhập ngũ năm 1966, hi sinh ngày 24-4-1969 tại Mặt trận phía Nam).

Ngày 24-4-1996, Chủ tịch nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã kí quyết định truy tặng mẹ Hoàng Thị Sỏi danh hiệu “Bà mẹ Việt Nam anh hùng”.

6 - Mẹ Phó Thị Thanh, sinh năm 1919, dân tộc Sán Dìu, quê xã Cao Ngạn, huyện Đồng Hỷ; trú quán xã Sơn Cẩm, huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên; có con độc nhất là Liệt sĩ Lăng Văn Minh (sinh năm 1941, nhập ngũ tháng 7-1969, hi sinh ngày 19-12-1972 tại Mặt trận phía Nam).

Ghi nhận công lao sinh thành, nuôi dưỡng và cống hiến cho Tổ quốc người con độc nhất của mình, ngày 24-4-1995, Chủ tịch nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã kí quyết định tặng mẹ Phó Thị Thanh danh hiệu “Bà mẹ Việt Nam anh hùng”.

7 - Mẹ Nguyễn Thị Tẻo, sinh năm 1910; đã từ trần ngày 9-9-1986; quê quán xã Yên Nhân, huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình; gia đình trú tại xóm Bến Giềng, xã Sơn Cẩm, huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên; có con độc nhất là Liệt sĩ Đỗ Xuân Ước (sinh năm 1949, nhập ngũ tháng 8-1968, hi sinh ngày 25-12-1972 tại Mặt trận phía Nam).

Xét công lao sinh thành và nuôi dưỡng người con trai độc nhất đã anh dũng hy sinh vì sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc, ngày 25 tháng 4 năm 1995, Chủ tịch nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa

Việt Nam đã kí quyết định truy tặng mẹ Nguyễn Thị Tẻo danh hiệu “Bà mẹ Việt Nam anh hùng”.

8 – Mẹ Đồng Thị Mít (đã từ trần từ lâu tại quê), quê quán: tỉnh Hà Tây; trú quán của gia đình xã Túc Tranh, huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên; có con độc nhất là Liệt sĩ Đỗ Văn Quý (hi sinh trong thời kì kháng chiến chống Pháp xâm lược 1945-1954).

Phụ lục 2

A - CÁC ĐỒNG CHÍ CHỈ HUY QUÂN SỰ HUYỆN 1947 – 2007.



1 - Đồng chí Nguyễn Đại Hải,
Chính trị viên Huyện đội Phú Lương từ
tháng 5-1947 đến năm 1949. Đồng chí
Nguyễn Đại Hải tên thật là Nguyễn
Văn Cầu; sinh năm 1913; quê quán,
trú quán: xã Ôn Lương, huyện Phú
Lương, tỉnh Thái Nguyên; nhập ngũ
tháng 5-1947; đảng viên Đảng Cộng
sản Việt Nam từ năm 1946; nguyên Chủ tịch Ủy ban nhân dân
cách mạng xã Ôn Lương, Chủ tịch Việt Minh huyện Phú
Lương, Chính trị viên Huyện đội Phú Lương; cán bộ Cục
Quân pháp, Trưởng ban Giao thông cần đường huyện Phú
Lương, Bí thư Huyện ủy Phú Lương, Trưởng ty Thủy lợi tỉnh
Thái Nguyên; nghỉ hưu năm 1971; đã được tặng thưởng: Huy
hiệu 60 năm tuổi Đảng; 1 Huân chương Chiến thắng hạng nhì,
1 Huân chương Kháng chiến hạng ba.



2 - Đồng chí Tạ Việt Cường, Huyện đội trưởng Huyện đội Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên từ tháng 5-1947 đến tháng 6-1950. Đồng chí Tạ Việt Cường sinh năm 1930; quê quán, trú quán: xã Biên Ngoại, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên; nhập ngũ tháng 2-1947; đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam từ tháng 7-1946; nguyên

cán bộ Việt Minh, Bí thư Thanh niên Cứu quốc huyện Đại Từ, Huyện đội trưởng Huyện đội Phú Lương, Trưởng ban Hành chính Sư đoàn 351, Trợ lý cán bộ Cục Không quân; Chủ nhiệm Chính trị Trung đoàn 919, Chính trị viên Phòng Hậu cần Sư đoàn 373 – Bộ Tư lệnh Không quân; nghỉ hưu năm 1970; đã được tặng thưởng: 1 Huân chương Chiến thắng hạng nhì, 1 Huân chương Kháng chiến hạng nhất, 3 Huân chương Chiến sĩ vẻ vang các hạng nhất, nhì, ba.

3 – Đồng chí Nguyễn Văn Nhâm (tức Hàm), Huyện đội phó Huyện đội Phú Lương từ tháng 5-1947 (Theo Báo cáo đặc biệt của Ủy ban kháng chiến hành chính tỉnh Thái Nguyên ngày 31-5-1948: Đồng chí Nguyễn Văn Nhâm là một cán bộ Huyện đội phó có năng lực, có sáng kiến).



4 - Đồng chí Nguyễn Văn Tường, (tức Nguyễn Vĩnh Long), Huyện đội phó Huyện đội Phú Lương từ tháng 6-1947. Đồng chí Nguyễn Văn Tường sinh năm 1923, tham gia cách mạng tháng 3-1943; đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam từ năm 1947; nguyên cán bộ du kích xã Đông Đạt; Tiểu đội trưởng, Trung đội phó du kích, Huyện đội phó Huyện đội Phú Lương, cán bộ

Tổ chức Khu Tự trị Việt Bắc; từ tháng 5-1958 về sinh sống tại quê, từ trần năm 1995; đã được tặng thưởng: 1 Huân chương Chiến thắng hạng ba, 1 Huy chương Kháng chiến hạng nhất.



5 - Đồng chí Hoàng Ngọc Thăng, Chính trị viên Huyện đội Phú Lương từ tháng 9-1949 đến năm 1953. Đồng chí Hoàng Ngọc Thăng sinh năm 1911; quê xã Phủ Lý, huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên; nhập ngũ tháng 9-1949, đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam từ năm 1946; nguyên Chủ tịch Ủy ban nhân dân cách mạng lâm thời xã Phủ

Lý, Phó Chủ tịch Ủy ban hành chính xã Hợp Thành, cán bộ Việt Minh huyện Phú Lương, Chính trị viên Huyện đội Phú Lương, cán bộ Tổ chức Ban Chính trị Tỉnh đội Thái Nguyên; Bí thư Nông hội, Chủ tịch Ủy ban hành chính huyện Phú Lương; Phó Chánh án Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên; đã nghỉ hưu; đã được tặng thưởng: 1 Huân chương Chiến thắng

hạng ba, 1 Huy chương kháng chiến chống Pháp hạng nhất, 1 Huy chương Chiến sĩ vẻ vang.



6 - Đồng chí Phạm Huy Cường, sinh năm 1921; quê quán xã Minh Tâm, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định; trú quán xã Tân Cương, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên; đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam năm 1946, nhập ngũ tháng 5-1947, nguyên Huyện đội trưởng Huyện đội Phú Lương từ năm 1950 đến năm 1951; nguyên Phó ban Tự vệ huyện Đồng Hỷ, Huyện đội phó Huyện đội Đồng Hỷ, Phó ban Kiểm tra Tỉnh đội Thái Nguyên, Trưởng Tiểu ban Quân lương Tỉnh đội Thái Nguyên; nguyên Trưởng Công an, Bí thư Chi bộ, Chủ tịch Ủy ban hành chính xã Tân Cương; đã được tặng thưởng: 1 Huân chương Chiến thắng hạng nhì, 1 Huân chương Kháng chiến.



7 - Đồng chí Nguyễn Quang Oánh, Chính trị viên phó kiêm Huyện đội trưởng Huyện đội Phú Lương từ năm 1954 đến năm 1958. Đồng chí Nguyễn Quang Oánh sinh năm 1920; quê quán, trú quán: xã Nam Tiến, huyện Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên; tham gia cách mạng năm 1947; nhập ngũ năm 1952; nguyên cán bộ chính trị thuộc Huyện đội Phổ Yên, Huyện ủy

viên Huyện ủy Phú Lương, cán bộ thuộc Ty Lâm nghiệp tỉnh Thái Nguyên, tỉnh Bắc Thái; từ năm 1967 về sinh sống tại quê.

8 - Đồng chí Nguyễn Ru (bí danh Tất Đạt), Huyện đội phó Huyện đội Phú Lương từ tháng 6-1957 đến tháng 12-1958, Huyện đội trưởng Huyện đội Phú Lương từ tháng 1-1959 đến tháng 10-1960. Đồng chí Nguyễn Du sinh năm 1927; quê quán, trú quán: xã Yên Đỗ, huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên; đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam từ tháng 11-1946; nhập ngũ



tháng 2-1946; nguyên Trưởng ban Chính trị Huyện đội, Đại đội phó bộ đội địa phương huyện, Chính trị viên phó Đại đội thuộc bộ đội chủ lực, Huyện đội phó và Huyện đội trưởng Huyện đội Phú Lương, cán bộ Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Thái Nguyên. Từ tháng 7-1963 về sinh sống tại quê; từ trần năm 1993; đã được tặng thưởng: 1 Huân chương Chiến thắng hạng ba.



9 - Đồng chí Ngô Ngọc Phương, Huyện đội trưởng Huyện đội Phú Lương từ tháng 11-1961 đến tháng 12-1964. Đồng chí Ngô Ngọc Phương sinh năm 1929; quê quán xã Cải Đan, huyện Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên (nay là phường Cải Đan, thị xã Sông Công); trú quán: phường Cam Giá, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên; đảng viên Đảng Cộng sản

Việt Nam từ tháng 2-1950; nhập ngũ tháng 2-1947; nguyên cán bộ trung đội thuộc Sư đoàn 316, Đại đội phó, Trợ lý tác chiến thuộc Tỉnh đội Thái Nguyên, Huyện đội trưởng Huyện đội Phú Lương, Tiểu đoàn trưởng thuộc Sư đoàn 304, Đoàn 222; Trưởng ban Tác chiến, Trưởng ban Khoa học, Trung đoàn trưởng thuộc Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Bắc Thái; Trưởng ban Tác chiến Sư đoàn 346, Trưởng ban thuộc Bộ tham mưu Quân khu I; nghỉ hưu từ năm 1983; đã được tặng thưởng: 1 Huân chương Quân công hạng ba, 1 Huân chương Chiến công hạng ba, 3 Huân chương Chiến sĩ vẻ vang các hạng nhất, nhì, ba.

10 - Đồng chí Hoàng Văn Chư,
Chính trị viên Huyện đội Phú Lương
từ năm 1962 đến cuối năm 1964.





11 - Đồng chí Hoàng Quý Long,

Chính trị viên phó, Huyện đội Phú Lương từ tháng 1-1963 đến cuối năm 1964. Chính trị viên Huyện đội Phú Lương từ cuối năm 1964 đến tháng 12-1966. Đồng chí Hoàng Quý Long sinh năm 1926; quê quán, trú quán: xã Cổ Lũng, huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên; đảng viên Đảng Cộng sản

Việt Nam từ tháng 1-1948; nhập ngũ tháng 4-1954; nguyên là giáo viên bình dân học vụ, cán bộ Đoàn, Phó Chủ tịch Ủy ban kháng chiến hành chính xã, cán bộ thuế nông nghiệp huyện Phú Lương; Tiểu đội trưởng, Trung đội phó, Trung đội trưởng thuộc Đại đội bộ đội địa phương huyện; Chính trị viên phó, Chính trị viên Huyện đội Phú Lương, Chính trị viên phó Tiểu đoàn, cán bộ Phòng Chính trị Sư đoàn 308, Phòng Hậu cần Sư đoàn 325 B; nghỉ hưu tháng 1-1972; từ trần tháng 2-1985; đã được tặng thưởng: 1 Huy chương Chiến thắng hạng nhì; 1 Huân chương Kháng chiến hạng nhất, 3 Huân chương Chiến sĩ vẻ vang các hạng nhất, nhì, ba.



12 - Đồng chí Đặng Đình Cừ, Huyện đội trưởng Huyện đội Phú Lương từ cuối năm 1964 đến tháng 7 - 1966 đồng chí Đặng Đình Cừ sinh năm 1922; quê quán, trú quán: xã Huống Thượng, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên; đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam từ tháng 1-1961; nhập ngũ tháng 10-1947; nguyên là cán bộ Đoàn Thanh niên Cứu quốc, Trung đội trưởng Trung đội du kích tập trung huyện Đồng Hỷ, Trung đội trưởng thuộc Trung đoàn 238; cán bộ Đại đội Trường Quân chính Quân khu Việt Bắc, cán bộ huấn luyện Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Bắc Thái; cán bộ định canh, định cư tỉnh Bắc Thái; nghỉ hưu năm 1973; đã được tặng thưởng: 1 Huân chương Chiến thắng hạng ba, 1 Huân chương Kháng chiến hạng nhất, 3 Huân chương Chiến sĩ vẻ vang các hạng nhất, nhì, ba.



13 - Đồng chí Đàm Văn Quán, Huyện đội trưởng Huyện đội Phú Lương từ tháng 8-1966 đến tháng 12-1967. Đồng chí Đàm Văn Quán sinh năm 1925; quê xã Hồng Đại, huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng; gia đình trú tại Nam Tiến, huyện Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên; đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam từ tháng 10-1949; nhập ngũ tháng 10-1946; nguyên chiến sĩ Trung đoàn Sông Lô, Tiểu đội phó, Trung đội phó Trung đoàn 246, Trung đội trưởng, Đại đội phó

thuộc Tỉnh đội Thái Nguyên, Huyện đội trưởng Huyện đội Phú Lương; đã nghỉ hưu; từ trần năm 2003; đã được tặng thưởng: 1 Huân chương Chiến thắng hạng ba, 1 Huân chương Kháng chiến hạng nhất, 3 Huân chương Chiến sĩ vẻ vang các hạng nhất, nhì, ba.

14 - Đồng chí Thang Văn Mạc, Chính trị viên Huyện đội Phú Lương từ tháng 12-1966 đến năm 1968 và từ tháng 10-1970 đến tháng 8-1972; sau tháng 8-1972 là Tổ trưởng Tổ chỉ đạo thực hiện Chỉ thị 185 của Chính phủ, của Bộ chỉ huy quân sự tỉnh; quê quán xã Đại Sảo, huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn.



15 - Đồng chí Ma Văn Bảo, Chính trị viên Huyện đội Phú Lương từ tháng 10-1969 đến tháng 10-1970. **Đồng chí Ma Văn Bảo** sinh năm 1925; quê quán, trú quán xã Yên Cư, huyện Bạch Thông (nay là huyện Chợ Mới), tỉnh Bắc Kạn; đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam; nhập ngũ tháng 6-1948, xuất ngũ năm 1957, tái ngũ năm 1965; nguyên Chiến sĩ, Tiểu đội phó, Tiểu đội trưởng thuộc Tỉnh đội Bắc Kạn; Trung đội phó, Trung đội trưởng, Đại đội phó thuộc Tỉnh đội Lào Cai; Chủ tịch Ủy ban hành chính xã Yên Cư (huyện Phú Lương); Chính trị viên phó Huyện đội Định Hóa; Trợ lý Phòng Chính trị Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Bắc Thái; nghỉ hưu năm 1975; cấp bậc: Thượng úy; từ trần năm 1980; đã được tặng thưởng: 1 Huân chương Kháng chiến hạng nhất, 1 Huy chương Chiến thắng hạng ba; 3 Huân chương Chiến sĩ vẻ vang các hạng nhất, nhì, ba.

16 - Đồng chí Trần Bình, Trung úy, Chính trị viên phó Huyện đội Phú Lương từ tháng 1-1969 đến tháng 2-1970; trước tháng 1-1969 là Trợ lý Tổ chức Tỉnh đội Thái Nguyên, sau tháng 2-1970 đi Sư đoàn 304B.



17 - Đồng chí Mông Văn Ngọc, Chính trị viên phó Ban chỉ huy Quân sự huyện Phú Lương từ tháng 8-1971 đến tháng 10-1973, Chính trị viên Ban chỉ huy quân sự huyện Phú Lương từ tháng 11-1973 đến năm 1979. Đồng chí Mông Văn Ngọc sinh năm 1929; quê quán, trú quán xã Cẩm Giàng, huyện Bạch Thông, tỉnh Bắc Kạn; đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam từ tháng 10-1960, nhập ngũ năm 1946; nguyên Chiến sĩ, Tiểu đội trưởng, Trung đội trưởng trong các đơn vị thuộc Bộ Tổng Tham mưu, Tổng cục Hậu cần; cán sự Huyện đội Ngân Sơn, Trưởng ban Hành chính Tỉnh đội Bắc Kạn, Trưởng ban Bảo mật Đoàn 250, Chính trị viên Đại đội thuộc Sư đoàn 304B, Chính trị viên Trại 88 Quân khu Việt Bắc; Chính trị viên phó, Chính trị viên Ban chỉ huy quân sự huyện Phú Lương; nghỉ hưu tháng 11-1979, cấp bậc Đại úy; đã được tặng thưởng: 1 Huân chương Chiến thắng hạng ba, 1 Huân chương Kháng chiến hạng nhất, 3 Huân chương Chiến sĩ vẻ vang các hạng nhất, nhì, ba, Huy chương Quân kỳ Quyết thắng.

18 – Đồng chí Lương Văn Ngự, Huyện đội phó Huyện đội Phú Lương từ tháng 9-1968 đến tháng 7-1969. Đồng chí Lương Văn Ngự sinh năm 1927; quê xã Huyền Tung, trú quán xã Hà Vĩ, huyện Bạch Thông, tỉnh Bắc Kạn; đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam từ tháng 12-1950; nhập ngũ năm 1947, xuất ngũ năm 1961, tái ngũ năm 1965; nguyên chiến sĩ, cán bộ Tiểu đội, trung đội thuộc Huyện đội Ngân Sơn; cán bộ Tổ chức Ty Lâm nghiệp tỉnh Bắc Kạn; Đại đội phó, Đại đội trưởng, Trợ lý dân quân thuộc Tỉnh đội Bắc Thái, Huyện đội phó Huyện đội Phú Lương, Huyện đội trưởng Huyện đội Bạch Thông; nghỉ hưu năm 1987, cấp bậc Đại úy, từ trần năm 2001; đã được tặng thưởng: 1 Huân chương Chiến thắng hạng ba, 3 Huân chương Chiến sĩ vẻ vang các hạng nhất, nhì, ba.

19 - Đồng chí Nguyễn Văn Cúc, Huyện đội phó Huyện đội Phú Lương từ năm 1958 đến năm 1965. **Đồng chí Nguyễn Văn Cúc**, sinh năm 1927, đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam từ tháng 10-1949, nhập ngũ tháng 4-1949; nguyên cán bộ tiểu đội Trường Quân chính Quân khu Việt Bắc, Trung đội phó Trung đoàn 238; Trung đội trưởng, Chính trị viên phó đại đội thuộc Sư đoàn 350; Huyện đội phó Huyện đội Phú Lương, Chính trị viên Tiểu đoàn thuộc B5, Chính trị viên đại đội khung học viên Trường Quân chính Quân khu I; nghỉ hưu năm 1977, cấp bậc Đại úy; đã được tặng thưởng: 1 Huân chương Chiến thắng hạng ba, 1 Huân chương Kháng chiến hạng nhất, 3 Huân chương Chiến sĩ vẻ vang các hạng nhất, nhì, ba.





20 - Đồng chí Âu Đình Quán, Huyện đội phó Huyện đội Phú Lương từ tháng 8-1969 đến tháng 7-1971. Đồng chí Âu Đình Quán sinh năm 1940; quê quán, trú quán: xã Thanh Bình, huyện Chợ Mới, tỉnh Bắc Kạn; đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam từ tháng 4-1964, nhập ngũ tháng 3-1963; nguyên Tiểu đội trưởng Cảnh vệ thuộc Quân khu Việt Bắc, Trung đội trưởng thuộc Sư đoàn 304B; Đại đội phó, Trợ lý các Ban Tác chiến, Quân lực Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Bắc Thái, Huyện đội phó Huyện đội Phú Lương; nghỉ chế độ bệnh binh từ năm 1974, cấp bậc Thiếu úy; đã được tặng thưởng: 1 Huân chương Kháng chiến hạng nhì, 2 Huân chương Chiến sĩ vẻ vang (hạng nhì, hạng ba).

21 - Đồng chí Ngô Chí Cao, Huyện đội phó Huyện đội Phú Lương từ tháng 12-1969 đến tháng 1-1978. Đồng chí Ngô Chí Cao, sinh năm 1931; quê quán, trú quán xã Nông Thịnh, huyện Bạch Thông (nay thuộc huyện Chợ Mới) tỉnh Bắc Kạn; đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam từ tháng 1-1965, nhập ngũ tháng 1-1949; nguyên: chiến sĩ Tỉnh đội Bắc Kạn, Tiểu đội trưởng thuộc Trung đoàn 246; Trung đội trưởng Chiến trường Lào, Sư đoàn 335; Đại đội trưởng thuộc Sư đoàn 312; Trợ lý Cục Chính



trị Quân khu Việt Bắc, Huyện đội phó Huyện đội Phú Lương; nghỉ hưu từ tháng 2-1979, cấp bậc Đại úy; đã được tặng thưởng: 1 Huân chương Kháng chiến hạng nhất, Huy hiệu 40 năm tuổi Đảng, 3 Huân chương Chiến sĩ vẻ vang các hạng nhất, nhì, ba, Huy chương Quân kỳ Quyết thắng.

22 - Đồng chí Triệu Văn Khoát, Huyện đội phó Huyện đội Phú Lương từ tháng 6-1968. **Đồng chí Triệu Văn Khoát** sinh năm 1924; quê quán, trú quán xã Xuất Hóa, huyện Bạch Thông, tỉnh Bắc Kạn; đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam từ năm 1950, nhập ngũ tháng 11-1953; nguyên Xã đội phó xã Tân Phú (huyện Bạch Thông); Tiểu đội trưởng, Trung đội phó, cán sự Huyện đội Bạch Thông; Huyện đội phó các Huyện đội Phú Lương, Chợ Rã; Đại đội trưởng thuộc Tiểu đoàn 68 Tỉnh đội Bắc Thái; nghỉ hưu năm 1974, cấp bậc Trung úy; đã được tặng thưởng: 1 Huân chương Chiến thắng hạng ba, 1 Huân chương Kháng chiến hạng nhất, 3 Huân chương Chiến sĩ vẻ vang các hạng nhất, nhì, ba, Huy hiệu 50 năm tuổi Đảng.

23 - Đồng chí Nguyễn Trọng Thấu, Thiếu úy, Chính trị viên phó Huyện đội Phú Lương từ tháng 12-1968, sau tháng 12-1968 là Chính trị viên phó Huyện đội Phổ Yên.

24 - Đồng chí Ma Ngọc Hối, Huyện đội trưởng Huyện đội Phú Lương từ tháng 10-1967 đến tháng 4-1969. **Đồng chí Ma Ngọc Hối**, sinh năm 1923; quê quán và trú quán của gia đình xã Đông Viên, huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn; nhập ngũ tháng 6-1946; đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam từ năm 1948; nguyên Chính trị viên Trung đội thuộc Huyện đội Chợ

Đồn, Trung đội trưởng thuộc Đại đội Ba Bể (Tỉnh đội Bắc Kạn); Đại đội trưởng, Chính trị viên Đại đội 93; Trưởng ban Quân pháp Tỉnh đội Bắc Kạn; Chính trị viên Huyện đội, Huyện đội trưởng Huyện đội Chợ Đồn, Trưởng tiểu ban Quân lực Tỉnh đội Bắc Thái; nghỉ hưu tháng 11-1974; đã từ trần tháng 6-1986.



25 - Đồng chí Nguyễn Văn Phác, Huyện đội trưởng Huyện đội Phú Lương từ tháng 7-1972 đến tháng 11-1972 và từ tháng 9-1973 đến năm 1976. **Đồng chí Nguyễn Văn Phác**,



sinh năm 1930; quê quán xã Mỹ Yên, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên; đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam từ tháng 7-1950; nguyên cán bộ Đại đội thuộc Quân khu Việt Bắc, Tiểu đoàn phó thuộc Sư đoàn 304, Huyện đội trưởng Huyện đội Đại Từ, Huyện đội trưởng Huyện đội Phú Lương, Trợ lý Huấn luyện Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Bắc Thái; nghỉ hưu từ tháng 10-1976, từ trần tháng 9-2000 tại quê; đã được tặng thưởng: 1 Huy chương Chiến thắng hạng nhất, 1 Huân chương Kháng chiến hạng nhì, 3 Huân chương Chiến sĩ vẻ vang các hạng nhất, nhì, ba.

26 - Đồng chí Nguyễn Trọng Lệ, Huyện đội trưởng Huyện đội Phú Lương từ năm 1969 đến năm 1971. Đồng chí Nguyễn Trọng Lệ, sinh năm 1935; quê quán và trú quán xã Hồng Kỳ huyện Sóc Sơn thành phố Hà Nội; Đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam từ năm 1960; nhập ngũ tháng 1/1950; nguyên chiến sĩ, tiểu đội trưởng, trợ lý tham mưu, tổng đội Vĩnh Phúc. Tiểu đoàn phó thuộc Sư đoàn 312; Chỉ huy phó Ban chỉ huy Quân sự thành phố Thái Nguyên; đã nghỉ hưu năm 1985; đã được khen thưởng: 1 Huân chương Quân công hạng ba; 1 Huân chương Kháng chiến hạng nhất; 3 Huân chương Chiến sĩ vẻ vang nhất, nhì, ba.

27 - Đồng chí Hà Tiến Đoán, Chính trị viên phó Ban chỉ huy quân sự huyện Phú Lương từ năm 1973 đến năm 1978; **Đồng chí Hà Tiến Đoán** sinh năm 1933; quê quán, trú quán xã Nông Thịnh, huyện Bạch Thông (nay thuộc huyện Chợ Mới), tỉnh Bắc Kạn; nhập ngũ năm 1954; đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam từ tháng 12-1959; nguyên chiến sĩ Tỉnh đội Bắc Kạn; Tiểu đội trưởng, Đồn phó, Chính trị viên đại đội Công an vũ trang tỉnh Bắc Kạn, Chính trị viên phó Ban chỉ huy quân sự huyện các huyện Bạch Thông, Định Hóa, Phú Lương; Phó ban Hành chính Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Bắc Thái; đã nghỉ hưu; đã được tặng thưởng: 1 Huân chương Chiến thắng hạng nhì, 1 Huân chương Kháng chiến hạng nhất, 3 Huân chương Chiến sĩ vẻ vang các hạng nhất, nhì, ba.



28 - Đồng chí Nguyễn Thế Dung,

Chính trị viên Ban chỉ huy quân sự huyện Phú Lương từ tháng 8-1972 đến tháng 10-1973; **Đồng chí Nguyễn Thế Dung**, sinh năm 1927; quê xã Thái Sơn, huyện Kim Bảng, tỉnh Nam Hà; trú tại phường Trung Vương, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên; đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam từ tháng 8-1948, nhập ngũ tháng 10-1946; nguyên Trung đội trưởng, Chính trị viên Đại đội thuộc Tổng Cục Hậu cần, Chính trị viên Đoàn xe 48 Bộ Giao thông – Vận tải, Chính trị viên tiểu đoàn thuộc Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Bắc Thái, Chính trị viên Huyện đội Phú Lương, Phó ban Tuyên huấn Sư đoàn 346, Trưởng ban Chính trị Bộ Tham mưu Quân đoàn 29; nghỉ hưu năm 1982, cấp bậc Thiếu tá; đã được tặng thưởng: 1 Huân chương Chiến thắng hạng ba, 1 Huân chương Kháng chiến hạng nhất, 1 Huân chương Quân công hạng ba, 3 Huân chương Chiến sĩ vẻ vang các hạng nhất, nhì, ba, Huy chương Quân kỳ Quyết thắng.



29 - Đồng chí Nguyễn Văn Nhân, Chính trị viên phó Huyện đội Phú Lương từ năm 1969 đến năm 1971.

30 - Đồng chí Nguyễn Văn Tình, Chính trị viên phó Ban chỉ huy Quân sự huyện Phú Lương từ tháng 8-1972 đến tháng 12-1973 và từ tháng 12-1975 đến tháng 10-1980; sinh năm 1930; quê quán, trú quán: xã Như Cố, huyện Bạch Thông (nay thuộc huyện Chợ Mới), tỉnh Bắc Kạn, nhập ngũ tháng 2-1946, xuất ngũ tháng 7-1958, tái ngũ tháng 9-1965; đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam từ năm 1951; nguyên chiến sĩ Xưởng Quân giới Z2, Chính trị viên xã đội Như Cố, Chính trị viên phó đại đội thuộc Sư đoàn 304, Chính trị viên đại đội thuộc Trung đoàn 246; Chính trị viên phó các Huyện đội Chợ Đồn, Phú Lương; cán bộ tăng cường ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy Bắc Thái; nghỉ hưu tháng 10-1980, từ trần năm 2006; đã được tặng thưởng: 1 Huân chương Chiến thắng hạng ba, 1 Huân chương Kháng chiến hạng ba, 3 Huân chương Chiến sĩ vẻ vang các hạng nhất, nhì, ba.



31 - Đồng chí Lương Văn Dưỡng, Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy quân sự huyện Phú Lương từ tháng 1-1976 đến năm 1978. **Đồng chí Lương Văn Dưỡng** sinh năm 1925; quê quán xã Động Đạt; trú quán thị trấn Đu, huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên; nhập ngũ tháng 7-1947; đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam từ tháng 12-1948; nguyên Tiểu đội trưởng, Trung đội phó,



Trung đội trưởng bộ đội địa phương, Đại đội phó thuộc Sư đoàn 312; Tiểu đoàn phó, Tiểu đoàn trưởng thuộc Sư đoàn 304; chuyên gia quân sự tại Lào, Chỉ huy trưởng Quân sự huyện Phú Lương; nghỉ hưu tháng 12-1979, cấp bậc Thiếu tá; đã được tặng thưởng: 1 Huân chương Quân công hạng ba, 1 Huân chương Chiến công hạng ba, 1 Huân chương Chiến thắng hạng ba, 1 Huân chương Kháng chiến hạng ba, 3 Huân chương Chiến sĩ vẻ vang các hạng nhất, nhì, ba, Huy hiệu 40 tuổi Đảng.

32 - Đồng chí Nguyễn Viết Thạch, Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy quân sự huyện Phú Lương từ năm 1978 đến năm 1979.

33 - Đồng chí Bảo Văn Thủy, Chỉ huy phó Ban chỉ huy quân sự huyện Phú Lương từ tháng 2 đến tháng 8-1979, Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy quân sự huyện Phú Lương từ tháng 9-1979 đến tháng 10-1980; **Đồng chí Bảo Văn Thủy** sinh năm 1931; quê quán xã Thanh Bình, huyện Bạch Thông (nay thuộc huyện Chợ Mới), tỉnh Bắc Kạn; nhập ngũ năm 1953; đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam từ năm 1963; nguyên chiến sĩ thuộc Tỉnh đội Bắc Kạn, Tiểu đội trưởng tăng cường cấp huyện, Trung đoàn phó Trung đoàn Tự vệ cán thép Gia Sàng, Chỉ huy phó, Chỉ huy trưởng quân sự huyện Phú Lương; từ năm 1982, cấp bậc Thiếu tá; đã được tặng thưởng: 1 Huân chương Kháng chiến hạng nhất, 3 Huân chương Chiến sĩ vẻ vang các hạng nhất, nhì, ba.



34 - Đồng chí Nguyễn Phúc Huyền, Chính trị viên (Chỉ huy phó Chính trị) Ban chỉ huy quân sự huyện Phú Lương từ năm 1979 đến năm 1981. **Đồng chí Nguyễn Phúc Huyền**, sinh năm 1937; quê quán, trú quán: xã Yên Đỗ, huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên; nhập ngũ năm 1962; đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam từ năm 1964; nguyên chiến sĩ, Tiểu đội trưởng thuộc Trung đoàn 210; Trung đội phó, Trung đội trưởng, Trợ lý cán bộ, Chính trị viên Đại đội thuộc Sư đoàn 367 Phòng không; Trợ lý cán bộ Quân đoàn 3, cán bộ tăng cường Huyện ủy Phú Lương, Chính trị viên phó Ban chỉ huy quân sự huyện Đồng Hỷ, Phó Chính ủy Trung đoàn tự vệ Nông trường Sông Cầu, Chính trị viên Ban chỉ huy quân sự huyện Phú Lương, Trợ lý Khoa học - Lịch sử quân sự tỉnh Bắc Thái; nghỉ hưu năm 1984, cấp bậc Thiếu tá; đã được tặng thưởng: 1 Huân chương Chiến công hạng ba, 1 Huân chương Chiến sĩ giải phóng hạng ba, 3 Huân chương Chiến sĩ vẻ vang các hạng nhất, nhì, ba.



35 - Đồng chí Lưu Tô Sơn, Chính trị viên phó Ban chỉ huy quân sự huyện Phú Lương từ năm 1979 đến năm 1981, Chỉ huy phó Chính trị Ban chỉ huy quân sự huyện Phú Lương từ năm 1982 đến tháng 9-1984. **Đồng chí Lưu Tô Sơn**, sinh năm 1945; quê quán, trú quán: xã Phú Lý, huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên; nhập ngũ



tháng 2-1965, đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam từ tháng 8-1964; nguyên: chiến sĩ Sư đoàn 325; Trung đội trưởng, Chính trị viên đại đội, Chính trị viên phó tiểu đoàn thuộc Quân đoàn 3, cán bộ tăng cường Ban Tổ chức Huyện ủy Phú Lương; Chính trị viên phó, Chỉ huy phó Chính trị Ban chỉ huy quân sự huyện Phú Lương; Trung đoàn phó Chính trị Trung đoàn 832; nghỉ hưu năm 1988, cấp bậc Trung tá; đã được tặng thưởng: 3 Huân chương Chiến công hạng ba, 1 Huân chương Kháng chiến hạng nhì, 3 Huân chương Chiến sĩ vẻ vang các hạng nhất, nhì, ba, 3 Huân chương chiến sĩ giải phóng hạng nhất, nhì, ba.

36 - Đồng chí Trần Ngọc Cảnh, Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy quân sự huyện Phú Lương từ năm 1980 đến năm 1987;

Đồng chí Trần Ngọc Cảnh sinh năm 1936, quê xã Tiến Thịnh, huyện Mê Linh, tỉnh Vĩnh Phúc; trú quán: thị trấn Đại Từ, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên; nhập ngũ tháng 7-1953, đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam từ năm 1961; nguyên chiến sĩ bộ đội địa phương huyện Đại Từ, Trung đoàn 238; cán bộ Trung đội, Đại đội thuộc Trung đoàn 210 (cao xạ); Chủ nhiệm pháo binh Sư đoàn 341, Chủ nhiệm Binh chủng Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Bắc Thái, chỉ huy trưởng quân sự huyện Phú Lương; nghỉ hưu năm 1978; cấp bậc Đại tá; đã được tặng thưởng: 1 Huân chương Quân công hạng ba, 1 Huy chương Chiến thắng hạng nhì, 1 Huân chương Kháng chiến hạng nhất, 3 Huân chương Chiến sĩ vẻ vang các hạng nhất, nhì, ba, Huy hiệu 40 năm tuổi Đảng, Huy chương Quân kỳ Quyết thắng.



37 - Đồng chí Lèng Văn Nha, Chỉ huy phó Ban chỉ huy quân sự huyện Phú Lương từ tháng 10-1979 đến tháng 10-



1982. **Đồng chí Lèng Văn Nha** sinh năm 1932; quê quán, trú quán: xã Tân Thịnh, huyện Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên; đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam từ năm 1960; nhập ngũ tháng 7-1953; xuất ngũ tháng 6-1963, tái ngũ tháng 10-1965; nguyên Tiểu đội phó, Tiểu đội trưởng, Trung đội phó thuộc Tiểu đoàn Công binh 206; Chính trị viên xã đội Tân Thịnh (Định Hóa), Huyện đội phó Huyện đội Bạch

Thông, cán bộ tăng cường Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy Định Hóa, Huyện đội phó Huyện đội Định Hóa, Chỉ huy phó Ban chỉ huy quân sự huyện Phú Lương; nghỉ hưu tháng 11-1982, cấp bậc Đại úy; đã được tặng thưởng: 1 Huy chương Chiến thắng hạng ba, 1 Huân chương Kháng chiến chống Mỹ hạng nhất, 3 Huân chương Chiến sĩ vẻ vang các hạng nhất, nhì, ba, Huy chương Quân kỳ Quyết thắng.



38 - Đồng chí Hoàng Cười, Chỉ huy phó – Tham mưu trưởng Ban chỉ huy quân sự huyện Phú Lương từ năm 1981 đến năm 1983. **Đồng chí Hoàng Cười** sinh năm 1943; quê quán, trú quán: xã Hợp Thành, huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên; nhập ngũ tháng 4-1962, đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam từ tháng 12-1969; nguyên là chiến sĩ, cán bộ thuộc Quân chủng Phòng

không – không quân; Tiểu đoàn trưởng thuộc Trung đoàn 243 (nay là Lữ đoàn 210), Chỉ huy phó – Tham mưu trưởng Ban chỉ huy quân sự huyện các huyện Phú Lương, Chợ Đồn; nghỉ hưu năm 1987, cấp bậc Thiếu tá; đã được tặng thưởng: 1 Huân chương Kháng chiến hạng nhì, 3 Huân chương Chiến sĩ vẻ vang các hạng nhất, nhì, ba.



39 - Đồng chí Bùi Xuân Ái, Chỉ huy phó Chính trị Ban chỉ huy quân sự huyện Phú Lương từ tháng 9-1984 đến tháng 8-1988. **Đồng chí Bùi Xuân Ái**, sinh năm 1943; quê xã Thanh Khê, huyện Thanh Hà, tỉnh Hà Tĩnh; trú quán thị trấn Đu, huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên; nhập ngũ tháng 3-1959, xuất ngũ tháng 3-1963, tái ngũ tháng 4-1968; đảng viên Đảng

Cộng sản Việt Nam từ năm 1969; nguyên: chiến sĩ thuộc Sư đoàn 325, Công nhân Gang thép Thái Nguyên, Trung đội phó thuộc Sư đoàn 304B, Trung đội trưởng, Trợ lý Chính trị Tiểu đoàn, Trợ lý Thanh niên Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Bắc Thái, Chỉ huy phó Chính trị Ban chỉ huy quân sự huyện các huyện Đại Từ, Phú Lương; nghỉ hưu năm 1988, cấp bậc Thiếu tá; đã được tặng thưởng: 1 Huân chương Chiến công hạng ba, 1 Huân chương Kháng chiến hạng nhất, 3 Huân chương Chiến sĩ vẻ vang các hạng nhất, nhì, ba.



40 - Đồng chí Hoàng Văn Thông, Chỉ huy phó Động viên Ban chỉ huy quân sự huyện Phú Lương từ tháng 6-1981 đến tháng 8-1983. **Đồng chí Hoàng Văn Thông** sinh năm 1936; quê quán, trú quán; thị trấn Chợ Chu, huyện Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên; nhập ngũ tháng 10-1953, đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam tháng 3-1969; nguyên là chiến sĩ Quân khu Việt Bắc; học viên Trường Kỹ thuật thông tin Quân giải phóng nhân dân Trung Quốc; Tổ trưởng, Trưởng ban, Phó Quản đốc Phân xưởng thuộc Nhà máy M5 Bộ Tư lệnh Thông tin; cán bộ tăng cường cấp huyện, Trợ lý Thông tin Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Bắc Thái, Chỉ huy phó Động viên Ban chỉ huy quân sự huyện Phú Lương; nghỉ hưu năm 1983, cấp bậc Thượng úy; đã được tặng thưởng: 1 Huân chương Chiến thắng hạng nhì, 1 Huân chương Chiến công hạng nhất, 1 Huân chương Kháng chiến hạng nhất, 3 Huân chương Chiến sĩ vẻ vang các hạng nhất, nhì, ba, Huy chương Quân kỳ Quyết thắng.



41 - Đồng chí Ma Công Bón, Chỉ huy phó – Tham mưu trưởng Ban chỉ huy quân sự huyện Phú Lương từ năm 1983 đến năm 1987, Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy quân sự huyện Phú Lương từ năm 1987 đến năm 1990. **Đồng chí Ma Công Bón** sinh năm 1944; quê quán xã Định Biên; trú quán: thị trấn Chợ Chu, huyện Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên; nhập ngũ năm 1963, đảng

viên Đảng Cộng sản Việt Nam từ tháng 8-1968; nguyên Trung đội trưởng, Đại đội phó, Đại đội trưởng Trung đoàn pháo cao xạ 210; Trợ lý trình sát, Trưởng tiểu ban hành chính Sư đoàn 361; Trợ lý cao xạ Ban chỉ huy quân sự thành phố Thái Nguyên; Chỉ huy phó, Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy quân sự huyện Phú Lương; nghỉ hưu năm 1990; cấp bậc: Trung tá; đã được tặng thưởng: 1 Huân chương Kháng chiến hạng ba, 3 Huân chương Chiến sĩ vẻ vang các hạng nhất, nhì, ba, Huy chương Quân kỳ Quyết thắng.

42 - Đồng chí Nguyễn Văn Viết, Chỉ huy phó Động viên Ban chỉ huy quân sự huyện Phú Lương từ năm 1983 đến năm 1986. **Đồng chí Nguyễn Văn Viết**, sinh năm 1942; quê xã



Yên Đĩnh, huyện Bạch Thông (nay thuộc huyện Chợ Mới), tỉnh Bắc Kạn; trú quán: phường Tân Thịnh, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên; nhập ngũ tháng 1-1966, đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam từ tháng 12-1970; nguyên chiến sĩ, Trung đội trưởng, Đại đội phó thuộc Trung đoàn 246; cán sự Huyện đội Ngân Sơn, cán bộ tăng cường Ban Tuyên giáo Huyện ủy Phú Lương, Đại đội trưởng Tiểu đoàn Tự vệ Công ti xây lắp – Luyện kim, Trợ lý Tham mưu trung đoàn 750, Chỉ huy phó Động viên Ban chỉ huy quân sự huyện Phú Lương, cán bộ thuộc Đoàn An dưỡng 159; nghỉ hưu năm 1988, cấp bậc Đại úy; đã được tặng thưởng: 1 Huân chương Chiến công hạng ba, 3 Huân chương Chiến sĩ vẻ vang các hạng nhất, nhì, ba, 2 Huân chương Chiến sĩ giải phóng hạng nhì, ba.



43 - Đồng chí Ma Quốc Việt, chỉ huy phó Động viên Ban chỉ huy quân sự huyện Phú Lương từ năm 1986 đến năm 1987. **Đồng chí Ma Quốc Việt** sinh năm 1953; quê quán, trú quán xã Yên Hân, huyện Chợ Mới, tỉnh Bắc Kạn; nhập ngũ tháng 8-1971, đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam tháng 1-1980; nguyên chiến sĩ, Tiểu đội trưởng thuộc Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Cao Lạng, Trợ lý Tham mưu và Chỉ huy phó Động viên Ban chỉ huy quân sự huyện Phú Lương; nghỉ bệnh binh năm 1987, cấp bậc Đại úy; đã được tặng thưởng: 3 Huân chương Chiến sĩ vẻ vang các hạng nhất, nhì, ba.



44 - Đồng chí Quách Nghiệp, Chỉ huy phó Chính trị Ban chỉ huy quân sự huyện Phú Lương từ tháng 8-1988 đến tháng 8-1990; **Đồng chí Quách Nghiệp** sinh năm 1950; quê quán, trú quán: xã Phấn Mễ, huyện Phú Lương tỉnh Thái Nguyên; nhập ngũ tháng 2-1968; đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam từ tháng 4-1974; nguyên chiến sĩ, Trung đội trưởng, Chính trị viên phó và Chính trị viên Đại đội, Tiểu đoàn phó Chính trị, Trợ lý Tổ chức Phòng Chính trị thuộc Sư đoàn 5; Trợ lý Phòng Tổ chức,

Cục Chính trị Mặt trận 479; Phó Chủ nhiệm Chính trị Trường Quân sự tỉnh Bắc Thái, Chỉ huy phó Chính trị Ban chỉ huy quân sự huyện Phú Lương; nghỉ hưu năm 1991, cấp bậc Trung tá; đã được tặng thưởng: 1 Huân chương Chiến công hạng nhì, 1 Huân chương Campuchia hạng nhất, 1 Huân chương Kháng chiến hạng ba, 2 Huân chương Chiến sĩ vẻ vang các hạng nhì, ba.



45 - Đồng chí Lương Mạnh Kim, Chỉ huy phó – Tham mưu trưởng Ban chỉ huy quân sự huyện Phú Lương từ tháng 4-1987 đến tháng 7-1989. **Đồng chí Lương Mạnh Kim** sinh năm 1948; quê quán, trú quán: xã Động Đạt, huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên; nhập ngũ tháng 11-1966; đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam từ tháng 3-1971; nguyên chiến sĩ Đoàn 250; Tiểu đội trưởng, Trung đội trưởng, Đại đội phó, Đại đội trưởng thuộc Sư đoàn 968 (Quân khu 5); Trợ lý Quân lực, Phó ban Quân lực Sư đoàn 348 (Quân khu 4), Phó ban Dân quân tự vệ Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Bắc Thái, Chỉ huy phó – Tham mưu trưởng Ban chỉ huy quân sự huyện Phú Lương; từ trần năm 1990; cấp bậc Thiếu tá; đã được tặng thưởng: 1 Huân chương Kháng chiến hạng nhất, 3 Huân chương Chiến sĩ vẻ vang các hạng nhất, nhì, ba, 3 Huân chương Chiến sĩ Giải phóng hạng nhất, nhì, ba.



46 - Đồng chí Dương Công Định, Chỉ huy phó Động viên Ban chỉ huy quân sự huyện Phú Lương từ năm 1987 đến năm 1990. **Đồng chí Dương Công Định** sinh năm 1955; quê xã Minh Tiến, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên; nhập ngũ tháng 2-1975, đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam từ tháng 12-1979; nguyên chiến sĩ, Tiểu đội trưởng, Trung đội trưởng, Quản trị trưởng, trợ lý Quân lực trung đoàn thuộc Quân đoàn 26; Trợ lý cán bộ Trường Đảng Quân khu I, Chỉ huy phó Động viên Ban chỉ huy quân sự huyện Phú Lương, cán bộ tăng cường cơ sở Ban chỉ huy quân sự các huyện Đại Từ, Võ Nhai; nghỉ hưu năm 2000, cấp bậc Thiếu tá; đã được tặng thưởng: 2 Huân chương chiến công hạng nhất, ba, 3 Huân chương Chiến sĩ vẻ vang các hạng nhất, nhì, ba.



47 - Đồng chí Ma Công Như, Chỉ huy phó Chính trị Ban chỉ huy quân sự huyện Phú Lương từ tháng 8-1990 đến tháng 7-1993. **Đồng chí Ma Công Như,** sinh năm 1954; quê xã Lam Vĩ, trú quán thị trấn Chợ Chu (huyện Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên); nhập ngũ tháng 12-1971, đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam từ tháng 6-1979; nguyên chiến sĩ các Sư đoàn 304, 316; Trợ lý Tuyên huấn Sư đoàn 356, Trưởng ban Tuyên huấn Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Bắc Thái, Chỉ huy phó Chính trị

Ban chỉ huy quân sự các huyện Võ Nhai, Phú Lương.; Chỉ huy phó Ban chỉ huy quân sự huyện Định Hóa; nghỉ hưu năm 2002, cấp bậc thượng tá; đã được tặng thưởng: 1 Huân chương Chiến công hạng nhì, 1 Huy chương Kháng chiến, 3 Huân chương Chiến sĩ vẻ vang các hạng nhất, nhì, ba, Huy chương Quân kỳ Quyết thắng.



48 - Đồng chí Nguyễn Văn Hồng, Chỉ huy phó – Tham mưu trưởng Ban chỉ huy quân sự huyện Phú Lương từ tháng 7-1989 đến tháng 9-2000. **Đồng chí Nguyễn Văn Hồng** sinh năm 1953; quê quán, trú quán: xã Hùng Sơn, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên; nhập ngũ tháng 5-1972, đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam từ tháng 6-1975; nguyên: chiến sĩ Quân khu Việt Bắc; Tiểu đội trưởng thuộc Quân khu Trị Thiên; cán bộ Thanh tra huyện Hương Điền, tỉnh Bình Trị Thiên; Đại đội trưởng thuộc Sư đoàn 327 (Quân đoàn 14), Trợ lý Dân quân Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Bắc Thái, Chỉ huy phó – Tham mưu trưởng Ban chỉ huy quân sự huyện Phú Lương; nghỉ hưu tháng 10-2000, cấp bậc Thượng tá; đã được tặng thưởng: 1 Huân chương Chiến công hạng ba, 3 Huân chương Chiến sĩ vẻ vang các hạng nhất, nhì, ba; Huy chương Quân kỳ Quyết thắng.



49 - Đồng chí Trương Minh Tú, Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy quân sự huyện Phú Lương từ tháng 12-1990 đến tháng 9-2001. **Đồng chí Trương Minh Tú** sinh năm 1953; quê xã Nghĩa Thịnh, huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định; trú quán phường Tân Long, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên; nhập ngũ tháng 8-1971; đảng viên Đảng Cộng sản Việt

Nam từ tháng 4-1974; chiến sĩ Đoàn 304B và Quân khu 5; Trợ lý Phòng Cao xạ, Tiểu đoàn phó, Tiểu đoàn trưởng thuộc Quân khu 2, Phó Chủ nhiệm và Chủ nhiệm phòng không Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Bắc Thái, Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy quân sự huyện Phú Lương, Hiệu trưởng Trường Quân sự tỉnh Thái Nguyên; hiện nay (2006) là Tham mưu phó Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Thái Nguyên, cấp bậc Đại tá; đã được tặng thưởng: 2 Huân chương Chiến công hạng nhất, ba, 1 Huy chương Kháng chiến hạng nhì, 3 Huân chương Chiến sĩ vẻ vang các hạng nhất, nhì, ba, Huy chương Quân kỳ Quyết thắng.



50 - Đồng chí Nguyễn Văn Tuấn, Chỉ huy phó Chính trị Ban chỉ huy quân sự huyện Phú Lương từ năm 1993 đến năm 1996; **Đồng chí Nguyễn Văn Tuấn,** sinh năm 1951; quê xã Mai Đình, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang; trú quán: phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên; đảng

viên Đảng Cộng sản Việt Nam tháng 11-1971; nhập ngũ tháng 6-1970; nguyên chiến sĩ Đoàn 470 và Trường Văn hóa Quân đội, cán bộ xây dựng cơ sở thuộc Quân khu 9, cán bộ khung Trường Sĩ quan Chính trị, Tiểu đoàn phó Chính trị thuộc Bộ Tư lệnh Hóa học, Trưởng ban Thanh niên Quân đoàn 14, giáo viên Trường Quân sự tỉnh Bắc Thái, Chỉ huy phó Chính trị Ban chỉ huy quân sự huyện Phú Lương, Hiệu phó Chính trị Trường Quân sự tỉnh Bắc Kạn; nghỉ hưu năm 2002, cấp bậc Đại tá; đã được tặng thưởng: 1 Huy chương Kháng chiến hạng nhì, 3 Huân chương Chiến sĩ vẻ vang các hạng nhất, nhì, ba, 1 Huân chương Chiến sĩ Giải phóng hạng ba.

51 - Đồng chí Nguyễn Văn Nam, Chỉ huy phó Động viên Ban chỉ huy quân sự huyện Phú Lương từ tháng 4-1995 đến năm 2004; **Đồng chí Nguyễn Văn**



Nam sinh năm 1956; quê xã Gia Xuyên, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương; trú quán: thị trấn Đu, huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên; đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam từ tháng 1-1981; nhập ngũ tháng 10-1974; nguyên: chiến sĩ Đoàn 559 và Quân khu 9, học viên Trường Sĩ quan Lục quân I, Trung đội trưởng, Trợ lý, Phó ban, Trưởng ban Phòng Quân lực thuộc Quân đoàn 26; Trưởng ban Quân lực Sư đoàn 346; Chỉ huy phó Động viên Ban chỉ huy quân sự huyện Phú Lương; nghỉ hưu năm 2005; cấp bậc Thượng tá; đã được tặng thưởng: 1 Huân chương Chiến công hạng nhì, 3 Huân chương Chiến sĩ vẻ vang các hạng nhất, nhì, ba.



52 - Đồng chí Hoàng Mạnh Quân, Chỉ huy phó Chính trị Ban chỉ huy quân sự huyện Phú Lương từ tháng 12-1996 đến tháng 4-2005; **Đồng chí Hoàng Mạnh Quân** sinh năm 1959; quê quán, trú quán: xã Cổ Lũng, huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên; đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam tháng 7-1980; nhập ngũ tháng 5-1978; nguyên Chiến sĩ, Tiểu

đội trưởng, Đại đội phó Chính trị, Bí thư Đoàn cơ sở Trung đoàn, Tiểu đoàn phó Chính trị, Trợ lý Chính trị và Chỉ huy phó Chính trị Ban chỉ huy quân sự huyện Phú Lương; từ tháng 5-2005 là Phó Chủ nhiệm Chính trị Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Thái Nguyên, cấp bậc Thượng tá; đã được tặng thưởng: 2 Huân chương Chiến công (hạng nhất, nhì), 3 Huân chương Chiến sĩ vẻ vang các hạng nhất, nhì, ba, Huy chương Quân kỳ Quyết thắng.



53- Đồng chí Nguyễn Văn Oanh, Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy quân sự huyện Phú Lương từ tháng 10-2001 đến tháng 2-2003; sinh năm 1957; quê xã Văn Môn, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh; trú quán xã Đồng Tiến, huyện Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên; nhập ngũ tháng 2-1975; đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam tháng 7-1981.



54 - Đồng chí Triệu Hạnh Kiểm, Chỉ huy phó – Tham mưu trưởng Ban chỉ huy quân sự huyện Phú Lương từ tháng 10-2001 đến tháng 4-2005; sinh năm 1955; quê xã Dân Chủ, huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng; trú quán xã Hà Thượng, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên; nhập ngũ tháng 8-1976; đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam tháng 5-1980.



55 - Đồng chí Lê Đức Ân, Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy quân sự huyện Phú Lương từ tháng 3-2003; sinh năm 1960; quê xã Hoàng Long, huyện Phú Xuyên, tỉnh Hà Tây; trú quán xã Cổ Lũng, huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên; nhập ngũ tháng 6-1979; đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam tháng 9-1984.



56 - Đồng chí Dương Văn Hà,
Chỉ huy phó Chính trị Ban chỉ huy
quân sự huyện Phú Lương từ tháng 5-
2005 đến tháng 5 năm 2006; sinh năm
1963; quê quán, trú quán xã Tích
Lương, thành phố Thái Nguyên, tỉnh
Thái Nguyên, nhập ngũ tháng 9-1983,
đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam từ
tháng 7-1986.



57 - Đồng chí Dương Tiến Được,
Chỉ huy phó Động viên Ban chỉ huy
quân sự huyện Phú Lương từ tháng 5-
2005; sinh năm 1961; quê quán, trú
quán: xã Yên Đỗ, huyện Phú Lương,
tỉnh Thái Nguyên; nhập ngũ tháng 2-
1982; đảng viên Đảng Cộng sản Việt
Nam tháng 12-1984.





58 – Đồng chí Trịnh Minh Hùng, Chỉ huy phó – Tham mưu trưởng Ban chỉ huy quân sự huyện Phú Lương từ tháng 5-2005; sinh năm 1963; quê xã An Lăng, huyện Thường Tín, tỉnh Hà Tây; trú quán: phường Tân Long, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên, nhập ngũ tháng 2-1982, đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam tháng 6-1986.



59 - Đồng chí Trần Đức Toàn, Chính trị viên Ban chỉ huy quân sự huyện Phú Lương từ tháng 6-2006; sinh năm 1967; quê quán, trú quán: thị trấn Giang Tiên, huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên; đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam tháng 10-1988, nhập ngũ tháng 9-1985.



60 - Đồng chí Nguyễn Văn Sáu, Chính trị viên phó Ban chỉ huy quân sự huyện Phú Lương từ tháng 9-2006; sinh năm 1960; quê quán, trú quán: xã Cổ Lũng, huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên; nhập ngũ tháng 2-1979, đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam tháng 5-1984.

B – CÁC ĐỒNG CHÍ BÍ THƯ ĐẢNG ỦY QUÂN SỰ HUYỆN 1994-2007.



1 - Đồng chí Lê Văn Văn, nguyên Bí thư Đảng ủy Quân sự huyện Phú Lương từ tháng 5 đến tháng 10-1994; **Đồng chí Lê Văn Văn** sinh năm 1946; quê quán xã Hà Thanh, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương; trú quán phường Đồng Quang, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên; đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam từ ngày 26-3-1969; nguyên Phó Trưởng ban Nông nghiệp, Phó Trưởng ban Kinh tế Tỉnh ủy Bắc Thái; nguyên Tỉnh ủy viên Tỉnh ủy Bắc Thái, Bí thư Huyện ủy Phú Lương; nguyên Giám đốc Sở Địa Chính tỉnh Bắc Thái, Thái Nguyên; Giám đốc Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh Thái Nguyên; nghỉ hưu từ tháng 9-2000.



2 – Đồng chí Đoàn Đình Thế, Bí thư Đảng ủy Quân sự huyện Phú Lương từ tháng 10-1994 đến tháng 7-2000; **Đồng chí Đoàn Đình Thế** sinh năm 1942; quê xã Nguyên Úy, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam; trú quán; thị trấn Giang Tiên, huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên; đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam từ tháng 8-1972 tham gia cách mạng tháng 8-1965, nhập ngũ tháng 1-1972, xuất ngũ tháng 10-1973; nguyên chiến sĩ Sư đoàn 304, cán bộ kỹ thuật Sở Nông nghiệp tỉnh Bắc Thái; Phó Chủ nhiệm Ủy ban Nông nghiệp, Trưởng phòng Kế hoạch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, Chủ tịch Hội đồng nhân

dân huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, Bí thư Huyện ủy, Bí thư Đảng ủy Quân sự huyện Phú Lương; đã được tặng thưởng: 1 Huân chương Kháng chiến hạng ba.



3 - Đồng chí Đỗ Mạnh Hùng, Bí thư Đảng ủy Quân sự huyện Phú Lương từ tháng 8-2000 đến năm 2004; **Đồng chí Đỗ Mạnh Hùng**, sinh năm 1958; quê xã Liên Khê, huyện Châu Giang, tỉnh Hưng Yên; trú quán phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên; tham gia cách mạng tháng 12-1979; đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam tháng 10-1984; nguyên giáo viên Trường Sư phạm Bắc Thái; Phó ban, Trưởng ban Trường học, Chánh văn phòng, Phó bí thư, Bí thư Tỉnh đoàn Bắc Thái, Giám đốc Đài phát thanh – truyền hình tỉnh Thái Nguyên, Tỉnh ủy viên, Bí thư Huyện ủy, Bí thư Đảng ủy Quân sự huyện Phú Lương; Bí thư Đảng ủy cơ quan Dân, Chính, Đảng tỉnh Thái Nguyên; hiện nay (năm 2006) là Hiệu trưởng Trường Chính trị tỉnh Thái Nguyên.



4 - Đồng chí Nguyễn Thế Đề, Bí thư Đảng ủy Quân sự huyện Phú Lương từ tháng 1-2005; sinh năm 1956; quê xã Phú Lý, huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên; trú quán: phường Hoàng Văn Thụ, thành phố Thái Nguyên; tham gia cách mạng tháng 1-1977; đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam tháng 9-1978.

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
- Lời giới thiệu	3
- <i>Chương I:</i> Huyện Phú Lương: Quê hương, con người và truyền thống đấu tranh vũ trang	7
- <i>Chương II:</i> Quân và dân huyện Phú Lương kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (1945-1954)	25
- <i>Chương III:</i> Quân và dân huyện Phú Lương kháng chiến chống đế quốc Mĩ xâm lược 1954-1975	124
- <i>Chương IV:</i> Lực lượng vũ trang nhân dân huyện Phú Lương trong những năm đầu đất nước thống nhất, cùng cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội (1975 - 1986)	237
- <i>Chương V:</i> Lực lượng vũ trang nhân dân huyện Phú Lương tham gia công cuộc đổi mới, công nghiệp hoá và hiện đại hoá đất nước trên địa bàn huyện (1987-2000).	283
- Kết luận	358

MỤC LỤC

Trang

- Lời giới thiệu	1
- Chương I: Huyện Phú Lương: Quê hương, con người và truyền thống dân anh vũ	2
- Chương II: Quân và dân huyện Phú Lương kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (1945-1954)	32
- Chương III: Quân và dân huyện Phú Lương kháng chiến chống đế quốc Mỹ xâm lược 1954-1975	131
- Chương IV: Lực lượng vũ trang nhân dân huyện Phú Lương trong những năm đầu nước thống nhất cũng cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội (1975 - 1986)	204
- Chương V: Lực lượng vũ trang nhân dân huyện Phú Lương tham gia công cuộc đổi mới, công nghiệp hóa và hiện đại hóa đất nước trên địa bàn huyện (1987-2000)	217
- Kết luận	228

In 400 cuốn khổ 14,5 x 20,5 cm Tại Công ty cổ phần in Thái Nguyên. Giấy phép xuất bản số 71/GPSVHTT Thái Nguyên cấp ngày 24/10/2007. In xong và nộp lưu chiểu tháng 12 năm 2007.